

Chỉ đạo nội dung
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY CAO BẰNG

I. GIAI ĐOẠN 1930-1975

Chỉ đạo biên soạn, chủ biên:

NÔNG HẢI PÍN Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Biên soạn

TRẦN VĂN PHƯƠNG

DƯƠNG THỊ DUNG

TRẦN VĂN TRẦN

II. GIAI ĐOẠN 1976-2000

Chỉ đạo biên soạn

NGUYỄN THỊ AN Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Biên soạn

DƯƠNG THỊ DUNG

TRẦN VĂN TRẦN

III. GIAI ĐOẠN 1930-2020

(kế thừa, chỉnh lý, bổ sung và biên soạn mới)

Chỉ đạo biên soạn

TRIỆU ĐÌNH LÊ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy

NGUYỄN THÚY ANH Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

NGUYỄN BÍCH NGỌC Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

HÀ NGỌC GIÁP Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy

HOÀNG TỐ QUYẾN Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính

ĐOÀN TRỌNG HÙNG Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy

BẾ DŨNG Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Biên soạn

NGUYỄN THÚY ANH Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

NÔNG HẢI PÍN Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ, nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

BẾ DŨNG Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

TRỊNH PHƯƠNG Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

LÊ CHÍ THANH Nguyên Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

ĐÌNH NGỌC VIỆN Nguyên Trưởng phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

TRIỆU THỊ THU TRANG Trưởng phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

NÔNG THỊ LIỄU Chuyên viên phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cao Bằng là tỉnh miền núi biên giới, phía nam giáp tỉnh Lạng Sơn và Bắc Kạn, phía tây giáp tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang; hai mặt bắc và đông bắc giáp Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Ngay từ ngày đầu dựng nước, Cao Bằng đã là “phên giậu” vững chắc của cả nước; và từ đó đến nay luôn được coi là tỉnh giữ vị trí trọng yếu nơi biên cương của Tổ quốc.

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời thì đến ngày 01/4/1930 Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Cao Bằng được thành lập, đảm nhiệm sứ mệnh lãnh đạo nhân dân trong tỉnh đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do. Đặc biệt, đầu năm 1941, Cao Bằng vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn làm căn cứ địa cách mạng đầu tiên của cả nước, và từ đây phong trào cách mạng diễn ra sôi nổi khắp nơi. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945 và giành thắng lợi vang dội.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ tỉnh luôn nắm vững quan điểm cách mạng tiến công, không ngừng xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Phát huy truyền thống quý báu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới, Đảng bộ và

nhân dân Cao Bằng đã quán triệt, triển khai nghiêm túc, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương, đạt được những thành tựu hết sức quan trọng trên các lĩnh vực. Những thành tựu và kinh nghiệm tích lũy trong 90 năm qua cùng với truyền thống đoàn kết, sáng tạo đã trở thành hành trang quý báu để Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng vững bước trên con đường tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước và hội nhập quốc tế.

Để lưu lại những trang sử vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng; đồng thời góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ của tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2020)***.

Cuốn sách tái hiện quá trình xây dựng, chiến đấu gian khổ, đầy hy sinh nhưng rất vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng trong quá trình phát triển của cách mạng qua các thời kỳ, đặc biệt là trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược; trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, cùng cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; trong phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình sưu tầm tư liệu, bổ sung, chỉnh lý và biên tập, song cuốn sách khó tránh khỏi còn thiếu sót. Ban Chỉ đạo biên soạn, Ban biên soạn và Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 8 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

90 năm qua, dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã nỗ lực cùng cả nước thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc.

Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, chỉ trong thời gian ngắn, tổ chức đảng ở Cao Bằng đã được thành lập, đảm nhiệm sứ mệnh lãnh đạo nhân dân trong tỉnh đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng ở Cao Bằng diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ. Sau 30 năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài, ngày 28/01/1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Cao Bằng vinh dự được Người chọn làm căn cứ địa cách mạng đầu tiên của cả nước, nơi thành lập Mặt trận Việt Minh, khai sinh Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Từ Cao Bằng, phong trào cách mạng lan rộng đến các tỉnh Việt Bắc, tạo ra thế và lực, chớp thời cơ để tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, Cao Bằng đã hình thành đội quân Nam tiến, bao gồm những người con ưu

tú nhanh chóng lên đường vào Nam, sát cánh cùng nhân dân Nam Bộ quyết tâm chiến đấu với tinh thần quả cảm “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Cao Bằng đã góp phần quan trọng vào chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn đánh nhanh, thắng nhanh, hòng bao vây tiêu diệt cơ quan đầu não của ta. Cũng tại Cao Bằng đã diễn ra Chiến dịch Biên giới tháng 10/1950 mà Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp ra trận, đã làm nên chiến thắng to lớn, mở rộng vùng giải phóng Việt Bắc nối liền biên giới nước bạn, thông thương đến các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến thắng Biên giới đã mở ra những tiền đề, điều kiện thuận lợi, để dân tộc ta làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến của dân tộc; chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Suốt quá trình đó, Cao Bằng đã huy động toàn bộ nguồn lực, đóng góp sức người, sức của, góp phần xứng đáng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Đó là thời kỳ lịch sử oanh liệt, vẻ vang, niềm tự hào của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Trong khôi phục, cải tạo xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã ra sức củng cố và phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống, xây dựng hậu phương vững mạnh để chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Bước vào thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ và Nhân dân Cao Bằng đã khắc phục khó khăn, vượt qua muôn vàn thử thách, không quản hy sinh, gian khổ và giành được những thành quả hết sức to lớn;

góp phần xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm hậu phương vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc; cùng cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Gần 35 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã đoàn kết đồng lòng, ra sức phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; thực hiện chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Những năm tháng ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, quân và dân toàn tỉnh tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của dân tộc. Chặng đường lịch sử oanh liệt và vẻ vang gắn liền với những hoạt động phong phú của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã hun đúc nên những truyền thống cách mạng quý báu trên quê hương Cao Bằng - nơi cội nguồn của cách mạng cả nước.

Trên cơ sở kế thừa cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2000)*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng, Ban chỉ đạo và Ban biên soạn đã dành nhiều thời gian tìm tòi, nghiên cứu tư liệu để chỉnh lý, bổ sung giai đoạn 1930-2000 và viết tiếp giai đoạn 2001-2020, để xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2020)*. Đây là tài liệu quý nhằm ôn lại truyền thống lịch sử oanh liệt, vẻ vang và những bài học, kinh nghiệm sâu sắc của Đảng bộ tỉnh suốt 90 năm xây dựng và trưởng thành. Qua đó, củng cố niềm tin vững chắc đối với các thế hệ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng bộ tỉnh Cao Bằng ra mắt cuốn sách vào dịp cả nước chào mừng kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2020); Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng phấn khởi kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh (01/4/1930 - 01/4/2020) và chuẩn bị tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng cùng Ban chỉ đạo, Ban biên soạn tuy đã có nhiều cố gắng và được các đồng chí lão thành cách mạng, các cán bộ chủ chốt của tỉnh qua các thời kỳ; các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương đã dành nhiều thời gian, tâm sức, đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho nội dung cuốn sách, nhưng các sự kiện lịch sử diễn ra đã gần một thế kỷ qua; nhiều tư liệu, tài liệu và nhân chứng không còn hoặc đã mất, do vậy, cuốn sách không tránh khỏi còn hạn chế, thiếu sót, rất mong bạn đọc tiếp tục cung cấp thêm tư liệu, đóng góp ý kiến xây dựng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng chân thành cảm ơn các cơ quan lưu trữ của Trung ương; Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; các tác giả ảnh đã nhiệt tình giúp đỡ, để Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng hoàn thành và xuất bản cuốn sách đúng vào dịp chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ
LẠI XUÂN MÔN

Chương mở đầu

KHÁI QUÁT VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI, TÌNH HÌNH CAO BẰNG

Cao Bằng là tỉnh miền núi biên giới, nằm ở phía đông bắc Việt Nam, có vị trí, tầm quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng đối với cả nước. Phía nam giáp tỉnh Lạng Sơn và Bắc Kạn, phía tây giáp tỉnh Hà Giang và tỉnh Tuyên Quang; hai mặt bắc và đông bắc giáp Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) với đường biên giới dài trên 333 km. Diện tích tự nhiên là 6.724,72 km², dân số hiện nay có 530.341 người, thuộc các thành phần dân tộc: Tày, Nùng, Kinh, Hoa, Mông, Dao, Lô Lô, Sán Chi¹...

Cao Bằng từ ngàn xưa đã được biết đến là một vùng đất cổ, có lịch sử lâu đời, giữ vị trí trọng yếu nơi biên cương của Tổ quốc. Ngay từ ngày đầu dựng nước, Cao Bằng đã là “phên giậu” vững chắc của cả nước. Các di chỉ khảo cổ, di tích được phát hiện ở các huyện Hòa An, Hà Quảng, Quảng Hòa... cùng huyền tích “Báo Luông - Slao Cải”² đã minh chứng cho sự

1. Theo Tổng điều tra dân số năm 2019.

2. “Báo Luông, Slao Cải” (hay “Pú Luông, Giả Cải”) là huyền thoại của người Tày, nói về cặp vợ chồng to lớn đã sinh ra 100 người con (một nửa là con trai và một nửa là con gái). Trong thuở khai thiên lập địa, Báo Luông và Slao Cải đi săn thú rừng gặp nhau đã cắt nghĩa một cách cụ thể, rõ ràng về sự hình thành con người và nghề nông, sự khởi đầu cuộc sống con người trên miền non nước Cao Bằng.

xuất hiện của người Việt cổ tại Cao Bằng từ thời tiền sử; nước Nam Cương và câu chuyện thần thoại “Cầu chúa cheng vua” (chín chúa tranh ngôi vua) đã cho thấy người thống nhất hai thành phần cư dân Lạc Việt và Tây Âu để lập nên nước Âu Lạc là Thục Phán An Dương Vương¹.

Địa danh Cao Bằng được ghi chép trong sử sách từ rất sớm. Sách *Dư địa chí* do Nguyễn Trãi biên soạn năm 1435 đã ghi: “Cao Bằng xưa là ngoại địa của bộ Vũ Định; đông bắc tiếp giáp Lương Quảng; tây nam tiếp giáp Thái Nguyên, Lạng Sơn. Có 1 lộ, 4 châu, 273 làng xã. Đây là nơi phen dậu thứ tư về phương Bắc vậy”.

Thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497), vào năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đã chia cả nước thành 12 đạo thừa

1. Theo truyền thuyết dân gian dân tộc Tày, từ thế kỷ III trước Công nguyên, vùng Cao Bằng đã hình thành một nước, có tên gọi là Nam Cương của cư dân Tây Âu, do Thục Chế rồi Thục Phán làm vua, đóng đô ở Nam Bình (nay là Cao Bình, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng). Nước Nam Cương của Thục Phán ngày càng trở nên cường thịnh. Lúc đó, nước láng giềng Văn Lang của vua Hùng suy yếu, lại đang đứng trước hoạ xâm lăng của nhà Tần, vua Hùng giao quyền chỉ huy kháng chiến chống Tần cho Thục Phán. Sau khi kháng chiến thắng lợi, Thục Phán được vua Hùng nhường ngôi, và Thục Phán đã sáp nhập hai vùng lãnh thổ thành lập nước Âu Lạc, hiệu là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội). Hiện nay, ở Đền Hùng còn có di tích ghi lại sự kiện này, đó là “cột đá thề” ghi dấu tích về Thục Phán sau khi được vua Hùng truyền ngôi đã thề: “Noi gương các vua Hùng quyết giữ vững cơ đồ Hùng - Thục”. Như vậy, có thể khẳng định, mặc dù là truyền thuyết nhưng qua hạt nhân lịch sử của nó có thể thấy rõ nội dung cốt lõi là: Ngay từ đầu lập quốc, vùng đất Cao Bằng đã là một trung tâm chính trị, xã hội, văn hóa của tộc người Việt - Tày cổ.

tuyên¹; Cao Bằng lúc đó gọi là phủ Bắc Bình thuộc thừa tuyên Thái Nguyên. Theo *Bản đồ Hồng Đức* năm 1490 thì phủ Cao Bằng vẫn thuộc thừa tuyên Thái Nguyên, có 4 châu, gồm: Châu Thượng Lang, châu Hạ Lang, châu Thạch Lâm, châu Quảng Uyên².

Dưới triều vua Lê Hiến Tông (1498-1504), nhận thấy vị trí đặc biệt quan trọng của miền đất Cao Bằng đối với việc bảo vệ lãnh thổ quốc gia Đại Việt ở dải biên cương phía Bắc, năm Cảnh Thống thứ 2 (1499), nhà Lê quyết định tách phủ Cao Bằng ra khỏi Thừa tuyên Thái Nguyên đặt thành trấn Cao Bằng. Từ thời điểm này, Cao Bằng trở thành một đơn vị hành chính độc lập, trực thuộc chính quyền Trung ương. Theo *Phương Đình địa chí* và *Đại Việt địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu “Năm Cảnh Thống thứ 2 mới đặt riêng làm trấn Cao Bằng”³; khi mới thành lập, Cao Bằng gồm 1 phủ, 4 châu: phủ Cao Bình, châu Thái Nguyên (Thạch Lâm), châu Lộng Nguyên, châu Thượng Lang, châu Hạ Lang. Trấn lỵ đặt tại Hòa An.

1. Mười hai đạo thừa tuyên bao gồm: Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn.

2. *Bản đồ Hồng Đức*, Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn năm 1962. Trước đó, năm Quang Thuận thứ 10 (1469), vua Lê Thánh Tông cho định bản đồ của 12 thừa tuyên trong nước, tổng cộng có 49 phủ, 163 huyện, 50 châu; Thừa tuyên Thái Nguyên được đổi thành Thừa tuyên Ninh Sóc. Năm Hồng Đức thứ 3 (1472), vua Lê Thánh Tông đặt thêm Thừa tuyên Quảng Nam, nước ta khi đó gồm 13 thừa tuyên. Phủ Cao Bằng thuộc Thừa tuyên Ninh Sóc, có 4 châu: Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm và Quảng Uyên. Năm Hồng Đức thứ 4 (1473), Thừa tuyên Ninh Sóc được đổi trở lại là Thừa tuyên Thái Nguyên, phủ Bắc Bình đổi tên thành phủ Cao Bằng vẫn trực thuộc Thừa tuyên Thái Nguyên.

3. Nguyễn Văn Siêu: *Đại Việt địa dư toàn biên*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1997, tr.447.

Như vậy từ năm 1499, Cao Bằng được tách khỏi Thái Nguyên thành lập một trấn riêng. Từ khi tách ra, Cao Bằng có bộ máy riêng để quản lý lãnh thổ, bộ máy đó chịu sự quản lý, điều hành của chính quyền nhà nước Trung ương (triều đình - nhà vua), bình đẳng với các trấn khác. Bộ máy của trấn Cao Bằng khá hoàn chỉnh gồm 3 ty: Đô tổng binh sứ ty (Đô ty); Thừa chính sứ ty (Thừa ty); Hiến sát sứ ty (Hiến ty). Đây cũng là bộ máy tổ chức ở mỗi đạo thừa tuyên lúc đó. Việc tổ chức trọn vẹn ba ty: Đô ty, Thừa ty, Hiến ty ở trấn Cao Bằng với chức năng của từng ty đã chứng tỏ và khẳng định bộ máy quyền lực của Nhà nước đã phát triển, quyền lực đó đã được tăng cường ở các địa phương. Việc thành lập trấn Cao Bằng năm 1499 là sự kiện có ý nghĩa lịch sử vô cùng to lớn. Lần đầu tiên trong lịch sử, trấn Cao Bằng xuất hiện. Đó là một sự kiện quan trọng, một bước ngoặt trong tiến trình lịch sử Cao Bằng, chứng tỏ vùng đất này đã phát triển đủ điều kiện và cần thiết trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền Trung ương.

Thời nhà Mạc (1592-1677) lên đóng đô ở Cao Bằng, đặt hiệu là Càn Thống, quản lý cả các vùng Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn. “Đến năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677), nhà Mạc mất, nhà Lê lại đặt lại trấn Cao Bằng”¹. Thời vua Lê Hy Tông (1676-1705), Cao Bằng được đặt làm trọng trấn, gồm phủ Cao Bằng và 4 châu: Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang.

Dưới thời Tây Sơn (1789-1802), Cao Bằng vẫn gồm một phủ và bốn châu. Năm 1789, sau khi đánh đuổi 29 vạn quân Thanh, vua Quang Trung - Nguyễn Huệ tiến hành chấn

1. Nguyễn Văn Siêu: *Đại Việt địa dư toàn biên*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1997, tr.447.

chỉnh lại hệ thống hành chính, thay đổi tên gọi. Để tránh tên húy của vua Quang Trung là Nguyễn Quang Bình, các vùng đất có tên là Bình đều phải đổi tên, từ đó trấn Cao Bình đổi thành Cao Bằng. Vào đầu triều Nguyễn đặt lại tên cũ là Cao Bình. Sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi rõ: “Đời Tây Sơn gọi là Cao Bằng; bản triều đầu đời Gia Long vẫn theo như thế, đặt các chức trấn thủ, hiệp trấn và tham trấn; năm Minh Mệnh thứ 7 (1826), đổi tên thành phủ Trùng Khánh; năm thứ 12 (1831), đổi trấn làm tỉnh, đặt hai Ty Bố chính và Án sát thuộc tuần phủ Lạng - Bằng kiêm lãnh, bỏ thổ ty mà đặt thổ tri châu”.

Thời nhà Nguyễn, theo sách *Tên làng xã Việt Nam đến đầu thế kỷ XIX* là một bộ địa danh hành chính đời Gia Long (1802-1820), trấn Cao Bằng gồm 4 châu (Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang), 27 tổng, 233 xã, thôn, phường, phố, trại, động. Xứ này có 7 họ người Mán, 6 khu lũng của người Nùng nội trại và ngoại trại gồm 79 trại, động, phố.

Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), tiến hành cải cách hành chính từ Trung ương đến địa phương, đổi trấn thành tỉnh. Nhà vua quyết định: “Chia địa hạt các tỉnh... Cao Bằng thống trị một phủ là Trùng Khánh; 4 châu là Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang và Thạch Lâm”. Đến tháng 3/1834, nhà Nguyễn đổi các châu Thạch Lâm, Thượng Lang, Quảng Uyên thuộc Cao Bằng làm huyện. Đặt tri huyện và giáo chức, tháng 5 năm đó lại đổi tiếp châu Hạ Lang thành huyện.

Tháng 6 nhuận năm 1835, triều đình nhà Nguyễn cho rằng Cao Bằng chỉ có một phủ và 5 huyện, đất đai khá rộng, nên quyết định đặt thêm phủ để chia sẻ bớt công việc. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), lập thêm phủ Hòa An; chia huyện Thạch Lâm thành hai huyện Thạch Lâm và Thạch An, thuộc phủ Hòa An; bỏ chế độ thổ quan, đặt chế độ lưu quan.

Năm Tự Đức thứ tư (1851), triều đình lại bỏ phủ Hòa An, tỉnh Cao Bằng chỉ còn một phủ Trùng Khánh gồm 5 huyện: Thạch Lâm, Thạch An, Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (năm 1858) và xâm chiếm Cao Bằng (năm 1886), nhà Nguyễn vẫn duy trì bộ máy chính quyền để quản lý vùng biên và tích cực thực hiện chính sách lưu quan. Sau đó, thực dân Pháp cai trị Cao Bằng theo chế độ quân quản. Năm 1888, Cao Bằng là một khu; đến năm 1891, thực dân Pháp bỏ các quân khu và thiết lập đạo quan binh, Cao Bằng trở thành tiểu quân khu thuộc Đạo quan binh 2, gồm 3 tiểu quân khu: Cao Bằng, Bảo Lạc, Bắc Kạn, lý sở đạo lý đặt tại thị xã Cao Bằng.

Từ năm 1886 đến năm 1945, tên gọi, địa giới các đơn vị hành chính tỉnh Cao Bằng có sự thay đổi. Cuối thế kỷ XIX, Cao Bằng có phủ Trùng Khánh (gồm 3 châu: Thượng Lang, Hạ Lang, Quảng Uyên), phủ Hòa An (gồm 3 châu: Thạch Lâm, Thạch An, Nguyên Bình). Năm 1926, Cao Bằng là: “Đạo quan binh thứ nhì” gồm 1 phủ (Hòa An), 7 châu: Hà Quảng, Thạch An, Nguyên Bình, Phục Hòa, Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang gồm 31 tổng và 222 xã. Theo cuốn “Danh mục các làng, xã Bắc Kỳ”, năm 1928 tỉnh Cao Bằng gồm 1 phủ, 8 châu, 33 tổng, 230 xã. Đó là phủ Hòa An, châu Bảo Lạc, Hà Quảng, Hạ Lang, Nguyên Bình, Phục Hòa, Quảng Uyên, Thạch An và Thượng Lang.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tỉnh Cao Bằng chia ra thành các phủ, châu: Hòa An, Trùng Khánh, Hà Quảng, Quảng Uyên, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thạch An, Phục Hòa, Hạ Lang, Trấn Biên¹.

1. Năm 1942, thực dân Pháp tách tổng Trà Lĩnh khỏi phủ Trùng Khánh, lập thành châu Trấn Biên.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, năm 1948, Chính phủ quyết định bãi bỏ cấp tổng, phủ, đạo, châu; cấp trên cấp xã và dưới cấp tỉnh gọi chung là huyện. Cao Bằng lúc đó gồm 11 đơn vị hành chính cấp huyện, thị gồm: thị xã Cao Bằng và các huyện Hòa An, Hà Quảng, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thạch An, Phục Hoà, Hạ Lang, Quảng Uyên, Trùng Khánh, Trấn Biên.

Ngày 03/10/1950, Cao Bằng hoàn toàn được giải phóng khỏi ách thống trị của thực dân Pháp.

Ngày 01/7/1956, Cao Bằng cùng các tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang hợp thành Khu tự trị Việt Bắc.

Ngày 27/12/1975, Quốc hội khoá V, kỳ họp thứ 2 quyết nghị bỏ cấp khu trong hệ thống các đơn vị hành chính; quyết định hợp nhất Cao Bằng và Lạng Sơn thành một tỉnh là Cao Lạng, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Cao Bằng. Diện tích tỉnh Cao Lạng là: 13.691,25 km²; gồm 20 huyện, thị, trong đó có 2 thị xã, 402 xã, phường. Đường biên giới giáp Trung Quốc dài 513 km với 242 cột mốc.

Ngày 29/12/1978, Quốc hội khoá VI, kỳ họp thứ 4 quyết nghị chia tỉnh Cao Lạng thành 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Sáp nhập 2 huyện Ngân Sơn và Chợ Rã (sau đó huyện Chợ Rã được gọi là huyện Ba Bể) của tỉnh Bắc Thái vào tỉnh Cao Bằng.

Ngày 06/11/1996, Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 10 phê chuẩn tách 2 huyện Ngân Sơn, Ba Bể của tỉnh Cao Bằng về tỉnh Bắc Kạn. Tỉnh Cao Bằng thời điểm này gồm 11 đơn vị hành chính cấp huyện, thị (1 thị xã, 10 huyện) và 189 xã, phường, thị trấn.

Ngày 13/12/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 183/2007/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập một số xã và thị trấn thuộc tỉnh Cao Bằng. Sau

nhiều lần điều chỉnh, đến năm 2007, tỉnh Cao Bằng có 13 đơn vị hành chính cấp huyện với 199 xã, phường, thị trấn, trong đó có 46 xã, thị trấn biên giới.

Ngày 18/10/2010, thị xã Cao Bằng được công nhận là đô thị loại III theo Quyết định số 926/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng. Ngày 25/9/2012, thành lập thành phố Cao Bằng thuộc tỉnh Cao Bằng theo Nghị quyết số 60/NQ-CP của Chính phủ.

Năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV ban hành các nghị quyết¹ về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng; trong đó: sáp nhập huyện Thông Nông vào huyện Hà Quảng, lấy tên là huyện Hà Quảng; sáp nhập huyện Trà Lĩnh vào huyện Trùng Khánh, lấy tên là huyện Trùng Khánh; sáp nhập huyện Phục Hòa và huyện Quảng Uyên, lấy tên là huyện Quảng Hòa. Hiện nay, Cao Bằng có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 9 huyện và một thành phố, đó là các huyện: Trùng Khánh, Quảng Hòa, Hạ Lang, Thạch An, Hòa An, Hà Quảng, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình và thành phố Cao Bằng².

1. Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14 ngày 09/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 897/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và đổi tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng.

2. Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện: Ngày 20/3/1958, huyện Trấn Biên được đổi tên thành huyện Trà Lĩnh theo Nghị định số 153-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 07/4/1966, chia huyện Hà Quảng thành hai huyện là: Hà Quảng và Thông Nông theo Quyết định số 67-CP của Hội đồng Chính phủ. Ngày 8/3/1967, hợp nhất huyện Quảng Uyên và Phục Hòa thành huyện Quảng Hòa theo Quyết định số 27-CP của Hội đồng Chính phủ. Ngày 15/9/1969, giải thể huyện Hạ Lang trên cơ sở sáp nhập một số xã của huyện Hạ Lang cũ vào huyện Trùng Khánh và

Toàn tỉnh có 161 xã, phường, thị trấn, trong đó có 40 xã, thị trấn biên giới.

Cao Bằng là một tỉnh có địa thế hiểm trở, rừng núi chiếm trên 90% diện tích, ở vào độ cao 600 m đến 1.000 m so với mặt nước biển, có các dãy núi cao như ngọn núi Phja Dạ, huyện Bảo Lâm (cao 1.986 m), ngọn núi Phja Oắc, huyện Nguyên Bình (cao 1.931 m). Do địa hình chia cắt nhiều nơi, vừa có núi cao, vực sâu, vừa có thung lũng hẹp tạo nên sự ngăn cách giữa các vùng như đèo Khau Liêu (huyện Trùng Khánh), đèo Mã Phục, Khau Chả (huyện Quảng Hòa), đèo Khau Khoang (huyện Thạch An), đèo Khau Mòn (huyện Hạ Lang), đèo Cao Lù (huyện Bảo Lạc), đèo Mã Quỳnh (huyện Hà Quảng)... là những điểm cao mở rộng tầm mắt và phát triển du lịch sinh thái.

Cao Bằng có nguồn lâm sản phong phú, tiêu biểu là: sa nhân, mộc nhĩ, nấm hương, cánh kiến, củ nâu và các loại hạt có dầu (sỏ, trấu, lai...); các cây dược liệu và thuốc bổ: nhân sâm, tam thất...; trong rừng có song, mây và các loại gỗ quý như: trai, nghiến, lim, sến, lát, dổi...; có nhiều loại khoáng sản quý: quặng sắt, mangan, bô xít, thiếc... Đó là tiềm năng, nguồn tài nguyên phong phú, tạo thuận lợi cho sự phát triển công nghiệp trong tương lai.

Quảng Hòa theo Quyết định số 176-CP ngày 15/9/1969 của Hội đồng Chính phủ. Ngày 01/9/1981, tái lập huyện Hạ Lang từ các xã đã nhập vào hai huyện Quảng Hòa và Trùng Khánh theo Quyết định số 44-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Ngày 25/9/2000, Chính phủ ra Nghị định số 52/2000/NĐ-CP điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bảo Lạc và thành lập huyện Bảo Lâm thuộc tỉnh Cao Bằng. Ngày 13/12/2001, chia huyện Quảng Hòa thành hai huyện Phục Hòa và Quảng Uyên theo Nghị định số 96/2001/NĐ-CP của Chính phủ.

Cao Bằng có nhiều sông, suối với các hệ thống sông ngòi, gồm hệ thống sông Bằng (sông Bằng, sông Hiến, các nhánh sông Nguyên Bình, sông Dẻ Rào); hệ thống sông Gâm (sông Gâm và các nhánh sông Nho Quế, sông Neo); hệ thống sông Bắc Vọng, sông Quây Sơn... Trong đó, lớn nhất là sông Bằng, khởi nguồn từ Trung Quốc chảy qua Hà Quảng, đến Nước Hai hội lưu với sông Dẻ Rào và một nhánh từ Nguyên Bình đổ ra, đến thành phố Cao Bằng hợp lưu với sông Hiến và suối Cũn, rồi xuôi về Quảng Hòa, qua Tà Lùng, đổ sang Trung Quốc. Các con sông, suối ở Cao Bằng có lắm thác, ghềnh, có những thác tạo thành cảnh đẹp tự nhiên kỳ vĩ như thác Bản Giốc... là một nguồn thủy năng to lớn.

Đất bằng chiếm gần 10% diện tích của tỉnh, nhưng cũng có những cánh đồng nhỏ và màu mỡ, dọc theo các dòng sông, trên những thung lũng, như các cánh đồng Sóc Hà, Đôn Chương, Phù Ngọc (huyện Hà Quảng), Đồng Mu (huyện Bảo Lạc), Bó Bạch, Thạch Bình, Tiên Thành (huyện Quảng Hòa), Cỏ Nông, Thông Huê, Pò Tấu (huyện Trùng Khánh)..., lớn nhất là cánh đồng của huyện Hòa An trải dài trên 20 km, đất đai phì nhiêu, tiện lợi cho việc canh tác, dân cư đông đúc.

Về giao thông, để chiếm đóng vùng đất chiến lược này, trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp đã mở hai quốc lộ thông về xuôi: quốc lộ 4 từ Cao Bằng qua Lạng Sơn, Quảng Ninh thông ra biển, từ Cao Bằng qua Lạng Sơn theo quốc lộ 1 về Hà Nội; quốc lộ 3, từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên về Hà Nội. Ở trong tỉnh, có hệ thống giao thông từ thành phố đi tất cả các huyện; có các con đường thông ra các cửa khẩu. Ngoài ra, còn có con đường dọc theo biên giới giáp với các địa phương thuộc Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) dài trên 333 km. Với 01 cặp cửa khẩu quốc tế (Tà Lùng - Thủy Khẩu); 03 cặp cửa

khẩu chính (Trà Lĩnh - Long Bang, Sóc Giang - Bình Mãng, Lý Vạn - Thạch Long); 02 cặp cửa khẩu phụ (Bí Hà - Khoa Giáp, Pò Peo - Nhạc Vu) và nhiều đường mòn, lối mở, điểm thông quan... nên Cao Bằng có nhiều lợi thế trong phát triển thương mại và dịch vụ, nhất là kinh tế biên mậu. Trên tuyến biên giới tỉnh Cao Bằng - Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) được cắm 634 mốc quốc giới (trong đó có 469 mốc chính, 165 mốc phụ).

Là vùng đất chứa đựng nhiều di sản địa chất, địa mạo cổ sinh với trên 130 điểm di sản địa chất độc đáo, trong đó có nhiều di sản có giá trị tầm cỡ quốc tế. Cao Bằng có nhiều danh lam thắng cảnh, như thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, hồ Thang Hen, Ngườm Lôm, Nặm Khao (huyện Quảng Hòa), hồ Khuổi Lái (huyện Hòa An), Động Dơi (huyện Hạ Lang)... Năm 2018, Công viên địa chất Non nước Cao Bằng được Hội đồng chấp hành UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu; Chính phủ quyết định thành lập Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén (huyện Nguyên Bình)... Sự phong phú về các giá trị di sản địa chất và hệ sinh thái đa dạng đã giúp cho Cao Bằng có nhiều sản vật đặc hữu như: lê, thạch đen (Đông Khê, Thạch An), hạt dẻ, gạo nếp Pì pát, quýt (huyện Trùng Khánh), chè Giảo cổ lam...

Cao Bằng luôn có nhiều thành phần dân tộc cùng cư trú như Tày, Nùng, Dao, Mông, Kinh, Sán Chỉ, Lô Lô... Mỗi dân tộc có lịch sử phát triển riêng, có ngôn ngữ riêng, có những hoạt động kinh tế, văn hóa đặc thù, những phong tục, tập quán riêng biệt. Dân cư phân bố không đều giữa các vùng trong tỉnh, tập trung đông ở thị xã, thị trấn, vùng thấp; ở vùng cao, biên giới, dân cư thưa thớt. Các dân tộc thường cư trú xen kẽ, tuy nhiên vẫn có những khu vực cư trú riêng của từng dân tộc.

Người Tày là cư dân có mặt từ thời tiền - sơ sử. Đó là những cư dân sớm có mặt trong thành phần dân cư của nước Văn Lang cổ đại và là một trong những thành phần dân cư sáng lập nên nhà nước Âu Lạc. Thời kỳ Pháp thuộc, người Tày được gọi là người Thổ, nghĩa là người sinh ra và lớn lên làm chủ ở vùng đất Cao Bằng từ rất lâu đời - là thổ dân vùng đất Cao Bằng. Dân tộc Tày có dân số đứng thứ hai trên toàn quốc. Ở Cao Bằng, người Tày đứng đầu về dân số, chiếm trên 40% dân số toàn tỉnh.

Dân tộc Nùng là dân tộc thiểu số có nhiều nhóm nhất; đó là các nhóm Nùng An, Nùng Inh, Nùng Quý Rỉn (Nùng Khen Lài), Nùng Mán, Nùng Xuông (Nùng Duông), Nùng Phàn Slinh, Nùng Sí Kít (Nùng Sí Kiệt), Nùng Vén (Nùng Ênh, Nùng Sẻng), Nùng Giang... Dân tộc Nùng cư trú hầu hết ở địa bàn các xã, trong đó có nhiều xã chỉ có dân tộc Nùng như xã Cải Viên (huyện Hà Quảng), xã Đoài Khôn (nay thuộc xã Tự Do) và xã Phúc Sen (huyện Quảng Hòa)...

Dân tộc Dao có hai ngành là Dao đỏ, Dao tiền. Người Dao cũng là cư dân đã cư trú lâu đời ở Cao Bằng. Đồng bào thường cư trú ở vùng lưng chừng núi và những thung lũng núi đá và núi đất, có nhiều xóm làng chỉ có người Dao cư trú, như xã Thái Học (huyện Nguyên Bình), cũng có các xóm, bản cư trú xen kẽ cùng các dân tộc khác.

Người Mông có ba ngành là Mông trắng (Mông Đâu), Mông hoa (Mông lênh), Mông đen (Mông đú). Đồng bào chủ yếu cư trú ở vùng cao núi đá, tập trung đông ở các huyện miền Tây của tỉnh, các huyện miền Đông rất ít hoặc không có. Ở miền Tây, có xã Tân Việt (nay thuộc xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm) 100% là người Mông. Các xóm, bản người Mông cư trú đều rải rác ở các sườn núi cao, nhà cửa đơn sơ

nhưng sống trọng tình nghĩa, cần cù lao động, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và đời sống.

Non nước Cao Bằng hội tụ nhiều giá trị lịch sử, văn hóa đặc sắc, đậm đà bản sắc dân tộc, kết tinh nhiều giá trị nhân văn cao đẹp, cả văn hóa vật thể và phi vật thể riêng có, độc đáo của mình. Hằng năm, có hơn 100 lễ hội xuân, lễ hội truyền thống được tổ chức hầu khắp các địa phương trên địa bàn tỉnh (trong đó 70 lễ hội được tổ chức thường xuyên). Bên cạnh đó, có các hình thức dân ca, dân vũ; văn học, văn hóa ẩm thực đa dạng, phong phú mang đậm đặc trưng sản vật riêng có của miền núi... Chỉ riêng về dân ca truyền thống, các dân tộc đều có nhiều loại hình khác nhau, làn điệu khác nhau. Theo kết quả nghiên cứu chưa đầy đủ, đến nay đã phát hiện nhiều thể loại, làn điệu dân ca của một số dân tộc trong tỉnh, trong đó, dân tộc Tày có đến 35 làn điệu, dân tộc Nùng 18 làn điệu, dân tộc Mông 11 làn điệu, dân tộc Dao 10 làn điệu, với những nội dung rất phong phú, sinh động.

Toàn tỉnh có 214 di tích lịch sử văn hóa với 92 di tích đã được xếp hạng, trong đó có 03 di tích quốc gia đặc biệt: Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó, Khu di tích quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, Khu di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm chiến thắng Biên giới năm 1950 huyện Thạch An. Có 23 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 66 di tích xếp hạng cấp tỉnh, nổi bật như: thành Bản Phủ (xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng), đền Kỳ Sầm (xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng), đền vua Lê, thành nhà Mạc (xã Hoàng Tung, huyện Hòa An). Cùng với đó là những bảo vật quốc gia: Đồi chuông Chùa Viên Minh và Đền Quan Triều (xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng) và Bia Ma nhai Ngự chế tại Phja Tém (xã Hồng Việt, huyện Hòa An); 04 di sản văn hóa phi

vật thể quốc gia, đó là di sản Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam (trong đó có Cao Bằng) chính thức được UNESCO công nhận (tháng 12/2019) là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; Lễ hội Nàng Hai xã Tiên Thành, nghề rèn của người Nùng An xã Phúc Sen và Lễ hội Tranh đầu pháo thị trấn Quảng Uyên (huyện Quảng Hòa). Tất cả những “tài sản” đó không chỉ nói lên sự giàu đẹp tự nhiên và bản sắc văn hóa truyền thống của quê hương “gạo trắng nước trong” non nước Cao Bằng, mà còn là những chiến công, những trang sử oanh liệt, những tấm gương sáng về truyền thống yêu nước, ý chí quật cường, tinh thần bất khuất, tình đoàn kết chiến đấu trong cách mạng giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước do biết bao thế hệ người Cao Bằng xây dựng và gìn giữ.

Trong tiến trình lịch sử, cùng chung sống lâu đời trên một vùng đất, các dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết giúp đỡ nhau. Trải qua nhiều năm tháng sôi động vì phải đấu tranh để giữ gìn, bảo vệ từng tấc đất, lại phải không ngừng chinh phục thiên nhiên khắc nghiệt để xây dựng, sinh tồn và phát triển, đã thể hiện sự sáng tạo và sức sống mãnh liệt của cộng đồng các dân tộc Cao Bằng. Bề dày lịch sử hơn 520 năm thành lập tỉnh đã tạo nên nhân cách con người Cao Bằng với đầy đủ các giá trị đạo đức truyền thống: yêu nước, kiên cường, sát son với Đảng, với dân tộc; bản lĩnh vững vàng, kiên định; đoàn kết; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; tự lực, tự cường; trọng nghĩa, thẳng thắn, cương trực; thân thiện, chân tình, mến khách...

Nhắc đến Cao Bằng, người ta thường nhắc đến là một vùng đất “*địa linh nhân kiệt*” góp phần viết nên trang sử vàng chói lọi, tô thắm thêm lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam,

bởi đây là vùng đất đã sản sinh những nhân vật văn hóa, danh nhân tài giỏi¹. Nhưng nổi bật hơn cả, đây là vùng đất sản sinh nhiều “nhân kiệt” trong quá trình đấu tranh sinh tồn trước sự hung bạo của thiên nhiên và các thế lực ngoại xâm, thổ phỉ cướp phá.

Với thiên nhiên giàu đẹp, lại thêm tinh thần lao động cần cù và sáng tạo, nhân dân các dân tộc Cao Bằng lẽ ra phải được hưởng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nhưng, trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đời sống của nhân dân Cao Bằng hết sức cực khổ. Ở vào vị trí địa đầu Tổ quốc, nên từ ngàn xưa Cao Bằng đã trở thành mảnh đất màu mỡ cho các thế lực thù địch, nhất là phong kiến phương Bắc xâm lược, nhòm ngó, vơ vét tài nguyên và bóc lột sức lao động, đồng thời là nơi trú ngụ của các nhóm phỉ và giặc dã đủ loại. Do đó, Cao Bằng luôn giữ vai trò trọng yếu trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngay từ buổi đầu dựng nước, nhân dân các dân tộc Cao Bằng, những người sống ở nơi địa

1. Như các ông Bế Văn Phụng (hay Bế Văn Phùng) được vua Mạc phong chức quan Tư thiên quản nhạc; ông Nông Văn Noọng (tức Nông Quỳnh Văn), được người đương thời gọi là Quỳnh Văn, tục gọi là “vua ca đáng”, nghĩa là thơ văn đẹp mà hát hay; Trần Quý - Trần Kiên có tài bốc thuốc cứu người... Vào thời Mạc, việc học ở Cao Bằng đã được tổ chức. Đặc biệt, trong kỳ thi Hội năm 1607, người đỗ đầu là Nguyễn Thị Duệ (quê Kiệt Đặc, Chí Linh, Hải Dương), đây là nữ tiến sĩ duy nhất trong lịch sử khoa cử phong kiến Việt Nam. Thời Lê Trung Hưng, Tây Sơn, xuất hiện nhiều trí thức dân tộc Tày - Nùng người Cao Bằng với nhiều công trình nghiên cứu quý giá: Bế Hựu Cung viết cuốn *Cao Bằng thực lục*; Bế Hựu Nhân (con trai Bế Hựu Cung) viết cuốn *Lạc Sơn thi tập* (in ở Trung Quốc); Bế Huỳnh là soạn giả sách *Cao Bằng tạp chí*; Hoàng Đức Hậu (nhà thơ Nôm) với trên 150 bài thơ, đã xuất bản, tái bản nhiều lần. Dẫn theo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

đầu của Tổ quốc, luôn hướng về đại gia đình các dân tộc Việt Nam, với lòng quyết tâm sắt đá, cùng nhân dân cả nước chung lưng, đấu cật bảo vệ chủ quyền quốc gia và độc lập của dân tộc, sẵn sàng cầm vũ khí đánh trả bất cứ cuộc xâm lược nào, từ bất cứ phương nào đến. Trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã viết nên những trang sử vàng chói lọi và những chiến công hào hùng, làm nên bề dày truyền thống lịch sử rất đáng tự hào, gắn liền với lịch sử Việt Nam.

Lịch sử Cao Bằng rực sáng với truyền thống yêu nước chống xâm lược, từ thời kỳ Thục Phán An Dương Vương thế kỷ III trước Công nguyên. Mảnh đất này đã từng là chiến trường của những cuộc đọ sức quyết liệt đầu tiên của dân tộc Việt Nam chống sự xâm lược của các thế lực phong kiến phương Bắc (quân Tần)¹. Xuyên qua chiều dài lịch sử, tinh thần yêu nước đã không ngừng được hun đúc, phát huy, kể từ đó, ý thức độc lập dân tộc đã trở thành động lực của công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Cộng đồng các dân tộc Cao Bằng đã không quản ngại hy sinh, gian khổ, phát huy truyền thống đoàn kết đứng lên đấu tranh chống ách đô hộ của các thế lực ngoại xâm

1. Trong cuộc chiến đấu đầu tiên của nước Âu Lạc chống quân xâm lược Tần (cuối thế kỷ III trước Công nguyên) do Thục Phán đứng đầu, nhân dân Cao Bằng với nhiều cách đánh mưu trí, dũng cảm đã góp phần đưa cuộc kháng chiến giành thắng lợi, làm cho đất nước yên ổn, thịnh vượng gần nửa thế kỷ. Năm 180 (trước Công nguyên), Triệu Đà kéo quân sang xâm lược, Thục Phán - An Dương Vương đã cử tướng Lý Bình đưa quân lên cùng với nhân dân các dân tộc Cao Bằng kháng chiến chống quân xâm lược. Nhiều trận đánh đã diễn ra ác liệt, điển hình là trận chiến tại khu vực Hoàng Ngà (thành phố Cao Bằng), quân và dân ta đã chiến đấu anh dũng, tiêu diệt khoảng 300 tên địch, là chiến thắng lớn nhất thời kỳ đó.

bảo vệ quê hương, đất nước. Thời phong kiến, nhiều chiến công oanh liệt ở Cao Bằng đã đi vào lịch sử và gắn liền với những tên tuổi đầy nghĩa khí trong những cuộc kháng chiến chống quân phương Bắc xâm lược. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất (thế kỷ thứ XI, thời vua Lý Thái Tông) của người anh hùng Nùng Trí Cao; cuộc đấu tranh của các đội quân thổ binh các dân tộc thiểu số do các tù trưởng Nùng Tông Đản¹, Lưu Kỉ, Hoàng Giáp (tức Hoàng Lục) chỉ huy trong cuộc chiến đấu chống quân Tống xâm lược lần thứ hai (năm 1075); cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược (thời nhà Trần) của thủ lĩnh châu Thượng Lang Hoàng Thắng Hứa; cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược (thời thuộc Minh) của các tù trưởng dân tộc Tày Bế Khắc Thiệu, Nông Đắc Thái; cuộc khởi nghĩa chống giặc phương Bắc của nhân dân tổng Trà Lĩnh dưới sự chỉ huy của ông Nông Thống Lệnh (thời nhà Nguyễn)...

Tháng 9/1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Cuối tháng 10/1886, quân Pháp từ Thất Khê (Lạng Sơn) tấn công, đánh chiếm Cao Bằng. Dưới sự lãnh đạo của các hào trưởng địa phương, nhân dân các dân tộc Cao Bằng liên tục tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp. Nổi bật với những trận đánh của nhân dân các xã phía đông nam châu Thạch An (1886-1907); phong trào do Phù Nhị - thủ lĩnh dân tộc Dao chỉ huy ở Nguyên Bình; Pa Deng - nữ thủ lĩnh dân tộc Mông chỉ huy tại tổng Thông Nông (châu Hà Quảng); quân của Triệu Phúc Sinh tại các châu Hòa An, Hà Quảng...; nghĩa quân do Bá hộ Lê Bá Tài chỉ huy tại Trùng Khánh... Ở các châu miền Đông là phong trào đấu tranh do các hào trưởng như Mã Quốc Anh,

1. Có tài liệu ghi là Tôn Đản.

Đặng A Hợp, Lục A Sung... chỉ huy. Bên cạnh đó, thời kỳ này, nhân dân Cao Bằng dưới sự chỉ huy của Lãnh binh Lương Tuấn Tú tích cực tham gia phong trào Cần Vương do Phụ chính đại thần nhà Nguyễn là Tôn Thất Thuyết đứng đầu. Riêng trong tháng 10/1893, dưới sự lãnh đạo của các hào trưởng địa phương, nghĩa quân đã tập kích, bao vây quân địch 21 trận, gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề. Cao Bằng trở thành vùng rất nguy hiểm đối với thực dân Pháp. Quân Pháp phải thú nhận: “Tiểu khu Cao Bằng là hình ảnh rõ rệt nhất của tình hình mà đạo quân chiếm đóng mắc phải từ ngày xâm chiếm, ít quân quá, nhiều giặc dã quá”¹.

Do thiếu một đường lối đúng đắn, một giai cấp tiên tiến lãnh đạo nên các cuộc nổi dậy đều thất bại nhưng đã tô thắm thêm truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường và đã cổ vũ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Thực dân Pháp bắt đầu đánh chiếm Cao Bằng từ tháng 10/1886. Tuy đồng bào địa phương cũng như nhân dân cả nước kiên cường, anh dũng chống trả, nhưng đây là cuộc chiến đấu không cân sức, nên cuối cùng vào năm 1895, sau 10 năm, thực dân Pháp mới đặt được tại đây ách thống trị của chúng. Bằng vũ lực, chúng định khuất phục ý chí chiến đấu của nhân dân ta, áp bức, bóc lột những người yêu nước, yêu độc lập, tự do. Với dã tâm ấy, chúng thiết lập đạo quan binh, đứng đầu là một quan năm người Pháp, điều khiển cả bộ máy hành chính và quân sự. Để làm chỗ dựa cho sự thống trị, chúng duy trì và củng cố bộ máy chính quyền phong kiến cũ từ tỉnh, châu cho tới

1. Trần Văn Giàu: *Chống xâm lăng*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, 1957, q.3, tr.287.

tổng, xã, tăng cường lực lượng vũ trang cùng bộ máy khủng bố, đàn áp với đủ các loại lính: lê dương, khố đỏ, khố xanh, cảnh sát, mật thám, chỉ điểm... Trong thời kỳ phong trào đấu tranh của nhân dân ta phát triển mạnh, chúng lập thêm lực lượng cảnh sát gọi là lính cúp phăng; tăng số lượng các loại lính nói trên; tăng cường xây dựng pháo đài, hệ thống đồn bốt ở thị xã, thị trấn, trục đường giao thông quan trọng và các thôn, xã dân cư tập trung để dễ bề kiểm soát và đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân.

Ở các phủ, châu, chúng đặt ra các đại lý, do một quan hai hoặc quan ba chỉ huy quân sự và các công việc hành chính, với một lực lượng gồm một đại đội hoặc một, hai trung đội lính. Mỗi đồn bốt ở dọc biên giới cũng có một đơn vị, do một sĩ quan Pháp chỉ huy, nhằm mục đích áp bức, bóc lột và đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc trong tỉnh và ngăn chặn mối dây liên hệ của phong trào cách mạng nước ta với cách mạng thế giới.

Để giúp bộ máy cai trị hoạt động, thực dân Pháp còn lập ra ở các châu, tổng, xã các đội đồng. Ở châu, do châu đoàn chỉ huy; ở tổng, có tổng đoàn; ở xã, có xã đoàn. Lực lượng vũ trang các loại của thực dân Pháp ở tỉnh Cao Bằng lúc nào cũng có vài ngàn tên.

Bên cạnh lực lượng vũ trang, chúng tăng cường mật thám, cảnh sát, chỉ điểm làm chỗ dựa cho bộ máy đàn áp, khủng bố. Thực dân Pháp còn hà hơi tiếp sức cho bộ máy thống trị phong kiến trước đây để làm tay sai cho chúng. Ở tỉnh, bên cạnh công sứ Pháp, có bố chánh hoặc tuần phủ; ở châu, chúng đặt ra tri phủ, tri châu, có các thừa phán, lực sự giúp việc; ở tổng, có các chánh, phó tổng; ở xã có lý trưởng, phó lý. Riêng ở châu Bảo Lạc, chúng vẫn duy trì chế độ thổ

ty, với đầy đủ tính chất và bản chất của chế độ phong kiến sơ kỳ¹. Còn ở các vùng dân tộc Mông, Dao..., thực dân Pháp tổ chức hệ thống cai trị. Trong vùng người Mông có các quản chiểu, phó quản chiểu; ở vùng người Dao có chánh, phó mán. Do đó, các dân tộc vùng cao, vốn đã chịu nhiều cơ cực nay lại thêm một tầng áp bức nữa đè nặng lên đầu, lên cổ. Đây là một thủ đoạn đen tối nhằm chia rẽ, gây hằn thù giữa các dân tộc, dựa vào dân tộc này áp bức dân tộc kia, dùng dân tộc này trị dân tộc khác. Thâm độc hơn nữa, chúng còn kích động, gây xung đột giữa các dân tộc. Ngay như ở thị xã Cao Bằng, chúng lập ra bộ máy hành chính riêng cho người Việt và người Hoa; ở người Việt có trưởng phố, ở người Hoa có bang trưởng. Trong kinh doanh, buôn bán, chúng nhen nhóm sự cạnh tranh, kình địch, chèn ép đi tới chỗ gây xích mích giữa người Việt và người Hoa. Về các phương diện sinh hoạt xã hội,

1. Ở châu Bảo Lạc, chế độ thổ ty ở đây đã hình thành từ lâu đời. Qua nhiều triều đại, nhất là thời nhà Lê, Hậu Lê đã phong chức quyền cho thổ ty ở Bảo Lạc để làm chỗ dựa và để củng cố tập quyền thống nhất của triều đình phong kiến trung ương. Thổ ty có quyền chiếm ruộng đất, cũng có quyền chia ruộng đất cho chức dịch để giúp thổ ty quản lý xã hội thuộc lãnh địa châu Bảo Lạc (ruộng chức). Số người phục vụ cho nhà thổ ty có các tên gọi khác nhau như: Tay, Lục rườn, Lục lũng, Lục khởi. Ngoài ruộng chức, ở Bảo Lạc còn có các loại ruộng đất khác như: ruộng quét dọn nhà thờ, ruộng mo, ruộng cúng cho thổ ty, ruộng vót đũa, ruộng giết gà vịt... Thổ ty có quân đội riêng do tuần tổng trông coi (dần dần bị thực dân Pháp tước bỏ), ở xã có xã trưởng đứng đầu. Thời Pháp thuộc, chính quyền thực dân vẫn dựa vào thổ ty để thống trị, nên dòng họ thổ ty đã liên tục thay nhau thống trị Bảo Lạc tới gần một thế kỷ. Do đó, nông dân lao động ở châu Bảo Lạc bị chế độ thổ ty bóc lột bằng tô thuế, các loại lao dịch và cống phẩm... Người nông dân lao động chẳng những bị bóc lột, mà còn bị áp bức về mặt tinh thần rất nặng nề, chẳng khác gì những kẻ nô lệ cho chế độ thổ ty.

chúng thường thiên về người Hoa để gây nên bất bình, phản uất, căm tức trong người Việt.

Ở nông thôn, chúng thi hành chính sách chia rẽ, đề cao dân tộc này, hạ thấp dân tộc kia. Tại nhiều địa phương, chúng thường đưa người Tày vào các chức vụ chủ chốt ở châu, tổng, xã, mặc dù người Nùng ở đây có dân số không kém người Tày, tạo nên ở người Nùng tâm lý bị miệt thị, dẫn đến nhiều mâu thuẫn khiến họ phải luôn luôn ở vào tư thế đối phó với người Tày, gây rắc rối trong quan hệ xã hội, làm tổn hại tình thương yêu, đùm bọc lẫn nhau giữa đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Trong việc thực hiện âm mưu gây chia rẽ, hằn thù giữa các dân tộc, giữa các địa phương, thực dân Pháp thường cử chức dịch tỉnh này đến cai trị tỉnh kia, lính của địa phương này sang đồn trú, trấn áp ở địa phương khác, gây ra những cuộc xô xát, đùng độ.

Để ru ngủ nhân dân ta trong vòng ngu muội, chúng ngăn cấm lưu hành báo chí tiến bộ, khuyến khích mê tín dị đoan, các tập tục lạc hậu.

Để áp bức nhân dân ta, chúng không từ bất cứ một thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ nào, bằng cách thưởng tiền bạc, chức vụ cho những ai đã giúp chúng đàn áp cách mạng, bắt bớ các chiến sĩ cách mạng. Chúng độc quyền về muối và làm giải thưởng để chống phá cách mạng.

Trong khi đó, chúng khuyến khích, thậm chí trang bị vũ khí cho các nhóm phỉ để cướp của, giết người, đốt phá làng mạc, gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho đồng bào ta lúc nào cũng sống trong cảnh nơm nớp, lo âu.

Về phương diện sản xuất kinh doanh, thực dân Pháp vẫn duy trì ở Cao Bằng cũng như trong cả nước nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu mang tính chất tự cung, tự cấp. Các tiến bộ khoa học không được áp dụng. Tuy chúng lập ra

vài trại nhỏ để chăn nuôi ngựa ở Nước Hai (huyện Hòa An), Phja Đén (huyện Nguyên Bình), Phja Khoang (huyện Trùng Khánh), những cơ sở này kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa, nhưng chủ yếu nhằm mục đích quân sự. Đó là âm mưu nhấn chìm nhân dân ta trong vòng nghèo nàn, lạc hậu. Trong khi đó, chúng ra sức bóc lột sức lao động, vơ vét của cải, cướp bóc ruộng đất để lập đồn điền, xí nghiệp, lập nhà thờ, làm cho đời sống nhân dân thêm cơ cực, xô đẩy cuộc sống của đồng bào ta vào bước đường cùng. Thực dân Pháp đặt ra nhiều thứ thuế, như thuế ruộng, thuế đất, thuế môn bài, thuế nhà, thuế chợ, thuế đò, thuế lâm sản... với nhiều khoản phụ thu lạm bỗ, trong đó, bất công nhất là thuế thân đánh vào tất cả đàn ông, từ tuổi 18 trở lên. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), thuế thân được chia ra làm hai hạng: hạng 4,5 đ đối với nội tịch đình và 0,5 đ đối với ngoại tịch đình. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chúng nhất loạt thu mỗi suất đình là 2,5 đ. Đến năm 1939, do nhu cầu chi phí chuẩn bị cho cuộc chiến tranh thế giới mới, chúng đã nâng mức thuế thân lên, thu bốn mức dựa vào số ruộng đất ở trong tay mỗi suất đình: loại 1 đ, 2,5 đ, 5 đ và 7 đ¹. Những người khó khăn không nộp được thuế thì bị cầm giữ, đánh đập hoặc bị cầm cố, nhiều gia đình phải bán ruộng đất, trâu, bò, thậm chí có người phải dứt ruột bán cả con để có tiền nộp thuế. Vì thế, mỗi kỳ thu thuế là một thảm họa đối với nông dân lao động.

Ngoài những hình thức bóc lột trên, người nông dân lao động còn chịu biết bao điều cay đắng, phải chịu phu phen, tạp dịch để làm đường sá, cầu cống, xây pháo đài, đồn bốt... cho chúng. Hàng năm, mỗi người dân lao động thường bị bắt

1. Thời điểm đó, giá một tạ gạo trong khoảng 3-4 đ, giá một con trâu, bò cày được cũng chỉ ở mức 4-5 đ.

phu tới ba, bốn lần, mỗi lần kéo dài từ 15 đến 20 ngày, hoặc hơn nữa. Đi phu, người dân còn phải tự túc tiền gạo, thực phẩm, kể cả dụng cụ. Tàn ác hơn, thực dân Pháp và tay sai còn biến các đợt bắt phu thành công cụ vơ vét tiền, của của nhân dân, bắt chẹt người lao động lương thiện, bằng cách nhằm vào những ngày mùa mà bắt phu. Muốn được miễn phu vào những dịp ấy, nông dân không còn cách nào khác là lấy tiền, của để đút lót. Đi phu nặng nhọc, đã không được trả tiền công, mà còn không có bảo hộ lao động; thương tật, ốm đau không được chăm sóc, nên nhiều trường hợp tử vong vì ốm đau, vì tai nạn lao động trong khi làm phu.

Ở nông thôn, bọn địa chủ, phú nông còn bóc lột nhân dân bằng tô, tức, thuê mướn nhân công và bằng thủ đoạn vơ vét khác, kể cả hình thức biếu xén. Ngoài ra, chức dịch trong bộ máy chính quyền bù nhìn, tay sai không từ một thủ đoạn nào để vơ vét cho đầy túi tham, để phè phỡn, ngồi mát ăn bát vàng. Riêng ở châu Bảo Lạc, nơi tồn tại dai dẳng chế độ thổ ty, người nông dân lao động, ngoài việc bị bóc lột bằng tô, thuế, còn phải gánh chịu các loại lao dịch và cống phẩm cho thổ ty.

Về công nghiệp, cũng như các địa phương khác trong cả nước, ở Cao Bằng không được chú ý phát triển, ngoài một số cơ sở công nghiệp khai khoáng với kỹ thuật thô sơ, lạc hậu, chưa vượt ra khỏi trình độ thủ công. Tháng 12/1901, Công ty tư bản vàng Phja Oắc được thành lập, nhưng diện tích khai thác mới chỉ 160 ha. Sau đó, Công ty Duverger tiếp tục khai thác 2.500 ha, với số vốn đầu tư là 1 triệu phrăng vào năm 1904. Số tiền này, đến năm 1911, tăng lên đến 10 triệu phrăng, đầu tư vào việc khai thác thiếc, vonfram và vàng. Ngoài ra, tại thị xã Cao Bằng cũng chỉ có vài cơ sở công nghiệp nhỏ, như nhà máy điện, nhà máy nước, vài công xưởng nhỏ... với số vốn đầu tư không đáng kể.

Những công nhân làm việc trong khu mỏ và các nhà máy, công xưởng thường xuất thân từ tầng lớp nông dân nghèo, thiếu hoặc không có ruộng đất vì đã bị thực dân, địa chủ, phong kiến chiếm đoạt, hoặc những người ở nông thôn không chịu được chế độ phu phen, tạp dịch, buộc phải vào hầm mỏ, xưởng máy bán sức lao động cho tư bản. Họ bị bóc lột hết sức nặng nề. Ngày lao động kéo dài từ 10 đến 12 giờ. Đã vậy, họ còn bị bọn chủ, cai ký dùng roi vọt đốc thúc suốt ngày. Lương hàng tháng bị bớt xén, cúp phạt. Lương phụ nữ thấp hơn nam giới, lương trẻ em còn thấp hơn nữa, mặc dù công việc không kém phần nặng nhọc. Do có nguồn lao động rẻ mạt, bảo đảm thu lợi nhuận cao, nên chúng càng không nghĩ gì tới việc cải tiến công nghệ sản xuất, áp dụng kỹ thuật tiên tiến, không nghĩ gì tới chế độ bảo hộ lao động. Chúng coi mạng người công nhân như bèo bọt, làm ngơ trước những tai nạn lao động. Tệ hại hơn nữa, chúng còn ngăn cản việc cứu chữa, lấy xác những công nhân bị tai nạn sập lò, để trốn tránh việc bồi thường cho những gia đình có người tử vong.

Về văn hóa, thực dân Pháp thi hành chính sách ngu dân, đìm nhân dân ta trong vòng tối tăm, ngu muội để dễ bề thống trị, áp bức, bóc lột. Bởi vậy, việc mở mang trường sở đã không được chú ý, thậm chí chúng còn tìm đủ cách hạn chế. Cả tỉnh Cao Bằng chỉ có trường tiểu học có từ lớp 1 đến lớp 4 (ở thị xã và các châu Trùng Khánh, Quảng Uyên, Hòa An), số châu còn lại chỉ có trường tiểu học có từ lớp 1 đến lớp 2. Hậu quả của chính sách này là hơn 97% dân số của tỉnh Cao Bằng bị mù chữ. Nữ giới và nhân dân các dân tộc thiểu số vùng cao mù chữ tới 100%.

Cũng như lĩnh vực văn hóa, về mặt vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe không được chú ý, bởi vì bọn thực dân rắp tâm làm hao mòn thể lực nhân dân ta. Do đó, bệnh tật ngày

càng lan tràn, không được phòng bệnh, chữa bệnh, tuổi thọ của người lao động thấp. Cả tỉnh Cao Bằng chỉ có một bệnh viện, với số lượng giường bệnh rất hạn chế; đồng thời chỉ có một, hai y sĩ và vài y tá, hộ lý phục vụ. Thuốc thang thiếu thốn, tại một số châu chỉ có phòng phát thuốc với một dược tá phục vụ. Đã vậy, những cơ sở y tế này chỉ nhằm phục vụ công chức cai trị và binh lính.

Trong khi đó, thực dân Pháp lại khuyến khích những tập tục lạc hậu, những tệ nạn xã hội, như: rượu chè, nghiện hút, cờ bạc, trai gái, trộm cắp, cướp giết...; khuyến khích mê tín dị đoan, khuếch trương tín ngưỡng tôn giáo, kích động tâm lý sùng đạo... nhằm làm cho nhân dân ta chìm đắm trong vòng ngu muội, lãng quên con đường đấu tranh cách mạng.

Chế độ thực dân, phong kiến với các chính sách thống trị, áp bức, bóc lột đã làm cho các quan hệ xã hội phức tạp, đẩy nhân dân lao động vào bước đường cùng cực, nghèo đói, xã hội phân hóa sâu sắc. Các quan hệ tư bản chủ nghĩa đã nảy sinh và lớn dần lên, nhưng chiếm vị trí chủ đạo vẫn là các quan hệ phong kiến. Nhìn chung, trong phạm vi toàn tỉnh, nông dân chiếm tới 90% dân số. Sự phân hóa trong nông dân thành các tầng lớp ngày càng rõ rệt.

Cố nông là tầng lớp nghèo khổ nhất vì không có ruộng đất, trâu, bò, họ phải đi làm thuê, làm mướn cho địa chủ, phú nông, bán rẻ sức lao động để kiếm sống. Tuy vậy, tình cảnh của họ không đến nỗi tồi tệ như cố nông ở miền xuôi, họ không bị cột chặt vào bọn thống trị, bóc lột bởi vì ngay trước ngõ cụt của cuộc sống, họ vẫn tìm thấy ở rừng núi chốn nương tựa của mình.

Bần nông chiếm một tỷ lệ tương đối đông trong nông dân, thường không có đủ tư liệu sản xuất phải lĩnh canh ruộng đất, thuê trâu, bò, nông cụ hoặc đi làm thuê từng vụ cho

phú nông, địa chủ. Đời sống của họ bấp bênh, no đói thất thường, nhất là trong những ngày giáp hạt, thường phải vay mượn chịu lãi cao. So với cố nông, cuộc sống của họ không kém phần cơ cực. Thêm nữa, những gánh nặng xã hội luôn luôn dồn lên vai họ như thuế khóa, tô tức, phu phen, binh dịch, tạp dịch... nên họ sẵn sàng đi theo con đường cách mạng để sớm thoát ra khỏi cuộc sống khổ cực.

Chiếm một số không nhỏ trong cư dân nông thôn là trung nông. Về mọi mặt có thể nói, họ là những người tạm đủ ăn do có một ít tư liệu sản xuất, cần cù làm việc; gặp những năm mùa màng thất bát, họ có thể thiếu đói vài ba tháng. Tuy có cuộc sống dễ chịu hơn so với bản nông, cố nông, nhưng họ cũng bị áp bức, bóc lột nặng nề, cũng bị sưu cao, thuế nặng, phải gánh vác các công việc xã hội: phu phen, lính tráng, tạp dịch... Ngay trong tầng lớp này cũng diễn ra quá trình phân hóa: một số ít người thêm dư dật trở nên giàu có, còn đa số ngày càng bản cùng, phải bán ruộng đất, trâu, bò, cầm cố, cuối cùng thân phận chẳng khác gì bản, cố nông. Vì vậy, họ cùng chung nguyện vọng với bản, cố nông là sớm được giải phóng.

Giai cấp địa chủ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong cư dân, nhưng có thế lực kinh tế và xã hội. Đây là giai cấp thống trị trong xã hội phong kiến trước kia, nay trở thành kẻ làm tay sai đắc lực cho thực dân, đế quốc, dựa vào đó để duy trì vai trò, địa vị của mình trong hệ thống sản xuất, kinh tế, xã hội. Giai cấp địa chủ phong kiến là kẻ thù của dân tộc, là đối tượng cần đánh đổ cùng với thực dân Pháp trong cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ.

Phú nông cũng chiếm một tỷ lệ không đáng kể trong cư dân, nắm trong tay khá nhiều tư liệu sản xuất (ruộng đất, trâu, bò). Tuy có phần nào tham gia lao động sản xuất, họ vẫn là kẻ bóc lột bằng cách thuê nhân công, cho vay nặng lãi.

Họ cũng bị chèn ép sưu cao, thuế nặng. Trong những điều kiện nhất định như khi phong trào quần chúng phát triển, có thể tập hợp họ vào một mặt trận rộng rãi để chống đế quốc, thực dân và phong kiến.

Nông dân vùng cao gồm các dân tộc Mông, Dao... phần lớn sống du canh, du cư, không có ruộng đất, chỉ phát nương làm rẫy trồng ngô, đời sống kinh tế rất thấp. Cũng có một số vùng dân tộc Nùng, Dao đã cư trú, định canh, định cư nhưng đời sống còn gặp nhiều khó khăn. Do đó, sự phân hóa giai cấp trong nông dân vùng cao mới hình thành hai tầng lớp: lớp trên và lớp dưới.

Về giai cấp công nhân: Với một số cơ sở công nghiệp nhỏ bé vừa kể trên, thì giai cấp công nhân ở Cao Bằng cũng ít về số lượng, thường tập trung trong các khu mỏ và thị xã. Bên cạnh đó, số công nhân nông nghiệp cũng không đáng kể (chỉ ở các trại chăn nuôi nhỏ), lúc đông nhất cũng chỉ có vài nghìn công nhân. Tuy vậy, do chính sách khai thác vơ vét tài nguyên, bóc lột lao động của đế quốc, thực dân, giai cấp công nhân ngày càng tăng lên về số lượng và chất lượng. Tuy số lượng ít, nhưng công nhân ở Cao Bằng lại tập trung, đại biểu cho phương thức sản xuất tiến bộ nhất; thêm nữa, bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất, có cuộc sống cơ cực nhất, họ là những người vô sản, nên kiên quyết đấu tranh để giải phóng khỏi ách nô lệ.

Giai cấp tư sản, trong đó có thể phân ra thành nhiều loại: tư sản tương đối lớn ở Cao Bằng là chủ mỏ, chủ trại chăn nuôi người Pháp. Còn số tư sản dân tộc thì chỉ là chủ các xưởng sửa chữa, kinh doanh nghề vận tải, chủ khách sạn, chủ các xưởng gạch, ngói, gỗ, những người thầu thực phẩm cho các trại lính, kinh doanh thương nghiệp... với một số vốn ít ỏi. Họ cũng bị chèn ép sưu cao, thuế nặng. Trong những điều kiện nhất định như khi phong trào quần chúng phát triển mạnh, có thể lôi kéo họ vào mặt trận chống thực dân và phong kiến.

Giai cấp tiểu tư sản và dân nghèo thành thị chiếm một tỷ lệ đáng kể trong cư dân tỉnh Cao Bằng. Cuộc sống của họ bấp bênh, đói no thất thường, cũng bị áp bức, bóc lột nặng nề, nên sẵn sàng tiến bước vào con đường cách mạng.

Điểm qua tình hình kinh tế - xã hội cho thấy, việc phân hóa giai cấp ở Cao Bằng nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản: *một là*, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với thực dân xâm lược; *hai là*, mâu thuẫn giữa nông dân lao động với giai cấp địa chủ, phong kiến ở vùng thấp, nông dân vùng cao (châu Bảo Lạc) với chế độ thổ ty. Như vậy, mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam nói chung và của Cao Bằng nói riêng là tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ, nhằm đánh đuổi thực dân ra khỏi nước ta, đánh đổ giai cấp địa chủ, phong kiến, những kẻ cam tâm làm tay sai cho thực dân, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho quê hương Cao Bằng.

Năm 1920, khi Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tìm thấy chân lý cách mạng: *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”*¹, nhân dân Việt Nam mới có con đường thoát khỏi đêm trường nô lệ, đánh đuổi được bọn thực dân, đế quốc, giành lại độc lập, tự do. Nhân dân các dân tộc Cao Bằng kê vai, sát cánh cùng toàn thể dân tộc Việt Nam chiến đấu giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, góp phần đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đến thắng lợi huy hoàng, trọn vẹn như ngày nay.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.12, tr.30.

Chương I

ĐẢNG BỘ CAO BẰNG ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1930-1940)

I. ĐẢNG BỘ CAO BẰNG ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH (1930-1935)

Từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trên cả nước, ở thành thị cũng như nông thôn, ở miền đồng bằng cũng như ở miền núi, liên tiếp nổ ra các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp giành độc lập dân tộc, dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước. Nhưng vì chưa tìm ra được con đường cách mạng đúng đắn, chưa có một phương thức hoạt động thật sự cách mạng, thêm nữa giai cấp công nhân chưa phát triển tới mức mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng, nên dù lúc đó phong trào đấu tranh có rộng lớn và mạnh mẽ, vẫn không thực hiện được mục tiêu và nguyện vọng của ta là giải phóng dân tộc.

Năm 1917, Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại thành công, mở ra một kỷ nguyên mới trong quá trình phát triển của xã hội loài người, như một luồng gió mới thổi vào phong trào cách mạng của Việt Nam, có tác dụng động viên, cổ vũ tinh thần yêu nước, mở ra một con đường đấu tranh cách mạng mới, làm cho các phong trào đấu tranh cách mạng của dân tộc ta, đặc biệt là của giai cấp công nhân, vốn

đã sôi nổi nay lại càng trở nên rộng lớn và mạnh mẽ, nhất là trong những năm 1927-1928.

Cùng lúc đó, Nguyễn Ái Quốc, một nhà yêu nước vĩ đại, sau bao năm ở nước ngoài tìm đường cứu nước, cứu dân đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, Người tìm thấy chân lý cách mạng và con đường đấu tranh giải phóng cho dân tộc ta. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đi theo con đường cách mạng vô sản. Nguyễn Ái Quốc đã rời nước Nga Xôviết về phương Đông hoạt động, trực tiếp đưa đường, chỉ lối cho cách mạng Việt Nam. Thực hiện mục tiêu đó, vào đầu năm 1925, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức yêu nước lấy tên là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu, bao gồm những thanh niên yêu nước Việt Nam đang hoạt động ở Trung Quốc và tổ chức các lớp huấn luyện cho họ.

Sự ra đời của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã có tác động mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng trong nước, thu hút những trí thức cách mạng. Nhiều thanh niên yêu nước lần lượt tìm đường sang Quảng Châu gia nhập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Trong tổ chức này, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã cử các thanh niên ưu tú làm hạt nhân, sau khi dự các khóa huấn luyện được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc phân công về nước hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó, phong trào cách mạng Việt Nam có những bước phát triển mới, nổi bật là phong trào vô sản hóa. Nhiều cán bộ đi vào nhà máy, hầm mỏ hoạt động, làm chuyển biến phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, đẩy tính chất đấu tranh tự phát chuyển sang đấu tranh tự giác.

Hòa nhịp cùng với phong trào yêu nước của cả nước, ở Cao Bằng, vào quãng thời gian đó, đã xuất hiện các tổ chức yêu nước (Hội đánh Tây, Hội Thanh niên Phản đế) thu hút nhiều thanh niên yêu nước, tiến bộ thuộc các dân tộc trong

tỉnh, trong số đó nổi bật lên và có ảnh hưởng to lớn là Hoàng Đình Giong¹, một thanh niên dân tộc Tày, có lòng yêu nước nồng nàn và sớm giác ngộ cách mạng. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Hoàng Đình Giong bắt đầu từ những năm 1925-1926, khi còn đang theo học tại trường Bách Nghệ Hà Nội, là lúc phong trào cả nước đang sôi động. Bị đuổi ra khỏi trường vì tham gia hoạt động cách mạng và có ảnh hưởng to lớn trong tầng lớp thanh niên, Hoàng Đình Giong trở lại quê hương. Tại đây, Hoàng Đình Giong vẫn tiếp tục tuyên truyền, vận động cách mạng. Nhờ đó, ngay từ đầu năm 1927, đã xuất hiện nhiều cơ sở của Hội đánh Tây ở các tổng Tượng Yên, Nhượng Bản, Hà Đàm (thuộc châu Hòa An). Sau đó, tổ chức yêu nước này còn phát triển lên Hà Quảng, lan sang Quảng Uyên và các châu khác trong tỉnh, đặc biệt là các khu vực đầu mối giao thông quan trọng và đông dân.

Run sợ trước sức lan rộng của phong trào cách mạng, của các tổ chức yêu nước, đặc biệt là tác động ảnh hưởng của sự

1. Đồng chí Hoàng Đình Giong (1904-1947) (tức Hoàng, Trần Tín, Lâu Voòng, Nam Bình, Văn Tư, Võ Văn Đức, Vũ Đức, Lê Minh, Cự Vũ), dân tộc Tày, quê ở làng Nà Toàn, xã Xuân Phách, huyện Hòa An (nay thuộc phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng), là Bí thư Chi bộ Hải ngoại Long Châu (Trung Quốc) năm 1929; Bí thư Đảng bộ đặc biệt Long Châu (Quảng Tây, Trung Quốc); Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng khoá I (năm 1935), phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ; Chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến vào miền Nam đánh thực dân Pháp xâm lược (tháng 9/1945), Chính ủy Quân giải phóng Nam Bộ, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) đầu tiên Khu IX, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) Khu VI thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Đồng chí hy sinh tại Khu VI (Ninh Thuận) năm 1947. Đồng chí đã được Đảng và Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh (năm 1998); danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (năm 2009); năm 2018, đồng chí đã được Đảng và Nhà nước công nhận là lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam.

hoạt động của Hoàng Đình Giông, bọn đế quốc và tay sai tiến hành khủng bố, truy lùng gắt gao. Trước tình hình đó, năm 1927, Hoàng Đình Giông đã bí mật ra nước ngoài. Nơi đặt chân và hoạt động đầu tiên là Long Châu (Quảng Tây, Trung Quốc). Vào dịp đó, Hoàng Đình Giông đã gặp lại Hoàng Văn Thụ và đã bắt liên lạc được với các đồng chí trong Ban lãnh đạo của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở nước ngoài (Long Châu, Quảng Tây, Trung Quốc). Ngày 19/6/1928, Hoàng Đình Giông, Hoàng Văn Thụ được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại cơ sở Long Châu và đã chung sức gây dựng cơ sở cách mạng tại đó, tập hợp và mở các lớp huấn luyện truyền bá tư tưởng của tổ chức cách mạng do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập và rèn luyện, đào tạo các cán bộ Cao Bằng và Lạng Sơn.

Từ đó, nhiều thanh niên yêu nước các dân tộc Cao Bằng đã tìm đường đến và gây dựng cơ sở cách mạng tại Long Châu. Cuối năm 1928, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên kết nạp Hoàng Văn Nộn (tức Hoàng Như) và sau đó, năm 1929, kết nạp thêm Lê Đoàn Chu (tức Lê Mối, Nam Cao). Thấm nhuần đường lối, mục tiêu cách mạng, nắm vững phương thức hoạt động, Lê Đoàn Chu được cử về Cao Bằng để tuyên truyền, vận động tổ chức các cơ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Sau khi tiếp thu con đường cách mạng do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá về nước, đồng chí Hoàng Đình Giông ra sức chỉ đạo gây dựng cơ sở cách mạng Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Cao Bằng và đã chọn được nhiều thanh niên tích cực, giác ngộ đi đào tạo tại các lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên rồi lại đưa về Cao Bằng hoạt động. Từ đó, phong trào ở Cao Bằng ngày càng phát triển. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Hoàng Đình Giông, nhân ngày Tết truyền thống là rằm tháng 7

năm Kỷ Tỵ (tức ngày 19/8/1929), tại một địa điểm bí mật là chùa Đống Lân, xã Hưng Đạo, huyện Hòa An (nay thuộc thành phố Cao Bằng), đồng chí Hoàng Văn Nọn và Lê Đoàn Chu đã thay mặt Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tổ chức lễ kết nạp các đồng chí Nông Văn Đô, Hoàng Văn Khoa (Bình Dương), Lưu Xương (Sơn), Nguyễn Khánh Phù (Bá Nhân), Nghiêm, Cát vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đây là tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đầu tiên được thành lập ở Cao Bằng. Sau lễ thành lập, các hội viên được cử về các địa phương tiếp tục tuyên truyền, vận động để tiếp tục phát triển các cơ sở của Hội. Với sự hoạt động tích cực đó, một thời gian sau, cơ sở của Hội cũng đã được thành lập tại mỏ thiếc Tĩnh Túc và các địa phương khác. Đây là những cơ sở hội đầu tiên tạo tiền đề cho sự phát triển Hội mạnh mẽ hơn tại Cao Bằng.

Cuối năm 1929, nhờ hoạt động tích cực và có kết quả dưới sự chỉ đạo trực tiếp của bộ phận ở nước ngoài của Đông Dương Cộng sản Đảng, tháng 12/1929, các đồng chí Hoàng Đình Giông, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Văn Nọn được kết nạp vào Đảng và tuyên bố thành lập Chi bộ Hải ngoại Long Châu (Trung Quốc). Đồng chí Hoàng Đình Giông được bầu làm Bí thư Chi bộ. Chi bộ Hải ngoại Long Châu có nhiệm vụ “gây dựng và phát triển phong trào quần chúng cách mạng ở vùng biên giới Cao Bằng - Lạng Sơn, hướng dẫn thanh niên yêu nước ra dự những lớp huấn luyện cách mạng ở nước ngoài, đưa đón cán bộ đi hoạt động giữa hai vùng biên giới”. Sau Hội nghị thành lập Đảng (tháng 02/1930), Chi bộ Hải ngoại Long Châu do đồng chí Hoàng Đình Giông làm Bí thư, chính thức trở thành Chi bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến năm 1932, đồng chí Lê Hồng Phong về hoạt động tại Quảng Tây và đến Long Châu. Cuối năm 1932, căn cứ yêu cầu đòi

hội của phong trào cách mạng, đồng chí Lê Hồng Phong đã chỉ đạo thành lập Đảng bộ đặc biệt Long Châu trên cơ sở Chi bộ Hải ngoại Long Châu, đồng chí Hoàng Đình Giông được cử làm Bí thư Đảng bộ.

Thực hiện chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, đầu năm 1930, Chi bộ Hải ngoại Long Châu đã cử đồng chí Hoàng Văn Nọn về Cao Bằng hoạt động để chuẩn bị tiến tới thành lập tổ chức đảng ở Cao Bằng. Sau một thời gian tuyên truyền, rèn luyện, qua kiểm tra phong trào và thử thách cán bộ, ngày 01/4/1930, tại Nặm Lìn, xã Hoàng Tung, châu Hòa An, đồng chí Hoàng Văn Nọn (Hoàng Như) thay mặt Chi bộ Hải ngoại Long Châu, kết nạp hai đồng chí tiêu biểu trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Cao Bằng là Lê Đoàn Chu (tức Lê Mới, Nam Cao) và Nông Văn Đô (tức Bích Giang, Cát Lợi) vào Đảng Cộng sản Việt Nam và tuyên bố thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Cao Bằng, do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư Chi bộ. Cũng tại cuộc họp thành lập Chi bộ, các đồng chí đã đề ra hai nhiệm vụ hàng đầu là: tích cực phát triển Đảng, đặc biệt là ở khu mỏ thiếc Tĩnh Túc và ở thị xã; đẩy mạnh phong trào chống thuế, chống phụ thu lạm bổ, chống bắt phu vào ngày mùa, đi phu phải được cấp tiền, gạo.

Sự ra đời của Chi bộ Đảng ở Cao Bằng đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trên con đường đấu tranh giải phóng. Từ đây, phong trào đấu tranh giải phóng quê hương, đất nước, giành độc lập dân tộc, nhân dân các dân tộc Cao Bằng nói riêng và nhân dân cả nước nói chung được đặt dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng Cộng sản Việt Nam, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Sự kiện Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng ra đời có ý nghĩa to lớn đối với phong trào cách mạng

của tỉnh, góp phần quan trọng phát triển phong trào cách mạng của cả nước.

Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp, là bước ngoặt đánh dấu sự phát triển vượt bậc của phong trào cách mạng trong tỉnh; là thắng lợi rất quan trọng của tư tưởng vô sản trong cuộc đấu tranh với kẻ thù. Đồng thời khẳng định vai trò của những người cộng sản và hệ tư tưởng Mác - Lênin với phong trào cách mạng ở một tỉnh miền núi, có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

Sự kiện thành lập Chi bộ Nặm Lìn - Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Cao Bằng, đã tạo nên móng vững chắc cho phong trào cách mạng và sự phát triển thành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng sau này.

Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng được thành lập ngày 01/4/1930 là một trong những chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời sớm tại vùng miền núi biên giới phía đông bắc của Tổ quốc. Cũng từ Cao Bằng, thực hiện sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, nhiều cán bộ cách mạng của tỉnh đã được Đảng điều về hoạt động gây dựng cơ sở cách mạng, góp phần vào việc thành lập tổ chức đảng tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước.

Ngay từ khi mới ra đời, Chi bộ đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ của một Tỉnh ủy lâm thời, chi bộ lãnh đạo phong trào cách mạng trong toàn tỉnh, tạo nên sự thống nhất về tư tưởng chính trị và hành động của phong trào cách mạng của một tỉnh với toàn quốc.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời giữa lúc thực dân Pháp và toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa bước vào cuộc khủng hoảng giai đoạn 1929-1933, làm đảo lộn toàn bộ trật tự chính trị, xã hội, lẫn sinh hoạt kinh tế của thế giới. Trong đó,

nạn nhân trực tiếp là giai cấp vô sản và quần chúng lao động ở khắp nơi trên toàn cầu. Nhằm hạn chế tác động của cuộc khủng hoảng, thực dân Pháp càng ra sức áp bức, bóc lột nhân dân dưới mọi hình thức, tăng cường bắt lính chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh thế giới mới nhằm giành giật thị trường và vơ vét tài nguyên của các nước phụ thuộc và thuộc địa. Nền kinh tế Việt Nam vốn đã nghèo nàn, lạc hậu, nay thêm sa sút, đẩy cuộc sống của nhân dân lao động đến chỗ cùng cực, công nhân thất nghiệp ngày càng đông, nông dân bị bần cùng nghèo đói. Do đó, mâu thuẫn giữa nhân dân với bọn đế quốc, thực dân Pháp thêm sâu sắc. Trước tình hình đó, Đảng đã phát động một cuộc đấu tranh rộng lớn trong quần chúng.

Nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930, một cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng đã được phát động. Từ đó, phong trào ngày càng dâng cao và lan rộng trong phạm vi toàn quốc, cả ở thành thị lẫn nông thôn, ở miền xuôi lẫn miền núi, mà đỉnh cao là cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh. Hoảng sợ trước làn sóng đấu tranh cách mạng của quần chúng, thực dân Pháp và tay sai đã tập trung mọi lực lượng khủng bố, đàn áp. Chúng thẳng tay tàn sát dã man, nhiều cơ sở đảng bị vỡ, một số lãnh tụ của Đảng bị bắt, nhiều chiến sĩ cách mạng, đảng viên ưu tú bị giết hại, phong trào cách mạng trong phạm vi toàn quốc ở vào tình thế khó khăn.

Tuy vậy, riêng ở Cao Bằng, từ năm 1930 đến năm 1935, các cơ sở đảng vẫn tiếp tục được củng cố và phát triển, nhiều chi bộ đảng mới được thành lập, như: Ngày 20/6/1930, Chi bộ xã Phúc Tăng (nay thuộc xã Hồng Việt, huyện Hòa An); ngày 10/10/1930, Chi bộ xã Xuân Phách, Hòa An (nay thuộc phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng); ngày 21/10/1930, Chi bộ mở thiếc Tĩnh Túc; ngày 20/6/1931, Chi bộ xã Sóc Giang (nay là

xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng); tháng 7/1931, Chi bộ Gia Cung, xã Ngọc Sinh, Hòa An (nay là phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng); ngày 08/3/1932, Chi bộ Cốc Coóc, xã Lạc Giao (nay là xã Chí Thảo, huyện Quảng Hòa); ngày 03/2/1933, Chi bộ Phạc Sliến, xã Tung Cao (nay là xã Vân Trình, huyện Thạch An); ngày 15/11/1935, Chi bộ liên xã Gia Bằng - Kỳ Chỉ (nay là xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình)... Trên cơ sở đó, thực hiện chỉ thị của Chi bộ Hải ngoại Long Châu, Ban Tỉnh ủy Cao Bằng đã lần lượt chọn cử nhiều thanh niên yêu nước ra nước ngoài học tập, dự các lớp huấn luyện của Đảng tại Long Châu.

Nội dung, chương trình của các lớp huấn luyện gồm: lịch sử tiến hóa nhân loại, Cách mạng Tháng Mười Nga, chủ nghĩa Mác - Lênin, Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương, cách thức vận động quần chúng tham gia cách mạng. Các lớp huấn luyện tiến hành liên tục từ năm 1930 đến năm 1935, đào tạo được một đội ngũ cán bộ để đưa về nước hoạt động. Những cán bộ này ngay từ đầu đã tỏ ra vững vàng và trưởng thành nhanh chóng qua các thời kỳ vận động cách mạng, trở thành hạt nhân, đủ sức và uy tín lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Như vậy là, từ một chi bộ đầu tiên được thành lập ngày 01/4/1930, đến năm 1935, trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã có 10 chi bộ hoạt động ở 5 huyện (Hòa An, Hà Quảng, Quảng Hòa, Thạch An, Nguyên Bình) và mở thiếc Tỉnh Túc với số đảng viên trên 70 đồng chí. Sự phát triển đó đã tạo điều kiện, cơ sở vững chắc cho sự phát triển thành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

Song song với việc phát triển các cơ sở đảng, Tỉnh ủy còn chủ trương củng cố Đảng về mặt tổ chức, kiện toàn các cấp bộ đảng từ cơ sở cho tới Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhằm mục đích bảo đảm sự hoạt động và chỉ đạo được thống nhất. Do vậy, vào tháng 7/1933, Ban Lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Cao Bằng do đồng chí Hoàng Văn Nộn (Hoàng Như) làm Bí thư; các ban châu ủy đã được thành lập ở Hòa An (năm 1933)¹, Hà Quảng (năm 1935)².

Mọi hoạt động của Đảng đều dựa trên nguyên tắc bí mật. Để bảo đảm điều đó, Đảng bộ tỉnh quy định hình thức tổ chức “tam tam chế” (tức tổ 3 người). Nhờ đó, các cơ sở đảng được giữ vững, củng cố và phát triển.

Để đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền giác ngộ quần chúng, Đảng bộ đã cho xuất bản và in các truyền đơn, khẩu hiệu. Năm 1932, đồng chí Hoàng Đình Giông được Ban lãnh đạo của Đảng (trực tiếp là đồng chí Lê Hồng Phong) cử về nước chỉ đạo phong trào cách mạng sau khủng bố của đế quốc trong cao trào 1930-1931. Đồng chí Hoàng Đình Giông đã chỉ đạo Tỉnh ủy Cao Bằng xuất bản báo *Cờ Đỏ* (Cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ tỉnh, tiền thân của báo *Cao Bằng*). Ngày 01/4/1932, báo *Cờ Đỏ* ra số đầu tiên tại hang Tắc Rù (nay thuộc xã Hồng Việt, Hòa An). Báo *Cờ Đỏ* được bí mật lưu truyền tại Cao Bằng và cả các tỉnh khác. Tác dụng to lớn của tờ báo còn là ở chỗ giúp cho Đảng bộ tỉnh Cao Bằng củng cố cả về mặt tổ chức lẫn tư tưởng. Từ đây, báo *Cờ Đỏ* trở thành công cụ quan trọng để tuyên truyền đường lối cách mạng, giáo dục lòng yêu nước, yêu quê hương, căm thù đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột, vận động đồng bào các dân tộc tham gia các tổ chức cách mạng, cổ vũ, động viên tinh thần đấu tranh chống thực dân Pháp và bè lũ tay sai.

Song song với việc củng cố và phát triển các cơ sở đảng, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã xúc tiến việc thành lập các tổ

1. Ban châu ủy Hòa An gồm 03 đồng chí do đồng chí Lê Đoàn Chu (tức Lê Mới, Nam Cao) làm Bí thư.

2. Ban châu ủy Hà Quảng gồm 05 đồng chí, do đồng chí Hoàng Tô làm Bí thư.

chức cách mạng của quần chúng. Cuối năm 1931, đầu năm 1932, ở Cao Bằng ra đời tổ chức Cộng sản đoàn. “Ở Cao Bằng, Lạng Sơn số đoàn viên nhiều hơn số đảng viên. Thanh niên Cộng sản giữ địa vị chỉ huy các cuộc tranh đấu của thanh niên lao động một cách rất cương quyết (Viêng Chăn, Cao Bằng, Lạng Sơn). Đoàn đã kéo được lao động người dân tộc thiểu số (người Thổ, Nùng)... vào hàng ngũ”¹. Lúc đầu, số đoàn viên còn rất ít và về mặt tổ chức chưa hình thành một hệ thống chặt chẽ từ tỉnh xuống đến tận cơ sở. Cộng sản đoàn chủ yếu hoạt động ở các châu Hòa An, Hà Quảng. Ngoài nhiệm vụ riêng của đoàn, Cộng sản đoàn còn nhận nhiệm vụ làm giao thông liên lạc giữa các cơ sở đảng và giữa các cấp bộ đảng. Năm 1931, “Công hội đỏ” - một tổ chức rộng rãi của giai cấp công nhân, nhằm hỗ trợ cho tổ chức đảng vận động quần chúng đấu tranh đã được thành lập tại khu mỏ thiếc Tĩnh Túc. Năm 1933, ở Hòa An xuất hiện tổ chức “Nông hội đỏ” mà mục đích của nó là vận động và tổ chức các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống bắt phu, đòi giảm thuế. Tổ chức “Nông hội đỏ” sau đó còn phát triển sang các châu Hà Quảng, Nguyên Bình. Các tổ chức cách mạng của quần chúng đã có một vai trò và vị trí rất quan trọng, trở thành lực lượng đông đảo, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ngay từ khi thành lập, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhanh chóng nhận thức rõ vai trò đấu tranh vũ trang và đã đề ra các biện pháp nhằm gây dựng lực lượng. Vì vậy, năm 1931, Đảng bộ đã cử bốn đồng chí đi học quân sự ở nước ngoài² và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.79.

2. Bốn đồng chí đó là: Hoàng Hồng Việt, Hoàng Đình Hùng, Nguyễn Nam Hùng (tức Trần), Đàm Thế Vinh.

năm 1932 thành lập tổ chế tạo mìn, lựu đạn ở vùng núi Lam Sơn (thuộc châu Hòa An) nhưng hoạt động còn hạn chế, vì thiếu nguyên vật liệu.

Nhờ sự hoạt động tích cực của Đảng, của các tổ chức cách mạng và sự giác ngộ của quần chúng, nên phong trào đấu tranh từng bước tiến lên. Các hoạt động rải truyền đơn, treo cờ đỏ tại thị xã, thị trấn Nước Hai, khu mỏ thiếc Tĩnh Túc... được tổ chức trong những năm 1932-1934. Những cuộc rải truyền đơn, treo cờ đỏ này, tuy là những hình thức đấu tranh ở mức thấp, nhưng đã chứng tỏ rằng vào lúc này Đảng thật sự sống trong lòng quần chúng, được quần chúng nuôi dưỡng, bảo vệ, bước đầu xây dựng được trong quần chúng các dân tộc lòng tin vào Đảng, quyết tâm đi theo Đảng làm cách mạng. Bước sang năm 1933, phong trào đấu tranh của quần chúng đòi giảm thuế, chống bắt phu vào ngày mùa thêm lan rộng và mạnh mẽ tới mức đã xuất hiện hình thức xuống đường biểu tình.

Ở Hòa An, vào mùa trồng ngô năm 1933, dưới sự lãnh đạo của Châu ủy, đã nổ ra cuộc đấu tranh biểu tình của 300 phu ở các tổng Tượng Yên, Nhượng Bản, Hà Đàm, Tĩnh Oa đi làm con đường từ thị xã lên Nước Hai. Đoàn người kéo lên phủ Hòa An đòi không được bắt phu vào ngày mùa, đi phu phải được cấp tiền, gạo. Địch huy động binh lính đến đàn áp, bắt đi một số người. Không lùi bước trước sự khủng bố của địch, Châu ủy Hòa An vận động quần chúng viết đơn kiện lên Thống sứ Bắc Kỳ. Kết quả là Sở Thanh tra lao động Bắc Kỳ phải tuyên bố không bắt phu trong ngày mùa, đi phu được trả tiền, gạo. Thắng lợi của cuộc đấu tranh của nhân dân châu Hòa An đã động viên, cổ vũ tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Tại mỏ thiếc Tĩnh Túc ngày 01/5/1933, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, cờ đỏ búa liềm được treo trên cột điện,

truyền đơn được rải khắp khu mỏ, trong báo cáo do đồng chí Lê Hồng Phong gửi Quốc tế Cộng sản viết: “Truyền đơn và cờ đỏ thấy có ở Cao Bằng, Bắc Ninh, Đáp Cầu (Bắc Kỳ, nhà ga Vinh...)”. Công nhân rất phấn khởi, tin tưởng, còn kẻ địch thì lo sợ hoảng hốt, chúng đem lính từ thị xã đến khủng bố, truy lùng các chiến sĩ cộng sản, nhưng đã thất bại, bởi vì công nhân được tuyên truyền giác ngộ, nên tin tưởng và bảo vệ Đảng.

Tháng 3/1934, nổ ra cuộc đấu tranh quyết liệt của hơn một trăm phu Hòa An đang làm con đường ở đoạn Nặm Vạng, đòi được cấp tiền công. Kết quả là, địch phải trả công mỗi người 0,2 đồng (hai hào) một ngày. Với thắng lợi đó, quần chúng càng tin tưởng vào Đảng, vào sức mạnh của chính mình. Trong thư của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương gửi Quốc tế Cộng sản nói rõ: “Ở Bắc Kỳ có ba cuộc biểu tình lớn của nông dân chống lại việc làm khổ sai ở Cao Bằng, Lạng Sơn... Các phong trào này đều thu được thắng lợi: khi Chính phủ Pháp đưa binh lính tới biên giới Tàu để tấn công huyện Xôviết Tĩnh Tây (tỉnh Quảng Tây), các đồng chí chúng tôi ở Bắc Kỳ đã rải truyền đơn tại tỉnh lỵ Cao Bằng để phản đối sự can thiệp ấy của đế quốc, và Chính phủ Pháp đã buộc phải rút quân đội về”¹.

Tại Hà Quảng, nhờ các cơ sở đảng tích cực hoạt động trong việc tuyên truyền, giác ngộ quần chúng nên vào tháng 6/1935, hơn 200 phu đang làm con đường Hòa An - Hà Quảng đã nổi lên đấu tranh: chống đánh đập, đòi được cấp tiền và gạo. Địch không giải quyết, dân phu tiếp tục đấu tranh và bỏ về không chịu đi phu.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.5, tr.199.*

Năm 1935, tri phủ bắt phu tổng Tỉnh Oa (Hòa An), Tổng ủy đã lãnh đạo quần chúng đấu tranh cử đại biểu lên nha và tỉnh đòi phát tiền, gạo. Chúng không giải quyết, dân phu đều bỏ về.

Cũng trong thời gian này, chúng bắt phu xã Xuân Phách (Hòa An) làm đường sông Mãng. Các đồng chí đảng viên dưới sự chỉ đạo của Châu ủy đã vận động dân phu đấu tranh đòi trả công mỗi ngày ba hào, tri phủ cho lính xuống đàn áp, chúng bắt hai người về tỉnh, lập tức cả mấy chục người làm phu kéo theo đấu tranh đòi thả 2 người. Hoảng sợ trước sức mạnh của quần chúng, địch phải thả 2 người và hứa trả tiền công mỗi ngày 2 hào.

Ở các châu miền Đông như: Quảng Uyên, Thạch An, Phục Hòa... tuy chưa có phong trào thật mạnh mẽ, nhưng đã bắt đầu có những hoạt động; các cơ sở quần chúng đã bí mật giúp Đảng đưa cán bộ ra nước ngoài và đón cán bộ về nước để chỉ đạo phong trào cách mạng. Nhờ đó, các đồng chí lãnh đạo của Đảng vượt biên giới trở về căn cứ, về xuôi được an toàn. Các trạm ở ba châu Quảng Uyên, Thạch An, Phục Hòa đã bảo đảm giao thông liên lạc giữa Ban Tỉnh ủy Cao Bằng với Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Thực hiện “Chương trình hành động của Đảng năm 1932-1935” nhằm khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng từ cơ sở đến Trung ương, được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, đầu năm 1932, đồng chí Lê Hồng Phong theo đường dây bí mật đã tới Long Châu. Tại đây, đồng chí Lê Hồng Phong đã gặp đồng chí Hoàng Đình Giọng tìm hiểu kỹ phong trào cách mạng tỉnh Cao Bằng, giúp Đảng bộ Cao Bằng mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ, xây dựng Cao Bằng thành cầu nối liên giữa Ban lãnh đạo Trung ương của Đảng với phong trào cách mạng trong nước. Từ đó, nhiều cán bộ Cao Bằng lần lượt

được cử đi các tỉnh miền xuôi chấp nối liên lạc với các cơ sở trong nước, tiêu biểu là các đồng chí Hoàng Đình Giong, Hoàng Văn Nọn..., góp phần phục hồi cơ sở đảng những năm 1932-1935.

Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc Cao Bằng từ ngày chi bộ đầu tiên ra đời đã liên tục phát triển và được giữ vững qua nhiều cuộc khủng bố khốc liệt, nay lại được động viên, cổ vũ, được uốn nắn bởi chuyến đến Cao Bằng công tác vào tháng 7/1933 của đồng chí Lê Hồng Phong và đồng chí Hoàng Đình Giong. Các đồng chí đã tới gặp Ban Tỉnh ủy Cao Bằng với hai mục đích: *Một là*, tìm hiểu việc thực hiện chủ trương, đường lối và phương pháp vận động, tổ chức các dân tộc thiểu số ở Cao Bằng tham gia đấu tranh cách mạng để làm cơ sở thực tiễn cho bản tham luận của Đoàn đại biểu Đảng ta về công tác vận động các dân tộc thiểu số ở Đông Dương tham gia cách mạng, trình bày tại Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản vào tháng 7 và tháng 8/1935 tại Mátxcơva; *Hai là*, truyền đạt quyết định của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương về việc xây dựng Cao Bằng thành một trong những địa bàn cơ sở cách mạng vững chắc, để chấp nối liên lạc với các cơ sở đảng trong phạm vi toàn quốc, sau thời kỳ bị khủng bố trắng những năm 1931-1932. Ngoài ra, các đồng chí còn đóng góp nhiều ý kiến quý báu với Ban Tỉnh ủy Cao Bằng về công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng của quần chúng và rút kinh nghiệm nhằm làm cho báo *Cờ Đỏ* của Đảng bộ Cao Bằng được xuất bản đều kỳ và liên tục, để các cơ sở đảng nắm sát tình hình và các chủ trương, đường lối của Đảng để chỉ đạo phong trào được thống nhất, giác ngộ và động viên quần chúng.

Thực hiện chủ trương của Đảng do đồng chí Lê Hồng Phong truyền đạt, cùng với việc chỉ đạo đẩy mạnh cuộc đấu tranh và xây dựng các cơ sở đảng, cơ sở cách mạng, Đảng bộ Cao Bằng đã chỉ đạo củng cố các đường dây liên lạc với nước ngoài đã được xây dựng từ trước. Đó là các đường liên lạc bí mật từ trung tâm Hòa An ra nước ngoài gồm: đường thủy từ trung tâm Hòa An xuống Phục Hòa rồi đi xuống Tà Lùng sang Thủy Khẩu - đi Long Châu, Trung Quốc; đường bộ từ Lam Sơn (xã Hồng Việt, Hòa An), qua Ngọc Động (Quảng Uyên) xuống Nà Seo (Phục Hòa) sang Thủy Khẩu rồi đi Long Châu (Trung Quốc); một đường bí mật khác từ Hòa An đến Trưng Vương, vượt Mã Phục vào Cốc Coóc (xã Chí Thảo, Quảng Uyên) xuống Gia Tuế, sau đó đi Phục Hòa rồi sang Long Châu (Trung Quốc). Sau khi chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của châu Thạch An được thành lập tại Phạc Sliến, xã Vân Trình, thì có thêm đường liên lạc bí mật từ trung tâm Hòa An đi xuống Vân Trình sau đó vào Đức Long, sang Trung Quốc.

Nhờ đó, trong những năm 1934-1935, phong trào cách mạng ở Cao Bằng vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ và sâu rộng. Tháng 3/1934, chấp hành chủ trương của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương về việc tổ chức kỷ niệm ngày Xôviết Nghệ - Tĩnh, Tỉnh ủy Cao Bằng tổ chức một cuộc tuyên truyền sâu rộng khắp toàn tỉnh. Truyền đơn, khẩu hiệu kêu gọi nhân dân đứng lên đấu tranh được rải ở thị xã và các châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, khu mỏ Tĩnh Túc, Quảng Uyên, Thạch An. Hốt hoảng trước tình hình, bọn địch đã huy động một lực lượng lớn truy lùng khủng bố, bắt giam, đánh đập, tra tấn dã man bốn đồng chí đảng viên chủ chốt. Tuy vậy, điều đó không hề làm nao núng tinh thần cách mạng, ý chí đấu tranh của quần chúng. Các cuộc đấu tranh chống phu, thuế vẫn tiếp tục nổ ra.

Phong trào cách mạng ở Cao Bằng phát triển mạnh, nhất là qua sự kiện đồng chí Lê Hồng Phong về Cao Bằng tháng 7/1933, đồng chí đã chỉ rõ cho Đảng bộ Cao Bằng những bước đi lên của cách mạng Việt Nam, những kinh nghiệm tổ chức, vận động quần chúng nhằm góp phần thúc đẩy phong trào tiếp tục phát triển vững chắc.

Thực hiện chủ trương của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhiều cán bộ, đảng viên Cao Bằng đi dự các lớp huấn luyện ở nước ngoài (1931-1935) khi trở về nước, được cử đi hoạt động ở các tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang và một số tỉnh miền xuôi chấp nối với các cơ sở đảng trong nước nhằm phục hồi phong trào sau thời kỳ khủng bố (1931-1932).

Cuối năm 1934, đồng chí Hoàng Văn Nọn, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng được Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ định là đại biểu chính thức của Đảng Cộng sản Đông Dương đi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản tại Mátxcơva (Liên Xô) và đọc bản tham luận về vận động các dân tộc thiểu số ở Đông Dương tham gia cách mạng¹.

Năm 1934, Đảng ta quyết định tổ chức Đại hội lần thứ I vào năm 1935, được sự chỉ đạo của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng, các đại biểu Xứ ủy Bắc Kỳ đã tổ chức một hội nghị tại Long Châu (Trung Quốc). Tham dự Hội nghị có 39 đại biểu,

1. Cũng trong dịp này, đồng chí Hoàng Văn Nọn và Nguyễn Thị Minh Khai được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giới thiệu vào học Trường Đại học Phương Đông tại Mátxcơva. Đầu năm 1937, đồng chí Lê Hồng Phong - đại diện của Quốc tế Cộng sản, cử đồng chí Hoàng Văn Nọn làm đặc phái viên của Trung ương Đảng về nước củng cố Liên xứ ủy Trung - Bắc Kỳ. Giữa năm 1937, đồng chí Hoàng Văn Nọn về Cao Bằng rồi xuống Hà Nội gặp các đồng chí Xứ ủy cũ (Nguyễn Văn Minh, Lương Khánh Thiện, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh))... triệu tập cuộc họp bầu lại Liên xứ ủy; đồng chí Hoàng Văn Nọn được bầu làm Bí thư Liên xứ ủy Trung - Bắc Kỳ.

dưới sự chủ trì của đồng chí Hoàng Đình Giông - Bí thư Đảng bộ đặc biệt Long Châu. “Hội nghị đã nhất trí bầu đồng chí Hoàng Đình Giông và Bùi Bảo Vân đi dự Đại hội Đảng lần thứ I”. Với sự phấn đấu liên tục, không mệt mỏi cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, đồng chí Hoàng Đình Giông được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Đại hội lần thứ I họp ở Ma Cao (Trung Quốc) từ ngày 27 đến ngày 31/3/1935 và được phân công phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ. Tại Đại hội này, đồng chí Bùi Bảo Vân được bầu làm Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng¹.

Từ năm 1932, do phong trào cách mạng phát triển và có nhiều cơ sở tin cậy, vững chắc, đồng chí Hoàng Đình Giông và các đồng chí cùng hoạt động đã thiết lập được đường dây liên lạc giữa các đảng bộ trong nước với Ban lãnh đạo của Đảng, sau này là Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương, đường dây liên lạc của Đảng bộ Cao Bằng đã góp phần rất quan trọng trong việc đưa đón cán bộ, vận chuyển các loại tài liệu... về nước để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở các địa phương trong nước.

Giữa lúc hai đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt đi vắng và trước những thủ đoạn khủng bố của địch, Tỉnh ủy Cao Bằng mất liên lạc với Xứ ủy Bắc Kỳ, do đó không nắm sát được tình hình chung của cả nước, sự chỉ đạo phong trào cách mạng địa phương gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Ban Tỉnh ủy Cao Bằng triệu tập một cuộc họp nhằm thông báo tình hình và cử hai đồng chí² đi Hà Nội để bắt liên lạc với các tổ chức đảng ở dưới xuôi.

1. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.123.

2. Đồng chí An Long và Yến Ngọc.

Do mất cảnh giác và thiếu kinh nghiệm, trước âm mưu và những thủ đoạn xảo quyệt của địch, hai đồng chí liên lạc của Tỉnh ủy Cao Bằng đã bắt liên lạc nhằm với tên mật thám Pháp giả danh là “người yêu nước, một chiến sĩ cộng sản” tại khách sạn Đức Thành (ở trước ga Hàng Cỏ, Hà Nội) và đã đưa tên này lên gặp Ban Tỉnh ủy Cao Bằng. Nắm được một số cơ sở quan trọng của Đảng bộ Cao Bằng, tên này một mặt bí mật điện báo về Hà Nội, chuẩn bị một cuộc vây bắt Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, một số cơ sở quan trọng và các chiến sĩ cộng sản đang hoạt động ở Cao Bằng, mặt khác còn có ý định ra nước ngoài để “bàn bạc công việc với cấp trên”, thực ra để dò xét cơ quan lãnh đạo của Đảng ta. Nhận được điện từ Cao Bằng, Chánh mật thám Bắc Kỳ cùng bọn tùy tùng nửa đêm đến Cao Bằng, rồi cùng mật thám sở tại bí mật bao vây các cơ sở đảng ở Cao Bằng. Nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Tỉnh ủy và đồng chí Ngô Tuân, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương khóa I, đang hoạt động tại Cao Bằng đã bị chúng bắt vào tháng 8/1935.

Đây là một tổn thất nghiêm trọng của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Tuy vậy, địch cũng không phá được các cơ sở đảng trong tỉnh, vì các đồng chí bị bắt mặc dù bị tra tấn dã man, vẫn nêu cao khí phách cách mạng, lòng dũng cảm, kiên cường, quyết không khai báo. Trong cuộc vây lùng này, đồng chí Trịnh Bá Thén (Tùng Sơn) chạy thoát được và bí mật vượt biên để báo cáo Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng nắm được tình hình và tìm cách đối phó.

Thời kỳ vận động cách mạng những năm 1930-1935, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã phát triển khá vững vàng. Quán triệt đường lối, phương châm hoạt động cách mạng của Đảng, Đảng bộ đã tổ chức,

phát động quần chúng đấu tranh từ hình thức thấp như làm đơn lấy chữ ký cử đại biểu lên châu, phủ, tỉnh đòi quyền lợi kinh tế trước mắt đến xuống đường biểu tình; từng bước đề ra chủ trương, biện pháp tuyên truyền, vận động quần chúng phù hợp với tình hình, đặc điểm địa phương và các dân tộc Cao Bằng. Đảng bộ đã thu hút được đông đảo quần chúng các dân tộc trong tỉnh tham gia cách mạng; uy tín của Đảng ngày càng ăn sâu vào trong quần chúng và trở thành niềm tin của các dân tộc trong toàn tỉnh.

II. ĐẢNG BỘ CAO BẰNG LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH ĐÒI CÁC QUYỀN DÂN SINH, DÂN CHỦ (1936-1940)

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng, giữa lúc các cơ sở đảng đang được phục hồi và phát triển thì tình hình thế giới có nhiều chuyển biến do cuộc khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa 1929-1933. Đức, Ý, Nhật từng bước phát xít hóa bộ máy thống trị và bành trướng thế lực ra phạm vi thế giới, đặt thế giới trước nguy cơ xảy ra chiến tranh. Trước tình hình ấy, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản được triệu tập tại Mátxcova tháng 7 và tháng 8/1935. Nghị quyết Đại hội vạch rõ: nhiệm vụ trung tâm trước mắt của giai cấp vô sản là phải cứu loài người ra khỏi thảm họa của một cuộc chiến tranh đế quốc do bọn phát xít gây ra. Đồng thời, phải tăng cường mở rộng mặt trận dân chủ chống phát xít nhằm tập hợp xung quanh mình tất cả các tầng lớp tiến bộ, các lực lượng dân chủ thế giới trong cuộc đấu tranh chống phát xít. “Phải tổ chức cuộc vận động giải phóng của các dân tộc thiểu số. Trong mỗi sự hành động, trong mỗi cuộc tranh đấu hằng ngày của Đảng cần phải đòi quyền lợi

cho thanh niên, phụ nữ, các dân tộc thiểu số và quần chúng lao động người ngoại quốc...”¹.

Đầu năm 1936, đồng chí Hoàng Đình Giông, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng khóa I, từ nước ngoài trở lại Cao Bằng gặp đồng chí Lê Đoàn Chu (tức Lê Mới, Nam Cao) - Bí thư Tỉnh ủy, triệu tập một cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng ở đền vua Lê (Hoàng Tung, Hòa An) có đại biểu các châu tới dự. Tại cuộc họp, đồng chí Hoàng Đình Giông phổ biến Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng và những chủ trương của Đảng trong tình hình mới. Hội nghị đề ra những nhiệm vụ trước mắt nhằm củng cố tổ chức để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của Đảng: *một là*, củng cố Đoàn Thanh niên Cộng sản làm nòng cốt thúc đẩy phong trào đấu tranh quần chúng các dân tộc phát triển; *hai là*, đề ra kế hoạch chấp nối liên lạc giữa các cơ sở đảng trong toàn tỉnh.

Sau cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng, đặc biệt được sự chỉ đạo của đồng chí Hoàng Đình Giông², hơn nữa lại được soi sáng bởi tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng, Đảng bộ Cao Bằng đã khắc phục những khó khăn, thử thách, đưa phong trào cách mạng Cao Bằng tiếp tục phát triển.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.5, tr.27.

2. Đồng chí Hoàng Đình Giông, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, sau khi củng cố lại phong trào cách mạng ở Cao Bằng, đầu tháng 02/1936, đồng chí về hoạt động ở Hải Phòng - Quảng Ninh. Đồng chí Hoàng Thị Nghiêm (tức Vọng Bình) được Đảng bộ Cao Bằng giao nhiệm vụ đưa đồng chí Hoàng Đình Giông đi Hải Phòng hoạt động và tạo dựng đường dây liên lạc giữa Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng qua Cao Bằng xuống khu công nhân Hải Phòng và Quảng Ninh - nối liền với phong trào cả nước. Đồng chí Hoàng Đình Giông và đồng chí Vọng Bình bị địch bắt vào đầu tháng 02/1936.

Trong lần liên lạc với Đảng bộ đặc biệt Long Châu đầu năm 1936, đồng chí Hoàng Văn Thụ¹ đã truyền đạt lại chỉ thị của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ về tổ chức và vận động quần chúng đấu tranh trực diện với kẻ thù bằng các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp và nửa hợp pháp, đòi thực hiện những cải cách tiến bộ do Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp ban hành. Đồng thời, đồng chí Hoàng Văn Thụ lưu ý thêm trong trường hợp Mặt trận Nhân dân Pháp thắng thế, lên cầm quyền, có thể sẽ cử một phái đoàn sang Đông Dương điều tra tình hình. Do đó, Tỉnh ủy phải kịp thời vận động tổ chức quần chúng biểu tình đấu tranh đòi quyền lợi.

Ở nước Pháp, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp ra đời vào tháng 6/1936, đã ban bố một số cải cách tiến bộ, tạo điều kiện thuận lợi nhất định cho phong trào cách mạng Đông Dương là nơi mà thực dân Pháp vẫn ra sức áp bức, bóc lột khiến đời sống của nhân dân cùng cực, nền kinh tế của Đông Dương trở nên tiêu điều.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, căn cứ vào tình hình quốc tế và nhiệm vụ cách mạng, ngày 26/7/1936, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng tổ chức hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc). Nghị quyết hội nghị khẳng định mục tiêu chiến lược vẫn là: chống thực dân và chống phong kiến, giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày; song mục tiêu trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

1. Khi đồng chí Hoàng Đình Giông bị thực dân Pháp bắt, đồng chí Hoàng Văn Thụ được phân công nhiệm vụ tiếp tục hoạt động và chỉ đạo công tác ở vùng biên giới phía Bắc, trực tiếp phụ trách chỉ đạo phong trào cách mạng các tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, đồng thời giữ liên lạc với Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng.

Đảng quyết định thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế bao gồm các giai cấp, tầng lớp và các đảng phái đoàn kết cùng nhau đấu tranh chống chiến tranh phát xít, đòi quyền lợi dân sinh thiết thực. Nghị quyết nêu rõ: “nhiệm vụ lập Mặt trận Nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau đấu tranh để đòi những điều dân chủ đơn sơ. Tự do hội hiệp, tổ chức, tự do ngôn luận, xuất bản; tự do đi lại, xuất dương, ân xá hết chính trị phạm, ngày làm việc 8 giờ; các luật lao động cho thợ thuyền... người Pháp và người Nam có quyền kinh tế và chính trị như nhau”¹.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Mặt trận Nhân dân phản đế (sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương) được thành lập, bao gồm các giai cấp, dân tộc, đảng phái, đoàn thể chính trị và tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau để cùng đấu tranh chống phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Đảng chủ trương triệt để lợi dụng những khả năng và hình thức đấu tranh công khai hợp pháp, nửa hợp pháp để tập hợp, vận động quần chúng đấu tranh trực diện với kẻ thù.

Hội nghị của Đảng chủ trương thay khẩu hiệu “Đánh đổ thực dân Pháp xâm lược” bằng các khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ mềm dẻo hơn: “Đánh đuổi bọn phản động thuộc địa Pháp ở Đông Dương”. Thực hiện kết hợp cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ với đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh xâm lược của nhân dân thế giới vì tự do,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, 2000, t.6, tr.144.

dân chủ, hội họp, trả tự do cho tù chính trị, thực hiện ngày làm việc 8 giờ...

Từ cuối năm 1936, do ảnh hưởng ngày càng mạnh của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và những thủ đoạn bóc lột, ăn chặn của giới chủ, đời sống của đội ngũ công nhân Cao Bằng ngày càng lâm vào cảnh cùng cực. Trước tình hình đó, Chi bộ Kim Sơn - mỏ thiếc Tĩnh Túc chủ trương đẩy mạnh cuộc đấu tranh buộc bọn chủ mỏ phải cải thiện một phần đời sống công nhân, trước mắt là tổ chức đình công toàn mỏ. Khẩu hiệu đấu tranh được xác định là đòi tăng lương, giảm giờ làm. Để bảo đảm thắng lợi cho cuộc đình công và giảm thiểu tổn thất, Chi bộ quyết định thành lập Ban lãnh đạo cuộc đình công và Ủy ban đấu tranh, đồng thời khởi thảo yêu sách đưa lên chủ mỏ... Ủy ban đấu tranh được thành lập gồm đại diện các loại thợ: thợ nguội, thợ điện, thợ tiện, thợ mộc, thợ lò..., trong đó có một số đảng viên cộng sản làm hạt nhân lãnh đạo. Ban lãnh đạo cuộc đình công còn tổ chức những thanh niên khỏe mạnh thành đội xung kích bảo vệ những người tham gia đình công, chống lại sự đàn áp của bọn tay sai chủ mỏ. Mỗi bộ phận trong nhà máy đều cử người liên lạc, làm nhiệm vụ nắm bắt tình hình từng nơi và phổ biến chủ trương của Ủy ban đấu tranh; đồng thời luôn giữ liên hệ chặt chẽ với Tỉnh ủy, xin ý kiến chỉ đạo. Kế hoạch cuộc đình công vạch ra khá tỉ mỉ. Ngày đình công được chọn vào ngày đầu tuần, sau khi thợ vừa được lĩnh lương.

Theo kế hoạch đã định, đúng 5 giờ 30 phút sáng ngày 01/12/1936, một đảng viên công nhân nhà máy điện được phân công cắt điện làm hiệu lệnh. Toàn bộ công nhân thợ máy, hầm lò ngừng làm việc và kéo nhau về văn phòng giấy chủ mỏ. Ủy ban đấu tranh đưa yêu sách lên chủ mỏ gồm 9 điểm:

- 1- Tăng lương 25%;
- 2- Ngày làm việc 8 tiếng;
- 3- Trả thêm tiền cho giờ làm thêm;
- 4- Trả lệ phí về quê cho những người bị tai nạn lao động;
- 5- Chữa nhà ở cho công nhân;
- 6- Mắc điện chiếu sáng chỗ ở cho công nhân;
- 7- Phát dụng cụ lao động (cuốc, xẻng) cho công nhân;
- 8- Không phạt quá một ngày lương;
- 9- Phạt các cai làm càn.

Thấy có biến, chủ mỏ vội điện báo ra tỉnh nhờ cứu viện. 12 giờ trưa, mật thám cùng 5 xe vận tải chở lính Tây từ tỉnh lỵ vào khu mỏ tìm cách đàn áp. Chúng đóng quân ở các ngã đường, cấm người đi lại nhằm cô lập cuộc đấu tranh và bắt 7 người trong Ủy ban đấu tranh. Tuy vậy, do được chuẩn bị tốt, công tác giao thông liên lạc làm nhiệm vụ phổ biến tình hình vẫn được duy trì, Ủy ban đấu tranh kịp thời cử người khác thay thế những người bị bắt, nên tinh thần công nhân vẫn duy trì tốt. Ban lãnh đạo tiếp tục động viên công nhân kiên quyết giữ vững tinh thần đấu tranh đến cùng.

Trước tình hình đấu tranh kiên quyết của công nhân, chủ mỏ đã phải nhượng bộ, chấp nhận một số yêu sách của công nhân¹. Tuy nhiên, do những nhượng bộ này chưa đáp ứng được yêu cầu cơ bản của những người đình công, Ban lãnh đạo quyết định tiếp tục cuộc đình công.

Cuộc đình công kéo dài đến ngày thứ 4, chính quyền và chủ mỏ một mặt tìm cách dụ dỗ, mua chuộc công nhân đi làm; mặt khác tiến hành bắt bớ, khủng bố. Tuy vậy, tổ chức đấu tranh của công nhân vẫn chặt chẽ, hoạt động của Chi bộ

1. Báo *Đông Pháp* số ra ngày 6/12/1936.

vẫn giữ được bí mật, địch không dò ra được đầu não của cuộc đấu tranh. Tin tức về cuộc đình công của công nhân mỏ thiếc Tĩnh Túc vang dội khắp nơi. Nông dân châu Nguyên Bình xông xáo bàn tán về cuộc đấu tranh quyết liệt của công nhân mỏ. Báo chí tiến bộ ở Hà Nội đưa tin về cuộc đấu tranh ở mỏ thiếc. Một số tờ báo lớn đã cử phóng viên đến tận nơi để điều tra. Liên tiếp trong các ngày từ ngày 5 đến ngày 9/12/1936, báo *Đông Pháp* đưa tin về cuộc đình công ở mỏ thiếc Tĩnh Túc. Dư luận tiến bộ khắp nơi ủng hộ cuộc đình công. Tinh thần đoàn kết kiên quyết đấu tranh của công nhân ở Tĩnh Túc buộc chủ mỏ chấp nhận nhượng bộ thêm một bước:

- Tăng lương 15%;
- Áp dụng ngày làm việc 9 tiếng.

Sau khi nhận định những nhượng bộ của chủ mỏ đã đáp ứng được những yêu sách cơ bản của người đình công, Ban lãnh đạo quyết định dừng đình công. Cuộc đình công đầu tháng 12/1936 của công nhân Tĩnh Túc là cuộc đình công công khai đầu tiên của công nhân Cao Bằng bước đầu giành được thắng lợi đáng kể. Điều này khiến công nhân càng tin tưởng vào sức mạnh đoàn kết đấu tranh.

Giữa năm 1937, giá thiếc trên thị trường thế giới tăng vọt, để tranh thủ vớt vét lợi nhuận, giới chủ công ty tư bản Pháp yêu cầu chủ mỏ thiếc ở Tĩnh Túc phải tìm mọi biện pháp tăng sản lượng khai thác mà không chi trả thêm tiền lương cho công nhân. Thi hành chỉ thị của cấp trên, chủ mỏ lập tức áp dụng chế độ ngày làm việc 2 kíp, hạ mức lương, đồng thời tuyển thêm thợ phụ nữ và trẻ em để trả lương ít... Trước những diễn biến mới của tình hình, dựa vào kinh nghiệm tổ chức cuộc đình công cuối năm 1936, Chi bộ Đảng quyết định tổ chức công nhân đình công một lần nữa.

Cuộc đình công bắt đầu từ mờ sáng ngày 02/8/1937. Công nhân nhà máy, công nhân tời dây đồng loạt nghỉ việc, tập trung gần nhà thờ, đưa yêu sách lên chủ mỏ phản đối việc giảm lương, tăng giờ làm và gửi khiếu nại lên Sở Lao động Bắc Kỳ, gửi bài đăng trên các báo chí công khai nhằm tranh thủ sự ủng hộ của dư luận. Lần này, địch quyết định thẳng tay đàn áp. Khoảng 200 lính được điều đến đóng khấp khu mỏ. Chúng sục đến từng nhà công nhân, dùng vũ lực thúc ép công nhân đi làm và giam giữ họ luôn tại nơi làm việc. Đồng thời, chúng tăng cường bắt giữ những người bị nghi ngờ đứng đầu bãi công.

Do không được chuẩn bị trước về tư tưởng, một bộ phận công nhân bị bắt đi làm, một số bắt đầu dao động, nao núng. Trước tình hình khó khăn, xuất phát từ cuộc khủng bố điên cuồng của địch, để bảo toàn lực lượng, Ban lãnh đạo quyết định chấm dứt đình công. Cuộc đình công lần này tạm thất bại, tinh thần đảng viên và quần chúng phần nào bị giảm sút, chủ mỏ được thế thẳng tay đàn áp.

Để xóc lại phong trào, khôi phục niềm tin của công nhân đối với phong trào cách mạng, Chi bộ Kim Sơn quyết định tổ chức kỷ niệm ngày Xôviết Nghệ - Tĩnh vào ngày 12/9/1937. Đêm 11 rạng ngày 12/9/1937, một số công nhân được phân công treo cờ đỏ búa liềm lên giữa hai đường điện cao thế chạy từ nhà máy lên tời, truyền đơn được rải ở nhiều nơi tại khu mỏ thiếc Tĩnh Túc. Sáng hôm sau, cờ đỏ búa liềm xuất hiện tung bay giữa khe núi nơi công nhân làm việc. Công nhân đi làm nhìn thấy lá cờ Đảng ai cũng phấn khởi, tin tưởng, gắn bó với Đảng. Suốt một tuần địch không hạ được cờ xuống, mật thám ngày đêm khám xét, theo dõi nghiêm ngặt người qua lại, nhưng không có lý do bắt bớ và khủng bố.

Trên cơ sở phong trào được phục hồi, cuối năm 1937, Chi bộ quyết định tiếp tục cuộc đấu tranh đình công đòi tăng lương trở lại cho công nhân.

Rút kinh nghiệm lần trước, Chi bộ bàn kế hoạch tỉ mỉ, bí mật phổ biến chủ trương đình công đến các tổ Công hội đỏ, tổ Ái hữu, bàn bạc kỹ cách giúp đỡ lẫn nhau khi cuộc đình công nổ ra. Ủy ban đấu tranh vận động các gia đình công nhân mua gạo dự trữ trước một tháng. Nhờ được vận động, giải thích, nhiều gia đình buôn gạo ở phố đã bán chịu gạo cho công nhân.

Sáng ngày 01/01/1938, công nhân mở thiếp Tỉnh Túc đồng loạt nghỉ việc kéo lên phòng giấy trao bản yêu sách gồm 6 điểm¹:

- 1- Trả lại số lương đã trừ, tăng thêm 5-10%;
- 2- Giảm giờ làm xuống 8 giờ/ngày;
- 3- Bỏ thu tiền điện;
- 4- Làm thêm nhà ở, nhà thương;
- 5- Xây máng nước;
- 6- Bỏ thuế kiểm lâm, công nhân tự do lấy củi.

Sau 5 ngày “vừa đánh vừa xoa”, trước thái độ cương quyết của những người đình công, chủ mỏ buộc phải chấp nhận hầu hết các yêu sách của công nhân².

Cuộc đấu tranh này không những gây ảnh hưởng tới các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc trong tỉnh, mà còn có tiếng vang lớn đến phong trào đấu tranh cách mạng cả nước. Thắng lợi của cuộc đình công đầu năm 1938 chứng tỏ sự trưởng thành vững mạnh của đội ngũ công nhân Cao Bằng, đồng thời nó cũng khẳng định vai trò lãnh đạo và uy

1, 2. Xem *Lịch sử Đảng bộ mở thiếp Tỉnh Túc (1930-2000)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

tín to lớn của Đảng Cộng sản Đông Dương trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cùng với khu mỏ, tại khắp các địa phương của Cao Bằng, quán triệt chủ trương của Trung ương và của Xứ ủy Bắc Kỳ, Đảng bộ Cao Bằng đã vận động nhân dân các dân tộc trong tỉnh hưởng ứng phong trào “Đại hội Đông Dương” và dự thảo Bản dân nguyện đòi thực hiện những cải cách dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân.

Đảng bộ đã chỉ đạo vận động và tổ chức nhân dân, công nhân ở tất cả các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, công sở, trường học, khu phố, làng xã họp bàn về các yêu cầu tự do, dân chủ, dân sinh, thảo ra Bản dân nguyện để gửi cho phái đoàn điều tra của Pháp sang Đông Dương, và tiến tới tổ chức Đại hội Đông Dương. Hướng dẫn các hoạt động đấu tranh của quần chúng, Đảng bộ đã chỉ đạo nêu ra các yêu cầu về tự do, dân chủ chủ yếu như: các quyền tự do về ngôn luận, hội họp, tổ chức và đi lại; trả tự do các tù chính trị; thực hiện luật lao động ngày làm 8 giờ và định lương tối thiểu; bỏ thuế thân và giảm các thứ thuế khác; bắt buộc học tiếng Việt tại các trường; nam nữ bình đẳng.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng, cao trào dân chủ 1936-1939 ngày càng phát triển mạnh, có quy mô lớn hơn và tính chất đoàn kết, quan hệ chặt chẽ.

Mở đầu cho thời kỳ đấu tranh công khai, hợp pháp là cuộc biểu tình vào tháng 8/1936 của hơn 500 đồng bào các dân tộc, kéo từ các châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Thạch An, Quảng Uyên về thị xã Cao Bằng đòi chính quyền địch thừa nhận Cao Bằng được cử đại biểu tham gia Đại hội Đông Dương, đòi các quyền tự do, dân chủ, đòi cải thiện đời sống. Đoàn biểu tình kéo đến km 5 (đường đi Nguyên Bình) thì bị

địch chặn đường khủng bố. Cuộc đấu tranh tuy không thành công nhưng có tác động mạnh mẽ, thúc đẩy phong trào đấu tranh của quần chúng các dân tộc phát triển. Tiếp đó, tháng 10/1936, 200 phu châu Quảng Uyên làm con đường Lũng Đính (xã Đình Phong, châu Trùng Khánh) dưới sự lãnh đạo của Chi bộ liên châu Quảng Uyên - Phục Hòa (Chi bộ liên châu miền Đông) đấu tranh đòi cấp tiền gạo, bọn thống trị không giải quyết, tất cả phu làm đường đồng loạt bỏ về.

Đầu năm 1937, biết tin Gôđa, đại diện Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp, sang điều tra tình hình Đông Dương và sẽ lên Cao Bằng, Tỉnh ủy Cao Bằng đã triệu tập một cuộc họp mở rộng tại núi Slam Kha (Hòa An), gồm đại biểu các cơ sở đảng, các châu. Hội nghị bàn việc đón tiếp phái đoàn Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp nhằm biểu dương lực lượng và đề đạt nguyện vọng của quần chúng nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Hội nghị còn kiểm tra cơ sở đảng ở tổng Thông Nông (châu Hà Quảng) để đặt cơ quan chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Biết chắc đại diện Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp sẽ lên Cao Bằng, Tỉnh ủy đã chỉ thị cho các cơ sở đảng vạch kế hoạch vận động quần chúng và cử đại biểu tham gia cuộc biểu dương lực lượng do Tỉnh ủy tổ chức.

Thi hành chỉ thị đó, các cơ sở đảng đã vận động quần chúng tham gia đông đảo. Các châu Quảng Uyên, Hà Quảng, Nguyên Bình... đều cử đại biểu ra tỉnh tham dự cuộc biểu tình đưa Bản dân nguyện. Nhưng trên đường đi, các đoàn đại biểu bị mật thám, binh lính ngăn cản, lừa gạt, khủng bố nên họ đều phải quay về. Chi bộ Đảng mở thiếc Tỉnh Túc do điều kiện liên lạc khó khăn, nên không cử được đại biểu ra dự. Chi bộ Đảng châu Thạch An không những cử đại biểu ở các cơ sở Phạc Sliến (Vân Trình), Bản Lũng (Thái Cường), Hạ Pha

(Đức Xuân) tham gia cuộc biểu tình lớn do Tỉnh ủy tổ chức, mà còn tổ chức biểu tình tại địa phương đưa Bản dân nguyện cho đại diện Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp tại Bản Lũng, một địa điểm trên con đường từ Đông Khê lên Cao Bằng vào ngày 21/02/1937. Đó là thắng lợi bước đầu của Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng.

Riêng Châu ủy Hòa An, đã triệu tập cuộc họp bàn việc thảo Bản dân nguyện và vận động quần chúng tham gia đồng đảo cuộc đấu tranh. Kết quả là đã vận động gần 2.000 người, thuộc đủ các thành phần dân tộc kéo đến tập trung tại km 5 trên đường từ thị xã Cao Bằng đi Nguyên Bình. Bởi vì không biết chính xác ngày giờ phái đoàn Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp sẽ vào mở thiếc Tỉnh Túc nên mọi người phải chờ đợi trong một thời gian khá dài (gần tuần lễ). Để hợp pháp hóa thời gian chờ đợi, Ban lãnh đạo đã tổ chức hội Xuân, vui Tết, tổ chức các cuộc đấu bóng hữu nghị trên các bãi, các thửa ruộng tại nơi tập trung. Đồng bào ở các xóm của xã Xuân Phách (nay là phường Đề Thám) tham dự cuộc biểu tình lớn do Tỉnh ủy Cao Bằng tổ chức đã nhận nhiệm vụ bố trí nơi ăn, chốn ở cho cả một khối người đông đảo trong suốt cả một tuần lễ. Sáng ngày 25/02/1937 (tức ngày 7 tháng Giêng năm Đinh Sửu), Gôđa từ thị xã vào Tỉnh Túc, đoàn người đã đứng đầy hai bên đường tại km 5 đường đi Nguyên Bình. Do thiếu kinh nghiệm cản xe, hơn nữa bị mật thám, binh lính ngăn cản nên đại biểu của quần chúng không đưa được Bản dân nguyện. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo hội ý và có kế hoạch đón vào buổi chiều khi phái đoàn của Gôđa từ Tỉnh Túc trở ra, với địa điểm km 8, nhằm đánh lạc hướng của địch. Khoảng 16 giờ ngày 25/02/1937, ta đã đưa được Bản dân nguyện cho Gôđa.

Cuối cùng, cuộc biểu dương của 2.000 đồng bào châu Hòa An đã biến thành một cuộc mít tinh lớn trong tinh thần đấu

tranh mạnh mẽ, tỏ rõ nguyện vọng của mình là tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Ở đây, thắng lợi của cuộc đấu tranh không phải đóng khung ở chỗ đã đưa được Bản dân nguyện cho đại diện Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp sau một thời gian kiên trì và bên bỉ đấu tranh làm thất bại những âm mưu, thủ đoạn của bọn thống trị và tay sai ở địa phương. Quan trọng hơn là ở chỗ, Đảng bộ đã tích cực hoạt động nhằm thực hiện có kết quả các chủ trương, chỉ thị của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ, kiên trì vận động, giáo dục và tập hợp được đông đảo quần chúng trong cuộc đấu tranh cách mạng. Do đó, đã gieo vào lòng quần chúng và làm cho ngày càng thấm sâu trong nhân dân niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, khích lệ tinh thần yêu nước, độc lập, tự do và cổ vũ sự đoàn kết, tương thân, tương ái của nhân dân các dân tộc trong cuộc đấu tranh chung.

Cuộc vận động đấu tranh này đã lan rộng ra khắp toàn tỉnh. Châu ủy Hà Quảng đã vận động và tập hợp được khá đông quần chúng kéo xuống Hòa An tham gia cuộc biểu dương lực lượng, góp phần tăng thêm sức mạnh đấu tranh. Bên cạnh đó, Chi bộ liên châu Quảng Uyên - Phục Hòa đã tập hợp được một đoàn đại biểu tham gia cuộc biểu dương lực lượng do Tỉnh ủy tổ chức.

Một trong những nét nổi bật ở Cao Bằng trong giai đoạn lịch sử cách mạng này là ở chỗ, nắm vững chủ trương hoạt động công khai của Đảng trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939 và tác dụng của báo chí tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống phát xít và bọn phản động ở thuộc địa, chống chiến tranh đế quốc. Đảng bộ Cao Bằng đã tổ chức nhiều đại lý sách báo tiến bộ ở những khu vực đông dân, tại các đầu mối giao thông quan trọng như thị xã Cao Bằng, các thị trấn Nước Hai, Sóc Giang, Quảng Uyên, Đông Khê, Trùng Khánh... Các tờ

báo được bán ở các đại lý như *Đời nay*, *Tiếng vang*, *Tin tức*... kể cả báo tiến bộ bằng tiếng Pháp như tờ *Le Travail* (*Lao động*)... Một trong những nội dung chủ yếu của các tờ báo này là vạch rõ những thủ đoạn áp bức, bóc lột rất thâm độc của đế quốc, phong kiến; nêu bật những nguyện vọng chính đáng của các dân tộc Đông Dương. Những kinh nghiệm đấu tranh của quần chúng, các chủ trương, chính sách của Đảng nhằm giác ngộ quần chúng và thu hút họ vào cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

Nhiều cán bộ, đảng viên, những quần chúng tích cực của Đảng thường xuyên đến các đại lý đặt mua báo để nắm vững tình hình và chủ trương, đường lối của Đảng, kinh nghiệm đấu tranh cách mạng ở các địa phương khác để kịp thời chỉ đạo phong trào quần chúng tại nơi mình phụ trách. Một số đảng viên được Tỉnh ủy cử bán sách, báo tại các đại lý, nên các đại lý trở thành những đầu mối liên lạc giữa các cơ sở đảng với nhau và giữa cơ sở đảng với Tỉnh ủy, trở thành những trạm chuyển giao các tài liệu bí mật, những công văn, chỉ thị của Tỉnh ủy đến các cơ sở đảng để kịp thời tổ chức chỉ đạo quần chúng đấu tranh.

Riêng Đảng bộ Cao Bằng cũng đã xuất bản hai tờ báo là: *Lao động* và *Chuông giải phóng*. Hai tờ báo này tuy xuất bản không đều kỳ nhưng có tác dụng lớn trong việc tuyên truyền, giác ngộ, hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Trên những tờ báo này, ngoài tin tức trong nước và thế giới, những chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Đông Dương, còn có các bài thơ ca cách mạng bằng cả tiếng Kinh lẫn tiếng dân tộc thiểu số, nhằm kêu gọi, thức tỉnh đồng bào các dân tộc trong tỉnh, thúc giục, động viên họ mau mắn bước vào con đường đấu tranh.

Ngoài ra, Tỉnh ủy còn chủ trương đẩy mạnh phong trào xây dựng trong thôn xóm các hội tương tế gọi là các “Hội bản”,

“Hội làng”, “Phe giáp” chống tệ nạn xã hội cũ nhằm củng cố và phát triển tình thương yêu giai cấp giữa những người lao động, được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng.

Cũng nhằm tập hợp, động viên quần chúng đấu tranh, nâng cao lòng yêu nước, tinh thần cách mạng với tinh thần triệt để lợi dụng các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp, vào các năm 1937-1938, Tỉnh ủy đã chủ trương đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao, nhất là môn bóng đá nhằm thu hút đông đảo tầng lớp thanh niên, học sinh, giáo viên... tham gia. Mỗi trận đấu bóng là những dịp tốt để tuyên truyền, giáo dục, gây ảnh hưởng trong quần chúng, đồng thời, là một hình thức ngụy trang cho các mối liên hệ giữa các tổ chức cơ sở đảng ở các địa phương, cho các cuộc họp Tỉnh ủy, Châu ủy và chi bộ đảng.

Bên cạnh phong trào thể dục thể thao, Tỉnh ủy cũng rất quan tâm tới việc gây dựng phong trào học văn hóa nhằm nâng cao trình độ của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Các lớp học ban đêm, buổi trưa tại các chòm xóm, thôn bản được tổ chức với phương châm “người biết dạy người chưa biết, người biết nhiều dạy người biết ít”. Đồng thời, các chi bộ Đảng còn tổ chức các lớp học võ dân tộc, múa sư tử, các lớp nghiệp vụ văn hóa như các lớp kịch, xiếc, không những đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần ngày một nâng cao của quần chúng, mà còn là một hình thức vận động, tổ chức, giác ngộ quần chúng, đẩy cuộc đấu tranh của quần chúng lên mức cao hơn.

Nhờ chấp hành nghiêm chỉnh, sáng tạo các chủ trương, đường lối, các chỉ thị của Trung ương Đảng và hoạt động tích cực của Đảng bộ, nên ở Cao Bằng đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng, đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ.

Vào cuối năm 1936, đầu năm 1937, ở tổng Thông Nông (châu Hà Quảng), dưới sự lãnh đạo của Châu ủy, đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao... đã ký vào đơn đòi giảm thuế thân và cử đoàn đại biểu về Hà Nội gặp Thống sứ Bắc Kỳ đòi thi hành giảm thuế thân như Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban hành. Tuy Thống sứ không chấp nhận và có thái độ đe dọa đoàn đại biểu của ta, nhưng cuộc đấu tranh này đã thúc đẩy phong trào đấu tranh ở tổng Thông Nông phát triển mạnh mẽ và rộng khắp.

Ngày 01/5/1938, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, gần 400 đồng bào Mông, Dao thuộc các châu Hòa An, Nguyên Bình đã ký vào đơn đòi giảm thuế, chống bắt phu và cử đồng chí Dương Kim Dao làm đại diện về Bắc Bộ phủ (Hà Nội) gặp Thống sứ Bắc Kỳ để đấu tranh; hơn 200 đồng bào Mông, Dao kéo về thị xã đấu tranh đòi giảm thuế, chống bắt phu. Chính quyền địch đã huy động binh lính, cảnh sát đến đàn áp, đánh đập dã man và giam giữ một số người để giải tán, nhưng vẫn không đè bẹp được ý chí đấu tranh của quần chúng, mà trái lại, chỉ đổ thêm dầu vào ngọn lửa căm hờn của quần chúng khiến họ càng quyết tâm theo Đảng làm cách mạng, giành độc lập, tự do.

Tháng 7/1938, trên 500 nông dân châu Hòa An mang theo các biểu ngữ, khẩu hiệu (chống phụ thu lạm bổ và đòi giảm thuế), từ gò Đống Lân (thuộc Cao Bình) kéo lên phủ Hòa An phản kháng việc tăng thuế lên 38% và các khoản phụ thu lạm bổ. Tri phủ Hòa An không giải quyết, đoàn người đã quay trở lại, kéo về thị xã đấu tranh trực diện với tuần phủ. Trước sức mạnh và lý lẽ sắc bén của quần chúng, tuần phủ phải chấp nhận hoàn lại số tiền thuế đã lạm thu của nhân dân.

Một số địa phương như Thạch An, Quảng Uyên... tuy chưa đủ điều kiện tiến hành những cuộc huy động lớn để

biểu dương lực lượng, nhưng các chi bộ đảng đã vận động quần chúng làm đơn lấy chữ ký đòi giảm thuế, đòi các quyền tự do, dân chủ.

Trong thời kỳ này, Đảng bộ Cao Bằng còn chú ý tới công tác binh vận. Châu ủy Hà Quảng đã vận động, tổ chức được hơn 200 binh lính đấu tranh đòi cải thiện điều kiện sinh hoạt và giải quyết các vấn đề quân nhu (đòi cung cấp nón, quần áo, xà cạp, tiền phụ cấp những ngày đi tuần tra, canh gác). Bọn chỉ huy phải nhượng bộ. Nhưng cũng từ đây, chúng tìm cách khủng bố những người mà chúng gọi là “những phần tử nguy hiểm” nhằm ngăn chặn ảnh hưởng hoạt động của Đảng Cộng sản vào hàng ngũ binh lính.

Song song với hoạt động công khai, dưới các hình thức đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp, Đảng bộ chú ý đẩy mạnh hoạt động bí mật nhằm mở rộng và củng cố các cơ sở đảng, các tổ chức quần chúng, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh toàn diện hơn, rộng lớn và quyết liệt hơn trong phạm vi toàn tỉnh.

Trước hết, Đảng bộ Cao Bằng đã chú ý củng cố cơ sở đảng ở tổng Thông Nông, là nơi chi bộ đảng đã được thành lập từ cuối năm 1936, để đặt cơ quan Tỉnh ủy. Tỉnh ủy đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mới. Đầu năm 1937, đồng chí Hoàng Văn Thụ từ nước ngoài đến Thông Nông công tác. Tại đây, đồng chí đã góp nhiều ý kiến quan trọng với Tỉnh ủy Cao Bằng về công tác xây dựng Đảng, về kinh nghiệm, bài học lãnh đạo, chỉ đạo quần chúng đấu tranh. Đồng thời, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã mở một lớp huấn luyện ngắn ngày nhằm đào tạo một đội ngũ cán bộ làm nòng cốt cho phong trào cách mạng ở địa phương.

Tại tổng Thông Nông, đầu năm 1937, đã xuất bản tờ báo *Lao động*, cơ quan tuyên truyền ngôn luận của Đảng bộ Cao Bằng. Việc đặt được cơ quan in báo tại xóm Nà Goại (nay là

Phja Toọc, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng) và hoạt động thuận lợi, chúng tỏ phong trào của quần chúng tại Thông Nông phát triển.

Công tác xây dựng Đảng, một trong những nhân tố bảo đảm thắng lợi của cách mạng cũng được chú ý đẩy mạnh ở một số địa phương khác. Năm 1934, Chi bộ Cốc Coóc - Chi bộ liên châu miền Đông (Chi bộ liên châu Quảng Uyên - Phục Hòa) đã đề ra chủ trương và đặt kế hoạch phát triển tổ chức đảng sang châu Trùng Khánh. Đến năm 1939, tại đây đã bắt đầu có cơ sở đảng nhưng hoạt động chỉ bắt đầu mạnh lên từ năm 1941¹.

Những năm 1937-1939, Châu ủy Hà Quảng dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy đã cử nhiều cán bộ đến Lục Khu², một dải đất nằm kề sát biên giới Việt - Trung, để gây dựng cơ sở cách mạng, vận động quần chúng thành lập các hội phòng phi, hội đánh Tây. Kết quả là năm 1938, sau một thời gian tuyên truyền, vận động, chi bộ Đảng ở Lục Khu được thành lập. Đến năm 1939, trên dải đất biên khu từ Lục Khu, Pác Bó đến Nà Sác đã hình thành một vùng có cơ sở cách mạng tương đối vững chắc của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chọn làm nơi đặt chân đầu tiên khi trở về

1. Ngày 16/9/1939, tại Ngườm Mạ, Bản Đà, xã Đình Minh (Trùng Khánh), Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của châu Trùng Khánh được thành lập. Tại buổi lễ, đồng chí Nguyễn Thanh Cao tuyên bố kết nạp đồng chí Nguyễn Văn Mân (bí danh Chí Viễn), Nông Quốc Nghĩa (bí danh Ái Quốc, về sau đổi là Minh Tâm) vào Đảng, chuyển đảng viên dự bị Hoàng Thị Đáo thành đảng viên chính thức. Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của châu Trùng Khánh được thành lập gồm 4 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Mân (Chí Viễn) làm Bí thư Chi bộ.

2. Sáu xã thuộc tổng Trung An, châu Hà Quảng, nay là 12 xã thuộc huyện Hà Quảng.

Tổ quốc. Nhìn chung, trong thời kỳ vận động dân chủ 1936-1939, hầu hết các châu trong tỉnh Cao Bằng có cơ sở đảng, có các chi bộ hoạt động.

Năm 1939, do tác động của Chiến tranh thế giới thứ hai, việc sản xuất của các khu mỏ Cao Bằng bị thu hẹp. Chủ mỏ giảm lương thợ, thái bất công nhân. Tình cảnh công nhân ngày càng cơ cực. Khó khăn chồng chất không những không làm nhụt được ý chí đấu tranh của công nhân, mà trái lại càng nung nấu thêm lòng căm thù đối với bọn thực dân xâm lược. Chính trong lúc này, đội ngũ công nhân mỏ càng gắn bó và tin tưởng vào tổ chức đảng. Chi bộ phát triển thêm đảng viên mới, chất lượng đảng viên cũng được nâng cao hơn, trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân mỏ trong giai đoạn mới trên con đường cách mạng giải phóng dân tộc.

Như vậy, có thể nói, trong những năm 30 của thế kỷ XX, cùng với sự ra đời của các tổ chức Đảng Cộng sản, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Cao Bằng có những bước tiến lớn cả về lượng lẫn về chất. Đây là kết quả của đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương cũng như các cơ sở của Đảng ở Cao Bằng trong công cuộc lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cũng chứng tỏ tinh thần yêu nước nồng nàn và ý chí đấu tranh cách mạng kiên quyết của nhân dân các dân tộc và đội ngũ công nhân Cao Bằng. Tất cả những điều này là những điều kiện thuận lợi để cuộc đấu tranh cách mạng ở Cao Bằng bước vào một thời kỳ mới.

Giữa lúc phong trào cách mạng của nước ta đang phát triển thuận lợi, thì Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và nhanh chóng lan sang khắp châu Âu, châu Á, châu Phi. Ở Pháp, Chính phủ Mặt trận Nhân dân bị đổ, lực lượng cánh

hữu lên cầm quyền, ban bố lệnh động viên sức người, sức của, kể cả ở các nước phụ thuộc và thuộc địa, phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc.

Ở Đông Dương, bọn phản động thuộc địa tăng cường khủng bố phong trào cách mạng, thẳng tay đàn áp nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản. Khắp nơi diễn ra cảnh tàn sát, khủng bố dã man. Ngày 04/01/1940, Toàn quyền Đông Dương Catrou tuyên bố: “Chúng ta đánh toàn diện và mau lẹ vào các tổ chức cộng sản. Trong cuộc đấu tranh này phải tiêu diệt cộng sản thì xứ Đông Dương mới được yên ổn và mới trung thành với nước Pháp; chúng ta không có quyền không thắng, tình thế chiến tranh buộc chúng ta hành động không một chút thương tiếc”¹.

Đứng trước tình hình đó, Đảng quyết định rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn.

Tháng 11/1939, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ sáu do đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư của Đảng chủ trì, quyết định chuyển hướng chiến lược, tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc và thành lập Mặt trận Phản đế Đông Dương. Ngay từ đầu năm 1939, Xứ ủy Bắc Kỳ đã bí mật chỉ thị cho các đảng bộ địa phương phải củng cố và phát triển các cơ sở cách mạng ở nông thôn, phòng khi bất trắc sẽ rút vào hoạt động bí mật, vì chiến tranh thế giới sẽ nổ ra, bọn đế quốc, thực dân sẽ tăng cường khủng bố phong trào cách mạng.

Ở Cao Bằng, vào cuối năm 1939, đầu năm 1940, thực dân Pháp và tay sai ra sức khủng bố phong trào cách mạng của quần chúng, phá các cơ sở cách mạng ở Hòa An, Hà Quảng, Thạch An và các châu khác trong tỉnh. Tỉnh ủy Cao Bằng

1. *Cách mạng Tháng Tám*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, 1970, tr.8.

quyết định nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật. Châu ủy Hòa An đã dựng một số lán bí mật trong rừng sâu. Châu ủy Hà Quảng tích cực hoạt động nhằm củng cố vùng Lục Khu - Pác Bó - Nà Sác, vốn đã có cơ sở cách mạng tương đối vững chắc. Tại đây, các đồng chí đã tổ chức ra các đội tự vệ vũ trang dưới danh nghĩa là các hội phòng phi, hội đánh Tây.

Tháng 02/1940, đồng chí Lê Đoàn Chu (tức Lê Mối, Nam Cao), Bí thư Tỉnh ủy, đến gặp các đồng chí trong Ban Châu ủy Hà Quảng để bàn định kế hoạch đối phó với sự khủng bố ác liệt của địch, bàn biện pháp chấp nối liên lạc giữa Châu ủy Hà Quảng và Châu ủy Hòa An, giữa hai Ban Châu ủy đó với Tỉnh ủy. Sau đó, một cuộc họp của Châu ủy Hà Quảng được triệu tập tại Cốc Sâu (xã Sóc Hà, châu Hà Quảng) với sự tham dự của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, quán triệt chủ trương mới của Đảng. Cũng trong thời gian đó, một số đồng chí đảng viên, cán bộ đã tích cực hoạt động gây dựng cơ sở bí mật và các trạm liên lạc giữa các cơ sở đảng, với mục đích nhanh chóng thông báo tình hình và những chủ trương của cấp trên xuống đến tận cơ sở.

Tuy vậy, do việc thông tin liên lạc không thuận lợi, nên Ban lãnh đạo Tỉnh ủy mặc dù đã mau lẹ trong chuyển hướng hoạt động, nhưng ở nhiều nơi đã không thực hiện kịp thời, thêm nữa lại xảy ra vụ phản bội của kẻ được giao nhiệm vụ làm giao thông liên lạc giữa các cơ sở đảng, địch bất ngờ khủng bố ác liệt, bắt hầu hết các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, Châu ủy Hòa An và Hà Quảng vào tháng 6/1940. Trong đó, đồng chí Lê Đoàn Chu, Bí thư Tỉnh ủy cũng bị bắt, nên phong trào cách mạng ở Cao Bằng bị đẩy vào tình thế hết sức khó khăn.

Ở Hòa An, các đồng chí đảng viên còn sót lại sau cuộc khủng bố vây bắt của địch, đã tự động liên lạc với nhau và

triệu tập cuộc họp tại Phja Ngả (thuộc xã Hồng Việt, Hòa An) vào tháng 6/1940. Cuộc họp đã cử ra Ban Châu ủy lâm thời¹, với nhiệm vụ trước mắt là giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng; tiếp tục củng cố và phát triển các cơ sở đảng, cơ sở cách mạng của quần chúng.

Ở Hà Quảng, Ban Châu ủy đã phân công từng đồng chí cán bộ đi sâu vào các thôn, xóm để ổn định tinh thần của quần chúng, giữ vững phong trào. Cuối năm 1940, khi cuộc khủng bố của địch trở nên ác liệt hơn, Châu ủy Hà Quảng chủ trương đưa số cán bộ, đảng viên đang bị địch truy lùng rút vào hoạt động bí mật; một số ít đồng chí được đưa sang biên giới để tiếp tục làm nhiệm vụ được giao. Số cán bộ, đảng viên này có gần 10 người. Biết được tin này, các đồng chí đảng viên, cán bộ ở Hòa An (chủ yếu là các đồng chí ở các tổng Nhượng Bạ, Tĩnh Oa) đã cử người đến liên lạc với Châu ủy Hà Quảng. Sau khi được cấp trên đồng ý, 30 đồng chí đã ra nước ngoài vào tháng 11 và tháng 12/1940. Như vậy, tổng số cán bộ, đảng viên ra nước ngoài của hai châu Hòa An và Hà Quảng đã lên tới gần 40 người.

Tuy vậy, những cán bộ, đảng viên và quần chúng tích cực của Đảng chưa bị lộ vẫn bám sát cơ sở, kiên trì vận động, giác ngộ, tổ chức quần chúng đấu tranh với kẻ thù. Một số đồng chí ra nước ngoài không chỉ tránh sự truy nã của địch, mà còn có nhiệm vụ tìm cách bắt liên lạc với tổ chức đảng cấp trên ở nước ngoài để nắm tình hình và chủ trương của Đảng trong tình hình mới.

Thời kỳ vận động cách mạng 1936-1940, dưới ánh sáng Nghị quyết của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Đại hội lần

1. Gồm các đồng chí: Lê Tông, Lê Khương, Lê Đoàn Thước (tức Lê Đoàn), Nguyễn Thế Đỗ...

thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương, đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng, Đảng bộ Cao Bằng đã vận dụng nhạy bén, sáng tạo đường lối chiến lược cách mạng của Đảng, tập hợp quần chúng nhân dân các dân tộc dưới ngọn cờ Mặt trận Dân chủ Đông Dương, đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống. Phong trào “Đại hội Đông Dương”, phong trào đòi “Dân nguyện” đã thu hút đông đảo quần chúng các dân tộc trong tỉnh, cả vùng thấp, vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh, gồm đầy đủ các dân tộc: Tày, Nùng, Mông, Dao... tham gia. Đảng bộ triệt để lợi dụng các hình thức hoạt động công khai hợp pháp và nửa hợp pháp; đồng thời, chú ý công tác hoạt động bí mật, đẩy mạnh xây dựng đảng và các tổ chức quần chúng, lấy đó làm nòng cốt để thúc đẩy phong trào cách mạng. Các hội làng, hội bản, phe giáp càng tăng cường đoàn kết dân tộc, tình thương yêu giai cấp không ngừng được củng cố, khối đoàn kết các dân tộc được tăng cường. Các hoạt động tuyên truyền, đọc báo chí công khai, phong trào học văn hóa, thể thao ngày càng lan rộng và sôi nổi nhằm chia sẻ nỗi đau khổ cho quốc gia và phong kiến, tay sai với khẩu hiệu chống bắt phu ngày mùa, đi phu phải được cấp tiền, gạo, chống phụ thu lạm bổ, đòi giảm thuế, đòi cải thiện dân sinh... đã từng bước giác ngộ quần chúng các dân tộc trong tỉnh, chuẩn bị điều kiện để đưa quần chúng bước vào những trận chiến đấu quyết liệt hơn trong thời kỳ mới.

Chương II
LÃNH TỰ NGUYỄN ÁI QUỐC
VỀ NƯỚC TRỰC TIẾP LÃNH ĐẠO
CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC
TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM
(1941-1945)

I. LÃNH TỰ NGUYỄN ÁI QUỐC VỀ NƯỚC TRỰC TIẾP
LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC
(1941 - 4/1945)

Tháng 6/1940, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng. Nhân cơ hội đó, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương. Nhân dân Đông Dương vốn đã khổ cực, nay lại thêm một trùng nữa vào cổ, sống nghệt thở dưới hai tầng áp bức, thống trị của Nhật, Pháp.

Nhân dân ta không còn con đường nào khác ngoài con đường vùng dậy đấu tranh tự giải phóng. Tháng 9/1940, khi phát xít Nhật đánh vào Lạng Sơn, đã bùng nổ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn; chỉ hai tháng sau đó, tức vào tháng 11/1940, nổ ra cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ.

Trước diễn biến của tình hình thế giới và phong trào cách mạng trong nước, tháng 11/1940, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ bảy. Hội nghị đã xác định kẻ thù chính lúc này của dân tộc ta là phát xít Nhật - Pháp và bè lũ tay sai của chúng, đề ra nhiệm vụ trước mắt của Đảng

ta trong giai đoạn lịch sử này là lãnh đạo nhân dân Đông Dương chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền và quyết định duy trì đội du kích Bắc Sơn, xây dựng vùng Bắc Sơn - Võ Nhai thành một căn cứ vững chắc.

Tháng 6/1940, sau khi nước Pháp bị Đức chiếm đóng, nhận thấy thời cơ giành độc lập đã đến, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khẩn trương chuẩn bị về nước lãnh đạo phong trào cách mạng. Tháng 10/1940, Người hoạt động tại Quế Lâm (Trung Quốc), chỉ thị cho tất cả cán bộ của Đảng đang hoạt động ở nước ngoài nhanh chóng trở về nước, để gấp rút chuẩn bị lực lượng đón thời cơ giành chính quyền. Được biết có gần 40 cán bộ, đảng viên người Cao Bằng đang hoạt động ở Tĩnh Tây, Người đã cử các đồng chí Trịnh Đông Hải (tức Vũ Anh), Dương Hoài Nam (tức Võ Nguyên Giáp) và Cao Hồng Lĩnh về nắm tình hình, bắt liên lạc với số cán bộ người Cao Bằng và chuẩn bị các điều kiện để Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng.

Trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu kỹ lưỡng từ trước, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi hội đủ các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” để về nước xây dựng căn cứ địa cách mạng và chỉ đạo phong trào cách mạng toàn quốc. Khi còn ở nước ngoài, Người đã nhận định: “Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nổi phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ”¹.

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.37.

Cũng trong khoảng thời gian này, đồng chí Hoàng Văn Thụ được Trung ương Đảng giao nhiệm vụ đi đón Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đồng chí đã gặp Người tại Tĩnh Tây vào tháng 12/1940.

Nắm thêm tình hình phong trào cách mạng trong cả nước, đặc biệt là phong trào ở Cao Bằng qua đồng chí Hoàng Văn Thụ, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định về Cao Bằng xây dựng căn cứ địa Cao Bằng. Người cũng gặp một số đồng chí khác tìm hiểu, nghiên cứu tỉ mỉ phong trào cách mạng ở Cao Bằng, nhất là vùng có cơ sở cách mạng ở biên khu như Lục Khu, Pác Bó, Nà Sác..., về số cán bộ người Cao Bằng đang hoạt động ở bên kia biên giới Việt - Trung và đưa số cán bộ này (gần 40 người) về nước hoạt động. Trong thời điểm lịch sử khẩn trương và cấp bách, phong trào cách mạng ở Cao Bằng đòi hỏi sự chỉ đạo sâu sát của Trung ương, thì việc đồng chí Nguyễn Ái Quốc, vị Lãnh tụ thiên tài của dân tộc ta, chọn Cao Bằng làm địa bàn đứng chân hoạt động là một thuận lợi hiếm có đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Đầu tháng 01 năm 1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng một số đồng chí cán bộ Trung ương Đảng và gần 40 cán bộ người Cao Bằng bắt đầu rời Tĩnh Tây về nước. Trước lúc vượt biên giới, Người dừng chân một thời gian ngắn để huấn luyện cán bộ tại hai địa điểm Nặm Quang và Ngâm Táy, với một chương trình toàn diện và súc tích. Chương trình huấn luyện gồm các vấn đề: tình hình thế giới và trong nước; nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại; Chương trình, Điều lệ Việt Minh; cách thức tổ chức các hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh; các bước công tác cụ thể điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện và đấu tranh. Giúp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong các lớp huấn luyện này có các đồng chí

Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đông, Võ Nguyên Giáp. Đây là lớp huấn luyện đầu tiên do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trương và trực tiếp tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho công tác thí điểm phong trào Việt Minh ở Cao Bằng. Tuy lớp huấn luyện được tổ chức trong hoàn cảnh hết sức khó khăn do điều kiện vật chất thiếu thốn, bữa ăn chỉ có cháo bẹ với rau rừng, nhưng tinh thần học tập của các cán bộ, đảng viên rất hào hứng. Thời gian học tập tuy ngắn, nhưng khẩn trương, kỹ lưỡng, nên toàn thể học viên đều nắm vững chủ trương, đường lối cách mạng trong điều kiện lịch sử mới và cách thức gây dựng, phát triển phong trào Việt Minh. Đặc biệt, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc rất quan tâm rèn luyện cho cán bộ có đạo đức và tác phong công tác tốt, cán bộ cần nghiêm khắc giữ đúng 5 điều nên làm và 5 điều nên tránh, tìm hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của địa phương. Những lời dạy đó đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

“5 điều nên làm đó là:

- Giúp dân những công việc thiết thực hàng ngày.

- Tìm hiểu phong tục, tập quán, nghiêm túc chấp hành điều kiêng.

- Học tiếng địa phương, dạy hát, dạy chữ, gây cảm tình tốt với dân.

- Từng nơi, từng lúc mà tuyên truyền cách mạng cho thích hợp.

- Làm cho dân thấy mình là người đứng đắn, chăm lo công việc, trọng kỷ luật; do đó, dân càng tin và giúp ta.

5 điều nên tránh là:

- Tránh việc gì làm thiệt hại đến dân, làm bẩn, làm hỏng nhà cửa, ruộng vườn của dân.

- Tránh năn nỉ hoặc mượn thứ gì cho kỳ được.

- Tránh sai lời hứa.

- Tránh vi phạm phong tục, tập quán, tín ngưỡng của dân.
- Tránh lộ bí mật”¹.

Lớp học bế mạc ngày 29 tháng Chạp (tức ngày 26/01/1941) và sáng mừng 2 Tết Tân Ty, số cán bộ vừa được huấn luyện ấy đã lên đường về quê hương hoạt động.

Ngày 28/01/1941 (tức ngày mừng 2 Tết Tân Ty), Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã vượt qua mốc 108² ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc, đặt bước chân đầu tiên lên mảnh đất Pác Bó, xã Trường Hà, châu Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, nơi có địa thế hiểm trở, núi non hùng vĩ, có quần chúng nhân dân đã được giác ngộ, kiên cường đấu tranh, trung thành với Đảng, với cách mạng, có niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng. Địa thế và lòng dân Pác Bó rất xứng đáng được Lãnh tụ đặt cơ quan chỉ đạo phong trào cách mạng. Người lấy hang Cốc Bó làm trụ sở và làm việc tại bàn đá bên bờ suối Lenin³. Từ đây, Pác Bó với ngọn núi Các Mác và dòng suối Lenin tại nơi Người làm việc và do Người đặt tên, thể hiện tư tưởng, mục tiêu, đường lối cách mạng, niềm tin tất thắng, đã vinh dự đi vào trang sử vẻ vang hiện đại của Đảng và dân tộc ta, gắn bó với sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Ở Pác Bó, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ngày đêm chăm lo chỉ đạo phong trào cách mạng chung của cả nước, đồng thời dành nhiều thì giờ để trực tiếp vạch đường, chỉ lối cho phong trào cách mạng Cao Bằng. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc liên tiếp mở nhiều lớp huấn luyện về tổ chức Mặt trận Việt Minh, về

1. Nhiều tác giả: *Bác Hồ về nước*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 2006, tr.97.

2. Nay là cột mốc quốc giới số 675.

3. Tại bàn đá, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã biên soạn nhiều tài liệu cách mạng và dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô (b)* ra tiếng Việt.

Chương trình, Điều lệ Việt Minh cho các cán bộ ở Cao Bằng. Người cũng bắt tay vào chỉ đạo thực hiện thí điểm Chương trình Mặt trận Việt Minh và tổ chức các đoàn thể cứu quốc tại các châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình.

Phong trào Việt Minh dưới sự chỉ đạo của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã thâm nhập vào từng chòm xóm, làng bản; nơi nào đã tổ chức được từ ba đến năm hội viên thì lập ra một tiểu tổ cứu quốc, có hai, ba tiểu tổ cứu quốc (như Thanh niên Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc...) thì bầu ra ban chấp hành từng giới; ở xã nào có hai, ba ban chấp hành như vậy thì cử ra Ban Việt Minh xã. Những hội viên cứu quốc sau khi đã thấm nhuần Chương trình, Điều lệ Việt Minh lại tiếp tục đi tuyên truyền, vận động, phát triển tổ chức các hội viên mới. Tiêu biểu là Đội Nhi đồng Cứu quốc (tiên thân của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh) được thành lập ngày 15/5/1941, tại thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, châu Hà Quảng, do Nông Văn Dền (bí danh Kim Đồng)¹ làm đội trưởng. Đội có mục đích tham gia đánh Tây, đuổi Nhật, giành độc lập cho nước nhà với nhiệm vụ giao thông liên lạc, đưa đón, bảo vệ cán bộ, canh gác cho các cuộc họp của Đảng.

1. Các đội viên đầu tiên gồm: Nông Văn Dền (bí danh: Kim Đồng), Nông Văn Thành (bí danh: Cao Sơn), Lý Thị Nì (bí danh: Thủy Tiên), Lý Thị Xậu (bí danh: Thanh Thủy). Sau 2 tháng kết nạp thêm 2 đội viên mới là: Lý Văn Tình (bí danh: Thanh Minh), Triệu Văn Hùng (bí danh: Quế Lâm).

Nông Văn Dền (1928-1943), dân tộc Nùng, sinh ra trong một gia đình rất nghèo ở thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Khi Đội Nhi đồng Cứu quốc được thành lập, Nông Văn Dền được mang bí danh Kim Đồng và được cử làm đội trưởng. Trong công tác, Kim Đồng luôn tỏ rõ là người mưu trí, dũng cảm. Ngày 15/02/1943, Kim Đồng đã anh dũng hy sinh để bảo vệ an toàn cho cán bộ đang họp tại chân núi sau làng Nà Mạ. Ngày 23/7/2007, Kim Đồng được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Chương trình, Điều lệ Việt Minh sở dĩ nhanh chóng thấm sâu vào trong quần chúng, các tổ chức cứu quốc phát triển nhanh, mạnh là do đáp ứng được nguyện vọng thiết tha của quần chúng. Thêm nữa, các cán bộ, đảng viên đã biết vận dụng các hình thức vận động, tuyên truyền phù hợp với từng tầng lớp, từng lứa tuổi và từng giới. Phong trào tuy phát triển mạnh nhưng tuân thủ nghiêm chỉnh Chính cương, Điều lệ, trên cơ sở nhìn nhận tình hình và khả năng thực hiện những nhiệm vụ chính trị, tổ chức một cách thận trọng, kỹ lưỡng. Những buổi kết nạp hội viên mới được tổ chức nghiêm trang, các hội viên của các tổ chức cứu quốc tự nguyện thể:

- Tuyệt đối trung thành với đoàn thể.

- Nỗ lực hoạt động vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

- Hết sức giữ bí mật.

- Bị bắt không khai báo.

- Đoàn kết các dân tộc để đánh Pháp, đuổi Nhật.

Sau ba tháng thí điểm phong trào Việt Minh, số hội viên ở ba châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình đã lên tới khoảng 2.000 người thuộc đủ các thành phần dân tộc Tày, Nùng, Kinh, Dao, Mông..., đủ các tầng lớp: thanh niên, phụ nữ, nông dân. Các tổng, xã có phong trào Việt Minh mạnh mẽ là Tĩnh Oa, Nhượng Bạ, Tượng Yên, Xuân Sơn (thuộc châu Hòa An)... Các xã Nà Sác, Trường Hà, Kéo Yên, Hòa Mục, Phù Ngọc, Phù Tang, Đào Ngạn, Sóc Hà, Đa Thông, Yên Lũng (thuộc châu Hà Quảng), Gia Bằng, Kỳ Chỉ và các vùng lân cận của hai xã đó (thuộc châu Nguyên Bình).

Khi phong trào Việt Minh tại vùng thí điểm lan rộng và ngày càng mạnh mẽ, các đồng chí lãnh đạo của Đảng đã triệu tập một hội nghị ở Gọc Mu (Hà Quảng) để rút kinh nghiệm nhằm chuẩn bị phát động phong trào rộng rãi ra phạm vi cả

nước. Lãnh đạo hội nghị có các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Vũ Anh là những người được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc phân công theo dõi công tác thí điểm Mặt trận Việt Minh ở Cao Bằng. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đến thăm vào lúc hội nghị sắp kết thúc. Chương trình nghị sự của hội nghị này gồm có:

1. Kiểm điểm lại việc tổ chức, phát triển các đoàn thể cứu quốc và thành lập Mặt trận Việt Minh để báo cáo Trung ương Đảng.
2. Chấn chỉnh hàng ngũ đảng viên, củng cố các cơ sở đảng, các cơ sở tổ chức quần chúng.
3. Tổ chức các trạm giao thông liên lạc từ tỉnh xuống tới châu, xã.

Hội nghị nhận định: Chương trình, Điều lệ Việt Minh là rất rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực và có sức lôi cuốn các hội cứu quốc. Chương trình, Điều lệ trên rất phù hợp với nguyện vọng của quần chúng, nên được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng, tham gia đông đảo. Việc chuyển quần chúng cách mạng từ hình thức tổ chức cũ sang đoàn thể cứu quốc mới cũng rất thuận lợi. Hội nghị nhấn mạnh: Trong hoàn cảnh lịch sử mới, các tổ chức cứu quốc này là rất cần thiết, cần được mở rộng.

Công tác thí điểm Mặt trận Việt Minh ở Cao Bằng thành công có một ý nghĩa quan trọng đối với phong trào cách mạng chung của cả nước, chứng tỏ chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh, các tổ chức cứu quốc là phù hợp với nguyện vọng của quảng đại quần chúng nhân dân. Vì vậy, đã tập hợp được họ một cách đông đảo trong Mặt trận Việt Minh, dưới ngọn cờ cách mạng của Đảng nhằm đoàn kết các dân tộc đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Kết quả của công tác thí điểm Việt Minh ở Cao Bằng là cơ sở thực tiễn vững chắc khẳng định chủ trương của Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập Mặt trận Việt Minh là

đúng đắn và kịp thời, có tác dụng động viên, cổ vũ phong trào. Đây là hình thức tập hợp, đoàn kết đông đảo lực lượng quần chúng tham gia đấu tranh, thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển đi lên. Vì vậy, đã góp phần làm cho Hội nghị Trung ương 8 thành công rực rỡ, đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam.

Hội nghị Trung ương 8 được triệu tập và làm việc từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941 tại lán Khuổi Nặm, Pác Bó (xã Trường Hà, châu Hà Quảng, Cao Bằng). Tham dự Hội nghị có các đồng chí lãnh đạo của Trung ương Đảng, gồm: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên, Vũ Anh... dưới sự chủ trì của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đây là Hội nghị Trung ương đầu tiên tổ chức ở trong nước có Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Về nhiệm vụ cách mạng Việt Nam, Hội nghị phân tích các mâu thuẫn trong xã hội và thấy rằng mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc, phát xít Pháp - Nhật là mâu thuẫn chủ yếu, là đòi hỏi cấp bách phải giải quyết ngay. Trước sự biến chuyển nhanh chóng của tình hình thế giới và của phong trào cách mạng trong nước, trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng là phải có sự lãnh đạo sát sao của Đảng Cộng sản, sự chỉ đạo linh hoạt, uyển chuyển chiến lược, sách lược cách mạng, Hội nghị Trung ương 8 đã đề ra nhiều chính sách cụ thể nhằm giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc. Hội nghị quyết định hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đối với cách mạng Việt Nam; đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết và là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Nghị quyết của Hội nghị nhấn mạnh: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn

chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”¹. Hội nghị Trung ương 8 đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Miên trên bán đảo Đông Dương. Hội nghị chủ trương không giữ khẩu hiệu thành lập Chính phủ Liên bang Cộng hòa dân chủ Đông Dương như trước đây mà giải quyết dân tộc trong khuôn khổ từng nước: “ta phải thi hành đúng chính sách “dân tộc tự quyết” cho dân tộc Đông Dương. Các dân tộc sống trên cõi Đông Dương sẽ tùy theo ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành một dân tộc quốc gia tùy ý... Văn hóa của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển tồn tại... Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”². Riêng đối với Việt Nam, Hội nghị chủ trương sẽ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau khi đánh đuổi được thực dân pháp Pháp và phát xít Nhật, sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của nước “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc”³; đồng thời vẫn củng cố và tăng cường khối liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc ở Đông Dương.

Theo đề xuất của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh và đề ra chủ trương chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Các tổ chức quần chúng được đặt tên mới là Hội cứu quốc.

Trong Hội nghị này, Trung ương đã quyết định duy trì và phát triển cơ sở du kích Bắc Sơn - Võ Nhai, đồng thời ra sức củng cố và mở rộng cơ sở Cao Bằng, xây dựng hai nơi đó

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.113, 150.*

làm trung tâm của công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang tại Việt Bắc¹.

Trong thành công rực rỡ của Hội nghị Trung ương 8 có sự đóng góp tích cực, không nhỏ của Đảng bộ và quần chúng cách mạng tỉnh Cao Bằng. Việc thí điểm phong trào Việt Minh ở ba châu Nguyên Bình, Hòa An, Hà Quảng có kết quả là một đóng góp đáng kể vào việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng. Vị trí, vai trò của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Cao Bằng đã khẳng định chủ trương của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc xây dựng Cao Bằng thành một trong những căn cứ địa cách mạng của toàn quốc là đúng đắn. Chính với tính chất là một căn cứ địa cách mạng mà Cao Bằng đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Hội nghị Trung ương 8. Điều đó được biểu hiện ở chỗ, các cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng đã tạo ra được một địa điểm cho Hội nghị họp an toàn, trong khi ở các địa phương khác, bọn địch đang khủng bố gắt gao. Các đồng chí, đồng bào Cao Bằng còn làm nhiệm vụ đưa đón các đồng chí lãnh đạo ở Trung ương từ các địa phương khác đến dự Hội nghị, tránh được sự truy lùng của địch. Đó còn là sự ủng hộ vật chất của đồng bào các dân tộc. Sự ủng hộ thể hiện trình độ giác ngộ, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự tất thắng của cách mạng của nhân dân Cao Bằng, trước nhất là của nhân dân vùng Pác Bó.

Hội nghị Trung ương 8 đã trực tiếp tác động tới phong trào cách mạng ở Cao Bằng. Nghị quyết của Hội nghị đã tỏa ánh sáng trên mảnh đất địa đầu của Tổ quốc, có tác dụng động viên cán bộ và quần chúng cách mạng cơ sở, cổ vũ phong trào cách mạng địa phương, đem lại cho Cao Bằng

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.46.

niêm tự hào và vinh dự khi được chọn là một trong những căn cứ địa cách mạng của cả nước. Do vậy, từ đầu năm 1941, theo chỉ thị của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, nhiều cán bộ ưu tú của Đảng (như các đồng chí Vũ Anh, Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng, Cao Hồng Lĩnh...) lần lượt đến Cao Bằng để giúp Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng thực hiện các nhiệm vụ chiến lược do Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đề ra.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đó, công tác xây dựng Đảng về các mặt tư tưởng và tổ chức ở Cao Bằng được đặt lên hàng đầu, có tầm quan trọng đặc biệt, bởi vì Cao Bằng vừa trải qua một đợt khủng bố ác liệt của địch trong những năm 1939-1940. Đảng bộ Cao Bằng bị tổn thất khá nặng, một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Tỉnh ủy, của các châu ủy bị bắt, nhiều cơ sở đảng bị phá vỡ, một số ít đảng viên hoang mang, dao động, nằm im. Hơn nữa vào lúc này, trong phạm vi toàn tỉnh, các cơ sở đảng phát triển không đồng đều. Trước tình hình đó, theo chỉ thị của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, thay mặt Trung ương Đảng, đồng chí Vũ Anh thành lập ra Ban Chấn chỉnh Đảng¹. Ban này đã được nhóm họp vào cuối năm 1941 tại Kẽ Giẳng (xã Hoàng Tung, châu Hòa An) để phân công cán bộ đi làm nhiệm vụ ở các địa phương².

Các đồng chí trong Ban Chấn chỉnh Đảng đã đi đến các cơ sở, cùng các đồng chí đảng viên tích cực nắm lại số lượng,

1. Gồm các đồng chí: Bằng Giang, Lê Đoàn Thước (tức Lê Đoàn), Lê Quảng Ba.

2. Đồng chí Bằng Giang phụ trách Đảng bộ Hòa An, đồng chí Lê Quảng Ba phụ trách Đảng bộ Hà Quảng, đồng chí Lê Đoàn Thước (tức Lê Đoàn) phụ trách Đảng bộ Nguyên Bình.

chất lượng đảng viên tại các địa phương sau thời kỳ khủng bố của địch. Những đảng viên nào vẫn bền bỉ, tích cực hoạt động thì được tiếp tục sinh hoạt đảng; những ai hoang mang, dao động, nằm im, lơ là trong hoạt động thì coi như không đủ tư cách đảng viên, không được tham gia sinh hoạt Đảng. Tuy vậy, những người này vẫn tiếp tục được tuyên truyền, giáo dục, được đưa vào các đoàn thể cứu quốc, qua thời gian thử thách, có tiến bộ, hăng hái công tác, đủ phẩm chất, tư cách đảng viên, sẽ được kết nạp lại. Công tác chấn chỉnh, củng cố đội ngũ đảng viên có một tầm quan trọng đặc biệt, làm cho tổ chức đảng phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, nâng cao tính tiên phong gương mẫu, hy sinh, phấn đấu, kiên cường vượt qua những khó khăn, thử thách, hoàn thành các nhiệm vụ, trở thành hạt nhân và đủ sức lãnh đạo, thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển.

Kết quả, ở các châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, các ban châu ủy mới được thành lập¹. Cùng lúc đó, Trung ương Đảng đã chỉ định Ban Tỉnh ủy lâm thời Cao Bằng do đồng chí Lê Tông làm Bí thư để lãnh đạo phong trào cách mạng trong toàn tỉnh.

Trên cơ sở sự lớn mạnh của các tổ chức đảng, đầu tháng 5/1942, Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ I được triệu tập tại Kẻ Giẳng (xã Hoàng Tung, châu Hòa An). Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chính thức gồm 9 ủy viên: Lê Tông, Bằng Giang, Hoàng Đức Thạc (tức Lã), Lê

1. Ban Châu ủy Hòa An gồm các đồng chí: Lê Tông (Bí thư), Lê Đoàn Thước (Lê Đoàn), Lê Khương, Nguyễn Thế Đỗ; Ban Châu ủy Hà Quảng gồm các đồng chí: Lê Quảng Ba (Bí thư), Hoàng Tô, Hoàng Sâm, Thụy Hùng, Đức Thanh; Ban Châu ủy Nguyên Bình gồm các đồng chí: Dương Mạc Thạch (Bí thư), Nông Văn Quang, Dương Mạc Hiếu, Trương Nam Hiến.

Quảng Ba, Hoàng Sâm, Hoàng Tô, Dương Mạc Thạch, Lê Khương, Bình Dương; do đồng chí Hoàng Đức Thạc (tức Lã) làm Bí thư. Đại hội đề ra công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức, xây dựng Đảng từ tỉnh xuống đến cơ sở, công tác lãnh đạo các đoàn thể quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Sự ra đời của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chính thức đánh dấu một bước trưởng thành, phát triển không ngừng của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng và phong trào cách mạng trong toàn tỉnh. Đó là kết quả của quá trình không ngừng chăm lo công tác xây dựng Đảng về các mặt chính trị, tư tưởng của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ I, bầu được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh không chỉ có ý nghĩa là nhân tố quyết định thúc đẩy phong trào cách mạng ở Cao Bằng mà còn có sự đóng góp rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển của căn cứ Cao - Bắc - Lạng và sự ra đời của Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng.

Qua đợt chấn chỉnh Đảng, đảng viên được học tập, bồi dưỡng về đường lối, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam, về tổ chức, vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng. Nhờ vậy, tư cách, phẩm chất người đảng viên được nâng lên rõ rệt. Đảng viên tích cực hoạt động hơn, thật sự gương mẫu, đi đầu trong cuộc đấu tranh cách mạng. Đảng bộ đã lớn mạnh thêm cả về tư tưởng và tổ chức; đoàn kết nhất trí, quan hệ chặt chẽ với quần chúng. Đó là những nhân tố thúc đẩy phong trào Việt Minh phát triển. Ở các châu Trùng Khánh, Quảng Uyên, Phục Hòa, Hạ Lang, Thạch An, Bảo Lạc, tuy các châu ủy chưa được thành lập, nhưng đã có các chi bộ, các đảng viên hoạt động bí mật.

Việc chấn chỉnh Đảng, kiện toàn bộ máy tổ chức đảng bộ các cấp, phát triển đảng viên mới, củng cố và mở rộng cơ sở đảng để bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, đã tăng

thêm sức mạnh cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ do Hội nghị Trung ương 8 và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đề ra. Trong đó, nổi bật là nhiệm vụ phát triển Mặt trận Việt Minh; xây dựng Cao Bằng thành căn cứ địa cách mạng và thực hiện “Nam tiến” theo các con đường chiến lược nhằm nối liền căn cứ địa Cao Bằng với khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, hình thành căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng; từ đó, phát triển phong trào Việt Minh về xuôi, nối liền với phong trào cả nước.

Nhìn lại thời điểm lịch sử này càng hiểu sâu sắc rằng, Hội nghị Trung ương 8 và việc thành lập Mặt trận Việt Minh như một luồng gió mới thổi vào phong trào cách mạng, làm nức lòng đảng viên và quần chúng, thúc đẩy phong trào cách mạng lên một bước mới cao hơn. Để chỉ đạo phong trào Việt Minh ở Cao Bằng, tháng 6/1941, Trung ương Đảng đã chỉ định Ban Việt Minh lâm thời của tỉnh do đồng chí Hoàng Đức Thạc (tức Lã) làm Chủ nhiệm, với nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là quán triệt chủ trương, đường lối của Hội nghị Trung ương 8, mở rộng phong trào Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc ra các châu trong tỉnh, xây dựng Cao Bằng thành một trong những căn cứ địa cách mạng của cả nước, mở rộng dần căn cứ đó để chấp nối được với căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, với các tỉnh miền xuôi.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quan trọng đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 đã chỉ rõ: “Việc đào tạo cán bộ hiện nay đã thành công tác gấp rút, không thể bỏ qua một giờ phút. Tất cả các cấp bộ chỉ huy của Đảng phải đặc biệt chú ý công tác này”¹. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từng chỉ rõ:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.7, tr.133.*

cán bộ là gốc của mọi công việc, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng. Tuy rất bận trong công việc chỉ đạo phong trào cách mạng chung của cả nước, Người vẫn cùng các đồng chí cán bộ Trung ương Đảng dành nhiều công sức vun đắp cho Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, mở nhiều lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ Việt Minh. Ở Pác Bó cũng như khi xuống Hòa An và sang Nguyên Bình công tác, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ, đồng thời, Người còn giao nhiệm vụ cho các đồng chí cán bộ trung ương về các địa phương đào tạo cán bộ bí mật ở cơ sở. Tháng 8/1942, Người lấy tên là Hồ Chí Minh và lên đường đi Trung Quốc để liên lạc với quốc tế. Lãnh tụ Hồ Chí Minh bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam và ở lại Trung Quốc. Đến tháng 9/1944, Người về lại Pác Bó.

Thực hiện chỉ thị của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đầu năm 1942, đồng chí Văn (tức Võ Nguyên Giáp) được cử đi Nguyên Bình, tổ chức ba lớp huấn luyện cho những hội viên ở Gia Bằng, Kỳ Chỉ, Kim Mã, Tam Lộng tại hang Kéo Quảng. Tỉnh ủy Cao Bằng cử các cán bộ phụ trách công tác vận động đồng bào Mông, Dao cùng đi với đồng chí Văn tổ chức các lớp huấn luyện cho các hội viên dân tộc Dao tại Lũng Lừa. Các hội viên được giải thích cặn kẽ về phát xít Nhật - Pháp và bè lũ tay sai là nguồn gốc của mọi nỗi thống khổ, của sự nghèo nàn, lạc hậu. Đồng thời, các hội viên còn được học những trang sử vẻ vang, đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói chung, của nhân dân các dân tộc Cao Bằng nói riêng. Toàn thể những hội viên dự các lớp huấn luyện được hướng dẫn kỹ lưỡng về Chương trình, Điều lệ của Mặt trận Việt Minh, tôn chỉ, mục đích của các Hội Cứu quốc. Chủ trương, chính sách của Mặt trận Việt Minh đã gieo vào lòng họ một niềm tin

vững chắc, phấn khởi, hăng say, lôi cuốn đông đảo quần chúng các dân tộc vùng cao tham gia vào các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, làm cho phong trào cách mạng ngày thêm lan rộng và sôi nổi.

Các lớp huấn luyện cho các hội viên vùng nam châu Nguyên Bình (thuộc tỉnh Cao Bằng) và châu Ngân Sơn (thuộc tỉnh Bắc Kạn) được tổ chức tại Roỏng Bó, Khuổi Dù, Thẩm Dầu, Sỉ Chấn, Vạ Phá, Roỏng Đí... (xã Tam Kim, châu Nguyên Bình). Ở Hòa An cũng đã mở được 06 lớp huấn luyện cán bộ Việt Minh, đào tạo nhiều cán bộ cho phong trào cách mạng của châu Hòa An và các địa phương khác trong tỉnh. Tính chung từ tháng 6/1941 đến tháng 4/1942, ở Cao Bằng, có hơn 300 cán bộ Việt Minh đã được bồi dưỡng, huấn luyện. Với số cán bộ này, lại được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí cán bộ của Trung ương Đảng chỉ đạo trực tiếp, phong trào của các địa phương trong tỉnh có thêm đà phát triển. Từ cuối năm 1941, phong trào cách mạng không chỉ bó hẹp trong phạm vi ba châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình mà đã lan sang các châu khác trong tỉnh. Tại mỏ thiếc Tĩnh Túc, tháng 7/1941, thành lập Hội Công nhân cứu quốc, nhưng cũng chỉ bó hẹp trong phạm vi chi bộ đảng, chưa thành phong trào quần chúng bởi mật thám dày đặc, hàng ngày theo dõi, khủng bố phong trào, nhiều cán bộ bị chúng bắt hoặc trục xuất ra khỏi mỏ. Phong trào được củng cố và lan rộng ở vùng thấp như Cốc Coóc, Quốc Phong (châu Quảng Uyên), Cốc Khoác, Bản Khun (tổng Trà Lĩnh, châu Trùng Khánh), đến năm 1942, còn phát triển lên vùng cao vào các dân tộc Mông, Dao ở Lũng Luông, Thang Tà, Tấp Ná (châu Nguyên Bình); sau đó, lan sang vùng đồng bào Mông ở Bắc Chợ Rã (tỉnh Bắc Kạn), gây dựng cơ sở Việt Minh đầu tiên tại xã Cao Tân. Cuối năm 1942, phong trào Việt Minh phát triển mạnh trong đồng bào Dao ở Ngân Sơn,

bước đầu gây dựng được cơ sở Việt Minh ở xã Cốc Đán và xã Thượng Ân. Tại các châu miền Đông, phong trào Việt Minh phát triển mạnh ở vùng Cổ Nông, Đà Tàu (châu Quảng Uyên); vùng Thống Khía (Trùng Khánh); Bản Chao, Sộc Áng (châu Hạ Lang) vào cuối năm 1942.

Ngoài việc đào tạo cán bộ, xúc tiến thành lập Mặt trận Việt Minh, ngày 6/6/1941, từ Pác Bó, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho đồng bào toàn quốc, trong đó có nhân dân tỉnh Cao Bằng, kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân tham gia Mặt trận Việt Minh với lời lẽ súc tích, thiết tha. Lời kêu gọi này được truyền đi khắp toàn tỉnh, thúc giục mọi người dân yêu nước gia nhập các đoàn thể cứu quốc.

Cũng nhằm mục đích động viên mọi lực lượng trong cuộc đấu tranh cách mạng ngày càng trở nên quyết liệt, năm 1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã lập ra tờ báo *Việt Nam độc lập*, in tại Pác Bó. Năm 1942, tờ báo này được chuyển về vùng núi Lam Sơn (châu Hoà An). Trong thời gian đầu, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vừa trực tiếp biên tập, vừa hướng dẫn, đào tạo một số cán bộ chuyên trách, để lúc Người phải đi công tác xa, đột xuất, vẫn bảo đảm cho tờ báo xuất bản được liên tục và đều kỳ.

Số báo đầu tiên ra ngày 01/8/1941. Từ đó, tờ báo được phát hành mỗi tháng 3 kỳ, mỗi kỳ 400 số. Nội dung của các bài báo thường ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với trình độ cán bộ, đảng viên, hội viên của các tổ chức cứu quốc thuộc các dân tộc trong tỉnh. Báo *Việt Nam độc lập* được xuất bản lúc này có tác dụng thiết thực và sâu sắc trong việc giáo dục, động viên quần chúng hăng hái tham gia cách mạng. Báo trở thành ngọn đuốc soi đường, dẫn dắt quần chúng cách mạng tiến bước trên con đường đấu tranh. Số báo 191 phát hành ngày 01/5/1944, trong đó có bài “Kêu gọi chống khủng bố chuẩn bị vũ trang”, có nội dung:

“Hỡi cán bộ, hỡi đội viên!

Giờ phút nghiêm trọng sắp đến. Cơ hội giải phóng đã hiện ra trước mắt chúng ta. Kẻ thù không đội trời chung của chúng ta sẽ chết. Phong trào cách mạng nước ta đang sôi nổi mặc dầu khủng bố. Phận cứu nước, cứu dân của chúng ta kêu gọi chúng ta phải kiên quyết bước tới nhằm đúng con đường cách mệnh mà tiến tới, hăng hái tiến tới, dù dắt hàng nghìn, hàng vạn, hàng triệu người tiến tới, tiến đến ngày Việt Nam cách mệnh thành công”.

Báo *Việt Nam độc lập* số 194 ra ngày 20/8/1944 có bài: “Để chuẩn bị ứng phó, phải khẩn cấp đào tạo cán bộ, khẩn cấp động viên dân chúng”. Sau khi phân tích tình hình thế giới, bài báo viết: “Cơ hội ta đã gần đến, chúng ta phải chuẩn bị cho đầy đủ mà đón lấy cơ hội”.

Ngoài tờ báo *Việt Nam độc lập*, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc còn biên soạn thêm một số quyển sách như: *Con đường giải phóng, Lịch sử nước ta, Địa dư Bắc Kỳ, Địa dư Cao Bằng...*; một số sách nói về kinh nghiệm đánh du kích... nhằm mục đích giáo dục các hội viên của các tổ chức cứu quốc và quảng đại quần chúng về tinh thần yêu nước, truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta. Để Chương trình, Điều lệ của Mặt trận Việt Minh dễ dàng thấm sâu vào quần chúng, đầu năm 1941, Chương trình, Điều lệ Việt Minh đã được biên soạn dưới dạng văn vần, dài tới 120 câu, gọi là *Việt Minh ngũ tự kinh*. *Việt Minh ngũ tự kinh* có tác dụng rất thiết thực, dễ hiểu, dễ tiếp thu đối với quần chúng, do đó, số hội viên Việt Minh tăng lên nhanh chóng. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I (tháng 5/1942), Đảng bộ Cao Bằng quyết định lấy *Việt Minh ngũ tự kinh* làm tài liệu tuyên truyền chính trong quần chúng và các lớp học văn hóa. Sau này, các cán bộ, đảng viên hoạt động tại vùng đồng bào các dân tộc thiểu

số đã dịch cuốn *Việt Minh ngũ tự kinh* ra tiếng dân tộc. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã dịch cuốn sách này ra tiếng Dao, tiếng Tày, sau đó cùng đồng chí Bình Dương dịch ra tiếng Mông... Do đó, ở vùng thấp, vùng cao, vào lúc đó không hiếm những người thuộc lòng nó.

Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tại Cao Bằng đã in và phát hành nhiều sách của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, của đồng chí Võ Nguyên Giáp và nhiều đồng chí cán bộ tiền bối cách mạng khác. Các loại sách thuộc nhiều lĩnh vực, với nhiều thể loại, như: về chính trị có: *Ba mươi bài thơ ca Việt Minh, Giác ngộ mười năm, Việt Minh ngũ tự kinh...*; về quân sự có: *Chiến thuật du kích, Cách đánh du kích, Đánh du kích như đánh cờ...*; về công tác chính trị trong quân đội có: *Công tác chính trị trong quân đội cách mạng, Người chính trị viên...*; sách về lịch sử như: *Lịch sử nước ta...*; sách về kinh nghiệm công tác như: *Sai lầm và sửa chữa, Kinh nghiệm Việt Minh ở Việt Bắc...*; sách giới thiệu kinh nghiệm nước ngoài như: *Kinh nghiệm du kích Nga, Kinh nghiệm du kích Tàu, Kinh nghiệm du kích Pháp...*; sách dịch thuật có: *Chiến tranh du kích kháng Nhật của Chu Đức, Công tác kháng Nhật địa phương vấn đáp, Cuộc chiến tranh oanh liệt của một đội du kích người Cácpato, v.v..* Trong đó, có cuốn sách đã được in đi, in lại nhiều lần ở Cao Bằng. Những hoạt động phục vụ cách mạng đó làm cho Cao Bằng trở thành “một trung tâm xuất bản sách cách mạng, góp phần rất quan trọng vào việc tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ và quần chúng cách mạng. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1941 đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khoảng 24 đến 25 cuốn sách đã được in và phát hành ở Cao Bằng, chiếm 60% trong tổng số khoảng 40 cuốn sách cách mạng in trên cả nước, bao gồm sách của

Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh, của các Tỉnh ủy và Tỉnh bộ Việt Minh”¹.

Đồng thời, để vạch trần tội ác của phát xít Nhật - Pháp và tay sai phản động đối với nhân dân Đông Dương nói chung, đối với quần chúng các dân tộc ở Cao Bằng nói riêng và để động viên mạnh mẽ mọi tầng lớp nhân dân tham gia phong trào Việt Minh, tháng 8/1942, Tỉnh ủy Cao Bằng đã tổ chức các cuộc triển lãm lưu động về tội ác của thực dân và tay sai tại các châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình. Cuộc triển lãm lưu động đã đi qua các bản: Nà Tháy, Lũng Don, Phja Đại, Bản Giàng, Nà Vạc, Khuổi Nặm, Lũng Pia, Lũng Sóng, Tôm Poóng, Ca Rài (thuộc châu Hà Quảng), hầu hết các bản thuộc xã Lương Can (thuộc tổng Thông Nông, châu Hà Quảng), Lũng Mò, Bo Coóc, Lũng Phầy, Lũng Hoàng, Khuổi Liêng, Phố Lài, Đông Đăm, Khai Tài, Rỏng Mìn, Khuổi Giao, Thín Tảng (thuộc xã Bình Dương, châu Hòa An), Pác Nát, Phiền Đin, Gia Khái, Rỏng Phán, Lũng Dong, Lũng Vài, Lũng Lừa, Thẩm Thù (thuộc châu Nguyên Bình).

Cuộc triển lãm đã thu hút đông đảo quần chúng tới xem, khơi thêm ngọn lửa căm hờn của quần chúng đối với thực dân và tay sai, phản động; đồng thời, nâng cao lòng nhiệt tình, hăng hái tham gia cách mạng của quần chúng, khiến họ gia nhập vào các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh ngày một đông. Ở nhiều nơi, phong trào quần chúng mạnh mẽ, vững chắc, xuất hiện những xã “Việt Minh hoàn toàn”, nghĩa là hầu hết nhân dân trong xã không kể nam hay nữ, già hay trẻ, lương hay giáo, người Tày, Nùng hay Mông, Dao (chỉ trừ một số ít tay sai, phản động) đều tham gia các

1. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học - thực tiễn Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Cao Bằng*, Hà Nội, 1995, tr.158.

hội cứu quốc. Tại các xã, tổng “Việt Minh hoàn toàn”, Ban Chủ nhiệm Việt Minh đại diện cho nhân dân, quản lý, điều hành mọi hoạt động tại xã, tổng, được coi như một chính quyền sơ khai làm chủ ở địa phương.

Đầu năm 1942, số xã “Việt Minh hoàn toàn” còn tăng thêm nhiều; ở nhiều xã bầu ra Ban Việt Minh xã, như ở châu Hòa An có xã Hà Giản (nay là xã Đức Long), Nhượng Bạ (nay là xã Bế Triều), Phúc Tăng, Yên Ninh (nay là xã Hồng Việt), Kế Trang (nay là xã Hoàng Tung), Xuân Phách (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng), Gia Cung (nay thuộc phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng). Ở châu Nguyên Bình có các xã: Gia Bằng, Kỳ Chỉ (nay là xã Minh Tâm), Hưng Đạo, Lê Lợi, Gia Tự, Kế Nông, Lang Trà; còn ở Hà Quảng hầu hết các xã đều có Ban Việt Minh xã vào cuối năm 1941 gồm: Trường Hà, Sóc Hà, Đào Ngạn, Nà Sác, Xuân Hòa, Vân Dính, Phù Ngọc, Lương Can, Đa Thông. Cũng vậy, nhiều tổng trong các châu kể trên đã thành lập được Ban Việt Minh.

Cuối năm 1942, Đại hội đại biểu Việt Minh châu Hà Quảng được tổ chức và bầu ra Ban Việt Minh châu. Ít lâu sau đó, Ban Việt Minh châu cũng được thành lập ở Hòa An và Nguyên Bình. Các Ban Việt Minh châu ra đời không những lãnh đạo, hướng dẫn hoạt động của các đoàn thể mà còn giải quyết một số công việc thuộc chức năng của bộ máy chính quyền như xét xử các vụ kiện cáo, xích mích gây mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân theo chủ trương, đường lối của Đảng, Chương trình, Điều lệ, chính sách của Mặt trận Việt Minh. Việc Ban Việt Minh giải quyết công việc một cách công bằng, thỏa đáng và hợp lý, hợp tình càng làm cho quần chúng thêm tin tưởng và tham gia vào các hội cứu quốc ngày thêm đông.

Ở vùng cao, được cán bộ Việt Minh tuyên truyền, giác ngộ và tổ chức, nhân dân các dân tộc thiểu số cũng hăng hái tham gia rầm rộ vào các hội cứu quốc. Do đó, đã dẫn tới sự xuất hiện nhiều “lũng Việt Minh” hoàn toàn như: Lũng Lừa, Lũng Luông, Thang Tà (thuộc châu Nguyên Bình); Tỉnh Giảo, Kéo Cam, Lũng Phây (thuộc châu Hòa An); Lũng Hoài, Sĩ Hai, Kéo Yên, Thượng Thôn, Hạ Thôn... (thuộc châu Hà Quảng).

Sau Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941), phong trào Việt Minh tại Cao Bằng phát triển sâu rộng và mạnh mẽ hơn. Đầu năm 1942, vừa củng cố phong trào Việt Minh ở các châu thí điểm, phong trào Việt Minh nhanh chóng lan rộng ra các châu Quảng Uyên, Trùng Khánh, Hạ Lang, Phục Hòa, tổng Trà Lĩnh (châu Trùng Khánh), lan từ vùng thấp lên vùng cao, thu hút, tập hợp đông đảo nhân dân các dân tộc Tày, Nùng, Kinh, Dao, Mông... vào các đoàn thể cứu quốc. Từ Cao Bằng, phong trào Việt Minh bắt đầu tỏa rộng, ăn sâu, bám rễ sang các vùng phụ cận thuộc các tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang. Tại mỏ thiếc Tĩnh Túc, Hội Công nhân cứu quốc đầu tiên đã gia nhập vào các đoàn thể cứu quốc khác, góp phần tạo nên tính chất rộng rãi, vững chắc của phong trào.

Sự xuất hiện các “xã Việt Minh hoàn toàn” ở Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình là một sự kiện chưa từng có trong quá trình vận động cách mạng ở địa phương và cả nước. Trong các “xã hoàn toàn”, xuất hiện mầm mống của một chế độ xã hội mới, đó là các Ban Việt Minh. Các Ban Việt Minh ở các xã hoạt động như một *mô hình nhà nước tương lai*, nắm toàn quyền về việc quản lý, điều hành mọi hoạt động của địa phương, từ sinh hoạt đời sống đến các hoạt động lao động sản xuất của nhân dân, quan hệ xã hội, đối nội, đối ngoại của địa phương, thực hiện các chức năng của một cơ quan chính quyền... Thực tế đó

chúng tỏ sự cuốn hút kỳ diệu của Việt Minh, chúng tỏ sự đúng đắn trong đường lối, chủ trương của Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đồng thời, cũng biểu hiện nhiệt tình cách mạng rất cao và niềm tin sắt đá của nhân dân các dân tộc châu Hà Quảng đối với Đảng, từ các “xã hoàn toàn”, phong trào lớn mạnh đã tạo điều kiện cho sự ra đời của các “tổng hoàn toàn”, tiến tới các “châu hoàn toàn”. Trên cơ sở đó, Ban Việt Minh các cấp từ xã đến châu lần lượt được thành lập

Trên cơ sở phong trào Việt Minh phát triển ở nhiều địa phương trong tỉnh, Tỉnh ủy Cao Bằng đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu Việt Minh toàn tỉnh Cao Bằng lần thứ I vào ngày 22 và ngày 23/11/1942 tại thành nhà Mạc, vùng núi Lam Sơn (thuộc châu Hòa An). Trong ngày đầu của Đại hội, các hội Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc... tiến hành họp hội nghị để kiểm điểm rút kinh nghiệm các mặt hoạt động của hội và bầu ra các ban chấp hành của các hội cứu quốc tỉnh¹. Ngày 23/11/1942, Đại hội đại biểu Việt Minh toàn tỉnh Cao Bằng lần thứ I họp phiên toàn thể, kiểm điểm phong trào Việt Minh trong gần hai năm (1941-1942) và đề ra những nhiệm vụ mới nhằm phát triển phong trào Việt Minh theo các tuyến đường Nam tiến. Nghị quyết của Đại hội đại biểu Việt Minh toàn tỉnh Cao Bằng đã vạch rõ: Châu L.S (tức châu Nguyên Bình) vùng tiếp giáp phải tổ chức xuống Bắc Kạn; châu Đ.R (tức châu Hòa An) phải tổ chức xuống vùng giáp giới Bắc Kạn và Lạng Sơn; châu S.R (tức châu Hà Quảng) phải chú ý phát triển lên Bảo Lạc để thông sang Hà Giang, Tuyên Quang.

Về công tác cán bộ, Nghị quyết nêu rõ:

1. Đồng chí Đàm Minh Viễn, Bí thư Thanh niên; đồng chí Bằng Giang, Bí thư Nông hội; đồng chí Nông Thị Trưng, Bí thư Phụ nữ.

a) Phải ra sức đào tạo cán bộ đủ năng lực phụ trách địa phương được phân công;

b) Phải đặc biệt chú trọng đào tạo một đội ngũ nữ cán bộ để làm tốt công tác phụ vận;

c) Hết sức chú trọng việc mở rộng, củng cố các cơ sở cách mạng ở vùng dân tộc Mông, Dao. Ban Tỉnh ủy và các ban châu ủy phải bổ sung thêm cán bộ cho vùng cao, phải chú trọng việc đào tạo cán bộ người Mông, Dao...

Để lãnh đạo, chỉ đạo phong trào Việt Minh toàn tỉnh được thống nhất, Đại hội đã bầu ra Ban Việt Minh tỉnh, đồng chí Hoàng Đức Thạch (tức Lã) được bầu làm Chủ nhiệm.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Việt Minh toàn tỉnh Cao Bằng lần thứ I, các châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình liên tiếp mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ Việt Minh cho các cơ sở xã vùng thấp cũng như vùng cao, vùng các dân tộc đông người cũng như vùng các dân tộc ít người. Tham dự các lớp huấn luyện đó còn có cán bộ ở các châu Trấn Biên, Thạch An, Quảng Uyên, Trùng Khánh, Phục Hòa. Nhờ đó, đến cuối năm 1942, đầu năm 1943, phong trào Việt Minh không còn bó hẹp trong phạm vi ba châu thí điểm, mà đã lan ra cả các châu khác trong tỉnh như: Trùng Khánh, Hạ Lang, Phục Hòa, Thạch An, Quảng Uyên, Bảo Lạc...

Để nắm tình hình, rút kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Việt Minh toàn tỉnh Cao Bằng lần thứ I, nhằm củng cố và đẩy mạnh hơn nữa phong trào Việt Minh, đầu năm 1943, Tổng bộ Việt Minh thành lập một đoàn cán bộ, dưới danh nghĩa “Thượng cấp”, gồm đại diện Tổng bộ Việt Minh, các đại biểu của các ban chấp hành Thanh niên, Nông dân, Phụ nữ Cứu quốc tỉnh đi kiểm tra (còn gọi là cuộc

“Thượng cấp tuần thị”) ở ba châu Hòa An, Nguyên Bình, Hà Quảng, nhằm biểu dương tinh thần cách mạng, động viên quần chúng tích cực chuẩn bị để khi có điều kiện thuận lợi thì vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền; đồng thời giáo dục quần chúng nâng cao tinh thần cảnh giác, đề phòng địch khủng bố.

Tới đâu, đoàn tuần thị cũng được quần chúng đón tiếp, như cuộc mít tinh đón tiếp tại xã Nà Sác có hơn 1.000 người tham dự. Tại các cuộc đón tiếp, nhân dân đã chăm chú nghe đại diện Tổng bộ Việt Minh thông báo tình hình thế giới và trong nước, phong trào Việt Minh của tỉnh Cao Bằng. Đồng thời với việc biểu dương tinh thần hăng hái tham gia phong trào cách mạng của quần chúng, đoàn còn tuyên truyền, giải thích rõ thêm những chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng, của Mặt trận Việt Minh nhằm làm cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhận thức sâu sắc thêm về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn trước mắt. Để động viên tinh thần của nhân dân, thúc đẩy phong trào cách mạng, đoàn tuần thị còn tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ mà diễn viên cũng chính là những cán bộ trong đoàn kiểm tra và một số cán bộ văn nghệ quần chúng tại địa phương, đem đến cho nhân dân các dân tộc những bài ca cách mạng hào hùng, trong sáng, có sức hấp dẫn và tinh thần giáo dục mạnh mẽ, kêu gọi, thôi thúc nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiến lên trên con đường đấu tranh giải phóng, giành lại độc lập, tự do.

Giữa năm 1943, Tỉnh ủy và Ban Việt Minh tỉnh cũng đã cử một số cán bộ đến kiểm tra tình hình phong trào Việt Minh ở các châu Quảng Uyên, Trùng Khánh, Hạ Lang... góp

phân làm cho phong trào Việt Minh ở các châu miền đông phát triển ngày thêm sâu rộng và được củng cố vững chắc.

Sau đợt kiểm tra, phong trào Việt Minh có thêm đà phát triển. Hầu hết các châu trong tỉnh đều thành lập được Ban Việt Minh; riêng ba châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình đã trở thành các châu Việt Minh hoàn toàn. Sau Đại hội đại biểu Việt Minh toàn tỉnh Cao Bằng tháng 11/1942 và thực hiện chủ trương Nam tiến của Trung ương Đảng, phong trào Việt Minh các châu Ngân Sơn, Chợ Rã (thuộc tỉnh Bắc Kạn) thêm đà phát triển, quần chúng tham gia các hội cứu quốc ngày càng đông, đã thành lập tiểu tổ, tổ và Ban Việt Minh xã, Ban Việt Minh tổng. Các lớp huấn luyện cán bộ Việt Minh do cán bộ Nam tiến tổ chức tại Lũng Cháng (xã Hà Hiệu), Bành Trạch, Phúc Lộc đã thúc đẩy phong trào Việt Minh phát triển, hình thành đường dây liên hệ trong quần chúng nối liền căn cứ Cao Bằng với phong trào cách mạng cả nước. Đến giữa năm 1943, phong trào Việt Minh ở Cao Bằng phát triển mạnh, mọi hoạt động gần như trở nên công khai, lôi cuốn quần chúng cách mạng và cả một số sĩ quan, binh lính, công chức trong bộ máy chính quyền của địch. Những người này ở mức độ thấp thì có cảm tình với cách mạng, lo là trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, ở mức độ cao thì không chịu tham gia vào các cuộc truy bắt cán bộ hoạt động cách mạng, bí mật báo tin cho cán bộ Việt Minh biết về tình hình hoạt động khủng bố của địch.

Một nét nổi bật nữa của thời kỳ này là theo đà lan rộng của phong trào Việt Minh, phong trào xóa nạn mù chữ, nâng cao trình độ văn hóa cũng được đẩy mạnh. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc luôn quan tâm sâu sắc tới vấn đề này. Người vẫn thường nói: Muốn trở thành cán bộ cách mạng thì phải không ngừng học tập để nâng cao trình độ văn hóa. Người căn dặn:

Phong trào Việt Minh mở rộng tới đâu thì phải tổ chức học tập văn hóa, xóa bỏ nạn mù chữ tới đó. Mỗi cán bộ Việt Minh vừa phải là cán bộ chính trị, cán bộ quân sự, vừa phải là giáo viên văn hóa. Người đề ra phương châm: người biết dạy người chưa biết, người biết nhiều dạy người biết ít. Ngay bản thân Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tuy bận rất nhiều công việc, vẫn dành nhiều thì giờ cho công tác này. Ở Pác Bó một thời gian không lâu, Người đã trực tiếp dạy cho một số đồng chí có điều kiện ở gần Người¹. Các đồng chí đó chỉ sau vài tháng học tập đã biết đọc, biết viết và thậm chí có người còn trở thành biên tập, viết báo *Việt Nam độc lập*.

Trong khoảng những năm 1941-1943, phong trào học tập văn hóa phát triển, đặc biệt là ở Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình. Các lớp văn hóa được mở khắp nơi, ở cả vùng cao lẫn vùng thấp. Ở những nơi có điều kiện còn tổ chức các lớp học tập trung của toàn xã, như lớp học ở Ngàm Giảo (thuộc xã Nà Sác, châu Hà Quảng) gồm trên 100 học viên, được phân thành nhiều nhóm, học nhiều buổi, vừa học văn hóa, vừa học thơ ca cách mạng; chủ trương, đường lối của Đảng, Chương trình, Điều lệ, chính sách của Mặt trận Việt Minh, điều lệ của các hội cứu quốc trở thành các tài liệu trong chương trình học tập. Vào lúc đó, đáng chú ý là Đại hội học sinh còn gọi là “Đại hội mầm non văn hóa” được tổ chức tại Bản Hoong (xã Trường Hà, châu Hà Quảng) vào tháng 01/1943, với hơn 1.000 học viên từ các châu trong tỉnh tới dự. Đại hội học sinh không những đánh dấu bước phát triển của phong trào văn hóa,

1. Như đồng chí Nông Thị Trưng, được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp giác ngộ cách mạng, kết nạp vào Đảng và dạy văn hóa. Đồng chí Thế An được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dạy văn hóa, sau một thời gian ngắn đã biết đọc, biết viết, tham gia vào công tác xuất bản báo *Việt Nam độc lập*.

mà còn thể hiện một cách sinh động khí thế cách mạng của quần chúng các dân tộc trong tỉnh, góp phần hình thành một đội quân chính trị, làm nền tảng cho việc xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền khi có điều kiện.

Cùng với việc phát triển và củng cố phong trào quần chúng, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã chú ý tới việc xây dựng lực lượng vũ trang. Từ đầu năm 1941, phong trào cách mạng ở Cao Bằng được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chỉ đạo, với phương châm là đẩy mạnh và củng cố phong trào quần chúng vững mạnh rồi từng bước tiến tới tổ chức lực lượng vũ trang. Đầu năm 1942, trên cơ sở các đội tự vệ thường đã lập ra các đội tự vệ chiến đấu, gồm những người có năng lực tác chiến, trung thành với cách mạng... Để có một đội ngũ cán bộ quân sự, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Tỉnh ủy Cao Bằng đã chọn cử cán bộ và các hội viên cứu quốc tích cực đi học quân sự dài hạn ở nước ngoài, từ tháng 6/1941 đến tháng 10/1944, được 68 người¹.

Tháng 10/1941, tại Pác Bó, theo chỉ thị của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Tỉnh ủy Cao Bằng đã thành lập đội du kích tập trung đầu tiên (còn gọi là Đội du kích Pác Bó)². Đội được trang bị 2 súng thập, 2 súng lục, 1 súng bát, 2 súng trường, với nhiệm vụ bảo vệ cơ quan lãnh đạo của Đảng, bảo vệ cán bộ, làm giao thông liên lạc đặc biệt, võ trang tuyên truyền trong quần chúng, giúp việc huấn luyện tự vệ chiến đấu.

1. Số người phân bố theo các địa phương như sau: Hòa An là 42 người, Hà Quảng là 22 người, Nguyên Bình là 2 người...

2. Đội du kích Pác Bó gồm có các đồng chí: Lê Quảng Ba (Đội trưởng), Trần Sơn Hùng (Đội phó), Lê Thiết Hùng (Chính trị viên), các đồng chí Thế An, Bằng Giang, Hải Tâm, Hiếu, Đức Thanh, Nông Thị Trưng... là đội viên.

Từ cuối năm 1942, theo đà phát triển của phong trào Việt Minh, việc luyện tập quân sự trở nên sôi nổi trong phạm vi toàn tỉnh. Ở đâu cũng có đội tự vệ thường và đội tự vệ chiến đấu. Để có cán bộ huấn luyện quân sự mà phong trào đang đòi hỏi, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chỉ thị cho Đội du kích tập trung đầu tiên phân tán về các địa phương làm nhiệm vụ huấn luyện quân sự. Đầu năm 1943, ở các xã, tổng thuộc các châu Hòa An, Nguyên Bình, Hà Quảng đều có các đội tự vệ thường và đội tự vệ chiến đấu; các lớp huấn luyện quân sự được triển khai nhanh chóng. Tháng 8/1943, Châu ủy Hà Quảng đã tổ chức một cuộc diễn tập quân sự tại Sĩ Điển (thuộc xã Nà Sác), với hơn 100 tự vệ tham gia. Một cuộc diễn tập với quy mô lớn hơn, có tới 1.000 tự vệ tham gia, đã được tổ chức tại Hòa An vào cuối năm 1943. Nét nổi bật vào lúc ấy là trong quần chúng nhân dân, phong trào tự mua sắm vũ khí được đẩy mạnh, tạo tiền đề hình thành lực lượng vũ trang, sẵn sàng vùng dậy chớp thời cơ cầm vũ khí giành chính quyền.

Để công tác huấn luyện quân sự được thống nhất, theo chỉ thị của Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh, tháng 6/1943, đồng chí Hoàng Đức Thạc, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng đã triệu tập Hội nghị cán bộ huấn luyện quân sự toàn tỉnh. Hội nghị thảo luận và đi tới quyết định: Thống nhất cách tập tự vệ thường và tự vệ chiến đấu; chú trọng mặt tác chiến, chương trình huấn luyện, bàn định kế hoạch “vườn không nhà trống”, thực hiện “ba không”. Từ sau Hội nghị này, các lớp huấn luyện cán bộ quân sự (còn gọi là các lớp “quân chính” tỉnh) được triển khai. Lớp quân chính khóa I được mở tại Pác Bó (xã Trường Hà, châu Hà Quảng) với khoảng 40 học viên tham dự; lớp quân chính khóa II được mở tại U Mả (thuộc xã Dân Chủ, châu Hòa An) có gần 100 học viên tham dự;

lớp quân chính khóa III được mở tại Nguyên Bình có khoảng 30 học viên tham dự; lớp quân chính khóa IV mở tại Tôm Đeng (thuộc châu Hà Quảng) vào cuối năm 1944 là lớp dành cho các cán bộ trong liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Nội dung của các lớp huấn luyện gồm: tư tưởng chiến thuật, chiến lược, kỹ thuật chiến đấu, những kiến thức cơ bản trong việc sử dụng vũ khí rút ra từ các cuốn sách do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc biên soạn trong những năm ở Pác Bó. Những học viên ra trường trở thành những cán bộ quân sự được phân công về các địa phương mở các lớp huấn luyện cho các cán bộ cơ sở ở châu, xã. Các lớp huấn luyện này được tiến hành hết sức khẩn trương, nhiều nơi tổ chức huấn luyện cả ban ngày lẫn ban đêm. Việc mua sắm vũ khí, tuy chỉ là các loại thô sơ như: dao, kiếm, gậy, gộc, đòn sóc, súng kíp, súng hỏa mai, đôi khi có được một vài khẩu súng trường, đã trở thành một phong trào quần chúng với khí thế chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Từ cuối năm 1943 trở đi, do sự phát triển mạnh mẽ của phong trào Việt Minh tại tỉnh Cao Bằng đã hình thành xu hướng kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng quân sự trong đấu tranh cách mạng. Riêng về lực lượng vũ trang tập trung ở các châu, năm 1944 mới được thành lập. Trong khi việc xây dựng lực lượng vũ trang và phong trào Việt Minh đang phát triển mạnh, phong trào cách mạng tỉnh Cao Bằng lại đón nhận thêm một số cán bộ quân sự, cán bộ chính trị. Các cơ quan lãnh đạo được bổ sung thêm số cán bộ đi học quân sự dài hạn trở về và đặc biệt là số cán bộ vừa thoát ra khỏi các nhà tù của thực dân, những cán bộ này đều đã trưởng thành, được tôi luyện trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng, vững vàng về mọi mặt, trở thành các chiến sĩ ưu tú như: Hoàng Đình Giông, Lê Giản,

Dương Công Hoạt, Hoàng Hữu Nam, Đoàn Nguyên Nhật (Hồng Kỳ)... Các đồng chí này đã góp phần vào thắng lợi chung của phong trào cách mạng Cao Bằng.

Vào năm 1943, tình hình thế giới chuyển biến nhanh chóng, có lợi cho cách mạng. Một bước ngoặt quan trọng trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai được đánh dấu bằng chiến thắng vang dội tại Xtalingrát, Hồng quân Liên Xô bắt đầu cuộc phản công chiến lược tại các mặt trận. Ở trong nước, từ sau Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1991), phong trào Việt Minh lan rộng ra cả nước. Riêng ở tỉnh Cao Bằng, phong trào cách mạng dâng lên mạnh mẽ, vững chắc, phong trào luyện tập quân sự trong các đoàn thể cứu quốc trở nên sôi nổi; việc mua sắm vũ khí tự trang bị được gấp rút đẩy mạnh, chuẩn bị mọi mặt để đón thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền.

Trong bối cảnh lịch sử đó, nhận thấy đã có đủ điều kiện, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng quyết định tập trung sức để thực hiện chủ trương chiến lược Nam tiến mà Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đề ra, chấp nối phong trào cách mạng ở Cao Bằng với phong trào toàn quốc, trước hết là với khu du kích Bắc Sơn - Võ Nhai. Cùng với những hoạt động khẩn trương đó, một bộ phận của Cứu quốc quân Bắc Sơn - Võ Nhai đã đến Pác Bó gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí lãnh đạo của Trung ương Đảng để nắm chủ trương và phương hướng hoạt động, nhưng Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đang đi công tác nước ngoài. Tuy vậy, tháng 02/1943, cũng đã có cuộc gặp gỡ tại vùng núi Lam Sơn (Lũng Hoài, xã Hồng Việt, châu Hòa An) giữa các đồng chí lãnh đạo của Trung ương Đảng đang công tác tại đây, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng và đại diện của Cứu quốc quân nhằm trao đổi kinh nghiệm về việc xây dựng phong trào Việt Minh,

kinh nghiệm chiến đấu của Cứu quốc quân; đồng thời bàn định kế hoạch nối liền hai căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai. Theo kế hoạch đó, một đội Cứu quốc quân sẽ mở đường qua Thái Nguyên lên đón đoàn Nam tiến do đồng chí Võ Nguyên Giáp lãnh đạo từ Nguyên Bình tiến xuống con đường Bắc Kạn.

Với cuộc gặp gỡ này, mối liên hệ giữa hai khu căn cứ đã được thiết lập. Đó là một bước thắng lợi nữa trên con đường đấu tranh cách mạng mà Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra. Nhân dịp này, Tỉnh ủy Cao Bằng đã tổ chức nhiều cuộc mít tinh để chào mừng, biểu dương và học tập tinh thần chiến đấu của Cứu quốc quân; phát động một phong trào quần chúng quyên góp¹ ủng hộ đội du kích Bắc Sơn; phổ biến rộng rãi cuốn sách *Kinh nghiệm du kích Bắc Sơn* do đồng chí Phạm Văn Đồng biên soạn và thành lập các đội xung phong Nam tiến vào tháng 02/1943, gồm những cán bộ quân sự, chính trị đã trải qua nhiều thử thách.

Trong quá trình thực hiện phong trào Nam tiến, khi phong trào phát triển về Bắc Kạn và Lạng Sơn “vượt ra ngoài phạm vi Cao Bằng”, một vấn đề đặt ra là cần có kinh phí, cần có đội ngũ cán bộ địa phương để củng cố và giữ vững phong trào tại những nơi mà đoàn Nam tiến đã đi qua. Nhưng hai vấn đề ấy, Tỉnh ủy Cao Bằng không đủ thẩm quyền để giải quyết. Trong khi đó ở Bắc Kạn và Lạng Sơn chưa có Tỉnh ủy lãnh đạo phong trào cách mạng. Để giữ vững các tuyến đường Nam tiến, mở rộng khu căn cứ

1. Chỉ riêng trong ba châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình đã quyên góp được 2.000 đồng và nhiều tặng phẩm khác như: giày, dép, quần áo...

cách mạng Cao Bằng sang các tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn, trước yêu cầu phát triển của phong trào cách mạng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng cùng các đồng chí cán bộ trung ương nhận thấy rằng, “cần phải có một hình thức tổ chức đảng cao hơn cho phù hợp với nhiệm vụ đang tiến hành”¹. Trên cơ sở đó, giữa năm 1943, các đồng chí cán bộ Trung ương Đảng đã chỉ đạo tổ chức một hội nghị gồm các đại biểu của ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn họp tại thành Nhà Mạc (nay thuộc xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng) để rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả của phong trào Việt Minh. Hội nghị nhất trí nhận định phong trào cách mạng ở cả ba tỉnh đều đang phát triển nhanh chóng và vững chắc, căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng đang được hình thành, đòi hỏi phải tăng cường và thống nhất sự lãnh đạo của Đảng. Bởi vậy, hội nghị thấy cần thiết và nhất trí cử ra Ban Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng; quyết định thành lập Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng gồm 8 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí². Sau một thời gian tiếp tục thành lập Ban Việt Minh Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Khoảng cuối năm 1943, đồng chí Hoàng Đức Thạc (tức Lã) được cử giữ chức Bí thư Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng và Chủ nhiệm Ban Việt Minh liên tỉnh. Như vậy, “lý do ra đời của Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng là do thực tế địa phương đòi hỏi mà tác động trực tiếp là công tác Nam tiến”³.

1. Ý kiến của đồng chí Lê Quảng Ba nói về Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng.

2. Liên Tỉnh ủy gồm các đồng chí: Hoàng Đức Thạc (tức Lã), Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Lê Tông, Bằng Giang, Bình Dương, Dương Mạc Thạch, Hoàng Tô. Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Hoàng Đức Thạc (tức Lã), Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Lê Tông, Bằng Giang.

3. Ý kiến của đồng chí Lê Quảng Ba nói về Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng.

Vào mùa Hè năm 1943, cuộc Nam tiến được thực hiện. Tuyến thứ nhất (gọi là Nam tiến) do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Kim Mã (một địa điểm thuộc châu Nguyên Bình) vượt qua Ngân Sơn (thuộc tỉnh Bắc Kạn) nhằm thẳng hướng Nam mà tiến và đã gặp cánh quân của Cứu quốc quân Bắc Sơn vào tháng 11/1943 tại xã Nghĩa Tá (thuộc châu Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn)¹. Cùng lúc đó, tuyến thứ hai (gọi là Đông tiến) nhằm hướng Đông Nam tiến qua châu Thạch An xuống Tràng Định, Bình Gia (thuộc tỉnh Lạng Sơn) để chấp nối với căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và thông suốt đến Hiệp Hòa (Bắc Giang). Đội vừa gây dựng cơ sở ở các vùng đi qua, vừa có những hoạt động quân sự phối hợp như trừng trị bọn tay sai, phản động có nhiều nợ máu, đánh đồn Bản Trại, phá kho muối chia cho nhân dân. Còn tuyến thứ ba (gọi là Tây tiến) từ Cao Bằng sang Hà Giang, Tuyên Quang do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách đã nhanh chóng vượt qua Bảo Lạc sang Bắc Mê (Hà Giang), Na Hang (Tuyên Quang)².

1. Dưới ảnh hưởng của phong trào Nam tiến từ tỉnh Cao Bằng qua Bắc Kạn, xuống Thái Nguyên để đi về xuôi, đêm ngày 22/9/1943, tại thôn Bản Duôm, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, đồng chí Văn (tức đồng chí Võ Nguyên Giáp), đồng chí Nghĩa (tức Dương Mạc Hiếu) đã tổ chức kết nạp những đội viên trung kiên của tỉnh Bắc Kạn vào Đảng và tuyên bố thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn, gồm ba đồng chí do đồng chí Dương Mạc Hiếu (cán bộ Nam tiến người Cao Bằng) làm Bí thư Chi bộ.

2. Tuyến thứ ba (Tây tiến) vốn dĩ do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách. Nhưng đồng chí Phạm Văn Đồng bị ốm, phải ở lại Lam Sơn (Hòa An) phụ trách báo *Việt Nam độc lập*. Do đó, đội xung phong “Nam tiến” do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách phải cử lực lượng sang chi viện.

Đến tháng 11/1943, quán triệt chủ trương Nam tiến của Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Tỉnh ủy Cao Bằng đã tổ chức được 19 đội xung phong Nam tiến thành công, nối liền được căn cứ địa Cao Bằng với khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và mở rộng ra xa hơn nữa tới các tỉnh trung du và đồng bằng, gắn phong trào cách mạng của Cao - Bắc - Lạng với phong trào toàn quốc.

Như vậy, sau gần một năm hoạt động, với 19 đội xung phong Nam tiến, “con đường quân chúng” cách mạng theo hướng Nam tiến trên địa bàn Việt Bắc mà Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vạch ra, từ Cao Bằng đã nối liền với khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Sau đó, từ cơ sở cách mạng ở Chợ Chu (Thái Nguyên) đã thiết lập được đường dây liên lạc với Trung ương Đảng ở miền xuôi. Phong trào cách mạng ở Việt Bắc được gắn liền với phong trào cách mạng của cả nước. “Hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai được mở rộng, dựa vào nhau tạo thành thế liên hoàn chiến đấu, tiến có thể đánh, lui có thể giữ”. “Sự hình thành hai khu căn cứ có những con đường quân chúng cách mạng nối liền nhau, đã mở ra triển vọng lớn, tạo điều kiện cho việc ra đời khu giải phóng sau này”. Cuối năm 1943, các đội xung phong Nam tiến sau khi hoàn thành nhiệm vụ đều trở về Tam Kim - Hoa Thám (Nguyên Bình). Tổng bộ Việt Minh và Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng tổ chức lễ tổng kết, liên hoan mừng thắng lợi và đã tặng các đội Nam tiến lá cờ “Xung phong thắng lợi”. Tại lễ tổng kết, đồng chí Võ Nguyên Giáp, người tổ chức và phụ trách Ban Xung phong Nam tiến đã đánh giá: “Con đường Nam tiến mở ra theo chỉ thị của Bác và dưới sự chỉ đạo của Ban Xung phong Nam tiến đã thành công xuất sắc, nối Cao Bằng và

Thái Nguyên, Tuyên Quang. Các đội xung phong Nam tiến đã góp phần xứng đáng vào thành công đó”¹.

Với vai trò của mình, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã khắc phục mọi khó khăn để chỉ đạo, duy trì việc bồi dưỡng cán bộ và tìm nguồn kinh phí, bằng mọi cách giữ vững “con đường quần chúng” nối liền căn cứ địa Cao Bằng với các tỉnh miền xuôi để liên lạc với Trung ương, kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng.

Sau khi Nam tiến thắng lợi, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng tiếp tục chỉ đạo các địa phương giữ vững và tiếp tục phát triển phong trào cách mạng ra rộng lớn hơn, tạo thành những cơ sở cách mạng vững chắc, tạo tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo.

Bên cạnh những nhiệm vụ to lớn, khẩn trương kể trên, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã chú trọng đúng mức việc quán triệt Nghị quyết tháng 02/1943 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng về tăng cường đoàn kết dân tộc, đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số để vận động các dân tộc tham gia cách mạng. Chính Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng rất quan tâm tới công tác này và đã lần lượt cử các cán bộ ưu tú như Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... đến giúp Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Đảng bộ đã cử lên vùng cao nhiều cán bộ có tinh thần trách nhiệm, có năng lực công tác để tuyên truyền, vận động, tổ chức đồng bào Mông, Dao... vào các hội cứu quốc, thành lập các Ban Việt Minh.

Nhiều lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ người Mông, Dao có khả năng phụ trách công tác vận động quần chúng ở địa

1. Nông Văn Quang: *Con đường Nam tiến*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1995, tr.56.

phương mình tham gia phong trào cách mạng đã được tổ chức tại Lũng Lừa, Khuổi Mẩn (thuộc châu Nguyên Bình). Những tài liệu được dùng cho các lớp huấn luyện gồm: Chương trình, Điều lệ Việt Minh; tôn chỉ, mục đích của các hội cứu quốc; thơ ca cách mạng; những bài nói về tình hình thời sự thế giới và trong nước. Một số tài liệu đã được dịch ra tiếng Mông, Dao... để giúp đồng bào vùng cao học tập được dễ dàng. Các tài liệu như *Pừa nước xỉ* (Việc nước ta), *Lông địa xỉ* (Tình hình thế giới) được lưu hành rộng rãi ở vùng đồng bào Dao.

Chẳng bao lâu sau, các cơ sở Việt Minh ở vùng cao đã lan rộng ra suốt một dải từ tổng Thông Nông (châu Hà Quảng), các châu Bảo Lạc, Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình (thuộc tỉnh Cao Bằng) và châu Na Hang (thuộc tỉnh Tuyên Quang).

Để phát huy thắng lợi của công tác vận động các dân tộc vùng cao tham gia cách mạng, Ban Tỉnh ủy và Ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng quyết định mở Hội nghị liên hoan các dân tộc tại Lam Sơn (thuộc châu Hòa An, tỉnh Cao Bằng) vào tháng 7/1943 gồm đại biểu các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao... của hai tỉnh Bắc Kạn và Cao Bằng. Đây là bước chuẩn bị tích cực, tiến tới thành lập các khu căn cứ cách mạng của các dân tộc vùng cao.

Nhận thức sâu sắc đường lối cách mạng của Đảng thông qua Chương trình, Điều lệ Việt Minh bằng tiếng dân tộc của mình, đồng bào các dân tộc Mông, Dao đã có những chuyển biến mạnh mẽ. Ngày 15/9/1943, các đại biểu dân tộc Mông, Dao ở vùng cao thuộc các châu Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình đã tổ chức Đại hội thành lập châu Chí Kiên. Ngày 20/9/1943, các đại biểu Mông, Dao ở châu Bảo Lạc cũng mở Đại hội thành lập châu Xích Long. Năm ngày sau đó, các đại biểu Việt Minh của hai châu này đã mở Đại hội tại Lũng Dẻ (thuộc châu Nguyên Bình) thành lập khu Thiệt Thuật và

đã bầu ra Ban Việt Minh khu do đồng chí Dương Kim Dao (người Mông) làm Chủ nhiệm.

Cũng trong thời gian đó, các châu Việt Minh dân tộc Dao tiền như châu Lê Lợi, gồm các tổng Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng và châu Việt Minh kháng Pháp gồm các tổng Trần Hưng Đạo, Đội Cung cũng được thành lập. Hai châu Việt Minh này đã cử 150 đại biểu họp Đại hội vào tháng 11/1943, thành lập khu Quang Trung, đồng chí Lý Văn Thượng (người Dao) được bầu làm Chủ nhiệm Việt Minh khu.

Do tầm quan trọng đặc biệt của các khu Việt Minh của các dân tộc vùng cao (vùng các dân tộc Mông, Dao), chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Cao Bằng đã quyết định thành lập chi bộ đảng tại các khu để lãnh đạo phong trào cách mạng trong vùng dân tộc; đồng thời, củng cố và phát triển tổ chức đảng theo đường Nam tiến, các chi bộ đảng ở châu Ngân Sơn, Chợ Rã (tỉnh Bắc Kạn) lần lượt được thành lập.

Đầu tháng 11/1943, tại Pù Mần thuộc xã Hoa Thám, châu Nguyên Bình, đại biểu các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao thuộc các châu Nguyên Bình, Chợ Rã, Ngân Sơn, Na Rì, Bạch Thông tới dự cuộc mít tinh kỷ niệm lần thứ 26 ngày Cách mạng Tháng Mười Nga thành công và tổ chức Hội nghị bàn định công tác phát triển phong trào Việt Minh. Hội nghị quyết định đẩy mạnh phong trào Việt Minh ở tỉnh Bắc Kạn; tích cực chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, công tác trước mắt là huấn luyện cán bộ quân sự, huấn luyện tự vệ, mua sắm vũ khí, chuẩn bị lương thực. Các đại biểu ra về với niềm phấn khởi tin tưởng, với quyết tâm cao thúc đẩy phong trào cách mạng tại các địa phương tiến lên mạnh mẽ, vững chắc.

Việc thành lập các khu Việt Minh của các dân tộc vùng cao (khu Thiện Thuật và khu Quang Trung), các cuộc hội nghị, các cuộc liên hoan đại biểu các dân tộc, nhằm mục đích tuyên truyền, giác ngộ, vận động đồng bào tham gia phong

trào cách mạng đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập, tự do cho dân tộc, là sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng trong việc thực hiện chủ trương, chính sách dân tộc của Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đó là việc vận dụng các hình thức thích hợp để vận động, tập hợp quần chúng các dân tộc thiểu số vùng cao tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng chung. Việc thành lập các khu Việt Minh của các dân tộc thiểu số vùng cao có ý nghĩa to lớn trong củng cố và đẩy mạnh phong trào Việt Minh, củng cố và phát triển các cơ sở cách mạng, khiến căn cứ địa cách mạng được mở rộng và củng cố. Thực tế cho thấy, một khi đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao được tuyên truyền, giác ngộ, đã đem hết sức mình đóng góp vào cuộc đấu tranh chung, nhất là về nuôi dưỡng và bảo vệ các cán bộ lãnh đạo các cấp của Đảng, tạo điều kiện thuận lợi giúp các chiến sĩ cách mạng hoàn thành nhiệm vụ, thì phong trào cách mạng phát triển mạnh. Một mặt nữa rất căn bản và rất có ý nghĩa là với việc thành lập các khu Việt Minh của các dân tộc thiểu số vùng cao, những con đường mòn xuyên rừng rậm, qua các dãy núi cao, nối liền các xóm bản của người Mông, Dao, thật sự là những đường huyết mạch để phong trào Việt Minh, lực lượng cách mạng từ căn cứ địa Cao Bằng phát triển về miền trung du và đồng bằng. Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã có những đóng góp rất quan trọng trong việc lập căn cứ địa cách mạng và vận động các dân tộc thiểu số vùng cao tham gia cách mạng, nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chiến lược của Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đề ra.

Phong trào quần chúng ngày càng lan rộng, mạnh mẽ và gần như công khai đã khiến thực dân và tay sai, phản động lo ngại, tìm mọi cách đối phó, khủng bố. Địch đã cho binh lính, cảnh sát, mật thám ngày đêm lùng sục, bao vây các

chòm xóm, thôn bản của đồng bào. Ngay cả Chánh mật thám ở Hà Nội cũng mang quân lên, cùng với các lực lượng sở tại bao vây, giăng lưới nhằm truy bắt các cán bộ Việt Minh chủ chốt của Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng.

Thực dân Pháp tăng thêm quân, xây thêm nhiều đồn bốt, tăng cường kiểm soát các trục đường giao thông và các vị trí xung yếu¹. Chúng còn khuyến khích bọn tay sai gây tội ác, phục vụ đắc lực chính sách đàn áp, khủng bố của chúng bằng cách thưởng tiền bạc², huy chương, huy hiệu, chức tước mỗi khi bắt, giết được một cán bộ, phá được một cơ sở cách mạng hoặc giúp chúng thực hiện được âm mưu đồn dân, đồn bản thành những khu tập trung. Để đàn áp phong trào cách mạng, chúng còn thi hành chính sách “dùng người Việt đánh người Việt”, gây chia rẽ, hằn thù giữa các dân tộc, dùng dân tộc này chống lại dân tộc kia, khuyến khích tầng lớp trên trong các dân tộc thiểu số tổ chức những đội quân riêng³, trực tiếp trang bị cho các đội quân ấy. Ngoài ra, chúng còn dùng các thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc, cưỡng ép cán bộ, đảng viên.

Đợt khủng bố ác liệt của địch diễn ra hầu như khắp cả tỉnh, nhưng gay gắt nhất là ở các địa phương Pác Bó, Hòa Mục,

1. Ở Hà Quảng, chúng xây thêm đồn Tổng Cột, Bản Giai, Bó Khuy, Nà Giàng, Co Vây, Tổng Pháy, Đôn Chương; ở Hòa An, chúng xây thêm đồn Nà Luông, Nà Vài, Háng Hóa, Trương Lương, Hoàng Tung và đặc biệt là hệ thống đồn bốt xây quanh vùng núi Lam Sơn; ở Nguyên Bình, chúng xây thêm các đồn Phai Khắt, Nà Ngân, Nà Bao.

2. Chúng treo giải lấy được một đầu cán bộ sẽ được thưởng 1 tạ muối hoặc 100 đồng bạc trắng trở lên.

3. Như tên chủ lang Nam Tuấn (Hòa An), tên Dùng Páo (ở tổng Thông Nông) có tới một đại đội lính, tên tổng đoàn Kim (Hà Quảng), các tên quản chiểu Chu Văn Siêu, Đặng Nhân Đình ở Nguyên Bình đều có đội quân riêng chuyên đàn áp cách mạng.

Nà Mạ, Dẻ Rào (thuộc châu Hà Quảng), Kỳ Chỉ, Gia Bằng (thuộc châu Nguyên Bình), Mỏ Sắt, Nam Tuấn, Lam Sơn, Hào Lịch, Hoàng Tung (thuộc châu Hòa An)... Địch bắt nhiều hội viên và quần chúng trung kiên, gây biết bao tội ác với nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đầu năm 1944, ở Hòa An, chúng bắt đi 53 người, giết 3 cán bộ bêu đầu ở chợ Cao Bình, Nước Hai. Ở Hà Quảng, chúng bắt giam 20 cán bộ, giết hại 2 chiến sĩ đem bêu đầu ở chợ Sóc Giang. Ở Nguyên Bình, hơn 100 hội viên các hội cứu quốc bị bắt giam, trong số đó, hơn 10 cán bộ, đảng viên bị chúng giết hại. Tình trạng bắt bớ, giam cầm, giết chóc cũng diễn ra tại các châu khác trong tỉnh. Nhiều đồng chí cán bộ trong các đoàn Nam tiến bị địch bắt, giết hại trên các tuyến đường¹, đẫm máu nhất là cuộc tàn sát một lúc hơn 10 chiến sĩ cách mạng trên đường Tây tiến tại Nà Pồng (xã Lý Bôn, châu Bảo Lạc).

Song song với những hành động bắt bớ, giam cầm, giết chóc dã man, chúng còn thẳng tay cướp của, đốt nhà của đồng bào các dân tộc ở nhiều địa phương². Ở Pác Bó (xã Trường Hà, châu Hà Quảng), chúng cướp đoạt của nhân dân hơn 40 tấn thóc. Ở tổng Thông Nông (châu Hà Quảng), chúng cướp đi 99 bò thóc. Ở hai châu Hòa An và Nguyên Bình, chúng cướp phá bốn kho thóc chứa hàng mấy chục tấn thóc (mỗi châu hai kho). Nhiều làng, bản bị đốt trụi, nhất là các chòm xóm có các gia đình cán bộ cách mạng, dân bị dồn vào những chỗ mà chúng dễ kiểm soát. Ở ba châu Nguyên Bình, Hòa An, Hà Quảng, nhân dân ở hàng trăm chòm xóm, bản làng bị dồn vào những nơi tập trung, có hàng rào kiên cố

1. Các đồng chí Đức Xuân, Bàn Văn Hoan, Hồng Giang, Mỹ Thanh...

2. Riêng ở Hòa An và Hà Quảng có tới mấy trăm bản bị dồn, mấy trăm nóc nhà bị đốt phá.

(có nơi có tới ba hàng rào), hệ thống đồn bốt, chòi gác bao quanh. Sự đi lại của nhân dân bị hạn chế, mọi hành động đều bị kiểm soát, đêm đến không ai được bước ra khỏi nhà và chúng thường xuyên điếm danh từng hộ; cấm nam giới vào rừng, lên núi... Những hành động đó của thực dân Pháp hòng ngăn chặn mối liên lạc giữa cán bộ cách mạng với quần chúng hoặc buộc cán bộ, đảng viên phải nằm im nhưng đều bị thất bại. Các hội viên Phụ nữ cứu quốc Tày, Nùng, Mông, Dao thuộc các vùng Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, nơi xảy ra các cuộc khủng bố ác liệt, đã phát huy nhiều sáng kiến, giấu từng nắm cơm gạo, cơm bẹ được ngụy trang khéo léo hoặc lợi dụng hình thức mang gạo đi bó, đi cúng để tiếp tế lương thực cho cán bộ. Công tác giao thông liên lạc đã được Thiếu niên Cứu quốc tích cực tham gia. Tiêu biểu là Thiếu niên Cứu quốc Nông Văn Dền (tức Kim Đồng). Kim Đồng đã có nhiều sáng kiến trong công tác của Đội, việc giao thông liên lạc, bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở bí mật của Đảng. Kim Đồng đã hy sinh anh dũng vào tháng 02/1943, tại làng Nà Mạ (xã Trường Hà, châu Hà Quảng).

Mặc dù địch dùng mọi thủ đoạn khủng bố rất dã man, nhưng mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng vẫn được giữ vững ở Nguyên Bình, Hòa An, Hà Quảng. Sự khủng bố ác liệt, tàn sát càng dã man của địch càng chứng tỏ phong trào cách mạng phát triển mạnh và ngày càng dâng cao.

Để đề phòng địch khủng bố, bảo vệ sự phát triển lực lượng của ta, cuối năm 1943, Tỉnh ủy đã triệu tập hội nghị tại Ngườm Slưa (xã Hoàng Tung, châu Hòa An). Hội nghị quyết định trong bất kỳ tình huống nào cũng phải giữ bằng được phong trào, phải bám sát cơ sở trên nguyên tắc giữ gìn bí mật, tổ chức lãnh đạo nhân dân chống khủng bố. Một vấn

đề được nhấn mạnh trong Hội nghị là thành lập các tổ Việt Minh trung kiên và các ban xung phong chống khủng bố, ra sức xây dựng, củng cố các đơn vị tự vệ và thành lập đội vũ trang tập trung ở các châu, làm nòng cốt cho phong trào. Nhiệm vụ của các ban, các đội vũ trang là diệt trừ những tên mật thám đầu sỏ, những tên tay sai hung hăng, để ngăn chặn những hành động khủng bố của chúng; phục kích tiêu diệt những toán lính đi lùng sục, cướp lấy súng đạn của giặc trang bị cho ta. Các ban xung phong, các đội vũ trang chống khủng bố mỗi khi diệt trừ những tên gian ác hoặc cảnh cáo lũ tay sai, phản động đều mang danh là “đội hộ lương diệt ác”. Kết quả là hơn một trăm tên gian ác phải đền tội khiến nhiều tên phản động khác phải khiếp sợ không dám lộ mặt, bớt phần hung hăng hoặc nằm im...

Thời kỳ phong trào cách mạng cả nước, đặc biệt là phong trào cách mạng ở Cao Bằng đang phát triển mạnh mẽ thì Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra ác liệt, quân Đồng minh giành thắng lợi trên nhiều mặt trận. Lúc đó nhiều tù chính trị Việt Nam bị biệt giam ở Madagaxca (châu Phi) đang đấu tranh chống chiến tranh. Trước sự đấu tranh thống nhất và kiên quyết, thực dân Anh phải đồng ý cho các tù chính trị về nước hoạt động chống phát xít, để thu thập tin tức và làm hạt nhân phát triển phong trào chiến tranh du kích chuẩn bị cho những chiến dịch lớn của quân Đồng minh đánh lại phát xít Nhật ở Việt Nam. Để tranh thủ các lực lượng, quân Anh đã chọn 7 tù chính trị, trong đó có đồng chí Hoàng Đình Giông và Dương Công Hoạt được đưa đến Ấn Độ huấn luyện.

Tháng 10/1943, quân Anh chỉ cho đồng chí Hoàng Đình Giông từ Ấn Độ về Việt Nam. Sau khi bí mật liên lạc, gặp

đồng chí Hoàng Đức Thạc (tức Lã), Bí thư Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng và đồng chí Vũ Anh, Ủy viên Trung ương Đảng (đại diện Trung ương Đảng bên cạnh Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc) chỉ đạo phong trào tại căn cứ địa cách mạng Cao Bằng ở cơ quan Liên Tỉnh ủy đặt tại vùng núi Lam Sơn, đồng chí Hoàng Đình Giông báo cáo với Trung ương Đảng về chủ trương lợi dụng Đồng minh để trở về nước hoạt động. Sau khi hoàn thành công việc theo kế hoạch, đồng chí Hoàng Đình Giông lại lên đường làm nhiệm vụ. “Khi ông (Hoàng Đình Giông) chuẩn bị trở lại Ấn Độ, cũng là lúc Bác Hồ bị Tưởng Giới Thạch bắt, nên đại diện Trung ương Đảng ta giao nhiệm vụ cho Hoàng Đình Giông đưa yêu sách nhờ Đảng Cộng sản Ấn Độ gây dư luận để làm áp lực, buộc quân Tưởng thả Bác”¹.

Sau khi trở lại Ấn Độ, đồng chí Hoàng Đình Giông và các đồng chí được quân Anh tiếp tục huấn luyện và đến tháng 10/1944, đồng chí Hoàng Đình Giông được chúng đưa về nước bằng máy bay.

Như vậy là nhờ sự đấu tranh khéo léo và cương quyết, dựa vào phương tiện của người Anh, đồng chí Hoàng Đình Giông và các chiến sĩ cách mạng đã trở về nước an toàn, mang theo về cho cách mạng phương tiện thông tin, vũ khí, thuốc chữa bệnh..., chỉ có vài lần liên lạc với trung tâm chỉ huy của quân Anh ở Cancútta để họ thả hàng tiếp tế theo kế hoạch. Sau đó, tất cả đều nhanh chóng cùng toàn Đảng chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa khi thời cơ đến và hoà nhập vào

1. Tỉnh ủy Cao Bằng: *Hoàng Đình Giông, cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng (1904-1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.106.

cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Cơ quan tình báo Anh cho rằng, “họ đã thả hổ về rừng”¹.

Một cao trào cách mạng ở tỉnh Cao Bằng nói riêng và ở cả liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng nói chung với một lực lượng vũ trang rộng lớn đã được xây dựng ở khắp cơ sở. Mặc dù trải qua hơn hai năm khủng bố liên tục, điên cuồng của địch, phong trào quần chúng vẫn vững, khí thế cách mạng ngày càng lên cao, công việc tích cực chuẩn bị điều kiện để khởi nghĩa vẫn được đẩy mạnh. Tình hình đó đã tác động tới các đồng chí cán bộ trung ương và các đồng chí lãnh đạo liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Trong bối cảnh đó, ngày 13/8/1944, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng triệu tập Hội nghị tại vùng núi Lũng Sa - một địa điểm giáp giới châu Hòa An và châu Nguyên Bình để nhận định tình hình và quyết định chủ trương mới. Đây là hội nghị có đầy đủ các đồng chí cán bộ trong liên tỉnh, cán bộ phụ trách ở vùng cao, vùng thấp, có đầy đủ cán bộ các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao... Đồng chí Vũ Anh và các cán bộ trung ương đều có mặt. Nhiều đơn vị vũ trang được điều đến làm nhiệm vụ bảo vệ. Về lương thực, thực phẩm phục vụ cho Hội nghị đều do đồng bào Mông ở địa phương cung cấp. Hội nghị làm việc khẩn trương và nhận định rằng: Tình hình thế giới đã có nhiều chuyển biến nhanh chóng rất có lợi cho cách mạng Việt Nam. Về tình hình địa phương, Hội nghị nhất trí đánh giá phong trào quần chúng đang được khôi phục và nóng lòng chờ đón khởi nghĩa. Hội nghị cũng thảo luận sôi nổi, tranh luận về thời cơ và điều kiện liên quan đến việc gấp rút chuẩn bị phát động khởi nghĩa giành chính quyền ở Cao - Bắc - Lạng. Tiếc rằng, vì

1. Tỉnh ủy Cao Bằng: *Hoàng Đình Giông, cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng (1904-1947)*, Sđd, tr.109.

không liên lạc được với Trung ương nên Hội nghị không nhận định được đầy đủ tình hình phong trào toàn quốc và thời cơ cách mạng. Hội nghị nhất trí cần gấp rút chuẩn bị mọi mặt để đi tới phát động khởi nghĩa ở Cao - Bắc - Lạng trong thời gian hai tháng, sau thời gian đó sẽ có một cuộc họp kiểm điểm lại tình hình, nếu đầy đủ điều kiện thì phát động khởi nghĩa của quần chúng. Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ cấp bách như:

- Hoàn thành công tác huấn luyện cho các đội trưởng và các chính trị viên các đội vũ trang, cán bộ thoát ly cũng đều phải huấn luyện quân sự.

- Tất cả các đội tự vệ chiến đấu đều chuyển thành các đội du kích. Tăng cường huấn luyện cách đánh du kích, đẩy mạnh phong trào mua sắm, tự tạo vũ khí, đạn dược; lương thực chuẩn bị cho các đội du kích đủ dùng trong 6 tháng.

- Tổ chức lại mạng lưới giao thông bí mật thông suốt từ cơ sở cho đến liên tỉnh để kịp thời nắm vững tình hình.

- Hội nghị đã cử ra một Ủy ban quân sự để giúp cho Ban lãnh đạo liên tỉnh đốc thúc và kiểm tra công việc chuẩn bị.

Báo *Việt Nam độc lập* số 191 ngày 20/8/1944 đã đăng Lời kêu gọi của Ban lãnh đạo liên tỉnh: “Cơ hội chúng ta sắp đến, chúng ta mau mau chuẩn bị”. Sau khi phân tích tình hình thế giới và chiến thắng của phe Đồng minh, sự chuyển biến mạnh mẽ của phong trào trong nước, đặc biệt là ở Liên tỉnh, Lời kêu gọi đã viết: “Hỡi đồng bào Cao - Bắc - Lạng! Chỉ có đứng ra đấu tranh quyết liệt với quân thù mới có thể thoát khỏi cái đói dở sống, dở chết ngày nay, mới có thể đi đến một cuộc đời tự do sung sướng!”. Phần kết luận, bài báo đề ra một số nhiệm vụ khẩn cấp để chuẩn bị đón thời cơ như: gấp rút đào tạo thật nhiều cán bộ, tìm mọi cách giải thích cho quần chúng biết thời cơ sắp đến để động viên sức người, sức của

cho cuộc khởi nghĩa... Tiếp đó, một số chủ trương khác đã được đẩy mạnh: triệt để giữ gìn bí mật, nâng cao chất lượng các tổ chức cứu quốc, công tác binh vận, trấn áp phản động... nhằm thúc đẩy phong trào phát triển.

Thời gian chuẩn bị sắp hết, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đang chuẩn bị triệu tập một cuộc họp nhận định tình hình để có quyết định chính thức về thời gian phát động khởi nghĩa, thì cuối tháng 9/1944, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở về nước¹. Đồng chí Vũ Anh và đồng chí Võ Nguyên Giáp được cử đi gặp Người để xin chỉ thị.

Tại một địa điểm ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc, giáp xã Nà Sác (châu Hà Quảng), Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã xem xét tình hình toàn diện phong trào Cao - Bắc - Lạng từ khi Người rời Cao Bằng đi nước ngoài. Người nhận định: Hội nghị liên tỉnh mới chỉ nắm được tình hình địa phương chứ chưa nắm được tình hình chung cả nước, mới chỉ thấy được bộ phận, chưa nắm được toàn cục. Sau khi phân tích sâu sắc tình hình Cao - Bắc - Lạng cũng như tình hình chung cả nước, Người cho rằng: “Bây giờ thời kỳ cách mạng hòa bình đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới, nếu bây giờ chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào đi tới. Nhưng phát động vũ trang khởi nghĩa ngay

1. Tháng 8/1942, lấy tên Hồ Chí Minh, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đại diện cho Mặt trận Việt Minh và Phân hội Việt Nam thuộc Hiệp hội Quốc tế chống xâm lược sang Trung Quốc tìm sự liên minh quốc tế, cùng phối hợp hành động chống phát xít trên chiến trường Thái Bình Dương. Người bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam trong các nhà lao của tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian 01 năm 14 ngày bị tù, Người đã viết tập thơ “Nhật ký trong tù”. Tháng 9/1943, Người được trả tự do. Đến tháng 9/1944, Người trở về Cao Bằng.

thì địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay chính trị còn trọng hơn quân sự, phải tìm ra hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy phong trào tiến lên. Nếu phát động đấu tranh mà mỗi khi địch đến nhân dân lại phải tản cư cả vào rừng thì gặp rất nhiều khó khăn. Phải làm sao cứ hoạt động vũ trang mà dân ở đâu cứ ở đấy sản xuất, chỉ cần tăng cường canh gác đề phòng không để địch bắt hại những người hoạt động”¹. Trên cơ sở phân tích và chỉ rõ tình hình cách mạng, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa. “Hình thức thích hợp” lúc bấy giờ, theo Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là thành lập đội quân giải phóng - đội quân chủ lực đầu tiên - Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Để thực hiện phương châm hoạt động mới, Người đã chỉ thị cho đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng đồng chí Hoàng Đức Thạc (tức Lã), Bí thư Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, nghiên cứu thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Với tính chất quan trọng của đội quân này, việc lựa chọn các đội viên được tiến hành rất thận trọng từ đội vũ trang các châu. Các cán bộ chỉ huy tiểu đội, trung đội chủ yếu sẽ chọn ở đội ngũ cán bộ quân sự vừa đi học dài hạn ở nước ngoài về đang tập trung ở Hà Quảng. Đơn vị đã được trang bị nhiều vũ khí lấy từ cơ sở lên và số vũ khí của cơ sở đảng từ Côn Minh (Trung Quốc) gửi về. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra những nét cơ bản về việc thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và giao nhiệm vụ lãnh đạo cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, Người dặn: “Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không sao tiêu diệt được. Tổ chức của Đội phải lấy chi bộ đảng làm hạt nhân lãnh đạo”².

1, 2. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr.132, 134.

Chấp hành chỉ thị của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, với sự chuẩn bị khẩn trương của đồng chí Võ Nguyên Giáp và Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Cao Bằng, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập vào ngày 22/12/1944 tại khu rừng Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Đội gồm 34 cán bộ, chiến sĩ, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, đồng chí Hoàng Sâm làm Đội trưởng, đồng chí Xích Thắng (Dương Mạc Thạch) làm Chính trị viên. Trong số 34 chiến sĩ đầu tiên của đội, có 25 người là con em các dân tộc tỉnh Cao Bằng (trong đó có đồng chí Xích Thắng tức Dương Mạc Thạch). Trong buổi lễ thành lập nghiêm trang, hùng tráng, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã chuyển tới Đội toàn bộ Chỉ thị của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, xác định nhiệm vụ của Đội là: Chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến. Nhiệm vụ ấy có tính chất giao thời. Vận động võ trang tuyên truyền để kêu gọi toàn dân đứng dậy, chuẩn bị cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc khởi nghĩa sau này. Trong khí thế đầy xúc động và nghiêm trang, toàn thể 34 chiến sĩ đã làm lễ đọc mười lời thề quyết tâm hoàn thành những nhiệm vụ do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đề ra. Sự ra đời của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là một bước ngoặt trên con đường đấu tranh cách mạng của dân tộc ta. Đây là đơn vị vũ trang chủ lực đầu tiên, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam hùng mạnh hiện nay. Từ đó, ngày 22/12 hằng năm trở thành một ngày hội, ngày kỷ niệm lịch sử rất vẻ vang của quân và dân ta.

Vừa mới ra đời, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã lập những chiến công vang dội. Trong 2 ngày (25 và 26/12/1944), Đội đã tiêu diệt 2 đồn Phai Khắt (nay thuộc xã Tam Kim) và Nà Ngần (nay thuộc xã Hoa Thám), châu Nguyên Bình. Hai đồn này được địch dựng lên trong năm 1944 để đàn

áp phong trào cách mạng. Tại đây, quân địch cấu kết với phản động địa phương gây nhiều tội ác đối với nhân dân. Tuy được trang bị đầy đủ, lại thêm địa thế hiểm trở, nhưng địch không sao đỡ nổi đòn bí hiểm, bất ngờ của ta. Các chiến sĩ Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với một tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, có quyết tâm cao, lại được sự ủng hộ, che chở của đồng bào địa phương, đã giành được thắng lợi. Đội đã thực hiện được lời căn dặn của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc: Cuộc ra quân lần này phải là một cuộc thắng lợi, nó có tác dụng lớn lao và trong một phần lớn sẽ quyết định tương lai của Đội, hành động phải nhằm vào thời gian, nhằm vào địa điểm, tổ chức cho gọn, xuất sắc, làm sao vang dội khắp trong nước và cả nước ngoài, có thế Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân mới đạt được mục đích tuyên truyền của nó, mới kêu gọi được toàn dân vũ trang nổi dậy, mới làm cho nước ngoài chú ý đến cuộc chiến tranh chống phát xít của dân tộc Việt Nam.

Sự xuất hiện của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với chiến thắng vang dội ở Phai Khắt và Nà Ngần có tác động mạnh mẽ, gây hoang mang, lo sợ trong hàng ngũ địch; đồng thời, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng của quần chúng, thúc đẩy mọi mặt hoạt động của họ, gấp rút chuẩn bị để đón thời cơ vùng lên đập đổ mọi xiềng xích thực dân, phát xít, giành chính quyền. Chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngần đã làm rực sáng ý chí bách chiến bách thắng của đội quân cách mạng, mở đầu cho một thời kỳ đấu tranh vũ trang ở khu căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng.

Thắng lợi giòn giã trên có ảnh hưởng rất lớn và nhanh chóng tác động mạnh mẽ tới phong trào toàn tỉnh, quần chúng càng tin tưởng vào lực lượng cách mạng, càng củng cố thế tiến công chống lại sự khủng bố của địch. Bọn tay sai, phản động hoang mang co lại, không dám hoạt động, còn bọn lừng chừng

cũng bắt đầu ngã theo cách mạng, hàng ngũ binh lính của địch dao động. Đối với bọn thống trị, đây là một đòn sấm sét, báo hiệu ngày tận số của chúng đã tới gần. Trước tình hình đó, địch phải khẩn cấp báo lên Thống sứ Bắc Kỳ tình trạng nguy cấp đó. Bộ chỉ huy Pháp ngay lập tức điều động Trung đoàn thuộc địa thứ 9 đang đóng ở Việt Bắc lên Cao Bằng để đối phó.

Cuối năm 1944, phong trào cách mạng càng phát triển mạnh mẽ, việc tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của quốc tế, nhất là lực lượng Đồng minh do Mỹ phụ trách đang ở Côn Minh (Trung Quốc), là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Lãnh tụ Hồ Chí Minh. Nhưng điều kiện cần và đủ để thực hiện chủ trương đó là một vấn đề lớn. Đúng thời điểm đó (tháng 11/1944), Mặt trận Việt Minh cứu thoát Trung úy phi công Sao (Shaw) sau khi nhảy dù xuống Cao Bằng do máy bay bị hỏng và đang bị quân Nhật lẫn quân Pháp truy lùng ráo riết. Việc cứu được phi công Mỹ là một trong những điều kiện để đầu năm 1945, Lãnh tụ Hồ Chí Minh lên đường đi Côn Minh thực hiện sứ mệnh của mình với “quà tặng” đặc biệt với Mỹ là Trung úy phi công Sao. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng đến đầu tháng 3/1945, Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã thiết lập được quan hệ với Mỹ và được Mỹ trợ giúp ngay sau cuộc gặp¹. Như vậy là, ngay từ trước Cách

1. Tại Côn Minh, với tư cách là đại diện của tổ chức Việt Minh, Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã gặp gỡ, hội đàm với Tướng không quân Sênô (Claire Lee Chennault) - Tư lệnh Không đoàn 14 (Mỹ), đại diện cao nhất của quân Đồng minh tại khu vực. Từ đây mở ra một cánh cửa bang giao mới. Chính từ lần gặp gỡ này, sau cuộc gặp gỡ của Lãnh tụ Hồ Chí Minh với tướng Sênô, nước Mỹ với tư cách là Đồng minh chống phát xít đã giúp Việt Minh về cán bộ, thuốc men, vũ khí... Vào ngày 17/7/1945, đội Con Nai đã nhảy dù xuống Tuyên Quang để huấn luyện sử dụng vũ khí của Mỹ cho bộ đội Việt Minh.

mạng Tháng Tám năm 1945, cánh cửa quan hệ Việt - Mỹ đã được khai mở, mà Cao Bằng là mốc khởi đầu cho mối quan hệ đó. Thời gian của mối quan hệ đó trên đất Cao Bằng tuy ngắn nhưng lại rất quan trọng. Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã tranh thủ mối quan hệ này để làm nhiều việc cho cách mạng. Thông qua cách ứng xử của Lãnh tụ Hồ Chí Minh mà người Mỹ hiểu về nhân dân Việt Nam và Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã để lại trong lòng những người bạn Mỹ những tình cảm sâu sắc không chỉ lúc đó mà cả sau này.

Từ cuối năm 1944 đầu năm 1945 trở đi, địch đã tiến hành nhiều đợt hành quân khủng bố, càn quét, bao vây, đốt phá xóm làng của đồng bào, bắt bớ nhiều hội viên Việt Minh về giam tại nhà tù thị xã, các trại giam ở các châu.

Ở Hòa An, địch mở một cuộc tấn công quy mô lớn vào vùng núi Lam Sơn (có cả binh lính đồn Nguyên Bình tham gia bao vây phía sau vùng núi Lam Sơn), với hàng trăm lính khố đỏ, khố xanh được trang bị đầy đủ vũ khí nhằm tiêu diệt lực lượng của ta ở cơ quan Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng vào những ngày 25 và 28/01/1945. Lực lượng vũ trang của ta đã chống trả quyết liệt, gây cho địch nhiều tổn thất. Tại Hà Quảng, ngày 10/3/1945, quan ba đồn Sóc Giang đã huy động hầu hết lính khố đỏ, khố xanh, cúp phăng, lính đồng vây quét vùng Pác Bó, thực hiện âm mưu tiêu diệt cơ quan đầu não cách mạng. Nhưng sự khủng bố của địch không ngăn nổi làn sóng cách mạng của quần chúng. Tiếng súng Phai Khắt, Nà Ngần đã thúc đẩy, cổ vũ phong trào đấu tranh vũ trang phát triển.

Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng luôn bám sát các nhiệm vụ, nhất là nhiệm vụ củng cố và phát triển lực lượng vũ trang mà Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đề ra. Theo quyết định của Liên Tỉnh ủy, các đội tự vệ chiến đấu

được biên chế thành các đội du kích, các đội vũ trang tập trung châu, tỉnh chuyển thành các đội quân giải phóng như các đại đội giải phóng của châu Quảng Uyên, châu Trùng Khánh được thành lập đầu năm 1945. Các đội vũ trang giải phóng vừa mới được thành lập này sẵn sàng tiêu diệt các toán quân đi càn quét, lùng sục của địch, hỗ trợ cho quần chúng các địa phương đấu tranh. Phối hợp hoạt động với Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, ngày 28/01/1945, đội vũ trang giải phóng châu Quảng Uyên đột nhập vào phố và bắn vào đồn địch. Địch hoang mang lo sợ, không dám chống lại. Ngày 04/02/1945, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân bất ngờ đánh đồn Đồng Mu (Bảo Lạc), diệt 20 tên, thu 5 khẩu súng, một số đạn dược và bắt 3 tù binh. Sau đó, Đội lại phục kích ở đèo Ben - Le (nay gọi là đèo Cao Bắc) bắt gọn một trung đội địch, thu 16 súng và đánh đồn Nà Ngân lần thứ hai, thu 30 súng.

Tóm lại, từ cuối năm 1939, Đảng bộ Cao Bằng đã nhanh chóng chuyển hướng hoạt động, xây dựng các căn cứ bí mật ở vùng núi Lam Sơn và vùng biên thù (Lục Khu, Pác Bó, Nà Sác) nhằm củng cố, duy trì lực lượng, làm bàn đạp phát triển phong trào cách mạng. Từ đầu năm 1941, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng được sự chỉ đạo trực tiếp của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và việc Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, quyết định xây dựng căn cứ địa Cao Bằng trở thành một trong những căn cứ địa cách mạng của cả nước càng tạo điều kiện thúc đẩy phong trào cách mạng tại địa phương phát triển.

Có thể khẳng định, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, tổ chức Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941), thành lập Mặt trận Việt Minh đã tạo bước nhảy vọt của cách mạng Việt Nam. Cao Bằng vốn có phong trào phát triển liên tục và khá vững mạnh, trở thành một trong những căn cứ địa cách

mạng của cả nước, tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng chuẩn bị, đón thời cơ, cùng đồng bào cả nước tiến lên làm Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Đảng bộ Cao Bằng đã tổ chức, phát động và tập hợp quần chúng rộng rãi trong các hội cứu quốc, bao gồm các tầng lớp, các dân tộc trong tỉnh dưới ngọn cờ Mặt trận Việt Minh. Sự hình thành ba châu Việt Minh hoàn toàn ở Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình và hai khu Việt Minh là Thiện Thuật, Quang Trung của dân tộc Mông, Dao đã nối liền căn cứ địa cách mạng Cao Bằng với phong trào cách mạng cả nước. Trên cơ sở hình thành nhanh chóng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang từng bước phát triển vững chắc với ba thứ quân: tự vệ (tự vệ thường, tự vệ chiến đấu, đội du kích), đội vũ trang tập trung của châu và của tỉnh, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, gắn liền với chiến công oanh liệt đánh đồn Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu, đánh đồn Nà Ngần lần thứ hai, phục kích tiêu diệt địch ở đèo Ben - Le... đã mở đầu bước ngoặt của cuộc đấu tranh vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân.

II. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC TRONG TỈNH TIẾN HÀNH TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (5/1945 - 12/1945)

Từ khi phát xít Nhật tiến vào Đông Dương, Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nhận định phát xít Nhật và thực dân Pháp nhất định sẽ có cuộc đụng đầu để loại trừ lẫn nhau. Quả vậy, tối ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp

để độc chiếm Đông Dương. Trong đêm hôm đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng tiến hành Hội nghị mở rộng tại Đình Bả (Từ Sơn, Bắc Ninh) để đánh giá tình hình và đề ra những nhiệm vụ khẩn cấp. Hội nghị đã ra chỉ thị rất quan trọng *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (ngày 12/3/1945). Hội nghị nhận định: Cuộc đảo chính của Nhật sẽ tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, tạo nên một tình thế cách mạng, khiến điều kiện của cuộc khởi nghĩa mau chín muồi. Hội nghị vạch rõ kẻ thù chủ yếu trước mắt là phát xít Nhật và bè lũ tay sai. Do đó, nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân lúc này là phát động phong trào kháng Nhật cứu nước, tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Ở Cao Bằng, tình thế cách mạng cũng nhanh chóng xuất hiện do phong trào của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đang phát triển mạnh mẽ, bộ máy chính quyền của thực dân Pháp đang sụp đổ. Ngay trong đêm 11/3/1945, một bộ phận quân Nhật nằm sẵn ở Vườn Cam (thị xã Cao Bằng) đã bí mật tiêu diệt tên lính gác ở đầu cầu sông Hiến, rồi tiến về Nguyên Bình. Sau khi chiếm được đồn Nguyên Bình và khu mỏ Tĩnh Túc, chúng cho một bộ phận quay trở ra, phối hợp với cánh quân từ Lạng Sơn lên đánh quân Pháp ở thị xã Cao Bằng. Cánh quân từ Lạng Sơn của Nhật đã nhanh chóng chiếm lấy Đông Khê và đến 18 giờ ngày 12/3/1945, Nhật đưa tối hậu thư cho bộ phận quân Pháp cố thủ tại Pháo đài (thị xã Cao Bằng) phải đầu hàng. Ngày 13/3/1945, quân Nhật hoàn toàn chiếm được thị xã Cao Bằng. Sau đó, chúng đánh chiếm Nước Hai (châu lỵ Hòa An). Sáng 14/3/1945, một cánh quân khác của Nhật tiến vào đồn Tà Lùng (Phục Hòa). Ngày 16/3/1945, Nhật chiếm châu lỵ Quảng Uyên; bốn ngày sau đó chiếm châu Trùng Khánh. Ngày 23/3/1945, chúng chiếm đồn Sóc Giang (Hà Quảng). Ngày 25/5/1945, chiếm Bằng Ca (Hạ Lang). Đầu tháng

4/1945, châu Trấn Biên cũng lọt vào tay Nhật, và quân Nhật cũng đã chiếm được một số vị trí quan trọng trong tỉnh Cao Bằng, trừ Bảo Lạc do bị ta chặn đánh quyết liệt nên sau một thời gian ngắn chúng phải rút lui.

Nửa cuối tháng 3/1945, cùng với việc đánh chiếm được thị xã và các thị trấn, những vị trí xung yếu trong tỉnh, phát xít Nhật thực hiện củng cố chỗ đứng chân của chúng. Ở thị xã, Nhật sử dụng tên Bộ chánh Nguyễn Tông vào chức vụ Tỉnh trưởng, lập ra cái gọi là “Tỉnh chính phủ” làm chỗ dựa chính trị. Bộ máy chính quyền bù nhìn, tay sai ra thông báo chiêu an nhân dân, kêu gọi nhân dân hợp tác với Nhật. Về quân sự, chúng thành lập các đơn vị bảo an, lập ra Sở Liêm phóng và Đội cảnh sát. Để làm chỗ dựa về chính trị, Nhật khuyến khích, trợ lực cho việc tổ chức ra Đảng Đại Việt, bên cạnh đó còn có “Thanh niên bảo an đoàn” là tổ chức có nhiệm vụ cứu thương, cứu hỏa, cứu nạn, bảo đảm giao thông suốt cho quân đội Nhật, làm cái loa tuyên truyền thuyết “Đại Đông Á” cho phát xít. Tuy vậy, các cơ sở của Đảng Đại Việt rất yếu ớt, chỉ bó hẹp trong thị xã và thị trấn Nguyên Bình. Ở một số châu như Trấn Biên, Phục Hòa..., quân Nhật cũng lập được chính quyền tay sai ở cấp châu nhưng cũng chỉ bó hẹp trong phạm vi châu lỵ.

Trước những diễn biến nhanh chóng của tình hình trong cả nước, cũng như ở các địa phương trong tỉnh, quán triệt Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, giữa tháng 3/1945, Ban Thường vụ Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng triệu tập hội nghị tại Lam Sơn (thuộc châu Hòa An) để bàn bạc và quyết định một số vấn đề quan trọng:

a) Nhân lúc này, lập tức đánh đổ bộ máy thống trị của thực dân Pháp ở vùng nông thôn, rồi ở từng nơi, từng điều kiện mà thành lập chính quyền cách mạng ở cấp xã, cấp

châu, cấp tỉnh; kiên quyết bảo vệ chính quyền của ta vừa giành được từ tay thực dân Pháp.

b) Phân công cán bộ của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân về các địa phương cùng các đội vũ trang sở tại tổ chức lực lượng trực tiếp đánh Nhật.

c) Không tập kích vào quân đội Pháp khi chúng tháo chạy, mà trái lại, tích cực kêu gọi họ cùng ta đánh Nhật, hoặc ở mức độ thấp hơn, trao vũ khí cho ta để đánh bọn phát xít.

d) Tiến hành bao vây kinh tế địch, thực hiện triệt để “vườn không nhà trống”, phá hoại đường sá, cầu cống, cắt đứt liên lạc của địch.

Trong tình hình rất khẩn trương, Hội nghị Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đề ra được nghị quyết như vậy là rất sáng suốt, đúng đắn, cho thấy Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã nắm vững và chấp hành một cách linh hoạt, sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng. Những kết quả mà quân và dân Cao Bằng đạt được vào những giờ phút lịch sử lúc bấy giờ đã chứng tỏ điều đó.

Công tác binh vận đã đạt được những thành công đáng kể. Khi quân Nhật vừa nổ súng chiếm đồn Đông Khê thì quân Pháp ở thị xã đang hoang mang, dao động cực độ. Công sứ Pháp Rơn (Reul) đã kéo đại bộ phận quân lính ở thị xã Cao Bằng chạy về miền Đông, đến Quảng Uyên tập hợp những tàn binh từ Đông Khê, Quảng Uyên, Phục Hòa, Hạ Lang chạy tới; sau đó, cùng số quân ở Quảng Uyên nhằm thẳng Trùng Khánh mà chạy, định vượt ải Pò Peo sang Trung Quốc. Nhưng tại Trùng Khánh, khi bị dân quân, tự vệ của ta chặn lại, quân Pháp lại càng hoang mang, dao động, vứt bỏ một số vũ khí, của cải, tiền bạc, tìm đường xuyên Trấn Biên, qua Lục Khu, Sóc Giang để vượt biên. Đến Kép Ké, cách Sóc Giang (Hà Quảng) khoảng 3 km, thì bị lực lượng vũ

trang của ta chặn lại. Các lực lượng của ta đã vận động, thuyết phục chúng cùng đánh Nhật. Lúc đầu chúng vẫn tỏ ra ngoan cố, nổ súng vào quân ta, buộc quân ta phải đánh trả; cuộc đối địch bằng súng diễn ra hơn một tiếng đồng hồ. Trong lúc quân Pháp đang lúng túng, ta tiếp tục siết chặt vòng vây và tiếp tục thuyết phục. Cuối cùng, chúng phải chấp nhận yêu cầu của ta. Ta đồng ý cho chúng đóng quân ở vùng Pác Bó, Nặm Nhũng, Phja Théc, Kéo Quyển (châu Hà Quảng)... dưới sự giám sát của đại biểu Việt Minh và lực lượng vũ trang của ta. Tuy vậy, ta vẫn tiếp tục thuyết phục và vận động chúng. Kết quả là đại bộ phận quân địch mang theo vũ khí đã chạy sang hàng ngũ của ta, chỉ còn lại khoảng một trăm lính người Âu và một số lính người Việt ngoan cố chạy sang Trung Quốc. Ta thu được hơn 800 khẩu súng các loại. Một toán quân khác của thực dân Pháp từ Trấn Biên kéo sang Kéo Bãi, Slai Vèo (nay thuộc xã Đại Tiến, Hòa An) bị ta chặn lại để thuyết phục. Chúng ngoan cố, lập tức ta bao vây và nổ súng. Hoảng sợ, chúng phải kéo cờ trắng đầu hàng. Ta thu được nhiều vũ khí, đạn dược, trong đó có 4 súng máy.

Ở Nguyên Bình, tên quan hai chỉ huy đồn đi thị xã Cao Bằng trước lúc Nhật làm cuộc đảo chính, khi quay trở về thì được tin Nguyên Bình và mỏ thiếc Tĩnh Túc đã lọt vào tay Nhật. Tên này đã cùng một số lính vệ mã chạy xuyên rừng đến đồn Tấp Ná, tập hợp tàn quân cả hai đồn lại được 200 tên, rút chạy về Tặc Tẻ. Biết địch rất hoang mang, ta đã cử người đến thuyết phục, chúng xin gia nhập giải phóng quân cùng ta đánh Nhật. Ta chấp nhận và cho chúng được giữ nguyên đội hình, đóng ở Tặc Tẻ (nay thuộc huyện Hà Quảng). Tuy thế, ta vẫn tiếp tục công tác binh vận, kết quả bọn lính đều bỏ trốn; còn lại hai sĩ quan người Pháp tự nguyện xin theo ta và mang họ tên theo kiểu dân tộc ta.

Quan tư Pháp là Fergue cùng các sĩ quan và binh lính đóng ở các đồn trong châu Hòa An chạy xuyên rừng về Ngân Sơn (tỉnh Bắc Kạn). Nhận thấy không thể chạy lọt được về xuôi, chúng đã ngược lên Bảo Lạc rồi từ đó định chạy sang Trung Quốc theo ngã Nậm Quét. Lực lượng vũ trang của ta ở khu Thiện Thuật (vừa mới hạ hai đồn Bảo Lạc và Đồng Mu, thu hơn 500 súng các loại) đã chặn chúng lại để thuyết phục. Chỉ trừ một số tên ngoan cố đã chạy sang Trung Quốc, còn đại bộ phận đã đầu hàng, mang theo 200 súng các loại và 32 con lừa, ngựa.

Ngoài ra, nhiều tốp lính lẻ tẻ ở trong tỉnh hoặc chạy trốn từ các tỉnh khác đến đều đã đầu hàng, nộp vũ khí cho chính quyền cách mạng. Quân ta đã thu được nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng; riêng súng thu được trên 4.000 khẩu. Với số vũ khí này, lực lượng vũ trang của ta mạnh lên rất nhiều, đủ sức đánh Nhật và giữ vững chính quyền cách mạng trong tỉnh vừa giành được; đồng thời, có điều kiện chi viện cho các tỉnh khác.

Trong cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, nhân dân Cao Bằng dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tiến hành khởi nghĩa từng phần, tiến lên chớp thời cơ giành chính quyền trong toàn tỉnh. Không đầy một tháng sau khi Nhật đảo chính Pháp, ở các châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Thạch An, Quảng Uyên, Trùng Khánh và một phần châu Bảo Lạc, chính quyền đã về tay nhân dân. Các ban Việt Minh tổng, xã, châu đều ra hoạt động công khai; mọi sắc thuế do thực dân Pháp đặt ra bị bãi bỏ.

Tại Hà Quảng, đêm ngày 11/3/1945, lực lượng cách mạng bao vây châu lỵ, vận động lính đồng, buộc chúng phải đầu hàng, ta thu toàn bộ vũ khí, đạn dược. Sáng ngày 12/3/1945, một đại đội vũ trang và quần chúng cách mạng bao vây đồn

Sóc Giang. Vừa bao vây, vừa kêu gọi, cuối cùng địch phải hạ vũ khí, ta thu được 70 khẩu súng trường và nhiều lương thực, Sóc Giang được giải phóng. Ngày 13/3/1945, trong cuộc mít tinh lớn có hơn 2.000 người tham dự ở châu lỵ Hà Quảng, ta tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân, phong kiến, lập ra Ủy ban nhân dân lâm thời của cách mạng. Ủy ban nhân dân lâm thời tuyên bố một số chính sách sau:

a) Các cấp chính quyền cũ trong châu đều bị xóa bỏ. Thay vào đó là Ủy ban nhân dân lâm thời châu có quyền điều hành, giải quyết mọi công việc trong châu.

b) Khoan hồng đối với tất cả những người, những kẻ trước đây có tội lỗi đối với cách mạng. Những người ấy từ nay phải thi hành những chính sách, chấp hành mọi mệnh lệnh của chính quyền cách mạng; mọi hành động chống đối đều bị nghiêm trị, ai có công với cách mạng sẽ được thưởng.

c) Những binh lính trong quân đội Pháp trước đây (gồm khố đỏ, khố xanh, cúp phăng, lính cơ, lính đồng) đều phải nộp súng cho lực lượng vũ trang cách mạng; kẻ nào trái lệnh sẽ bị nghiêm trị; ai vận động được nhiều người nộp vũ khí sẽ được thưởng.

d) Toàn thể đồng bào các dân tộc trong châu cùng Ủy ban nhân dân lâm thời và lực lượng vũ trang cách mạng tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của bọn phản động.

đ) Việc thành lập chính quyền cách mạng ở cấp xã sẽ do Ủy ban nhân dân lâm thời châu và Ban Việt Minh các địa phương đảm nhiệm.

Ở tổng Thông Nông, châu Hà Quảng, sáng 18/3/1945, lực lượng cách mạng bao vây đồn Háng Tháng (nay thuộc thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng), bắt được tên bang tá và một số lính, thu toàn bộ vũ khí. Hai ngày sau, ta tiến

hành bao vây đồn Bó Gai, 80 tên địch mang toàn bộ vũ khí ra hàng.

Sau khi Ủy ban nhân dân lâm thời châu Hà Quảng ra đời, nhiều cán bộ được cử tới các địa phương tiến hành tước vũ khí địch, tổ chức các cuộc mít tinh quần chúng để xóa bỏ chính quyền cũ, thành lập chính quyền cách mạng. Đến cuối tháng 4/1945, hầu hết các xã trong châu Hà Quảng, chính quyền cách mạng đã được thành lập. 4 xã còn lại ở vùng cao Lục Khu (Vân An, Cải Viên, Phúc Hính, Nội Thôn) sau khi diệt phi, ta mới thành lập được chính quyền cách mạng vào cuối năm 1945.

Tại Hòa An, sau khi quân Pháp tháo chạy và quân Nhật chiếm châu lỵ, hệ thống chính quyền cũ từ châu đến xã đều tan rã, Tri phủ Hòa An phải tìm gặp cán bộ Việt Minh đem binh lính và vũ khí ra hàng. Lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng liên tiếp nổi dậy tiến đánh các đồn còn lại, chiếm các kho thóc của địch ở Nước Hai, Cao Bình, Mỏ Sắt... Một bộ phận khác được lệnh đi tước vũ khí của lính Pháp và lính đồng, tước dấu, tài liệu của lý dịch cũ, tổ chức các cuộc mít tinh quần chúng, tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân, phong kiến, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời ở các xã. Công việc này hầu như hoàn thành trong tháng 4/1945, chỉ trừ vùng cao, sau khi tiêu trừ bọn phản động địa phương, ta mới thành lập được chính quyền cách mạng vào trung tuần tháng 6/1945. Ngày 14/6/1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu Hòa An được thành lập tại thôn Khuổi Áng (nay thuộc xã Hoàng Tung). Thời gian trước đó, mọi công việc thuộc chức năng chính quyền đều do Ban Việt Minh châu đảm nhiệm.

Ở Nguyên Bình, từ sau ngày 9/3/1945, ta đã phá hầu hết bộ máy chính quyền địch (trừ hai xã Hoàn Mô và Thử Dục), lập ra Ủy ban nhân dân lâm thời các xã. Ban Việt Minh châu

đảm nhiệm chức năng chính quyền trong lúc Ủy ban nhân dân lâm thời chưa được thành lập, giải quyết mọi công việc của xã hội, tổ chức và củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ vững mạnh để kháng Nhật, cứu nước.

Ở Quảng Uyên, dưới sự hướng dẫn của Ban Việt Minh châu, nhiều cán bộ về các xã lãnh đạo nhân dân tiến hành xóa bỏ chính quyền địch và thành lập chính quyền cách mạng. Điển hình là cuộc khởi nghĩa diễn ra đầu tiên ở tổng Lục Nông ngày 15/3/1945 và tổng Lạc Giao ngày 16/3/1945, tổng cộng có 12 xã giành được chính quyền về tay cách mạng. Trong hai ngày đó, quần chúng cách mạng, dưới sự lãnh đạo của các đoàn thể Việt Minh, từ các ngả kéo về bao vây, phá các kho thóc của địch đem chia một phần cho nhân dân, một phần cho lực lượng vũ trang sử dụng. Còn một số tổng, xã khác như tổng Ngưỡng Đông gồm 6 xã và tổng Bình Lăng gồm 5 xã đã lần lượt nổi lên phá tan chính quyền địch. Lực lượng cách mạng một mặt thu bằng sắc, dấu đồng, sổ sách dinh điền của tổng lý, mặt khác nhanh chóng đi thu súng của lính đông ở các địa phương và những binh lính bại trận. Đến tháng 5/1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu được thành lập. Chính quyền cách mạng đã được thiết lập ở 23/28 xã trong châu. Những xã còn lại, tuy chưa lập được Ủy ban nhân dân lâm thời nhưng đã có cán bộ Việt Minh đảm nhiệm mọi mặt đời sống sinh hoạt của nhân dân, lãnh đạo phong trào kháng Nhật, cứu nước.

Ở Trùng Khánh, lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng đã phối hợp với đội giải phóng quân do Tỉnh ủy cử vào, tiến hành tước vũ khí của lính Pháp, tiểu phỉ và diệt trừ tay sai, phản động ở địa phương, phá kho thóc của địch tại châu lỵ (số thóc này một phần chia cho nhân dân, một phần khác được chuyển về căn cứ). Nhờ có phong trào Việt Minh phát

triển, cuối tháng 7/1945, Ban Việt Minh châu Trùng Khánh được thành lập. Từ ngày Nhật làm cuộc đảo chính Pháp, ở 16/23 xã có Ban Việt Minh xã, Ban Việt Minh xã đã tổ chức các cuộc mít tinh để xóa bỏ bộ máy chính quyền của địch, lập ra chính quyền cách mạng, lãnh đạo nhân dân kháng Nhật, cứu nước.

Vùng cao Bảo Lạc nằm trên đường Tây tiến thuộc khu Việt Minh Thiện Thuật của dân tộc Mông, có phong trào Việt Minh phát triển từ những năm 1942-1943, giữa năm 1944 đã có Ban Việt Minh châu trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Trên cơ sở đó, với sự thất bại của thực dân Pháp sau cuộc đảo chính của Nhật, chính quyền tay sai của chúng ở xã lần lượt tan rã. Lực lượng vũ trang khu Thiện Thuật cùng với lực lượng cách mạng của quần chúng nổi dậy đánh chiếm đồn Bảo Lạc, đồn Đồng Mu, chặn đánh và thuyết phục tàn quân của địch. Ta thu được nhiều vũ khí và các phương tiện chiến tranh để trang bị cho lực lượng vũ trang. Đến ngày 04/7/1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu được thành lập ở Đồng Mu để tiếp tục lãnh đạo nhân dân tiểu phỉ, truy quét phản động địa phương, củng cố xây dựng chính quyền cách mạng.

Tình hình ở châu Trấn Biên có khó khăn hơn, bởi vì phong trào Việt Minh chưa được củng cố và phát triển, mặc dù sau ngày Nhật đảo chính Pháp, lính Pháp ở đồn Trà Lĩnh cùng lực lượng châu đoàn, tổng đoàn, lính đồng bỏ đồn tháo chạy, chính quyền địch hoàn toàn tan rã. Lực lượng quần chúng nổi dậy kéo vào châu lỵ thu về một số vũ khí, đạn dược và lương thực. Song, ngay sau đó, bọn phỉ Dương Miện (tức Giòòng Mẻn) và Lâu Sinh Cái kéo vào chiếm châu lỵ tiếp tục hoành hành. Vì vậy, đến tháng 5/1945, châu Trấn Biên mới củng cố được một số Ban Việt Minh tổng, xã và đến tháng 8/1945, phong trào

Việt Minh phát triển rộng khắp các xã trong châu. Từ đó, Ban Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng là tổ chức trực tiếp chỉ đạo phong trào chống Nhật, diệt phi và phản động ở địa phương để giữ vững và phát triển vùng giải phóng.

Châu Hạ Lang cũng đã có cơ sở Việt Minh phát triển ở một số vùng trước khi Nhật đảo chính Pháp (kể từ năm 1942 trở đi), nhất là ở tổng Bằng Ca. Nhưng sau khi chính quyền Pháp sụp đổ, Hạ Lang cũng chưa lập được chính quyền cách mạng ở thôn, xã, vì bọn phi Lương Sán Sinh và phản động địa phương chống phá cách mạng quyết liệt. Tháng 6/1945, khi lực lượng vũ trang của tỉnh vào phối hợp cùng lực lượng vũ trang châu Trùng Khánh và tự vệ địa phương tiến công tiêu diệt bọn phản động Pò Tấu, Bằng Ca và đánh đuổi bọn phi Lương Sán Sinh khỏi nhiều địa bàn, thì phong trào Việt Minh phát triển nhanh chóng, khí thế cách mạng ngày càng mạnh mẽ, khi đó các Ban Việt Minh và chính quyền cách mạng ở cơ sở được thành lập.

Tại Phục Hòa, từ ngày 14/3/1945 trở đi, khi quân Nhật từ Thủy Khẩu (Trung Quốc) vào đánh chiếm đồn Pháp ở Tà Lùng, rồi châu lỵ Phục Hòa, chính quyền địch đã hoàn toàn tan rã. Chính quyền cách mạng cấp xã đã được lập ra ở vài nơi, trước hết là ở các tổng, xã có phong trào Việt Minh sớm và mạnh mẽ như Tiên Thành và Hồng Đại để điều hành mọi công việc ở địa phương. Từ đây, các xã này trở thành những trung tâm cách mạng tỏa ra khắp toàn châu, làm bàn đạp cho cuộc kháng Nhật, diệt phi và diệt trừ phản động địa phương.

Ở Thạch An, phong trào cách mạng của quần chúng cũng khá rầm rộ. Sau ngày 12/3/1945, trừ Đông Khê nằm trên trục quốc lộ 4 còn bị Nhật chiếm đóng, chính quyền cách mạng đã được thành lập ở nhiều xã, có các Ủy ban nhân dân lâm thời hoặc các Ban Việt Minh xã công khai hoạt động, đảm đương

mọi công việc của địa phương như là một cơ quan chính quyền, tổ chức lãnh đạo quần chúng kháng Nhật, cứu nước.

Tại thị xã Cao Bằng, nơi tập trung quân đội Nhật và bọn phản động, tay sai, phong trào cách mạng có khó khăn hơn, song đã có nhiều hoạt động của các cán bộ Việt Minh. Ban Việt Minh và chính quyền cách mạng được thành lập muộn hơn so với các nơi khác trong tỉnh.

Bên cạnh cao trào kháng Nhật, cứu nước tại Cao Bằng, các mũi của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân trên đường từ Cao Bằng tiến xuống phía nam đã đến các châu Ngân Sơn, Chợ Rã (thuộc tỉnh Bắc Kạn). Sự có mặt của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân càng cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng ở địa phương. Nhân dân phấn khởi đón Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân “từ Cao Bằng tiến xuống Ba Bể”. Thanh niên các dân tộc nô nức tham gia giải phóng quân. Được sự hỗ trợ của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, lực lượng tự vệ ở các địa phương nhất loạt nổi dậy giành chính quyền. Ngày 21/3/1945, bộ máy thống trị của địch tại Ngân Sơn hoàn toàn bị xóa bỏ, chính quyền cách mạng về tay nhân dân. Đầu tháng 6/1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu Ngân Sơn được thành lập, lãnh đạo nhân dân kháng Nhật, cứu nước. Ngày 30/3/1945, đông đảo quần chúng tới dự cuộc mít tinh tại châu lỵ Chợ Rã, Ủy ban nhân dân lâm thời châu chính thức ra mắt nhân dân. Đến hết tháng 4/1945, các xã thuộc châu Chợ Rã lần lượt thành lập chính quyền cách mạng.

Ngày 15/6/1945, tại Dẻ Đóng (xã Hồng Việt, Hòa An) - căn cứ địa cách mạng của tỉnh ở khu Lam Sơn, Đại hội đại biểu gồm nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã được tiến hành để bầu ra Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh, do đồng chí Hoàng Đức Thạc (tức Lã) làm Chủ tịch. Đông đảo quần chúng

nhân dân mang theo cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu, biểu ngữ tới dự lễ tuyên bố và chào mừng việc thành lập chính quyền cách mạng tỉnh.

Nhìn lại chặng đường lịch sử mà nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã trải qua thì đây là một thời điểm sôi động nhất của phong trào cách mạng quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ. Trong điều kiện Nhật đảo chính Pháp, Đảng bộ đã chớp lấy thời cơ phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân.

Chính quyền lâm thời tỉnh Cao Bằng vừa mới ra đời đã phải gánh vác ngay trách nhiệm nặng nề là tiến hành cuộc kháng Nhật, cứu nước. Chấp hành nghiêm chỉnh Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là tập trung sức lực đánh bại phát xít Nhật, bảo vệ chính quyền cách mạng vừa giành được từ tay thực dân Pháp, phân công cán bộ chính trị, quân sự về các địa phương tổ chức thêm những đơn vị giải phóng quân trực tiếp đánh Nhật.

Thi hành nhiệm vụ trên, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã phát động trong quần chúng nhân dân một phong trào kháng Nhật rộng rãi, triệt để và đã đem lại những thành công rực rỡ trên các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội.

Trên mặt trận kinh tế, toàn thể nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương bao vây kinh tế địch, triệt để thực hiện khẩu hiệu “vườn không nhà trống”, không để một hạt gạo rơi vào tay Nhật, phá hoại đường sá, cầu cống nhằm cản trở hoặc cắt đứt các con đường tiếp tế, giao thông liên lạc của Nhật. Nhân dân ở các chòm xóm, thôn bản trên các trục đường giao thông, xung quanh các vị trí đóng quân của địch nhất tề thực hiện việc cất giấu tài sản, tũn thóc gạo

cho đến gà, lợn, trâu, bò vào trong rừng sâu, vào các lán bí mật. Ở nhiều địa phương, chợ búa ngừng họp hoặc tổ chức trao đổi, mua bán tại những địa điểm xa thị trấn, xa đường giao thông, xa các vị trí đồn trú của địch. Các chợ ở Trùng Khánh, Quảng Uyên, Phục Hòa, Nguyên Bình vẫn họp nhưng nhân dân không bán lương thực, thực phẩm. Ở những nơi xa do Nhật chiếm đóng, chợ vẫn được họp nhưng đã có cảnh giới, có hệ thống báo động bằng mõ, có giặc đến hiệu lệnh báo động nổi lên, chợ liền giải tán. Kết quả, chỉ trong một thời gian ngắn, quân Nhật và tay sai của chúng ở thị xã và các thị trấn hết sức khốn đốn về lương thực, thực phẩm.

Về mặt chính trị, ta chủ trương bằng mọi cách phá tan âm mưu của địch định dựng lên bộ máy chính quyền tay sai, những tổ chức, đảng phái phản động thân Nhật như: Đảng Đại Việt, Thanh niên bảo an đoàn... Tại thị xã Cao Bằng và những nơi bị Nhật chiếm đóng, ta tổ chức rải truyền đơn, lưu hành báo chí cách mạng nhằm vạch mặt giặc Nhật và tay sai, phản động. Nhân dân tại những nơi bị quân Nhật tạm chiếm có bà con họ hàng ở nông thôn, đều tìm cách trốn ra vùng tự do (vùng đã được giải phóng hoặc do Việt Minh làm chủ), những người này được tuyên truyền giác ngộ, cùng với cán bộ của ta trở lại vùng tạm bị chiếm hoạt động, gây dựng cơ sở cách mạng. Mặt khác, về mặt tuyên truyền, giáo dục, ta vạch rõ tính chất phản động của các luận thuyết, các chiêu bài, các luận điệu do phát xít Nhật và tay sai, phản động thân Nhật tung ra như: thuyết “Đại Đông Á”, luận điệu “Nhật - Việt đề huề”, “Nhật - Việt đoàn kết”, bởi vì cùng một chủng tộc máu đỏ da vàng... nhằm lừa bịp và lôi kéo nhân dân ta. Chỉ trong một thời gian ngắn, trừ một số tên ngoan cố, đầu sỏ, hầu như toàn bộ các đảng viên Đảng Đại Việt, Thanh niên bảo an đoàn... từng bước từ bỏ phát xít Nhật. Bằng cách vận động, tuyên truyền, giáo dục đã từng bước lôi kéo được

các công chức đang làm việc trong bộ máy chính quyền của địch. Còn nhân dân tại các vùng tạm bị chiếm đã bí mật tổ chức chuyển những mặt hàng nhu yếu phẩm và thuốc men ra vùng tự do; tổ chức các cuộc đột nhập vào kho vũ khí của Nhật, đưa súng đạn ra vùng do Việt Minh làm chủ. Đối với những tên tay sai đắc lực, ngoan cố, ta kiên quyết trấn áp, bắt chúng phải đền tội, khiến những tên phản động khác khiếp sợ, nằm im.

Để kháng Nhật, cứu nước, bằng mọi biện pháp, kể cả quân sự, ta mở rộng phạm vi hoạt động của phong trào Việt Minh, của chính quyền cách mạng các cấp, nhằm thu hẹp lại phạm vi hoạt động của địch. Đồng thời, bao vây các vị trí đóng quân của phát xít Nhật, ngăn chặn các đường liên lạc, tiếp tế. Ngày đêm, các đội tự vệ vũ trang canh gác trên các ngã đường, tiêu diệt những tốp lính đi càn, lùng sục lẻ tẻ, cấm cò đỏ sao vàng xung quanh các vị trí của địch, khiến địch hoang mang, lo sợ.

Song song với những công việc trên, ta cũng chú ý gây dựng, phát triển lực lượng ngay tại những nơi bị địch chiếm đóng. Các cơ sở Việt Minh, các hội cứu quốc được củng cố, các mối liên lạc giữa vùng tự do và vùng bị tạm chiếm được thiết lập chặt chẽ, kịp thời nắm và thông báo ra vùng tự do về tình hình, những âm mưu, thủ đoạn của địch.

Ở vùng giải phóng, Đảng bộ và Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Cao Bằng đã động viên và lãnh đạo nhân dân củng cố, phát triển lực lượng về mọi mặt, nhất là về quân sự, hăng hái thực hiện các chính sách của Khu giải phóng¹ do Lãnh tụ

1. Thực hiện chỉ thị của Lãnh tụ Hồ Chí Minh, ngày 04/6/1945, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Hội nghị cán bộ và tuyên bố chính thức thành lập Khu giải phóng Việt Bắc bao gồm hai căn cứ lớn trên địa bàn 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Thái Nguyên và một số vùng thuộc ngoại vi tỉnh Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái.

Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đề ra. Những chính sách ấy là:

1. Thủ tiêu lực lượng của Nhật, trừ khử Việt gian, trừng trị bọn lưu manh.
2. Tịch thu tài sản của lũ giặc cướp nước và Việt gian, tùy trường hợp để làm của chung toàn dân hoặc chia cho dân nghèo.
3. Thực hiện phổ thông tuyển cử và các quyền tự do dân chủ khác.
4. Vũ trang quần chúng, động viên nhân dân ủng hộ du kích và tham gia giải phóng quân chống Nhật.
5. Tổ chức khai hoang, khuyến khích sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc cho Khu giải phóng.
6. Hạn chế ngày lao động, thi hành luật bảo hiểm xã hội, cứu tế nạn nhân.
7. Chia lại ruộng công, giảm địa tô, giảm lợi tức, hoãn nợ.
8. Bỏ thuế khóa và phục dịch, dự định đặt thuế lũy tiến, lợi tức duy nhất và nhẹ.
9. Chống nạn mù chữ và huấn luyện quân sự, chính trị phổ thông cho nhân dân.
10. Dân tộc bình đẳng, gái trai ngang quyền.

Thực hiện các chính sách đó, Ủy ban nhân dân lâm thời các cấp được tăng cường và củng cố; ở nhiều châu, xã bắt đầu thi hành chế độ phổ thông đầu phiếu để bầu ra Ủy ban nhân dân thay thế cho Ủy ban nhân dân lâm thời. Ở một số xã thuộc châu Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Trùng Khánh, Trấn Biên, Phục Hòa, Hạ Lang, việc xây dựng chính quyền cách mạng được tiến hành song song với quá trình tiêu trừ phi. Tháng 4/1945, một số công chức và quân nhân cũ tiến bộ đã được triệu tập đến Lũng Chung (vùng núi Lam Sơn) dự lớp huấn luyện 15 ngày rồi cử ra Ban Chấp hành Việt Nam

cứu quốc và Ban Chấp hành Quân nhân cứu quốc lâm thời tỉnh. Các cán bộ và ủy viên Ban Chấp hành được cử đi các châu tuyên truyền những công chức cũ vào hội; đồng thời, lôi kéo thêm một số người lầm đường theo giặc trở về với nhân dân. Các cấp bộ đảng từ tỉnh, châu cử các đội vũ trang tuyên truyền và các cán bộ chính trị đến gây dựng cơ sở cách mạng tại những vùng phong trào Việt Minh còn yếu. Công tác vận động toàn dân xóa nạn mù chữ, nâng cao trình độ văn hóa cũng được chú ý đẩy mạnh.

Về sinh hoạt văn hóa - xã hội, nổi bật lên là tình đoàn kết chiến đấu, tình thương yêu giai cấp, thương yêu dân tộc, thuộc bất cứ thành phần dân tộc nào, thuộc bất cứ tầng lớp nào, không kể nam hay nữ, khi gặp gỡ thường gọi nhau là đồng chí, coi nhau như anh em một nhà, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau khi gặp hoạn nạn, vui sướng cùng nhau chia sẻ. Giữa người lao động, những mối bất hòa, hiềm khích được gạt sang một bên, cùng hướng về tương lai tươi đẹp mà tiến bước. Các tệ nạn xã hội (trộm cắp, rượu chè, nghiện hút, cờ bạc, trai gái...) đều được nhanh chóng xóa bỏ. Vấn đề trật tự trị an được tăng cường; tình cảnh sống lúc nào cũng nơm nớp lo sợ đã qua, một cuộc sống thoải mái, tự do đang được xây dựng; đêm đến nhà không cần cửa đóng then cài, cửa cải không bị mất trộm, mất cắp. Đồng bào quan hệ với nhau bằng lòng tin, bằng tinh thần tương thân tương trợ. Ý thức phòng gian, bảo mật được tăng cường, khắp mọi nơi đều thực hiện triệt để khẩu hiệu “ba không” (không biết, không nghe, không thấy). Trong sinh hoạt xã hội, nam nữ bình quyền, dân tộc bình đẳng. Trong vùng đã được giải phóng hoặc do Việt Minh làm chủ, việc cải thiện đời sống nhân dân được quan tâm đúng mức. Cách mạng đã thực hiện việc chia lại ruộng đất công; thi hành chính sách giảm tô, giảm tức và hoãn nợ. Để cải thiện đời sống nhân dân, các cấp

bộ đảng và chính quyền khuyến khích việc tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, khuyến khích việc khai hoang, phục hóa để mở rộng diện tích gieo trồng, đồng thời chú ý thâm canh tăng năng suất. Ở những nơi sơ tán như ở Pác Bó, nhân dân tự động thành lập các tập đoàn sản xuất. Các hội cứu quốc đều tổ chức tăng gia sản xuất tập thể để gây quỹ nuôi cán bộ và giải phóng quân.

Tòa án cách mạng của tỉnh và của các châu được thành lập, tổ chức các phiên tòa xét xử công khai những tên tay sai, phản động, cường hào gian ác gây nhiều tội ác đối với nhân dân, kiên quyết trấn áp, bắt chúng phải đền tội. Những kẻ lăm đường, lạc lối biết hối cải được khoan hồng. Những việc làm này gây lòng hăng hái, phấn khởi và tin tưởng trong quần chúng.

Về mặt quân sự, bên cạnh việc củng cố, mở rộng, tăng cường, bổ sung các đội giải phóng quân, dân quân tự vệ, Đảng bộ chủ trương ngăn chặn âm mưu mở rộng phạm vi chiếm đóng của Nhật, tổ chức tiến đánh các vị trí của địch nhằm tiêu hao đội quân phát xít, đánh tan các đội bảo an dân vệ, cướp lấy vũ khí của chúng để trang bị cho ta. Trong lĩnh vực hoạt động này, ta đã thu được những kết quả lớn. Đầu tháng 4/1945, ở châu Hà Quảng, ta đã phục kích một trung đội Nhật đi càn quét trở về tại Rừng Rụng, Kéo Co Lý, diệt một số tên. Trước đó, ta đã chặn đánh toán quân Nhật trên đường tiến vào Đồng Mu (thuộc châu Bảo Lạc), buộc địch phải rút chạy trở về.

Trong tháng 5/1945, ta phục kích một toán quân Nhật kéo vào Lũng Dẻ, Lũng Doong, Nà Khoang (thuộc châu Nguyên Bình) diệt hơn 10 tên và tiến đánh một toán quân khác của Nhật tại Cao Lù (trên đường đi Bảo Lạc), diệt và làm bị thương một số tên, buộc chúng phải rút chạy. Ở Hà Quảng, ta

thường xuyên cho lực lượng vũ trang bao vây, quấy rối đồn Sóc Giang. Tại các châu khác, lực lượng vũ trang châu và tự vệ các địa phương chặn đánh nhiều đợt càn quét của quân Nhật, tiêu diệt nhiều tên, buộc quân Nhật phải rút chạy.

Khoảng giữa năm 1945, các lực lượng cách mạng tăng cường công tác tiêu trừ phi. Trong tháng 5/1945, ta tiến công tiêu diệt bọn phi Lý Tặc Thủ ở Tặc Tẻ vì bọn này đã cấu kết chặt chẽ với Nhật, thu được 30 khẩu súng. Cũng trong tháng 5/1945, giải phóng quân châu Trùng Khánh kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương đã đập tan bọn phản động ở Pò Tấu và các nhóm phi ở Hạ Lang. Tháng 6/1945, giải phóng quân Hà Quảng, Bảo Lạc, Hòa An phối hợp với dân quân tự vệ địa phương tiêu diệt và bắt sống trên 300 tên thuộc nhóm phi Lâm Tín, Lâm Pấn Nhi ở Háng Tháng (nay thuộc thị trấn Thông Nông) thu 12 súng liên thanh, 81 súng trường, 42 súng ngắn. Cùng lúc đó, lực lượng vũ trang Hà Quảng đã tiêu diệt nhóm phi Chánh Thái và tên phi Lâm Tín làm tay sai cho phát xít Nhật.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng về công tác phát triển quân giải phóng kháng Nhật, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã đạt được kết quả đáng kể. Trên cơ sở có nhiều vũ khí lấy được từ tay binh lính Pháp, lính đông, thổ phi và bọn phản động, tay sai, công tác tuyển quân ở tỉnh trở nên sôi nổi, nhiều đơn vị giải phóng quân mới được thành lập ở các châu, ở tỉnh. Sau đó, một bộ phận được đưa về miền trung du kháng Nhật, cứu nước.

Việc luyện tập quân sự cho các đội tự vệ chiến đấu được tổ chức chặt chẽ ở các châu. Tháng 5/1945, Trường Quân chính kháng Nhật đầu tiên được tổ chức tại Lũng Chung (Hòa An) có khoảng 100 học viên tham gia. Sau đó, ta mở

tiếp Trường Quân chính kháng Nhật ở Thua Cáy (Hòa An) thêm mấy khóa liên. Ngoài ra, phong trào thanh niên xung phong tòng quân và mua sắm vũ khí chống Nhật cũng sôi nổi trong các châu. Tháng 6/1945, ta thành lập công binh xưởng ở Lũng Phầy (Lam Sơn, Hòa An) để sửa chữa vũ khí, chế tạo mìn, lựu đạn với tên xưởng là “C2”¹. Với khí thế cách mạng ngày càng dâng cao, nhân dân các dân tộc Cao Bằng hết lòng nuôi dưỡng giải phóng quân, phụ nữ cứu quốc đã tổ chức thành tổ phụ nữ để khâu vá quần áo, nấu cơm, nấu nước phục vụ cho các chiến sĩ giải phóng...

Những kết quả trên đây là bước chuẩn bị, tập dượt cuối cùng để bước vào cuộc tổng khởi nghĩa nhằm quét sạch quân thù ra khỏi quê hương.

Trước nhiệm vụ mới của lịch sử, đầu tháng 5/1945, Lãnh tụ Hồ Chí Minh quyết định di chuyển đại bản doanh cách mạng Việt Nam từ Pác Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang) để thuận tiện cho việc lãnh đạo phong trào chung của toàn quốc, gấp rút chuẩn bị mọi điều kiện giành chính quyền cách mạng. Cuộc hành trình lịch sử này được Người chuẩn bị chu đáo ngay từ khi vừa đến Pác Bó vào tháng 01/1941, với chủ trương từ Cao Bằng, phong trào cách mạng phải phát triển xuống phía nam, lan toả ra toàn quốc.

Từ Pác Bó đi Tân Trào, Lãnh tụ Hồ Chí Minh cùng với đội cận vệ và một số đồng chí khác đi bộ khoảng gần 20 ngày, vừa đi vừa gặp gỡ đồng chí, đồng bào tuyên truyền cách mạng, vừa nghỉ chân dưỡng sức. Trong đó, Người chia làm

1. Sau này là Xưởng quân khí Lê Tổ có quy mô gần 300 công nhân, cung cấp sản phẩm cho địa phương và Chiến dịch Biên giới. Xưởng Lê Tổ đã được Bộ Quốc phòng tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, sau này xưởng Lê Tổ sáp nhập vào Sư đoàn Pháo binh.

hai chặng đường đi: chặng thứ nhất đi từ Pác Bó đến Lam Sơn (Cao Bằng); chặng thứ hai đi từ Lam Sơn đến Tân Trào. Sáng ngày 04/5/1945, trước lúc lên đường, Lãnh tụ Hồ Chí Minh tập hợp toàn đoàn công tác gồm trên 30 người (trong đó tiểu đội bảo vệ có 12 người¹ cùng với hai người bạn Đồng minh² tại Khuổi Nặm), phân công nhiệm vụ cho từng người. Về ý nghĩa của chuyến đi, Người căn dặn: Đây là chuyến công tác khẩn trương, gian khổ, đi đường dài, phải hết sức giữ bí mật.

Cuộc hành trình của Lãnh tụ Hồ Chí Minh trên hai chặng đường vô cùng vất vả, tuổi đã cao, sức yếu nhưng Người cùng đoàn kiên trì đi, bí mật, dựa vào cơ sở Việt Minh và nhân dân. Nhờ sự chuẩn bị chủ động, chu đáo về mọi mặt của Lãnh tụ Hồ Chí Minh, sự che chở, đùm bọc của nhân dân các dân tộc Cao Bằng và các tỉnh trong khu Việt Bắc, chuyến đi mang ý nghĩa lịch sử di chuyển đại bản doanh chỉ đạo cách mạng Việt Nam từ Pác Bó đến Tân Trào đã đạt được những kết quả như mong đợi. Sau gần 20 ngày hành quân đi bộ từ Cao Bằng, ngày 22/5/1945, cả đoàn tới Tân Trào (thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang)³ gấp rút chuẩn bị cho

1. Mười hai người trong Đội bảo vệ Lãnh tụ Hồ Chí Minh từ Cao Bằng về Tân Trào (Tuyên Quang) gồm: Phạm Văn Quý, Vân Anh, Nhuận Nhúc, Nông Đình Tuấn, Cao Khải, Đỗ Văn, Sầm Thành, Giang Lâm, Đinh Đại Toàn, Lưu Minh Đức, Méc, Pheng - Khi.

2. Đó là hai sĩ quan Mỹ Mácxin và Ph.Tan (trong đó có một người gốc Hoa) sang giúp ta về kỹ thuật vô tuyến điện.

3. Tại Tân Trào (Tuyên Quang), công tác bảo vệ an toàn nơi ở, làm việc và chăm lo sức khỏe cho Lãnh tụ Hồ Chí Minh được các đồng chí trong Trung ương đặc biệt chú trọng. Đơn vị vũ trang của đồng chí Đàm Minh Viễn được điều động từ Pác Bó (Cao Bằng) về.

Quốc dân Đại hội, góp phần quyết định đưa cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đến thắng lợi.

Trong lúc nhân dân các dân tộc Cao Bằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh, đang thu được những thắng lợi trong cuộc kháng Nhật, cứu nước, diệt trừ bọn tay sai, phản động, truy quét các nhóm phi, thì ngày 15/8/1945¹, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh. Năm lấy thời cơ có một không hai đó, toàn thể dân tộc ta thực hiện Tổng khởi nghĩa.

Ngày 12/8/1945, Ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng đã ra lệnh cho giải phóng quân, các lực lượng vũ trang tự vệ, chính quyền các cấp và nhân dân trong Khu đứng lên tổng khởi nghĩa. Ngày 14/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc tại Tân Trào (Tuyên Quang) ra lời hiệu triệu đồng bào cả nước đứng lên làm cuộc khởi nghĩa, đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến, giành độc lập, tự do. Ngày 16/8/1945, cũng tại Tân Trào, khai mạc Quốc dân Đại hội. Trong bầu không khí khẩn trương, hào hùng, Quốc dân Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh chủ trương của Trung ương Đảng về việc phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền, thông qua lệnh Tổng khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa và hiệu triệu toàn dân thực hiện một cách có kết quả mười chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh. Đại hội còn định ra quốc kỳ, quốc ca và cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng, còn gọi là Chính phủ lâm thời, do Lãnh tụ Hồ Chí Minh đứng đầu. Nhân dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”².

1. Nhật chính thức tuyên bố đầu hàng vào ngày 15/8/1945.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

Đáp lại lời kêu gọi thiêng liêng của Tổ quốc, cùng với đồng bào cả nước, quân và dân trong tỉnh đã nhất tề nổi dậy, dưới sự chỉ huy của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh được cấp tốc thành lập do đồng chí Hoàng Đình Giông (tức Văn Tư) làm Trưởng ban. Sau khi có lời kêu gọi của Trung ương Đảng, khi Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được phát đi, Ủy ban khởi nghĩa của tỉnh đã ra lệnh cho giải phóng quân, lực lượng vũ trang ở các châu và các đội du kích, đội tự vệ, cùng toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh nổi dậy đánh chiếm các đồn bốt của Nhật ở các châu lỵ và thị xã, trên các trục đường giao thông, tiêu diệt quân phát xít, các đội bảo an do Nhật tổ chức, bọn tay sai, phản động thân Nhật còn sót lại, cướp súng địch để trang bị cho ta.

Ở châu Hà Quảng, từ ngày 17 đến ngày 19/8/1945, quân ta bao vây chặt đồn Sóc Giang, cấm cò đỏ sao vàng xung quanh đồn để uy hiếp địch, kêu gọi địch đầu hàng. Tối ngày 20/8/1945, quân Nhật bí mật xuyên rừng rút về Đôn Chương, ta truy kích, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Lực lượng vũ trang của châu Hòa An đã phục kích sẵn tại Nặm Thoong, Nà Lóa diệt thêm 20 tên, thu 1 súng cối, 2 súng trường.

Ở châu Hòa An, lực lượng vũ trang đã vây chặt đồn Nước Hai, triệt các đường liên lạc tiếp tế của địch. Ta đã cấm cò đỏ sao vàng trên các mỏm đồi xung quanh đồn Nước Hai làm cho địch hoang mang. Ngày 19/8/1945, ta chặn đánh một toán bảo an từ trong đồn nống ra mưu toan nối lại đường dây liên lạc, diệt một số tên, thu vũ khí. Bọn sống sót phải tháo chạy về đồn. Ngày hôm sau, một đại đội quân Nhật lại nống ra, đến Bản Sẩy bị quân ta chặn lại, diệt một số tên, thu vũ khí. Ngày 20/8/1945, Tri châu Hòa An đem 60 lính cùng vũ khí ra hàng, ở trong đồn chỉ còn một số lính Nhật. Số lính này đã phải tháo chạy ra khỏi đồn Nước Hai vào ban đêm.

Ta truy kích chúng đến tận Tả Lạn, Lãng Phja, Án Lại diệt nhiều tên, thu vũ khí và nhiều quân trang, quân dụng.

Tại Nguyên Bình, quân Nhật tại đồn Nguyên Bình và Tỉnh Túc hoang mang cao độ buộc phải tháo chạy qua đèo Lê A để về Bắc Kạn. Quân ta đã truy kích, chặn đánh nhiều trận, diệt nhiều tên, trong đó có 4 tên tay sai đặc lực của chúng, thu một số vũ khí. Đêm ngày 21/8/1945, số bảo an còn lại tại đồn Nguyên Bình đã buộc phải hạ vũ khí, ta thu được gần 100 khẩu súng các loại. Châu lý Nguyên Bình hoàn toàn được giải phóng. Ngay sáng hôm sau, ngày 22/8/1945, ta tổ chức một cuộc mít tinh của quần chúng, tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng, trừng trị bọn tay sai bán nước.

Ở thị trấn Tỉnh Túc, trước khi Nhật tháo chạy, chúng đập phá máy móc, lừa một số công nhân đi khuân vác cho chúng. Chi bộ Mỏ thiếc đã phối hợp với quần chúng nhân dân thị trấn Tỉnh Túc chuẩn bị lực lượng giành chính quyền. Sáng ngày 21/8/1945, một bộ phận lực lượng vũ trang từ Nguyên Bình vào Tỉnh Túc chuẩn bị thành lập chính quyền cách mạng. Chiều ngày 21/8/1945, tại thị trấn Tỉnh Túc, ta tổ chức một cuộc mít tinh, Ủy ban nhân dân lâm thời thị trấn Tỉnh Túc ra mắt quần chúng và công khai hoạt động, tuyên bố xóa bỏ chính quyền của địch, thành lập chính quyền cách mạng.

Ở châu Trùng Khánh, tuy Ủy ban nhân dân lâm thời châu mãi tới ngày 26/8/1945 mới được thành lập, nhưng trước đó, ngày 19/8/1945, Ban Việt Minh châu đã tổ chức một cuộc mít tinh quần chúng, đưa lực lượng vũ trang vào thị trấn truy quét bọn phản động, tay sai Nhật. Quân Nhật tại đây đã buộc phải rút quân.

Ở châu Quảng Uyên, quân và dân ta bức quân Nhật rút ngày 19/8/1945, lực lượng vũ trang đã tiến vào thị trấn vây

bắt tên tri châu và số lính bảo an còn lại, thu nhiều vũ khí và các đồ quân dụng. Sáng hôm sau, Ủy ban nhân dân lâm thời châu đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn của quần chúng, tuyên bố xóa bỏ chính quyền thân Nhật.

Tại châu Thạch An, Ủy ban nhân dân lâm thời châu đã được thành lập từ đầu tháng 7/1945 tại Bản Lũng (thuộc xã Danh Sĩ). Ngày 26/8/1945, trong cuộc mít tinh lớn có hơn 1.000 người dự ở châu lỵ, ta tuyên bố xóa bỏ chính quyền bù nhìn thân Nhật, Ủy ban nhân dân lâm thời ra mắt quần chúng.

Tại thị xã Cao Bằng - trung tâm chính trị, kinh tế văn hóa, xã hội của tỉnh - ngày 19/8/1945, đồng chí Hoàng Đình Giông (tức Văn Tư) nhận được tin báo: Hàng vạn quân Quốc dân Đảng Trung Hoa tiến đến ngoại ô thị xã. Đồng chí nhận định: “Bọn này không chỉ với danh nghĩa Đồng minh vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật, mà âm mưu chính là đô hộ nước ta. Ta phải giành chính quyền ở tỉnh lỵ trước bọn chúng”. Đồng chí Hoàng Đình Giông đã điều ngay một đại đội Giải phóng quân ở Hòa An xuống thị xã. Được sự hỗ trợ của nhân dân, ngày 21/8/1945, đồng chí Hoàng Đình Giông chỉ huy đại đội giải phóng quân vượt sông Hiến tiến vào thị xã. Trước sức mạnh của lực lượng cách mạng, chính quyền thân Nhật buộc phải chuyển giao cho lực lượng cách mạng. Phát xít Nhật ngoan cố chưa chịu đầu hàng. Đồng chí Hoàng Đình Giông trực tiếp chỉ đạo Ủy ban khởi nghĩa tỉnh đến thẳng Pháo đài gập chỉ huy quân Nhật để đàm phán, thuyết phục. Địch buộc phải điều đình với ta, đồng ý chuyển giao cho ta toàn bộ số vũ khí của thực dân Pháp mà chúng chiếm được. Số vũ khí này ta đã kịp thời chuyển về căn cứ, mặc dù quân Nhật và quân Trung Hoa Dân quốc (còn gọi là quân Tưởng Giới Thạch hay quân Tưởng) gây khó khăn. Sáng 22/8/1945, trong cuộc tuần hành lớn, đông đảo các tầng lớp

quân chúng vừa đi vừa hô khẩu hiệu trên các ngã đường phố; rồi họp mít tinh tại chùa Phố Cũ (một đường phố tại thị xã Cao Bằng) tuyên bố thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời thị xã. Trong khí thế cách mạng hào hùng, đường phố rợp cờ đỏ sao vàng và những khẩu hiệu, nhân dân thị xã nhiệt liệt chào đón chính quyền cách mạng của địa phương và Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh. Quân Nhật ngày càng hoang mang, lo sợ, đã bí mật rút chạy ngay đêm hôm đó, qua Tài Hồ Sìn về Bắc Kạn.

Ngày 22/8/1945, một ngày lịch sử đáng ghi nhớ của nhân dân trong tỉnh, ngày mà Cao Bằng sạch bóng quân phát xít Nhật, ngày cách mạng toàn thắng.

Giữa lúc toàn thể nhân dân các dân tộc Cao Bằng đang hân hoan đón mừng ngày giải phóng thì trên 2 vạn quân Trung Hoa Dân quốc (quân Tưởng) mang danh nghĩa “Đồng minh vào để giải giáp quân đội Nhật” đã tràn vào quê hương, với những mưu đồ đen tối. Một nguy cơ mới xuất hiện. Cuộc sống hòa bình, nền độc lập, tự do vừa giành được lâm vào cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”. Nhân dân ta đứng trước những thử thách mới cực kỳ to lớn. Nhiệm vụ của Đảng bộ và lực lượng vũ trang cùng nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng lúc này không có gì hơn là đoàn kết thành một khối chặt chẽ xung quanh Đảng và chính quyền cách mạng, dốc lòng, dốc sức để bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được, giữ vững nền độc lập, tự do.

Trên thực tế, trước ngày 22/8/1945, các đại biểu quân Trung Hoa Dân quốc và Nhật đã gặp nhau để điều đình, âm mưu cấu kết với nhau để bóp nghẹt chính quyền cách mạng còn non trẻ, thủ tiêu những thành quả trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ngày 20/8/1945, quân Trung Hoa Dân quốc

tiến vào thị xã Cao Bằng qua các cửa ải Bình Mãng (thuộc châu Hà Quảng), Pò Peo (thuộc châu Trùng Khánh) và Tà Lùng (thuộc châu Phục Hòa). Mục đích của chúng không phải chỉ là giải giáp quân đội Nhật mà còn thực hiện âm mưu thâm độc hơn là dựng lên một chính quyền bù nhìn thân quân Tưởng. Bởi vậy, quân Tưởng Giới Thạch đi đến đâu đều thành lập tổ chức phản động “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội”. Với tư tưởng dân tộc lớn, quân Tưởng kích động Hoa kiều ở thị xã và các thị trấn, lôi kéo họ vào các tổ chức phản động, cung phụng về mọi mặt cho chúng. Những kẻ đứng đầu của các tổ chức phản động đã được quân Tưởng gài lại từ trước, đến lúc này ra mặt hoạt động phá hoại, làm mất thâm chí điếm, bắt bớ, ám hại cán bộ cách mạng.

Đi tới đâu, quân Tưởng đều thi hành chính sách “tam quang”, bắn giết cán bộ cách mạng¹, quần chúng trung kiên, cướp bóc của cải của nhân dân ta. Trước những hành động của kẻ cướp, quân và dân ta buộc phải chiến đấu tự vệ. Ta đã nhiều lần cảnh cáo chúng bằng súng và lưỡi lê, như các lần cảnh cáo ở Khau Dắm, Cao Bình, Hoàng Giông (thuộc châu Hòa An)... Cuối tháng 10/1945, quân Tưởng kéo về xuôi, chỉ để lại ở Cao Bằng một số đặc vụ, tổ chức phản động “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội”. Lực lượng này cấu kết với các toán phỉ miền biên giới cướp bóc nhân dân, phá hoại chính quyền cách mạng. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh đề ra hai nhiệm vụ trung tâm trước mắt là:

1. Củng cố chính quyền cách mạng, tiêu trừ bọn phỉ, truy quét bọn phản động địa phương còn sót lại.

1. Đó là các đồng chí Nam Tuấn, Chí Thảo, Quảng Hưng, Đại Tiến ở Quảng Uyên; đồng chí Cao Chương, Quang Hán ở Trấn Biên.

2. Phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt, đẩy mạnh công tác tuyển quân, tăng cường luyện tập quân sự, để chi viện cho các tỉnh trung du và đồng bằng.

Thi hành nhiệm vụ đó, đầu tháng 10/1945, một đơn vị giải phóng quân của tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang của châu Trấn Biên tiến hành bao vây, truy quét nhóm phỉ Lầu Sinh Cái và Giòèng Mền (tức Dương Miện). Trung tuần tháng 10/1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu được thành lập.

Ở châu Hạ Lang, trước lúc rút chạy, phát xít Nhật đã chuyển giao quyền cai quản cho những tên cầm đầu các nhóm phỉ. Ngày 04/9/1945, một đại đội giải phóng quân của tỉnh tiến vào Hạ Lang, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương vây đánh phỉ, buộc chúng tháo chạy sang bên kia biên giới Việt - Trung. Ngày 25/9/1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu và các xã được thành lập, đã kêu gọi nhân dân trở lại quê hương làm ăn, xây dựng cuộc sống mới.

Ở châu Bảo Lạc, tình hình khó khăn, phức tạp hơn, vì bọn phản động địa phương và thổ ty còn giành giật một vùng đất đai khá rộng đối với ta. Chúng cấu kết với đặc vụ Tưởng, phản động địa phương ở Đồng Văn (thuộc tỉnh Hà Giang), tàn quân Pháp ở Vân Nam (Trung Quốc) lập ra cái gọi là “Lưỡng châu tự trị” (gồm Bảo Lạc, Đồng Văn). Ngày 07/11/1945, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương, một đại đội giải phóng quân của tỉnh tiến đánh vào sào huyệt của bọn phản động ở đồn Bảo Lạc. Lực lượng này tháo chạy sang Đồng Văn (Hà Giang). Sau đó, ta nhiều lần viết thư kêu gọi đầu hàng, nói rõ chính sách khoan hồng của ta, chúng mới chịu quy phục cách mạng. Ngày 08/11/1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu đã ra mắt nhân dân tại thị trấn Bảo Lạc.

Đồng thời với việc tiến đánh Nhật ở các vị trí còn lại, tiêu trừ bọn phỉ, truy quét phản động, tay sai, giữ vững

chính quyền cách mạng, chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Cao Bằng đã tổ chức nhiều đội giải phóng quân tiến về Nam chi viện cho các tỉnh bạn thực hiện cuộc Tổng khởi nghĩa. Đầu tháng 7/1945, một tiểu đoàn giải phóng quân của Cao Bằng đã lên đường theo hướng đông tiến về Tân Trào, thủ đô của Khu giải phóng góp sức vào cuộc kháng Nhật, cứu nước và Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Ngay trên đường đi, tiểu đoàn này đã lập những chiến công tại tỉnh Lạng Sơn, các tỉnh miền trung du và đồng bằng.

Trong thời kỳ vận động đấu tranh giải phóng dân tộc, với sự kiện Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng về nước để xây dựng căn cứ địa, trực tiếp lãnh đạo cách mạng; triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941); cùng với những vấn đề trọng đại được đưa ra Hội nghị Trung ương 8 và những quyết định quan trọng của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tại Cao Bằng, đã tạo ra bước nhảy vọt của phong trào cách mạng Việt Nam nói chung và Cao Bằng nói riêng. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã “xây dựng được những nhân tố để bảo đảm thắng lợi cho cách mạng, cụ thể, Người đã:

1. Sáng lập Đảng.
2. Sáng lập Mặt trận Dân tộc thống nhất.
3. Sáng lập lực lượng vũ trang.
4. Sáng lập chính quyền nhân dân.

Cao Bằng có vinh dự lớn đó là nơi Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đặt chân đầu tiên khi trở về Tổ quốc sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước. Vinh dự này càng lớn hơn vì tại miền đất Cao Bằng này Bác đã thực hiện ba sáng lập về sau để từ

Cao Bằng lan tỏa ra toàn quốc”¹... Chính vì vậy, Cao Bằng trở thành trung tâm cách mạng của Việt Bắc và toàn quốc, có ý nghĩa lịch sử to lớn và có tính chất quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Thực hiện nghiêm chỉnh, linh hoạt và sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Đảng bộ Cao Bằng ra sức chuẩn bị lực lượng về mọi mặt, kịp thời chớp lấy thời cơ thuận lợi khi Nhật đảo chính Pháp, phát động cuộc khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Từ đó, Đảng bộ Cao Bằng đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh bước vào thời kỳ kháng Nhật, cứu nước, diệt trừ phản động, tay sai, truy quét các nhóm phi, giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng, phát triển lực lượng về mọi mặt, tiến tới quét sạch quân Nhật ra khỏi quê hương và chi viện góp phần cho cuộc Tổng khởi nghĩa toàn quốc thắng lợi, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Dân tộc ta, trong đó có nhân dân các dân tộc Cao Bằng, trong suốt gần một thế kỷ đấu tranh đã được hưởng nền độc lập, tự do.

Thắng lợi của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 ở Cao Bằng đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng trong việc vận dụng sáng tạo, linh hoạt chủ trương, đường lối của Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vào thực tiễn đấu tranh cách mạng ở Cao Bằng. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

1. Tỉnh ủy Cao Bằng, Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Cao Bằng* (1941-1945). *Kỷ yếu hội thảo khoa học - thực tiễn*, Hà Nội, 1995, tr.403.

Chương III

ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, Củng Cố HẬU PHƯƠNG CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946-1954)

I. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP, GIẢI PHÓNG CAO BẰNG (1946-1950)

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong tình hình quốc tế và trong nước có những thay đổi lớn. Với sự giúp đỡ của Liên Xô, một loạt nước châu Âu và châu Á được giải phóng khỏi ách phát xít, tiến hành thiết lập chuyên chính vô sản, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển với quy mô rộng lớn, ngày càng mạnh mẽ, làm lung lay hệ thống thuộc địa của chế độ đế quốc. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, đòi cải thiện đời sống và bảo vệ hòa bình của nhân dân lao động, nòng cốt là giai cấp công nhân do Đảng Cộng sản lãnh đạo được đẩy mạnh.

Đặc điểm nổi bật của tình hình quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là trào lưu cách mạng thế giới ngày càng phát triển thế tiến công chiến lược toàn diện vào chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân. Trong khi đó, chủ nghĩa đế quốc đã suy yếu về nhiều mặt. Hai đế quốc Anh, Pháp tuy là kẻ chiến thắng trong chiến tranh, nhưng đã kiệt quệ cả về kinh tế và quân sự. Riêng Mỹ, lợi dụng chiến tranh đã giàu lên về kinh tế, mạnh hẳn lên về khoa học, kỹ thuật và quân sự, âm mưu dựa vào sức mạnh về kinh tế và quân sự để thống trị thế giới.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới. Sự lớn mạnh của phong trào cách mạng thế giới có ảnh hưởng trực tiếp đến sự nghiệp giữ vững chính quyền cách mạng và chủ quyền dân tộc, xây dựng thắng lợi chế độ mới.

Nhưng với tính chất triệt để chống đế quốc và tay sai, với vị trí đi đầu trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân tại một địa bàn chiến lược quan trọng ở Đông Nam Á, cách mạng Việt Nam là đối tượng chống phá quyết liệt nhất của chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế.

Hoàn cảnh lịch sử đó vừa có những thuận lợi cơ bản, lại vừa có những khó khăn đối với cách mạng Việt Nam nói chung và đối với phong trào cách mạng ở Cao Bằng nói riêng.

Là một tỉnh miền núi, có 8 huyện nằm sát biên giới Việt Nam - Trung Quốc với chiều dài hơn 333 km, giao thông đi lại khó khăn, song từ thị xã đều có đường xe nối với các huyện. Vị trí tự nhiên đó của Cao Bằng vừa có những khó khăn, lại vừa có những thuận lợi. Cao Bằng là cửa ngõ nối liền cách mạng Việt Nam với cách mạng Trung Quốc, là căn cứ địa của cách mạng cả nước, giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp giải phóng và bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Ở vào vị trí chiến lược quan trọng ấy, nên Cao Bằng cũng như các tỉnh trong Liên khu Việt Bắc trở thành mục tiêu đánh phá đầu tiên ở các tỉnh phía Bắc của thực dân Pháp và các thế lực phản động khác.

Ý thức rõ về vị trí và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy truyền thống kiên cường trong 15 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc, quyết không trở lại thân phận nô lệ một lần nữa. Cuộc kháng chiến của nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đã phải đương đầu với một quân đội có tiềm lực về kinh tế và quốc phòng, có đủ vũ khí và trang bị hiện đại, có kinh nghiệm chiến tranh xâm lược thuộc địa, có nhiều âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt, được đế quốc Mỹ, Anh giúp sức. Nhưng cuộc kháng chiến bắt đầu khi nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã giành được quyền làm chủ của mình, cùng với nhân dân cả nước ra sức xây dựng chế độ mới - chế độ dân chủ nhân dân. Dưới chế độ mới, nhân dân đã được hưởng quyền tự do, dân chủ về chính trị, kinh tế, xã hội mà trước đây chưa từng có, nên mọi người đều ra sức quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do đó.

Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, trước hết là Ban Chấp hành Đảng bộ, do đồng chí Hoàng Đức Thạc (tức Lã) làm Bí thư, cùng toàn thể cán bộ, đảng viên đã được tôi luyện và trưởng thành trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, có đủ kinh nghiệm và năng lực lãnh đạo, tổ chức cuộc kháng chiến. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh giàu lòng yêu nước, có truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất chống xâm lược. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trực tiếp là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã góp phần cùng nhân dân cả nước sáng tạo ra trang sử vẻ vang Tháng Tám năm 1945.

Lực lượng vũ trang trong tỉnh tuy mới được hình thành từ những đội tự vệ, đội dân quân, du kích, tiến lên những đơn vị bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực, trang bị tuy còn thô sơ, thiếu thốn, nhưng đó là lực lượng vũ trang từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, nên có đầy đủ tinh thần và năng lực chiến đấu, vượt qua mọi khó khăn ban đầu, do hậu quả của chính sách áp bức, bóc lột nhiều năm của thực dân Pháp, phát xít Nhật gây ra.

Giữa lúc nhân dân cả nước cũng như nhân dân Cao Bằng đang gặp nhiều khó khăn, chính quyền cách mạng vừa được thành lập, thì ở miền Bắc, gần hai chục vạn quân của Tưởng Giới Thạch tràn vào. Chúng mang danh nghĩa Đồng minh vào tước vũ khí quân đội Nhật, nhưng kỳ thật là chúng thực hiện âm mưu thâm độc tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh và giúp bọn phản động trong nước lật đổ chính quyền nhân dân, lập chính phủ làm tay sai cho chúng. Ở miền Nam, quân đội Anh cũng núp dưới danh nghĩa quân Đồng minh kéo vào tước vũ khí quân Nhật, nhưng kỳ thật là mở đường cho thực dân Pháp cướp lại nước ta. Ngày 20/8/1945, gần một vạn quân Tưởng Giới Thạch, do tướng Tiêu Văn cầm đầu vượt qua biên giới vào Sóc Giang (Hà Quảng), Pò Peo (Trùng Khánh), Tà Lùng (Phục Hòa), chúng đã chiếm chùa Tàu ở thị xã làm nơi đóng quân¹. Tổ chức Việt Nam cách mạng đồng minh hội do Nguyễn Hải Thần đứng đầu đi theo quân Tưởng kéo vào đóng tại Nước Giáp, thấy không thể dễ dàng lật đổ chính quyền cách mạng, nên sau 3 tháng chiếm đóng, quân Tiêu Văn rút hết về Lạng Sơn. Tháng 11/1945, một trung đội quân của Lư Hán núp dưới danh nghĩa đại diện cho Đồng minh lên đóng tại thị xã.

1. Nay là Chùa Phố Cũ.

Trong khi các kẻ thù tập trung sức tiến công đánh phá cách mạng, thì bè lũ tay sai, phản động của chúng ra sức vu cáo, khiêu khích, chia rẽ chính quyền cách mạng, tổ chức những cuộc bạo loạn. Nhiều đảng phái phản động được lập ra từ trước nay lại tiếp tục hoạt động phá hoại.

Khi quân đội Tưởng Giới Thạch kéo qua biên giới, một số tổ chức phản động này dựa ngay vào quân Tưởng ra sức hoạt động chống phá cách mạng. Nhóm phỉ Lương Sán Sinh cũng nhân cơ hội này gây thanh thế chống phá cách mạng. Để tranh thủ mua chuộc nhân dân, chúng thành lập các hội quần chúng như: Hội tương tế, Hội sạ dầu, Hội bôn dẻ, nhưng bị quần chúng nhân dân phản đối.

Tổ chức Việt Nam Phục quốc Hội do Nông Quốc Long cầm đầu đã dựa vào thế lực thổ ty họ Nông và Châu đoàn Chài gây cơ sở ở vùng tây nam châu Bảo Lạc chống phá cách mạng, bắn giết nhiều cán bộ.

“Đại Việt quốc gia liên minh” do Nhật lập ra bị tan rã ngay khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Nhưng trong hoàn cảnh mới khi quân Tưởng Giới Thạch kéo vào, một số tên tay sai đã trở lại hoạt động chống phá cách mạng ở thị xã và một số thị trấn khác. Chúng thường tổ chức các cuộc diễn thuyết để tranh thủ quần chúng chống phá cách mạng.

Việt Nam Quốc dân Đảng có số lượng đảng viên ít. Chúng dựa vào quân Tưởng gây lực lượng ở thị xã và một số vùng biên giới chống lại Việt Minh.

Ngoài những hoạt động chống phá cách mạng của các đảng phái phản động trên, hoạt động của thổ ty và thổ phỉ cũng gây cho cách mạng nhiều khó khăn, trở ngại.

Ở Cao Bằng, chế độ thổ ty phát triển và tồn tại ở vùng Bảo Lạc. Thực dân Pháp đã lợi dụng thế lực này biến thành

tay chân chống phá cách mạng ở địa phương, giết nhiều cán bộ. Để tranh thủ bọn thổ ty, Pháp đã giao cho chúng nhiều đặc quyền, đặc lợi như tự do thu thuế, mở sòng bạc, chiếm đoạt ruộng đất... Thổ ty và thổ phỉ đã cấu kết chặt chẽ với Pháp thực hiện âm mưu lập “lưỡng châu tự trị”, gồm Bảo Lạc và Đồng Văn thuộc tỉnh Hà Giang hoạt động mạnh nhất ở các xã vùng tây nam Bảo Lạc. Trở lực lớn nhất là các toán thổ phỉ do Tưởng nuôi dưỡng chiếm giữ một số vùng dọc biên giới.

Nhóm thổ phỉ do Trương Trung Phụng và Vi Cao Chấn cầm đầu khoảng 200 tên chiếm giữ một vùng thuộc các xã Cô Ba, Cốc Pàng, Đúc Hạnh (Bảo Lạc). Nhóm thổ phỉ do Mã Trần Thịnh và Triệu Hải Quang cầm đầu chiếm giữ vùng đất Lục Khu (Hà Quảng). Nhóm thổ phỉ của Gioòng Mẻn cầm đầu đóng ở phố Trà Lĩnh (châu Trấn Biên). Nhóm thổ phỉ do Phùng Phí Lùng và Lâu Pạc Phí hoạt động ở dọc biên giới Trấn Biên và Trùng Khánh. Nhóm thổ phỉ Lương Sấn Sinh chiếm giữ châu lỵ Hạ Lang. Nhóm thổ phỉ Lý Khí Phang đóng ở vùng Quy Thuận (Phục Hòa). Nhóm phỉ Sỹ Lìn và Phja đóng ở phía bắc châu Chợ Rã. Nhóm phỉ Sần Cảnh Trái hoạt động chủ yếu ở vùng Đồng Văn, Bảo Lạc, sau lan ra Nguyên Bình và Tĩnh Túc... Chúng đã bí mật liên hệ với thực dân Pháp và được thực dân Pháp tiếp tế cho hàng hóa, muối, gạo, súng đạn. Nhóm này và tàn quân của Bạch Sùng Hy đã cấu kết với thổ ty bí mật lập ra tổ chức “Cứu quốc tiểu Cộng sản đội”, thực hiện mục đích tiêu diệt Cộng sản. Chúng hoạt động mạnh ở Bảo Lạc, Hà Quảng, Hòa An, Quảng Uyên, Phục Hòa và liên lạc sang Long Châu (Trung Quốc).

Khi quân Tưởng Giới Thạch tràn qua biên giới, các thế lực phản động ở các địa phương trong tỉnh cấu kết với thổ phỉ

chống phá cách mạng. Tại Trùng Khánh, Chánh Hình đã tập hợp binh lính hình thành lực lượng vũ trang riêng và tự xưng là tư lệnh Cao - Bắc - Lạng¹.

Để lôi kéo quần chúng và tạo địa bàn hoạt động cho đặc vụ Tưởng hoạt động, khi vào Cao Bằng, quân Tưởng Giới Thạch đã lập “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội”, đặt trụ sở của tỉnh hội tại thị xã Cao Bằng, lấy thị xã làm trung tâm chỉ đạo các hoạt động của đặc vụ và thành lập ban chấp hành các phân hội ở các huyện. Tổ chức này chỉ phát triển ở một số địa phương thuộc các châu Nguyên Bình, Trùng Khánh, Quảng Uyên, Phục Hòa. Ngoài những người Hoa, tổ chức này còn lôi kéo một số đồng bào thuộc các dân tộc Dao đỏ, Nùng tham gia.

Đứng trước một thực tế muôn vàn khó khăn, thử thách và hậu quả nặng nề của chế độ cũ để lại; hơn thế, thực dân Pháp âm mưu quay trở lại xâm lược các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, vấn đề đặt ra là phải giữ vững thành quả của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giữ vững chủ quyền của một dân tộc độc lập, tự do, quyết không trở lại chế độ nô lệ một lần nữa. Nhận thức sâu sắc những chỉ thị của Trung ương Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã đem hết trí tuệ và sức lực vào công cuộc củng cố và giữ vững chính quyền, tăng cường thực lực cách mạng, giữ vững và phát triển căn cứ địa cách mạng của cả nước.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã đề ra những phương hướng và biện pháp đầu tiên về xây dựng chế độ mới, đối phó

1. Gồm các tên Chánh Hình, Chánh Lan, Nông Văn Nhấu, Giòng Mến, Vi Cao Chấn, Mã Trần Thịnh, Triệu Hải Quảng, Lâu Pạc Phí, Phùng Phí Lùng...

với các lực lượng đế quốc và phản động tiến vào nước ta. Theo phương hướng đó, ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ và nêu ra 6 việc cấp bách cần làm ngay:

Một là, phát động ngay một chiến dịch tăng gia sản xuất để chống đói, mở một cuộc lạc quyền để giúp đỡ những người nghèo;

Hai là, mở ngay một phong trào chống nạn mù chữ;

Ba là, tổ chức cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do, dân chủ của nhân dân;

Bốn là, mở một phong trào giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ những thói hư, tật xấu do chế độ cũ để lại;

Năm là, bỏ ngay ba thứ thuế: thuế thân, thuế chợ, thuế đò và cấm hút thuốc phiện;

Sáu là, tuyên bố tín ngưỡng tự do và lương - giáo đoàn kết.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Hiện nay, chúng ta có hai việc quan trọng nhất: cứu đói ở miền Bắc và kháng chiến ở miền Nam.

Chống đói và đánh giặc là hai nhiệm vụ trước mắt nhưng đó là biểu hiện của hai nhiệm vụ chiến lược. Trên cơ sở hai nhiệm vụ đó, ngày 25/11/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*. Sau khi phân tích những thay đổi căn bản về tình hình quốc tế và trong nước sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Trung ương Đảng nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt của nhân dân ta lúc này là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân. Trong chỉ thị này, Trung ương cũng nêu rõ những biện pháp cơ bản để thực hiện hai nhiệm vụ đó.

Dựa trên tinh thần 6 nhiệm vụ cấp bách cần làm ngay và Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* của Trung ương Đảng; nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng được Ban Chấp hành Đảng bộ nêu rõ là: Đấu tranh với âm

mưu xâm lược của Tưởng Giới Thạch và bọn tay sai của Tưởng; tiêu diệt thổ phỉ và phản động địa phương; củng cố chính quyền cách mạng các cấp từ xã đến tỉnh. Phát động chiến dịch tăng gia sản xuất để chống đói và mở phong trào xóa nạn mù chữ. Đồng thời, tích cực chi viện cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở miền Nam.

Để bảo đảm hoàn thành những nhiệm vụ trên, công tác xây dựng Đảng được nêu lên là một trong những nhiệm vụ hàng đầu, đặc biệt chú ý bổ sung Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; sắp xếp lại bộ máy Tỉnh ủy; cử cán bộ có năng lực xuống các huyện để củng cố lại các cơ sở đảng, chú ý những nơi đảng viên ít, phong trào yếu và những châu nằm ở vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh như Hà Quảng, Bảo Lạc, Trấn Biên, Trùng Khánh, Hạ Lang. Tháng 02/1946, đồng chí Bùi Bảo Vân được Trung ương Đảng chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy.

Nắm vững chủ trương của Đảng “giữ vững chính quyền là nhiệm vụ hàng đầu của Cách mạng Tháng Tám năm 1945”, đó cũng là căn cứ để giải quyết những nhiệm vụ cấp bách khác của cách mạng, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo công tác xây dựng chính quyền các cấp. Ngay từ cuối tháng 9/1945, Ủy ban nhân dân lâm thời các cấp được thành lập ở hầu hết các huyện, các xã¹. Các châu Hạ Lang, Trấn Biên, Trùng Khánh, Bảo Lạc là những nơi thổ phỉ và bọn phản động hoạt động quyết liệt, đã được tỉnh tăng cường chỉ đạo sát sao, cử nhiều cán bộ bám sát cơ sở. Chính quyền cách mạng đã thực sự

1. Không đầy một tháng sau ngày Nhật đảo chính Pháp (ngày 09/3/1945), ở các châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Thạch An, Quảng Uyên, Trùng Khánh và một phần châu Bảo Lạc, chính quyền đã về tay nhân dân.

quản lý và điều hành các công việc xã hội, quyền làm chủ xã hội của nhân dân lao động được Tỉnh ủy hết sức quan tâm, tăng cường tính chất nhân dân của chính quyền cách mạng, nghiêm chỉnh thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh giữ đúng mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, đập tan sự xuyên tạc của kẻ thù, thể hiện sự tín nhiệm, tin tưởng của nhân dân đối với chính quyền cách mạng, Ủy ban nhân dân lâm thời tổ chức cho nhân dân đi bầu Quốc hội, bầu Hội đồng nhân dân các cấp. Ngày 06/01/1946, ngày bầu cử Quốc hội diễn ra như một ngày hội lớn của những người lao động, mọi người dân đều được hưởng quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Cao Bằng đã bầu đủ 4 đại biểu vào Quốc hội đầu tiên, gồm các đồng chí Vũ Anh, Dương Kim Dao, Nguyễn Khánh Kim, Dương Đại Lâm. Cuối tháng 3/1946, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhân dân các dân tộc Cao Bằng tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Ngay sau khi bầu cử, Ủy ban hành chính tỉnh, Ủy ban hành chính các huyện, thị được thành lập, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức các hoạt động xã hội, phát huy vai trò của cơ quan công quyền, trực tiếp chăm lo và ổn định đời sống nhân dân. Đồng chí Đoàn Nguyên Nhật (Hong Kỳ) được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh. Cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp giành thắng lợi là một đòn đánh mạnh vào âm mưu của các thế lực phản động hòng chia rẽ khối đoàn kết dân tộc và lật đổ chính quyền cách mạng tuy còn non trẻ. Cuộc bầu cử thắng lợi thể hiện ý thức làm chủ và nghĩa vụ của người công dân ở một nước độc lập. Cuộc bầu cử diễn ra sôi nổi thực sự là cuộc vận động chính trị rộng lớn và sâu sắc, biểu dương sức mạnh và ý chí sắt đá của khối đoàn

kết toàn dân, quyết tâm giữ vững quyền làm chủ, đánh bại mọi âm mưu của các thế lực phản động. Những đại biểu do Mặt trận Việt Minh giới thiệu đã trúng cử với số phiếu cao. Thắng lợi này đã góp phần tạo ra thực lực mới cho cuộc đấu tranh giữ vững chính quyền, đấu tranh chống lại các thế lực phản động trong và ngoài nước.

Sau khi được thành lập, thực hiện triệt để chủ trương của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh và Ủy ban hành chính các huyện, xã đã bắt tay ngay vào việc động viên, tổ chức quần chúng nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, ổn định đời sống nhân dân. Chính quyền nhân dân các cấp từ tỉnh xuống đến huyện, xã đã được tổ chức và làm việc với tinh thần mới. Chính quyền thực sự là của dân, do dân và vì dân.

Về công tác quân sự: Chi đội giải phóng quân của tỉnh được bổ sung thêm về số lượng, củng cố về mặt tổ chức và nâng cao chất lượng chiến đấu. Đồng chí Bằng Giang được chỉ định làm Chi đội trưởng, đồng chí Dương Đại Lâm và Nông Công Dững làm Chi đội phó¹. Đẩy mạnh phát triển dân quân du kích, tổ chức những đơn vị tự vệ thường và tự vệ chiến đấu ở tất cả các thôn, xã làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự xã hội, bảo vệ chính quyền cách mạng, chống lại những hành động phá hoại của thổ phỉ và phản động địa phương. Nguồn trang bị vũ khí đầu tiên là súng đạn lấy được của quân Nhật, Pháp² và nguồn vũ khí thô sơ do nhân dân tự mua sắm, tự chế tạo như súng trường, súng kíp, giáo, mác, dao găm...

1. Chi đội tương đương với một trung đoàn.

2. Số lượng vũ khí đủ trang bị cho 2 chi đội giải phóng quân gồm có súng trường, trung liên, tiểu liên, cối 60 và 82 ly, 1 khẩu pháo.

Nghiên cứu và vận dụng đường lối xây dựng lực lượng vũ trang toàn dân của Đảng từ lực lượng chính trị có tổ chức của quần chúng, Đảng bộ đã nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang. Ở huyện có tiểu đoàn, ở xã có đại đội, bảo vệ đặc lực chính quyền cách mạng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân lao động.

Vũ khí tuy còn thiếu, lại thô sơ, kinh nghiệm chiến đấu còn ít, nhưng với tinh thần yêu nước, yêu quê hương, xóm làng, lại được sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng, lực lượng vũ trang địa phương có tổ chức chặt chẽ, có tinh thần rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật đánh địch ở chiến trường rừng núi.

Dựa vào Sắc lệnh của Chính phủ “về trấn áp bọn phản cách mạng”, Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo kiên quyết trấn áp những hành động phá hoại cách mạng của các tổ chức phản động, tập trung lực lượng vào các huyện biên giới, những nơi ẩn náu của thổ phỉ và các tổ chức phản động; vừa tuyên truyền, giáo dục những phần tử lầm đường làm tay sai cho giặc, vừa kiên quyết trừng trị những hành động phá hoại của chúng.

Thực hiện chủ trương của Trung ương tránh đối đầu với nhiều kẻ thù trong cùng một lúc, tạm thời hòa hoãn với quân Tưởng để dành thời gian củng cố chính quyền, khắc phục khó khăn, chuẩn bị thực lực cách mạng, Tỉnh ủy đã lãnh đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh với những hành động ngang ngược của quân Tưởng, nhưng cũng rất mềm dẻo, buộc quân đội Tưởng và tay sai từ chỗ không chịu thừa nhận chính quyền cách mạng, đến chỗ phải tiếp xúc và thương lượng với chính quyền cách mạng. Tuy quân đội Tưởng Giới Thạch có số lượng đông tràn vào Cao Bằng, nhưng chúng vẫn có những chỗ yếu cơ bản. Khoét sâu vào

những chỗ yếu đó để hạn chế sự phá hoại của chúng, ta chủ trương không đánh lại chúng mà vận động nhân dân không hợp tác với chúng. Khi vượt biên giới kéo vào Cao Bằng, quân Tưởng đã dựa vào bọn tay sai phản cách mạng được nuôi dưỡng từ nước ngoài đưa về và số còn ẩn náu trong rừng để chống phá chính quyền cách mạng. Hoạt động của chúng là tuyên truyền gây chia rẽ, nghi kỵ giữa các dân tộc, đặc biệt chú ý đến các dân tộc vùng cao hẻo lánh, ít người, gây các cuộc ám sát, bắt cóc cán bộ, dùng cả sức ép quân sự trắng trợn. Những hoạt động này đã gây cho chính quyền cách mạng nhiều khó khăn, trở ngại.

Nắm vững nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin là, sau khi đã giành được chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, phải kiên quyết tiến hành trấn áp các thế lực phản cách mạng, ta đã có những biện pháp đối phó hữu hiệu với bọn phản cách mạng, tay sai của chủ nghĩa đế quốc. Trong điều kiện lịch sử lúc này, nếu để bọn phản động trong nước câu kết với thực dân xâm lược nước ngoài chống phá cách mạng là điều hết sức nguy hiểm. Nhưng trấn áp các thế lực phản động như thế nào để vừa hòa hoãn được với quân Tưởng Giới Thạch, vừa vạch trần được bộ mặt phản quốc của chúng, giữ vững và mở rộng được mặt trận đoàn kết toàn dân, là một nghệ thuật lãnh đạo của Đảng.

Trong tình thế khó khăn, phức tạp, Đảng chủ động đề ra chủ trương và một số biện pháp để nhân nhượng với quân Tưởng. Ngày 11/11/1945, Đảng tuyên bố “tự giải tán”, nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật, tiếp tục lãnh đạo cách mạng. Để công khai tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, Đảng lập ra Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương. Ở Cao Bằng, cơ sở đảng vẫn tồn tại, Đảng vẫn phát triển lực lượng và trực tiếp lãnh đạo mọi

mặt cách mạng. Thời gian này, để góp phần bảo đảm bí mật, Tỉnh ủy đã lấy biệt danh là Đại đội 372, còn các huyện ủy, thị ủy là trung đội và tiếp tục lãnh đạo quần chúng thực hiện mọi chủ trương của Đảng, ngay cả ở những nơi địch tập trung đàn áp, phá hoại như các huyện biên giới, các huyện vùng cao ít người. Nhờ bám sát quần chúng, được quần chúng tin tưởng, chăm lo, đùm bọc, nên tổ chức đảng ở cơ sở đã hoàn thành được nhiệm vụ. Đảng viên luôn luôn nêu cao tinh thần kiên định, dũng cảm hy sinh trước mọi khó khăn, gian khổ của cách mạng, luôn luôn gắn bó mật thiết với quần chúng.

Một trong những vấn đề cấp bách mà Đảng bộ và chính quyền cách mạng phải tập trung giải quyết là nhanh chóng ổn định đời sống mọi mặt cho nhân dân. Cũng như cả nước, Cao Bằng phải gánh chịu mọi hậu quả nặng nề do chế độ cũ để lại: nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, chủ yếu là tự cấp, tự túc; trên 90% nhân dân không biết chữ; những tệ nạn xã hội như mê tín, cờ bạc... còn phổ biến... Thực tế đó đặt ra cho chính quyền cách mạng một nhiệm vụ hết sức nặng nề trong lúc chính quyền cách mạng đang ở vào hoàn cảnh vừa mới ra đời, lại bị kẻ thù bên ngoài và bên trong chống phá quyết liệt.

Vận dụng tinh thần 6 nhiệm vụ cấp bách trước mắt của Chính phủ và Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh đã phát động phong trào thi đua tăng gia sản xuất, giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn. Chính quyền các cấp tạo điều kiện giúp nhân dân giống, vốn, phương tiện để sản xuất. Thực hiện khẩu hiệu “Tắc đất, tắc vàng”, nhiều vùng đất hoang được khai phá đưa vào cày cấy. Những nơi trước đây là đồn bốt của địch cũng được san phẳng để trồng ngô, khoai, sắn. Chính quyền cách mạng đã tịch thu ruộng đất của tay sai, phản động theo giặc,

đem chia cho dân nghèo. Các tổ đổi công được thành lập dưới nhiều hình thức. Mọi sinh hoạt được ổn định dần.

Các ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được khôi phục. Ở Cao Bằng, dưới chế độ thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, ngoài mỏ thiếc Tĩnh Túc, tại thị xã chỉ có một nhà máy điện công suất vào loại nhỏ, một số xe vận tải, xe khách của tư sản và tư nhân. Chính quyền cách mạng đã kịp thời đề ra những biện pháp khắc phục dần tình trạng yếu kém của kinh tế địa phương: thành lập liên đoàn cơ khí và ô tô, khôi phục lại nhà máy điện; chuyển Xưởng cơ khí Lê Tổ về thị xã; phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp sản xuất công cụ và các mặt hàng tiêu dùng thông thường cho nhân dân (lưỡi cày, dao, cuốc, giấy, vải...). Thành lập các tổ kinh doanh, khuyến khích các thương nhân góp cổ phần; nhờ đó, những nhu cầu thiết yếu trước mắt như muối, vải, dầu, giấy, bút... từ dưới xuôi và các tỉnh lân cận vẫn được chuyển lên góp phần ổn định đời sống của nhân dân. Đầu năm 1946, Cao Bằng thành lập các “trạm mậu dịch biên giới” để khai thác có hiệu quả việc trao đổi hàng hóa giữa nhân dân hai bên biên giới Việt - Trung. Cuối năm 1946, thành lập Chi cục Ngoại thương. Cùng với Ban Kinh tế tài chính của Tỉnh ủy, Chi cục Ngoại thương đã góp phần xây dựng kinh tế kháng chiến của tỉnh và của Trung ương.

Để bảo đảm nhu cầu chi tiêu và khắc phục những khó khăn trước mắt về tài chính, thực hiện sắc lệnh của Chính phủ về xây dựng “Quỹ độc lập” và tổ chức “Tuần lễ vàng”, nhân dân toàn tỉnh đã tự nguyện góp vàng và tiền của vào công quỹ kháng chiến. Nhiều cá nhân và nhiều gia đình đã mang nhẫn, hoa tai, dây chuyền vàng... góp vào công quỹ kháng chiến. Trong phong trào này, đã xuất hiện những bài

ca dao từ trong nhân dân lao động nói lên tình cảm của mình đối với đất nước:

Vàng và độc lập thứ gì quý hơn?
 Chẳng đeo vàng, chẳng thoa son
 Nước nhà độc lập vàng son đầy rồi
 Nước nhà độc lập là vui
 Không cần vàng, bạc cần đời tự do
 Tự do đất mấy cũng mua
 Máu xương đổi lấy cũng chưa đáng gì.

Song song với những thắng lợi bước đầu trên mặt trận kinh tế, tài chính, chính quyền cách mạng còn có những cố gắng lớn và đã giành được nhiều thành tích trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục. Ở các huyện vùng cao, những vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, do bị mù chữ nên những quan niệm cũ về xã hội, về cuộc sống, những tập tục mê tín, dị đoan vẫn duy trì, thậm chí có nơi còn gia tăng. Chống nạn mù chữ, mở mang kiến thức cho nhân dân lao động là một trong những việc mà chính quyền cách mạng quan tâm giải quyết. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Muốn giữ vững nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu,

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.

Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo... Phụ nữ lại càng cần phải học...”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.40-41.

Chỉ trong một thời gian ngắn, các lớp bình dân học vụ đã được tổ chức khắp nơi từ vùng thấp đến vùng cao, lôi cuốn từ những em nhỏ đến các cụ già. Những quan niệm không đúng trước kia về học chữ quốc ngữ đã được hạn chế dần. Không khí thi đua học chữ quốc ngữ, xóa nạn mù chữ sôi nổi giữa các địa phương.

Ban “bình dân học vụ” nhanh chóng được thành lập để chỉ đạo việc học tập từ tỉnh đến các cơ sở. Bên cạnh các lớp bình dân học vụ, các trường tiểu học cũng được thành lập, thu hút con em nhân dân lao động đến trường ngày một đông. Các lớp đào tạo giáo viên ngắn ngày cũng được mở để kịp thời đáp ứng đội ngũ giáo viên cho phong trào. Nhiều cán bộ, đảng viên ngoài nhiệm vụ chính của mình còn kiêm thêm việc giảng dạy cho các lớp bình dân học vụ, hoặc cho các trường tiểu học, ngày đêm lăn lộn trong quần chúng. Truyền thống hiếu học của dân tộc được phát huy, với ý thức trách nhiệm trước những công việc đòi hỏi khẩn trương của đất nước, sau một năm đã có hàng chục nghìn người thoát nạn mù chữ. Kết quả này đã ảnh hưởng trực tiếp đến công cuộc bảo vệ và giữ vững chính quyền cách mạng.

Để chăm lo sức khỏe và phòng ngừa dịch bệnh cho nhân dân, chính quyền cách mạng tập hợp một số y sĩ, y tá lập các trạm khám, chữa bệnh ở thị xã và một số thị trấn lớn, đông dân cư và có chính sách đúng đắn sử dụng đội ngũ cán bộ y tế của chế độ cũ, đồng thời nhanh chóng đào tạo đội ngũ cán bộ để chăm lo sức khỏe của nhân dân. Mặc dù thiếu phương tiện, thiếu thuốc chữa bệnh, các thầy thuốc với tinh thần phục vụ nhân dân đã hết lòng vì người bệnh; nhiều bà con có kinh nghiệm chữa bệnh bằng những thứ thuốc dân tộc cổ truyền cũng sẵn sàng góp sức cùng chính quyền cách mạng chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Nhân dân chỉ có thể phát huy sức mạnh to lớn của mình khi được tổ chức lại và có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Điểm đặc sắc nổi bật ở Cao Bằng là trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, phong trào Việt Minh đã có “xã hoàn toàn”, “tổng hoàn toàn” và “châu hoàn toàn”. Sau năm 1945, chính quyền cách mạng đã nằm trong tay nhân dân, Đảng có điều kiện tổ chức toàn dân thành một đội quân chính trị, một đội quân vũ trang cách mạng vững chắc. Xây dựng khối đoàn kết toàn dân giữa các dân tộc trong tỉnh tạo thành một lực lượng to lớn, thống nhất về nhận thức và hành động là một nhiệm vụ mà Đảng bộ luôn luôn đặt lên hàng đầu trong công tác chuẩn bị cho kháng chiến. Phòng “Liên hiệp dân tộc” được thành lập giúp Ủy ban hành chính tỉnh đi sâu nghiên cứu, tổ chức, động viên đồng bào các dân tộc từ vùng cao đến vùng thấp, đoàn kết trong một tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Công cuộc chuẩn bị cho kháng chiến được khẩn trương tiến hành trên các mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội trong thời gian tạm thời hòa hoãn, tạo ra thực lực để cho Cao Bằng bảo đảm đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

Về phía thực dân Pháp, sau Tạm ước ngày 14/9/1946, chúng vẫn ngoan cố ráo riết thi hành những chính sách phản động nhằm thực hiện âm mưu đặt lại nền thống trị của chúng trên đất nước ta một lần nữa. Ở Nam Bộ và Trung Bộ, quân viễn chinh Pháp liên tiếp tấn công quân ta và khủng bố nhân dân rất dã man. Ở miền Bắc, chúng gây ra những vụ khiêu khích, xâm phạm đến chủ quyền của đất nước ta.

Là một tỉnh được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng chọn làm căn cứ địa cách mạng của cả nước, nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng vừa ra sức xây dựng hậu phương, khắc phục

khó khăn, mở rộng căn cứ địa, liên hệ chặt chẽ với các tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn, chuẩn bị mọi mặt cho sự nghiệp kháng chiến lâu dài; vừa tập trung theo dõi và góp phần vào sự nghiệp “kháng chiến kiến quốc” của cả nước. Ngay khi cuộc kháng chiến ở Nam Bộ bùng nổ, Cao Bằng đã tổ chức được 7 phân đội giải phóng quân, thành lập một chi đội Nam tiến. Đoàn quân Nam tiến của Cao Bằng do đồng chí Hoàng Đình Giông chỉ huy đã nhanh chóng lên đường. Khi đến Hà Nội, ngày 01/10/1945, đồng chí Hoàng Đình Giông được Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái đưa sang Bắc Bộ gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng để bàn bạc, trao đổi thêm tình hình trong nước, thế giới, đặc biệt là tình hình chiến sự đang diễn ra ở Nam Bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng đã đổi tên đồng chí Hoàng Đình Giông thành Võ Văn Đức để bảo đảm bí mật vì tên tuổi Hoàng Đình Giông hay Văn Tư kẻ địch đã biết; đồng thời trong hoàn cảnh đó vào Nam Bộ thì mang tên mới còn hết sức có ý nghĩa: vừa có văn, vừa có võ lại vừa có đức, càng thể hiện sự trọn vẹn và sự cần thiết phải có của một người lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: Chú cầm quân ra chiến trường, văn, võ đều cần, nhưng phải chú trọng cái đức của người cán bộ cách mạng. Sau đó, đồng chí Hoàng Đình Giông (tức Võ Văn Đức) làm Chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến, đưa quân vào miền Nam cùng nhân dân Nam Bộ tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tiếp theo, hàng nghìn chiến sĩ do các đồng chí Nam Long, Đàm Minh Viễn, Thu Sơn, Hữu Thành chỉ huy cũng đã vào Nam đánh giặc. Theo dõi tình hình chung trên chiến trường của cả nước, nhận thức rõ Nghị quyết Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng tháng 10/1946 “nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định

phải đánh Pháp”¹. Hội nghị khẳng định, tuy ta kém về vũ khí, kỹ thuật nhưng với tinh thần dẻo dai bền bỉ, ta nhất định thắng; phải tăng cường công tác đảng, công tác chính trị, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu. Nghị quyết Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng soi sáng phương hướng, nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Đảng bộ.

Chiến tranh ngày càng lan rộng, thực dân Pháp mở rộng gây chiến, ném bom ở Hải Phòng, Lạng Sơn và một số địa phương khác. Chúng dùng vũ lực lấn đất, chiếm dân, bắn giết nhiều cán bộ và chiến sĩ cách mạng.

Trước hành động vũ trang xâm lược của thực dân Pháp, Đảng và Chính phủ ta quyết định phát động toàn dân đứng lên kháng chiến để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Đúng 20 giờ ngày 19/12/1946, tín hiệu bắt đầu cuộc kháng chiến toàn quốc đã được phát ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến*.

Vào cuối tháng 12/1946, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp Hội nghị mở rộng tại thị xã, nhằm nghiên cứu, quán triệt Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Trung ương Đảng và *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quán triệt sâu sắc tinh thần hai văn kiện lịch sử đó, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Hội nghị đã đề ra những nhiệm vụ cấp bách trước mắt: tăng cường bộ máy chính quyền các cấp để chỉ đạo kháng chiến; củng cố lực lượng vũ trang; xây dựng kế hoạch phòng thủ; triệt để thực hiện kế hoạch tiêu thổ kháng chiến làm cho thực dân Pháp hết chỗ dựa, đặc biệt là phá hoại các đường giao thông quan

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, 2000, t.8, tr.133.

trọng như quốc lộ số 4, quốc lộ số 3a và 3b ngăn bước tiến của địch; xây dựng các căn cứ kháng chiến ở tỉnh cũng như ở cơ sở, bố trí các khu an toàn cho nhân dân tránh địch khủng bố; củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc, tăng cường sự hoạt động của Mặt trận Việt Minh và Liên Việt; tăng cường mọi mặt để ra sức xây dựng hậu phương vững mạnh nhằm huy động sức người, sức của phục vụ cho tiền tuyến. Để hoàn thành những nhiệm vụ trên, cần phải tăng cường công tác xây dựng Đảng, chú trọng nâng cao cả về số lượng và chất lượng trong Đảng; đặc biệt chú ý vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng có vị trí quan trọng.

Ngay từ đầu năm 1947, thực dân Pháp đã nhận thấy rõ vị trí chiến lược quan trọng của Cao Bằng đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta, nên tháng 5/1947, chúng cho máy bay ném bom thị xã Cao Bằng¹. Trước tình hình đó, Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã chuyển mọi hoạt động của tỉnh từ thời bình sang thời chiến và chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng chiến đấu.

Để kịp thời chỉ đạo mọi công việc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, tháng 01/1947, tỉnh Cao Bằng đã thành lập Ủy ban bảo vệ, do đồng chí Bùi Bảo Vân, Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch. Ngày 07/02/1947, Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh ra lời kêu gọi “Tăng gia sản xuất để phục vụ kháng chiến”. Lời kêu gọi nêu rõ: “Giữa lúc mà Tổ quốc đang lâm nguy, bổn phận của mỗi người công dân là phải nỗ lực làm việc, tăng

1. Trước đó, tháng 3/1947, một phụ nữ Mỹ tên là Carôlin Cômây cùng với một phiên dịch từ Trung Quốc đến Cao Bằng mang danh nghĩa là phóng viên, thực chất là để dò la căn cứ địa Việt Bắc. Sau đó, máy bay Pháp lên do thám, rải truyền đơn xuống thị xã và một số vùng khác.

gia sản xuất để góp một phần xương máu vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược”.

Nhằm tăng cường bộ máy chỉ đạo kháng chiến, tháng 3/1947, tỉnh chính thức thành lập Ủy ban kháng chiến thay thế Ủy ban bảo vệ do đồng chí Dương Công Hoạt làm Chủ tịch. Tháng 10/1947, Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến sáp nhập thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính tỉnh¹ do đồng chí Đoàn Nguyên Nhật (Hong Kỳ) làm Chủ tịch, chuyển toàn bộ hoạt động của chính quyền vào công việc chuẩn bị và tiến hành kháng chiến. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cũng được củng cố, đồng chí Lê Thành được Trung ương Đảng chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Khắc làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ngày 15/4/1947, Tỉnh đội bộ dân quân được thành lập để chỉ đạo lực lượng vũ trang trong tỉnh. Ở cấp huyện có huyện đội bộ dân quân. Ở cấp xã có ban chỉ huy xã đội. Trung đoàn chủ lực của tỉnh được kiện toàn, bổ sung thêm quân số. Tháng 10/1947, tại Pác Bó, Nà Phja, xã Dân Chủ (huyện Hòa An) đã thành lập tiểu đoàn cơ động tập trung mang phiên hiệu Tiểu đoàn 73 của tỉnh. Tiểu đoàn này được lựa chọn từ những đơn vị đã có từ trước, vừa là đơn vị chủ lực cơ động, vừa là đơn vị dự bị cho việc phát triển thành đơn vị chủ lực lớn hơn sau này. Năm đại đội độc lập cũng được nhanh chóng xây dựng tại các huyện Hòa An, Nguyên Bình, Thạch An, Trấn Biên, Quảng Uyên. Đây là lực lượng nòng cốt cho phong trào chiến tranh du kích ở các địa phương bị địch tạm chiếm. Bộ máy chỉ huy cũng nhanh

1. Ngày 01/10/1947, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 91/SL ở cấp tỉnh trở xuống hợp nhất Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến thành lập Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính, đến tháng 3/1948, đổi thành Ủy ban kháng chiến hành chính.

chóng được kiện toàn; vũ khí được bổ sung từ nguồn lấy được của địch, sửa chữa súng hỏng và mua sắm thêm súng, song chủ yếu vẫn là dao găm, mã tấu, súng kíp... Lực lượng vũ trang của tỉnh thực sự là lực lượng vũ trang từ nhân dân mà ra, tồn tại và trưởng thành trong nhân dân, vì nhân dân phục vụ. Nguồn gốc ra đời và mục đích đó đã làm cho lực lượng vũ trang nhanh chóng trưởng thành, vượt qua mọi khó khăn, có sức mạnh và có khả năng chiến thắng kẻ thù.

Để nâng cao chất lượng chiến đấu, công tác xây dựng Đảng trong lực lượng vũ trang, giáo dục tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần dũng cảm trong chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ trong bất cứ hoàn cảnh nào, là một trong những công tác được tiến hành thường xuyên.

Bên cạnh việc xây dựng, củng cố các cơ quan để tổ chức, chỉ đạo và tiến hành kháng chiến, Đảng bộ luôn tăng cường, củng cố khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc trong tỉnh. Làm cho mọi người nhận thức rõ mục đích của cuộc kháng chiến và trách nhiệm của mình trong cuộc kháng chiến, ra sức làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Việt Bắc trước kia là căn cứ của cách mệnh, đã nổi tiếng khắp cả nước, khắp thế giới. Thì ngày nay, Việt Bắc phải thành căn cứ của kháng chiến, để giữ lấy cái địa vị và cái danh giá vẻ vang của mình. Cách mệnh đã do Việt Bắc mà thành công, thì kháng chiến sẽ do Việt Bắc mà thắng lợi”¹.

Nhận thức sâu sắc trách nhiệm to lớn của Đảng bộ trong cuộc chiến tranh cách mạng này, trong quá trình củng cố, kiện toàn bộ máy kháng chiến, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đặc biệt quan tâm đến chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.239.

thường xuyên chăm lo làm cho Đảng bộ ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho năng lực tổ chức, lãnh đạo và chiến đấu của cán bộ, đảng viên ngày một nâng cao. Đảng bộ đã lấy thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho các đồng chí đảng viên ở Bắc Bộ và Trung Bộ làm tài liệu tu dưỡng đạo đức tư tưởng và tác phong cho cán bộ, đảng viên để thực hiện gương mẫu về đạo đức, thống nhất về tư tưởng và hành động. Việc phát triển Đảng được chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Đặc biệt chú ý xây dựng cơ sở đảng ở những vùng dân tộc thiểu số, những nơi có vị trí chiến lược quan trọng. Đối với phát triển đảng viên người dân tộc thiểu số, Đảng bộ đặc biệt quan tâm chăm lo nâng cao trình độ văn hóa, trình độ nhận thức về cách mạng, đưa những cán bộ, đảng viên có kinh nghiệm, thông hiểu địa bàn xuống để trực tiếp chỉ đạo và bồi dưỡng nâng cao dần năng lực cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ sở.

Nhận thức sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc trường kỳ kháng chiến này tức là đưa cuộc cách mạng dân tộc đến trình độ cao, Tỉnh ủy còn đề ra những nguyên tắc hoạt động thời chiến, mối quan hệ từ xã đến huyện, đến tỉnh, làm cho việc chỉ đạo chiến tranh sớm đi vào nền nếp, nhanh chóng tháo gỡ những khó khăn, lúng túng ban đầu.

Trên mặt trận kinh tế, Đảng bộ và chính quyền các cấp ra sức xây dựng nền kinh tế kháng chiến, “vừa kháng chiến vừa kiến quốc”, thực hiện kinh tế tự túc: đủ ăn, đủ vũ khí để đánh giặc. Ngoài việc tiêu thổ để kháng chiến, tổ chức cho nhân dân tản cư đến nơi an toàn, các cấp bộ đảng, chính quyền bằng mọi cách duy trì sản xuất, không để sản xuất đình đốn vì chiến tranh. Tuy nhiên, lúc đó, do nhận thức chưa đầy đủ chủ trương phá hoại để kháng chiến, chưa có kinh nghiệm cho nên có nơi, có lúc phá tràn lan, không có

trọng điểm, ít có hại cho địch mà phần nào còn ảnh hưởng đến cuộc kháng chiến của ta. Phong trào thi đua tăng gia sản xuất trong tỉnh được mọi tầng lớp nhân dân tham gia sôi nổi, rộng khắp. Toàn dân tăng gia sản xuất đã góp phần thiết thực nâng cao tiềm lực kinh tế kháng chiến.

Vấn đề bảo vệ sản xuất trong kháng chiến được Đảng bộ đặt thành một trong những nhiệm vụ quan trọng. Nhân dân ta vừa chống thiên tai, vừa chống địch họa. Giặc đánh ta về kinh tế, ra sức phá hoại mùa màng, cướp thóc lúa, nông cụ, bắt, giết trâu, bò. Bộ đội, dân quân, du kích đã tổ chức đánh địch để nhân dân sản xuất và nhanh chóng thu hoạch mùa màng, cất giấu thóc, gạo. Những nơi gần địch, nhân dân đã gặt vào ban đêm. Những ngành nghề thủ công truyền thống được khôi phục dần, góp phần vào phục vụ cho cuộc kháng chiến như nghề dệt vải, dệt thổ cẩm, làm giấy, thuộc da...

Trên mặt trận văn hóa: phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ sôi nổi ở khắp các bản làng. Những nơi đã thanh toán được nạn mù chữ thì mở những lớp nâng cao trình độ cho cán bộ và nhân dân lao động.

Thắng lợi bước đầu trong công cuộc đấu tranh giữ vững chính quyền và chuẩn bị kháng chiến đã chứng tỏ: đứng trước mọi khó khăn, thử thách, nhân dân đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, kiên quyết đấu tranh và tin tưởng vào thắng lợi thì khó khăn nào cũng vượt qua được.

Việc giữ vững chính quyền cách mạng có ý nghĩa sâu sắc, bảo đảm cho nhân dân toàn tỉnh cùng với nhân dân cả nước vững bước đi vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, không bao giờ chấp nhận trở lại kiếp sống nô lệ dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Thực tế lịch sử đó đã chứng minh, Cao Bằng là một tỉnh miền núi, giáp biên giới,

có nhiều khó khăn về kinh tế, phức tạp về tình hình chính trị - xã hội, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, trực tiếp là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, vẫn có đủ khả năng giành và giữ vững chính quyền, đưa cách mạng tiến lên, góp phần làm phong phú thêm kho tàng kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng. Điểm nổi bật là Đảng bộ đã dựa chắc vào nhân dân, xây dựng khối đoàn kết, nhất trí giữa các dân tộc từ vùng cao đến vùng thấp để giải quyết mọi khó khăn, tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần chống thù trong giặc ngoài. Kinh nghiệm lịch sử này có ý nghĩa to lớn với sự nghiệp lãnh đạo cách mạng của Đảng bộ.

Trên cơ sở dựa chắc vào sức mạnh của toàn dân, Đảng bộ đã vận dụng sáng tạo chủ trương *Kháng chiến kiến quốc*, sách lược tạm thời hòa hoãn với kẻ thù và các chủ trương khác của Trung ương Đảng, của Khu ủy¹ vào từng hoàn cảnh cụ thể ở Cao Bằng. Đảng bộ luôn nhận thức rõ vấn đề quyết định là cách mạng phải có thực lực và phải ra sức xây dựng thực lực. Đó cũng là một kinh nghiệm thành công trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Đảng bộ.

Khi vượt biên giới kéo vào Cao Bằng, quân Tưởng Giới Thạch câu kết với phỉ và phản động địa phương âm mưu nhanh chóng lật đổ chính quyền cách mạng, nhưng chúng không thực hiện được, vì chính quyền cách mạng được nhân dân ủng hộ và bảo vệ, do đó có sức mạnh, có đủ năng lực

1. Đến cuối tháng 11/1946, khi thực dân Pháp đẩy mạnh khiêu khích và đánh chiếm Hải Phòng, Chính phủ ta quyết định chia cả nước thành 12 chiến khu. Mỗi chiến khu có Khu ủy, Ủy ban kháng chiến và Bộ Chỉ huy Khu. Thời kỳ này, Cao Bằng thuộc Chiến khu 1 (gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phúc Yên).

quản lý, tổ chức và lãnh đạo nhân dân tiếp tục đưa cách mạng tiến lên. Để xây dựng được khối đoàn kết toàn dân, tranh thủ được tầng lớp trên, lôi kéo được những người lầm đường theo giặc, theo sự chỉ dẫn của Trung ương, ta đã để một số người trong tầng lớp trên tham gia vào chính quyền cách mạng. Đấu tranh, thuyết phục, kiên trì giáo dục những người làm tay sai cho địch, nhưng vẫn bảo đảm nguyên tắc là không được làm yếu hoặc bỏ rơi quyền lãnh đạo của Đảng, quyền làm chủ của nhân dân lao động; tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân, nắm vững công cụ bạo lực của cách mạng. Nhận thức và vận dụng vào thực tế là một quá trình đấu tranh, nghiên cứu và thống nhất của Đảng bộ. Nhờ đó, chính quyền cách mạng từng bước vượt qua được những khó khăn, thử thách ban đầu.

Một mặt, triệt để tranh thủ khả năng hòa bình, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh ra sức tranh thủ thời gian xây dựng thực lực cách mạng. Nâng cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu, bản chất và mọi thủ đoạn của kẻ thù, chủ động đối phó với mọi hành động chiến tranh của chúng, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến toàn quốc, thực hiện điều mong muốn của Khu ủy: “Tổ quốc và Đoàn thể đòi hỏi một sự hy sinh lớn lao ở các đồng chí. Tình thế rất là nghiêm trọng, sự thắng bại giữa ta và Pháp phần lớn quyết định ở chiến khu Việt Bắc này”. Trong hơn hai năm đầu sau khi cách mạng thành công, Đảng ta đã lớn mạnh hơn và tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh củng cố và giữ vững chính quyền, chuẩn bị thực lực cho cuộc kháng chiến (từ tháng 8/1945 đến tháng 10/1947), đó là kết quả của sự vận dụng sáng tạo đường lối của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, của trí tuệ và sức mạnh của

tập thể Đảng bộ, của nhân dân các dân tộc, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cuộc cách mạng. Giành chính quyền về tay nhân dân lao động đã là một công việc khó khăn, nhưng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã tiến hành một công việc khó hơn là giữ vững chính quyền cách mạng trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc chiến đấu mới vì độc lập dân tộc.

Cuộc kháng chiến của nhân dân cả nước bùng nổ khi những khả năng đàm phán hòa bình với thực dân Pháp không còn nữa. Cố tình gây chiến tranh xâm lược một lần nữa, thực dân Pháp đã buộc nhân dân ta phải đứng dậy cầm súng bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc vừa mới giành được. Sau khi đánh chiếm thành phố Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn, Chính phủ Pháp gạt bỏ mọi khả năng thương lượng và lao sâu vào con đường xâm lược bằng vũ lực.

Thực dân Pháp đã dồn nhân dân ta đến con đường cùng, buộc nhân dân cả nước phải cầm vũ khí đứng dậy bảo vệ lấy chủ quyền của dân tộc. Việc chúng quay trở lại xâm lược Việt Nam không phải là điều bất ngờ đối với Đảng ta. Ngay khi cuộc chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra, Đảng đã nhận định, việc quân Đồng minh (Anh, Mỹ, Tưởng Giới Thạch) tiến vào nước ta là không thể tránh khỏi. Hội nghị toàn quốc của Đảng tháng 8/1945, khi quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, đã chỉ rõ: “Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương”¹. Cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là không tránh khỏi. Xuất phát từ nhận định đó, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.424.*

đã có chủ trương và biện pháp chuẩn bị kháng chiến. Đối với Cao Bằng, 26 tháng tương đối hòa bình là thời gian chuẩn bị về mọi mặt cho cuộc kháng chiến, củng cố chính quyền nhân dân, mở rộng và củng cố mặt trận, ổn định đời sống kinh tế, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị về tư tưởng trong Đảng bộ và trong nhân dân.

Những ngày đầu của cuộc kháng chiến, thế trận chiến tranh nhân dân đã được hình thành nhanh chóng. Mọi người đều tham gia đánh giặc trên từng vị trí của mình. Nhân dân các dân tộc ra sức thi đua tăng gia sản xuất, xây dựng hậu phương, giúp đỡ bộ đội, du kích đánh giặc, bảo đảm việc nhà cho chồng, con, em mình yên tâm đánh giặc. Nhiều cụ già, bà mẹ và các em thiếu nhi đã tham gia tích cực vào công việc phá hoại để kháng chiến. Nhiều ngôi nhà lớn, thành quả lao động có được trong gian lao, vất vả của cả cuộc đời, đồng bào sẵn sàng đập phá để góp phần vào công cuộc kháng chiến. Ngày 10/8/1947, các cụ phụ lão ở huyện Hạ Lang đã họp hội nghị để bàn bạc các công việc kháng chiến. Hội nghị hô hào, vận động nam nữ thanh niên xung phong gia nhập bộ đội và dân quân, du kích; triệt để tăng gia sản xuất, nêu quyết tâm mỗi người làm thêm “một sào ruộng kháng chiến”. Những “sào ruộng kháng chiến” của các cụ ở Hạ Lang đã góp phần giải quyết những khó khăn về lương thực cho bộ đội, du kích đánh giặc. Hai mươi cụ nhận đem thương binh về nhà nuôi. Ngày 14/8/1947, 135 cụ đại biểu cho các dân tộc trong huyện Quảng Uyên đã họp hội nghị thảo luận các công việc kháng chiến. Hội nghị đã gửi lên Chính phủ bức điện: “Quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng để tranh thủ được độc lập, thống nhất cho nước nhà, ủng hộ Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh”.

Mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người dân các dân tộc Cao Bằng nhanh chóng trở thành một người lính đứng trong thế

trận chiến tranh nhân dân. Nhiều chị em phụ nữ các dân tộc từ trước đến nay ngoài công việc gia đình ít biết đến việc xã hội, nghe lời kêu gọi của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã tham gia vận chuyển đạn dược, lương thực, thực phẩm ra chiến trường, chăm sóc thương, bệnh binh...

Với tinh thần yêu nước và truyền thống cách mạng sâu sắc, Cao Bằng đã hình thành thế trận chiến tranh nhân dân. Cả tỉnh sục sôi không khí chuẩn bị cho kháng chiến, sẵn sàng và quyết tâm đánh trả quân địch trên nhiều hướng, quyết tâm chiến thắng quân địch khi chúng tấn công lên Cao Bằng, biến “Cao Bằng thành mồ chôn của thực dân Pháp”¹.

Âm mưu chiến lược của thực dân Pháp được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ là dùng tiến công quân sự đại quy mô để nhanh chóng kết thúc chiến tranh; đặt lại chế độ thực dân trên toàn bộ nước ta. Theo kế hoạch đó, ngày 07/10/1947, thực dân Pháp tập trung khoảng 12.000 quân tinh nhuệ, được trang bị đầy đủ vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại mở cuộc tiến công lớn vào Việt Bắc - căn cứ địa chính của kháng chiến. Ngày 7 và 8/10/1947, Binh đoàn đổ bộ đường không của thực dân Pháp do Sôvanhắc chỉ huy nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, huyện Chợ Mới, Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn) âm mưu mở những trận tiến công chớp nhoáng, bất ngờ đánh vào sau lưng quân ta, bao vây căn cứ địa Việt Bắc, cơ quan đầu não của Trung ương Đảng và Chính phủ Hồ Chí Minh. Đồng thời, Binh đoàn bộ binh thuộc địa, do Bôphơê chỉ huy từ Lạng Sơn theo quốc lộ 4, hướng lên Cao Bằng, Bắc Kạn bao vây Việt Bắc ở phía đông và phía bắc; Binh đoàn hỗn hợp

1. Lời huấn thị của đồng chí Võ Nguyên Giáp khi lên thăm Cao Bằng ngày 20/3/1947.

bộ binh và lính thủy đánh bộ do Commuynan chỉ huy từ Hà Nội ngược sông Hồng và sông Lô lên Tuyên Quang, Phú Thọ bao vây Việt Bắc ở phía tây.

Các tiểu đoàn nhảy dù dự bị chiến dịch do Phôxây Phơrăngxoa chỉ huy, nằm ở sân bay sẵn sàng đổ bộ tiếp xuống nơi phát hiện có cơ quan đầu não kháng chiến. Đây là cuộc tiến công chiến lược lớn nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, lập chính phủ bù nhìn, loại trừ bộ phận chủ lực ta ra khỏi vòng chiến đấu, kết thúc chiến tranh và đặt lại ách thống trị thực dân lên toàn bộ nước ta. Đánh lên Việt Bắc, thực dân Pháp còn nhằm khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc. Ngay sau khi Binh đoàn của Sôvanhắc nhảy dù xuống Bắc Kạn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhận định: địch cũng sẽ nhảy dù xuống thị xã Cao Bằng, các cơ quan cần nhanh chóng chuyển tài liệu vào an toàn khu. Thị xã sơ tán ngay các cụ già, em nhỏ; dân quân, du kích tiếp tục phá những mục tiêu địch có thể lợi dụng; lực lượng vũ trang của tỉnh và thị xã bố trí đặt súng ở những ngọn đồi cao xung quanh thị xã sẵn sàng chống quân nhảy dù. Nà Cốc và Nà Kẽ (xã Canh Tân và xã Minh Khai, huyện Thạch An) được chọn làm nơi xây dựng an toàn khu của thị xã. Các cơ quan đầu não của tỉnh được chuyển lên xã Hồng Việt, Bình Long (huyện Hoà An); đến đầu năm 1948, chuyển lên xã Lương Can, Đa Thông (huyện Hà Quảng).

Nhảy dù xuống thị xã Cao Bằng và chiếm đóng các vị trí quan trọng trong tỉnh là âm mưu kế hoạch của cuộc tiến công mùa đông của thực dân Pháp. Chúng đã thực hiện kế hoạch đó ở Cao Bằng bằng hai bước: Bước thứ nhất, dùng không quân và bộ binh ồ ạt tiến chiếm các vị trí quan trọng trong tỉnh, đặc biệt là trên trục quốc lộ số 3 và số 4; bước thứ hai,

địch tập trung vào xây dựng một số vị trí chính ở Cao Bằng, xây dựng chính quyền bù nhìn địa phương. Ngày 9/10/1947, thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống đồi Nà Lắc (phía tây thị xã), chiếm mỏm Thiên Văn, bị quân ta chống trả quyết liệt, nên sáng ngày 10/10/1947, chúng mới tiến được vào trung tâm thị xã. Lúc đó, ở thị xã, các cơ quan và dân cư đã sơ tán hết. Chúng lùng sục cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội ta để tiêu diệt; đồng thời liên lạc với các cánh quân ở Lạng Sơn và Bắc Kạn, mở nhiều cuộc càn quét, chiếm các cứ điểm quan trọng ra vùng xung quanh tỉnh. Ngày 12/10/1947, chúng tiến lên xã Đề Thám, huyện Hòa An (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng), đồng thời nhảy dù xuống Đông Khê (Thạch An). Ngày 13/10/1947, cánh quân ở Lạng Sơn tiến lên liên lạc với cánh quân ở Đông Khê; ngày 14/10/1947, chúng tiến vào Nguyên Bình liên lạc với cánh quân từ Bắc Kạn lên; ngày 21/10/1947, chúng tiến vào Mã Phục, xã Quốc Toản, huyện Quảng Uyên (nay thuộc huyện Quảng Hòa) và phố Trà Lĩnh, huyện Trấn Biên (nay thuộc huyện Trùng Khánh), bị dân quân, du kích liên tục chặn đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Ngày 28/10/1947, cánh quân của chúng từ xã Đề Thám tiến lên Cao Bình, Nước Hai (Hòa An); ngày 27/10/1947, từ Mã Phục tiến vào thị trấn Quảng Uyên. Ngày 31/10/1947, chúng tiến vào Phục Hoà tạo thành tuyến vòng ngoài bảo vệ cho cơ quan chỉ huy của chúng ở thị xã. Cuối năm 1947, địch tập trung vào xây dựng một số vị trí chính ở thị xã, Nước Hai, Sông Mãng, Nguyên Bình, Tĩnh Túc; chú trọng củng cố phòng ngự ở các cứ điểm Nà Bao, Tài Hồ Sìn, Mã Phục, Cạm Ngần, Nặm Nàng, Khau Khoang, Ngườm Kim, Đông Khê...; lập đồn trại, xây thành lũy, đào hầm giao thông. Đồng thời, chúng tăng cường các thủ đoạn chính trị để mua chuộc nhân dân, tổ chức đội ngũ

tay sai, liên lạc với thổ phỉ. Ở Nguyên Bình, địch phát súng cho tay sai, phản động canh gác những cứ điểm chúng chiếm được. Địch chú trọng hoạt động trên quốc lộ số 3 và số 4, đặt thêm nhiều vị trí, xây dựng các tháp canh, lô cốt. Tháng 3/1948, quân số địch ở Cao Bằng tăng thêm 2 đại đội bộ binh, 1 đại đội dù, đưa tổng số quân lên tới trên 3.000 tên, chưa kể số phản động, tay sai, thổ phỉ.

Thực hiện Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chỉ thị của Trung ương Đảng “Phải phá cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp”, làm cho địch thiệt hại nặng nề không gượng lại được sau chiến dịch mùa đông này, đầu tháng 11/1947, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp tại vùng hậu cứ ở xã Hồng Việt (huyện Hòa An) quyết định đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích trong toàn tỉnh, quyết tâm đẩy lùi cuộc tiến công của địch, chủ động đánh địch ở khắp mọi nơi.

Cũng trong tháng 11/1947, từ tỉnh đến các huyện, các xã đã thành lập “Ủy ban mùa đông kháng chiến” nhằm động viên nhân dân góp quần, áo, chăn, màn đem tặng bộ đội trong mùa đông. Với tình cảm và trách nhiệm của hậu phương, chỉ trong thời gian ngắn đã có hàng nghìn mét vải gửi tặng bộ đội ngoài chiến trường. Tình cảm và trách nhiệm của hậu phương đã cổ vũ bộ đội, dân quân, du kích ngoài tiền tuyến hăng hái giết giặc.

Quân và dân Cao Bằng đã chuẩn bị kỹ về tinh thần và lực lượng từ trước, nên ngay từ khi quân Pháp vừa đặt chân xuống mảnh đất căn cứ địa của cách mạng, chúng đã gặp phải cuộc chiến đấu anh dũng của quân và dân các dân tộc Cao Bằng. Chiếc máy bay JU-52 chở tên Đại tá Lămbe, Phó tham mưu trưởng quân đội viễn chinh Pháp ở Bắc Đông Dương chỉ huy trận nhảy dù đã bị khẩu đội súng thượng liên của Trung đoàn 24 bố trí trên đồi Thiên Văn do xạ thủ

Nông Văn Diên¹ bắn rơi ngay khi xuất hiện trên bầu trời thị xã. Xác chiếc máy bay JU-52 rơi xuống làng Pác Cáy, xã Hòa Chung (thị xã). Đại tá Lămbe và 12 sĩ quan tham mưu bị tiêu diệt. Ta thu được toàn bộ bản kế hoạch tấn công Việt Bắc của thực dân Pháp mang mật danh Lêa. Tài liệu đặc biệt quan trọng này đã được chiến sĩ liên lạc Nguyễn Danh Lộc đi bộ liên tục suốt 4 ngày, 3 đêm về đến Định Hóa, Thái Nguyên giao cho Bộ Tổng tham mưu. Nhờ đó, Bộ Tổng chỉ huy của ta có thêm cơ sở vững chắc, hoàn chỉnh phương án đánh địch, quyết phá tan cuộc tiến công lên Việt Bắc của thực dân Pháp.

Thắng lợi mở đầu này có ý nghĩa lớn, cổ vũ tinh thần Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng bước vào cuộc kháng chiến. Ngay đêm 10/10/1947, một đơn vị chiến đấu với sự phối hợp của lực lượng du kích thị xã, đơn vị cảnh vệ và công an xung phong vũ trang ở km 5, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Đoàn Nguyên Nhật (Hong Kỳ), Chủ tịch Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính tỉnh, tranh thủ lúc địch chưa kịp bố phòng, đột nhập vào thị xã, nhưng do chưa có kinh nghiệm tác chiến trong đô thị nên không thu được kết quả lớn. Cánh quân địch từ Thất Khê lên, vừa đến địa phận Cao Bằng đã bị quân và dân ta chặn đánh tại Bông Lau, Lũng Phây, Lũng Mươi gây cho chúng nhiều thiệt hại. Nắm vững phương châm chiến

1. Xạ thủ 12 ly 7 Nông Văn Diên, người dân tộc Tày, Cao Bằng, là chiến sĩ thuộc Đại đội trợ chiến phòng không 375 thuộc Trung đoàn 24 Cao Bằng. Với chiến công này, Nông Văn Diên được Bác Hồ tặng một chiếc áo lụa màu mỡ gà, có thêu chữ vàng trên ngực áo “Kính dâng Bác Hồ Chí Minh” do đồng bào Nam Định gửi biếu Bác. Sau này, anh Nông Văn Diên về hưu với cấp bậc đại úy và chiếc áo lụa đó được trưng bày tại Bảo tàng Quân đội.

lực của Trung ương Đảng “bảo toàn và phát triển chủ lực kháng chiến lâu dài”, nhiệm vụ tác chiến lúc này được Tỉnh ủy chỉ rõ là dùng chiến thuật phục kích và tập kích, đặc biệt lợi dụng địa hình rừng núi hiểm trở nhằm tiêu hao sinh lực địch và ngăn chặn các cuộc hành quân càn quét của chúng để bảo vệ cơ quan kháng chiến, bảo vệ nhân dân.

Thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến: “Thực hiện tốt công tác phá hoại sẽ ngăn trở việc tiếp tế, thông tin liên lạc của địch, đồng thời khiến chúng không thể tận dụng vật liệu của ta để chống lại kháng chiến. Đường sá, cầu cống, xe, tàu lợi cho địch thì ta phá. Tất cả những cái gì giúp cho địch nhìn thấy sáng, nghe thấy xa, nói được xa cũng phá. Những kho lương thực, quần áo, đạn dược, đầu máy, xe cộ của địch nhất định phải đốt nếu ta không chiếm được để dùng. Hy sinh ít người mà phá được một kho đạn là lợi được muôn vàn, cứu được muôn người”¹. Quán triệt quan điểm tư tưởng và yêu cầu trên của Trung ương Đảng, rút kinh nghiệm việc tổ chức phá hoại trước đây, Tỉnh ủy đã có kế hoạch phá hoại, tổ chức lực lượng phá hoại ở các địa phương, xác định rõ mục tiêu và mức độ phá hoại. Trước hết, là phá hoại quốc lộ số 3, số 4 để gây trở ngại cho việc hành quân và tiếp tế của địch. Những làng ven đường giao thông cũng phải triệt để phá hoại làm cho địch không có chỗ dừng chân. Để công tác phá hoại đạt kết quả, kịp thời phục vụ cho kháng chiến, Tỉnh ủy chú ý làm cho mọi người nhận thức rõ ý nghĩa của công tác phá hoại và đặc biệt là lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Phá hoại để kháng chiến”, “Một nhát cuốc của đồng bào, cũng như một viên đạn của chiến sĩ

1. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Văn kiện Đảng*, Hà Nội, 1978, t.1, tr.290-291.

bắn vào quân địch vậy”¹, phá hoại để góp phần đánh thắng quân xâm lược. Kháng chiến thắng lợi “sẽ làm những đường sá, cầu cống khéo hơn, những nhà cửa tốt hơn, và xứng đáng một dân tộc tự do độc lập hơn”². Tỉnh ủy chủ trương và chỉ đạo thành lập 3 đội phá hoại trên 3 trục đường chính gồm: Cao Bằng - Đông Khê, Cao Bằng - Ngân Sơn, Cao Bằng - Nguyên Bình. Từ tháng 4/1947 đến tháng 6/1948, ta đã phá được 67 cầu cống, đào được 7.805 hố cắt ngang đường, phá được 2.513 m đường ở các khu vực xung yếu thành những vực thẳm, dựng chướng ngại vật trên quãng đường 4.920 m (chủ yếu là chặt cây to ngang đường).

Trong vòng hơn hai tháng cuối năm 1947, ta đánh nhiều trận phục kích tiêu hao sinh lực địch, nhất là trên các trục đường giao thông. Có những trận tiêu diệt lớn như trận Lũng Mươi, Khuổi Ngọa, Nà Vài, Bản Lũng (trên đường Đông Khê đi Cao Bằng). Ngày 04/3/1948, quân ta tập kích vào đồn Khau Lừa (Bế Triều) và Nước Hai (Hòa An), Bó Ca (Nguyên Bình)... Dân quân, du kích ở Quảng Uyên, Phục Hòa... đã phối hợp với bộ đội đánh lui nhiều đợt càn quét lấn chiếm của địch gây cho chúng nhiều tổn thất. Dân quân, du kích ở Đông Khê đã cùng bộ đội đánh nhiều trận có kết quả lớn trên quốc lộ số 3 và số 4, biến những con đường này thành cái mà giặc Pháp gọi là “con đường máu” của chúng. Những vị trí của địch ở Mã Phục (Quảng Uyên), Nước Hai (Hòa An), Nguyên Bình... luôn bị dân quân, du kích quấy rối, tiêu hao sinh lực, làm cho chúng hoang mang, giảm sút tinh thần.

Từ khi địch nhảy dù xuống thị xã Cao Bằng, từ ngày 09/10/1947 đến tháng 4/1948, quân và dân ta đã tiêu diệt

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.35.

1.257 tên địch, trong đó có nhiều sĩ quan cao cấp, làm bị thương 130 tên, phá huỷ 29 xe ô tô, thu nhiều vũ khí, đạn dược và quân trang, quân dụng khác.

Những trận đánh mở màn giành thắng lợi có ý nghĩa to lớn, chứng tỏ chủ trương chỉ đạo tác chiến của Tỉnh ủy là đúng đắn, kịp thời, trình độ đánh giặc của bộ đội và dân quân, du kích ở địa bàn miền núi được nâng lên, sự phối hợp tác chiến giữa bộ đội và dân quân, du kích rất nhịp nhàng.

Quân và dân toàn tỉnh cùng với quân và dân cả nước đập tan cuộc tiến công chiến lược Thu Đông năm 1947 của thực dân Pháp. Âm mưu chiến lược của thực dân Pháp định dùng một cuộc tiến công đại quy mô để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, đặt lại chế độ thực dân lên đất nước ta đã bị đập tan.

Đánh giá thắng lợi Chiến dịch Việt Bắc, Hội nghị mở rộng của Trung ương Đảng tháng 01/1948 đã nhận định: “Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc và chiến tranh nổi mạnh ở miền Nam đã gây thêm tinh thần nỗ lực phấn khởi trong toàn dân, tăng thêm tin tưởng ở tiền đồ kháng chiến vẻ vang của dân tộc. Nó chứng tỏ Việt Nam nước nhỏ, không có cựa cứ địa chắc chắn, biên giới có thể bị bao vây, vũ khí kém, nhưng với sự đoàn kết và cố gắng của toàn dân, dưới chế độ dân chủ cộng hoà, dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Hồ Chí Minh và của Hội, vẫn có thể kháng chiến thắng lợi”¹.

Thắng lợi lớn có ý nghĩa lịch sử này lại diễn ra trên mảnh đất Cao Bằng, nơi căn cứ địa cũ của cách mạng cả nước. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã phối hợp chặt chẽ, đem hết tinh thần và sức lực dồn vào cuộc phản công

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.9, tr.20-21. Chữ Hội từ năm 1945 đến năm 1950 là chỉ Đảng Cộng sản Đông Dương trong thời kỳ rút vào bí mật.

chiến lược, góp phần làm cho địch thiệt hại nặng nề. Đây là cuộc thử sức đầu tiên giành thắng lợi lớn, đánh bại chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp, tạo ra tiền đề cho những thắng lợi lớn hơn tiếp theo. Căn cứ địa được giữ vững, cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến được bảo vệ an toàn, quân và dân toàn tỉnh phấn khởi, tăng thêm tin tưởng ở tiền đồ kháng chiến.

So sánh tương quan lực lượng trên chiến trường Cao Bằng vào đầu năm 1948, thì địch còn mạnh hơn, có trang bị vũ khí và các phương tiện chiến tranh hiện đại. Nhưng nhược điểm của chúng là chưa quen chiến trường miền núi, hậu cần xa, chiến lược lại chủ quan, phiêu lưu, mạo hiểm. Trước tình hình đó, chủ trương quân sự của ta là phát triển mạnh chiến tranh du kích, đánh những trận phục kích, tập kích nhằm ngăn chặn bước tiến, tiêu hao sinh lực địch, làm giảm sút ý chí chiến đấu của binh lính địch, vừa đánh cản bước tiến của địch, vừa phá hoại để kháng chiến, đặc biệt là phá hoại các đường giao thông quan trọng hạn chế việc tiếp tế của địch. Phối hợp giữa quân sự với vũ trang tuyên truyền, đặc biệt là các huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình, Phục Hòa, Trán Biên... đánh phá, ngăn chặn sự liên lạc của địch với thổ phỉ. Đó là một chủ trương kịp thời, đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế trên chiến trường của Cao Bằng.

Để củng cố, tăng cường sự chỉ đạo của Đảng trước yêu cầu phát triển của cuộc kháng chiến, ngày 29/5/1948, Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ II đã khai mạc tại Bản Ruồm, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng. Tham dự Đại hội có 135 đại biểu đại diện cho 2.082 đảng viên trong 147 chi bộ của Đảng bộ. Đại hội kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ trên các mặt trong cuộc kháng chiến; đề ra những chủ trương, biện pháp mới để đưa cuộc kháng chiến tiến lên

giành những thắng lợi lớn hơn. Báo cáo chính trị trình bày trước Đại hội đã khái quát tình hình chung của cuộc kháng chiến toàn quốc và những thắng lợi bước đầu của quân và dân các dân tộc Cao Bằng trong những ngày đầu kháng chiến. Báo cáo chỉ rõ: Do Đảng bộ được chuẩn bị kỹ về tư tưởng và tổ chức, quân và dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã giành được nhiều thắng lợi ngay từ những ngày đầu kháng chiến. Đối với một đội quân mới được xây dựng, trang bị còn nhiều thiếu thốn, nhân dân các dân tộc tuy có tinh thần anh dũng, kiên cường nhưng chưa có cơ sở vật chất - kỹ thuật thì những thắng lợi này hết sức lớn lao. Thắng lợi bước đầu này chẳng những có ý nghĩa tiêu hao sinh lực địch mà còn góp phần cùng quân và dân cả nước đập tan âm mưu chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp. Quân và dân ta đã vượt qua những thử thách ban đầu, trưởng thành lên một bước về kỹ thuật và chiến thuật đánh giặc. Qua chiến đấu, biết được chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, tìm ra được cách đánh thích hợp; biết được chỗ mạnh, chỗ yếu của mình để khắc phục.

Mặt trận kinh tế - văn hóa của tỉnh đã nhanh chóng thích ứng với hoàn cảnh chiến tranh, phục vụ kịp thời cho công cuộc kháng chiến, góp phần to lớn vào thắng lợi trên mặt trận quân sự. Về công tác xây dựng Đảng, Báo cáo chính trị chỉ rõ: cơ sở đảng được củng cố ngày một vững chắc từ chi bộ các cơ quan, xí nghiệp đến các chi bộ xã. Đảng viên phát triển nhanh ở các vùng địch tạm thời kiểm soát, các xã vùng biên giới, dọc đường giao thông quan trọng, vào các dân tộc thiểu số. So với năm 1947, năm 1948, số đảng viên tăng 849 đồng chí. Nhiều huyện, cơ sở đảng đã có ở hầu hết các xã. Ở huyện Quảng Uyên, có 14/15 xã đã có chi bộ đảng. Xã Quy Thuận, huyện Phục Hoà nằm sát biên giới, xung quanh là cứ

điểm địch và sào huyệt của thổ phỉ nhưng vẫn xây dựng được chi bộ đảng. Các huyện Trấn Biên, Bảo Lạc, Hạ Lang, Hà Quảng, Thạch An, Hòa An đều xây dựng được chi bộ ở hầu hết các xã. Trong lực lượng vũ trang, số lượng đảng viên tăng 4 đồng chí.

Tuy nhiên, trong Đảng bộ có lúc, có nơi còn bộc lộ những nhược điểm như bệnh hẹp hòi trong việc phát triển Đảng. Số chi bộ chủ động được công tác mới chiếm 34% trong tổng số chi bộ toàn tỉnh. Trình độ học vấn trong đảng viên còn thấp nên có ảnh hưởng đến việc tiếp thu những chủ trương, chính sách của Đảng, đến việc nhận định, đánh giá tình hình, theo dõi bước chuyển biến của cách mạng để có phương pháp cách mạng thích hợp.

Đại hội Đảng bộ tỉnh đã nêu ra và giải quyết những việc cụ thể trên các mặt công tác nhằm đẩy nhanh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới, gồm 12 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã bầu đồng chí Bùi Bảo Vân làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Khắc làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Đoàn Nguyên Nhật (Hong Kỳ) làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh. Tiến hành giữa lúc cuộc kháng chiến của nhân dân các dân tộc trong tỉnh giành được những thắng lợi bước đầu, Đại hội đã bổ sung, cụ thể hóa những chủ trương, biện pháp để đưa cuộc kháng chiến tiến lên trong hoàn cảnh lịch sử mới.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội, để khắc phục những khuyết điểm trên, sau Đại hội, Tỉnh ủy đã mở những lớp bồi dưỡng bí thư chi bộ, lớp huyện ủy viên và mở những lớp văn hóa cho cán bộ, đảng viên. Những nơi không có điều kiện học ban ngày thì học vào ban đêm. Tháng 8/1948, Tỉnh ủy mở Hội nghị cán bộ người dân tộc Mông, Dao, Nùng, những cán

bộ hoạt động trong vùng dân tộc thiểu số và những làng gần biên giới nhằm chọn lọc những đồng chí có năng lực đưa về tỉnh huấn luyện. Tháng 11/1948, Tỉnh ủy quyết định ra tờ nội san *Tranh đấu* làm tài liệu tuyên truyền, học tập trong Đảng, giới thiệu đường lối vũ trang của Đảng và phong trào cách mạng của quần chúng. Bên cạnh đó, còn có tờ báo *Việt Nam độc lập*, cơ quan ngôn luận của Tỉnh bộ Việt Minh một tháng ra 3 kỳ¹. Báo phản ánh kịp thời diễn biến của cuộc kháng chiến. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc đã chăm chú theo dõi và hết lòng ủng hộ mọi mặt cho báo. Một vinh dự lớn cho báo *Việt Nam độc lập* là được Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm hướng dẫn. Trong thư gửi cho báo, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong cuộc trường kỳ kháng chiến, công việc tuyên truyền rất có ý nghĩa, không những ta đánh địch bằng quân sự, kinh tế mà còn đánh bằng chính trị tức là phải tuyên truyền thật rộng rãi. Cách tuyên truyền hiệu quả hơn tức là dùng báo. Vậy nên các đồng chí hãy hết sức chú ý tới tờ báo”. Chẳng những Chủ tịch Hồ Chí Minh chăm lo hướng dẫn cho báo, mà Người còn dành thời giờ viết bài cho báo. Số báo 287 ra ngày 01/10/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết lời tựa cho bài

1. Ban đầu báo *Việt Nam độc lập* là cơ quan tuyên truyền của Tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng, sau là cơ quan tuyên truyền của Liên tỉnh hội Việt Minh Cao Bằng - Bắc Kạn (từ số 29 đến số 86, trên báo ghi là 129 và 186), và là cơ quan của Liên bộ Việt Minh Cao - Bắc - Lạng (từ số 87 đến số 125; trên báo ghi là 187 và 225); và từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, báo tiếp tục xuất bản, là cơ quan ngôn luận của ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng một thời gian rồi trở lại là của tỉnh Cao Bằng; đến tháng 7/1956, thành lập Khu tự trị Việt Bắc, báo *Việt Nam độc lập* được chuyển về Khu, trở thành cơ quan tuyên truyền của Mặt trận Liên Việt Khu tự trị Việt Bắc.

trích quyển *Đời sống mới*¹. Người viết: “Trong lúc kháng chiến cứu quốc, chúng ta phải đồng thời kiến quốc. Thực hành đời sống mới là một điều kiện cần kíp cho công cuộc cứu quốc và kiến quốc. Quyển *Đời sống mới* viết một cách vắn tắt, rõ ràng, thiết thực, dễ hiểu. Đó là một quyển sách nhỏ chỉ rõ bước đường đời sống mới.

Tôi mong rằng, đồng bào mỗi người có một quyển *Đời sống mới* để xem, để hiểu, để thực hiện “Đời sống mới”. Như thế chúng ta nhất định sẽ tiến bộ hơn”.

Để nâng cao chất lượng đảng viên, ngoài học tập trên báo, trên nội san của Đảng, các cơ sở còn tổ chức những lớp học ngắn ngày, nội dung thiết thực như: Nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản sơ giản; tư cách người cách mạng; Điều lệ Đảng. Việc nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ, đảng viên, xây dựng sự vững mạnh của tổ chức cơ sở là một công việc mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên nêu lên hàng đầu. Đó cũng là một trong những bài học được tổng kết từ trong thực tiễn cuộc đấu tranh giành chính quyền.

Ý đồ kết thúc nhanh chóng cuộc chiến tranh xâm lược các nước Đông Dương không thực hiện được, thực dân Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài. Để kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược, chúng phải quay lại “chính sách” cổ truyền mà lâu nay chúng đã dùng trong các cuộc chiến tranh xâm lược: “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “Dùng người Việt đánh người Việt”. Ở Cao Bằng, ngoài việc dùng những biện pháp lừa phỉnh, mua chuộc nhân dân bằng kinh tế, chúng còn dựa vào bọn tay sai lập ra hội tề phản động ở địa phương, liên hệ với phỉ để đánh phá cách mạng. Do đó, ta đánh Pháp, đồng thời

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh là tác giả của quyển sách *Đời sống mới*. Lúc ấy, Người lấy bút danh Tân Sinh.

phải diệt thổ phỉ và các hội tề do chúng lập ra. Ngày 15/9/1948, Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết “tổng quét tề” nhằm mục đích tiêu diệt các hội tề phản động. Đối với bọn tề liên lạc với thực dân Pháp hoặc lừng chùng thì bắt giam và tước hết vũ khí.

Thực hiện Nghị quyết trên, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh ra Mệnh lệnh số 1530-CT/KC, thống nhất hành động vào 20 giờ đêm ngày 05/10/1948, tại các huyện Quảng Uyên, Hòa An, Nguyên Bình, Trán Biên, Phục Hòa đã diệt tại chỗ 17 tên tay sai đắc lực cho thực dân Pháp, bắt 133 tên, giải tán nhiều hội tề khác. Do công tác điều tra chưa kỹ, kế hoạch “tổng quét tề” ở một vài nơi bị lộ, nên kết quả không lớn. Tuy vậy, đợt “tổng quét tề” này đã gây được ảnh hưởng chính trị lớn, làm cho địch hoang mang, nghi ngờ lẫn nhau. Thực dân Pháp mất lòng tin vào bọn tay sai, thu hẹp quyền hạn của những tên còn trốn thoát chưa bị cách mạng trừng trị. Những phần tử lừng chùng còn lại không dám hoạt động, một số chạy sang hàng ngũ cách mạng. Nhân dân ở vùng địch kiểm soát ngày càng nhận thức rõ hơn thái độ kiên quyết của cách mạng đối với kẻ làm tay sai cho giặc và chính sách khoan hồng giáo dục của chính quyền cách mạng, nhiều người đã chạy ra vùng căn cứ kháng chiến. Những làng gần vị trí địch, nhân dân cũng tản cư ra vùng tự do, triệt để thực hiện “vườn không nhà trống” cất giấu thóc, gạo, củ cải, không nộp cho địch. Điều đặc biệt là xóa được quan niệm của dân chúng do kẻ thù tuyên truyền xuyên tạc là nơi nào lập được hội tề thì nơi đó yên ổn làm ăn. Triệt phá các hội tề không những làm cho địch mất chỗ dựa mà còn góp phần chuẩn bị cho Chiến dịch Thu Đông năm 1948.

Dựa trên tinh thần cơ bản những phương hướng và biện pháp lớn nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến trong giai đoạn

mới của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng tháng 01/1948, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ra Chỉ thị đối phó trong Thu Đông năm 1948. Về tình hình hoạt động của địch, trong mùa hè ở Cao Bằng, chúng thực hiện chiến thuật “vết dầu loang” (còn gọi là chiến thuật “tầm thúc”) cố giữ quốc lộ số 4. Từ tháng 5 đến tháng 8/1948, chúng đã mở các cuộc hành quân đánh chiếm các huyện Trấn Biên, Quảng Uyên, Thạch An (Đông Khê), Phục Hoà, Hòa An (Khau Đôn, Cao Bình), tìm cách liên kết với thổ phỉ và phản động bên ngoài, tuyển mộ thêm binh lính, cắt đứt đường ngoại thương của ta với Trung Quốc. Đánh Bảo Lạc nhằm nối liền hành lang Cao Bằng với Hà Giang. Hai vị trí mà chúng cố giữ là thị xã Cao Bằng và thị trấn Đông Khê (Thạch An). Cùng với hoạt động về quân sự, chúng còn thực hiện những thủ đoạn chính trị nhằm gây chia rẽ giữa đồng bào các dân tộc, âm mưu thành lập một vùng “Thổ - Nùng - Mán tự trị” và tiến tới lập “Liên bang Cao - Bắc - Lạng tự trị”. Lập lại những hội tề phản động, nhất là ở những nơi gần vị trí địch, quanh thị xã, huyện lỵ. Để mua chuộc, lôi kéo nhân dân, chúng còn dùng những thủ đoạn kinh tế như thả dù muối, gạo, vải xuống cho nhân dân ở vùng tự do. Có nơi chúng tập trung khủng bố như Hòa An, có nơi chúng lại dùng thủ đoạn mềm mỏng để lôi kéo như Bảo Lạc, Phục Hoà, Quảng Uyên, Trấn Biên. Về kinh tế, chúng ra sức cướp bóc thóc lúa, trâu, bò, lợn, gà của nhân dân để tiếp tục chiến tranh.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực chất tình hình về mọi mặt, nhiệm vụ được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra là: về quân sự, tập trung lực lượng đánh vào những đoàn viện binh và vận tải của địch; đánh mạnh vào hậu phương địch, tiêu diệt những cứ điểm yếu, kịp thời phá những cứ điểm mới bắt đầu xây dựng, tiếp tục tổng quét các hội tề phản động còn lại.

Dân quân, du kích có kế hoạch phối hợp với bộ đội chủ lực đánh những trận lớn. Nhiệm vụ chính là thường xuyên quấy rối tiêu hao sinh lực địch tại những vị trí đóng quân, làm cho địch luôn luôn phải đề phòng mất ăn, mất ngủ, sẵn sàng đánh địch bất cứ lúc nào chúng vào làng. Để nâng cao chất lượng chiến đấu của dân quân, du kích, phải kịp thời củng cố về tổ chức, nhất là các ban chỉ huy ở cấp huyện cũng như các ban chỉ huy xã đội. Các cấp ủy đảng phải lấy công tác xây dựng, củng cố dân quân, du kích, củng cố các ủy ban kháng chiến hành chính huyện và nhất là ở các xã trong vùng địch tạm thời kiểm soát là một trong những công tác chủ yếu của Đảng. Đối với dân quân, du kích làm nhiệm vụ thường trực, phải được trợ cấp bảo đảm đủ ăn, đủ sức khỏe để đánh giặc. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trong Đảng, trong nhân dân, làm cho mọi người thấy rõ bước phát triển và những yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới của cuộc kháng chiến. Công tác tuyên truyền phải kịp thời làm cho chủ trương của Đảng nhanh chóng đến với nhân dân ở những nơi xa xôi, hẻo lánh. Các ban thông tin huyện, xã phải được kiện toàn và có nhiều hình thức tuyên truyền phong phú. Làm tốt công tác tuyên truyền, góp phần tạo nên sự gắn bó thường xuyên giữa nhân dân với cách mạng.

Về mặt kinh tế, Chỉ thị nêu rõ: tiếp tục đẩy mạnh phá hoại kinh tế địch như phá các chợ do địch lập ra, vận động nhân dân không đến họp những chợ do địch mở, kiểm soát bọn buôn lậu. Để bảo đảm cung cấp gạo, muối cho bộ đội và nhân dân, các đội vận tải gạo, muối ở miền xuôi lên được bổ sung, chấn chỉnh. Tuy vậy, việc vận tải gạo, muối ở miền xuôi lên gặp nhiều khó khăn, không đáp ứng được nhu cầu kháng chiến của tỉnh. Cuối năm 1948, Tỉnh ủy chủ trương tự túc lương thực, hậu cần tại chỗ, tiếp tục khai thác các nguồn

hàng từ biên giới. Các trạm ngoại thương được tái lập... Về lương thực, Đảng bộ vận động quần chúng ủng hộ kháng chiến. “Quỹ nghĩa xương” dựa vào sự đóng góp của nhân dân được thành lập ở các huyện, xã; do đó, dân quân, du kích, bộ đội, cán bộ đi đến đâu đều có đủ lương thực hoạt động.

Ủy ban bảo vệ mùa gặt ở các huyện, các xã được thành lập, có kế hoạch tổ chức cho nhân dân giữa làng này với làng khác giúp đỡ lẫn nhau để thu hoạch và cất giấu. Dân quân, du kích phối hợp với bộ đội quấy rối, tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện cho nhân dân thu hoạch. Để phòng địch đi càn quét, các ủy ban bảo vệ mùa gặt đã chỉ đạo khẩn trương thu hoạch nhanh gọn, thu hoạch đến đâu tổ chức cất giấu ngay đến đó. Các huyện đã xây dựng được vùng an toàn để cất giấu thóc và đồ đạc khác của nhân dân.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trên, trong Chỉ thị này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ rõ các cấp bộ đảng phải tích cực gây dựng cơ sở thật rộng rãi và vững chắc trong nhân dân, làm cho mọi người không lo sợ trước kẻ địch nhưng cũng không chủ quan khinh địch, mà tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh bước vào giai đoạn gay go, ác liệt, kẻ địch thất bại sẽ càng hung ác hơn. Chỉ thị còn nhấn mạnh, Cao Bằng là nơi trọng yếu vì tiếp giáp biên thù, cách xa vùng xuôi khi chiến tranh lan rộng có thể bị cắt đứt, phải chủ động. Vì vậy, tất cả mọi công việc phải tiến tới đều do chi bộ xã trực tiếp lãnh đạo giải quyết, phải chú ý đến sản xuất nông nghiệp. Đây là một trong những nhận thức sớm của Tỉnh ủy về vị trí chiến lược của tỉnh, do đó đã có những chuẩn bị trước kịp thời.

Vào những tháng cuối năm 1948, trên chiến trường Cao Bằng diễn ra nhiều trận đánh ác liệt: Dân quân, du kích đã phối hợp với bộ đội đánh nhiều trận đạt kết quả cao ở

Lũng Mươi, Nà Danh, trận diệt đoàn xe từ thị xã đi Đông Khê và nhiều trận du kích đánh độc lập, tiêu biểu như trận của trung đội lão du kích huyện Trùng Khánh chặn đánh trên đèo Khau Liêu. Du kích Quảng Uyên, Phục Hòa đánh lui địch ra khỏi thị trấn của huyện; đánh mạnh các cứ điểm nhỏ và đường giao thông làm cho tiếp tế của địch gián đoạn; phá liên lạc với thổ phỉ. Phối hợp chặt chẽ quân sự với vũ trang tuyên truyền, đặc biệt ở huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình, Phục Hòa và Trấn Biên. Trước sự phát triển nhanh chóng của chiến tranh nhân dân, địch ngày càng mất quyền chủ động, chúng luôn luôn bị động phân tán và bị động tập trung, buộc phải rút bỏ một số đồn, co cụm về giữ những vị trí quan trọng. Hơn một năm bước vào cuộc kháng chiến, cùng với những thắng lợi của cả nước, khí thế cách mạng của quân và dân các dân tộc Cao Bằng ngày càng lên cao, vùng tự do ngày càng được mở rộng. Những nơi địch còn tạm chiếm giữ như thị xã Cao Bằng, thị trấn Đông Khê... đã ở vào thế bị cô lập. Khó khăn lớn nhất của địch là không có hậu cần tại chỗ, nguồn cung cấp chủ yếu lấy từ miền xuôi lên, phương tiện tiếp tế duy nhất là dùng xe cơ giới và máy bay vận chuyển. Chuẩn bị cho Thu Đông năm 1948, địch xây dựng thêm nhiều lô cốt, đồn bốt dọc các trục đường giao thông quan trọng, rải quân để bảo vệ cho những đoàn xe tiếp tế. Để tăng thêm lực lượng chiếm đóng, một mặt chúng tăng cường bắt lính, một mặt tăng thêm lính viễn chinh. Nhưng dù có tăng thêm lực lượng, chúng vẫn rơi vào tình trạng mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung, rải quân ra thì bị tiêu diệt, tập trung quân lại bị mất đất. Đó là mâu thuẫn mà chúng không thể nào khắc phục được.

Nhận thức rõ bước phát triển của cách mạng, những khó khăn, lúng túng của kẻ địch ở từng thời điểm lịch sử, kịp thời có

những chủ trương sát hợp và đúng đắn để đưa cách mạng đi lên là một nét đặc sắc của Đảng bộ trong giai đoạn lịch sử này.

Đầu năm 1949, trước sự lớn mạnh của cách mạng về các mặt, nhất là về mặt quân sự và trước những thắng lợi to lớn của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đang tiến xuống Hoa Nam, để hòng cứu vãn tình thế, thực dân Pháp đã đề ra kế hoạch cấp bách tăng cường phòng thủ Đông Dương, trong đó Bắc Bộ được coi là chiến trường chính, là “vị trí chìa khóa” của kế hoạch phòng thủ. Ngày 13/5/1949, Chính phủ Pháp cử tướng Rove, Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp cùng với 6 nghị sĩ Quốc hội Pháp sang nghiên cứu tình hình Đông Dương. Sau hơn một tháng xem xét, Rove đã trình bày với Chính phủ Pháp một kế hoạch mới mang tên “Kế hoạch Rove”. Nội dung cơ bản của “Kế hoạch Rove” là:

1- Mở rộng phạm vi chiếm đóng ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ, phong tỏa biên giới Việt - Trung.

2- Tăng cường xây dựng quân nguy, dùng quân nguy làm nhiệm vụ chiếm đóng, tập trung quân Âu - Phi xây dựng lực lượng cơ động, càn quét và mở những cuộc tiến công lớn.

3- Củng cố và đề cao nguy quyền làm công cụ tiếp tục thực hiện chính sách “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “Dùng người Việt đánh người Việt”.

Cao Bằng cũng như các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Kạn nằm trong tuyến phòng thủ biên giới, là một mục tiêu chiến lược của “Kế hoạch Rove”. Thực hiện “Kế hoạch Rove”, địch đã đóng quân khắp các huyện Hòa An, Nguyên Bình, Trấn Biên, Phục Hòa, Quảng Uyên, Đông Khê và thị xã Cao Bằng, chú trọng củng cố thị xã và các vị trí dọc đường giao thông quan trọng. Trong toàn tỉnh, địch xây dựng tới 47 vị trí. Thị xã Cao Bằng được coi là bản doanh của cơ quan chỉ huy Khu Bắc (gồm các vị trí thuộc Cao Bằng, Bắc Kạn và Thất Khê),

chúng đã tập trung ở đây một lực lượng khá lớn gồm: 2 tiểu đoàn lính Angiêri, 1 tiểu đoàn Lê dương, 1 tiểu đoàn ngự binh, 2 đội cơ giới, 1 đội pháo binh, 1 đội công binh.

Việc mở rộng chiếm đóng của địch gây cho ta một số khó khăn nhất định, nhưng đồng thời phía địch cũng bộc lộ mâu thuẫn gay gắt giữa phân tán và tập trung lực lượng, giữa quân cơ động và quân chiếm đóng. Tình trạng phân tán đã làm cho địch suy giảm sức tiến công chiến lược và rơi vào trạng thái phòng ngự. Mặt khác, việc Chính phủ Pháp đặt cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương vào khuôn khổ chiến lược của Mỹ tuy có tăng thêm khả năng vật chất để kéo dài chiến tranh xâm lược, nhưng thực dân Pháp phải lệ thuộc vào đế quốc Mỹ, do đó bộc lộ thêm nhiều mâu thuẫn mới. Kịp thời phân tích tình hình, diễn biến trên chiến trường, ngày 23/3/1949, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mở rộng nhằm quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đề ra những chủ trương công tác trong tình hình mới trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa... Chấp hành chủ trương của Đảng, phong trào chiến tranh du kích phát triển ở nhiều nơi, các đội vũ trang tuyên truyền được thành lập ở Nguyên Bình, Trấn Biên, Quảng Uyên, Thạch An, Bảo Lạc, thị xã Cao Bằng và được tung vào các vùng địch để hoạt động, đánh vào các sào huyệt của địch, trừng trị những tên Việt gian, phản động gian ác cam tâm làm tay sai cho giặc. Các đại đội độc lập tiến sâu vào vùng địch tạm chiếm, cùng với cán bộ và nhân dân địa phương, xây dựng cơ sở quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang, mở rộng các căn cứ du kích, tạo nên hình thái chiến tranh cài răng lược giữa ta và địch. Các đơn vị tập trung từng bước đánh những trận phục kích, tập kích, vận động để hỗ trợ cho chiến tranh du kích phát triển. Xuân Hè năm 1949, ta diệt

nhiều vị trí, nguy binh hoang mang bỏ hàng ngũ chạy sang ta ngày một nhiều, làm cho địch phải thay đổi, bố trí lại lực lượng chiếm đóng. Thu Đông năm 1949, ta giành quyền làm chủ trên khắp các mặt trận, nhất là dọc quốc lộ số 4, quân chủ lực cùng bộ đội địa phương, dân quân, du kích hoạt động mạnh. Nhiều trận đánh lớn làm cho địch thiệt hại nặng nề, hoang mang, dao động như trận Lũng Phầy trên quốc lộ số 4, trận Nà Danh trên đường Đông Khê (Thạch An) đi Phục Hòa; các trận Nà Tền, Cạm Ngần, Khuổi Đăm, Bản Pát, phố Trà Lĩnh (Trấn Biên).

Đội võ trang tuyên truyền được thành lập gồm 16 đồng chí tuyển chọn từ tiểu đoàn chủ lực của tỉnh về hoạt động tại thị xã. Đội hoạt động từ đầu tháng 3/1949, trong thời gian 3 tháng đã đánh 6 trận vào trung tâm chỉ huy của địch ở khu Pháo đài, phá Nhà máy đèn, đánh các trạm tiền tiêu của địch ở ngoại vi thị xã như bốt đầu cầu sông Hiến, bốt đầu cầu sông Bằng, chặn đánh các cuộc càn quét của địch vào các xóm bản tại Nà Lắc, Nà Chướng, Nà Gà, Pác Khuổi... làm cho địch thêm hoang mang, lo sợ. Phân tích một cách khách quan chiến trường Cao Bằng và dựa vào những đánh giá chung trên chiến trường toàn quốc của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy nhận định rằng: “Tuy quân Pháp đã rút khỏi Bắc Kạn và nhiều vị trí quan trọng ở Cao Bằng chuyển dần vào thế phòng thủ... nhưng không phải hoàn toàn chúng không còn khả năng phản kích lại ta”. Sau khi địch rút khỏi Bắc Kạn, ở Cao Bằng, địch đã rút 41 vị trí, ta giải phóng hoàn toàn các huyện Phục Hòa, Quảng Uyên, Trấn Biên, Nguyên Bình và huyện lỵ Hòa An, xây dựng được vùng căn cứ trên 2.000 km². Tuyến quốc lộ số 3, từ Cao Bằng đến Bắc Kạn, ta đã làm chủ hoàn toàn, vùng giải phóng Việt Bắc ngày càng được mở rộng. Thời kỳ này, địch co về phòng ngự, thỉnh

thoảng mới có cuộc hành quân đi cướp bóc thóc, gạo của dân chúng ở vùng xung quanh. Đường bộ từ thị xã Cao Bằng đi Đông Khê bị ngừng hẳn việc tiếp tế; địch phải vận chuyển chủ yếu bằng máy bay.

Vào thời điểm này, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đang tiến công xuống miền Nam. Quốc dân Đảng ở Quảng Tây đang trong tình trạng thất bại. Quân đoàn 5 gồm 3 vạn tên của Bạch Sùng Hy, do tên tướng Hoàng Chiến chỉ huy, đã chạy về biên giới Việt - Trung. Đến biên giới Cao Bằng, chúng tìm cách liên lạc với thực dân Pháp. Hai thế lực đế quốc phản động tìm đường câu kết với nhau. Thực dân Pháp muốn nhờ quân Tưởng đánh chiếm hai huyện Trùng Khánh và Hạ Lang; quân Tưởng muốn nhờ thực dân Pháp mượn đất Cao Bằng vùng biên giới làm nơi hậu cứ khi thua trận.

Theo đề nghị của Đảng Cộng sản Trung Quốc, của Bộ Tư lệnh Quân giải phóng Biên khu Việt - Quế và với tinh thần quốc tế vô sản, coi “giúp bạn như tự giúp mình”, ngày 23/4/1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội quốc gia và nhân dân Việt Nam đã ra lệnh phái một lực lượng vũ trang sang giúp bạn xây dựng Khu giải phóng ở vùng Ung - Long - Khâm liên với biên giới nước ta, tạo điều kiện khuếch trương lực lượng, đón đại quân của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc từ Hoa Nam tiến xuống.

Ngày 23/4/1949, Bộ Tổng tư lệnh ra mệnh lệnh “Phối hợp với Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc mở rộng Khu giải phóng Biên khu Việt - Quế” và quyết định giao nhiệm vụ này cho Liên khu I.

Về cấp chiến lược, Thiếu tướng Hoàng Văn Thái, Tổng Tham mưu trưởng trực tiếp chỉ đạo các mũi tiến quân.

- Mũi thứ nhất do Đại tá Lê Quảng Ba làm Tư lệnh từ biên giới tỉnh Quảng Ninh tiến vào dãy núi Thập Vạn Đại Sơn.

- Mũi thứ hai do Đại tá Thanh Phong làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 74 Cao Bằng làm Phó Tư lệnh, có nhiệm vụ vượt biên giới Tà Lùng - Thủy Khẩu ở Cao Bằng, cùng với lực lượng vũ trang Trung Quốc ở khu Tả Giang - Long Châu tiêu diệt một số đồn bốt của quân Tưởng, mở rộng căn cứ, tổ chức lực lượng sẵn sàng phối hợp với mũi tiến công của các đơn vị giải phóng quân từ Hoa Nam đánh xuống.

- Mũi thứ ba là mũi phụ do Trung đoàn phó Hoàng Long Xuyên chỉ huy từ biên giới tỉnh Lạng Sơn vượt qua vùng cửa khẩu Nam Quan (Hữu Nghị quan) đánh sang giải phóng Bằng Tường và hội quân với mũi thứ hai ở Ninh Minh.

Để giữ bí mật đơn vị, quân ta lấy tên là Chi đội 28 Quân giải phóng Khu Tả ngạn; mỗi chiến sĩ được phát một tấm quân hiệu bằng vải màu vàng, chữ đỏ sơn “Trung Quốc nhân dân Giải phóng quân” cài trên ngực áo. Lúc này, quân ta chiến đấu trên chiến trường Trung Quốc với danh nghĩa Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc.

Đêm 04/6/1949, rạng sáng ngày 05/6/1949, bộ đội ta ở hướng Cao Bằng đã hội quân gồm Tiểu đoàn pháo 2 của Bộ Quốc phòng tăng cường, Tiểu đoàn 73 của Trung đoàn 74 Cao Bằng, Tiểu đoàn 35 của Trung đoàn 308. Địa điểm tập trung ở biên giới Tà Lùng, huyện Phục Hòa, đối diện với đồn Thủy Khẩu - Trung Quốc.

Trong lúc chuẩn bị công đồn Thủy Khẩu, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 35 Nông Tôn Vĩnh đã bí mật hành quân cùng Đại đội 164 từ đêm hôm trước tiến sâu vào lòng địch, chiếm núi Độc Sơn để chặn viện binh quân Tưởng từ Long Châu tới và chặn đường rút lui của quân Tưởng từ Thủy Khẩu, La Hối, Hạ Đống về Long Châu.

5 giờ chiều ngày 05/6/1949, quân ta vượt biên giới, đến 11 giờ đêm đã chiếm lĩnh xong trận địa. Sáng hôm sau, quân ta

bắt đầu tấn công đồn Thủy Khẩu bằng những loạt đạn pháo 75 ly. Quân ta chiếm thành, từ thế công đồn chuyển sang truy kích quân địch. Sau hai ngày đêm bị bao vây, toàn bộ quân địch tháo chạy bị ta bắt sống. Giải phóng xong Thủy Khẩu, ngay ngày hôm sau, ta giải phóng La Hôi. Trong cả hai trận chiến đấu này, ta có 16 chiến sĩ hy sinh. Thi hài các liệt sĩ được Bộ Tư lệnh Chiến khu phủ lá cờ đỏ búa liềm và làm lễ mai táng chu đáo. Kho thóc của địch được phát cho dân nghèo, vũ khí thu được ở hai trận này đủ trang bị cho một trung đoàn Giải phóng quân. Giải phóng đến đâu, quân ta đều giao cho đơn vị Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc chiếm giữ, tiến hành lập bộ máy chính quyền mới và làm nhiệm vụ tiếp tế lương thực, thực phẩm, đi dân công tải đạn cho quân ta.

Đại đội 164 đi trước, luồn sâu vào lòng địch, đánh chiếm được núi Độc Sơn trong vòng 30 phút, sau đó đánh chiếm Hạ Đống. Trong trận đánh này có 02 chiến sĩ ta mở đợt phá khẩu đã hy sinh anh dũng. Quân ta giành thắng lợi, một dải đất từ Thủy Khẩu đến La Hôi, Hạ Đống đã trở thành chiến khu giải phóng.

Ở Hạ Đống, ta giúp huấn luyện quân sự cho các đơn vị Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc mới thành lập. Lực lượng trinh sát của ta đi sâu vào lòng địch hàng trăm kilômét đến tận Nam Ninh, Liễu Châu, Quế Lâm, Quảng Châu, Côn Minh để nắm tình hình địch. Trong khi đó, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc ở Hoa Bắc đang vượt sông Trường Giang tiến xuống phía nam.

Sau chiến thắng Độc Sơn, quân Tưởng ở Long Châu hoảng sợ, lo tháo chạy. Có nơi chúng tự phá đồn bỏ chạy từ mấy hôm trước như ấp Trại Thản, Bằng Kiều, Thượng Thạch, Hạ Thạch. Bộ đội ta hành quân một đoạn theo hướng Long Châu rồi bí mật chuyển sang hướng Ninh Minh, còn Long Châu để

lại cho hai trung đoàn Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc tiến lên giải phóng. Đến đây, mục tiêu cuộc chiến đấu của quân ta giúp bạn đã hoàn thành. Bộ đội ta được lệnh rút quân về nước.

Cùng thời gian này, một đại đội du kích của hai xã Lăng Hiếu và Khâm Thành (huyện Trùng Khánh) đã phối hợp với đội vũ trang công tác của Trung Quốc tiến đánh quân Tưởng ở Nhâm Trang, Hương Mã, Hương Lý Lũng nằm sâu trong đất Trung Quốc hơn 20 km. Ta thu được 28 súng trường, 8 súng lục để trang bị cho dân quân Trung Quốc.

Như vậy là, với tinh thần quốc tế vô sản và mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã cử lực lượng cán bộ và các đơn vị quân đội sang giúp Trung Quốc chiến đấu giải phóng Biên khu Việt - Quế; sau đó, cử những cán bộ có kinh nghiệm tiếp tục giúp bạn xây dựng căn cứ địa cách mạng, củng cố vùng giải phóng phía nam Trung Quốc vững chắc.

Thời gian này, tình hình kinh tế của tỉnh Cao Bằng còn nghèo nàn, giặc Pháp càn quét liên miên, đất canh tác bị bỏ hoang ở quanh đồn địch chiếm 20% diện tích, nhưng ta vẫn đảm đương nhiệm vụ nuôi ăn ở và lo những phương tiện sinh hoạt hàng ngày cho Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đang trú quân trên địa bàn của tỉnh ở các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Hòa An¹. Ngoài ra, còn có thêm một tiểu đoàn Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc mới chuyển từ Lạng Sơn đến, chưa kể một đại đội vũ trang công tác của bạn

1. Ở huyện Trùng Khánh có 4 tiểu đoàn. Ở huyện Hạ Lang có một đơn vị đóng tại các xã: Lý Quốc, Thắng Lợi, Cô Ngân, Quang Long. Ở huyện Hòa An có một trung đoàn đóng tại các xã: Hoàng Tung, Hồng Việt, Bình Long.

thường xuyên hoạt động dọc biên giới Việt - Trung. Quân và dân Cao Bằng đã thực hiện đúng chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “tuy ta có khó khăn, nhưng phải chăm lo cho bạn như lo cho bộ đội của mình”.

Giữa lúc cuộc kháng chiến đang trên đà phát triển và giành được thắng lợi, ngày 03/7/1949, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng được triệu tập tại Nà Giàng (xã Phù Ngọc, Hà Quảng) nhằm kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác do Đại hội lần thứ II đề ra và hoạch định một chương trình công tác mới, nhằm đẩy nhanh cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Hơn một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, phong trào thi đua kháng chiến kiến quốc đạt nhiều kết quả; củng cố, giữ vững căn cứ địa kháng chiến, thực hiện tốt nhiệm vụ vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến của cuộc kháng chiến toàn quốc. Đảng bộ tỉnh đã trưởng thành một bước về lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh nhân dân.

Hội nghị đã kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 15 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Bùi Bảo Văn tiếp tục được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Hoàng Đức Thạch (tức Lã) được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Theo dõi tình hình cách mạng Trung Quốc, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã chủ trương chuẩn bị mọi mặt để đối phó với tàn quân Tưởng Giới Thạch tràn qua biên giới, đẩy mạnh mọi mặt hoạt động kháng chiến. Nghị quyết Hội nghị quân dân chính Đảng của tỉnh tháng 11/1949 chỉ rõ: Về quân sự, tập trung quân chủ lực ở địa điểm trung tâm để vận động đối phó kịp thời khi tàn quân Tưởng tràn vào. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương phối hợp chặt chẽ với dân quân, du kích để ngăn cản bước tiến và tiêu diệt địch. Tác chiến đi đôi với địch vận. Về kinh tế, động viên nhân dân triệt để thực hiện “vườn

không, nhà trống” làm kẻ địch không dựa được vào nguồn hậu cần tại chỗ. Về chính trị, cần tuyên truyền, giải thích cho nhân dân nhận rõ âm mưu của tàn quân Tưởng tràn qua biên giới Cao Bằng để câu kết với thực dân Pháp.

Theo chủ trương trên, mọi việc đang được tiến hành thì quân Tưởng đã tràn sang biên giới Cao Bằng từ nhiều phía. Ngày 18/12/1949, khoảng 2.000 tên vượt qua Thủy Khẩu vào Tà Lùng, Quy Thuận, huyện Phục Hòa. Chúng đi đến đâu cũng bị du kích ta chặn đánh diệt nhiều tên, thu nhiều vũ khí và quân trang, quân dụng khác, buộc chúng phải chạy về Đông Khê.

Toán thứ hai gồm 1.000 tên được trang bị nhiều vũ khí như đại liên, trung liên, súng cối 60 ly... do Vương Đình Kháng chỉ huy, ngày 19/12/1949, tiến sát biên giới Hạ Lang; ngày 21/12/1949, chúng vượt sông Bắc Vọng qua xã Cách Linh đến Bản Riêng thuộc xã Đại Tiến, huyện Phục Hòa. Dân quân, du kích đã phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương chặn đánh nhiều trận quyết liệt, nhất là trận đánh ngày 23/12/1949 ở huyện lỵ Phục Hòa đã gây cho địch nhiều thiệt hại, số còn sống sót mở đường chạy về Đông Khê (Thạch An).

Toán thứ ba có trên 3.000 tên của Bạch Sùng Hy tràn vào Sóc Giang (Hà Quảng) vào ngày 09/01/1950. Địch tiến thẳng về hướng thị xã, khi đến làng Kép Ké cách Sóc Giang 2 km, bị bộ đội địa phương Hà Quảng chặn đánh, chúng phải ngừng lại Sóc Giang và lùng sục các vùng xung quanh. Phán đoán đường hành quân của địch, ta chọn Nà Giàng (Phù Ngọc, Hà Quảng) làm trận địa chính và Mỏ Sắt (Dân Chủ, Hòa An) làm trận địa phụ. Phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương, dân quân, du kích chặn đánh ngăn bước tiến của địch, bắt địch phải theo đường cái để lọt vào trận địa của ta. Ngày 14/01/1950, chúng tiến đến Nà Giàng. Nhằm vào chỗ sơ

hở và chủ quan của địch, sau một giờ chiến đấu, ta đã tiêu diệt một bộ phận lớn quân địch. Phía trên Sóc Giang, ta truy kích địch tới Đôn Chương, Bản Giới. Trong những ngày từ 15 đến ngày 18/01/1950, địch đánh chiếm các đỉnh núi cao và tiến sang Đào Ngạn, một bộ phận lớn đánh dần xuống Lũng Nội theo hướng về Nước Hai (Hòa An) đi thị xã. Sau 19 ngày thấy không thể tiến về thị xã được, chúng đã rút trở về cố thủ ở Sóc Giang rồi theo đường tắt qua phố Trà Lĩnh (Trấn Biên), sang Trùng Khánh, Quảng Uyên, Phục Hòa về Đông Khê (Thạch An). Đi đến đâu, chúng cũng bị quân ta chủ động, tích cực tiến công gây nhiều thiệt hại. Số còn sống sót đã chạy đến Đông Khê vào ngày 30/01/1950.

Ba lần tàn quân Tưởng tràn vào Cao Bằng đã bị quân và dân ta tiêu diệt hơn 1.000 tên. Ý định dựa vào thực dân Pháp của chúng không thực hiện được. Quân Pháp vốn đã hoang mang, lại thêm tàn quân Tưởng bị đánh bại, càng thêm hoang mang, dao động. Qua thực tế chiến đấu và chiến thắng với quân Pháp và quân Tưởng Giới Thạch, tinh thần quân và dân toàn tỉnh càng thêm phấn khởi và có những bước trưởng thành rõ rệt. Phong trào chiến tranh du kích được phát động ở nhiều nơi, các đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập tiến sâu vào vùng địch tạm chiếm cùng với cán bộ và nhân dân xây dựng cơ sở quần chúng, mở rộng các căn cứ du kích. Các tiểu đoàn tập trung đã từng bước đánh những trận phục kích, tập kích vận động lớn để hỗ trợ cho chiến tranh du kích phát triển. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng đã kịp thời chỉ ra qua ba đợt chống tàn quân Tưởng, ở một số huyện nhận thức chưa hết ý nghĩa của chủ trương thực hiện “vườn không, nhà trống”, do đó, trong việc tổ chức, thực hiện, kiểm tra chưa sâu sát, kẻ địch đã lợi dụng sơ hở này dựa được vào nguồn lương thực, thực phẩm tại chỗ để sinh sống. Mặt khác, những con

đường mà tàn quân Tưởng có thể tiến vào chưa được dự kiến bố trí chặn đánh từ trước, mới chỉ chú ý một vài mặt trận chính. Đường từ Phục Hòa đi Đông Khê dường như bỏ ngỏ, nên tàn quân Tưởng đã theo đường đó chạy về hội quân được với thực dân Pháp.

Bước vào năm 1950, tình hình chung có những chuyển biến quan trọng. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta đang trên đà phát triển mạnh mẽ, bộ đội ta trưởng thành mau chóng. Cuộc cách mạng của nhân dân Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời ngày 01/10/1949. Sự phát triển của cách mạng thế giới là một nhân tố khách quan, quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc kháng chiến của nhân dân ta, làm cho thế và lực của ta càng thêm mạnh, thực dân Pháp ngày càng lúng túng, suy nhược. Sau khi thất bại ở Trung Quốc, đế quốc Mỹ can thiệp trực tiếp vào Đông Dương ra sức giúp đỡ thực dân Pháp, mở rộng khu vực chiếm đóng, nhất là ở các khu vực đông người, nhiều lúa gạo ở đồng bằng và trung du, ra sức phong tỏa biên giới, nên gây cho ta một số khó khăn về quân sự, kinh tế, tài chính. Thực tế đó cần phải tăng cường hơn nữa sức chiến đấu của quân đội và nhân dân ta. Một nhiệm vụ cấp bách là phải giải phóng khu vực biên giới, mở đường giao thông liên lạc với quốc tế, tranh thủ sự viện trợ bên ngoài, phấn đấu giành thắng lợi lớn trên chiến trường, thúc đẩy cuộc kháng chiến nhanh chóng đi đến thắng lợi. Nghiên cứu và thấm nhuần sâu sắc Nghị quyết Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng (từ ngày 21/01 đến ngày 03/02/1950) về việc chuyển mạnh sang tổng phản công, ngày 28/4/1950, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh lần thứ ba đã phân tích và chỉ rõ tình hình chung ở Cao Bằng: Thực dân Pháp cố dồn sức chiếm đóng các vị trí ở biên giới để ngăn cản cách mạng nước ta với cách mạng thế giới; cản trở mọi công việc “Kháng chiến kiến quốc” hòng đẩy

nhanh cuộc chiến tranh xâm lược. Hội nghị đã chỉ rõ nhiệm vụ quân sự trong năm 1950: “Ra sức xây dựng bộ đội địa phương trưởng thành về mọi mặt. củng cố và phát triển dân quân mạnh mẽ. Tích cực chuẩn bị chiến trường, thực sự bảo vệ hậu phương. Tích cực địch vận, kết hợp công tác địch vận với dân vận và tác chiến. Đẩy mạnh phong trào luyện tập quân sự cho toàn dân”¹.

Về kế hoạch thực hiện: Nhanh chóng kiện toàn về quân sự cho đủ 10 đại đội; bổ sung các cấp chỉ huy, kiện toàn bộ máy; mở lớp đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ chính trị viên; chấn chỉnh việc trang bị cấp dưỡng, cung cấp ruộng đất và các phương tiện để bộ đội địa phương thực hiện một phần tự túc về lương thực; đẩy mạnh phong trào thi đua lập công. Về củng cố và phát triển dân quân, du kích, Nghị quyết Hội nghị nhấn mạnh: Cần phải tăng thành phần đảng viên trong dân quân, du kích, tiến tới một tiểu đội ít nhất phải có hai đồng chí; mỗi xã đội có một chỉ ủy viên phụ trách; chú ý phát triển dân quân vào vùng đồng bào Nùng, Mông, Dao, phấn đấu nâng dần về trình độ tác chiến để thay thế cho bộ đội địa phương, thực hiện nhiệm vụ ngăn cản các cuộc càn quét, tiêu hao sinh lực địch; tạo ra các điều kiện thuận lợi để quân chủ lực tiêu diệt địch; đồng thời dân quân, du kích tích cực tham gia vào việc tiểu phi, trừ gian.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của chiến tranh nhân dân trên chiến trường Cao Bằng, địch thu hẹp phạm vi chiếm đóng, cố thủ ở những vị trí xung yếu để ngăn cản đường tiếp tế của ta. Thị xã Cao Bằng và thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) là hai vị trí quan trọng về chiến lược, địch tập trung quân số và trang bị vũ khí ra sức bảo vệ.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Nghị quyết Hội nghị cán bộ toàn tỉnh lần thứ ba*. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Sau khi phân tích tình hình chung trên chiến trường cả nước và tình hình trên chiến trường Cao Bằng, Bộ Tổng tư lệnh quyết định mở Chiến dịch Phan Đình Phùng và cùng với Bộ Tư lệnh Liên khu I¹ trực tiếp chỉ đạo chiến dịch này. Chủ trương mở Chiến dịch Phan Đình Phùng đánh vào cứ điểm Đông Khê nhằm mục đích tiêu diệt một phần sinh lực địch, đồng thời để rút kinh nghiệm việc huấn luyện bộ đội ta. Trong hơn một tháng chuẩn bị cho chiến dịch, mọi công việc đều được khẩn trương tiến hành như vận tải tiếp tế, phá hoại đường số 4, đường thị xã đi huyện lỵ Hòa An, thị xã đi Án Lại (xã Nguyễn Huệ, Hòa An) để ngăn cản địch tiếp tế và rút lui. Tiểu đoàn chủ lực của tỉnh và các đại đội bộ đội địa phương của Hòa An, Nguyên Bình, Hà Quảng, Bảo Lạc có nhiệm vụ bao vây địch ở thị xã, đánh vào sân bay Nà Cạn làm hướng nghi binh. Các đại đội bộ đội địa phương của các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Thạch An cùng với Trung đoàn 174 tập trung vào mặt trận chính là Đông Khê. Hai đại đội thuộc tiểu đoàn chủ lực tỉnh bố trí phía nam và tây nam thị xã, từ quốc lộ số 4 đến quốc lộ số 3B, chặn và truy kích địch từ thị xã rút chạy. Đại đội liên huyện chặn địch ở phía bắc và tây bắc không cho chúng tiến lên Nước Hai (Hòa An) để bảo vệ an toàn khu căn cứ. Một đại đội thuộc tiểu đoàn chủ lực chặn địch ở Án Lại - Mã Phục để bảo vệ đường vận chuyển của ta từ Nước Hai đi Án Lại.

1. Ngày 25/01/1948, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 120/SL hợp nhất một số khu thành Liên khu. Mỗi liên khu có Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu và Bộ Tư lệnh Liên khu. Theo đó, Cao Bằng thuộc Liên khu I (gồm các tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Phúc Yên, Quảng Yên, Hòn Gai, Hải Ninh). Ngày 04/11/1949, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 147/SL hợp nhất Liên khu I và Liên khu X thành Liên khu Việt Bắc. Từ năm 1957, liên khu được gọi là quân khu, có điều chỉnh địa giới và nhiệm vụ.

Đêm ngày 25/5/1950, ở mặt trận nghi binh, quân ta bắt đầu nổ súng vào thị xã Cao Bằng và sân bay Nà Cạn. Bất ngờ, 19 giờ ngày 26/5/1950, quân ta tiến đánh Đông Khê. Đến 6 giờ sáng ngày 27/5/1950, ta hoàn toàn làm chủ Đông Khê, giải phóng hơn 300 dân trong phố Đông Khê. Trong trận tiến công này, ta tiêu diệt trên 300 tên, bắt sống trên 100 tên, bắn rơi tại trận 1 máy bay, một chiếc khác bị thương rơi về phía Lạng Sơn, thu trên 100 tấn đạn các loại, 1 kho gạo, 1 kho xăng và nhiều quân trang, quân dụng khác. Để cứu vãn cho sự thất bại ở Đông Khê, viện binh Pháp từ Thất Khê kéo lên, bộ đội địa phương đã kịp thời phối hợp với quân chủ lực chặn đánh ở Lũng Chả (gần Kéo Ái).

Ngày 27/5/1950, địch đưa 1 tiểu đoàn nhảy dù xuống chiếm lại Đông Khê, tăng thêm bộ binh, củng cố lại trận địa. Để bảo toàn lực lượng, ta đã rút khỏi Đông Khê. Tuy chưa đánh bật được cứ điểm Đông Khê, nhưng kết quả của chiến dịch này đã đánh dấu sự tiến bộ vượt bậc của bộ đội ta về chiến thuật chỉ huy và tác chiến, về sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Sự vùng dậy của nhân dân ta đã được chuẩn bị từ trước kết hợp chặt chẽ với tiến công quân sự của dân quân, du kích, của các đội vũ trang tuyên truyền và các đại đội độc lập. Dân quân, du kích đã bao vây vị trí địch và diệt từng tên, từng tốp địch. Đại đội độc lập đánh đồn, chống càn quét, diệt những toán quân lưu động nhỏ của địch, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng, mở ra một khả năng mới có thể đánh những chiến dịch lớn hơn.

Sau đòn tấn công bất ngờ vào Đông Khê, địch tăng cường càn quét phá hoại, đặc biệt là các làng ven quốc lộ số 4. Ngày 17/6/1950, với 500 quân có pháo binh, máy bay yểm trợ, chúng đã mở trận càn lớn ra vùng Tài Hồ Sìn, đến Bản Tấn, Bình

Dương và tấn công vào khu căn cứ Lam Sơn để lấy lại tinh thần quân lính sau khi thua trận ở Đông Khê. 23 giờ đêm ngày 24/6/1950, trên 1.000 quân địch từ thị xã tiến lên Khau Đồn và sông Mãng. Sáng ngày 25/6/1950, đại bác từ thị xã bắn yểm trợ, máy bay từ Hà Nội lên thả bom vào các thung lũng khu Lam Sơn dọn đường cho bộ binh từ phía Khâu Lâu, Khắc Thiệu (Mã Quan, Hồng Việt) đánh vào Lam Sơn (Hồng Việt). Biết được âm mưu của địch, ta đã chủ động đối phó, phá tan âm mưu đánh vào căn cứ kháng chiến của ta, gây cho địch nhiều thiệt hại về người và phương tiện chiến tranh, buộc chúng phải rút về thị xã vào ngày 27/6/1950.

Thắng lợi trên mặt trận quân sự và những thắng lợi trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa... đã tạo thêm không khí phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến. Giữa lúc đó, trong Đảng bộ bộc lộ một số nhận thức không đúng về tính chất lâu dài và dựa vào sức mình là chính của cuộc kháng chiến. Do không thấy hết khó khăn và tình hình chung của cuộc kháng chiến, xuất hiện xu hướng ỷ lại vào thuận lợi về mặt quốc tế, nên có tư tưởng nóng vội, muốn chuyển mạnh sang tổng phản công; nhận thức không đầy đủ khẩu hiệu tích cực hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị để chuyển sang tổng phản công, chỉ chú ý đến chuyển sang tổng phản công, sao nhãng công việc chuẩn bị; ít chú ý đúng mức đến đời sống của quần chúng, bồi dưỡng sức kháng chiến của nhân dân.

Để khắc phục những nhận thức sai lệch của một số cán bộ, đảng viên, kịp thời uốn nắn và khắc phục những lệch lạc trên, Đảng bộ đã tổ chức nghiên cứu học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào và cán bộ Liên khu IV và bài viết của đồng chí Trường Chinh “*Nhận định đúng, hành động đúng*” theo tinh thần chỉ thị của Trung ương Đảng. Nhờ đó, những lệch lạc về tư tưởng và hành động trong Đảng bộ,

trong nhân dân bước đầu được sửa chữa, ý thức trường kỳ kháng chiến và dựa vào sức mình là chính được quán triệt sâu sắc hơn.

Phong trào thi đua đẩy mạnh mọi mặt kháng chiến để chuyển sang giai đoạn tổng phản công diễn ra sôi nổi ở khắp các địa phương trong tỉnh: Các phong trào tăng gia sản xuất, xây dựng hậu phương về mọi mặt làm cho hậu phương thực sự là nhân tố hàng đầu, thường xuyên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, thực hiện đời sống mới, mua công phiếu kháng chiến được phát động mạnh mẽ khắp toàn tỉnh. Năm 1949, nhân dân ta đã mua 248.000 đồng công phiếu kháng chiến. Các đoàn thể quần chúng được củng cố về mọi mặt. Nhân dân ta đã kịp thời gửi ra tiền tuyến 325.650 đồng, 1.383 kg gạo, 30.910 kg thóc, 17.915 mét vải... ủng hộ cho bộ đội. Hội phụ nữ đã góp trên 50.000 đồng vào Quỹ kháng chiến, riêng phụ nữ xã Hồng Việt, huyện Hòa An đã góp 20.645 đồng. Đặc biệt là phong trào bán gạo cho Chủ tịch Hồ Chí Minh khao quân rất sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Toàn tỉnh đã có 27.734 gia đình (trong tổng số 30.703 gia đình) bán gạo cho Cụ Hồ được 759.417 kg thóc, 17.683 kg gạo, 46.167 kg ngô để khao quân. Trong phong trào này, huyện Trấn Biên đã bán nhiều nhất với 47.813 kg thóc, 215 kg ngô (bình quân mỗi gia đình bán 35,5 kg). Các xã đạt thành tích cao trong tỉnh là xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh bán 21.540 kg thóc; xã Canh Tân, huyện Thạch An đã bán 5.894 kg thóc; xã Quốc Dân, huyện Quảng Uyên đã bán 36.725 kg thóc; xã Đại Tiến, huyện Phục Hòa đã bán 9.904 kg thóc; xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang đã bán 11.293 kg thóc; xã Cao Chương, huyện Trấn Biên đã bán 20.440 kg thóc; xã Khánh Xuân, huyện Bảo Lạc đã bán 8.436 kg thóc... Mặc dù trong hoàn cảnh kháng chiến, địch càn quét,

tàn phá, kiểm soát, nhiều ruộng đất bỏ hoang không cày cấy được nhưng với tinh thần thi đua yêu nước, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Cao Bằng đã vượt qua những khó khăn trước mắt để hoàn thành nhiệm vụ¹.

Nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn, kiên quyết của Tỉnh ủy, nhiệt tình cách mạng và ý chí quyết tâm khắc phục khó khăn của toàn dân, sản xuất phát triển mạnh so với những ngày đầu bước vào kháng chiến. Tuy thiếu phương tiện, lại bị địch tàn phá nhưng sản lượng lúa, ngô, khoai, sắn ngày một tăng. Năm 1949 so với năm 1948, lúa chiêm “lục mào” tăng 411,5 tấn, ngô đồi bãi tăng 4.170 tấn, ngô ruộng tăng 410 tấn, mạch ba góc tăng 480 tấn. Sản lượng tăng nhanh do tăng diện tích khai phá nương rẫy, ruộng hoang hóa. Ở huyện Hạ Lang, năm 1948, có 75 mẫu trồng bông, 105 mẫu trồng ngô; đến năm 1949, đã có 127 mẫu trồng bông, 344 mẫu trồng ngô. Về tiểu thủ công nghiệp, đã có các xưởng dệt, xưởng sản xuất giấy, xưởng thuốc lá... góp phần tích cực vào xây dựng nền kinh tế kháng chiến.

Trên mặt trận văn hóa kháng chiến, các lớp bình dân học vụ được tổ chức ở khắp mọi nơi, lôi cuốn từ em nhỏ đến các cụ già tham gia. Truyền thống hiếu học của dân tộc được phát huy. Năm 1949, toàn tỉnh đã mở được 4.007 lớp bình dân học vụ, có 6.618 người thoát nạn mù chữ. Hai xã Tiên Thành và Hồng Quang, huyện Phục Hòa đã thanh toán xong nạn mù

1. Huyện Trùng Khánh đã bán: 184.053 kg (thóc, gạo). Huyện Thạch An bán: 40.673 kg (thóc, gạo, ngô). Huyện Quảng Uyên bán: 152.597 kg (thóc, gạo). Huyện Phục Hòa bán: 38.337 kg (thóc). Huyện Hạ Lang bán: 77.013 kg (thóc). Huyện Trấn Biên bán: 47.813 kg (thóc, ngô). Huyện Bảo Lạc bán: 72.383 kg (thóc, gạo, ngô). Huyện Nguyên Bình bán: 47.009 kg (thóc, gạo, ngô). Huyện Hòa An bán: 95.047 kg (thóc, gạo, ngô). Huyện Hà Quảng bán: 67.843 kg (thóc, gạo, ngô).

chữ cho lứa tuổi từ 45 tuổi trở xuống. Huyện Trùng Khánh đã có 10.026 người đến lớp. Đặc biệt ở huyện Bảo Lạc đã tổ chức được hai lớp học cho đồng bào dân tộc Mông. Để bảo đảm đủ giáo viên cho các lớp bình dân học vụ, tỉnh đã tổ chức 15 lớp huấn luyện, đào tạo 1.532 giáo viên và một khóa sư phạm đào tạo 28 giáo viên tiểu học. Tháng 11/1949, trường Trung học Hoàng Đình Giông tổ chức khai giảng cho hơn 100 học sinh theo học.

Để hoàn thành tốt mọi công việc chuẩn bị chuyển sang tổng phản công, Tỉnh ủy đặc biệt chú ý đến công tác xây dựng Đảng về mọi mặt. Phần lớn đảng viên đã được dự các lớp huấn luyện do xã, huyện hay tỉnh mở để nghiên cứu, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao những hiểu biết về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tự phê bình và phê bình trong Đảng được tiến hành thường xuyên, tạo nên sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đến tháng 9/1949, trong toàn Đảng bộ đã có 3.820 đảng viên với 172 chi bộ (năm 1947 có 1.233 đảng viên, năm 1948 có 2.082 đảng viên), có cơ sở đảng phát triển rộng rãi, kể cả ở những vùng dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, công tác phát triển Đảng còn chưa đều. Ở các huyện Trùng Khánh, Hà Quảng, Hòa An phát triển nhanh, bảo đảm chất lượng, nhưng ở huyện Thạch An, Nguyên Bình chưa chú ý đến việc nâng nhanh số lượng đảng viên trong Đảng. Việc củng cố, nâng cao trình độ cho đảng viên cũng chưa được tiến hành thường xuyên, nhất là đối với những chi bộ yếu. Những thiếu sót này đã được khắc phục dần từng bước, làm cho Đảng bộ thực sự vững mạnh đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới.

Nhằm đưa cuộc kháng chiến tiến lên bước mới, tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở Chiến dịch Biên giới. Mục đích của chiến dịch là: Tiêu diệt

một bộ phận quan trọng sinh lực địch; giải phóng một phần biên giới, mở đường giao thông với các nước xã hội chủ nghĩa; thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tiến tới giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính. Tháng 7/1950, theo quyết nghị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Bộ Chỉ huy và Đảng ủy Mặt trận Biên giới được thành lập do đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Tổng Tư lệnh Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam trực tiếp làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy Mặt trận; đồng chí Trần Đăng Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng làm Chủ nhiệm Tổng cục cung cấp (phụ trách công tác hậu cần của chiến dịch).

Làng Tả Phầy Nứa, xã Quốc Phong, huyện Quảng Uyên được chọn làm “bản doanh” của Sở Chỉ huy chiến dịch. Ngày 12/8/1950, Trung ương ra chỉ thị cho các cấp ủy đảng nói rõ: Chiến dịch Biên giới là một chiến dịch rất quan trọng và nhắc nhở các địa phương trong toàn quốc phối hợp, kiểm chế, tiêu hao sinh lực địch không cho chúng tiếp viện. Trong *Thư gửi các chiến sĩ ngoài mặt trận*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở phải dũng cảm, kiên quyết chiến đấu tiêu diệt địch, “chỉ cho đánh thắng, không cho đánh bại”.

Cao Bằng là chiến trường chính của chiến dịch, đồng thời cũng là hậu phương tại chỗ cung cấp sức người, sức của phục vụ chiến dịch. Ngay từ đầu năm 1950, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã nhận được chỉ thị của Trung ương bắt tay vào công việc chuẩn bị cho chiến dịch.

Cùng với các tỉnh trong cả nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Cao Bằng đã nhận thức rõ vị trí và trách nhiệm của mình trong chiến dịch này. Ban huy động dân công cấp tỉnh, huyện, xã được thành lập gồm trên một nửa số cán bộ. Với khẩu hiệu “Tất cả cho chiến dịch toàn thắng”, Đảng bộ đã

lãnh đạo huy động 78.224 người, trong đó hai phần ba là phụ nữ với 1.340.748 ngày công phục vụ cho chiến dịch. Đông đảo nhân dân thuộc các dân tộc ở vùng xa xôi, hẻo lánh như Bảo Lạc, Nguyên Bình cách xa mặt trận hàng chục ngày đường cũng vui vẻ xuống núi hăng hái đi dân công phục vụ tiền tuyến. Nếu tính từ đầu năm 1950, Cao Bằng đã huy động tới 5,7 triệu ngày công phục vụ vào sự nghiệp kháng chiến, bình quân mỗi lao động đã đóng góp trên 100 ngày công; chưa kể trên 20.000 nam, nữ thanh niên các dân tộc tham gia bộ đội trực tiếp chiến đấu ngoài chiến trường. Ngoài sức người, Cao Bằng còn huy động được 2.346 tấn gạo, trên 120 tấn thực phẩm phục vụ chiến dịch. Đây là một cuộc động viên lớn nhất từ khi bước vào cuộc kháng chiến đến nay.

Nhiệm vụ quân sự do Bộ Chỉ huy chiến dịch giao cho bộ đội địa phương tỉnh là: Chặn quân địch vào phía Án Lại, Nước Hai, Bản Tấn; chặn đường rút lui về phía Bắc Kạn, Đông Khê; truy kích và tiêu hao địch; chặn đường tiếp tế hàng không của chúng; khi mặt trận Đông Khê nổ súng thì ở thị xã cùng nổ súng phối hợp. Bộ đội địa phương còn được giao nhiệm vụ bảo vệ toàn bộ kho tàng trên các trục đường giao thông chính để phục vụ cho chiến dịch.

Ngày 16/8/1950, Hội nghị Đảng ủy Mặt trận bàn định, cân nhắc lại phương án tác chiến. Lúc đầu, ta dự định đánh chiếm thị xã Cao Bằng trước, song qua phân tích đánh giá tình hình, thấy rằng ở thị xã Cao Bằng không những địch có lực lượng mạnh mà bố trí phòng ngự cũng vững chắc, có nhiều vấn đề chiến thuật bộ đội ta còn thiếu kinh nghiệm như chiến đấu vượt sông, đánh tung thâm, đánh quân nhảy dù... Đồng thời, đối chiếu với những nguyên tắc chỉ đạo tác chiến tiêu diệt sinh lực địch, đánh thắng trận đầu, đánh nhỏ trước, đánh lớn sau, vừa đánh vừa học... Trước thực tế đó, Hội nghị đã đề nghị lên

Trung ương Đảng đánh Đông Khê trước. Đề nghị này được Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chuẩn y.

Phân tích chủ trương đánh Đông Khê, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Ta đánh vào Đông Khê là đánh vào nơi quân địch tương đối yếu nhưng lại là vị trí rất quan trọng của địch trên tuyến Cao Bằng - Lạng Sơn. Mất Đông Khê, buộc địch phải cho quân đi ứng cứu, ta có cơ hội thuận lợi tiêu diệt chúng trong vận động.

Thể hiện tư tưởng chỉ đạo trên, kế hoạch tác chiến của chiến dịch được chia làm bốn bước: tiêu diệt Đông Khê, đánh quân tiếp viện lên Đông Khê, đánh Thất Khê và đánh thị xã Cao Bằng.

Theo sự phân công của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ở sát Mặt trận để cùng Bộ Chỉ huy Chiến dịch chỉ đạo mọi công tác.

Cuối tháng 8, đầu tháng 9/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường ra mặt trận cùng Bộ Chỉ huy Chiến dịch trực tiếp chỉ đạo chiến dịch vùng biên giới Đông Bắc tại khu vực Cao Bằng - Lạng Sơn. Đây là lần thứ tư Người trở lại Cao Bằng. Tại căn cứ Lam Sơn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghe báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Người đã cho những chỉ thị quan trọng. Sau đó, Người đến Sở Chỉ huy Chiến dịch đặt tại làng Tả Phầy Nưa làm việc với Bộ Chỉ huy Chiến dịch và nghe Bộ Chỉ huy Chiến dịch báo cáo tình hình. Người kiểm tra kế hoạch tác chiến, xem xét công tác chuẩn bị hậu phương, theo dõi kịp thời diễn biến của Chiến dịch, góp những ý kiến chỉ đạo và động viên cán bộ, bộ đội, dân công. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã duyệt một đơn vị bộ đội trước khi ra mặt trận. Sau đó, Người ra Sở chỉ huy tiền phương tại Nà Lạn (xã Đức Long, huyện Thạch An) trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Sáng sớm ngày 16/9/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đài quan sát của mặt

trận trên đỉnh núi Báo Đông (xã Đức Long, huyện Thạch An) trực tiếp quan sát, theo dõi và chỉ đạo Mặt trận Đông Khê. Tại đây, Người đã làm bài thơ *Lên núi nổi tiếng*:

Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đổ vạn trùng mây
Quân ta thế mạnh nuốt Ngưu Đầu
Thê diệt xâm lăng lũ sói cây.

Tin Chủ tịch Hồ Chí Minh ra trận đã gây xúc động mạnh mẽ trong lòng cán bộ, chiến sĩ và nhân dân cả nước, đặc biệt là đối với nhân dân các dân tộc Cao Bằng. Hình ảnh “Bác Hồ ra trận” là biểu hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng quân địch cao nhất của Đảng và nhân dân ta. Khắp các mặt trận, quân và dân nô nức “thi đua giết giặc lập công”, phấn khởi tin tưởng vào thắng lợi.

Để bảo đảm chắc thắng trận đầu, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã tập trung một lực lượng mạnh gồm 3 trung đoàn (174, 209, 36) và 2 tiểu đoàn bộ binh (11, 426), được tăng cường 13 khẩu pháo 70 ly và 75 ly. Mặt trận đánh ứng cứu có Đại đoàn 308, được tăng cường 4 khẩu pháo 75 ly.

Đúng 6 giờ sáng ngày 16/9/1950, ta nổ súng đánh Đông Khê mở màn chiến dịch. Đông Khê, một căn cứ quan trọng của địch cách Thất Khê 23 km, sau khi bị đánh hồi tháng 5/1950, từ một cứ điểm, địch đã củng cố Đông Khê thành cụm cứ điểm mạnh¹. Sau hơn hai ngày đêm chiến đấu ác liệt, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê, diệt trên 300 tên địch, cổ vũ khí thế chiến đấu và tạo ra thế thuận lợi mới cho Chiến dịch.

1. Cứ điểm Đông Khê gồm 2 điểm tựa lớn và 7 vị trí ở vòng ngoài, có hầm ngầm cố thủ. Lực lượng địch có hai đại đội thuộc Tiểu đoàn 2 Trung đoàn Lê dương số 3, một trung đội lính đồng và 1 phân đội pháo 105 ly, tổng số khoảng 350 tên.

Phối hợp với Đông Khê, tại thị xã, quân ta cũng đã nổ súng giam chân và tiêu hao địch. Trong trận mở màn này, xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu và phục vụ chiến đấu dũng cảm. Chiến sĩ La Văn Cầu nhờ đồng đội dùng lưới lê chặt đứt cánh tay bị thương của mình tiếp tục xông lên phá lô cốt địch, giương lá cờ đầu của phong trào “thi đua giết giặc lập công”. Đại đội trưởng Trần Cừ, lấy thân mình lấp lỗ châu mai, mở đường cho đơn vị xông lên diệt địch. Chiến sĩ dân công Đinh Thị Dậu nhiều lần lặn vào lửa đạn cứu thương binh đưa về hậu tuyến...

Mất cứ điểm Đông Khê, quân địch rơi vào tình thế vô cùng nguy khốn. Hàng loạt vị trí của chúng trên quốc lộ số 4 bị uy hiếp. Thị xã Cao Bằng bị lâm vào thế cô lập. Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương Các-păng-chiê từ Sài Gòn ra Hà Nội, lên Cao Bằng ra lệnh rút quân khỏi Cao Bằng.

Sau khi tiêu diệt Đông Khê, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chỉ huy Chiến dịch nhận định địch có thể sẽ chiếm lại Đông Khê để giữ Cao Bằng, hoặc phải đánh lên để đón quân ở Cao Bằng rút lui. Do đó, ta cần “nhử thú dữ vào tròng” để “khép vòng lưới thép” tiêu diệt chúng

Đúng như dự đoán của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chỉ huy Chiến dịch, sau thất bại ở Đông Khê, Tổng chỉ huy quân đội Pháp quyết định rút khỏi Cao Bằng bằng cách chiếm lại Đông Khê làm nơi đón quân ở Cao Bằng về, đồng thời cho quân đánh lên thị xã Thái Nguyên hòng phân tán chủ lực ta, cứu nguy cho biên giới; mặt khác mở chiến dịch “Tê-ra”, dùng Binh đoàn “Buya”¹ lên đánh chiếm Đông Khê làm đầu cầu đón quân ở Cao Bằng về.

1. Binh đoàn cơ động “Buya” gồm 4 tiểu đoàn Âu - Phi, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 Tabo, Tiểu đoàn 1 Bắc Phi, Tiểu đoàn 1 dù Lê dương, do tên Trung tá Lơ Pagio chỉ huy (còn gọi là Binh đoàn Lơ Pagio).

Thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng đã cùng với cán bộ, chiến sĩ trực tiếp ngoài mặt trận thực hiện quyết tâm của Bộ Chỉ huy Chiến dịch: Kiên trì tập trung lực lượng ở hướng chính là biên giới, tiêu diệt cả hai binh đoàn địch, tập trung lực lượng diệt Binh đoàn Lơ Pagiơ trước, sau đó diệt Binh đoàn Sácông¹, bộ phận lớn địch ở biên giới bị tiêu diệt sẽ buộc chúng phải rút khỏi Thái Nguyên.

Nhận thức sâu sắc vị trí của một tỉnh vùng biên giới, nơi trực tiếp mở chiến dịch và đang ở vào giai đoạn quyết định thắng lợi, Tỉnh ủy đã động viên toàn quân, toàn dân trong tỉnh với tinh thần trách nhiệm cao trước những nhiệm vụ được Bộ Chỉ huy Chiến dịch giao phó để góp phần đưa Chiến dịch đến toàn thắng.

Đêm ngày 30/9/1950, Binh đoàn Lơ Pagiơ từ Thất Khê lên định bất ngờ chiếm lại Đông Khê. Sáng ngày 01/10/1950, bị chặn đánh, chúng đã chiếm một số điểm cao ở cửa ngõ nam Đông Khê. Ý đồ bất ngờ chiếm lại Đông Khê của địch bị thất bại. Nhiều trận tiến công địch diễn ra quyết liệt ở dãy điểm cao nam Đông Khê như Nà Tục, Chộc Ngả, Khau Áng, Khau Luông, gây cho địch nhiều tổn thất nặng, buộc chúng phải dạt sang phía tây quốc lộ số 4 và hy vọng đón cánh quân của Sácông ở khu vực Cốc Xả (xã Trọng Con, huyện Thạch An).

Cốc Xả, dãy núi đá vôi lớn hiểm trở cách Đông Khê 7 km về phía tây nam, chung quanh có nhiều điểm cao quân địch đã lợi dụng địa hình bố trí phòng ngự. Được lệnh khẩn trương tiến đánh địch, cùng với 4 tiểu đoàn chủ lực, quân và dân Cao Bằng đã phối hợp chặt chẽ, tiến đến khu vực Cốc Xả hình thành thế bao vây và hiệp đồng tiến công địch. Sáng

1. Binh đoàn Sácông do tên Trung tá Sácông chỉ huy gồm 3 tiểu đoàn: Tiểu đoàn 3 Lê dương, Tiểu đoàn 3 Tabo và 1 tiểu đoàn ngụy.

ngày 07/10/1950, ta mở đợt tiến công mới vào đội hình địch. Quân địch hoảng loạn tháo chạy, ta bám đánh và gọi hàng. Chiều ngày 08/10/1950, Lơ Pagior đã bị bắt cùng Bộ tham mưu gần Cốc Xả. Binh đoàn Lơ Pagior hoàn toàn bị tiêu diệt.

Chiến công tiêu diệt hoàn toàn Binh đoàn Lơ Pagior có ý nghĩa quyết định đến sự toàn thắng của Chiến dịch. Ngay sau khi Binh đoàn Lơ Pagior bị tiêu diệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen ngợi các chiến sĩ ở mặt trận Đông Khê:

“Các chú đã hoàn thành bảy phần mười cuộc thử thách một cách dũng cảm. Các chú cố gắng mà tiêu diệt nốt binh đoàn Sácông nhé.

Bác và Tổng tư lệnh đã ra lệnh khao các chú một bữa thịt bò. Bác hôn tất cả các chú”¹.

Được tin Binh đoàn Lơ Pagior lâm vào cảnh khốn quẫn, sáng ngày 03/10/1950, Binh đoàn Sácông gồm 2.000 tên, cùng với tên Tỉnh trưởng ngụy quyền Nông Ngọc Tu và một số tay chân đắc lực của chúng buộc phải rút khỏi thị xã Cao Bằng. Ngày 03/10/1950, thị xã Cao Bằng được hoàn toàn giải phóng.

Sau khi rút khỏi thị xã Cao Bằng, Binh đoàn Sácông theo quốc lộ số 4, hy vọng hợp quân với Binh đoàn Lơ Pagior tại Cốc Xả. Trên đường tháo chạy qua Cốc Găng (xã Chu Trinh) bị Đại đội 398 thuộc tiểu đoàn địa phương chặn đánh. Đến Nặm Nàng, gặp đoạn đường ta đã phá hủy từ trước, chúng phải bỏ xe chạy theo đường rừng hướng về Bản Lũng, Mông Xả. Ngày 07/10/1950, cùng với bộ đội chủ lực, ta đã chặn đánh địch tại Lam Hai, Nà Gạo, mặc dù máy bay địch đến ném bom bắn phá xuống trận địa gây cho ta thêm nhiều khó khăn nhưng với ý chí quyết thắng, với tinh thần chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.452.

động tiến công địch, bộ đội ta đã vây chặt địch ở Cốc Xả. Tiếp theo Binh đoàn Lơ Pagior, Binh đoàn Sác tông cũng bị tiêu diệt hoàn toàn, Sác tông cùng với 20 sĩ quan trong Bộ tham mưu và tên Nông Ngọc Tu phải kéo cò trắng xin hàng ở bản Nà Kéo. Trên một nghìn quân cứu viện gồm lính bộ binh và lính dù từ Thất Khê lên cũng bị quân ta đánh tại Bông Lau và Lũng Phây. Trận tiêu diệt gọn Binh đoàn Sác tông đã đưa Chiến dịch tới toàn thắng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau 29 ngày đêm chiến đấu anh dũng, đến ngày 14/10/1950, Chiến dịch Biên giới toàn thắng, ta giải phóng 350.000 dân với diện tích rộng 4.500 km². Tiêu diệt 10 tiểu đoàn Âu - Phi và ngụy (trong đó có 8 tiểu đoàn bị diệt gọn), với đủ các sắc lính Tabo, Lê dương, Maroc, lính dù, lính ngụy, biệt kích, lính đánh thuê Pháp gồm 36 quốc tịch bị bắt làm tù binh. Tổng cộng ta tiêu diệt và bắt sống 8.300 tên, bằng 41% lực lượng cơ động chiến lược toàn Đông Dương, thu trên 3.000 tấn vũ khí, xe ô tô và quân trang, quân dụng của địch. Đây là lực lượng tinh nhuệ nhất của Pháp, Thủ tướng Pháp Polêven đã phải thú nhận trước Quốc hội Pháp số thiệt hại về người và của trong Chiến dịch này là: “Tuy chưa chính xác đã lên tới 4.800 quân bị diệt, mất 8.222 súng trường, 1.800 súng máy, 112 khẩu Mócchiê, 113 đại bác. Riêng Lạng Sơn mất 10.000 vũ khí, 3 ô tô và xe thiết giáp, 113 đại bác và súng cối, 1 vạn đạn pháo, 60 vạn lít xăng và rất nhiều lương thực, quân trang, quân dụng”.

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới là thắng lợi của quân và dân cả nước, của sự phối hợp giữa mặt trận chính với mặt trận sau lưng địch, của toàn chiến trường Đông Dương. Trong đó có sự đóng góp của Đảng bộ, của quân và dân tỉnh Cao Bằng. Sau chiến dịch, trong thư gửi đồng bào Cao - Bắc - Lạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khen ngợi: “Tôi rất vui lòng thay mặt Chính phủ cảm ơn và khen ngợi đồng bào. Tôi đặc biệt nêu cao công

lao của phụ nữ Cao - Bắc - Lạng. Hàng vạn chị em Kinh, Thổ, Trại, Thái, Mán, v.v. đã không quản xa xôi, trèo đèo, lội suối, ăn đói nằm sương, đã thi đua làm việc sửa đường vận tải giúp đỡ bộ đội để góp một phần vào thắng lợi... Đồng bào Cao - Bắc - Lạng đã làm kiểu mẫu trong việc động viên nhân lực, vật lực, tài lực cho kháng chiến. Tôi chắc rằng đồng bào ba tỉnh ta sẽ luôn luôn cố gắng thêm để giữ lấy địa vị vẻ vang”¹.

Chiến thắng Biên giới có ý nghĩa chiến lược quan trọng. Địch phải thú nhận Chiến dịch Biên giới đối với chúng là “những cuộc chiến đấu bất hạnh” làm cho “tinh thần quân đội Pháp bị tổn hại một cách nghiêm trọng, tâm lý thất bại ngày càng lan tràn”².

Giới quân sự Pháp nhận xét rằng: “Sự kiện mới mẻ hiện nay là sự xuất hiện tại Bắc Việt một đoàn quân chính quy, thành thạo với lối đánh vận động chiến. Thực ra nước Pháp vào lúc đó chưa biết rõ thực lực Việt Minh, không tin rằng họ có khả năng mở các trận đánh lớn”.

“Đây là một thất bại chưa từng có trong lịch sử chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp”³. Ý chí xâm lược của địch bị giảm sút. Thất bại trên chiến trường Biên giới đã cho thực dân Pháp thấy rõ chúng không thể thắng được trong cuộc chiến tranh này về quân sự.

Chiến thắng Biên giới đã làm thay đổi cục diện chiến tranh giữa ta và thực dân Pháp. Sau chiến dịch này, quân ta liên tiếp giành quyền chủ động tiến công địch, đẩy địch ngày càng lún sâu vào thế phòng ngự bị động.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.453-454.

2. H.Nava: *Đông Dương hấp hối*, Librairie Plon, Paris, 1956, tr.19-20.

3. Trường Chinh: Huấn thị Hội nghị tổng kết Chiến dịch Biên giới, tháng 11/1950.

Chiến dịch Biên giới mở ra bước ngoặt, đưa cuộc kháng chiến của ta từ chiến tranh du kích lên chiến tranh chính quy. Căn cứ địa Việt Bắc được mở rộng và củng cố. Việt Bắc được nối liền với các chiến trường khác trong nước. Vòng vây của chủ nghĩa đế quốc đối với nước ta đã bị chọc thủng. Cao Bằng vinh dự là cửa ngõ nối liền Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến thắng Biên giới đã củng cố lòng tin của nhân dân ta vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đánh dấu bước trưởng thành lớn của Đảng ta trong việc lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh. Đối với Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, qua Chiến dịch này cũng được trưởng thành về nhiều mặt. Chiến dịch Biên giới cho Đảng bộ thấy rõ những khả năng to lớn của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, khả năng của bộ đội địa phương, dân quân, du kích trong việc tham gia phục vụ Chiến dịch và hợp đồng chiến đấu tiêu diệt sinh lực địch. Sau Chiến dịch này, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và các cơ quan khác của Đảng bộ có thêm được nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh ở địa phương, đặc biệt là kinh nghiệm vận động nhân dân các dân tộc thiểu số tham gia vào Chiến dịch với một quy mô lớn, trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Trung ương Đảng.

Chiến thắng Biên giới kết thúc thắng lợi, Cao Bằng hoàn toàn được giải phóng, từ đây nhân dân các dân tộc Cao Bằng được sống trong độc lập, tự do và dân chủ của chế độ mới, đoàn kết xung quanh Đảng bộ, đẩy mạnh mọi mặt hoạt động góp phần đưa cuộc kháng chiến toàn quốc đến thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc kháng chiến của nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã giành được thắng lợi, nhưng Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng lại đứng trước những khó khăn, thử thách mới đòi hỏi nỗ lực, cố gắng nhiều hơn. Trước hết là hậu quả của cuộc chiến tranh

để lại, chính sách phá hoại của kẻ địch làm cho nền kinh tế bị sa sút, nhà cửa bị tàn phá, hư hỏng, ruộng đồng bỏ hoang không cày cấy được, nhất là những vùng giáp ranh bị địch khùng bố, càn quét không có điều kiện sản xuất, đời sống nhân dân giảm sút. Cao Bằng được giải phóng trong lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của cả nước đang bước vào giai đoạn quyết liệt. Bị thua đau trên chiến trường Cao Bằng, địch càng điên cuồng chống phá cách mạng mạnh mẽ hơn.

Tình hình đó đòi hỏi Cao Bằng phải nhanh chóng được ổn định, xây dựng lại cuộc sống để bắt tay ngay vào nhiệm vụ mới.

Nắm bắt những đòi hỏi của lịch sử, kịp thời chuyển mọi hoạt động của Đảng, của chính quyền các cấp để thích ứng với tình hình cuộc kháng chiến ở Cao Bằng đã giành thắng lợi, trong khi cuộc kháng chiến toàn quốc đang bước vào giai đoạn quyết liệt nhất, đó cũng là một đặc sắc trong lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ.

II. LÃNH ĐẠO CÙNG CỐ HẬU PHƯƠNG CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1951-1954)

Sau Chiến dịch Biên giới năm 1950, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch ở chiến trường Bắc Bộ (Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Hà Nam Ninh, Hòa Bình và Tây Bắc) dồn địch vào thế bị động, tiến lui đều khó. Trong tình thế đó, lối thoát duy nhất của Pháp chỉ có thể là tiếp tục cầu xin viện trợ của Mỹ. Ngày 23/12/1950, Mỹ ký hiệp định chính thức về viện trợ quân sự với Pháp. Từ đây, viện trợ Mỹ chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong ngân sách chiến tranh Đông Dương của Pháp.

Dựa vào viện trợ của Mỹ, Pháp tăng gấp đôi ngân sách chiến tranh; tăng thêm quân viễn chinh; kiên quyết giữ

Đông Dương; tiếp tục thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “dùng người Việt đánh người Việt” một cách triệt để hơn; tập trung lực lượng phòng ngự và bình định đồng bằng Bắc Bộ, nơi chúng cho là “cái then cửa của vùng Đông Nam Á”; đồng thời ra sức tăng cường lực lượng về mọi mặt, chuẩn bị phản công nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất.

Thực hiện ý đồ trên, Chính phủ Pháp cử tướng Đờlát Đờ Tátxinhi, Tư lệnh lực lượng quân khối Tây Âu, làm Tổng chỉ huy kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương.

Kế hoạch Đờlát Đờ Tátxinhi gồm bốn điểm:

1. Gấp rút tập trung quân Âu - Phi tinh nhuệ xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, đồng thời phát triển ngụy binh với quy mô lớn để bổ sung cho quân đội viễn chinh và để xây dựng “quân đội quốc gia” bù nhìn.

2. Xây dựng phòng tuyến quân sự xi măng cốt sắt, bên ngoài là “vành đai trắng” bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ để đối phó với bộ đội chủ lực của ta và ngăn chặn ta đưa nhân lực, vật lực ra vùng tự do.

3. Tiến hành “chiến tranh tổng lực” bình định vùng tạm bị chiếm và vùng du kích nhằm vơ vét sức người, sức của của nhân dân ta để tăng cường lực lượng của chúng chuẩn bị phản công.

4. Phá hoại các vùng tự do bằng biệt kích, thổ phỉ, gián điệp, máy bay oanh tạc, chiến tranh tâm lý, bao vây kinh tế.

Kế hoạch Đờlát Đờ Tátxinhi là một kế hoạch bình định gấp rút và phản công quyết liệt, là sự nỗ lực rất lớn của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ hòng đè bẹp lực lượng của ta, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Thực hiện kế hoạch trên, quân Pháp đóng thêm nhiều vị trí trên các trục đường giao thông quan trọng. Chúng xây

công sự theo lối mới ăn sâu xuống mặt đất, hệ thống hầm ngầm ăn sâu vào sườn đồi núi; tập trung lực lượng mở những cuộc càn quét lớn vào từng khu vực để phá cơ sở của ta, dồn dân để lập khu vực trắng hòng cắt đứt liên lạc giữa vùng giải phóng và vùng địch tạm chiếm. Đồng thời, chúng ra sức tuyên truyền cho “chiến tranh thế giới thứ ba”, nêu chiêu bài “chống Cộng”, đề cao viện trợ Mỹ để lừa phỉnh và mua chuộc nhân dân ta. Đặc biệt, chúng chú trọng đấu tranh về kinh tế với ta như: đốt phá mùa màng; tăng cường hoạt động không quân bắn phá vào các kho tàng; bắn giết trâu, bò; phá các công trình thủy lợi; bao vây, ngăn cấm không cho dân mang hàng hóa từ vùng chúng chiếm đóng ra vùng tự do. Mặt khác, tích cực giúp bọn phiến quân còn ẩn náu trong rừng núi hiểm trở để hoạt động phá hoại.

Sau giải phóng, Cao Bằng bộc lộ một số nhược điểm: trong cán bộ, đảng viên chưa có nhận định đúng về việc giải phóng thị xã, thị trấn; nặng về việc thu chiến lợi phẩm, nhẹ về công tác tư tưởng, chính trị, chưa chú ý đến việc giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân ngay từ đầu. Khi tiếp quản thị xã, kế hoạch không sát, kỷ luật không nghiêm, không giữ được trật tự trong thị xã. Một bộ phận cán bộ, đảng viên nảy sinh tư tưởng nghỉ ngơi, chủ quan, khinh địch. Có địa phương coi nhiệm vụ quân sự đã hoàn thành, không chú ý đến việc củng cố, phát triển dân quân, du kích, bộ đội địa phương. Nhiều địa phương sử dụng du kích vào việc huy động dân công, liên lạc; súng đạn không được bảo quản cẩn thận, hư hỏng nhiều. Trước đây, ở huyện có một đại đội hoặc hai trung đội, sau giải phóng, ở huyện không còn bộ đội, số còn lại tập trung trên tỉnh. Các cấp bộ đảng, chính quyền chưa nhận thức hết vai trò, vị trí của một địa phương đã được giải phóng trong khi cuộc kháng chiến của cả nước đang phát triển sang giai đoạn mới.

Việc vận dụng tư tưởng “kháng chiến lâu dài” của Đảng trong hoàn cảnh mới của cuộc kháng chiến ở một số cán bộ, đảng viên, một số cấp bộ đảng chưa đúng; lực lượng nhân dân chưa được bồi dưỡng sau giải phóng.

Ngay sau thắng lợi của Chiến dịch Biên giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “tuyệt đối chớ vì thắng mà kiêu căng, chủ quan, khinh địch. Chúng ta phải nhớ rằng: Càng gần thất bại, địch càng cố gắng, càng hung dữ, càng liều mạng. Càng gần thắng lợi, ta càng gặp nhiều sự gay go. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng tinh thần và lực lượng để đối phó với những khó khăn mới”¹.

Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng trong toàn Đảng bộ, toàn quân và nhân dân. Tháng 12/1950, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh đã kiểm điểm tình hình, uốn nắn những nhận thức lệch lạc và đề ra những nhiệm vụ chính trước mắt: “... phục hồi kinh tế vùng mới giải phóng, cải thiện dân sinh và củng cố các cơ sở đảng, chính quyền, xây dựng Cao Bằng thành một tỉnh căn cứ địa vững mạnh”².

Nhằm đáp ứng những đòi hỏi bức thiết của tình hình mới sau Chiến thắng Biên giới, từ ngày 11 đến ngày 19/02/1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được triệu tập tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Về dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho 766.349 đảng viên đang sinh hoạt trong Đảng bộ toàn Đông Dương. Căn cứ vào sự phân tích cụ thể tình hình thế giới và trong nước, Báo cáo chính trị của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.513.

2. *Quyết định Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Cao Bằng tháng 12/1950*. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu khẩu hiệu: Tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới. Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Để hoàn chỉnh phương hướng và nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, từ ngày 10 đến ngày 24/9/1951, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ III được tổ chức tại căn cứ Lam Sơn (xã Hồng Việt, huyện Hòa An). Tham dự Đại hội có 165 đại biểu chính thức, đại diện cho trên 6.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 02/1951), Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ III đề ra nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ tỉnh là: “Ra sức xây dựng hậu phương, kịp thời phục vụ các chiến dịch, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến toàn thắng”.

Nhiệm vụ quân sự của Đảng bộ được Đại hội chỉ rõ: Tuy chúng ta đã diệt một bộ phận lớn sinh lực địch, nhưng chúng vẫn ra sức cầu cứu và dựa vào viện trợ Mỹ, vơ vét lực lượng, tăng thêm cho chiến trường Việt Nam, có thể mở những cuộc tiến công vào Việt Bắc nhằm mục đích giành thế chủ động đã mất, ngăn đường viện trợ quốc tế và phá kho tàng của ta. Cao Bằng là một tỉnh biên giới cửa ngõ nối liền cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, nhiệm vụ phá âm mưu của địch phải được gấp rút chuẩn bị. Công việc chủ yếu để phòng địch tấn công là xây dựng và củng cố hàng ngũ dân quân và bộ đội địa phương. Tăng thêm số đảng viên vào lực lượng vũ trang và đưa các đồng chí chi ủy viên có năng lực vào bộ máy chỉ huy. Giáo dục ý thức thường xuyên luyện tập, sẵn sàng chiến đấu, không lơ là, mất cảnh giác trước âm mưu của địch. Công tác phòng gian, trừ gian phải tiến hành

có kế hoạch thường xuyên, có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy. Đối với bọn phi, phải phá tan các cơ sở của chúng ở Hà Quảng (vùng Lục Khu), Bảo Lạc, Hạ Lang (vùng Bí Hà); cương quyết trừng trị bọn đầu sỏ, khoan hồng và cải tạo bọn a dua hoặc bị ép buộc; dùng chính trị làm căn bản, quân sự làm hậu thuẫn, vận động toàn dân tham gia vào công tác phòng gian, trừ gian. Đi đôi với việc tiêu phi, phòng gian, kịp thời củng cố cơ sở, chính quyền các cấp, đặc biệt là các huyện vùng biên giới.

Để bảo đảm yêu cầu cung cấp thường xuyên cho tiền tuyến, việc bảo vệ các kho tàng có kế hoạch cụ thể: phân tán các kho ra xa quốc lộ, xây dựng ở những nơi bảo đảm an toàn về mọi mặt; việc phân tán, di chuyển kho tàng bảo đảm nguyên tắc không làm ngừng trệ đến việc cung cấp cho nhu cầu của tiền tuyến, bảo vệ các kho tàng phải do chính nhân dân địa phương tham gia mới có kết quả. Nghị quyết Đại hội nêu rõ chủ trương công tác phát triển kinh tế, tài chính bảo đảm cho nhu cầu tiền tuyến và cải thiện đời sống cho nhân dân và nhấn mạnh kinh tế, tài chính là cơ sở vật chất của kháng chiến; công tác xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang; xây dựng và phát triển nền kinh tế, tài chính kháng chiến là hai trọng tâm công tác của toàn Đảng bộ. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng vào hai trọng tâm công tác đó.

Giải quyết vấn đề kinh tế trước mắt, Đảng bộ, chính quyền các cấp động viên nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, trồng thêm ngô, khoai, sắn, cấy thêm vụ lúa chiêm; vận động nhân dân khai phá đất hoang đưa vào canh tác, không để một tấc đất bỏ hoang. Các cấp lãnh đạo cơ sở tạo điều kiện giải quyết phương tiện, đào mương dẫn nước, giống, vốn, để nhanh chóng phục hồi sản xuất. Việc huy động dân công phải hợp lý, tránh những ngày mùa để nhân dân có điều kiện cấy cấy.

Phát triển lối làm đổi công, giúp đỡ lẫn nhau. Tăng gia sản xuất, nhanh chóng góp phần phục hồi nền kinh tế kháng chiến là một trong những công việc chính của các chi bộ cơ sở trong công tác lãnh đạo; đồng thời tích cực thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức.

Phát triển tiểu thủ công nghiệp nhằm cung cấp những nhu cầu thiết yếu cho nhân dân: phục hồi các xưởng làm giấy, làm bát, làm đường, dệt và xưởng đúc dụng cụ. Để sớm đưa các xưởng trở lại hoạt động bình thường, chính quyền giúp đỡ về nguyên liệu, về vốn, về tổ chức. Khuyến khích những người có điều kiện bỏ vốn vào kinh doanh, hợp tác xây dựng theo phương châm: “Thợ chủ đều có lợi và lợi ích của Nhà nước, của tư nhân đều được chú ý”.

Vải, muối là những mặt hàng thiết yếu của nhân dân, nhưng ở Cao Bằng giá đắt gấp đôi ở Thái Nguyên, Bắc Kạn. Ngược lại, giá gạo ở Cao Bằng rẻ bằng nửa Thái Nguyên. Ngành thương nghiệp đã mua thóc, gạo, đỗ tương đem xuống các tỉnh miền xuôi đổi lấy muối, vải phục vụ nhân dân. Vận động các thương gia bỏ vốn mua thêm phương tiện vận tải và các tư nhân có phương tiện vận tải lập các đội vận chuyển hàng hóa giữa Cao Bằng với các tỉnh miền xuôi và các tỉnh lân cận.

Thực hiện những nhiệm vụ trên, cần đẩy mạnh công tác củng cố Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Tình hình Đảng bộ từ sau ngày giải phóng bộc lộ một số nhược điểm cần phải được sửa chữa: việc phát triển Đảng chỉ chú ý đến số lượng, còn coi nhẹ chất lượng. Chưa tìm những người xuất sắc trong phong trào chống giặc, tăng gia sản xuất, đi dân công phục vụ tiền tuyến để đưa vào Đảng. Có nơi, phát triển Đảng thường chú ý đến anh em thân thuộc trong gia đình, họ hàng. Việc tổ chức học tập để nâng cao

trình độ nhận thức còn hạn chế; xa rời vũ khí đấu tranh tự phê bình và phê bình, nể nang, đoàn kết một chiều làm giảm sút tính chiến đấu của Đảng. Quan niệm về đấu tranh phê bình xây dựng sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng không đúng. Đối với cấp dưới, nặng về phạt, nhẹ về giáo dục. Phê bình không chú ý đến những vấn đề lớn thuộc về chủ trương, lập trường tư tưởng, tính tiên phong gương mẫu, mà thường chú ý đến những điểm lặt vặt trong tác phong sinh hoạt hằng ngày. Có nơi cho rằng khi bận vào chiến dịch thì không tiến hành tự phê bình, phê bình trong Đảng được. Việc sinh hoạt đảng thất thường, có chi bộ 6 tháng mới họp một lần. Nội dung sinh hoạt chi bộ nghèo nàn, thường là phổ biến chủ trương của trên, phân công công tác. Ít nêu ra được những vấn đề để thảo luận, nghiên cứu, không phát huy được tính sáng tạo của tổ chức cơ sở đảng. Các cấp lãnh đạo từ xã đến Tỉnh ủy, có lúc chưa theo kịp sự diễn biến, phát triển của phong trào. Do đó, việc đề ra chủ trương, biện pháp không kịp thời, không sát với tình hình, nhất là trên lĩnh vực công tác tư tưởng, công tác nghiên cứu lý luận của Đảng bộ trong mỗi hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Nhận thức về chủ trương củng cố tổ chức của Đảng bộ “đơn giản huyện, kiện toàn tỉnh, củng cố xã” chưa đầy đủ, vận dụng máy móc, dẫn đến tình trạng bộ máy chỉ đạo của Đảng xộc xệch.

Để khắc phục tình hình trên, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III chỉ rõ: Cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập thấm nhuần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng và các văn kiện *Bàn về cách mạng Việt Nam, Chính cương Đảng Lao động Việt Nam, Điều lệ mới của Đảng Lao động Việt Nam*. Phải nắm vững và hiểu sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng; tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng;

coi việc tự phê bình và phê bình là khâu chính để mở rộng dân chủ trong Đảng; lãnh đạo của Đảng từ xã đến tỉnh phải gương mẫu tự phê bình, khuyến khích quần chúng ngoài Đảng phê bình chủ trương, chính sách của Đảng, phê bình cán bộ và đảng viên.

Đảng viên của Đảng phải luôn luôn thể hiện bản chất kiên cường, bất khuất trước kẻ thù và hết lòng phục vụ nhân dân, làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng Lao động Việt Nam không sợ kẻ địch nào dù cho chúng hung tợn đến mấy, không sợ nhiệm vụ nào dù nặng nề, nguy hiểm đến mấy, nhưng Đảng Lao động Việt Nam sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”¹.

Về công tác củng cố các tổ chức quần chúng, Đại hội chỉ rõ: Nhân dân Cao Bằng vốn có tinh thần cách mạng cao, nhưng các tổ chức quần chúng yếu ớt, chưa làm tròn được vai trò là trung tâm, tổ chức, động viên quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ của Đảng. Các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ chưa được kiện toàn, nhất là ở cơ sở, quan niệm chưa đúng về công tác quần chúng. Chưa đánh giá hết trình độ giác ngộ cách mạng của quần chúng, xem nhẹ công tác giáo dục tư tưởng chính trị, nặng về thông tri, chỉ thị từ trên xuống. Thường chỉ chú ý đúng mức đến việc bồi dưỡng, cải thiện đời sống của quần chúng trong điều kiện cho phép. Các cấp lãnh đạo của Đảng trước hết phải nghiên cứu, thấm nhuần sâu sắc những chủ trương và chính sách dân vận của Đảng. Công tác vận động quần chúng là một trọng tâm tạo điều kiện để hoàn thành các công tác khác. Nghị quyết của Đại hội nhấn mạnh: Làm việc gì không được quần chúng ủng hộ sẽ thất bại. Vận động quần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.50.

chúng là nhiệm vụ chung của toàn Đảng bộ, không phải là nhiệm vụ riêng của những cán bộ làm công tác quần chúng. “Bắt buộc tất cả các đồng chí đảng viên, cấp ủy viên đều phải tham gia vào các tổ chức quần chúng. Các đồng chí phụ trách các cơ quan phải kiểm điểm số cán bộ, số đồng chí chuyên nghiệp và nhân viên trong cơ quan mình để quy định tham gia vào các đoàn thể như: nông hội, phụ nữ, thanh niên. Các đồng chí trong các chi bộ xã hay xí nghiệp bắt buộc phải tham gia các đoàn thể quần chúng trong địa phương”¹. Củng cố các đoàn thể quần chúng cần đặc biệt chú trọng củng cố cơ sở ở thôn, xóm. Cơ sở có vững thì đoàn thể mới mạnh. Tránh lối hình thức chỉ chú ý đến việc lập ban chấp hành các đoàn thể từ huyện đến tỉnh để có hệ thống, mà không chú ý đến thực chất phong trào ở cơ sở. Để nhanh chóng củng cố các đoàn thể quần chúng, ở mỗi huyện nên chọn những xã điển hình, tập trung cán bộ xây dựng làm nòng cốt và gây ảnh hưởng sang các xã bên cạnh. Tổ chức rút kinh nghiệm làm bài học chung xây dựng phong trào trong toàn tỉnh. Để tập trung vào nhiệm vụ chính, Nghị quyết còn phân định rõ ranh giới, nhiệm vụ của đoàn thể với nhiệm vụ của Mặt trận.

Về công tác củng cố chính quyền, Đại hội nêu rõ: cần chọn những người xuất sắc trong phong trào được quần chúng nhân dân yêu mến, có tinh thần tích cực, bồi dưỡng giúp đỡ họ học tập, nâng dần trình độ làm việc để đảm đương được nhiệm vụ của tổ chức giao cho. Đối với những ủy viên Ủy ban sa sút phẩm chất, đạo đức, lợi dụng vị trí công tác để đầu cơ, thu vén cho lợi ích cá nhân, đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi

1. Chỉ thị ngày 20/01/1951 của Tỉnh ủy Cao Bằng. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

ích tập thể, cần đưa ngay ra khỏi Ủy ban. Đối với những nhân sĩ có tinh thần yêu nước, phục vụ nhân dân, Ủy ban các cấp cần tạo điều kiện để họ đóng góp vào sự nghiệp kháng chiến của toàn Đảng.

Ủy ban các cấp phải chấn chỉnh, sửa đổi lại tác phong làm việc. Về tư tưởng, các cán bộ chính quyền phải thấm nhuần ý thức tất cả vì quần chúng nhân dân mà phục vụ, làm cho chính quyền dân chủ nhân dân gắn bó mật thiết hàng ngày với quần chúng lao động. Nghị quyết chỉ rõ: phải đi sâu, đi sát quần chúng nhân dân “để hiểu tình hình, để học hỏi nhân dân, để hướng dẫn nhân dân làm những công việc cụ thể chứ không phải để huấn thị... Phải tổ chức cho quần chúng phê bình Ủy ban, để cho nhân dân vạch rõ những sai lầm của Ủy ban và thực sự được tham gia đóng góp vào công việc của Ủy ban. Cán bộ của Ủy ban phải tự mình chỉ trích những khuyết điểm của mình trước nhân dân, báo cáo công việc đã làm với nhân dân”¹.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa III, gồm 13 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Dương Công Hoạt tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Đào Duy Tùng được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III là mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển, trưởng thành của Đảng bộ và mở ra triển vọng mới của phong trào cách mạng ở Cao Bằng.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Cao Bằng đã dấy lên phong trào ra sức thi đua xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt. Đầu năm 1951, toàn tỉnh tập trung thực hiện chiến dịch sửa chữa cầu, đường

1. *Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ III* Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

và chiến dịch sản xuất gỗ tà vẹt do Trung ương phát động để giữ vững và củng cố mạch máu giao thông phục vụ chiến dịch vận tải cung cấp cho nhu cầu của chiến trường mỗi ngày một lớn. Chiến dịch này bắt đầu từ tháng 3 và kết thúc vào tháng 6/1951. Nhiệm vụ Trung ương giao cho Cao Bằng là sửa chữa tất cả các cầu trên các trục đường giao thông của tỉnh, bắc thêm một cầu bằng gỗ dài 36 m và một cầu bằng sắt dài 52 m sang Thủy Khẩu (Trung Quốc); đào đắp 28.000 m³ đất, xếp 2.000 m³ đá kê, mở rộng, rải đá và củng cố lại mặt đường, mở thêm các đường nhánh, xây dựng các bến phà.

Cuối năm 1950, ở Cao Bằng xảy ra nạn lụt lớn, làm cho hàng trăm cây số đường bị hư hỏng. Bất tay vào chiến dịch, Cao Bằng đã vào mùa mưa, vừa thiếu nhân công lại vừa phải đưa hàng trăm tấn nguyên, vật liệu từ Lạng Sơn, Bắc Kạn lên trong hoàn cảnh thiếu phương tiện vận chuyển. Tuy gặp khó khăn, nhưng với tinh thần triệt để cách mạng và trách nhiệm của một tỉnh được giải phóng đối với cuộc kháng chiến của cả nước đang bước vào giai đoạn quyết liệt, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã ra sức phấn đấu hoàn thành chiến dịch này. Năm công trường sửa chữa cầu đường và hàng chục công trường sản xuất gỗ tà vẹt được hình thành. Ngoài lực lượng thanh niên, phụ nữ, còn có nhiều cụ già trên 70 tuổi và hàng vạn đồng bào từ vùng núi cao ở các huyện đến làm việc trên công trường. Trong chiến dịch sửa chữa cầu đường, toàn tỉnh đã huy động 304.401 ngày công. Đến ngày 30/6/1951, công việc đào đắp đất mở rộng mặt đường đạt 94%, xây kê đá đạt 104%, bắc và sửa chữa cầu đạt 57%, rải mặt đường đạt 104%, đóng thêm 3 phà mới, toàn bộ chiến dịch đạt 97%. Hơn thế, trước đó, tháng 01/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật lên Cao Bằng qua Tà Lùng (Phục Hòa) sang Trung Quốc đàm phán về công tác vận

chuyển hàng viện trợ quốc tế cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Sau chuyến đi đó của Người, hàng viện trợ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa là hàng quân sự cung cấp cho ta với khối lượng ngày càng lớn. Nhờ cầu, đường được sửa chữa, củng cố, đã bảo đảm cho việc vận chuyển, tiếp nhận hàng viện trợ quốc tế. Từ biên giới Cao Bằng, hàng viện trợ của bạn bè quốc tế đã nhanh chóng đến với các chiến trường trong cả nước. Sau chiến dịch cầu đường, Cao Bằng đã giành được Cờ thi đua khá nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trên công trường sản xuất gỗ tà vẹt, lúc đầu kết quả sản xuất đạt thấp, mới được 121.421 thanh gỗ tà vẹt, đạt 60% mức Trung ương giao. Nguyên nhân đạt thấp là do lúc đầu quan niệm chưa đúng và không cụ thể về việc sản xuất gỗ tà vẹt, chưa lường trước được những khó khăn và thiếu cách giải quyết những khó khăn phát sinh trong quá trình sản xuất; kế hoạch sản xuất, địa điểm sản xuất không sát với thực tế do gỗ rừng ít, không tập trung, phương tiện vận chuyển thiếu, cán bộ lãnh đạo chưa sâu sát thực tế. Tỉnh đã kịp thời rút kinh nghiệm, tổ chức lại sản xuất. Một vinh dự lớn tại công trường sản xuất gỗ tà vẹt ở Khuổi Khoang (Phục Hòa) là được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh tới thăm và động viên (tháng 3/1951). Sự kiện đó đã trở thành động lực to lớn thúc đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất gỗ tà vẹt của nhân dân¹. Đến hết tháng

1. Tháng 3/1951, trong chuyến đi kinh lý vùng biên giới để kiểm tra việc sửa chữa cầu đường từ Thái Nguyên lên Cao Bằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và làm việc với công trường gỗ tà vẹt ở Khuổi Khoang (Phục Hòa). Sau chuyến thăm của Bác, được tiếp thu lời huấn thị và hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc làm tà vẹt, các cấp ủy đảng tỉnh Cao Bằng đã quán triệt rõ nhiệm vụ và động viên nhân dân Cao Bằng tham gia làm tà vẹt để bàn giao đúng hạn.

11/1951, Cao Bằng đã huy động được 662.047 ngày công làm việc trên các công trường và sản xuất hoàn thành số lượng tà vẹt do Trung ương giao.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết giống, vốn cho nông dân; thành lập tổ đổi công, hợp công nhằm hỗ trợ, giúp nhau trong sản xuất. Nông dân tích cực khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích trồng cây lương thực và hoa màu nên kết quả thu hoạch vụ mùa năm 1951 khá hơn năm 1950, đáp ứng được nhu cầu lương thực cho nhân dân trong tỉnh và đáp ứng kịp thời nhu cầu của chiến trường. Tuy vậy, nhận thức về chủ trương thành lập tổ đổi công, hợp công ở một số địa phương chưa đầy đủ, muốn xây dựng nông trường tập thể, tập trung toàn bộ ruộng đất, trâu bò, nông cụ sản xuất để thực hiện lối làm ăn chung. Việc làm này không đem đến kết quả, thể hiện sự non nớt về nhận thức, nóng vội của cấp ủy cơ sở. Tỉnh ủy đã kịp thời uốn nắn, tạo điều kiện nâng dần trình độ nhận thức, lý luận cho các cấp ủy cơ sở trên về công tác này.

Hưởng ứng chủ trương phát hành công trái kháng chiến của Trung ương năm 1951, nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã mua công trái kháng chiến bằng 1.300 tấn thóc, 88.180.140 đồng, đồng thời cho Chính phủ tạm vay 1.435 tấn thóc, góp phần giải quyết những khó khăn trước mắt và nhu cầu của cuộc kháng chiến. Phong trào mua công trái lên mạnh ở các huyện Trùng Khánh, Hòa An, Hà Quảng... tiêu biểu như gia đình bà Nguyễn Thị Thanh (xã Bế Triều, Hòa An) đã mua công trái bằng 3.000 kg thóc...

Kết quả các mặt sản xuất nông nghiệp, kinh tế, tài chính, ổn định đời sống nhân dân có sự chuyển biến tích cực, tạo điều kiện đẩy mạnh công tác văn hóa - xã hội. Nhiều lớp bình dân học vụ được thành lập ngay cả ở vùng cao để đồng bào các dân

tộc có điều kiện đến lớp. Ở các huyện, thị xã đã mở thêm các trường phổ thông cấp I, cấp II, bảo đảm đủ chỗ cho các em đến tuổi đi học. Thành lập câu lạc bộ, phòng đọc sách ở tỉnh và một số huyện. Về công tác y tế, phòng khám bệnh, phát thuốc được mở rộng, đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường. Những tệ nạn xã hội cũ như tập tục lạc hậu, rượu chè, mê tín, nghiện thuốc phiện được đẩy lùi từng bước; nếp sống văn hóa mới ngày một chiếm ưu thế trong nông thôn. Những thay đổi nhanh chóng của Cao Bằng sau một năm giải phóng có tác dụng tích cực góp phần vào cuộc kháng chiến của cả nước, xứng đáng vai trò là hậu phương, căn cứ địa cách mạng.

Trong thời gian này, các cuộc tiến công của bộ đội chủ lực ta trên các chiến trường làm rung chuyển hệ thống chiếm đóng của thực dân Pháp. Đứng trước tình hình đó, địch ra sức phá hoại hậu phương của kháng chiến. Đối với Cao Bằng, một mặt, chúng tung gián điệp, đặc vụ gây dựng cơ sở, tập hợp bọn Việt gian phản động còn ẩn náu lại, tìm mọi cách chống phá cách mạng; tuyên truyền gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc; rải truyền đơn chống lại chính sách thuế nông nghiệp của Đảng; núp dưới hình thức tôn giáo tuyên truyền phản cách mạng làm giảm sút tinh thần kháng chiến của giáo dân; dùng máy bay thả muối, gạo, vải và các hàng hóa khác để lừa phỉnh, mua chuộc nhân dân. Mặt khác, chúng tích cực cho máy bay bắn phá các kho tàng, cơ sở sản xuất, cầu, đường nhằm ngăn cản vận chuyển của ta. Trên các trục đường giao thông chính thường xuyên có máy bay theo dõi bắn vào các đoàn xe vận chuyển cả ban ngày lẫn ban đêm. Để đối phó với những âm mưu đó, Tỉnh ủy đã chủ trương thành lập các trạm báo động phòng không nhân dân và các trận địa bắn máy bay để bảo vệ cầu cống, bến phà trọng điểm của tỉnh.

Ngày 28/4/1951, tướng Hác-tô-man, Tư lệnh không quân Pháp trực tiếp đi máy bay kiểm tra phòng tuyến khu Đông Bắc (Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng), khi chiếc máy bay bay qua vùng trời thị xã Cao Bằng lúc 15 giờ, đã bị đơn vị C372 của ta bắn rơi xuống khu vực sân bay Nà Cạn (thị xã Cao Bằng). Sự kiện bắn rơi máy bay của thực dân Pháp đã gây một dư luận lớn trong chính giới tư bản Pháp, buộc Chính phủ Pháp phải điều đình với ta để nhận lại xác Hác-tô-man. Chính phủ Pháp đã cho quân ngừng ném bom tuyến quốc lộ số 3 (Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên) trong thời gian 5 ngày để nhận xác Hác-tô-man tại Thái Nguyên.

Tranh thủ thời gian quân Pháp ngừng ném bom, quân và dân tỉnh Cao Bằng đã ngày đêm vận chuyển hàng nghìn tấn vũ khí, đạn dược, lương thực phục vụ cho các chiến dịch trung du và đồng bằng.

Sau thời gian thực dân Pháp cam kết, từ ngày 08/5/1951, chúng lại huy động máy bay ném hàng trăm quả bom xuống thị xã Cao Bằng, cầu Tài Hồ Sìn (huyện Hòa An), cầu Thông Huệ, cầu Lũng Đính (huyện Trùng Khánh), đèo Mã Phục (huyện Quảng Uyên)...; đèo Giàng, cầu Ngân Sơn (huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn). Tại các huyện Quảng Uyên, Phục Hòa, Trùng Khánh, nơi tiếp nhận hàng viện trợ quốc tế có nhiều kho tàng, đồng thời cũng là nơi giam giữ nhiều tù binh Pháp sau Chiến dịch Biên giới, máy bay địch đã đánh phá liên tục vào các làng, bản và các trục đường giao thông, làm cho một số kho tàng cùng hàng trăm tấn lương thực bị cháy, nhiều làng, bản, nhà cửa của đồng bào bị phá hủy, hàng trăm người bị chết¹. Hoạt động phá hoại trên nhiều mặt của

1. Năm 1951, địch huy động 591 lần chiếc máy bay đến ném bom xuống các huyện trong tỉnh, 427 người chết, 237 người bị thương, đánh sập 3 cầu, phá huỷ 112 ngôi nhà, làm cháy 60.500 thanh tà vẹt.

địch đã gây ra khó khăn lớn cho Đảng bộ và nhân dân ta trong công cuộc xây dựng hậu phương kháng chiến, thực hiện nhiệm vụ do Trung ương giao.

Đầu năm 1952, Tỉnh ủy họp Hội nghị cán bộ mở rộng phân tích đánh giá tình hình chung, kịp thời đề ra chủ trương giải quyết những vấn đề cấp bách của Đảng bộ, trong tình hình mới trên các mặt quân sự, kinh tế...

Về mặt quân sự, bộ đội địa phương của tỉnh đã sang phối hợp với quân và dân tỉnh Hà Giang chiến đấu tiêu diệt quân nhảỵ dù xuống Mèo Vạc, truy lùng những tên chạy trốn vào rừng. Tỉnh đã kịp thời đưa cán bộ, bộ đội đến một số vùng ở các huyện Hà Quảng, Bảo Lạc, Nguyên Bình và các huyện dọc biên giới đang có bọn phản động phá hoại cách mạng, tuyên truyền, giáo dục, giải thích rõ những chính sách của Đảng cho nhân dân; vạch trần âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch. Đồng thời, tăng cường củng cố cơ sở cách mạng; dựa chắc vào dân, kiên quyết trấn áp bọn đặc vụ Tưởng, Việt gian phản động và trục xuất khỏi tỉnh những linh mục lợi dụng tôn giáo hoạt động phá hoại cách mạng.

Cao Bằng đã tăng cường củng cố lực lượng bộ đội địa phương và lực lượng dân quân, du kích về mọi mặt, nâng cao trình độ tổ chức, chỉ huy của cán bộ, chiến sĩ, tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù; tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng đối với lực lượng vũ trang; kịp thời bồi dưỡng những cán bộ, chiến sĩ có thành tích trong xây dựng và chiến đấu để kết nạp vào hàng ngũ của Đảng, làm cho đội ngũ của Đảng trong lực lượng vũ trang ngày một tăng nhanh về số lượng và chất lượng. Năm 1952, Cao Bằng đã bổ sung cho bộ đội chủ lực 575 cán bộ, chiến sĩ. Đó là những cán bộ chỉ huy và chiến sĩ đã được tôi luyện và trưởng thành trong thực tế chiến đấu.

Trên mặt trận kinh tế, nhân dân trong tỉnh đã hưởng ứng cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm do Đảng và Chính phủ phát động. Phong trào sản xuất nông nghiệp trở thành một phong trào quần chúng mạnh mẽ và rộng khắp. Nông dân nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, khắc phục khó khăn, cần cù lao động. Bộ đội, cán bộ, công nhân viên chức, học sinh cũng tranh thủ tham gia sản xuất, để tự túc một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm. Phong trào tổ đổi công, tổ hợp công trong nông dân phát triển rộng khắp tạo thêm sức mạnh thắng thiên tai, tăng vụ lúa, trồng thêm hoa màu, đẩy mạnh chăn nuôi, khôi phục nghề phụ gia đình. Nghề dệt vải, làm đường, ép dầu, làm chum vại, đúc lưỡi cày, rèn cuốc, dao được phục hồi và phát triển. Hoạt động của ngành kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp¹, giao thông vận tải... đã góp phần củng cố hậu phương kháng chiến, ổn định đời sống của nhân dân. Nhu cầu về vải mặc, giấy viết, dầu thắp, muối ăn, thuốc chữa bệnh của nhân dân phần nào đã được đáp ứng.

Với những thành tích chiến đấu và xây dựng trong các năm 1951, 1952, Cao Bằng đã thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III: “Xây dựng hậu phương vững chắc, kịp thời phục vụ các chiến dịch, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến toàn thắng”. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã xây dựng và liên tục giữ vững Cao Bằng là căn cứ địa cách mạng, là hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến; cùng nhân dân cả nước chiến đấu và giành những thắng lợi mới của cuộc kháng chiến. Đây là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng. Đồng thời, Đảng bộ tỉnh đã rút ra bài

1. Năm 1951, đã thành lập Chi sở Mậu dịch và Chi sở Ngoại thương.

học kinh nghiệm là trong công tác lãnh đạo phải biết dựa vào nhân dân, biết tổ chức nhân dân thành một lực lượng chặt chẽ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng thì khó khăn nào cũng vượt qua, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành.

Qua 8 năm chiến đấu và xây dựng, lực lượng vũ trang nhân dân đã lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Ở chiến trường chính, quân ta luôn luôn tập trung được ưu thế binh lực, giữ quyền chủ động tiến công. Hậu phương được củng cố và mở rộng hơn trước. Tinh thần phấn đấu, tin tưởng, ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Pháp xâm lược của nhân dân ta là chỗ dựa vững chắc cho quân đội ta. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta không những được sự cổ vũ về tinh thần mà còn được sự giúp đỡ về vật chất của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Những điều kiện về tinh thần và vật chất cho việc giành thắng lợi lớn của cuộc kháng chiến đã được chuẩn bị tốt; quân ta đã đảo được thế trên chiến trường từ phòng ngự sang phòng ngự phản công.

Về phía địch, chúng đang ở trong tình thế nguy ngập. Quân viễn chinh Pháp đang mắc vào mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung, giữa tiến công ra vùng tự do và phòng ngự ở vùng chúng kiểm soát, giữa tập trung ra miền Bắc và phân tán chiếm đóng ở miền Nam. Thất bại về quân sự và những khó khăn về kinh tế ở ngay nước Pháp đã làm nhụt ý chí xâm lược của giới cầm quyền Pháp. Sau thất bại ở Biên giới năm 1950, Chính phủ Pháp tự rút ra kết luận không thể thắng được trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Giải pháp duy nhất mà Chính phủ Pháp tìm thấy để giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương là tiếp tục xin viện trợ Mỹ để giành lại thế mạnh về quân sự làm chỗ dựa cho cuộc đàm phán thương lượng với Chính phủ Việt Nam trên thế mạnh.

Sau thất bại của thực dân Pháp ở Tây Bắc (năm 1952) và Thượng Lào (năm 1953), Mỹ tăng gấp ba viện trợ quân sự cho thực dân Pháp so với năm 1952. Viện trợ quân sự của Mỹ cho thực dân Pháp đã chiếm tỷ lệ từ 43% năm 1953, tăng lên 73% năm 1954 trong toàn bộ ngân sách chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

Ngày 07/5/1953, với sự thỏa thuận của Mỹ, Chính phủ Pháp cử Tướng Nava sang làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương và Kế hoạch Nava được xây dựng với hy vọng “chuyển bại thành thắng” trong vòng 18 tháng. Kế hoạch Nava chủ trương không chấp nhận một sự rút lui nào. Điều kiện quân sự cho một giải pháp chính trị danh dự là giữ vững các trận địa và cải thiện các trận địa ấy. Trọng tâm của Kế hoạch Nava là tổ chức khối chủ lực tác chiến. Nava chủ trương thừa nhận quyền “độc lập” cho bọn bù nhìn để dùng bọn này đôn quân bắt lính, rút lực lượng chiếm đóng về tập trung. Kế hoạch Nava được thực hiện theo hai bước: *Bước một* là: trong Thu - Đông 1953 và Xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược, trên chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược để “bình định” miền Trung và miền Nam Đông Dương. *Bước hai* là: Trong Đông - Xuân 1954-1955, với khối chủ lực cơ động, tập trung toàn bộ lực lượng quyết chiến với chủ lực ta trên chiến trường miền Bắc, giành thắng lợi quyết định. Kế hoạch Nava là một kế hoạch có quy mô rộng lớn, một âm mưu chính trị và quân sự của khối liên minh Pháp - Mỹ chống lại cách mạng Đông Dương. Kế hoạch Nava là nỗ lực cao nhất, là cố gắng cuối cùng của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Tháng 9/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp bàn về nhiệm vụ quân sự Đông Xuân 1953-1954. Phân tích cụ thể cục

diện chiến tranh ở Đông Dương và âm mưu mới của Pháp - Mỹ, Bộ Chính trị cho rằng: Kế hoạch Nava tuy có thể gây cho ta những khó khăn mới, nhưng bản thân nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và có nhiều nhược điểm lớn; đại bộ phận địch tập trung ở đồng bằng còn ở các chiến trường khác, nhất là miền núi chúng có nhiều sơ hở và nhiều chỗ yếu. Bộ Chính trị nêu ra hai phương án để nghiên cứu.

Phương án thứ nhất: tập trung toàn bộ hoặc phần lớn bộ đội chủ lực ở đồng bằng, phát triển chiến tranh du kích, bảo vệ vùng tự do.

Phương án thứ hai: lúc này địch tập trung cao độ quân chủ lực để tác chiến với ta ở đồng bằng. Chiến trường đồng bằng có nhiều thuận lợi cho địch; đánh lớn vào đồng bằng chỉ có thể thu được những thắng lợi có hạn. Tây Bắc Việt Nam và Lào là nơi địch yếu nhưng chúng không thể bỏ. Đưa bộ đội chủ lực lên hướng đó tuy có khó khăn lớn về tiếp tế, nhưng ta buộc địch phải phân tán lực lượng, tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh hoạt động ở khắp các chiến trường sau lưng địch, tạo điều kiện tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc Bộ.

Dựa trên phương hướng chiến lược đúng đắn của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng là tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu, đánh chắc thắng, Bộ Chính trị đã phê chuẩn phương án thứ hai. Đề ra chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 tiêu diệt địch ở Lai Châu, giải phóng hoàn toàn Tây Bắc và phối hợp với Quân giải phóng Lào và Quân giải phóng Campuchia tiêu diệt một bộ phận địch ở Trung Lào, Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia, mở rộng vùng giải phóng; đoạt lấy địa bàn chiến lược Tây Nguyên, phá âm mưu bình định miền Nam của địch. Nghị quyết của Bộ Chính trị (tháng 9/1953) đã mở đường đi tới những thắng lợi lịch sử trong Đông Xuân 1953-1954 và

Chiến dịch Điện Biên Phủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Địch càng thất bại thì chúng càng hung tàn. Nên tuy thắng lợi nhiều, chúng ta quyết không được chủ quan, khinh địch. Trái lại, chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng xâm lược đất đai, bóc lột nhân dân các nước hậu tiến là một trong những tính chất căn bản của tư bản độc quyền... Chúng muốn chiếm nước ta làm một căn cứ quân sự để tiến công Trung Quốc. Vì vậy mà chúng cố sống cố chết bám lấy Việt - Miên - Lào... từ nay cuộc chiến tranh giữa ta với địch sẽ *gay go, phức tạp hơn*”¹.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị tháng 9/1953 của Bộ Chính trị, tháng 10/1953, Đảng bộ tỉnh tổ chức Hội nghị mở rộng đã cụ thể hóa chủ trương của Trung ương Đảng vào thực tế ở chiến trường Cao Bằng, làm tròn nhiệm vụ của hậu phương đối với cuộc kháng chiến ở giai đoạn phát triển cao nhất.

Trước hết, Đảng bộ đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng: Thông qua các lớp chỉnh đảng, chỉnh huấn đã làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ địch và cuộc kháng chiến đang bước vào giai đoạn phát triển mới, đòi hỏi sự cố gắng cao nhất của cán bộ, đảng viên, tạo ra không khí phấn khởi thi đua hoàn thành nhiệm vụ xây dựng hậu phương, phục vụ kịp thời cho tiền tuyến, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Số lượng và chất lượng của Đảng bộ không ngừng tăng nhanh (đến năm 1954, toàn Đảng bộ đã có 152 chi bộ cơ quan, xí nghiệp, xã, với 5.137 đảng viên). Nhận thức rõ trách nhiệm của mình, cán bộ, đảng viên bám sát thực tế, lăn lộn trong các phong trào thi đua lao động xây dựng hậu phương, phục vụ tiền tuyến, gương mẫu thực hiện chính sách dân tộc của Đảng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.27.

Trên mặt trận kinh tế - tài chính: Sản xuất nông nghiệp, nguồn kinh tế chủ yếu của tỉnh được đẩy mạnh. Giống lúa “Nam Ninh”, “Lục mào” được nhân rộng ra các huyện Thạch An, Hạ Lang, Phục Hòa, Nguyên Bình. Diện tích trồng ngô sớm, ngô nương, ngô bãi được mở rộng. Cùng với việc tích cực chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tỉnh chỉ đạo các huyện động viên nhân dân khai thác lâm thổ sản (gỗ, tre, vầu, nứa, sa nhân, củ nâu, sơn thực) để Nhà nước thu mua xuất khẩu sang Trung Quốc và đã đem lại một nguồn thu khá lớn cho tỉnh (năm 1953, xuất khẩu lâm thổ sản đạt trị giá 374.214.425 đồng).

Về thủ công nghiệp: Nghề dệt vải, làm giấy, làm đường và các nghề phụ khác trong gia đình ngày càng phát triển, góp phần phục vụ đời sống hàng ngày của nhân dân và phục vụ xuất khẩu.

Ngành thương nghiệp đã góp phần điều hòa hàng hóa giữa các vùng và giá cả trên thị trường nên giá muối, vải, sợi, gạo, dầu thấp tương đối ổn định.

Công tác bảo đảm giao thông phục vụ các chiến dịch quân sự là một nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ. Tỉnh duy trì đội thanh niên xung phong với gần 1.000 đội viên, 255 tổ ứng cứu với 3.565 người ở các xã ven đường, thường trực ở những điểm địch hay bắn phá, kịp thời sửa chữa những chỗ đường bị hư hỏng. Do vậy, 267 km đường xe chính luôn bảo đảm thông suốt. Đồng thời, tỉnh huy động dân công duy tu, mở rộng các tuyến đường phục vụ cho việc đi lại của nhân dân, lưu thông hàng hóa giữa các vùng như tuyến đường từ Quảng Uyên đi Hạ Lang dài 35 km; đường Mã Phục đi Trấn Biên dài 15 km; đường Đông Khê đi Thất Khê dài 25 km; đường Nguyên Bình đi Bảo Lạc dài 85 km; sửa chữa, nâng cấp các con đường từ Trấn Biên đi Trùng Khánh, từ Trùng Khánh đi Pò Tấu, Bằng Ca.

Cùng với công tác bảo đảm giao thông, Cao Bằng đã huy động dân công và 228 xe đạp, 120 xe ngựa vận chuyển 1.200 tấn thóc về Bắc Kạn phục vụ cho Đông Xuân 1953-1954. Để vượt qua nhiều đoạn đường xung yếu địch thường bắn phá, dân công đã “biển đêm thành ngày”, không quản ngại hy sinh, đèo dốc, đêm tối thực hiện tốt việc tiếp lương cho tiền tuyến.

Về thuế nông nghiệp, Liên khu Việt Bắc giao cho Cao Bằng trong vụ hè năm 1954 nộp cho Nhà nước 2.400 tấn lương thực (trong đó 1.500 tấn bằng thóc, 200 tấn bằng ngô, 700 tấn lương thực quy ra tiền). Với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, nhân dân Cao Bằng đã nhanh chóng đóng thuế đạt tỷ lệ 109% so với mức Liên khu giao. Các huyện Trấn Biên, Trùng Khánh, Phục Hòa, Quảng Uyên, Thạch An bảo đảm thu nhanh gọn. Xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh hoàn thành 100% mức tỉnh giao trước thời hạn 12 ngày. Xã Thái Cường (Thạch An) trong 12 ngày đã thu đạt mức 100%. Thôn Mai Lĩnh B (xã Ngọc Khê, Trùng Khánh) đã hoàn thành công tác thu trong 5 buổi. Thôn Minh Loan và thôn Minh Khai (xã Đức Long, Hoà An) đã hoàn thành công tác thu trong 7 buổi.

Sự phát triển của các ngành sản xuất đã góp phần giải quyết nhiều khó khăn của kháng chiến về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Đoàn kết giữa các dân tộc được tăng cường. Chính quyền dân chủ nhân dân càng thực sự là của nhân dân lao động. Cơ sở đảng được củng cố, vai trò lãnh đạo của Đảng được đề cao. Các chính sách kinh tế, tài chính của Đảng được triệt để thực hiện. Thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp và các thứ thuế khác nộp nhanh, đủ. Nhân dân sẵn sàng đem hết sức người, sức của phục vụ kháng chiến. Khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” trở thành hiện thực sinh động.

Công tác giáo dục, y tế có bước tiến bộ mới. Toàn tỉnh mở được 164 lớp sơ cấp bổ túc văn hóa cho cán bộ xã, với 3.771 người theo học (riêng huyện Hoà An tổ chức được 74 lớp cho 1.333 cán bộ và nhân dân theo học). Giáo dục phổ thông cấp I có 320 lớp, với 11.117 học sinh; cấp II có 18 lớp, với 837 học sinh. Đội ngũ giáo viên được quan tâm đào tạo, đến cuối năm 1954, ngành giáo dục đã có 212 giáo viên cấp I và cấp II, chưa kể đội ngũ giáo viên bổ túc văn hóa là những cán bộ của các ngành khác kiêm nhiệm. Tỉnh cử nhiều đoàn cán bộ y tế đến các xã khám và chữa bệnh, tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng bệnh trong nhân dân.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Để đánh thắng thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ và lũ Việt gian bù nhìn chó săn của chúng, ta phải có một *quân đội nhân dân thật mạnh và luôn luôn tiến bộ*”¹, Đảng bộ tỉnh luôn chú ý củng cố các đại đội bộ đội địa phương; tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, chính trị trong lực lượng vũ trang; mở các lớp huấn luyện nâng cao trình độ tổ chức, chỉ huy, phối hợp chiến đấu chặt chẽ giữa cán bộ các đại đội du kích, đại đội bộ đội địa phương. Do đó, lực lượng vũ trang Cao Bằng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Trình độ kỹ thuật tác chiến của cán bộ, chiến sĩ có những tiến bộ đáng kể. Việc tuyển quân đạt gấp đôi mức đề ra. Trong năm 1953, đã có 28 gia đình được tặng Bằng vàng và 40 gia đình được tặng danh hiệu Gia đình vẻ vang trong công tác tuyển quân. Đến đầu năm 1954, lực lượng dân quân, du kích toàn tỉnh đã có 5.668 người, trong đó có 451 đảng viên. Trong hai năm 1953-1954, Cao Bằng đã bổ sung cho quân chủ lực 844 cán bộ, chiến sĩ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.27.

Thất bại trước các đòn tiến công của quân và dân ta trên khắp các mặt trận, phát hiện quân ta di chuyển lên Tây Bắc, ngày 20/11/1953, thực dân Pháp cho 6 tiểu đoàn quân nhảy dù xuống chiếm Điện Biên Phủ nhằm ngăn chặn quân ta giải phóng Lai Châu, tiến sang Thượng Lào và tăng thêm lực lượng xây dựng phòng tuyến sông Nậm Hu nối liền Thượng Lào với Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ được đế quốc Pháp - Mỹ coi là vị trí then chốt để làm bàn đạp chiếm lại Tây Bắc, che chở cho Thượng Lào và là một căn cứ không quân, lực lượng lợi hại; phục vụ cho chính sách xâm lược của Mỹ ở Đông Nam Á. Sau đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung binh lực thứ hai của địch trên chiến trường Đông Dương. Trước hành động đó của địch, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ, phá tan Kế hoạch Nava của thực dân Pháp.

Điện Biên Phủ cách xa hậu phương nên việc tiếp tế, vận chuyển hậu cần của ta gặp nhiều khó khăn. Song, với tinh thần quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã tạo ra những lực lượng lớn chi viện cho tiền tuyến, bảo đảm cung cấp cho mặt trận Điện Biên Phủ.

Quân và dân các dân tộc Cao Bằng cũng như quân và dân cả nước đứng trước một nhiệm vụ to lớn và nặng nề. Thi hành chỉ thị của Liên Khu ủy và Hội đồng cung cấp mặt trận của Liên khu "... bảo đảm cho kế hoạch, Tỉnh ủy có trách nhiệm giải quyết những yêu cầu về dân công, vật liệu, phòng gian, bảo mật"¹, với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", quân và dân Cao Bằng đã dồn hết sức mình chi viện cho chiến trường. Toàn tỉnh đã huy động đợt đầu tiên

1. Điện của Liên Khu ủy Việt Bắc số 19/KU gửi Tỉnh ủy Cao Bằng. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

1.034 người đi phục vụ cho chiến dịch dài ngày (trong số này có 24 nữ, có cả đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao hẻo lánh xuống núi ra mặt trận). Trong năm 1954, toàn tỉnh đã huy động 35.456 người với 873.902 ngày công để sửa chữa đường phà và phục vụ cho kế hoạch quân sự.

Việc vận chuyển hàng hóa, lương thực, thực phẩm của tỉnh Cao Bằng cho mặt trận cũng có nhiều cố gắng. Gần 2.000 tấn lương thực (trong đó có cả gạo, ngô) đã được chuyển ra mặt trận bằng các phương tiện thô sơ, góp phần bảo đảm cho bộ đội ăn no, đánh thắng giặc. Hàng chục vạn ngày công đã được huy động đến các công trường làm gỗ, làm đường, bảo vệ kho tàng, bảo đảm giao thông suốt từ Thủy Khẩu (biên giới Việt Nam - Trung Quốc) về xuôi và các vùng trong tỉnh, nối liền hậu phương với mặt trận Trung du, Tây Bắc và các mặt trận khác trong cả nước. Hàng vạn thanh tà vẹt được đưa vào xây dựng tuyến đường sắt Nam Ninh (Quảng Tây, Trung Quốc) - Lạng Sơn (Việt Nam) dài 500 km, 800 cầu cống được sửa chữa phục vụ cho chiến dịch.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả một hậu phương hùng hậu từ vùng tự do Việt Bắc, Liên khu III, Liên khu IV, vùng mới giải phóng Tây Bắc, vùng du kích và căn cứ du kích đồng bằng Bắc Bộ dồn sức người, sức của và cả tinh thần nhiệt tình trong công tác hậu cần cho mặt trận, những phương tiện vận chuyển hiện đại của kẻ thù như máy bay, tàu chiến đã thua các đội thô của dân công.

Có thêm sức mạnh của hậu phương, cuộc chiến đấu của quân ta ở Điện Biên Phủ diễn ra từ ngày 13/3/1954 đến ngày 07/5/1954 đã giành chiến thắng lẫy lừng. Trải qua 56 ngày đêm chiến đấu kiên cường và anh dũng, với 3 đợt tiến công gian khổ và ác liệt, quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu

16.200 tên địch, thu toàn bộ vũ khí, trang bị quân sự, bắn rơi nhiều máy bay; xóa sổ hoàn toàn tập đoàn cứ điểm quân sự mạnh nhất Đông Dương của quân đội Pháp, thực hiện xuất sắc chỉ thị của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cuộc chiến đấu mà kẻ thù buộc nhân dân ta phải chấp nhận cũng là cuộc chiến đấu chôn vùi chúng. Bài học thật thích đáng đã đến với thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ. Cuộc chiến đấu và chiến thắng của nhân dân ta đã chứng minh một chân lý mới của thời đại: “Một dân tộc dù nhỏ bé khi đã có một đường lối đúng, quyết tâm cầm vũ khí đứng lên đánh trả bọn xâm lược hoàn toàn có khả năng đánh bại cả những tên đế quốc hùng mạnh”.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Miền Bắc Việt Nam được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam sau này. Thực dân Pháp từ chỗ muốn tiêu diệt cách mạng nước ta, đến chỗ buộc phải công nhận Việt Nam có các quyền dân tộc cơ bản là: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp không chỉ có ý nghĩa lớn lao đối với dân tộc ta, mà còn có ý nghĩa lớn lao đối với phong trào cách mạng quốc tế, nhất là phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược khẳng định vai trò lãnh đạo và chỉ đạo đấu tranh của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhà chiến lược thiên tài, con người của những bước ngoặt lịch sử. Đây cũng là niềm tự hào đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng.

Với trách nhiệm được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao phó, Đảng bộ tỉnh đã tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng trên địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng đối với cuộc kháng chiến của dân tộc ta, được nhân dân các dân tộc trong tỉnh đồng tình ủng hộ, đoàn kết nhất trí, một lòng theo Đảng, đem hết tinh thần và của cải, góp phần cùng nhân dân cả nước đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Chương IV

ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1955-1965)

I. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÔI PHỤC KINH TẾ VÀ CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1955-1960)

Thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược với đỉnh cao là Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ ngày 21/7/1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.

Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: miền Bắc tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nhằm đánh đổ đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam; hai chiến lược cách mạng ở hai miền được đồng thời tiến hành. Tuy mỗi miền có chiến lược cách mạng khác nhau, nhưng hai chiến lược trên có mối quan hệ khăng khít với nhau. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa trở thành căn cứ địa cách mạng, hậu phương của cuộc đấu tranh giải phóng dân

tộc ở miền Nam, miền Nam là tiên tuyến lớn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Sau ngày hòa bình lập lại, giao thông Cao Bằng chưa phát triển, việc đi lại gặp nhiều khó khăn, nhất là ở vùng cao biên giới xa xôi, hẻo lánh. Tại vùng cao biên giới, trước đây là địa bàn thổ phỉ hoạt động, tuy đã bị lực lượng cách mạng tấn công tiêu diệt nhưng vẫn còn số ít sống sót dựa vào núi rừng tiếp tục lén lút hoạt động. Năm 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, chế độ Quốc dân Đảng Trung Hoa bị sụp đổ, đặc vụ Quốc dân Đảng cùng với những tên cường hào có nhiều tội ác với nhân dân Trung Quốc chạy trốn, sống chui lủi tại các vùng núi biên giới Cao Bằng, chúng cấu kết với bọn thổ phỉ và phản động địa phương âm mưu cài cắm cơ sở, mai phục lâu dài chống phá cách mạng. Thêm vào đó, lại xảy ra các vụ lấn chiếm đất đai, xê dịch các cột mốc biên giới sang đất Việt Nam, làm cho tình hình an ninh biên giới càng trở nên phức tạp.

Từ sau tháng 7/1954, quân Pháp lần lượt rút khỏi miền Bắc, hoà bình được lập lại, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, song cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mới được hoàn thành ở một nửa đất nước và cơ sở kinh tế của chế độ phong kiến chưa bị xóa bỏ hoàn toàn, nhân dân lao động vẫn còn nghèo đói, mù chữ. Tình trạng bất bình đẳng và kỳ thị dân tộc do hậu quả của phong kiến và đế quốc gây ra vẫn còn nặng nề.

Nhiệm vụ cách mạng đặt ra cho toàn Đảng, trong đó có Đảng bộ tỉnh Cao Bằng là phải hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đặc biệt là phải thực hiện nội dung dân chủ, giải quyết vấn đề “người cày có ruộng”, có như vậy mới xóa bỏ được tận gốc rễ chế độ bóc lột phong kiến, xóa bỏ nghèo đói, tạo điều kiện thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tình hình ruộng đất ở Cao Bằng có những nét khác với các tỉnh đồng bằng và trung du. Ở đây, sự phân hóa giai cấp chưa rõ rệt, một số ít địa chủ, phú nông ở Cao Bằng thường gắn bó với chức dịch trong bộ máy quan lại phong kiến, thực dân, hơn nữa ruộng đất chưa được tập trung nhiều trong tay địa chủ. Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, một số ít gia đình địa chủ đã từng nuôi và bảo vệ cán bộ hoạt động bí mật, tham gia kháng chiến..., gắn bó với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Trong kháng chiến, nhằm thực hiện nhiệm vụ chống phong kiến, Khu ủy Liên khu Việt Bắc đã chỉ đạo thí điểm giảm tô đợt 4 và đợt 5 ở 30 xã thuộc Cao Bằng, trong đó: huyện Hòa An thí điểm 9 xã vùng đồng; huyện Nguyên Bình thí điểm 18 xã cả vùng thấp lẫn vùng cao; huyện Hà Quảng thí điểm 3 xã vùng cao.

Công tác thí điểm giảm tô ở Cao Bằng đang tiến hành thì vào đầu tháng 8/1954, Trung ương Đảng hoãn thí điểm giảm tô ở Cao Bằng, chuyển số cán bộ giảm tô về các tỉnh trung du và đồng bằng.

Kết quả hai đợt thí điểm giảm tô gần 8 tháng tại ba huyện Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình như sau: Huyện Nguyên Bình thí điểm giảm tô ở 18 xã thì 11 xã đã xét duyệt xong thành phần, 6 xã hoàn thành bước tuyên truyền chính sách, bắt rế, xâu chuỗi, một xã đang thu thập tài liệu. Các xã này đã quy được 45 địa chủ, 58 phú nông là cường hào bị tịch thu tài sản, trong đó ruộng đất tịch thu được trên 8 ha, ngô ruộng được trên 3 ha. Khi sửa sai, 43 địa chủ được hạ thành phần xuống nông dân, 1 địa chủ hạ xuống phú nông, chỉ còn 1 địa chủ; 57 phú nông được hạ thành phần xuống nông dân, chỉ còn 1 phú nông.

Huyện Hòa An giảm tô ở 9 xã¹, đã xét duyệt xong thành phần, quy 49 địa chủ và 81 phú nông. Khi sửa sai, 39 địa chủ được hạ thành phần xuống nông dân lao động, 3 địa chủ xuống phú nông, còn 7 địa chủ; 70 phú nông được hạ thành phần xuống nông dân lao động, còn 11 phú nông.

Huyện Hà Quảng giảm tô ở 3 xã: Bình Lãng, Ngọc Động, Thanh Long quy 7 địa chủ, 9 phú nông. Khi sửa sai, 6 địa chủ được hạ thành phần xuống nông dân lao động, chỉ còn 1 địa chủ; 9 phú nông được hạ thành phần xuống nông dân lao động.

Ở ba huyện trên, nhìn chung việc thí điểm giảm tô đợt 4 và đợt 5 đều chưa hoàn thành, dừng lại ở bước hai (phân định thành phần giai cấp và đưa ra đấu tố), đa số xã hoàn thành bước hai, có xã hoàn thành bước một, có xã đang thu thập tài liệu như xã Thịnh Vượng (huyện Nguyên Bình).

Ở một số huyện tuy không thuộc diện thí điểm giảm tô, nhưng một số cấp ủy chịu ảnh hưởng thí điểm giảm tô đã phát động quần chúng truy tìm địa chủ và các phần tử thù địch như huyện Quảng Uyên, huyện Hạ Lang, dẫn tới tình trạng sai lầm nặng nề, gây nên tình trạng căng thẳng ở địa phương. Ngược lại, một số vùng ở tây nam huyện Bảo Lạc, bọn thổ phỉ móc nối với địa chủ, hào lý cũ, thì việc xử lý vẫn để lại không triệt để.

Để uốn nắn những sai lệch trong công tác thí điểm giảm tô, Tỉnh ủy tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 10 mở rộng về công tác cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, tiến hành sửa sai nhằm thực hiện đúng chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác sửa sai được tiến hành khác nhau, ở từng vùng, từng cơ sở tùy

1. Gồm các xã: Hưng Đạo, Hoàng Tung, Bế Triều, Đại Tiến, Vĩnh Quang, Đề Thám, Lê Chung, Hồng Việt, Bình Long.

theo tình hình cụ thể, có nơi chủ yếu là sửa sai thành phần, có nơi chủ yếu phải sửa sai về xử lý, quy kết về chính trị, có nơi không đặt thành vấn đề sửa sai mà chỉ đặt vấn đề kết hợp với công tác trung tâm ở địa phương như vận động sản xuất, công tác thuế... nhằm ổn định tư tưởng, tăng cường đoàn kết dân tộc.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, kinh tế Cao Bằng chủ yếu là kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, sản xuất nông nghiệp còn lạc hậu, công nghiệp hầu như chưa có. Chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đã để lại cho Cao Bằng hậu quả nặng nề, các cơ sở nông nghiệp, thủ công nghiệp bị tàn phá, sức người và sức của bị hút vào cuộc chiến tranh, nhiều ruộng đất bị bỏ hoang không được cày cấy. Khi hòa bình lập lại, đời sống đồng bào các dân tộc gặp nhiều khó khăn do sản xuất chưa được khôi phục; thời tiết có nhiều biến động, hạn hán kéo dài, mùa màng thất bát nặng, dẫn tới sản lượng lương thực bị giảm sút, xảy ra nạn đói...

Để khắc phục khó khăn trong những năm đầu sau giải phóng, Tỉnh ủy chỉ đạo: “Khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp là vấn đề then chốt, là cơ sở của việc cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo lương thực cho nhân dân, phân thặng về kinh tế, mở rộng giao lưu hàng hóa”¹; phải “cứu đói như cứu hỏa”, phải tổ chức nhân dân “tự cứu mình là chính”.

Tháng 7/1955, Tỉnh ủy tiến hành củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền; yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền thay đổi phong cách lãnh đạo, phải gần dân, sát dân, chỉ đạo và tổ chức nhân dân đẩy mạnh sản xuất. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tăng gia sản xuất, thực

1. Báo cáo tổng kết năm 1955 của Tỉnh ủy Cao Bằng, tr.7. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

hành tiết kiệm, Tỉnh ủy phát động phong trào thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm trong toàn tỉnh. Các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể như Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân sửa chữa, đắp đập, mương, phai dẫn nước vào ruộng, khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đảm bảo gieo cấy kịp thời vụ, cấy hết diện tích, chú trọng đưa giống mới, có năng suất cao vào sản xuất cả vụ xuân và vụ mùa, nhất là gieo trồng những loại cây lương thực ngắn ngày, hoa màu phụ để cứu đói. Phong trào thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm đã trở thành cao trào sôi nổi khắp cả tỉnh. Đặc biệt, ở các huyện miền Đông của tỉnh như: Trấn Biên, Trùng Khánh, Quảng Uyên, nam, nữ, già, trẻ hăng hái động viên nhau ra đồng, dùng vôi đập đất để trồng ngô ruộng, ngô mùa. Vụ mùa năm 1954, mới chỉ có ba huyện cấy giống lúa Nam Ninh (giống lúa có năng suất cao), nhưng đến vụ xuân năm 1956 đã có 9/10 huyện và thị xã cấy giống lúa này, với diện tích tăng gấp 15 lần so với năm 1954. Do vậy, sản lượng lương thực năm sau cao hơn năm trước. Đến năm 1957, sản lượng lương thực của tỉnh đạt 71.351 tấn, đời sống nhân dân cơ bản được ổn định.

Nhờ từng bước giải quyết được vấn đề lương thực, chăn nuôi cũng từng bước phát triển. Tỉnh ủy chỉ đạo ngành nông nghiệp và các cơ quan chức năng tổ chức huấn luyện, phổ biến khoa học về chăn nuôi gia súc, gia cầm, tuyên truyền, vận động nhân dân chú ý che chắn chuồng, cho trâu bò uống nước ấm, ăn cỏ tươi trong mùa đông. Để khai thác thế mạnh của miền núi, Nhà nước giúp Cao Bằng thành lập Trại chăn nuôi bò Phja Đén (huyện Nguyên Bình) và Trại chăn nuôi lợn tập thể xã Bế Triều (huyện Hòa An). Trại chăn nuôi bò Phja Đén được Viện khảo cứu Bộ Nông - Lâm nghiệp giúp 105 con

bò và 200 con dê. Do vậy, tổng đàn trâu, bò hàng năm đều tăng. Đến năm 1957, toàn tỉnh có 55.070 con trâu, 59.562 con bò, 1.642 con ngựa, tăng trên 10.000 con so với năm 1955.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, về hành chính, từ năm 1949, tỉnh Cao Bằng trực thuộc Liên khu Việt Bắc. Sau khi hòa bình được lập lại ở miền Bắc, Liên khu Việt Bắc giải thể, Trung ương Đảng và Chính phủ chủ trương thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Chiếu theo Nghị quyết của Quốc hội trong kỳ họp thứ 4 (tháng 3/1955) về chính sách lập khu tự trị của các dân tộc thiểu số ở những vùng có điều kiện nhằm tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc và tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số tiến bộ mau chóng về mọi mặt, ngày 01/7/1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 268/SL quy định về việc thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Theo Sắc lệnh, Khu tự trị Việt Bắc bao gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang (trừ huyện Yên Bình), Thái Nguyên (trừ hai huyện Phổ Yên, Phú Bình) và huyện Hữu Lũng của tỉnh Bắc Giang¹. Khu tự trị Việt Bắc là một bộ phận của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chính quyền Khu tự trị là một cấp chính quyền địa phương, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chính phủ Trung ương. Chính quyền và nhân dân Khu tự trị đều tuân theo đường lối, chính sách và pháp luật chung của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà quản lý những việc trong Khu tự trị.

Cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc là một cuộc vận động lớn. Đảng bộ tỉnh thành lập các đội công tác xuống cơ sở tổ chức nhân dân học tập chủ trương, chính sách thành lập Khu tự trị Việt Bắc, đã tạo nên bầu không khí phấn khởi,

1. Năm 1959, tỉnh Hà Giang sáp nhập vào Khu tự trị Việt Bắc theo Sắc lệnh số 020/SL ngày 23/3/1959 của Chủ tịch nước.

đoàn kết, thống nhất trong cán bộ và đồng bào các dân tộc trong toàn tỉnh. Ngày 19/8/1956, Khu tự trị Việt Bắc được thành lập. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy, mọi chủ trương, đường lối của Đảng đều được Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lãnh đạo nhân dân trong tỉnh thực hiện một cách sát hợp với hoàn cảnh, đặc điểm của từng vùng, từng dân tộc. Qua cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc, Đảng bộ tỉnh tổ chức quần chúng đập tan thủ đoạn gây chia rẽ dân tộc của kẻ thù, tăng cường sự đoàn kết giữa các dân tộc, xóa bỏ dần tư tưởng tự ti dân tộc, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, nâng cao ý thức làm chủ của các dân tộc, thực hiện quyền bình đẳng trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

Việc thành lập Khu tự trị Việt Bắc đã có tác dụng tích cực về nhiều mặt đối với Cao Bằng, nhất là về đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Trong những năm 1955-1960, thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, Cao Bằng rất thiếu cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số. Khu ủy quan tâm mở các trường đào tạo cán bộ cho các tỉnh đã góp phần từng bước nâng cao dân trí, mở mang văn hóa, nhất là ở vùng cao và đối với các dân tộc thiểu số.

Từ năm 1955 đến năm 1957, Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Về công nghiệp: Trước năm 1955, công nghiệp địa phương chưa được đầu tư phát triển, chỉ có Nhà máy điện điêzen với công suất thấp và Xưởng in Việt Lập. Về tiểu thủ công nghiệp, nghề rèn, đúc truyền thống dân tộc tiếp tục được khôi phục và phát triển. Trước đây, trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng bào các dân tộc trong tỉnh có nghề rèn, đúc đã

từng chế tạo súng, rèn dao, sản xuất lựu đạn phục vụ kháng chiến. Hòa bình lập lại, nghề này nhanh chóng chuyển sang rèn, đúc nông cụ, dụng cụ gia đình phục vụ nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, phục vụ dân sinh. Cao Bằng đã sản xuất được 168.341 nông cụ, dụng cụ gia đình, trong đó, có 6.632 lưỡi cày. Các nghề dệt vải, dệt thổ cẩm, chiếu cói, đồ gốm lần lượt được phục hồi theo nghề truyền thống của các dân tộc. Ở các huyện miền Đông của tỉnh như: Quảng Uyên, Phục Hòa, Hạ Lang, Trùng Khánh, Trấn Biên, hầu hết các gia đình đều có khung dệt vải thủ công để tự dệt vải mặc trong gia đình hoặc đem bán để trao đổi hàng hóa trong vùng. Các huyện miền Tây của tỉnh như: Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc dệt các loại thổ cẩm với những nét hoa văn, có màu sắc rực rỡ, làm thành những mặt chăn, mặt địu đậm đà bản sắc dân tộc, được đem bán ra các vùng trong tỉnh. Chiếu cói được dệt ở vùng Quảng Uyên với sản lượng mỗi năm đạt tới trên 20.000 tấm. Các loại vật liệu như gạch, ngói, vôi được sản xuất ở khắp các vùng trong tỉnh phục vụ cho việc xây dựng nhà cửa và các công trình thủy lợi.

Ngành thương nghiệp trong những năm sau hòa bình đã thu mua các mặt hàng sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lâm thổ sản, tài nguyên của núi rừng nhằm điều hòa hàng hóa theo yêu cầu thị trường trong tỉnh và xuất khẩu sang Trung Quốc theo con đường mậu dịch tiểu ngạch đã được Nhà nước hai nước quy định. Hoạt động mậu dịch quốc doanh chủ yếu ở thị xã và các thị trấn, huyện lỵ. Ngoài các cửa hàng quốc doanh còn có các tổ mua bán lưu động của thương nghiệp quốc doanh phục vụ nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Do điều kiện kinh tế ngày càng phát triển và được sự giúp đỡ của Trung ương, ngoài việc tu bổ các trục đường

chính, gồm quốc lộ số 3 và các tuyến đường nội tỉnh nối thị xã với các huyện và ra các cửa khẩu trao đổi hàng hóa với Trung Quốc, Cao Bằng đã khôi phục được 94 km đường dân sinh; khai thông các tuyến đường Quảng Uyên - Hạ Lang, Mã Phục - Trấn Biên, Đông Khê - Phục Hòa, Nguyên Bình - Bảo Lạc, từng bước khai thông mạng lưới giao thông tiểu ngạch phục vụ cho sự giao lưu hàng hóa, kích thích kinh tế phát triển. Đặc biệt là trục đường số 4 Cao Bằng - Lạng Sơn đã được khai thông. Tuyến đường này có tầm quan trọng lớn về chính trị, quân sự và kinh tế. Việc khai thông trục đường số 4 đã làm cho việc trao đổi hàng hóa giữa miền xuôi và miền núi được thuận lợi hơn.

Sau khi hòa bình được lập lại ở miền Bắc, Cao Bằng có điều kiện tốt hơn để phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội. Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm xây dựng các trường, lớp học ở các địa phương; tuyên truyền, vận động nhân dân cho con em đến trường học. Năm 1955, toàn tỉnh đã có 33/124 xã, thị trấn có trường phổ thông cấp II với tổng số 10.210 học sinh, bình quân cứ 23 người dân có một người đi học. Năm 1956, Cao Bằng thành lập trường cấp III đầu tiên của tỉnh tại thị xã Cao Bằng với 58 học sinh từ các huyện, thị xã đến học. Đi đôi với phát triển giáo dục phổ thông, các cấp ủy đảng, chính quyền đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ. Đầu năm 1956, toàn tỉnh có tới 24.039 học sinh theo học các lớp bình dân học vụ; tỉnh hướng tới phổ cập giáo dục trình độ cấp I cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Trường Văn hóa miền núi của tỉnh đã đào tạo trình độ văn hóa cấp I cho 303 học viên, trong đó có 212 cán bộ xã, 91 học viên được đào tạo thành giáo viên bổ túc văn hóa cấp I cho các huyện, xã vùng cao.

Cao Bằng đã xây dựng được Thư viện tỉnh với 128.306 cuốn sách các loại; cấp thẻ cho 16.425 độc giả thường xuyên

đến đọc sách, nghiên cứu và mượn sách về đọc; phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng được 17 nghệ nhân là người các dân tộc trong tỉnh. Các đội văn nghệ nghiệp dư ở các thôn bản được quan tâm khai thác, phát huy vốn văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc để xây dựng, dàn dựng các chương trình, tiết mục văn nghệ với nhiều nội dung phản ánh đời sống lao động sản xuất, học tập và chiến đấu của nhân dân. Văn hóa đã góp phần làm cho nhân dân phấn khởi, tăng thêm tình đoàn kết giữa các dân tộc. Các đội đèn chiếu, chiếu bóng đến tận trung tâm các xã, các xóm phục vụ nhân dân, đem ánh sáng văn hóa đến với đồng bào, từng bước xóa dần sự cách biệt giữa vùng thấp và vùng cao, giữa thành thị và nông thôn, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần và sự bình đẳng về hưởng thụ văn hóa giữa các dân tộc.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh được Đảng bộ tỉnh và chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo và đạt được tiến bộ rõ rệt. Toàn tỉnh thành lập được 145 ban phòng bệnh, 67 tủ thuốc cấp xã và 1.558 tủ thuốc xóm, khu phố; 2.273 tổ phòng bệnh, 1.135 tổ cứu thương ở các xóm, bản. Tỉnh đào tạo được 55 nữ hộ sinh; mở các lớp bồi dưỡng vệ sinh viên với 11.400 người tham gia. Ngành y tế thường xuyên cử cán bộ xuống cơ sở tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh làng bản, ăn chín uống sôi, tích cực phòng, chống dịch bệnh. Tiêu biểu trong phong trào vệ sinh, phòng bệnh là các xã Nam Tuấn, Đức Long (huyện Hòa An), Hồng Đại (huyện Phục Hòa), Đức Hạnh (huyện Bảo Lạc). Nhờ đó, tỉnh Cao Bằng đã ngăn chặn, kịp thời dập tắt nhiều dịch bệnh thông thường xảy ra.

Công tác quốc phòng - an ninh được tiếp tục tăng cường nhằm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời bọn phỉ và phản động. Thực hiện Nghị quyết

của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo xây dựng bộ đội địa phương và dân quân, du kích ngày càng vững mạnh, thật sự là công cụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, giữ gìn an ninh địa phương. Nghị quyết số 32-NQ/CB ngày 23/01/1957 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ rõ: “Đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang, chú ý giáo dục và chấn chỉnh biên chế mới về lực lượng vũ trang ở địa phương”. Trên cơ sở định hướng của Nghị quyết, hệ thống cơ quan quân sự từ tỉnh xuống đến các huyện, thị xã được củng cố. Bộ đội địa phương được biên chế thành 5 đại đội làm nòng cốt phối hợp với dân quân, du kích, tự vệ giữ gìn an ninh ở địa phương.

Sau hòa bình, nhiều toán phi tụy đã bị lực lượng cách mạng tấn công tiêu diệt, song một số tên sống sót vẫn dựa vào rừng núi, câu kết với các phần tử phản động và đặc vụ Quốc dân Đảng chạy trốn sang đất ta ẩn náu, chống phá chính quyền, cướp bóc, hà hiếp nhân dân. Để đối phó với những âm mưu mới của địch, giữ gìn an ninh chính trị ở địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chủ trương tổ chức một cuộc vũ trang tuần tiễu nhằm biểu dương lực lượng cách mạng, truy quét thổ phỉ, đặc vụ trên địa bàn của tỉnh. Cuối năm 1954, đầu năm 1955, Tỉnh đội Cao Bằng đã huy động 3 đại đội bộ đội địa phương làm nòng cốt, phối hợp với lực lượng dân quân, du kích các huyện Hà Quảng, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hòa An hành quân vũ trang tuần tiễu. Nhiệm vụ chủ yếu là trấn áp thổ phỉ và phản động ở địa phương, giúp chính quyền cơ sở xây dựng củng cố dân quân, du kích, tăng cường chức năng bảo vệ an ninh địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang Cao Bằng thật sự là công cụ chuyên chính đặc lực bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền và cuộc sống yên lành của nhân dân.

Chặng đường khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội 3 năm (1955-1957) diễn ra đầy khó khăn và thử thách trên bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc vận động cách mạng thực hiện mục tiêu dân chủ ở tỉnh Cao Bằng thật sự là một cuộc đấu tranh gay go trong mối quan hệ xã hội của cộng đồng các dân tộc miền núi, nhằm thực hiện mục tiêu “người cày có ruộng”. Trong quá trình thực hiện cuộc vận động, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã vận dụng chủ trương của Trung ương, của Khu ủy một cách linh hoạt giữa biện pháp tước đoạt và biện pháp vận động tự nguyện hiến ruộng đất, trâu bò. Biện pháp vận động địa chủ, phú nông hiến ruộng đất, trâu bò đã diễn ra trong suốt quá trình từ sau đợt thí điểm giảm tô, cùng với các cuộc vận động sản xuất, tiết kiệm, cuộc vận động tham gia tổ đổi công, một hình thức tổ chức để tiến dần lên thành lập hợp tác xã nông nghiệp. Sự vận dụng đó của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng là thích hợp với đặc điểm và điều kiện của tỉnh, nơi mà các dân tộc đã đoàn kết một lòng dưới sự lãnh đạo của Đảng tiến hành thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Việc Trung ương Đảng chỉ đạo tạm hoãn thí điểm giảm tô ở Cao Bằng là một chủ trương sáng suốt, đúng đắn, chỉ ra cho Đảng bộ tỉnh Cao Bằng tập trung vào các công việc khắc phục nạn đói kém do hậu quả của cuộc chiến tranh lâu dài; tiêu diệt thổ phỉ, đặc vụ Quốc dân Đảng lén lút hoạt động, cài cắm ở biên giới và bọn phản động góc đầu dậy. Đồng thời, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, chuẩn bị mọi mặt bước vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Bước sang năm 1958, năm đầu của kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hóa theo con

đường xã hội chủ nghĩa, Cao Bằng tiếp tục thu được những thành tựu mới.

Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1958 đã quyết định đẩy mạnh công cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vạch ra kế hoạch 3 năm (1958-1960) cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa với nhiệm vụ trọng tâm là ra sức cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội, khâu chính là đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời tích cực củng cố các thành phần kinh tế quốc doanh¹. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, ngày 14/12/1958, Quốc hội đã ra Nghị quyết về tình hình, nhiệm vụ và kế hoạch 3 năm (1958-1960) phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hóa. Nghị quyết đã chỉ rõ: “Trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân”².

Quán triệt chủ trương của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã xác định nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng bộ: “Ra sức củng cố những thành tích về các mặt nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu

1. Xem Báo cáo về nhiệm vụ kế hoạch ba năm (1958-1960) phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân trong sách Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.19, tr. 451-524.

2. Nghị quyết của Quốc hội (*không số*) về tình hình, nhiệm vụ và kế hoạch 3 năm (1958-1960) phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hóa, được ký ban hành ngày 14/12/1958.

thủ công nghiệp và văn hóa, giáo dục đã đạt được trong 3 năm khôi phục kinh tế, chủ yếu là vấn đề sản xuất lương thực. Đồng thời có kế hoạch phát triển từng bước, từng mặt, từng vùng (chú ý rẻo cao) nhằm nâng cao không ngừng đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa cho nhân dân các dân tộc, chuẩn bị điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện nhiệm vụ trên, phải tăng cường đoàn kết dân tộc, ra sức nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ đảng viên và quần chúng các dân tộc. Phải ra sức củng cố Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Đặc biệt chú trọng cấp huyện và xã. Phải giữ gìn trật tự an ninh ở nông thôn, đặc biệt chú trọng vùng biên giới và vùng rẻo cao”¹.

Một niềm vinh dự lớn đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng giai đoạn này là ngày 15/9/1958, cán bộ, công nhân, người lao động mỏ thiếc Tĩnh Túc² được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và động viên. Người vào thăm nơi ăn ở của các chuyên gia Liên Xô; kiểm tra việc quan tâm tới đời sống của người lao động, thăm công trường khai thác, nhà tuyển quặng, lò luyện thiếc, các phân xưởng sản xuất... Chủ tịch Hồ Chí Minh thân mật nói chuyện với gần 2.000 cán bộ, công nhân và đồng bào địa phương; khen ngợi những cố gắng của tập thể mỏ thiếc Tĩnh Túc; ân cần thăm hỏi, động viên

1. Báo cáo thực hiện công tác năm 1958 của Tỉnh ủy Cao Bằng, tr.2. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

2. Mỏ thiếc Tĩnh Túc - “đứa con đầu lòng” của ngành khai khoáng luyện kim màu Việt Nam - được thành lập lại vào năm 1955, có quy mô lớn nhất Đông Nam Á lúc bấy giờ, với trên 2.000 công nhân, hơn 400 đảng viên. Từ năm 1995, mỏ thiếc được đổi tên thành Công ty Kim loại màu Cao Bằng, nay là Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản - TKV). Sau này, ngày 15/9 hằng năm trở thành Ngày truyền thống của Tổng công ty Khoáng sản (TKV).

cán bộ, công nhân, người lao động, đồng bào và cảm ơn các đồng chí chuyên gia Liên Xô. Người căn dặn Ban giám đốc và công nhân mỏ cần phải đoàn kết, hăng hái thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, giữ gìn tốt máy móc, hoàn thành vượt mức kế hoạch. Ghi nhớ lời dạy của Người, từ năm 1958 đến năm 1980, trên 2.000 công nhân, hơn 400 đảng viên của Mỏ đã ra sức thi đua, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và liên tục hoàn thành mọi kế hoạch được Nhà nước giao; luyện được gần 7.500 tấn thiếc thổi đóng góp cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Mỏ thiếc Tĩnh Túc ngày 15/9/1958 còn là nguồn động viên tinh thần vô giá đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng. Từ đây, Cao Bằng lại được tiếp thêm sức mạnh, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống của các tầng lớp nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Thời kỳ này, kinh tế Cao Bằng chủ yếu là tự cấp, tự túc, với nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế cá thể của nông dân là chính, còn số ít là tiểu thương, tư sản dân tộc làm nghề buôn bán, sinh sống ở các thị trấn, thị xã, một số thợ thủ công cổ truyền dân tộc sống rải rác ở các thôn bản, kết hợp nghề rèn đúc với sản xuất nông nghiệp.

Mục tiêu quan trọng then chốt trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong kế hoạch nhà nước 3 năm (1958-1960) là nhằm xác lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ áp bức, bóc lột và các tàn dư do chế độ thực dân và phong kiến để lại, tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần cho chế độ xã hội chủ nghĩa.

Để đạt được mục tiêu của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong bối cảnh lúc bấy giờ, Đảng ta chủ trương trước

hết phải thay thế hình thức sở hữu cá thể bằng hình thức sở hữu tập thể nhằm mục đích phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân lao động. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể theo sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Khu ủy, phải đi từng bước từ tổ đổi công với các hình thức từ thấp lên cao (đổi công từng vụ, đổi công thường xuyên đến đổi công bình công chấm điểm); sau đó chuyển sang xây dựng hợp tác xã bậc thấp theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Chủ trương chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trước hết là đẩy mạnh phong trào tổ đổi công, đồng thời tiến hành xây dựng thí điểm hợp tác xã nông nghiệp. Ngay từ đầu năm 1958, Tỉnh ủy đã chỉ đạo mở các lớp học tập về chính sách tổ đổi công, chính sách hợp tác hóa..., đồng thời, đấu tranh chống các luận điệu phản tuyên truyền của các phần tử phản động nói xấu chính sách hợp tác hóa. Từ đó, tỉnh bắt đầu tổ chức phong trào tổ đổi công. Đến tháng 12/1958, toàn tỉnh Cao Bằng có 3.198 tổ đổi công, với tổng số 23.370 hộ, chiếm gần 50% tổng số hộ nông dân trong toàn tỉnh. Năm 1959, do chính sách tổ đổi công phù hợp với hoàn cảnh của các dân tộc Cao Bằng, nhất là ở các huyện miền Đông đã có truyền thống đổi công mùa vụ, nên phong trào tổ đổi công phát triển rầm rộ khắp tỉnh, bao gồm cả vùng thấp lẫn vùng cao. Nhờ có tổ đổi công mà nông nghiệp phát triển, đời sống nông dân bớt khó khăn hơn trước. Đồng thời với việc đẩy mạnh phong trào xây dựng tổ đổi công, Đảng bộ đã tiến hành xây dựng thí điểm hợp tác xã nông nghiệp tại huyện Hòa An (lấy xóm Pác Nà, xã Đức Long làm thí điểm). Sau khi tổ chức thành công hợp tác xã Pác Nà, Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm, nhân rộng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng vốn gắn bó từ lâu với Đảng, đã theo lời kêu gọi của Đảng, hăng hái gia nhập hợp tác xã. Đến năm 1960, toàn tỉnh đã có 1.219 hợp tác xã nông nghiệp với tổng số 42.248 hộ, trong đó ở vùng cao có 100 hợp tác xã với 3.065 hộ, đạt tỷ lệ 87,6% so với tổng số nông hộ trong toàn tỉnh.

Trong ba năm khôi phục kinh tế, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã chú ý tạo điều kiện cho công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển. Khi bước vào thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa, đầu năm 1958, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã chỉ rõ: “Khuyến khích các nghề thủ công, phát triển sản xuất để cung cấp nhiều hàng cần thiết cho nhân dân (chủ yếu là các nghề sản xuất nông cụ, vật liệu kiến thiết...), mặt khác nghiên cứu giáo dục, vận động các nhà tiểu thủ công đi vào tổ sản xuất để tiến dần lên hợp tác xã sản xuất tiểu thủ công”.

Trong cao trào thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội của miền Bắc, các thợ thủ công và các hộ tiểu thủ công nghiệp cũng như tiểu thương ở Cao Bằng đã tích cực hưởng ứng chính sách hợp tác hóa của Đảng, tự nguyện tham gia hợp tác xã. Năm 1959, số hộ thủ công nghiệp tham gia lập tổ sản xuất là 862 hộ trên tổng số 1.269 hộ thủ công nghiệp toàn tỉnh, bằng 68%. Riêng ở thị xã Cao Bằng, số hộ thủ công nghiệp tham gia hợp tác xã đạt trên 78%, trong đó 43% gia nhập hợp tác xã cao cấp. Các hộ tiểu thương cũng đã đăng ký lập tổ kinh doanh, 2.083 cơ sở tiểu thương đã được tổ chức thành hợp tác xã thương nghiệp, bằng 57% tổng số hộ thương nghiệp; 294 người buôn bán nhỏ đã được điều chuyển, sắp xếp công ăn việc làm vào các ngành nghề thích hợp, nhằm vừa đáp ứng việc sắp xếp lao động có công ăn, việc làm, vừa phát huy tài năng của người lao động, khuyến khích sản xuất

các mặt hàng có ích cho xã hội. Năm 1960, cả tỉnh đã xây dựng được 10 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp gồm 23 tổ, với 151 xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp, 10 tổ cung tiêu gồm 50 người buôn bán.

Trong quá trình quản lý, giáo dục, cải tạo tiểu thương, tỉnh đã kết hợp cả hai mặt quản lý bằng tổ chức và dùng lực lượng mật dịch quốc doanh điều tiết, giữ vững ổn định giá cả.

Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã vận dụng đường lối cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh do Trung ương Đảng đề ra là: sử dụng, hạn chế và cải tạo. Trong điều kiện và hoàn cảnh của tỉnh Cao Bằng, tư sản dân tộc không nhiều mà họ lại có vốn ít và chủ yếu là kinh doanh buôn bán một số mặt hàng. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương tổ chức học tập chính sách của Đảng cho các tư sản thương nhân, đồng thời tổ chức đăng ký kiểm tra các mặt hàng buôn chuyến đường dài liên tỉnh, buộc họ phải thông báo các mặt hàng kinh doanh với Ty Thương nghiệp để Nhà nước hướng dẫn hộ kinh doanh mặt hàng, tránh trùng lặp, tranh bán, tranh mua với mật dịch quốc doanh. Các quán hàng, các cửa hiệu phải niêm yết bảng giá. Các mặt hàng mật dịch kinh doanh phải bán theo giá quy định, các mặt hàng mật dịch không kinh doanh thì bán theo giá quy định được thỏa thuận giữa nhà tư sản với Ty Thương nghiệp.

Ban quản lý thị trường phối hợp với thuế vụ, công an tiến hành kiểm soát chặt chẽ, do đó đã hạn chế được một phần đầu cơ nâng giá một cách không chính đáng. Riêng thị xã Cao Bằng đã chỉ đạo các ngành kinh tiêu: vải sợi, thực phẩm, dụng cụ gia đình. Cuối năm 1958, các đại lý dầu hỏa, muối, được đã được thành lập.

Năm 1960, toàn tỉnh đã cải tạo được 100 hộ tư sản, thành lập 5 công tư hợp doanh may mặc tại các huyện Trùng

Khánh, Nguyễn Bình, Bảo Lạc; công tư hợp doanh đồng hồ tại thị xã Cao Bằng và công tư hợp doanh xe chỉ tại thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An.

Đồng thời với công cuộc cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và tư sản dân tộc, thực hiện Chỉ thị số 156-CT/TW ngày 25/8/1959 của Bộ Chính trị về việc tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi miền Bắc nước ta, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã tiến hành thí điểm hợp tác hóa kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ tại 12 xã (trong đó 2 xã do tỉnh trực tiếp chỉ đạo, 10 xã giao cho các huyện, thị trực tiếp chỉ đạo). Kết quả đợt thí điểm cải cách dân chủ đã quy 8 địa chủ (1 địa chủ kháng chiến, 7 địa chủ thường), 15 phú nông. Trong số 8 địa chủ, ta đã áp dụng biện pháp trưng thu và hiến ruộng cho nông dân được 298 ha, 0,9 ha ngô, 17 con bò, 15.000 cây hồi; 15 phú nông hiến ruộng được 199 ha. Đất hoang quốc gia công thổ đã được giao cho 269 hộ ở vùng cao xuống định canh, định cư theo hướng làm ăn tập thể. Tiêu biểu cho công tác này là xã Mai Long, huyện Nguyễn Bình. Đợt thí điểm hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đã xây dựng được 19 hợp tác xã nông nghiệp, 25 tổ đổi công.

Qua học tập chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ về hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, cán bộ, đảng viên, quần chúng các dân tộc đều tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng; từ đó, đã phân hóa, bóc tách được những phần tử đi ngược lại chính sách cải tạo kinh tế của Đảng, tăng cường khối đoàn kết dân tộc, góp phần hạn chế, đi tới xóa bỏ bóc lột. Việc làm đó của tỉnh đã giúp quần chúng càng thấy rõ tầm quan trọng của chính sách cải cách dân chủ và khẳng định chỉ có cải cách dân chủ ở miền núi mới giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Ngày 02/3/1960, Tỉnh ủy Cao Bằng ban hành Chỉ thị số 57-CT/TU về việc vận động đổi công hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đợt mùa xuân năm 1960. Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ chung của năm 1960 là: Hoàn thành căn bản cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ: vùng thấp đưa 15% số hộ nông dân lao động vào hợp tác xã bậc cao, 65% số hộ nông dân lao động vào hợp tác xã bậc thấp, 10% vào tổ đổi công, bình công chấm điểm.

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền tích cực triển khai cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với việc hoàn thành cải cách dân chủ trên phạm vi toàn tỉnh. Theo tinh thần Chỉ thị này, cuộc vận động bắt đầu từ đầu tháng 3/1960 và kết thúc vào ngày 15/4/1960. Đội ngũ cán bộ được các huyện, thị tập trung bồi dưỡng thời gian là 4 ngày.

Cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ đã kết thúc thắng lợi vào năm 1960: Toàn tỉnh đã quy 37 địa chủ và 115 phú nông. Số ruộng đất, trâu, bò trưng thu được và do địa chủ, phú nông hiến lần lượt là 642 ha, trong đó bao gồm 49 ha ngô và 26 ha đất rừng, 15 con trâu, 3 con bò. Tất cả đều được đem cấp cho nông dân.

Đi đôi với công cuộc cải tạo các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và tư bản tư doanh, Đảng bộ đã quan tâm chỉ đạo việc phát triển từng bước kinh tế quốc doanh. Đến tháng 3/1960, toàn tỉnh Cao Bằng đã xây dựng được 21 xí nghiệp quốc doanh địa phương thuộc các ngành sửa chữa cơ khí, điện lực, chế biến bánh, kẹo, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng...

Các xí nghiệp, các cơ sở sản xuất khác trong hệ thống mậu dịch quốc doanh ở địa phương cũng ngày càng được củng

cổ, mở rộng, đã bước đầu giữ được vai trò chủ đạo trong toàn bộ kinh tế của tỉnh.

Sau 3 năm (1958-1960), công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể trên địa bàn của tỉnh căn bản đã được hoàn thành, xác lập được quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa dựa trên hai hình thức sở hữu cơ bản là sở hữu tập thể và sở hữu nhà nước. Các hình thức bóc lột về kinh tế đã bị xóa bỏ, về cơ bản chủ nghĩa tư bản hầu như không còn cơ sở và điều kiện kinh tế - xã hội để phát sinh và nảy nở, chủ nghĩa xã hội đã bước đầu giành được thắng lợi. Nhân dân lao động đã trở thành người chủ của xã hội.

Thắng lợi của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã có ý nghĩa toàn diện, sâu sắc đối với tỉnh Cao Bằng, tạo cơ sở để tỉnh đạt được các chỉ tiêu của kế hoạch ba năm phát triển kinh tế (trên mọi lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải...), phát triển văn hóa, giáo dục và y tế, củng cố quốc phòng và an ninh, nhằm ổn định và cải thiện từng bước đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Năm 1950, đồng chí Dương Công Hoạt được Trung ương chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy. Năm 1957, đồng chí Hoàng Đức Thạc (tức Lã) được Trung ương chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy. Ngày 23/10/1958, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 112-CT/TW về việc bầu cử các cấp ủy địa phương từ huyện trở lên. Chỉ thị nêu rõ: “Hiện nay, cần phải mở rộng dân chủ trong Đảng hơn nữa và để thi hành cho đúng Điều lệ của Đảng, đồng thời căn cứ vào tình hình hiện nay thì chưa có điều kiện thuận lợi để tiến hành đại hội ở các cấp, Trung ương quyết định các cấp địa phương từ huyện trở lên sẽ tiến hành *hội nghị toàn Đảng bộ coi như đại hội để bầu cử*

*Ban Chấp hành mới*¹. Thực hiện Chỉ thị số 112-CT/TW, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng tổ chức Hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh từ ngày 16 đến ngày 24/02/1959. Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mới gồm 25 đồng chí, trong đó có 21 ủy viên chính thức, 04 ủy viên dự khuyết. Như vậy, Hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh có ý nghĩa là một Đại hội của Đảng bộ tỉnh (theo thứ tự số lần đại hội thì Hội nghị này là Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ tỉnh). Ngày 26/02/1959, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp, thảo luận nhất trí số lượng Ban Thường vụ Tỉnh ủy là 05 đồng chí và Hội nghị đã bầu các đồng chí: Hoàng Đức Tôn, Hoàng Đạo Tú, Hoàng Nghiệp, Hoàng Hồng Tiến, Mỹ Sơn làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hội nghị nhất trí bầu đồng chí Hoàng Đức Tôn và đồng chí Hoàng Đạo Tú giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy. Trong khi chưa bầu được Bí thư Tỉnh ủy, Hội nghị cử đồng chí Hoàng Đức Tôn giữ chức Quyền Bí thư Tỉnh ủy và nhất trí đề nghị Khu ủy Việt Bắc cử một đồng chí làm Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng. Ngày 13/7/1959, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 503/NQ-NS-TW chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng; chuẩn y đồng chí Hoàng Đức Tôn và đồng chí Hoàng Đạo Tú làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng. Ngày 11/9/1959, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 610/NQ-NS-TW điều động đồng chí Đoàn Nguyên Nhật (Hồng Kỳ), Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy Việt Bắc, Giám đốc Sở Thương nghiệp Khu Việt Bắc làm Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng.

Nghị quyết Hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh Cao Bằng tháng 02/1959 đã chỉ rõ: “Trên cơ sở làm tốt nhiệm vụ cải tạo và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.19, tr.392.

động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức phát triển nông nghiệp, đặc biệt chú trọng lương thực đảm bảo thu hoạch bình quân nhân khẩu 450 kg một năm, đủ ăn và có ít dự trữ làm cơ sở phấn đấu cho năm 1960, thu hoạch bình quân 600 kg một đầu người, đồng thời chú trọng cây công nghiệp và cây chăn nuôi. Lấy phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân các dân tộc lên một bước. Tăng cường lực lượng dân quân, củng cố quốc phòng. Giữ vững trật tự an ninh”¹.

Thực hiện Nghị quyết trên, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phấn đấu đạt mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa của tỉnh: Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển mạnh mẽ, trong ba năm 1958-1960, sản lượng thóc hàng năm tăng nhanh, năm 1958 đạt 50.000 tấn, năm 1959 đạt 67.157 tấn, năm 1960 đạt 68.610 tấn.

So sánh năm 1960, năm cuối cùng của kế hoạch ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa với năm 1957, năm cuối cùng của kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế, thấy rõ ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa có những tiến bộ vượt bậc: “Sản lượng thóc năm 1960 tăng hơn năm 1957 là 42,8%, ngô tăng 6,2%, cây công nghiệp tăng 42,4% (riêng hoa màu chỉ bằng 91% năm 1957 do các vụ mùa bị hạn)”².

Về công tác thủy lợi, tỉnh đã tập trung chỉ đạo xây dựng hai công trình thủy nông là mương Lý Vạn (huyện Hạ Lang), với tổng số vốn đầu tư là 18.746 đồng (khởi công vào cuối năm 1958, hoàn thành vào cuối năm 1959), tưới cho 50 ha

1, 2. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch ba năm phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hóa 1958-1960 của Tỉnh ủy Cao Bằng, tr.2. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

ruộng; nương Phong Nậm (huyện Trùng Khánh), với số vốn đầu tư là 84.399 đồng (khởi công cuối năm 1958, hoàn thành đầu năm 1960), tưới cho 91 ha ruộng lúa.

Ngân hàng đã đầu tư 1.878.000 đồng cho phát triển nông nghiệp, chiếm 16% tổng số vốn cho vay.

Trong ba năm cải tạo và phát triển kinh tế (1958-1960), ngành chăn nuôi của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả đáng kể: năm 1960 so với năm 1957, đàn trâu tăng 15,5%, đàn bò tăng 4%, đàn ngựa tăng 40,6%, đàn lợn tăng 65,8%.

Nghề rừng, một trong ba thế mạnh của miền núi, cũng có nhiều tiến bộ, số gỗ khai thác để xuất khẩu năm 1960 tăng 25% so với năm 1957; đi đôi với khai thác rừng, toàn tỉnh đã trồng được 696.000 cây trong ba năm 1958-1960.

Tổng giá trị sản lượng công nghiệp địa phương hàng năm đều tăng: năm 1958 đạt 2.830.677 đồng, năm 1959 đạt 3.419.588 đồng và năm 1960 đạt 5.543.257 đồng.

Ngành giao thông vận tải đã sửa chữa và khôi phục được 272 km đường cũ của địa phương và 456 km đường do Trung ương quản lý, làm mới và khai thông được 113 km, đặc biệt, việc khai thông tuyến đường Nguyên Bình - Bảo Lạc có tầm quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng. Các phương tiện vận tải được tăng cường. Năm 1958, năm đầu của kế hoạch 3 năm (1958-1960), đã thành lập được quốc doanh vận tải có 11 xe ô tô vận tải. Đến năm 1960, quốc doanh vận tải ô tô đã tăng lên 28 xe vận tải và 7 xe ca chở khách... Khối lượng sản phẩm hàng hóa do quốc doanh vận tải đạt 472,8%, hành khách đạt 579,41%.

Mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán trong ba năm cải tạo, phát triển kinh tế đã góp phần ổn

định lưu thông hàng hóa, ổn định đời sống nhân dân, tăng thu nhập quốc dân của tỉnh. Trong ba năm khôi phục kinh tế (1955-1957), cả tỉnh mới có 10 cửa hàng mậu dịch quốc doanh, đến năm 1960 đã có tới 32 cửa hàng mậu dịch quốc doanh, chuyên doanh. Năm 1958, toàn tỉnh có 2.088 hộ tiểu thương gồm 2.409 người. Đến năm 1960, đã hoàn thành cải tạo số tiểu thương này và thành lập được các hợp tác xã mua bán.

Mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán được tăng cường nhanh chóng, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc khôi phục và phát triển nông nghiệp và thủ công nghiệp, thúc đẩy việc giao lưu hàng hóa và bình ổn thị trường, góp phần cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Với những chủ trương đúng đắn của Trung ương Đảng, của Khu ủy trong ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã đạt được những thành tựu to lớn về văn hóa, giáo dục, y tế.

Về giáo dục phổ thông, đến năm 1960, Cao Bằng có 202 trường với tổng số 40.197 học sinh, kể cả võ lòng. Để nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, cán bộ các huyện, thị và cán bộ cơ sở, Đảng bộ đã chủ trương mở thêm hệ thống trường phổ thông lao động tập trung của tỉnh và cử cán bộ đi học tại các trường của Khu và Trung ương. Trường phổ thông lao động của tỉnh có 110 học viên. Các trường phổ thông lao động của các huyện có 1.509 học viên. Trường Bổ túc văn hóa tại chức có 15.630 học viên. Các trường của Đoàn Thanh niên, của Hội Phụ nữ đã thu hút được 1.110 học viên.

Công tác văn hóa, nghệ thuật cũng phát triển nhanh chóng: Năm 1957, toàn tỉnh có 3 đội chiếu bóng và 2 đội đèn chiếu; đến năm 1960, tăng lên 5 đội chiếu bóng, 5 đội đèn chiếu, 7 đội văn nghệ nghiệp dư, 1 đội văn công của tỉnh.

Thư viện tỉnh có trên 11.142 cuốn sách, có 4 phòng đọc, hằng năm phục vụ cho gần 28.000 lượt người đọc; xây dựng được 15 nhà văn hóa của các huyện, thị xã. Phong trào thể dục, thể thao phát triển sôi nổi: Toàn tỉnh có 33 đội bóng đá (trong đó có 6 đội chân giày), 4 đội bóng rổ, 10 đội bóng chuyền, 400 cầu thủ bóng bàn. Phong trào rèn luyện thân thể phát triển mạnh trong các trường phổ thông, các cơ quan, xí nghiệp.

Sự nghiệp y tế được Đảng bộ rất quan tâm. Cao Bằng đã thành lập Bệnh viện tỉnh (năm 1958) và 2 bệnh xá ở Bảo Lạc và Quảng Uyên với tổng số 120 giường bệnh, 13 phòng khám bệnh và phát thuốc, 8 phòng hộ sinh. Ngoài Bệnh viện tỉnh, Cao Bằng có thêm 3 bệnh xá, 90 trạm xá quốc lập (58 trạm xá vùng đồng, 32 trạm xá vùng cao), 4 trạm xá dân lập; lập được 404 tủ thuốc chữa bệnh tại các thôn, xã, thị trấn. Ngành y tế tỉnh thành lập 4 đội y tế lưu động làm nhiệm vụ vận động phòng bệnh, chữa bệnh ở nông thôn và vùng rẻo cao, một đội chuyên làm các công tác chống lao. Hằng năm, ngành y tế đã chữa bệnh cho hàng vạn lượt người, đảm bảo sức khỏe của nhân dân.

Công tác quốc phòng và an ninh bước đầu thực hiện chuyển hướng xây dựng lực lượng vũ trang từng bước tiến lên chính quy và hiện đại, xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân. Vì vậy, phương hướng nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang mà Đảng bộ tập trung chỉ đạo là củng cố tổ chức dân quân tự vệ, chú trọng tăng cường công tác chính trị đối với dân quân tự vệ, tiếp tục làm công tác đăng ký quân nhân xuất ngũ, đôn đốc các cấp chấp hành tốt chính sách quân nhân. Tiểu đoàn 35 đảm nhiệm địa bàn tỉnh Cao Bằng được thành lập. Lực lượng dân quân, du kích được phát triển mạnh, từ 6.894 người (năm 1958) phát triển lên tới 20.089 người (năm 1960), chiếm tỷ lệ 7,3% dân số trong toàn tỉnh.

Do đó, an ninh trên địa bàn tỉnh được giữ vững, sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa được bảo vệ vững chắc.

Từ năm 1954 đến năm 1960, qua hai thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ tỉnh đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng đảng viên. Năm 1955, toàn Đảng bộ có 5.244 đảng viên; năm 1956 có 5.215 đảng viên; năm 1957 có 5.454 đảng viên; năm 1958 có 5.646 đảng viên; năm 1959 có 5.798 đảng viên, năm 1960 có 6.224 đảng viên. Đảng bộ tỉnh luôn luôn quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng qua các thời kỳ vận động cách mạng, giành thắng lợi hầu hết nhiệm vụ, mục tiêu chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội mà Đảng bộ tỉnh đề ra.

II. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961-1965)

Trong bối cảnh tình hình quốc tế và cách mạng cả nước đã có nhiều thay đổi, đặt ra cho Đảng vấn đề phải bổ sung, hoàn chỉnh đường lối cách mạng cho phù hợp nhằm thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đưa cuộc kháng chiến mau tới thắng lợi. Từ ngày 5 đến ngày 10/9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong lời khai mạc, nói về nhiệm vụ của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “... *Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà*”¹.

Về tình hình chung và nhiệm vụ của Đảng, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Lê Duẩn trình bày đã nhấn mạnh: Hai nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, mỗi nhiệm vụ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.673.

giải quyết yêu cầu của mỗi miền, song hai nhiệm vụ đó có quan hệ gắn bó mật thiết và nhằm mục tiêu chung là thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc. Trong đó, nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, nhiệm vụ cách mạng miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai¹.

Để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) là: Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp; hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế; nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng kinh tế; cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động; ra sức tăng cường củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự trị an². Đại hội khẳng định: "... sau khi cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa giành được thắng lợi có tính chất quyết định, chúng ta cần phải chuyển sang lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế miền Bắc nước ta trở thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa"³. Đại hội cũng đặc biệt nhấn mạnh đến sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế ở miền núi, coi đây là một bộ phận khăng khít của chính

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, 2002, t.21, tr.508-511, 566-567.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, 2002, t.21, tr.835-836.

sách dân tộc của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, nhằm từng bước đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

Bước vào thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất, trong không khí thi đua sôi nổi của những ngày đầu xuân Tân Sửu 1961, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng rất vinh dự và phấn khởi được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí Tố Hữu, Lê Quảng Ba, Nguyễn Khai về thăm. Sáng ngày 20/02/1961 (tức ngày chủ nhật, mừng 5 tết Tân Sửu), Người lên thăm hỏi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ ở Pác Bó - nơi ngày 28/01/1941, Người đã về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc. Trên 1.000 người dân các dân tộc Nùng, Tày, Mông, Kinh, đại biểu các chi bộ, Ủy ban hành chính các xã thuộc huyện Hà Quảng đã tổ chức mít tinh đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh rất nồng nhiệt. Khi Người tới gần, tất cả mọi người reo lên: “Bác Hồ! Bác Hồ đến rồi!” rồi chạy ùa lại đón Bác như đón một người thân lâu ngày về thăm quê hương. Chủ tịch Hồ Chí Minh chào bà con rồi thân mật hỏi: “Bà con làm gì mà đông thế này?”. Mọi người đồng thanh: “Đón Bác ạ! Năm mới chúc Bác mạnh khỏe ạ!”. Người xúc động nói: “Tôi về thăm nhà mà sao lại phải đón tôi!”. Bà con ai nấy đều rưng rưng cảm động, nhiều người không cầm được nước mắt.

Tại Pác Bó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi thăm lại hang Pác Bó, gặp gỡ, nói chuyện với bà con dân bản. Người làm bài thơ:

*“Hai mươi năm trước nơi này,
Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây.
Lãnh đạo toàn dân ta chiến đấu,
Non sông gấm vóc có ngày nay”¹.*

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.8, tr.24-25. Ban đầu bài thơ là không đề, về sau này Nhà xuất bản mới đặt tiêu đề cho bài thơ là “Thăm lại Pác Bó”.

Sáng ngày 21/02/1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm các gia đình có công với cách mạng, thăm Bệnh viện tỉnh; sau đó dự mít tinh lớn có gần 20.000 người gồm cán bộ và nhân dân các dân tộc tại sân vận động thị xã Cao Bằng. Người căn dặn một số vấn đề đồng bào và cán bộ Cao Bằng cần chú ý. Đó là phải đoàn kết giữa các dân tộc, cần kiệm xây dựng hợp tác xã, phát triển công nghiệp, văn hóa, giáo dục, tăng cường sức mạnh của các đoàn thể quần chúng, quân đội nhân dân, dân quân tự vệ và công an nhân dân vũ trang¹. Người yêu cầu đảng viên và cán bộ Cao Bằng phải một lòng một dạ phục vụ nhân dân, Người nói: “Đồng bào tỉnh ta đã anh dũng trong cách mạng và trong kháng chiến thì chắc đồng bào càng anh dũng trong lao động sản xuất để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm nay, làm đà tốt cho cả kế hoạch 5 năm. Như thế là đồng bào tỉnh ta sẽ góp phần xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững mạnh để thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”². Cuối cùng, Người mong đồng bào và cán bộ Cao Bằng ra sức phấn đấu để “... tỉnh Cao Bằng sớm trở thành một trong những tỉnh gương mẫu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc như trước đây Cao Bằng là một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc”³.

Cũng trong chuyến về thăm lại Cao Bằng lần này, hai lần Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc tới Cao Bằng với ý nghĩa “về nhà”: Lần đầu tiên tại Pác Bó, khi thấy đông đảo đồng bào ra đón, Người chào thăm hỏi bà con rồi xúc động nói: “Tôi về thăm nhà mà sao lại phải đón tôi!”. Lần thứ hai là tại sân

1. Nay là Bộ đội biên phòng Việt Nam.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.48-49, 49.

vận động thị xã Cao Bằng, giữa buổi nói chuyện với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Đối với Cao Bằng, Bác cũng là người nhà”¹. Nghe Người nói, đồng bào cảm động, rưng rưng nước mắt. Thực vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Pác Bó, thăm Cao Bằng là Người về thăm nhà. Nhà Người, quê hương Người không chỉ là nơi chôn rau cắt rốn, mà là nơi căn cứ cách mạng đã chở che, đùm bọc, giúp đỡ, nuôi dưỡng, bảo vệ Người, bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ cách mạng; là mọi miền của Tổ quốc thân yêu.

Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Cao Bằng - Pác Bó năm 1961 là lần cuối cùng trước lúc Người đi xa. Đặc biệt, tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho Cao Bằng và lời căn dặn ân cần của Người là nguồn khích lệ, cổ vũ to lớn đối với Đảng bộ, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc tỉnh Cao Bằng trên con đường phấn đấu xây dựng Cao Bằng trở thành “tỉnh gương mẫu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 06/10/1960 của Ban Bí thư về việc tiến hành hội nghị ở các cấp, các ngành để thảo luận các nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III và quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, từ ngày 20 đến ngày 28/3/1961, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ V được tổ chức tại thị xã Cao Bằng. Đến dự Đại hội có 115 đại biểu chính thức và Đại hội chỉ định thêm 13 đại biểu dự thính học tập. Đại hội đã nghe báo cáo kết quả và tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng; quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược trọng tâm của đất nước; kiểm điểm

1. *Báo Nhân dân*, số 2531 ra ngày 23/02/1961, tr.4. Tài liệu lưu tại Thư viện tỉnh Cao Bằng.

báo cáo tình hình ba năm 1958-1960 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của tỉnh (1961-1965) là: Thấu suốt đường lối, phương châm công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của Đảng, phát huy truyền thống vẻ vang của một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tăng cường đoàn kết nhất trí, nắm vững đặc điểm, khắc phục khó khăn, tận dụng ưu thế của từng vùng xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, trước hết cho nông nghiệp; tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố, phát triển hợp tác xã nông nghiệp; tích cực đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số, nâng cao trình độ quản lý kinh tế, xúc tiến cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hóa. Kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp, thủ công nghiệp và nông nghiệp; giữa sản xuất, chế biến và lưu thông. Thực hiện phân phối tiêu dùng và cải thiện đời sống một cách hợp lý, tiến tới một nền kinh tế nông nghiệp có nhiều sản phẩm hàng hóa, nhất là sản phẩm chăn nuôi, cây công nghiệp, lâm sản, góp phần phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ và các mục tiêu đề ra, Đại hội quyết định: Trong hành động thực tiễn, toàn Đảng bộ, toàn dân phải tổ chức các phong trào thi đua để đưa “tỉnh Cao Bằng sớm trở thành một trong những tỉnh gương mẫu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội” như lời chỉ bảo ân cần của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người về thăm tỉnh.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V gồm 25 ủy viên chính thức và 06 ủy viên dự khuyết, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 07 đồng chí. Đồng chí Đoàn Nguyên Nhật (Hong Kỳ) tiếp tục được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Hoàng Đức Tôn làm Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, Bí thư Đảng đoàn chính quyền; đồng chí

Hoàng Nghiệp làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Vũ Ngọc Bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm nhiệm vụ Thường trực Tỉnh ủy¹. Đến tháng 4/1962, đồng chí Hoàng Tuấn Sơn được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy².

Ngay sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Tỉnh ủy Cao Bằng đã chỉ đạo tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập và thực hiện lời huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V; qua đó, đề ra phương hướng phấn đấu mới cho từng ngành, từng giới, từng đơn vị của mình. Để làm tốt công tác này, Tỉnh ủy chỉ đạo mở các cuộc hội nghị của từng ngành, từng giới, từng địa phương, từng hợp tác xã để làm rõ thêm tinh thần chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương, làm cho mọi cán bộ, đảng viên thấy rõ trách nhiệm của mình đối với việc thực hiện chỉ thị của Người. Trên cơ sở đó, mỗi ngành, mỗi giới sẽ tùy theo cương vị công tác, kế hoạch cụ thể của ngành mình trong Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất để xây dựng mục tiêu, mức độ tiêu chuẩn phấn đấu cho từng mặt, từng việc của ngành và đơn vị mình, cụ thể: Ở nông thôn, các hợp tác xã lấy việc sản xuất tốt, chấp hành chính sách tốt, đoàn kết tốt và quản lý tốt làm nội dung thi đua, cụ thể là việc thi đua vượt hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình) làm mức phấn đấu; Ở các công, nông trường, xí nghiệp, lấy phong trào học tập Nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng), thi đua vượt Duyên Hải hay kịp

1. Xem Nghị quyết số 1-NQ/CB ngày 03/4/1961 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất trưa ngày 28/3/1961. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

2. Xem Nghị quyết số 31-NQ/KU ngày 26/4/1962 của Ban Chấp hành Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc về việc công nhận bổ sung Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

Duyên Hải làm mục tiêu phấn đấu; Trong quân đội, lấy phong trào “Ba nhất” làm nội dung mục tiêu phấn đấu¹...

Tỉnh đã tổ chức phát động thi đua rộng rãi với hợp tác xã Đại Phong tại Hội nghị Phong Nậm. Kết quả bước đầu là, ngay tại Hội nghị đã có 67 hợp tác xã nhận thi đua với Đại Phong trong khi tháng 4/1961 mới có 19 hợp tác xã. Ngành giáo dục đã gây được không khí tương đối sôi nổi trong việc phát động phong trào vùng thấp giúp đỡ vùng cao. Tuy nhiên, do nhận thức của một số cán bộ và nhân dân chưa được đầy đủ, chưa hiểu rõ được hết ý nghĩa tinh thần chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng nên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo không chú trọng đúng mức, chưa biết lấy tinh thần chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh để động viên cán bộ, quần chúng ra sức thực hiện tốt mọi mặt công tác.

1. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện nhiều phong trào thi đua, nhiều điển hình tiên tiến, trong đó tiêu biểu hơn cả là các điển hình: **“Sóng Duyên Hải”** (phong trào phát huy sáng kiến, tăng năng suất lao động của Nhà máy cơ khí Duyên Hải, Hải Phòng (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên cơ khí Duyên Hải) đưa Duyên Hải trở thành lá cờ đầu của ngành công nghiệp miền Bắc); **“Gió Đại Phong”** (Hợp tác xã Đại Phong, xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình là lá cờ đầu trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp); **“Cờ Ba nhất”** (Trung đoàn Pháo binh 68 (Sư đoàn 304) được tuyên dương là đơn vị có ba nhất là: “Giỏi nhất, nhiều nhất, đều nhất” trong phong trào thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị). Tại Đại hội Anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quân năm 1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biểu dương: Công nhân phát cao ngọn cờ “Duyên Hải”; Nông dân phát cao ngọn cờ “Đại Phong”; Quân đội anh hùng phát cao ngọn cờ “Ba nhất”. Công - nông - binh đại thi đua, đại đoàn kết; Chủ nghĩa xã hội nhất định đại thành công; Bắc - Nam nhất định sẽ thống nhất non sông một nhà (Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.13, tr.157).

Tình hình phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của tỉnh tiến hành chưa thật vững chắc và có nhiều mặt còn yếu, trong hai năm 1959-1960, số hộ nông dân vào hợp tác xã chỉ chiếm 63,7% (vùng thấp chiếm 80%, vùng cao có 16,09%). Khuyết điểm rõ nhất là công tác vận động nhân dân còn gò ép, thiếu dân chủ. Trình độ quản lý hợp tác xã còn thấp và giản đơn, các mặt công tác tổ chức quản lý ở cơ sở còn lúng túng và khó khăn; chủ nghĩa bình quân còn nặng, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thô sơ, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi còn thấp. Ở nhiều huyện vùng cao, công tác chuẩn bị cơ sở và điều kiện xây dựng hợp tác xã chưa làm tốt; công tác giáo dục tư tưởng làm chưa kỹ; việc nghiên cứu hình thức, quy mô chưa sát với thực tế và thiếu thận trọng, nhiều nơi còn rập khuôn mô hình miền xuôi, do vậy, đã hạn chế nhiều mặt và kéo theo tình trạng hợp tác xã bị lay động ở nhiều nơi.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, ngày 08/6/1961, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 7-NQ/CB về phương hướng và nhiệm vụ hợp tác hóa nông nghiệp của tỉnh. Nghị quyết xác định: Trong năm 1961, công tác lớn chủ yếu ở Cao Bằng là: “phát triển sản xuất về mọi mặt, củng cố hợp tác xã và phát triển thêm hợp tác xã”. Để khắc phục nhanh chóng những mặt yếu của sản xuất nông nghiệp và tiếp tục thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, bước vào năm 1961, mở đầu việc thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Đảng bộ tỉnh đã tiến hành cuộc vận động cải cách dân chủ ở vùng cao kết hợp với việc phát động chiến dịch “đông xuân giành thắng lợi toàn diện và vượt bậc”. Nội dung chủ yếu của cuộc vận động là đẩy mạnh phát triển hợp tác xã nông nghiệp gắn với việc tăng năng suất và tăng sản lượng lương thực của vụ đông xuân 1961-1962 nhằm khắc phục tình trạng mất mùa của vụ trước, củng cố lòng tin của

quân chúng vào chủ trương, chính sách của Đảng, hăng hái đi theo con đường làm ăn tập thể. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do thiên tai gây ra¹, Đảng bộ tỉnh đã kiên quyết lãnh đạo nhân dân thực hiện khẩu hiệu “lấy mùa bù chiêm, mất cây này bù cây khác, lúa mất lấy ngô thay thế, ngô kém hoa màu thay ngô”. Các hợp tác xã đều chú ý đến công tác thủy lợi, mở rộng và phát triển diện tích gieo trồng cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp. Kết quả bước đầu của chiến dịch đẩy mạnh sản xuất đông xuân 1961-1962 là, sản lượng lương thực quy thóc năm 1962 tăng hơn năm 1961 là 10.783 tấn. Năm 1963, diện tích gieo trồng tăng 614 ha, sản lượng vụ ngô thu tăng gấp ba lần so với năm 1962. Tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm 1963 đạt 93.203 tấn (trong đó sản lượng ngô thu vượt 373,2% kế hoạch; các cây màu khác: khoai, sắn, đỗ, lạc đều tăng hơn trước²). Tỉnh đã căn bản tự túc được lương thực và có một phần đóng góp cho các cơ sở kinh tế của Trung ương đóng tại địa phương.

Nhân đà thắng lợi về sản xuất lương thực, Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo khâu củng cố, giữ vững phong trào hợp tác hóa. Tỉnh ủy đã điều động 200 cán bộ của tỉnh đi cơ sở vận động, thuyết phục quần chúng ổn định tư tưởng, học tập Điều lệ, chính sách về hợp tác hóa. Những nơi có hiện tượng sai lầm đều từng bước được uốn nắn, sửa chữa. Đi đôi với các biện pháp ổn định tư tưởng, tỉnh còn tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho 650 cán bộ quản trị hợp tác xã, đội trưởng sản

1. Trong 3 năm 1961-1963, Cao Bằng bị hạn liên tục, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, gần 7.000 ha ruộng bị hạn không gieo cấy được phải chuyển vụ.

2. Riêng hoa màu tăng hơn năm 1961 là 60,7%, sắn tăng hơn 2 lần, khoai tăng trên 1/3 và diện tích trồng hoa màu cũng được mở rộng.

xuất; 977 lượt cán bộ làm công tác kế toán và 108 cán bộ kỹ thuật sơ cấp cho hợp tác xã, bồi dưỡng 193 cán bộ trung cấp kinh tế. Đảng bộ đã gắn việc củng cố hợp tác xã với việc phát triển cơ sở Đảng, đảm bảo vai trò nòng cốt của các chi bộ đảng, đảng viên trong phong trào hợp tác hóa, kết nạp được 1.107 đảng viên mới ở nông thôn, đồng thời mở các đợt chỉnh huấn, bồi dưỡng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và năng lực lãnh đạo của cán bộ, đảng viên.

Phong trào hợp tác hóa ở Cao Bằng đã phát triển mạnh trong những năm 1960-1961¹, nhưng đến hai năm 1962-1963, phong trào lại gặp khó khăn do hạn hán mất mùa. Mặt khác, mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo, song do chưa có nhiều kinh nghiệm trong khâu quản lý, tổ chức hợp tác xã nên nhiều nơi đã ham đưa nhiều hợp tác xã lên quy mô lớn, tổ chức hàng loạt hợp tác xã không đủ điều kiện, tiến hành công hữu hóa trâu bò tràn lan, định thấp giá thuê và giá công hữu hóa trâu bò..., vì vậy, nông dân ít phấn khởi tham gia hợp tác xã. Cuối năm 1962, đầu năm 1963 là thời kỳ tỷ lệ nông dân xin ra khỏi hợp tác xã lớn nhất, theo thống kê chỉ còn 53,6% số hộ nông dân vào hợp tác xã (vùng thấp 70%, vùng cao 8%)². Song trong số các hợp tác xã còn hoạt động, đã có 234 hợp tác xã khá,

1. Tháng 5/1961, toàn tỉnh có 30 hợp tác xã lên thẳng không qua bậc thấp, 1 hợp tác xã ăn chung hưởng chung (Hợp tác xã Pác Bó, huyện Hà Quảng). Có 4 huyện (Hạ Lang, Phục Hòa, Quảng Uyên, Trùng Khánh) và thị xã Cao Bằng đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa, với tỷ lệ từ 85-91%; 2 huyện (Thạch An, Trà Lĩnh) đạt tỷ lệ 76,5% và 78,6%, huyện Hòa An đạt tỷ lệ 49,66%; 3 huyện vùng cao đạt tỷ lệ thấp hơn (29-40%)...

2. Năm 1961, tổng số hợp tác xã trong toàn tỉnh là 1.373; trong đó có 1.102 hợp tác xã bậc thấp, 271 hợp tác xã bậc cao, với 35.617 hộ tham gia, chiếm 72,2% số hộ. Năm 1962 có 1.205 hợp tác xã; trong đó 943 hợp tác xã bậc cao, còn lại là hợp tác xã bậc thấp với 32.083 hộ tham gia, chiếm 65%.

chiếm 20%, 553 hợp tác xã đã sơ bộ xác định được phương hướng sản xuất và 46% số hợp tác xã lập được kế hoạch cả năm, 4,59% số hợp tác xã thực hiện được ba khoản và phần lớn đã ba khoản việc. Qua phong trào, xuất hiện nhiều hợp tác xã tiêu biểu như: Hợp tác xã Lũng Muôn (huyện Trùng Khánh), Vò Đáo (huyện Hòa An), Lũng Ỉn (huyện Nguyên Bình)... Qua đó đã có tác dụng động viên phong trào chung của tỉnh, khắc phục một bước những khó khăn trong sản xuất và tạo niềm tin của quần chúng đối với phong trào làm ăn tập thể và khôi phục hợp tác xã nông nghiệp.

Trước tình hình phong trào hợp tác hóa gặp nhiều khó khăn, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm và bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, đặc biệt là Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 23/02/1963 của Bộ Chính trị về vấn đề phát triển nông nghiệp ở miền núi, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã kịp thời ra hai nghị quyết: Nghị quyết số 21-NQ/CB ngày 09/3/1963 về đẩy mạnh củng cố, ổn định phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, giảm diện hợp tác xã lung lay, khôi phục các hợp tác xã bị vỡ và Nghị quyết số 23-NQ/CB ngày 29/4/1963 về tập trung lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ mục tiêu kinh tế của tỉnh trong năm 1963. Mặc dù hai nghị quyết với hai nội dung, song đều tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu là tổng kết công tác lãnh đạo sản xuất nông nghiệp. Nghị quyết của Tỉnh ủy chỉ rõ: Trước mắt, cần tập trung vào lãnh đạo tổng kết công tác hợp tác xã, nhất là ở cơ sở nhằm làm cho mọi đảng viên, xã viên nhất trí về đánh giá hiện trạng tình hình hợp tác xã, thấy rõ khuyết điểm, nhược điểm của phong trào. Trên cơ sở khắc phục tư tưởng bi quan, tiêu cực, quyết tâm giải quyết những tồn tại, phấn khởi đẩy mạnh sản xuất. Đồng thời, có những biện pháp tích cực để lãnh đạo, giúp đỡ xây dựng phương hướng sản xuất đối với những hợp

tác xã bị tan, thu hút những hộ cá thể vào hợp tác xã, xây dựng lại hợp tác xã ở những nơi có điều kiện. Đồng thời, Đảng bộ tỉnh chỉ rõ: củng cố hợp tác xã phải gắn liền với việc củng cố, xây dựng các cơ sở đảng; coi các chi bộ đảng là nòng cốt trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Qua củng cố phong trào hợp tác hóa, từ đầu năm 1962 đến cuối năm 1963, từ trên 996 hợp tác xã đã tăng lên 1.118 hợp tác xã, với 28.713 hộ. Một số hợp tác xã ở hai huyện Quảng Uyên và Trà Lĩnh¹ có nguy cơ tan vỡ được khôi phục nhanh chóng. Trong toàn tỉnh, số hợp tác xã khá và trung bình đã chiếm tới 68%. Trong năm 1964, Tỉnh ủy đã có những biện pháp và chủ trương thích hợp đẩy mạnh xây dựng hợp tác xã nông nghiệp vừa và nhỏ, gắn với việc phát động nhân dân tăng gia sản xuất, tăng vụ, tăng sản lượng. Tháng 6/1964, Tỉnh ủy mở Đại hội hợp tác xã nông nghiệp vùng thấp; đến tháng 8/1964, mở tiếp Đại hội hợp tác xã nông nghiệp vùng cao nhằm phổ biến kinh nghiệm rút ra từ phong trào hợp tác hóa toàn tỉnh và bàn biện pháp thúc đẩy phong trào trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Đồng thời, thực hiện cuộc vận động cải tiến quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp, tỉnh đã tổ chức làm thí điểm hai đợt tại hợp tác xã Vò Đáo (xã Bế Triều, huyện Hoà An); sau đó, nhân rộng ra toàn tỉnh. Mặt khác, tỉnh còn thực hiện cứu đói cho gần 3.000 hộ nông dân. Từ đó, phong trào hợp tác hóa của tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực và đạt kết quả tốt. Tỷ lệ hợp tác xã kém, nát đã giảm nhiều. Đến hết năm 1964, toàn tỉnh có 1.421 hợp tác xã (trong đó có 966 hợp tác xã bậc cao, 455 hợp tác xã bậc thấp), với 35.996 hộ tham gia, chiếm 70% số hộ

1. Theo Nghị định số 153-TTg ngày 20/3/1958 của Thủ tướng Chính phủ, huyện Trấn Biên được đổi tên thành huyện Trà Lĩnh.

nông dân, chấm dứt được tình trạng suy giảm về quy mô, số lượng hợp tác xã trong các năm 1962-1963. Đến cuối năm 1965, số lượng và quy mô của hợp tác xã đều tăng hơn so với năm 1960, với tổng số 1.521 hợp tác xã, với 38.576 hộ¹.

Năm 1964, nhiều chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp đạt và vượt kế hoạch. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 136.000 tấn, tăng 46% so với năm 1963 (trong đó, thóc tăng 44%, ngô tăng 10%). Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp đạt 57,661 triệu đồng, tăng 27,76% so với năm 1961 và là năm đạt giá trị cao nhất trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (sản lượng lúa 60.121 tấn, ngô 28.724 tấn, đỗ tương 1.729 tấn, thuốc lá 312 tấn). Năm 1965, sản lượng ngô đạt 40.523 tấn, đỗ tương 1.729 tấn, thuốc lá 312 tấn. Tỉnh đã giải quyết tương đối tốt và ổn định vấn đề lương thực. Nhiều địa phương từ chỗ phong trào yếu kém đã vươn lên mạnh mẽ như các huyện: Hạ Lang, Trùng Khánh, Quảng Uyên, Trà Lĩnh, Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc².

Với đặc điểm là tỉnh vùng cao, có khả năng phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày và một số dược liệu quý hiếm, trong 2 năm 1961-1962, tỉnh Cao Bằng đã cung

1. Xem Chi cục Thống kê Cao Bằng: “Số liệu thống kê tình hình phát triển kinh tế và văn hóa trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961-1965”, tr.14. Hồ sơ số 555 Phong Khu tự trị Việt Bắc. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Có nhiều hợp tác xã đạt năng suất lúa khá cao như: Hợp tác xã Nà Kéo, xã Quang Long (huyện Hạ Lang) đạt 28,75 tạ/ha; Hợp tác xã Nà Ёn, xã Thanh Nhật (huyện Hạ Lang) đạt 37,8 tạ/ha; Hợp tác xã Nà Pảng, xã Đúc Long (huyện Hòa An) đạt 30,3 tạ/ha. Huyện Hà Quảng có 25 xã thì 17 xã đạt 24 tạ/ha. Dẫn theo *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên tỉnh Cao Bằng (1930-2000)*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2002, tr.136-137.

cấp cho Trung ương xuất khẩu 1.319 tấn đồ tương, 155 tấn thuốc lá và hàng trăm loại cây lấy tinh dầu và dược liệu. Trong nhân dân, có phong trào tận dụng đất đồi hoang hóa trồng các loại cây lấy dầu, cây công nghiệp vừa giữ đất, chống xói mòn, vừa tăng thu nhập. Do vậy, giá trị sản lượng cây công nghiệp năm 1962 tăng 12,3%, diện tích tăng 15,5% so với năm 1960.

Về chăn nuôi, tỉnh tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi, động viên, khuyến khích các hợp tác xã, hộ xã viên phát triển đàn gia súc (trâu, bò, ngựa) vừa phục vụ sức kéo trong nông nghiệp, vừa phát triển sức kéo trong khai thác lâm thổ sản và vận chuyển hàng hóa. Năm 1962, ngành chăn nuôi có chuyển biến rõ so với năm 1961: Đàn trâu có 62.983 con, tăng 2,1%; đàn bò có 59.976 con, tăng 2,4%... Đến năm 1965, tổng đàn trâu có 68.275 con, bò 63.101 con, ngựa 3.507 con, lợn 85.422 con. Chăn nuôi gia cầm trong nhân dân và việc nuôi cá hồ, ao, thả cá ruộng cũng phát triển khá, sản lượng cá năm 1962 tăng 17,6% so với năm 1960. Nhờ đó đã đem lại nguồn thực phẩm đáng kể phục vụ thị trường địa phương, cải thiện một bước đời sống nhân dân.

Đối với ngành lâm nghiệp, khai thác lâm thổ sản, tỉnh đã có kế hoạch vừa khai thác, vừa trồng rừng nhằm phục vụ nhu cầu của tỉnh và của Trung ương giao. Trong 2 năm 1961-1962, mặc dù còn thiếu phương tiện khai thác, chuyên chở, ngành lâm nghiệp của tỉnh đã khai thác được 38.500 m³ gỗ, 3 triệu cần câu, gậy trúc, 35.000 m³ tre, 392.000 m³ vầu, 22.500 m³ củi và nhiều loại lâm sản quý. Năm 1964, cải tạo rừng đạt kế hoạch; riêng nhân dân đã trồng được 2 triệu cây, kết hợp với củng cố quốc phòng đã trồng cây dọc hai bên đường giao thông. Năm 1965, trồng rừng quốc doanh đạt 50%, nhân dân trồng khoảng 800.000 cây. Qua đó, làm lợi

cho ngân sách nhà nước mỗi năm trên 300.000 đồng và là nguồn thu ngân sách quan trọng đứng thứ hai sau sản xuất lương thực. Song, do còn mang nặng tính sản xuất tự cấp, tự túc, cộng với thiếu sót do chưa có kế hoạch và quy hoạch cụ thể về công tác khai thác và tu bổ rừng, các biện pháp kỹ thuật còn thiếu, mới chỉ chú ý tới mặt khai thác nguồn lợi của rừng mà chưa chú ý đúng mức việc tu bổ và cải tạo rừng; việc chế biến lâm sản tại chỗ của tỉnh còn yếu, nghèo nàn dẫn tới những lãng phí to lớn. Bên cạnh đó, ý thức bảo vệ rừng trong nhân dân còn kém, nạn khai thác, đốt phá rừng xảy ra liên tục, gây nhiều tác hại lớn: nguồn nước dự trữ bị cạn kiệt, độ ẩm kém, lũ lụt có nguy cơ đe dọa...

Công tác thủy lợi là một công việc hết sức quan trọng được Tỉnh ủy chú ý và quan tâm chỉ đạo. Do hạn hán nghiêm trọng và kéo dài, ngay từ đầu mỗi năm, Tỉnh ủy đã phát động nhân dân tập trung làm thủy lợi, tích cực chống hạn cứu lúa và hoa màu. Nhiều hợp tác xã đã tổ chức đội thủy lợi đào mương, khơi nước. Riêng năm 1961, nhân dân đã bỏ ra 194.209 công tu sửa 1.783 công trình, làm mới 274 công trình, chống hạn cho 3.000 ha lúa xuân, 16.760 ha lúa mùa. Vì vậy, số diện tích được tưới nước tăng từ 16.000 ha (năm 1960) lên 20.000 ha (năm 1962) và tiêu úng được 76 ha. Hai năm 1961-1962, tỉnh đã xây dựng xong 472 công trình thủy lợi lớn nhỏ, nổi bật là các công trình như hồ Cao Thăng (huyện Trùng Khánh), mương Háng Páo (huyện Trà Lĩnh), Bản Khu (huyện Hạ Lang), Pác Tạng, trạm bơm tổ hợp quy mô lớn ở Nà Dầm, mương Bản Nùng...

Từ năm 1963, sau khi rút kinh nghiệm cuộc vận động “Tiếp đón đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế vùng núi”, với sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ về vấn đề nhân dân khai hoang, Tỉnh ủy

đã có kế hoạch tiếp thu nhân lực lên khai hoang và sản xuất tốt hơn; chủ động có chính sách cụ thể và kịp thời giúp đỡ, khuyến khích đồng bào khai hoang về giống, vốn, một số cơ sở vật chất về nơi ăn chốn ở... Vì vậy, trong những năm 1963-1965, Cao Bằng cũng là một tỉnh có phong trào giúp đỡ đồng bào khai hoang tương đối khá của Khu Việt Bắc. Đồng thời, những cơ sở kinh tế mới của đồng bào khai hoang, tuy chưa rộng lớn như các tỉnh khác, song cũng đóng góp một phần vào sự phát triển kinh tế chung của tỉnh.

Đi đôi với việc tập trung lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng còn quan tâm chỉ đạo các nhiệm vụ công tác khác.

Cao Bằng là tỉnh vùng núi cao, biên giới, xa các trung tâm đô thị lớn, cơ sở công nghiệp và thủ công nghiệp hầu như chưa có gì đáng kể. Để đáp ứng nhu cầu hàng hóa tiêu dùng phục vụ đời sống thiết thực hằng ngày cho nhân dân, Đảng bộ chủ trương tiếp tục đầu tư cho công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương, tập trung vào những ngành nghề chủ yếu như: chế biến lâm thổ sản, cơ khí sửa chữa, dệt vải thổ cẩm, đan lát, thêu may, gia công sửa chữa dân dụng... Mặc dù gặp không ít khó khăn trong tổ chức quản lý, đầu tư vốn, kỹ thuật, song nhiều chủng loại hàng hóa của địa phương được đưa vào bán buôn, bán lẻ. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp năm 1962 tăng 13% so với năm 1961; năm 1963 đạt 113% kế hoạch, tăng 90% so với năm 1962. Nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Tỉnh có ba cơ sở quốc doanh từ chỗ sản xuất lúng túng phải bù lỗ đã đi vào sản xuất có lãi, thu nộp cho ngân sách tỉnh. Năm 1964, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hoàn thành kế hoạch trước 15 ngày, tổng sản lượng tăng 89% so với năm 1963, nhất là

các cơ sở quốc doanh đã sản xuất có lãi, hoặc giảm tỷ lệ bù lỗ. Năm 1965, cả năm đạt 76,4% kế hoạch, so với năm 1964 tăng 45%. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh tăng 66%, thủ công nghiệp tăng 29,9%. Công tác quản lý và đầu tư cũng có chuyển biến đáng kể. Tỉnh ủy đã từng bước rút ra những kinh nghiệm bước đầu trong việc xây dựng phương hướng và quy hoạch phát triển công nghiệp địa phương. Công tác xây dựng cơ bản của tỉnh cũng có bước tiến mới, vốn đầu tư năm 1963 tăng 25% so với năm 1962. Tỉnh đã đầu tư xây dựng 7.146 m² kho tàng và bệnh viện; lắp đặt một máy phát điện 100 KW phục vụ nhu cầu thiết yếu của thị xã, xây dựng một xí nghiệp ép dầu thảo mộc với công suất 500 tấn/năm, xây dựng các cơ sở chế biến gỗ, hai lò ngói máy công suất 25.000 viên/năm phục vụ nhu cầu xây dựng của địa phương.

Nhu cầu thu, chi ngân sách của tỉnh cũng đặt ra nhiều vấn đề cấp bách. Đầu năm 1963, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã gắn cuộc vận động phát triển kinh tế miền núi với cuộc vận động “Ba xây, ba chống”¹ trong công thương nghiệp. Đảng bộ đã tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, đào tạo thêm cán bộ làm công tác kế toán, tài chính cho các hợp tác xã, cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp của tỉnh. Đồng thời, nâng cao ý thức trách nhiệm, phẩm chất của người cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng. Nhờ sự chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, phong trào “Ba xây, ba chống” trong quần chúng đã bước đầu

1. “Ba xây” là: nâng cao ý thức trách nhiệm; tăng cường quản lý kinh tế, tài chính; cải tiến kỹ thuật. “Ba chống” là: chống quan liêu; chống tham ô; chống lãng phí.

có kết quả rõ rệt trong lĩnh vực lưu thông phân phối, thương nghiệp. Hầu hết các nhu yếu phẩm như: vải, muối, dầu hỏa, diêm, thuốc chữa bệnh, xà phòng đã được đảm bảo đủ để phục vụ đồng bào các dân tộc. Tuy hàng hóa chưa thật đầy đủ, song về cơ bản đã chấm dứt tình trạng dân không đủ muối ăn, dầu thấp như những năm trước đó. Giá cả nhìn chung ổn định. Công tác thu mua lương thực, hàng lâm thổ sản cũng khá lên. Năm 1963, so với mức kế hoạch, tổng giá trị thu mua lương thực đạt 61,3%, thu mua lâm sản và thực phẩm đạt 80,8%, hàng xuất khẩu đạt 103,2% (tăng 12% so với năm 1962). Các phong trào làm nghĩa vụ đối với Nhà nước được quần chúng nhân dân tự giác tham gia. Đặc biệt, trong nhân dân có phong trào “Ngày hội bán nông sản thực phẩm”, lúc đầu chỉ trong một xã sau lan rộng ra 50 xã trong 7 huyện, tạo được phong trào thi đua sôi nổi, sâu rộng. Năm 1964, công tác thu mua, nhất là thu mua lương thực đạt cao nhất từ trước tới nay: thu mua vụ hè đạt 113%, vụ đông đạt 102%, vượt kế hoạch cả năm 1,6%. Thu mua nông sản, thực phẩm: đỗ tương đạt 195%, thuốc lá đạt 223%, lợn thịt đạt 320%, bò thịt đạt 372%; xuất khẩu địa phương đạt 106% kế hoạch năm. Năm 1965, lượng mua vào và bán ra đều đạt và vượt kế hoạch năm, tăng 26,5% so với năm 1964. Thu mua lương thực vụ hè 7.638 tấn, đạt 112,3% kế hoạch Trung ương giao và đạt 109,1% kế hoạch tỉnh giao; thu mua nông sản đạt 136,3%, lợn hơi đạt 67%, bò hơi đạt 83,6%. Tổng số thu ngân sách địa phương năm 1965 là 8.550.000 đồng, chỉ là 8.005.000 đồng¹.

Về giao thông vận tải, trong điều kiện còn thiếu vốn nghiêm trọng, kinh phí đầu tư của tỉnh còn rất ít ỏi, song với

1. Xem Chi cục Thống kê Cao Bằng: “Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch của ngành kinh tế - văn hóa - xã hội năm 1960-1967”, tr.1-2.

nỗ lực và quyết tâm rất lớn, cùng với sự hỗ trợ của Trung ương, Tỉnh ủy đã chỉ đạo ngành giao thông tập trung củng cố, bảo dưỡng một số cầu chủ yếu, bảo dưỡng mặt đường để nâng cao mức sử dụng xe, đồng thời mở thêm một số tuyến đường mới. Ngành đã tiến hành sửa chữa và mở rộng 5 tuyến đường lớn trong tỉnh (Mỏ Sắt - Thông Nông, Trà Lĩnh - Tổng Cột, Nặm Nàng - Đức Thông, Trùng Khánh - Bằng Ca, Cao Bằng - Sóc Giang) và mở thêm 2 tuyến đường giao thông mới từ Đôn Chương đi Pác Bó và từ Bảo Lạc đi Pác Miêu¹. Năm 1961, sửa chữa đường Trùng Khánh - Pò Peo dài 24 km, làm đường Sóc Giang - Bình Mãng dài 4 km. Với tinh thần tự lực, tự cường khắc phục khó khăn, nhân dân đã tự nguyện tham gia 78.471 ngày công lao động để làm mới và khôi phục 931 km đường liên thôn, liên xã, liên bản; làm mới và sửa chữa 48 cầu, 21 cống, phát triển 2.500 xe thô sơ các loại. Công nhân, nhân dân, bộ đội góp 385.800 công làm đường thị xã Cao Bằng - Bản Ngần - Cao Bình, dài 8,5 km rộng 6 m. Năm 1964, phong trào làm đường giao thông nông thôn phát triển mạnh, làm mới được 116 km, mở rộng mặt đường 320 km, làm mới 38 cầu, phát triển 258 xe thô sơ, vận chuyển trên 15.000 tấn hàng. Năm 1965, Tỉnh ủy ra Nghị quyết về việc “đảm bảo giao thông trong tình hình mới”; ở các huyện, xã ven đường giao thông đều thành lập “Ban bảo đảm giao thông” và những đội ứng cứu khi tình hình xấu xảy ra. Các đường ngầm, đường tránh ở các cầu tuyến quốc lộ số 3, 4 căn bản hoàn thành, đảm bảo thông xe khi địch bắn phá sau 2 giờ. Đồng thời, tỉnh tiếp tục đầu tư xây dựng và mở rộng các tuyến đường Mỏ Sắt - Thông Nông, Trà Lĩnh - Tổng Cột, Trùng Khánh - Bằng Ca...

Đồng thời với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế theo Kế

1. Nay là thị trấn Pác Miêu, huyện Bảo Lâm.

hoạch 5 năm lần thứ nhất, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã đặc biệt chú ý phát triển các mặt văn hóa - xã hội.

Về giáo dục: Đầu năm 1961, Đảng bộ đã phát động chiến dịch “Tiến quân diệt dốt vùng cao”. Trên 1.000 đoàn viên, thanh niên có trình độ văn hóa ở các huyện vùng thấp đã tình nguyện đi lên các huyện vùng cao để xóa nạn mù chữ cho đồng bào bằng chữ viết Tày - Nùng. Kết quả đợt vận động trong 2 năm 1961-1962, đã có 15.141 đồng bào thoát nạn mù chữ và 14.101 người có trình độ phổ cập giáo dục cấp I. Tỉnh Cao Bằng là một trong hai tỉnh miền núi đầu tiên xoá xong nạn mù chữ ở vùng thấp. Có 1.035 cán bộ xã và quản lý hợp tác xã đã học xong các lớp bổ túc tập trung; mở thêm 23 lớp học chữ Mông cho 618 học sinh dân tộc thiểu số thuộc các huyện Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình và Trà Lĩnh.

Về giáo dục phổ thông, với sự quan tâm đầu tư tương đối lớn vào giáo dục phổ cập cho con em nhân dân lao động, năm học 1962-1963, toàn tỉnh có 31.905 học sinh, tăng 3% so với năm học trước (bình quân cứ 9 người dân có một học sinh phổ thông). Năm học 1963-1964, tỉnh có 25 trường cấp II ở khắp các huyện, thị xã với 6.129 học sinh, tăng 43,6%; có 3 trường cấp III với 704 học sinh, tăng 2,5 lần so với năm 1960. Đối với các huyện vùng cao, tỉnh mở 105 trường, lớp với 7.077 học sinh, tăng gấp ba lần năm 1960. Năm học 1964-1965, tỉnh đã tổ chức học tập về tình hình, nhiệm vụ mới và về kỹ thuật nông nghiệp, quốc phòng cho 1.200 giáo viên, thực hiện sơ tán các trường học và tập trung đào hầm hào phòng không; phát động phong trào bổ túc văn hoá, kết quả có 17.313 người đi học, đạt 85% kế hoạch. Đồng thời, căn cứ vào đặc điểm thời tiết khắc nghiệt và cư trú phân tán của đồng bào, ngành giáo dục đã thực hiện quy chế “nghỉ đông, học hè” để thu hút học sinh, đảm bảo sản xuất và tránh thời tiết xấu. Ngành giáo

dục đã chú ý kết hợp đào tạo hướng nghiệp cho 120 học sinh dân tộc thiểu số theo con đường đào tạo phổ thông nông nghiệp. Việc giảng dạy, nghiên cứu và thực hành kỹ thuật trong nhà trường bước đầu được chú ý cải tiến.

Trước tình hình cả nước có chiến tranh, giáo viên và học sinh lớp lớn đã tích cực đăng ký “ba sẵn sàng”, trong đó, một số thanh niên đã phấn khởi lên đường làm nghĩa vụ quân sự. Ngày 05/11/1965, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 40 CT/CB về việc chuyển hướng công tác giáo dục trước tình hình và nhiệm vụ mới. Chỉ thị yêu cầu: Trong bất cứ hoàn cảnh nào, “phải gắn chặt hơn nữa việc học tập, giảng dạy và mọi mặt hoạt động của nhà trường với đời sống, với sản xuất và chiến đấu, ra sức cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy... Phải đảm bảo an toàn, đảm bảo sức khỏe cho học sinh trong khi học tập, trong việc tham gia sản xuất và phục vụ chiến đấu”¹. Qua đó, chỉ đạo đưa giáo dục thực sự gắn chặt với hai nhiệm vụ chiến lược của tỉnh lúc bấy giờ: phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu.

Ngành y tế của tỉnh cũng có những đóng góp tích cực. Với sự tăng cường hỗ trợ của ngành y tế Trung ương, nhiều cán bộ y tế vùng xuôi đã tình nguyện đi phục vụ miền núi, tỉnh đã xây dựng và củng cố một số bệnh viện của tỉnh, huyện, trạm y tế xã. Vận động nhân dân tham gia phong trào “ba sạch” (ăn sạch, ở sạch, uống sạch), bỏ dần các hủ tục cúng ma, nghiện ngập... Hai năm 1962-1963, tỉnh có 12 cơ sở điều trị, trong đó có 4 bệnh viện, 8 bệnh xá với 440 giường bệnh, 113 trạm y tế xã; có 14 bác sĩ, 2 dược sĩ, 82 y sĩ, 16 y sĩ xã, 22 nữ hộ sinh. Đến cuối năm 1964, tỉnh có một

1. Chỉ thị số 40 CT/CB ngày 05/11/1965 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng về việc chuyển hướng công tác giáo dục trước tình hình và nhiệm vụ mới. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

bệnh viện lớn, hầu hết các xã vùng thấp đã có trạm y tế xã. Tuy vậy, ở các xã và những bản, làng vùng cao, điều kiện chăm sóc sức khỏe còn nhiều hạn chế do cơ sở vật chất còn nghèo nàn, cán bộ thiếu; công tác vận động, thuyết phục quần chúng chưa thật sâu rộng và thiết thực. Thực hiện Chỉ thị số 30-CT/CB ngày 20/8/1965 của Tỉnh ủy Cao Bằng về tăng cường lãnh đạo công tác y tế trong tình hình mới, ngành y tế đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục làm cho cán bộ y tế nhận thức đầy đủ vị trí và nhiệm vụ công tác y tế trong tình hình mới; đẩy mạnh tuyên truyền vệ sinh phòng dịch ở những nơi sơ tán, công trường giao thông; có kế hoạch dự phòng thuốc men, dụng cụ y tế cần thiết và các phương tiện hoạt động cho nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa sẵn sàng phục vụ chiến đấu. Đồng thời, phân tán bệnh viện, tăng cường y, bác sĩ xuống cơ sở; huấn luyện cho các y, bác sĩ việc cấp cứu ngoại khoa phục vụ phòng không; tích cực xây dựng 50 xã trở thành xã chiến đấu ở những vùng trọng điểm theo đúng nội dung quy định một xã chiến đấu của Bộ Y tế.

Ngành văn hóa, thông tin, truyền thanh từ tỉnh tới cơ sở được trang bị gọn nhẹ và phát huy tác dụng tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, phục vụ sản xuất và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Hoạt động văn hóa của quần chúng bước đầu được chú ý. Ngành văn hóa đã phát động các đợt thi sáng tác thơ ca dân tộc phục vụ nhiệm vụ chính trị trước mắt. Đồng thời, tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa - văn nghệ, vui chơi giải trí phù hợp với điều kiện từng vùng, phù hợp với phong tục, tập quán của mỗi dân tộc nhằm nâng cao dân trí, giảm bớt hủ tục lạc hậu. Tháng 5/1960, Đoàn văn công của tỉnh được thành lập, ban đầu chỉ có 15 diễn viên, sau hơn một năm hoạt động, Đoàn phát triển trên 30 diễn viên và xây dựng được nhiều vở diễn, phục vụ 52.160 lượt đồng bào.

Để phát huy tác dụng của công tác văn hóa, văn nghệ trong tình hình và nhiệm vụ cách mạng mới, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 29-CT/CB ngày 20/8/1965 về công tác văn hóa, văn nghệ trong tình hình mới. Chỉ thị xác định rõ: “Công tác văn hóa, văn nghệ có một vai trò trọng yếu trong việc giáo dục lòng căm thù đối với bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai, cổ vũ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, bồi dưỡng khả năng sản xuất và chiến đấu của nhân dân, nâng cao sinh hoạt tinh thần của quần chúng, xây dựng một nền văn hóa xứng đáng với nhân dân ta, phục vụ sự nghiệp vĩ đại chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta hiện nay”¹. Theo đó, ngành văn hóa đã kịp thời đưa các đội văn nghệ, đội chiếu bóng xuống các cơ sở để phục vụ; huy động mọi lực lượng có thể huy động được như giáo viên, học sinh, thanh niên, dân quân... để tăng cường hoạt động văn hóa không chuyên nghiệp của quần chúng; vận dụng mọi hình thức thích hợp với tình hình mới; củng cố các đội văn nghệ ở các địa phương...

Những kết quả bước đầu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V có ý nghĩa chính trị to lớn, nổi bật là giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nhân dân được tăng lên, bộ mặt nông thôn vùng núi có chuyển biến khá; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước, nhất là khu vực nông thôn. Năm 1962, bình quân lương thực đầu người đã đạt 412 kg; thu nhập bình quân đầu người hàng tháng (không tính chi phí sản xuất) đạt 15,64 đồng, tăng 5,3% so

1. Chỉ thị số 29-CT/CB ngày 20/8/1965 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng về công tác văn hóa, văn nghệ trong tình hình mới. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

với năm 1960; sức mua bình quân đầu người (chỉ tính riêng mua mậu dịch quốc doanh) đạt 43,78 đồng, tăng 18,7%, trong đó sức mua ở vùng cao tăng 23,5% so với năm 1960. Nhiều mặt sinh hoạt ở nông thôn ngày càng có chuyển biến rõ rệt. Nhà ngói mọc lên ngày càng nhiều, trong năm 1962, bình quân mỗi hộ đã chi 134 đồng làm nhà ở; toàn tỉnh có 5.517 xe đạp, riêng nông thôn có 1.940 xe, bình quân cứ 25 hộ có 1 xe đạp... Nhiều gia đình có con em đi học đến lớp 7, lớp 10 và một số học đại học; cứ 350 phụ nữ ở độ tuổi sinh đẻ thì có 1 nữ hộ sinh chăm nom. Các mặt vui chơi, giải trí lành mạnh khác cũng được phát triển mạnh. Tình hình chính trị, trị an cơ bản ổn định. Những thành tựu này góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, với Chính phủ, với Chủ tịch Hồ Chí Minh càng thêm sâu sắc và trung thành vô hạn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong công tác xây dựng Đảng: Xác định rõ tầm quan trọng hàng đầu của công tác tư tưởng đối với quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, tháng 3/1961, Đảng bộ tỉnh thực hiện cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị nhằm làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân quán triệt tinh thần cơ bản của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, xây dựng và bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng những tư tưởng phù hợp với chế độ chính trị và quan hệ sản xuất mới. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chỉnh huấn của tỉnh do đồng chí Đoàn Nguyên Nhật (Hồng Kỳ), Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Ngay từ tháng 4/1961, Ban Chỉ đạo chỉnh huấn của tỉnh tiến hành hướng dẫn các cấp, các ngành, chính quyền, đoàn thể tổ chức xem xét, rút kinh nghiệm công tác vận động cải cách dân chủ, tiếp tục có kế hoạch tăng cường, hoàn thành cải cách dân

chủ trên phạm vi toàn tỉnh¹. Cuối năm 1962, toàn tỉnh có 80% cán bộ, đảng viên được tập huấn, 4% chi ủy viên xã và 60% cấp ủy viên cấp huyện đã qua các lớp bồi dưỡng lý luận. Bên cạnh đó, Đảng bộ tỉnh còn cử 2.000 lượt cán bộ đi dự các lớp tập huấn chính trị và nghiệp vụ do Khu ủy Việt Bắc triệu tập.

Về công tác cán bộ, phát triển đảng viên, Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh đã nhấn mạnh tới yêu cầu phát triển cán bộ, đảng viên, gắn xây dựng Đảng với củng cố hợp tác hóa, phát triển kinh tế công, nông nghiệp của tỉnh. Do đó, từ chỗ năm 1960 Đảng bộ mới kết nạp được thêm 350 đảng viên thì tới cuối năm 1962 đã kết nạp thêm 1.601 đảng viên mới, trong đó, lực lượng trẻ chiếm 65%, nâng tổng số đảng viên toàn tỉnh lên 8.803 đảng viên với 342 chi bộ cơ sở. Cán bộ nữ và dân tộc thiểu số tuy ít, nhưng rất tiêu biểu, như nữ đảng viên Lý Mùi Quan, dân tộc Dao Đỏ vừa là nữ hộ sinh xã Thái Học (huyện Nguyên Bình) vừa là ủy viên Ủy ban hành chính xã. Thông qua các đợt học tập chính huấn gắn với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tỉnh đã tích cực tuyên truyền, vận động, từng bước nâng cao giác ngộ chính trị cho đồng bào các dân tộc nhằm phát huy sức mạnh của đồng bào các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. Đợt chính huấn diễn ra gồm 3 bước: Bước 1: Mở lớp chính huấn tập trung về bồi dưỡng giảng viên hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị trong 15 ngày đầu tháng 4/1961 (bao gồm các đồng chí cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, huyện); sau đó làm 1 xã thí điểm để rút kinh nghiệm lãnh đạo chung (xã Đề Thám, huyện Hòa An). Bước 2: Các cơ quan tiến hành chính huấn tại chức, lấy cơ quan làm đơn vị chính huấn là chính với chế độ một tuần 4 buổi (2 buổi vào giờ chuyên môn và 2 buổi vào buổi tối); các huyện mở một lớp chính huấn tập trung và bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo chính huấn (thời gian từ ngày 30/4 đến ngày 10/5/1961). Bước 3: Mở rộng đến các cơ quan xung quanh và các xã, thời gian từ ngày 20/6/1961.

Đảng bộ đã từng bước ổn định tổ chức, cải tiến lề lối làm việc; hầu hết các xã đều thành lập được chi bộ đảng làm nòng cốt trong việc vận động quần chúng nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Tiêu biểu là phong trào phấn đấu thực hiện “chi bộ bốn tốt, đảng viên bốn tốt”¹ ở các huyện Nguyên Bình, Quảng Uyên, Phục Hòa, Trùng Khánh... Đến tháng 9/1965, toàn tỉnh đã có 88 chi bộ, đảng bộ đạt yêu cầu “bốn tốt”.

Thực hiện Nghị quyết số 75-NQ/TW của Ban Bí thư về việc mở đại hội đại biểu các cấp khu, tỉnh, thành, sau khi kết thúc nhiệm kỳ V của Đảng bộ, để chỉ đạo hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), từ ngày 16 đến ngày 25/9/1963, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VI được triệu tập tại thị xã Cao Bằng. Dự Đại hội có 133 đại biểu chính thức và 6 đại biểu dự khuyết. Đại hội đã đánh giá, kiểm điểm kết quả 2 năm đầu (1961-1962) thực hiện Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu và biện pháp chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 3 năm tiếp theo (1963-1965). Nghị quyết của Đại hội tập trung vào việc quán triệt vấn đề phát triển nông nghiệp ở miền núi và phấn đấu hoàn thành những chỉ tiêu của Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất. Đại hội nhấn mạnh: Vấn đề mấu chốt cho mọi thắng lợi là: “Toàn Đảng, toàn dân Cao Bằng ra sức phát huy truyền thống đoàn kết, đấu

1. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, chi bộ “bốn tốt” là chi bộ: Đảng viên gương mẫu trong mọi công việc, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nội bộ đoàn kết thực sự; chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, lãnh đạo tốt sản xuất và chiến đấu; một lòng một dạ phục vụ nhân dân, thiết thực chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đối với Đảng thì củng cố tốt và phát triển tốt. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.15, tr.98.

tranh anh dũng, đoàn kết nhiệt tình và khí thế cách mạng... Muốn vậy, phải ra sức tiếp tục củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là lấy việc củng cố và phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, củng cố và mở rộng các trạm trại quốc doanh để đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, làm cơ sở cho việc phát triển các mặt kinh tế khác, phát triển văn hóa. Thực hiện phân phối và tiêu dùng một cách hợp lý nhất, cải thiện từng bước đời sống của nhân dân các dân tộc, tăng cường đoàn kết và trị an quốc phòng, tích lũy vốn cho xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho hợp tác xã, đặc biệt là hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng chung cho tỉnh và góp phần đắc lực hơn nữa cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà”¹.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI gồm 21 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 07 đồng chí. Đồng chí Vũ Ngọc Linh được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Hoàng Tuấn Sơn làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Đoàn Nguyên Nhật (Hong Kỳ) làm Phó Bí thư (Bí thư Đảng đoàn chính quyền kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch)². Đến năm 1966, đồng chí Hoàng Hồng Tiến, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy³.

1. Dự án Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI về kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961-1965 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, tr.10. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

2. Biên bản họp Ban Chấp hành từ 14h00 ngày 27/9/1963 (số 3 BB/CH ngày 27/9/1963). Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

3. Xem Biên bản số 2-BB/CB ngày 08/3/1966 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bổ sung Tỉnh ủy và cử Ban Thường vụ.

Đề động viên toàn Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng hăng hái tiến lên giành những thắng lợi mới, Đại hội đã quyết định phát động phong trào thi đua mới nhằm “thực hiện lời Bác dạy”. Đồng thời, trong thời gian diễn ra Đại hội, nhân dân các dân tộc luôn hướng về Đại hội và gửi lên Đại hội hàng trăm bức điện văn, thư chào mừng Đại hội với nhiều thành tích, việc làm của mình trong sản xuất và công tác¹. Những đợt thi đua ngắn đã thể hiện rõ lòng tin tuyệt đối của các tầng lớp nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, trực tiếp là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới; thể hiện tinh thần cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân “sẵn sàng chờ đón mọi chỉ thị, nghị quyết của Đại hội, nguyện làm tốt mọi nhiệm vụ ở địa phương”².

Bước vào năm 1964, xác định rõ vai trò quan trọng của đội ngũ đảng viên đối với quá trình phát triển, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng họp ngày 30 và 31/3/1964 đã kiểm điểm công tác xây dựng Đảng ở nông thôn hai năm (1962-1963) và ra Nghị quyết về tình hình, nhiệm vụ xây dựng Đảng ở nông thôn hai năm 1964-1965. Nghị quyết chỉ rõ: “Phải ra sức củng cố, phát triển Đảng, đặc biệt coi trọng công tác củng cố, đồng thời chú ý đẩy mạnh phát triển Đảng thường xuyên. Phải

1. Bao gồm: thư từ đồng ruộng đang sôi nổi thi đua làm mùa đạt năng suất cao; thư từ các xí nghiệp, công trường đang vươn lên trong khí thế Duyên Hải; thư của các trường bước vào năm học mới đang phấn khởi “dạy tốt, học tốt”; thư của lực lượng vũ trang đang thi đua “Ba nhất”; thư của Hội đồng hương miền Nam Cao Bằng và của hàng nghìn con người Khối cơ quan Dân Đảng trong phong trào thi đua “ba cái tiến”. Dẫn theo Báo *Cao Bằng* (ra hằng tuần), số 150 ra ngày 03/10/1963, tr.6. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

2. Báo *Cao Bằng* (ra hằng tuần), số 150 ra ngày 03/10/1963, tr.4. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

làm cho các chi bộ có đầy đủ tính tư tưởng, tính chiến đấu, tính kỷ luật, đảm bảo thực hiện mọi nhiệm vụ của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng tỉnh nhà tiến lên không ngừng. Yêu cầu nhằm kiện toàn vai trò lãnh đạo của Đảng, phấn đấu cho toàn Đảng bộ có nhiều chi bộ “bốn tốt”, nhiều huyện tiên tiến, làm cho tỉnh nhà chóng trở thành tỉnh gương mẫu trong hai năm”¹. Đồng thời, Nghị quyết cũng chỉ rõ: Việc thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng là nền tảng, là động lực quan trọng để đảm bảo cho những nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra được hoàn thành thắng lợi.

Đi đôi với củng cố, phát triển đảng, Đảng bộ còn chú ý tới việc củng cố chính quyền nhân dân các cấp, đặc biệt là cấp huyện và cấp xã làm nhiệm vụ trực tiếp quản lý xã hội và địa bàn dân cư của đồng bào các dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền các cấp đã từng bước nhận thức và phát huy tốt vai trò của mình, xóa bỏ căn bản những đặc quyền, đặc lợi của tàn dư phong kiến, tạo điều kiện để nhân dân được làm chủ vận mệnh của mình. Nhiệm vụ lớn nhất của hệ thống chính quyền là củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, xóa dần tình trạng chênh lệch văn hóa và kinh tế giữa vùng thấp và vùng cao, tiến tới thực hiện hoàn toàn bình đẳng giữa các dân tộc.

Để phát huy bản chất cách mạng của chính quyền nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân phát huy tinh thần làm chủ xã hội, làm chủ kinh tế, Đảng bộ đã coi trọng tăng cường củng cố và phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công

1. Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ xây dựng Đảng ở nông thôn hai năm 1964-1965. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

đoàn... Thông qua các tổ chức quần chúng nhằm giáo dục, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa về mọi mặt, củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong những năm 1961-1962, thực hiện Nghị quyết Đại hội Phụ nữ toàn quốc, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ III, Đại hội Công đoàn Lao động Việt Nam..., trong các tổ chức thanh niên, phụ nữ, công đoàn Cao Bằng đã đẩy lên các phong trào “Sống và học tập theo gương những người cộng sản”, phong trào tình nguyện vượt mức kế hoạch... Nổi bật nhất là công nhân Mỏ thiếc Tĩnh Túc đã có sáng kiến cải tiến kỹ thuật xây cửa lò theo kiểu cuốn tò vò nhằm tiết kiệm gạch chịu lửa. Hội Phụ nữ tỉnh cũng lập nhiều thành tích trong phong trào xóa nạn mù chữ, phong trào hợp tác hóa. Nhân dịp Đại hội Phụ nữ toàn quốc, Hội Phụ nữ tỉnh Cao Bằng cũng là một trong những đơn vị được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Để tăng cường đội ngũ cán bộ trẻ, Tỉnh đoàn Thanh niên đã đề ra nhiệm vụ phấn đấu bồi dưỡng 5.000 đoàn viên, thanh niên lao động ưu tú, là đội quân hậu bị trực tiếp bổ sung cho Đảng bộ. Hưởng ứng phong trào xung phong tình nguyện vượt mức Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất do Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ III đề ra, phong trào thi đua với “10 cô gái chàng trai Tàng Bạt”, phấn đấu trở thành “Chiến sĩ tình nguyện”, “Trai gái Đại Phong” do Trung ương Đoàn và Tỉnh Đoàn Thanh niên Cao Bằng phát động đã thu hút đông đảo đoàn viên ở 8 huyện, với 54 chi đoàn và 2.475 đoàn viên, thanh niên tình nguyện đăng ký tham gia.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng bộ đã quán triệt sâu sắc nhiệm vụ chiến lược quốc phòng và tích cực chi viện cho cách mạng miền Nam là nhiệm vụ quan trọng thứ hai của tỉnh. Đặc điểm của Cao Bằng là tỉnh vùng cao biên giới,

địa hình hết sức phức tạp, một số xã hẻo lánh như Đức Hạnh (huyện Bảo Lạc)¹, Lương Thông, Ngoại Trung² (huyện Hà Quảng)..., tàn dư của bọn phản động còn nhiều. Với mục tiêu gây rối, gây mất ổn định xã hội, chúng vẫn ngoan cố, ngấm ngầm hoạt động, bí mật tuyên truyền nói xấu Đảng và Chính phủ, lén lút gây dựng cơ sở biệt kích hòng chống phá ta lâu dài. Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành công an, quân đội, chính quyền các cấp phát triển lực lượng dân quân tự vệ, kết hợp với công an nhân dân vũ trang làm tốt nhiệm vụ canh gác bảo vệ biên cương của Tổ quốc. Đồng thời, chỉ đạo khoanh vùng và cô lập những đối tượng phức tạp, đưa đi cải tạo những phần tử có biểu hiện chống đối, từng bước làm trong sạch địa bàn.

Công tác quân sự địa phương, dân quân, du kích, công an đều có những đóng góp tích cực bảo vệ an toàn nội bộ. So với yêu cầu của Khu ủy Việt Bắc đề ra thì Cao Bằng là tỉnh có nhiều thành tích vượt bậc về phát triển dân quân tự vệ (về số lượng và chất lượng), tuyển quân xây dựng bộ đội địa phương và đóng góp sức người chi viện cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Năm 1963, lực lượng dân quân, du kích đã phát triển mạnh mẽ, trong 154 xã của tỉnh đã có đội ngũ cán bộ chuyên trách, công tác luyện tập quân sự có chất lượng hơn, ý thức sẵn sàng chiến đấu cao hơn.

1. Xã Đức Hạnh nay thuộc huyện Bảo Lâm.

2. Quyết định số 12-NV ngày 05/4/1965 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ chia tách xã Ngoại Trung (huyện Hà Quảng) thành 4 xã thuộc huyện Hà Quảng: Cô Mười (nay thuộc xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh), Tổng Cột, Sĩ Hai, Hồng Sĩ (hiện nay xã Sĩ Hai được sáp nhập vào xã Hồng Sĩ theo Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính thuộc tỉnh Cao Bằng).

Tháng 3/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt nhằm tăng cường đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trước âm mưu tăng cường mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ chống nhân dân Việt Nam. Tại Hội nghị này, Người đã phát động phong trào: “Mỗi người làm việc bằng hai” để đền đáp đồng bào miền Nam ruột thịt.

Giữa lúc toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang hăng hái thi đua hoàn thành Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), ngày 05/8/1964, đế quốc Mỹ gây ra “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, thực hiện âm mưu leo thang bắn phá miền Bắc, hòng ngăn chặn sự chi viện sức người, sức của của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam. Trung ương Đảng đã chỉ đạo chuyển hướng chiến lược từ thời bình sang thời chiến, miền Bắc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: vừa sản xuất, vừa chiến đấu “mỗi người làm việc bằng hai” vì miền Nam ruột thịt.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Đảng bộ tỉnh đã chuyển mọi hoạt động xây dựng kinh tế, xã hội, văn hóa từ thời bình sang thời chiến; phát động phong trào “đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu”¹; đẩy mạnh công tác phòng không, sơ tán bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân; tích cực xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Từ cuối năm 1964, sau thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ tăng cường mở rộng các hoạt

1. Chỉ thị số 21/CT/CB ngày 22/3/1965 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng về phát động phong trào đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

động do thám hòng chuẩn bị các bước phiêu lưu quân sự mới. Tại Cao Bằng, địch đã có những hoạt động tung gián điệp, biệt kích. Chúng tiến hành 12 lượt do thám bằng máy bay trinh sát qua các vùng Thạch An, Hạ Lang, Trà Lĩnh, Nguyên Bình, Bảo Lạc... Đồng thời, bọn phản động có âm mưu gây rối trở lại. Núp dưới danh nghĩa thầy lang, thầy cúng, chúng ra sức xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, điều tra, do thám các mục tiêu dân sự và quân sự của ta ở thị xã và một số vùng biên giới nhằm tiếp tay cho đế quốc Mỹ mở rộng mục tiêu đánh phá.

Trước tình hình khẩn trương của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và chuẩn bị đối phó với khả năng địch mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, Đảng bộ đã tiếp tục triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 20/01/1962 của Bộ Chính trị về tăng cường đấu tranh chống các bọn phản cách mạng để phục vụ tốt công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh nhằm thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Trên cơ sở đó, mở rộng phong trào phòng gian bảo mật trong các cơ quan, xí nghiệp, tăng cường cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi hoạt động chống phá của kẻ thù. Đi đôi với công tác sơ tán, tỉnh đã tập trung huy động nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đào đắp hàng nghìn kilômét giao thông hào, hầm, hố cho người, máy móc, tài sản; thực hiện nguy trang các công trình kiến trúc, nhà cửa nhằm hạn chế tối đa sự thiệt hại về người và của khi bị địch phá, bảo đảm giữ gìn lực lượng của ta, tích cực tiêu diệt địch. Ngày 15/9/1964, tỉnh đã ra Chỉ thị về việc tổ chức lực lượng phòng không nhân dân. Theo đó, tỉnh đã lập các đội xung kích của Ty Kiến trúc, Ty Giao thông, Thanh Sơn, Tam Trung... với nhiệm vụ chi viện cho những nơi bị thiệt hại nặng, nhanh chóng khôi phục sinh hoạt bình thường khi xảy

ra chiến sự; 2 đội vận tải gồm 5 xe nhằm cung cấp hàng hoá, nguyên vật liệu cần thiết, thực hiện sơ tán, phục vụ yêu cầu của công tác phòng không nhân dân và một đội kỹ thuật nhằm sửa chữa những máy móc bị thiệt hại, giải quyết điện, nước. Bên cạnh đó, tỉnh còn tổ chức khảo sát xây dựng một số đài quan sát xung quanh thị xã (đài Thiên Văn, Nà Cạn), Thạch An (Nà Kê, Bắc Quang), Nguyên Bình (Tà Sa, Phja Đén), Bảo Lạc (Vĩnh Quang), Hà Quảng (Đa Thông), Trùng Khánh (Cao Thăng), Hạ Lang (Lý Quốc).

Cuối năm 1964, tỉnh tổ chức 2 tiểu đoàn Phai Khắt, Đông Khê, được huấn luyện thành thạo về kỹ thuật, bồi dưỡng về chính trị và tư tưởng, bổ sung cho bộ đội chủ lực, sẵn sàng chi viện cho miền Nam, góp phần vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Năm 1965, tổ chức bồi dưỡng xã đội đạt 136,5%; bồi dưỡng cán bộ B, A đạt 148,7%. Đến tháng 6/1965, có 97,6% số xã hoàn thành chương trình huấn luyện cả chính trị và quân sự cho dân quân tự vệ ở các cơ quan công, nông, lâm trường, xí nghiệp.

Ngày 10/4/1965, tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa III, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng và Nhà nước kêu gọi kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Người nói: “Lúc này *chống Mỹ, cứu nước* là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước”¹. Thấm nhuần lời hịch cứu nước thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng bộ, quân và dân Cao Bằng đã nêu cao quyết tâm “Tay cày, tay súng”, “vừa sản xuất vừa chiến đấu” bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Các phong trào “Ba sẵn sàng” của thanh niên, “Ba đảm đang” của phụ nữ, phong trào “Thóc không

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.533.

thiếu một cân, quân không thiếu một người” đã được phát động sâu rộng từ vùng thấp tới vùng cao. Tuổi trẻ Cao Bằng xung phong tình nguyện lên đường đi chiến đấu, trong những đợt tuyển quân của hai năm 1964-1965, tỉnh đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân do Quân khu giao. Trong các nhà máy, xí nghiệp, công trường, các đơn vị tự vệ ngày đêm luyện tập, đào đắp trận địa, hầm hào sẵn sàng tiêu diệt bất kỳ tên xâm lược nào nếu chúng liều lĩnh đi vào vùng trời, vùng đất của Cao Bằng. Hội Phụ nữ tỉnh phát động phong trào Hội mẹ chiến sĩ nhằm động viên con, em lên đường nhập ngũ theo tiếng gọi thiêng liêng của Đảng, kết quả tỉnh đã tổ chức được 124 tổ Hội mẹ chiến sĩ, với 1.489 cụ tham gia. Đồng thời, các mẹ, các chị còn đóng góp công sức to lớn vào nhiệm vụ củng cố hậu phương và đẩy mạnh phát triển sản xuất.

Ngày 28/7/1965, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 26-CT/CB về việc tăng cường đối phó với âm mưu gây chiến tranh phá hoại của địch. Chỉ thị đã hướng dẫn một số điểm cụ thể để các cấp ủy, các ngành thực hiện tốt một số công tác chủ yếu như: Đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân với mức độ khẩn trương hơn; phải chú ý tới các mặt hoạt động của các bọn phản cách mạng trên mặt đất và âm mưu tung gián điệp, biệt kích của địch; phải có kế hoạch cụ thể chống âm mưu gây chiến tranh tâm lý của địch; phải đặc biệt coi trọng chống các hoạt động gián điệp ẩn nấp. Do đó, hoạt động an ninh - quốc phòng của tỉnh chủ yếu tập trung vào phòng chống gián điệp, biệt kích, tăng cường cảnh giới địa phương, thực hiện phong trào bảo vệ trị an, giáo dục quần chúng trong sự nghiệp bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ an toàn cho đời sống hàng ngày, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng vùng xung yếu, thực hiện tốt công tác tuyển quân.

Đối với những địa phương có vấn đề phức tạp, lực lượng công an tỉnh có kế hoạch giám sát chặt chẽ những đối tượng có vấn đề chính trị; các khu vực biên giới được bộ đội biên phòng và nhân dân địa phương ngày đêm canh phòng cảnh giới. Hầu hết các đơn vị kinh tế, cơ quan, xí nghiệp và 125 xã tích cực tham gia cuộc vận động, nhờ đó các tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc, buôn lậu đã giảm hơn trước. Ý thức cảnh giác và tinh thần sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu được nâng lên rõ rệt. Năm 1965, lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh đã phá nhóm phản động “Khối cộng đồng công xã ngọn cờ đỏ” ở Hoà An, tổ chức phản động “Giải phóng quân Nam phương độc lập đoàn” ở Trùng Khánh, tịch thu tài liệu và bắt bọn đầu sỏ. Sự ổn định về chính trị, an ninh - quốc phòng là một trong những điều kiện quan trọng để tỉnh Cao Bằng hoàn thành những nhiệm vụ về kinh tế, văn hoá, xã hội trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong 5 năm (1961-1965), từ một tỉnh miền núi nghèo nàn, lạc hậu, tàn dư của chế độ cũ còn khá nặng nề, Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng đã từng bước vượt qua những khó khăn thử thách, hoàn thành những chỉ tiêu đề ra trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội, chính trị của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực. Đại bộ phận nông dân đã đi vào con đường làm ăn tập thể, phong trào hợp tác hóa đã phát huy tác dụng bước đầu trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tạo điều kiện để đẩy mạnh các mặt công tác khác.

Song bên cạnh đó, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ cũng còn bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót cần được khắc phục: Cơ sở vật chất - kỹ thuật, trình độ quản lý của phong trào hợp tác hóa còn yếu; các mặt công tác sản xuất

nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn mang nặng tính chất sản xuất tự cấp tự túc, còn lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Đời sống của nhân dân tuy có cải thiện so với trước song vẫn gặp nhiều khó khăn. Công tác trị an quốc phòng có mặt còn hạn chế, tệ nạn xã hội, cờ bạc, buôn lậu... và hoạt động của các phần tử xấu vẫn còn khá phổ biến. Năng lực lãnh đạo và trình độ quản lý kinh tế của Đảng bộ còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu; trình độ tư tưởng và tổ chức chưa chuyển biến kịp thời với nhiệm vụ chính trị ngày một phát triển; tư tưởng bảo thủ hữu khuynh có xu hướng gia tăng; ý thức tổ chức, tinh thần trách nhiệm ở nhiều nơi chưa cao...

Trải qua 10 năm khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1955-1965), đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lao động được nâng cao hơn trước. Nhân dân các dân tộc ngày càng gắn bó với chế độ mới, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mặc dù trong điều kiện còn nhiều khó khăn và thử thách ác liệt, song với tình cảm ruột thịt Bắc - Nam một nhà, nhân dân các dân tộc Cao Bằng luôn một lòng, một dạ hướng về miền Nam thành đồng Tổ quốc. Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng đã làm hết sức mình, đẩy mạnh phong trào “Mỗi người làm việc bằng hai” ra sức cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, làm ra nhiều của cải để góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Có được những thành tựu đó, trước hết là nhờ Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng đã kịp thời vận dụng, cụ thể hóa những chủ trương, đường lối của Đảng phù hợp với hoàn cảnh thực tế của tỉnh. Đảng bộ đã kịp nhận rõ khuyết điểm, sai lầm trong lãnh đạo, chỉ đạo và có biện pháp kịp thời tập trung khắc phục nhằm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, phát huy thế mạnh của tỉnh. Đồng thời đã kiên trì

tuyên truyền thực hiện chính sách dân tộc, đoàn kết nhân dân, phát huy truyền thống cách mạng trong giai đoạn mới, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số; chú ý phát triển Đảng, củng cố và phát triển các đoàn thể quần chúng, nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, bồi dưỡng những hiểu biết về văn hóa và khoa học - kỹ thuật, đưa ánh sáng văn hóa của Đảng tới vùng cao của tỉnh.

Những kết quả quan trọng đó đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững mạnh để thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà. Đồng thời, đây cũng là nền tảng quan trọng, tạo ra bước tiến vững chắc để tỉnh Cao Bằng tiếp tục vươn lên thực hiện những nhiệm vụ trong các năm tiếp theo.

Chương V

ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC THẮNG LỢI (1966-1975)

I. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN (1966-1972)

Trong lúc nhân dân miền Bắc đang tập trung mọi nỗ lực cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thì cách mạng miền Nam cũng đang trên đà phát triển và giành được những thắng lợi to lớn. Trước nguy cơ phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, từ năm 1965, đế quốc Mỹ đã ồ ạt đưa quân xâm lược trực tiếp vào miền Nam, thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Đồng thời, chúng mở rộng cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc, đánh phá Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh miền Bắc.

Trước tình hình cả nước có chiến tranh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III triệu tập Hội nghị lần thứ 11 (ngày 25, 26 và 27/3/1965) và lần thứ 12 (ngày 27/12/1965).

Nghị quyết đề ra nhiệm vụ chung là: Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc ta, của nhân dân ta từ Nam chí Bắc¹. Trong bất kỳ tình thế nào, miền Bắc Việt Nam cũng phải tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Hội nghị nêu rõ các nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc là: Bảo vệ miền Bắc, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đồng thời chuẩn bị đánh thắng chúng, nếu chúng mở rộng “Chiến tranh cục bộ” ra cả nước; động viên sức người, sức của, tăng cường chi viện cho miền Nam; ra sức xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng; tích cực giúp đỡ cách mạng Lào; tăng cường công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng; đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngoại giao, tích cực tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới².

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã chuyển hướng nhiệm vụ chiến lược, đặt mọi hoạt động của tỉnh vào hoàn cảnh có chiến tranh, lấy sản xuất và chiến đấu làm nhiệm vụ trung tâm. Nhiệm vụ của tỉnh lúc này là: Khắc phục mọi khó khăn, xây dựng Cao Bằng thành một tỉnh hậu phương vững về kinh tế, mạnh về quốc phòng, sẵn sàng chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t.26, tr.634-635, 643-649.

Về sản xuất nông nghiệp: Trong ba năm vừa sản xuất vừa chiến đấu (1965-1968), nông nghiệp tỉnh Cao Bằng vẫn đứng vững, nguồn lương thực, thực phẩm phục vụ cho bà con và một phần cho chiến đấu vẫn được bảo đảm.

Toàn tỉnh có 48.818 ha đất nông nghiệp, trong đó, đất canh tác hàng năm là 48.285 ha, chiếm 98,9% diện tích đất nông nghiệp. Trong số 98,9% diện tích đất nông nghiệp, hợp tác xã cấy 35.314 ha, xã viên cấy 2.273 ha, cá nhân cấy 8.687 ha, còn 21 ha là do các tổ chức khác cấy¹. Năm 1966 là năm Cao Bằng gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. Thiên tai, hạn hán liên tiếp xảy ra, bệnh vàng lụi hoành hành, nên sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, bị thất thu lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân. Để khắc phục khó khăn, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo phải nhanh chóng xây dựng phong trào hợp tác hóa, tổ chức cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật và triển khai thành ba đợt. Đồng thời, coi việc xây dựng, củng cố hợp tác xã vững mạnh ở cả vùng thấp và vùng cao là cơ sở tốt để tận dụng mọi khả năng về lao động và ruộng đồng, xây dựng cơ sở vật chất cho hợp tác xã. Nhiệm vụ của cuộc vận động được xác định là: Củng cố hợp tác xã nông nghiệp, khắc phục những yếu kém về quản lý, đưa quy mô của hợp tác xã lên lớn hơn; thực hiện chế độ 3 khoán. Đề ra các mục tiêu phấn đấu thực hiện: 5 tấn thóc, 2 con lợn, 1 lao động/ha gieo trồng; tổ chức cho các xã viên học tập điều lệ hợp tác xã bậc cao, phát huy dân chủ, tăng cường tinh thần làm chủ trong hợp tác xã nhằm thực hiện sự chỉ đạo

1. Xem Hồ sơ 7291: Số liệu lịch sử 15 năm (1955-1970) phân nông nghiệp Khu tự trị Việt Bắc, Phòng Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

của Trung ương củng cố quan hệ sản xuất trên cả ba mặt: chế độ sở hữu tập thể, chế độ quản lý dân chủ đúng đắn, chế độ phân phối công bằng, hợp lý¹.

Sau khi kết thúc cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt một, cấp ủy đã đặt kế hoạch chuẩn bị ngay cho đợt hai. Song việc hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã lớn gặp rất nhiều khó khăn vì thiếu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và thiếu kinh nghiệm. Để tiến hành cuộc vận động được tốt, Đảng bộ đã tổ chức học tập Chỉ thị số 108-CT/TW ngày 25/8/1965 của Ban Bí thư về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc ở miền núi; và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Tỉnh ủy Cao Bằng về đánh giá phong trào hợp tác hóa thời gian qua và đề ra phương hướng, phương châm tiến hành cuộc vận động đợt hai. Qua học tập, cán bộ, đảng viên nhận thức rõ hơn yêu cầu cuộc vận động vì có củng cố hợp tác xã mới đưa được sản xuất đi lên. Đồng thời, tỉnh đã mở một số lớp huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ về trình độ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã.

Đợt một được triển khai tại 9 xã; đợt hai được triển khai ở 14 xã thuộc vùng trọng điểm lúa, thuốc lá Hòa An, Hà Quảng và mở rộng thí điểm ở 7 huyện khác, mỗi huyện thí điểm một xã. Qua hai đợt vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật tại 23 xã, gồm 82 hợp tác xã quy mô lớn với 9.601 hộ, chiếm 24% tổng số hộ xã viên ở các hợp tác xã vùng thấp đã tạo được những chuyển biến mới trong việc củng cố các hợp tác xã, sản xuất được phát triển và năng suất tăng lên.

1. Xem Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.225.

Song nhìn chung, cuộc vận động tiến hành còn chậm, thời gian còn kéo dài, phong trào tuy đã được đẩy lên một bước nhưng chưa thật mạnh và đồng đều; phương hướng sản xuất còn nhiều lúng túng... Để giải quyết những điều này, ngày 15/01/1968, Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 95-CT/CB về đẩy mạnh cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt 3, với mục tiêu là “phải đảm bảo thực hiện thắng lợi vượt bậc kế hoạch năm 1968, tạo điều kiện và cơ sở vững chắc cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch 3 năm 1968 - 1970, làm tốt nhiệm vụ làm hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”¹. Về thời gian tiến hành, tỉnh không đặt lịch chung cho các huyện mà để từng huyện sắp xếp quyết định tiến hành cho phù hợp, với tinh thần càng sớm càng tốt, đảm bảo cuối năm 1968 căn bản hoàn thành cuộc vận động ở các xã vùng thấp. Đối với vùng cao không tiến hành cuộc vận động, các huyện cần có kế hoạch đẩy mạnh công tác củng cố, phát triển hợp tác xã thường xuyên gắn liền với cuộc vận động định canh, định cư; riêng Bảo Lạc và Thông Nông², đợt này làm thí điểm ở một xã vùng thấp rồi mở rộng trong các đợt sau.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VI, trải qua ba đợt vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đã có

1. Chỉ thị số 95-CT/CB ngày 15/01/1968 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng về đẩy mạnh cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt 3. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

2. Huyện Thông Nông được thành lập theo Quyết định số 67-CP ngày 07/4/1966 của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên cơ sở tách ra từ huyện Hà Quảng.

những chuyển biến quan trọng cả về số lượng và chất lượng, số hộ nông dân vào hợp tác xã ngày một tăng; tăng dần số hợp tác xã bậc cao và giảm dần số hợp tác xã bậc thấp. Năm 1966, toàn tỉnh tổ chức được 1.358 hợp tác xã, với 43.730 hộ (chiếm 81,84% tổng số hộ trong cả tỉnh). Trong đó, vùng thấp có 1.011 hợp tác xã, với 37.989 hộ, bằng 94,89%; vùng cao có 347 hợp tác xã, với 5.741 hộ, bằng 42,1%¹. Việc cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp vùng thấp về căn bản đã được hoàn thành, chuyển các hợp tác xã lên bậc cao, xây dựng quy mô hợp lý. Đối với vùng cao, tuy có chậm hơn nhưng đã có những tiến bộ mới, điển hình có Hợp tác xã Bản Chang, xã Thành Công (huyện Nguyên Bình) là ngọn cờ đầu cả về sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật như thủy điện, thủy lợi và cải thiện đời sống xã viên. Đến năm 1968, toàn tỉnh có 1.066 hợp tác xã, với 46.779 hộ vào hợp tác xã, bằng 85,84%; trong đó, có 871 hợp tác xã bậc cao, chiếm 93,4% số hộ và hợp tác xã, 8 hợp tác xã quy mô toàn xã. Kết quả, trong đợt vận động này, toàn tỉnh có 17% hợp tác xã thực hiện được chế độ ba khoán²; 15% hợp tác xã thực hiện được khoán việc, số còn lại chưa tổ chức được chế độ ba khoán, còn nặng về bình công chấm điểm. Về phân loại hợp tác xã theo tiêu chuẩn 4 tốt (đoàn kết tốt, sản xuất tốt, tăng thu nhập xã viên, tích lũy xây dựng hợp tác xã tốt, làm nghĩa vụ tốt với Nhà nước), toàn tỉnh đã có 70% số hợp tác xã đạt loại trung bình và khá, chỉ còn 30% đạt loại yếu.

1. Xem Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, Sđd, tr.225.

2. Ba khoán: Khoán sản phẩm cuối cùng; khoán chi phí sản xuất và công điểm; khoán năng suất sản lượng.

Việc hợp nhất các hợp tác xã với quy mô nhỏ thành hợp tác xã có quy mô lớn được phát triển mạnh ở những nơi nằm trong diện cải tiến quản lý hợp tác xã, như ở huyện Quảng Uyên đã hợp nhất từ 136 hợp tác xã thành 86 hợp tác xã có quy mô lớn, đưa tỷ lệ hợp tác xã bậc cao lên 97,5%. Mặc dù xây dựng hợp tác xã trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh và thường xuyên bị thiên tai đe dọa, có những lúc tưởng chừng không thể vượt qua được, nhưng trong quá trình xây dựng, quản lý hợp tác xã vẫn nổi lên nhiều hợp tác xã giỏi về sản xuất, quản lý như hợp tác xã Bằng Hà, xã Đức Long và hợp tác xã Phương Tiên, xã Dân Chủ, huyện Hòa An. Nhiều hợp tác xã đăng ký thi đua cánh đồng năm tấn/ha hai vụ. Nhiều huyện, nhiều xã và cá nhân trong tỉnh đăng ký tình nguyện “nhảy vọt” trong việc xây dựng hợp tác xã vững mạnh. Hầu hết các hợp tác xã điển hình tiên tiến về sản xuất, chiến đấu, tổ chức đời sống và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước đều nằm trong diện đã qua cuộc vận động cải tiến quản lý, kỹ thuật. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp không ngừng được tăng cường và từng bước hoàn thiện, có những bước phát triển mới và đã trở thành chỗ dựa tin cậy, vững chắc của Đảng bộ đối với việc thực hiện các chính sách của Đảng trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương.

Cùng với việc đẩy mạnh phong trào xây dựng hợp tác xã, tỉnh còn thực hiện tốt công tác định canh, định cư, tiến hành xây dựng hợp tác xã ở những nơi đời sống và sinh hoạt của nhân dân đã được ổn định. Ngay từ đầu năm 1968, Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh đã chỉ đạo triển khai sâu rộng trong toàn tỉnh tinh thần Nghị quyết số 38-CP ngày 02/3/1968 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về công tác vận động định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa đối với đồng bào

hiện còn du canh du cư¹; huy động 30 cán bộ các ngành của tỉnh và huyện xuống chỉ đạo trực tiếp tại hai xã điểm Hoa Thám và Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình. Sau đợt vận động ở hai xã điểm, từ tháng 5/1968, Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo định canh, định cư các huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc, Thông Nông và Thạch An, là diện vận động thường xuyên. Tỉnh tổ chức tập huấn 1 lớp 7 ngày cho 30 cán bộ của tỉnh và tỉnh bạn; mở lớp bồi dưỡng 15 ngày cho 153 cán bộ các ngành xung quanh tỉnh và huyện để chỉ đạo việc vận động thường xuyên; tiến hành điều tra, khảo sát và xây dựng phương án quy hoạch cho 16 xã thuộc các huyện Bảo Lạc, Thông Nông, Thạch An, Hà Quảng, Hòa An. Các huyện đã vận động được 269 hộ, với 1.481 nhân khẩu đến vùng định canh, định cư và xây dựng ở đó những hợp tác xã vùng cao. Nhiệm vụ chủ yếu của đồng bào vùng cao là chăn nuôi và trồng cây công nghiệp, thâm canh ngô, lúa rẫy... Đến năm 1968, toàn tỉnh đã vận động được 5.995/10.807 hộ và 38.128/69.080 nhân khẩu, đạt 55% số hộ và số nhân khẩu thuộc diện định canh, định cư. Sản xuất, đời sống và đoàn kết các dân tộc ở vùng cao đã có những đổi mới rõ rệt, tạo điều kiện tốt để mở rộng cuộc vận động định canh, định cư trong những năm sau.

Để phục vụ tốt cho việc sản xuất nông nghiệp, công tác thủy lợi luôn được chú trọng. Trong 3 năm 1966-1968, toàn

1. Thực hiện Nghị quyết số 38-CP ngày 02/3/1968 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về công tác vận động định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa đối với đồng bào hiện còn du canh du cư, Hội đồng Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo vận động định canh, định cư Trung ương và chỉ định lấy hai xã Hoa Thám và Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng làm điểm chỉ đạo trong hai năm 1968-1969 để rút kinh nghiệm mở rộng diện chỉ đạo ra các tỉnh vùng cao miền Bắc.

tỉnh đã tập trung xây dựng các công trình thủy lợi. Bình quân mỗi lao động đã huy động 4,5 công thủy lợi trong một năm. Năm 1966, tỉnh quyết tâm hoàn thành công trình thủy điện Suối Cùn để cung cấp điện cho một số trạm bơm điện; chỉ tính riêng trong ba tháng đầu năm, tỉnh huy động trung bình 1,8 công thủy lợi/người. Năm 1967, hạn hán kéo dài đến bốn tháng, không cày cấy được, công tác thủy lợi càng được đẩy mạnh. Với phương châm “Tập trung dứt điểm vào các công trình trọng điểm” để mở rộng diện tích nước tưới chắc chắn; tích cực giữ nước phòng hạn trên cánh đồng, chỉ trong năm 1967, tỉnh đã khởi công xây dựng 34 công trình vừa và nhỏ, trong đó đã hoàn thành 13 công trình đưa vào phục vụ sản xuất, tăng gấp 3,5 lần năm 1966. Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương huy động được hàng chục nghìn ngày công làm thủy lợi, đào đắp được 530.900 m³ đất đá, bình quân mỗi lao động huy động 12 công thủy lợi một năm. Riêng phụ nữ đã đóng góp 108.802 công thủy lợi. Huyện có ngày công cao nhất là Trùng Khánh: bình quân 27,6 công/tháng, Hạ Lang: bình quân 19,3 công/tháng. Bước sang năm 1968, do mưa to, bão lụt, các công trình thủy lợi bị hỏng, xuống cấp, tỉnh đã huy động nhân dân đóng góp công sức kịp thời sửa chữa các công trình thủy lợi bị hỏng, đào đắp bờ giữ nước, đề phòng hạn cuối vụ. Toàn tỉnh đã làm thêm và sửa chữa lại 3.163 mương, phai, lấp thêm 5 trạm bơm dầu, 5 trạm bơm điện và hoàn thành 8 hồ chứa nước; trong đó, có một số công trình thủy lợi lớn như công trình thủy điện Pác Bó, công trình thủy lợi hồ Bản Nứa và một số công trình nước sạch nông thôn cho 4.862 hộ vùng cao có nước sạch ăn. Để làm tốt công tác thủy lợi, tỉnh đã tổ chức 144 tổ thủy nông với 10.016 hội viên, 48 đội thủy lợi cho các hợp tác xã. Do đó, nâng diện tích gieo trồng 2 vụ lên gần gấp

2 lần và thu hẹp diện hạn vụ mùa từ 7.000 ha (năm 1965) xuống còn 2.400 ha (năm 1967 là năm có hạn cao nhất); tưới vững chắc cho vụ mùa trung bình từ 54% tăng lên 75%.

Cùng với công tác thủy lợi, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo phong trào thi đua làm phân bón, phong trào áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, từng bước xóa bỏ thế độc canh. Tỉnh ủy đã chỉ đạo mở nhiều lớp tập huấn về kỹ thuật nông nghiệp (hội nghị chuyên đề về nước, phân bón, phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh...) cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện nhằm hướng các ngành tập trung phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp hơn. Thực hiện khẩu hiệu “không cấy chay, không trồng chay”, phát động phong trào thi đua nhật, làm phân xanh, phân chuồng, thu nhật phân vãi, làm hố xí hai ngăn, chuồng lợn hai bậc...; đồng thời, vừa kết hợp bón vôi để khử chua ở những ruộng có độ chua lớn. Trong phong trào thi đua này, thanh niên và phụ nữ là lực lượng xung kích, hơn 6.000 nhà xí, hơn 200 hố ủ phân và 15.000 chuồng lợn cải tiến được xây dựng. Các lò vôi lần lượt ra đời, chỉ tính hai huyện Quảng Uyên và Hòa An đã có 223 lò vôi, hàng năm sản xuất được 186 tấn vôi bột bón ruộng. Nhà máy phân lân Lam Sơn đã đi vào sản xuất, hàng năm cung cấp gần 300 tấn cho cả tỉnh. Số phân bình quân đủ bón 7,2 tấn cho 1 ha, nạn cấy chay giảm bớt. Giống lúa có năng suất cao được đưa vào cấy trồng rộng rãi. Nhiều hợp tác xã áp dụng kỹ thuật chọn giống và xử lý giống với công thức “3 sôi 2 lạnh” và đã được bà con nông dân áp dụng. Việc chăm sóc ruộng đồng, thâm canh lúa, ngô, thuốc lá, phòng trừ dịch bệnh thường xuyên được quan tâm. Phong trào cấy thẳng hàng, sử dụng cào cỏ 64A... đã phát triển rộng rãi trong nông thôn. Huyện Quảng Uyên đã mở 6 hội thi cấy thẳng, cấy giỏi (cấy nhỏ rảnh, cấy dày, cấy thẳng hàng).

Trong hoàn cảnh gặp rất nhiều khó khăn do chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh đe dọa, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo tập trung vào sản xuất nông nghiệp, lấy lương thực làm trọng tâm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 47-NQ/CB ngày 03/10/1967 về quyết tâm phấn đấu giành vụ đông xuân 1967-1968 thắng lợi bằng cách tăng diện tích, tăng chăm sóc nhằm tăng sản lượng lương thực; Nghị quyết số 48-NQ/CB ngày 25/4/1968 về nhiệm vụ sản xuất lúa mùa năm 1968. Nhằm khắc phục khó khăn do thiên tai gây ra, quán triệt các nghị quyết của Tỉnh ủy, cùng với việc tập trung khôi phục các công trình thủy lợi, phòng trừ dịch bệnh cho cây lúa, tăng cường áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tỉnh còn chỉ đạo, hướng dẫn bà con nông dân trồng ngô và hoa màu khác để thay thế cây lúa ở những chân ruộng cao, khó có điều kiện cung cấp nước tưới. Do chỉ đạo tăng diện tích trồng trọt, chăm sóc tốt cây trồng nên đã đưa tổng sản lượng lương thực quy thóc lên cao, năm cao nhất đạt 90.110 tấn. Năm 1968, năng suất lúa tăng 34% so với năm 1965, sản lượng tăng 15,3%; năng suất ngô tăng 15%; sản lượng tăng 12,2%. Trong tỉnh, có 26 hợp tác xã đạt và vượt mục tiêu 5 tấn thóc/ha và 2 tấn ngô/ha; 5 huyện vượt năng suất lúa cao, 5 huyện vượt năng suất ngô cao. Nhờ đó, đời sống của nhân dân và yêu cầu phục vụ chiến đấu vẫn được bảo đảm.

Cây công nghiệp ngắn ngày như đỗ tương, thuốc lá là hai cây trọng điểm, có thế mạnh của tỉnh được Đảng bộ tập trung chỉ đạo đầu tư để mở rộng diện tích, tập trung chăm sóc, nâng cao năng suất, chất lượng. Năm 1966, diện tích trồng thuốc lá đạt 1.499 ha, đỗ tương 4.538 ha, tăng 300 ha so với năm 1965. Hai năm 1967-1968, diện tích trồng hai loại cây này có giảm nhưng do chăm bón tốt nên sản lượng vẫn tăng, đạt 105% kế hoạch.

Cùng với trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng được chú ý phát triển để tập trung sức kéo, nguồn phân bón phục vụ trồng trọt và tăng nguồn thực phẩm cho nhân dân. Song trong những năm 1966-1968, ở tỉnh Cao Bằng, các đợt dịch bệnh liên tiếp xảy ra, nhiều trâu, bò, lợn, gà bị chết. Trước tình hình đó, Đảng bộ chỉ đạo tập trung phòng dịch, củng cố đàn gia súc nên được khôi phục kịp thời và có chiều hướng phát triển tốt, nhất là đàn ngựa và đàn lợn. Cụ thể đàn gia súc của tỉnh Cao Bằng như sau (xem bảng):

Năm	Trâu (con)	Bò (con)	Ngựa (con)	Lợn (con)
1966	70.530	63.233	4.110	21.363
1967	69.010	58.115	5.059	88.827
1968	64.010	53.692	6.157	123.196

Trong chăn nuôi, tỉnh đã coi trọng việc chăn nuôi tập thể, khuyến khích chăn nuôi gia đình. Đến hết năm 1968, toàn tỉnh có 79 cơ sở chăn nuôi bò, 21 cơ sở chăn nuôi dê, 114 cơ sở chăn nuôi lợn, một số trại thả cá giống và trại nuôi ong¹... Giá trị tổng sản lượng chăn nuôi có khá hơn, đảm bảo nhu cầu cải thiện đời sống nhân dân và phục vụ chiến đấu.

Ngành lâm nghiệp có nhiều tiến bộ, cả về trồng rừng, khoanh rừng, tu bổ và bảo vệ, chăm sóc rừng. Phong trào trồng rừng diễn ra sôi nổi, năm 1968, diện tích trồng rừng đã tăng lên đến 1.114 ha, tu bổ được 1.084 ha, trong đó có cả quốc doanh và nhân dân cùng trồng. Nạn đốt, chặt phá rừng giảm hẳn. Tuy nhiên, ở một số nơi, phong trào phát triển

1. Báo cáo tổng kết 3 năm chống Mỹ, cứu nước (1966-1968) và phương hướng nhiệm vụ 2 năm 1969-1970 của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VII), tr.2. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

chưa đều, chưa rộng, khâu giống còn thiếu nên ảnh hưởng đến kế hoạch trồng rừng.

Về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trong hoàn cảnh chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, thực hiện phương châm phát huy công nghiệp địa phương làm hậu cần tại chỗ và hỗ trợ công nghiệp Trung ương, các cơ sở công nghiệp trong tỉnh đã nhanh chóng di chuyển đến địa điểm mới, số cơ sở có thể sản xuất phân tán được chuyển về gia đình các xã viên để duy trì sản xuất và đảm bảo đời sống. Năm 1966, tỉnh gặp khó khăn do cơ sở còn ít và nhỏ, nguyên vật liệu không đủ cung cấp, hoạt động trong thời chiến nên năng suất rất thấp (6 tháng đầu năm 1966, ngành công nghiệp chỉ đạt 35,2% kế hoạch). Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về phát triển công nghiệp địa phương, để khắc phục khó khăn trong vận chuyển thời chiến, tránh sự phá hoại của máy bay Mỹ và đảm bảo sản xuất tại chỗ, ngày 28/3/1966, Tỉnh ủy Cao Bằng ban hành Chỉ thị số 46^A-CT/CB về việc đẩy mạnh sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực thủ công nghiệp với nhiệm vụ “tận dụng mọi nguồn nguyên liệu của địa phương, tận dụng thợ thủ công hiện có và đào tạo thợ mới, tận dụng các cơ sở hiện có và phát triển thêm cơ sở mới, tích cực phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đồng thời phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân các địa phương, phục vụ quốc phòng và xuất khẩu”¹. Ngày 28/7/1966, Tỉnh ủy Cao Bằng ban hành Chỉ thị số 56-CT/CB về phương hướng, kế hoạch trang bị cơ khí nhỏ cho hợp tác hóa nông nghiệp 1966-1967. Chỉ thị nêu rõ: “Trang bị và sử dụng rộng

1. Chỉ thị số 46^A-CT/CB ngày 28/3/1966 của Tỉnh ủy Cao Bằng về việc đẩy mạnh sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực thủ công nghiệp, tr.2. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

rãi cơ khí nhỏ trong nông nghiệp là một bước thực hiện cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp để tiến lên thực hiện một nền nông nghiệp cơ khí hóa và hiện đại hóa. Trong điều kiện hiện nay vừa sản xuất, vừa chiến đấu... lực lượng lao động nông thôn có thể thiếu, số còn lại phần lớn là phụ nữ, người già... do đó, việc trang bị cơ khí nhỏ cho hợp tác xã nông nghiệp càng trở nên cấp thiết đối với yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống và phục vụ chiến đấu”¹.

Thực hiện Chỉ thị trên, chỉ sau một thời gian ngắn, nhiều cơ sở công nghiệp mới, như thủy điện, cơ khí được thành lập, tạo ra những khả năng mới phục vụ sản xuất nông nghiệp, chiến đấu và phục vụ đời sống nhân dân. Kết quả, năm 1966, tổng số vốn đầu tư xây dựng công nghiệp bằng 206% năm 1965, giá trị sản lượng công nghiệp địa phương đạt 7.428.000 đồng; trong đó: quốc doanh đạt 4.105.000 đồng, tiểu thủ công nghiệp đạt 3.323.000 đồng. Nổi bật là: công trình Nhà máy thủy điện Suối Cũn với công suất 832 KW (ngày 19/5/1965); năm 1967, khánh thành Khu công nghiệp Lam Sơn (xã Hồng Việt, huyện Hòa An)²; khai thác lại mỏ than Nà Cáp bằng phương pháp hầm lò; cải tạo lại Nhà máy đường Phục Hòa...

Tuy vậy, so với yêu cầu sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân thì công nghiệp địa phương của tỉnh Cao Bằng còn yếu, với nhiều nhược điểm về

1. Chỉ thị số 56-CT/CB ngày 28/7/1966 của Tỉnh ủy Cao Bằng về phương hướng, kế hoạch trang bị cơ khí nhỏ cho hợp tác hóa nông nghiệp 1966-1967. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

2. Khu công nghiệp Lam Sơn gồm 3 xí nghiệp: Nhà máy cơ khí Lam Sơn (với toàn bộ thiết bị do tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc viện trợ và lắp đặt); Nhà máy miến - nước chấm (do Bộ Công nghiệp thực phẩm xây dựng, sau đó bàn giao lại cho Ty Công nghiệp Cao Bằng quản lý) và Xí nghiệp phốt phát Lam Sơn.

quy hoạch, vật tư, máy móc thiết bị, quản lý... Để thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển, ngày 26/9/1967, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 46-NQ/CB về đẩy mạnh xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương, hoàn thành kế hoạch xây dựng và sản xuất công nghiệp năm 1967, đồng thời tích cực chuẩn bị cho các năm sau. Nghị quyết nêu rõ phương hướng phát triển công nghiệp địa phương là: “Phấn đấu để trong vài ba năm nữa, ngành công nghiệp địa phương có thể giải quyết tại chỗ một phần quan trọng nhu cầu của sản xuất nông nghiệp, nhu cầu của đời sống nhân dân, phục vụ đắc lực cho giao thông vận tải địa phương và quốc phòng, phục vụ khi hòa bình lập lại, chúng ta có thể phát triển mạnh mẽ công nghiệp địa phương nhằm đẩy mạnh cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp và các ngành kinh tế địa phương, xây dựng tỉnh ta thành một đơn vị kinh tế phát triển tương đối toàn diện, có nông nghiệp và công nghiệp, giao thông vận tải tương đối phát triển”¹.

Thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/CB, ngành công nghiệp địa phương đã trưởng thành rõ rệt và phát triển đúng hướng nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp, giao thông vận tải, xuất khẩu và đời sống nhân dân. Nhiều cơ sở công nghiệp được xây dựng trong thời chiến, đặc biệt là ngành điện lực, cơ khí, phân bón, chế biến thực phẩm và hàng tiêu dùng có tiến bộ rõ rệt. Năm 1967, tổng số vốn xây dựng công nghiệp bằng 239% so với năm 1966, tăng gấp ba lần tổng số vốn đầu tư cho công nghiệp giai

1. Nghị quyết số 46-NQ/CB ngày 26/9/1967 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương, hoàn thành kế hoạch xây dựng và sản xuất công nghiệp năm 1967, đồng thời tích cực chuẩn bị cho các năm sau. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

đoạn 1961-1965. Tổng giá trị sản lượng cả năm đạt 8.580.000 đồng, trong đó, chủ yếu sản xuất tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng. Công nghiệp phục vụ giao thông vận tải tăng gấp 3 lần, phục vụ xây dựng cơ bản tăng 2 lần, phục vụ đời sống nhân dân tăng 11%, nhất là sản lượng điện tăng gấp 15 lần so với năm trước. Năm 1968, tỉnh đã khánh thành Xí nghiệp sản xuất giấy làng Đền (xã Hoàng Tung, huyện Hòa An); Công ty điện lực Cao Bằng được thành lập trên cơ sở sáp nhập Xí nghiệp điện và Xí nghiệp xây lắp điện; Nhà máy thủy điện Bản Hoàng (huyện Hà Quảng)...; có 34 điểm cơ khí nhỏ, với 92 thiết bị các loại đi vào hoạt động phục vụ sản xuất nông nghiệp. Toàn tỉnh đã có 13 xí nghiệp công nghiệp địa phương sản xuất ra sản phẩm và 16 xưởng cơ khí nông cụ của hai huyện Quảng Hòa¹ và Hà Quảng đã đi vào sản xuất. Sự phát triển của ngành công nghiệp cùng với sự phát triển một bước của ngành thực phẩm và hàng tiêu dùng với những sản phẩm mới như nông cụ, công cụ cải tiến, phân lân, đồ gốm, đường kính, rượu, miến, nước chấm, giấy... đã nâng tỷ trọng công nghiệp địa phương lên 15% và tự túc cho nhu cầu địa phương được 34%. Tuy còn gặp rất nhiều khó khăn trong tiến trình sản xuất nhưng với tinh thần quyết tâm cao, thi đua phát huy sáng kiến, mạnh dạn nghiên cứu sử dụng nguyên liệu sẵn có của địa phương nên đã đảm bảo sản xuất. Các cơ sở này sản xuất từ những nguyên liệu sẵn có của địa phương, như dùng ngô để làm miến, ép dầu đỗ tương... Nhiều cơ sở công nghiệp hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất: Xí nghiệp phốt phát Lam Sơn sản xuất vượt 4,8 lần; Xí nghiệp nước chấm vượt kế hoạch 3,5 lần... Công nghiệp khai

1. Theo Quyết định số 27-CP ngày 08/3/1967 của Hội đồng Chính phủ, hợp nhất hai huyện Quảng Uyên và Phục Hoà thành một huyện mới lấy tên là huyện Quảng Hoà. Trung tâm huyện lỵ đặt tại thị trấn Quảng Uyên.

thác của tỉnh phát triển mạnh, nhất là Mở thiếc Tĩnh Túc. Trong 4 năm 1965-1968, tỉnh khai thác được 1.375.395 tấn thiếc thỏi, trong đó, năm cao nhất là năm 1965 đạt 436.290 tấn và năm thấp nhất là năm 1968 đạt 192.539 tấn¹. Thủ công nghiệp cũng đạt 86,6% kế hoạch năm.

Công tác xây dựng cơ bản được cấp ủy đặc biệt chú trọng lãnh đạo và chỉ đạo. Tốc độ xây dựng cơ bản năm 1966 phát triển mạnh hơn so với năm 1965. Một số công trình lớn, nhỏ phục vụ cho công nghiệp, thủy lợi, nông nghiệp, giao thông vận tải đã hoàn thành, với tổng số vốn là 5.544.000 đồng. Năm 1967, có 236 công trình đã được đưa vào kế hoạch xây dựng, trong đó, có 128 công trình đã được thi công, 42 công trình được đưa vào sử dụng. Năm 1968, tập trung 84,2% vốn vào xây dựng cơ bản, trong đó vốn Trung ương cấp là 73,7%, vốn địa phương 10,5%. Vốn cho xây dựng ngành giao thông đạt 98,7%, cho thương nghiệp đạt 91,2%, cho nông nghiệp đạt 86,4%, cho công nghiệp đạt 77,7%... Mặt khác, phong trào quần chúng xây dựng cơ sở vật chất trong các hợp tác xã như nhà kho, sân phơi, thủy lợi nhỏ, cơ sở chuồng trại... tăng gấp 4,5 lần thời bình. Nhờ đó, sức sản xuất trong nông nghiệp, công nghiệp và các ngành kinh tế khác dần dần có những chuyển biến đáng kể.

Cùng với công nghiệp và nông nghiệp, ngành thương nghiệp và giao thông vận tải cũng được tỉnh đặc biệt chú ý. Hai ngành có quan hệ mật thiết với nhau vì Cao Bằng là tỉnh miền núi xa Trung ương, các mặt hàng được đem lên phục vụ nhân dân đều phải qua vận tải, vận chuyển. Trong hoàn cảnh có chiến tranh, việc vận chuyển không được đều, việc đảm bảo các nhu cầu thiết yếu như muối, lương thực, dầu hỏa, thuốc

1. Xem Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, Sđd, tr.327.

chữa bệnh... cho nhân dân gặp khó khăn. Để giải quyết tình trạng trên, cấp ủy đã chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho ngành thương nghiệp và ngành giao thông vận tải bằng mọi giá phải vận chuyển hàng đáp ứng nhu cầu tối thiểu của nhân dân. Đồng thời, ngành thương nghiệp đã áp dụng nhiều phương thức mới, gọn nhẹ, phù hợp với hoàn cảnh chiến tranh¹. Do vậy, trong ba năm đầu chuyển từ thời bình sang thời chiến, ngành thương nghiệp vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng nhu cầu của nhân dân và đảm bảo được nguồn hàng xuất khẩu. Năm 1966, tổng giá trị thu mua của ngành đạt 1.500.000 đồng, trong đó giá trị hàng xuất khẩu chiếm 1.131.000 đồng. Tổng thu mua lương thực năm thấp nhất (năm 1967) cũng đạt 7.520 tấn, năm cao là 8.528 tấn (kể cả thóc thuế); thu mua thuốc lá hàng năm đạt trung bình 500 tấn, đỗ tương đạt gần 700 tấn. Về thu mua gia súc: trâu hơi

1. Cụ thể là: ngành đã chuyển các công ty thành các trạm kinh doanh cấp II chuyên lấy hàng từ cấp I lên giao cho các cơ quan, xí nghiệp cấp III (cấp huyện, thị xã). Thành lập các xí nghiệp cấp III (các đơn vị này hạch toán độc lập), dồn các cửa hàng bách hoá, thực phẩm... vào các xí nghiệp này và mở thêm các cửa hàng dịch vụ (như sửa chữa xe đạp, đồng hồ, cơ sở chế biến nước chấm...) thuộc các xí nghiệp cấp III, ở những vị trí quan trọng, ngành vẫn để một số cơ sở sản xuất, dịch vụ thuộc các trạm cấp II. Thành lập cửa hàng ăn uống thuộc Công ty thực phẩm (như Cửa hàng ăn uống Thị xã, Cửa hàng kem Cao Bình, Cửa hàng ăn uống Tả Lạ...). Năm 1967, theo chủ trương của Bộ Thương nghiệp, ngành thương mại lại chuyển các trạm cấp II thành công ty. Lúc này, tỉnh chỉ còn các công ty sau: Công ty bách hoá, Công ty bông vải sợi, Công ty nông sản, Công ty thực phẩm, Công ty ăn uống, Công ty vật liệu kiến thiết. Việc thu mua lương thực, hàng hóa trong thời chiến cũng gặp rất nhiều khó khăn. Để thu mua được nhiều hàng hoá, lương thực, Ty Thương nghiệp có sáng kiến phát động phong trào mở hội thu mua, tổ chức trong khoảng 1 tuần, đến tận từng xã, liên xã và từng vùng, liên vùng.

đạt trung bình 102%, trâu cày đạt 153%, bò cày đạt 108%, đưa tổng giá trị hàng thu mua cả năm đạt 64,4% kế hoạch.

Ngành tài chính, ngân hàng, tín dụng đã cố gắng phục vụ những nhiệm vụ trung tâm của tỉnh, đảm bảo các yêu cầu về vốn cho sản xuất và xây dựng, đảm bảo cân bằng thu chi và những yêu cầu cấp thiết của đời sống nhân dân. Riêng công tác tài chính, đã tạo ra nguồn thu mới, đưa mức thu hằng năm tăng lên: thu quốc doanh tăng 6,8%, các loại thu khác trong 2 năm 1967-1968 tăng gấp 4 lần so với năm 1966. Năm 1968, công tác tín dụng cũng đạt kế hoạch cao; thu tiền mặt tăng 33,4%, quỹ tín dụng tiết kiệm tăng gấp 5 lần. Doanh số cho vay dài hạn tăng gấp 8 lần và hợp tác xã tín dụng được mở rộng ở 73% số xã để giúp nông dân vay ngắn hạn phục vụ sản xuất tăng gần 7 lần so với năm 1965¹. Thu ngân sách tăng 50% so với năm 1965, nhất là việc vận động gửi tiền tiết kiệm; riêng năm 1968, tổng thu ngân sách của tỉnh đạt 102,6% và tổng chi đạt 102% so với chỉ tiêu được duyệt. Tổng thu tiền mặt đạt 95,4% và tổng chi tiền mặt là 98% so với kế hoạch điều chỉnh; giảm mức bội chi ngân sách từ 1.200.000 đồng (9 tháng đầu năm) xuống còn 800.000 đồng (cuối năm 1968). Việc bán ra có nhiều tiến bộ, lượng hàng bán ra đã vào nền nếp, theo đúng định lượng. Phương pháp phân phối được cải tiến, vừa bán ra ở các cửa hàng mậu dịch quốc doanh, còn có mạng lưới hợp tác xã mua bán được mở ở khắp nơi hỗ trợ cho thương nghiệp quốc doanh nên tổng giá trị hàng bán ra

1. Báo cáo tổng kết 3 năm chống Mỹ, cứu nước (1966-1968) và phương hướng nhiệm vụ 2 năm 1969-1970 của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VII), tr.5. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

đạt 98,2% kế hoạch. Mặt hàng đạt cao nhất là quần áo may sẵn và thực phẩm.

Trên mặt trận giao thông vận tải, trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, ngay cả trong thời gian Mỹ ném bom đánh phá miền Bắc, ngành giao thông vận tải vẫn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong ba năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1966-1968), Cao Bằng bị máy bay Mỹ phá hoại hai cầu ở hai đầu thị xã (cầu Bằng Giang và cầu sông Hiến) vào ngày 03 và ngày 08/10/1967, gây ách tắc giao thông. Tỉnh ủy đã giao nhiệm vụ cho ngành giao thông vận tải kết hợp với Tỉnh đội Cao Bằng làm ngay đường tránh, đường ngầm nhằm đảm bảo giao thông thông suốt từ thị xã đi các huyện trong tỉnh và đi các tỉnh bạn. Toàn ngành quyết tâm thực hiện khẩu hiệu “địch phá ta sửa ta đi”, “xe chưa qua nhà không tiếc”... quyết tâm mở rộng mạng lưới giao thông, tạo điều kiện thuận lợi vận chuyển nhân lực, vật lực ra tiền tuyến. Các tuyến đường vùng cao cũng được chú ý bảo dưỡng và làm thêm các bến phà, đường ngầm, đường tránh, cầu treo. Các đoạn đường do thiên tai làm hỏng cũng được sửa lại và làm thêm tuyến đường Trà Lĩnh - Tổng Cột - Nặm Nhũng - Đôn Chương (huyện Hà Quảng) dài 43 km rải đá, lu lèn đảm bảo cho các loại xe có trọng tải 5 tấn đi lại an toàn; làm xong con đường Bản Chang (huyện Nguyên Bình); lao xong nhịp cầu sắt dài 140 m qua sông Bằng Giang và cầu treo sông Hiến sau khi bị địch bắn phá; làm thêm 1.282 km đường giao thông với 654.542 ngày công. Ngành vận tải luôn khắc phục khó khăn, quyết tâm vận chuyển hàng đến nơi quy định an toàn: 87.845 tấn hàng được vận chuyển, bằng 4.599.072 tấn.km. Vận chuyển hành khách đạt 82.086 người.km, đạt 76% kế hoạch. Hai năm 1966-1967, Cao Bằng nhận nhiệm vụ tiếp nhận và vận chuyển một khối lượng hàng lớn từ nước ngoài (mang tên V70) và đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Cùng với việc bảo đảm giao thông vận tải khi có chiến tranh, ngành giao thông vận tải còn chú ý đến việc mở mang các tuyến đường giao thông nông thôn. Trong 2 năm 1965-1966, phong trào làm đường giao thông nông thôn có những bước tiến rõ rệt, nhất là ở hai huyện Quảng Uyên và Phục Hoà¹. Từ vùng thấp, phong trào làm đường giao thông nông thôn đã lan rộng đến các xã vùng cao như xã Lưu Ngọc, Quang Vinh (huyện Trà Lĩnh)², Sĩ Hai (huyện Hà Quảng)³... Trong 2

1. Hai năm 1965-1966, nhân dân hai huyện đã đóng góp 209.000 ngày công, làm mới được 182 km đường, rải đá lên lu được 40 km; đã huy động được 270 xe thô các loại để vận chuyển được 25.000 tấn hàng hoá; từ đó giúp hoạt động lưu thông phân phối của bà con nông dân thuận tiện hơn, phần nào giải phóng sức lao động cho bà con. Theo tính toán, bà con đã giảm được 59% công việc gánh gồng trong quá trình sản xuất và 90,2% trong khâu vận chuyển, lưu thông. Với những thành tích đó, hai huyện Quảng Uyên và Phục Hoà luôn là lá cờ đầu của phong trào làm đường giao thông nông thôn toàn tỉnh. Năm 1967, xã Quốc Dân, huyện Quảng Hoà được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và huyện Quảng Hoà được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Hai về thành tích phát triển giao thông nông thôn. Xem Hồ sơ 9211: Báo cáo tình hình phát triển giao thông nông thôn, vận tải nông thôn trong hai năm 1965-1966 của Ủy ban hành chính tỉnh Cao Bằng, Phòng Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc. Tài liệu thuộc Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

2. Nay là xã Quang Vinh, huyện Trùng Khánh (xã Lưu Ngọc được sáp nhập vào xã Quang Vinh).

3. Tiêu biểu cho phong trào làm đường giao thông nông thôn ở vùng cao là xã Sĩ Hai (năm 2020, xã Sĩ Hai được sáp nhập vào xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng). Năm 1965, xã Sĩ Hai mới chỉ làm đường ở hai xóm Lũng Tum, Lũng Quảng; nhưng đến năm 1966, xã đã làm được 15 km đường trục và 6,5 km đường thôn, xóm; có 13/15 xóm có đường cho ngựa thô đi. Thông qua các đoàn ngựa thô và nhiều cách vận chuyển khác, năm 1966, xã đã vận chuyển được 106 tấn đỗ tương, bạch hoa, phân hóa học, ngô, thóc... phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và nhu cầu sinh hoạt của bà con, tiết kiệm được 4.200 công vận chuyển bằng gồng gánh trong sản xuất và 50% công trong lưu thông.

năm 1965-1966, toàn tỉnh đã làm được 1.736 km (trong đó có 1.407 km đường trục chính, 301 km đường thôn, xóm và 28 km đường ra ruộng); rải đá lèn lu, cải thiện mặt đường được 111 km. Đến năm 1968, phong trào nhân dân xây dựng đường nông thôn trong xã, trong hợp tác xã và ngoài đồng ruộng tiếp tục phát triển mạnh ở hầu khắp các huyện. Nhân dân đã bỏ ra 654.542 công để làm đường giao thông nông thôn; đã có 85% số xã trong tỉnh có đường nông thôn mới được xây dựng.

Công tác văn hóa, giáo dục, y tế được chỉ đạo chặt chẽ, đạt kết quả tốt, góp phần tích cực vào phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước, phát triển sản xuất và xây dựng con người mới.

Ngành giáo dục mặc dù phải dạy học trong hoàn cảnh sơ tán khó khăn, nhưng việc học tập vẫn được duy trì và có bước phát triển tốt. Các lớp mẫu giáo, vỡ lòng được phát triển xuống tận các hợp tác xã, học sinh các cấp đi học ngày một tăng. Riêng năm học 1966-1967, số học sinh mẫu giáo đạt 114%, vỡ lòng đạt 130%, cấp I đạt 103,7%, cấp II đạt 103%, cấp III đạt 74% kế hoạch. Bình quân, cứ 9 người dân có một người đi học phổ thông. Kể cả ở những nơi sơ tán, số học sinh trong độ tuổi đi học đều được đến trường và có trường lớp học ổn định. Năm học 1966-1967, tỉnh có 79 trường cấp II, 7 trường cấp III và năm học 1967-1968, có 10 trường cấp III¹. Về đội ngũ giáo viên, tỉnh đã tự cung cấp đủ lực lượng giáo viên có trình độ chuyên môn cũng như nghiệp vụ từ cấp I đến cấp II cho các trường phổ thông, bổ túc văn hoá; đảm đương được nhiệm vụ giáo dục học sinh ở cả vùng thấp và vùng cao. Năm 1967, tỉnh Cao Bằng mở Đại hội chiến sĩ thi đua ngành giáo dục tại Lăng Phja, xã Bế Triều, huyện Hoà An. Cô giáo

1. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng, Sđd*, tr.700.

Tô Thị Rĩnh, dân tộc Tày, quê xã Xuân Trường (huyện Bảo Lạc) được Đại hội bầu là Chiến sĩ thi đua toàn quốc¹. Về công tác bồi dưỡng văn hóa, có 1.586 lớp, với 12.245 học viên. Năm 1967, Đảng bộ đặc biệt chú ý chỉ đạo mở các lớp bồi dưỡng văn hóa ở vùng cao. Huyện Hà Quảng có 26/27 xã có lớp bồi dưỡng văn hóa; có xã như xã Kéo Yên (huyện Hà Quảng)², xã Cần Yên (huyện Thông Nông)³ có 100% số người mù chữ đi học. Năm 1968, phong trào bồi dưỡng văn hóa phát triển đến các xí nghiệp và các công trường tập trung đông cán bộ, công nhân.

Mạng lưới y tế được đẩy mạnh. Trong tình hình chiến tranh, các cơ quan và cơ sở y tế đều phải sơ tán⁴ nên hoạt động của ngành y tế gặp khó khăn: thiếu nhà ở, giường bệnh cho bệnh nhân, thiếu cả dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh... nhưng các cán bộ y tế đã khắc phục khó khăn, quyết tâm làm tròn nhiệm vụ trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Đồng thời, tỉnh cũng thành lập các cơ sở khám bệnh chuyên khoa để đáp ứng kịp thời nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân⁵. Mạng lưới

1. Từ hình ảnh chân thực của cô giáo Tô Thị Rĩnh, nhạc sĩ Văn Ký đã sáng tác bài hát “Cô giáo Tày cầm đàn lên đỉnh núi”. Bài hát đã nhanh chóng được phổ biến và được nhiều người yêu thích.

2. Nay thuộc xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng.

3. Nay thuộc huyện Hà Quảng.

4. Ty Y tế chuyển lên Cốc Phát, Bệnh viện tỉnh chuyển lên Phja Cháng, Trường cán bộ y tế và quốc doanh được chuyển lên Nặm Thoong.

5. Năm 1965, thành lập Trạm vệ sinh dịch tễ (với 5 khoa: Vệ sinh công cộng, Vệ sinh học đường, Vệ sinh công - nông - lâm trường, Vệ sinh thực phẩm và Khoa dịch tễ); Trạm mắt hột (có nhiệm vụ phòng chống đau mắt hột, mổ quặm phòng mù loà do xước và loét giác mạc). Năm 1966, thành lập Viện Điều dưỡng cán bộ, có nhiệm vụ chăm sóc, phục hồi sức khỏe cho những cán bộ nhà nước sau khi đã điều trị tại bệnh viện (với 30 giường bệnh; sau này Viện đổi tên thành Phân viện A thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh). Năm 1967, xây dựng Trạm phòng chống lao và Bệnh viện Đông y tỉnh.

y tế đã phát triển xuống các xã, hợp tác xã, kịp thời phục vụ chiến đấu và đời sống nhân dân, đảm bảo chữa bệnh bình thường ngay tại nơi sơ tán, khám định kỳ, kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Đến năm 1968, toàn tỉnh có 19 cơ sở bệnh viện, 158 bệnh xá, trạm xá với 529 giường bệnh, 8 cơ sở chuyên khoa. So với hai năm 1966-1967, năm 1968, ngành y tế của tỉnh đã phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng khám chữa bệnh, phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh của bà con.

Phong trào văn hóa - văn nghệ quần chúng phát triển rầm rộ. Toàn tỉnh có 154 đội văn nghệ, hoạt động từ cấp xã đến cấp tỉnh, các nông, lâm trường, xí nghiệp cũng có đội văn nghệ. Trong dịp hội diễn công - nông - binh toàn tỉnh, đã có 32 đội văn nghệ cơ sở tham gia. Đặc biệt, về công tác văn hóa quần chúng, năm 1968, tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị đại biểu đồng bào dân tộc Dao Đỏ để vận động, hướng dẫn thực hiện nếp sống văn hóa mới và tổng kết công tác văn hóa hai năm chống Mỹ, cứu nước. Đồng thời, Ty Thông tin Cao Bằng cũng được thành lập, đảm bảo đưa điện ảnh, văn nghệ, báo chí xuống tận cơ sở bằng cách phân tán các tổ nhỏ đi tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng tới nhân dân, kể cả những nơi xa xôi, hẻo lánh. Mạng lưới bưu điện, điện báo được củng cố và tăng cường, đảm bảo liên lạc thông suốt giữa các huyện, các nơi sơ tán... Những nơi đã có hệ thống truyền thanh như huyện Quảng Hòa, Thạch An, Bảo Lạc vẫn đảm bảo hoạt động đều. Năm 1967, tỉnh đã xây dựng thêm trạm truyền thanh Trùng Khánh và khu vực sơ tán của tỉnh ở Hòa An.

Công tác xây dựng Đảng luôn được Đảng bộ tỉnh xác định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên và cấp bách, là điểm mấu chốt quyết định sự thành công của mọi nhiệm vụ. Đảng

bộ đã coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nhất là giáo dục đường lối chính trị của Đảng như mở nhiều lớp huấn luyện, bồi dưỡng, nhiều đợt học tập nghị quyết của Trung ương Đảng, nhiều đợt sinh hoạt chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; tiến hành tự phê bình và phê bình trong Đảng, một số nơi còn mở rộng dân chủ lấy ý kiến quần chúng phê bình đảng viên và cán bộ đạt kết quả tốt. Qua đó, tạo ra chuyển biến mới, khí thế mới trong sản xuất, chiến đấu, học tập và các hoạt động khác.

Đảng bộ đã chú ý tăng cường khả năng lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, kiện toàn tổ chức đảng ở cấp huyện, thị. Cuộc vận động xây dựng “đảng bộ 4 tốt”, “huyện ủy 4 tốt” và “chi bộ 4 tốt” đã được triển khai thực hiện đều khắp và có chuyển biến khá, từng bước gắn chặt với thực hiện các nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng. Để chỉ đạo tốt công tác này, Tỉnh ủy và các cấp chính quyền đã tự cải tiến phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ trung tâm có hiệu quả. Nhân dân ngày càng gắn bó với Đảng, với chính quyền, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng bộ.

Công tác phát triển đảng cũng được chú ý đúng mức. Năm 1966, toàn tỉnh đã kết nạp được 1.599 đảng viên, trong đó có 1.229 đồng chí là đảng viên nông thôn. Các huyện: Hà Quảng, Phục Hòa, Quảng Uyên, Hòa An, Trùng Khánh, Thạch An và Đảng ủy Công an đã kết nạp được nhiều đảng viên. Riêng huyện Hà Quảng kết nạp được 278 đồng chí, vượt chỉ tiêu 98%; huyện Phục Hòa kết nạp được 113 đồng chí, vượt chỉ tiêu 88%. Tuy vậy, cả tỉnh vẫn còn nhiều xóm “trắng” và hợp tác xã “trắng” đảng viên. Để nâng cao hơn nữa chất lượng đảng viên, trong năm 1967, tỉnh mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị giáo dục đảng viên. Đợt sinh hoạt quán

triệt “Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước” quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 17/7/1966, phát động phong trào “on nặng thù sâu”; tiếp đó, là đợt giáo dục “chiến thắng đông xuân” được phát động rộng rãi trong toàn Đảng bộ. Cuộc vận động đã thu hút gần 90% đảng viên và gần 70% quần chúng tham gia. Đảng bộ tổ chức quán triệt Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy, Nghị quyết về xây dựng “chi bộ 4 tốt”, “huyện ủy 4 tốt”, bảy bài học kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng. Đồng thời, mở thêm 2 lớp học tập trung về tình hình nhiệm vụ và đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng cho 239 bí thư chi bộ và đảng bộ cơ sở; củng cố tổ chức được 163 đảng bộ xã, đẩy mạnh xây dựng “chi bộ 4 tốt”, quyết tâm thanh toán “xã trắng”, xã kém, “xóm trắng” và hợp tác xã “trắng” đảng viên. Qua đó, nâng tỷ lệ “đảng bộ 4 tốt”, “chi bộ 4 tốt” từ 6% lên 11%, đảng bộ khá từ 46% lên 52%. Số chi bộ trung bình, yếu kém từ 29% giảm xuống còn 20%. Năm 1967, tỉnh kết nạp 811 đảng viên mới, xóa 16 hợp tác xã “trắng” và 36 xóm “trắng” đảng viên. Toàn tỉnh còn 328 xóm “trắng” và 141 hợp tác xã “trắng” đảng viên được các cấp ủy đảng chỉ đạo xóa dần trong những năm sau. Tính chung, trong 3 năm 1966-1968, tỉnh Cao Bằng đã kết nạp thêm được 2.700 đảng viên mới, tăng gấp 2 lần so với 3 năm trước chiến tranh phá hoại.

Thực hiện Chỉ thị số 90-CT/TW ngày 01/3/1965 của Ban Bí thư về việc mở cuộc vận động nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, làm tốt công tác thẩm tra chính trị và cải tiến công tác quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên để bảo vệ Đảng (gọi tắt là cuộc vận động bảo vệ Đảng), Tỉnh ủy Cao Bằng đã ban hành Chỉ thị số 43-CT/CB ngày 14/12/1965 về việc triển khai cuộc vận động bảo vệ Đảng. Thực hiện Chỉ thị trên, Tỉnh ủy đã thành lập Ban chỉ đạo, tổ

giúp việc; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ được 3 lớp cho các huyện, thị, đảng ủy, các chi bộ trực thuộc; liên hệ, kiểm điểm, đánh giá ưu, khuyết điểm trong công tác bảo vệ Đảng của Đảng bộ tỉnh và xác định các cơ quan, đơn vị phải thực hiện Cuộc vận động. Đến hết năm 1967, toàn tỉnh mở được 10 lớp cho 21 cơ quan, đơn vị xung quanh tỉnh, Mỏ thiếc Tĩnh Túc, Trường Dân tộc, với 1.247 đảng viên tham dự, đạt 29% so với yêu cầu của tỉnh đề ra; còn lại 44 cơ quan, đơn vị, với 3.081 đảng viên phải thực hiện trong năm 1968. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ Đảng, ngày 15/02/1968, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng đã ban hành Kế hoạch về việc tiếp tục tiến hành cuộc vận động bảo vệ Đảng. Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, toàn Đảng bộ có 4.404 đồng chí tham gia cuộc vận động. Kết thúc cuộc vận động, có một huyện và 8 đảng ủy tổ chức học tập được 17 lớp với 2.304 đảng viên, bằng 52,33% tổng số đảng viên toàn tỉnh. Kết quả nắm được 67 đảng viên về quá khứ thuộc đối tượng nghi vấn.

Qua ba năm xây dựng Đảng, bằng các cuộc vận động thiết thực kết hợp với thực tế của Đảng bộ, nhất là sau khi thực hiện Chỉ thị số 90-CT/TW của Ban Bí thư, đội ngũ đảng viên của Cao Bằng đã thực sự có chất lượng. Họ là những người có đủ phẩm chất đạo đức, khả năng lãnh đạo, đảm bảo vai trò lãnh đạo nhân dân làm tròn nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nhận thức sâu sắc “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng được thực hiện tốt là do công tác vận động quần chúng tốt, Đảng bộ Cao Bằng đã không ngừng tăng cường công tác giáo dục, vận động và tổ chức quần chúng, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước của quần chúng. Trên cơ sở trình độ

chính trị được nâng lên, phong trào quần chúng đã tiến dần lên những bước mới, đã bắt đầu đi vào cải tiến cách làm ăn, thực hiện thâm canh tăng năng suất, thực hiện “ba sẵn sàng”, “ba đảm đang”, ba mục tiêu “5 tấn thóc, 2 lợn và 2 lao động/ha gieo trồng” ngày một phong phú. Nhiều điển hình xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu và tổ chức đời sống xuất hiện, góp phần vào xây dựng con người mới và thúc đẩy phong trào quần chúng tiến lên những bước phát triển mới. Toàn tỉnh đã có 94 tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, 458 chiến sĩ thi đua được tặng thưởng 13 huân chương, 25 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều bằng khen của các Bộ, của Khu... tiêu biểu cho các phong trào quần chúng của nhân dân.

Vai trò của các tổ chức quần chúng được phát huy. Công đoàn góp phần tích cực giáo dục, động viên tổ chức thi đua, chăm lo các vấn đề phúc lợi cho cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động. Đội ngũ giai cấp công nhân ngày một lớn mạnh, góp phần quan trọng vào việc xây dựng kinh tế, hoàn thành kế hoạch nhà nước.

Đoàn Thanh niên là cánh tay đắc lực của Đảng, là lực lượng xung kích trong việc thực hiện mọi nhiệm vụ Đảng giao. Những năm 1966-1968, phong trào thanh niên “Ba sẵn sàng” phát triển mạnh, rầm rộ chưa từng có, có nhiều hình thức sáng tạo, phong phú hơn, thể hiện rõ nhất là trong sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Thanh niên luôn đi đầu trong các phong trào làm phân bón, làm thủy lợi, phong trào 3 sào, 5 việc... Lực lượng thanh niên đã đứng ra đảm nhiệm việc trông coi, sửa chữa, bảo quản nhiều công trình thủy lợi, thủy điện quan trọng. Tiêu biểu như thanh niên huyện Hoà An (công trình thủy điện Na Lũ), thanh niên huyện Thạch An (công trình thủy điện Thâm Lặc), thanh niên huyện Nguyên

Bình (công trình thủy điện Tam Kim)... Phong trào nhận làm việc khó của thanh niên đã lan rộng ở nhiều huyện trong tỉnh, tiêu biểu là thanh niên xóm Nà Đuốc (xã Đức Long, huyện Hòa An) nhận với hợp tác xã 1.900 bó mạ ruộng xấu mới cấy để chăm sóc đạt kết quả tốt. Lực lượng đoàn viên, thanh niên không chỉ tích cực trong lao động sản xuất mà còn hăng hái trong học tập và chiến đấu. Đặc biệt, đã xây dựng được 258 đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước với 17.000 đoàn viên, thanh niên tham gia. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, hàng nghìn thanh niên các dân tộc Cao Bằng đã hăng hái, nô nức lên đường làm nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước. Cả hai đợt, toàn tỉnh đã động viên được 6.409 người lên đường nhập ngũ. Qua phong trào thanh niên “Ba sẵn sàng”, riêng năm 1968, toàn tỉnh đã phát triển được 2.987 đoàn viên mới, đưa tổng số đoàn viên toàn tỉnh lên tới 18.938 đồng chí, chiếm 28,1% trong tổng số thanh niên. Số đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng là 753 đồng chí. Toàn tỉnh đã có 125 xã có Ban chấp hành Đoàn.

Cùng với phong trào “Ba sẵn sàng” của thanh niên, phong trào “Ba đảm đang” của phụ nữ đã có những bước phát triển mới, đi vào chiều sâu, đặc biệt là từ sau khi có Nghị quyết số 152-NQ/TW ngày 10/01/1967 của Ban Bí thư về một số vấn đề tổ chức lãnh đạo công tác phụ vận và Nghị quyết số 153-NQ/TW ngày 10/01/1967 của Ban Bí thư về công tác cán bộ nữ. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, phong trào thi đua cấy thẳng hàng, phong trào làm thủy lợi, phân bón, làm ruộng tăng sản, xây dựng cánh đồng 5 tấn... đều được chị em hưởng ứng sôi nổi. Tiêu biểu nhất là phụ nữ huyện Quảng Hòa luôn đi đầu trong việc trồng cấy và làm thủy lợi. Toàn tỉnh có 3.939 chị em tham gia lực lượng dân quân, trong đó,

có 22 chị làm trung đội trưởng, 160 chị em là tiểu đội trưởng và tiểu đội phó. Tổ chức được 684 hội mẹ chiến sĩ, các tổ cứu thương, tải thương, tiếp tế, khâu vá... được hình thành. Ngoài ra, còn có 836 tổ hộ sản với 31.000 người luôn giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, giúp gia đình neo đơn có chồng, con đi bộ đội.

Sau ba năm chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, các phong trào của các giới đã có những chuyển biến rõ rệt, khối đoàn kết dân tộc ngày càng được củng cố chặt chẽ hơn. Quần chúng tin tưởng vào Đảng, đoàn kết phấn khởi, luôn sẵn sàng nhận và thực hiện mọi nhiệm vụ được giao, sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Về công tác quốc phòng, an ninh: Bị thua đau và thất bại nặng ở miền Nam, đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc hòng ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc với miền Nam, phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của ta, kích động bọn phản cách mạng phá rối trật tự an ninh, gây hoang mang làm giảm tinh thần chiến đấu, ý chí quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Quân khu Việt Bắc, đặc biệt sau đó là “Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước” quyết chiến đấu bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc (ngày 17/7/1966) của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 05/3/1966, Tỉnh ủy Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 163-NQ/TW, đề ra nhiệm vụ quân sự của tỉnh lúc này là: “Phải làm tốt công tác chống chiến tranh phá hoại, xây dựng lực lượng quân sự địa phương trưởng thành, vững mạnh về mọi mặt, trước hết phải đảm bảo công tác tuyển quân bổ sung cho bộ đội chủ lực, phòng thủ chiến đấu tốt, liên hệ chặt chẽ với tỉnh bạn hiệp đồng chiến đấu cùng bắn rơi máy bay địch”. Nghị quyết của

Tỉnh ủy được toàn Đảng bộ, toàn quân và dân trong tỉnh nghiêm chỉnh thực hiện. Tỉnh đội Cao Bằng đã lập kế hoạch và đề ra các biện pháp chỉ đạo cụ thể cho toàn quân, toàn dân quán triệt rõ nhiệm vụ quân sự của tỉnh, trước mắt tập trung thực hiện ba nhiệm vụ cấp bách là chống máy bay địch bắn phá, tuyển quân và xây dựng lực lượng.

Trong giai đoạn này, máy bay địch thường xuyên bay trinh thám, thăm dò lực lượng phòng không và các mục tiêu quan trọng để bắn phá. Năm 1965, đế quốc Mỹ 28 lần dùng các loại máy bay từ 1 đến 3 tốp xâm phạm vùng trời trong tỉnh ở độ cao cao thấp khác nhau. Đi đôi với nhiệm vụ xây dựng kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, các cấp ủy đảng, chính quyền đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh khẩn trương chuẩn bị mọi mặt chống chiến tranh phá hoại theo phương châm “Tích cực đánh địch trên không, đề phòng và đánh địch ở mặt đất”. Thời kỳ này, Mỏ thiếc Tĩnh Túc, Hòa An, Nguyên Bình, Thạch An là trọng điểm bắn phá của địch. Năm 1966, tỉnh đã tổ chức cho 11.259 người, chủ yếu là ở thị xã, các huyện lỵ sơ tán tài liệu, người, tài sản ra nơi quy định. Đế quốc Mỹ càng tăng cường bắn phá miền Bắc thì công tác phòng không, sơ tán càng trở nên cấp thiết. Tại địa bàn sơ tán của các cơ quan và các khu vực nhân dân, công tác phòng tránh được hết sức chú ý. Phong trào đào hầm, hào lan rộng khắp toàn tỉnh. Đến cuối năm 1966, toàn tỉnh đã đào được 90.000 m hào giao thông, 23.000 hầm trú ẩn. Cùng với việc đào hầm phòng tránh, các đội công binh nhân dân tháo gỡ bom, nắm địch cũng được thành lập, 37 đội sẵn sàng đào mìn khi bị sập hầm, 56 đài quan sát máy bay, 27 tổ đội trực chiến, 58 trận địa phòng không hoạt động thường xuyên trong khí thế sẵn sàng chiến đấu, chủ động đánh địch khi chúng liều lĩnh xâm phạm vùng trời Cao Bằng.

Thành lập 116 tổ cứu thương, tải thương, 68 đội cứu hoả sẵn sàng hoạt động khi có hoả hoạn. Tháng 9/1966, Tỉnh đội Cao Bằng quyết định đưa 59 dân quân tự vệ xuống tỉnh Lạng Sơn rèn luyện trong thực tế chiến đấu, phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh bạn lập chiến công bắn rơi máy bay Mỹ.

Năm 1967, đế quốc Mỹ tăng cường bắn phá miền Bắc với mưu đồ ngăn chặn miền Bắc vận chuyển tiếp tế cho miền Nam¹. Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 163-NQ/CB của Tỉnh ủy, Tỉnh đội Cao Bằng đã lập kế hoạch rà soát, bố trí lại lực lượng đội hình trong phạm vi toàn tỉnh cho phù hợp với tình hình thời chiến. Tăng cường một số đơn vị trực chiến, tăng số lượng dân quân tự vệ của tỉnh lên 42.780 người, bố trí bảo vệ các nơi trọng yếu của tỉnh. Ngoài số hầm hào giao thông đã làm từ trước, đã sửa chữa lại và làm thêm 2.000 hầm hố, hơn 5.000 m hào giao thông. Thành lập cấp tốc 45 đội công binh dân quân. Tại các huyện, thành lập tiểu đội, trung đội cơ động chiến đấu, được huấn luyện chiến thuật bắn máy bay tầm thấp và chống biệt kích, thám báo... Lực lượng hậu bị cũng được tăng cường, đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cơ sở cả về số lượng và chất lượng, thay thế cán bộ yếu kém, nên 100% cán bộ chủ chốt là đảng viên. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ ngày càng tăng, lực lượng tự vệ ở các xí nghiệp được huấn luyện kịp thời, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra.

1. Cường độ bắn phá của máy bay Mỹ ngày một tăng. Trong năm 1967, có 20 lần chúng dùng máy bay xâm phạm vùng trời Cao Bằng như Mỏ thiếc Tĩnh Túc, thị xã Cao Bằng, Nhà máy điện Tà Sa, các cầu cống lớn. Máy bay trinh sát Mỹ bay qua bay lại nhiều lần, cả ban ngày lẫn ban đêm. Trong 2 ngày 03 và 08/10/1967, máy bay Mỹ đã bắn phá làm sập cầu Bằng Giang và cầu Sông Hiến, gây thiệt hại 600.000 đồng, làm chết 1 người và làm bị thương 4 người.

Đảng bộ tỉnh Cao Bằng thường xuyên làm tốt công tác động viên tuyển quân và hoàn thành kế hoạch tuyển quân hàng năm. Để tăng cường hơn nữa sức mạnh quốc phòng, đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới, chấp hành lệnh “động viên cục bộ” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 04/7/1966, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 3A-CT/CB về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác động viên tuyển quân bổ sung lực lượng thường trực. Hàng vạn thanh niên các dân tộc Cao Bằng, kể cả các thanh niên dân tộc thiểu số ít người từ vùng thấp đến vùng cao, từ các thị xã, thị trấn đến trường học, các cơ quan, công, nông, lâm trường đã hăng hái đăng ký tình nguyện đi chiến đấu và nô nức lên đường làm nhiệm vụ. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1966, toàn tỉnh đã động viên được 69 thanh niên các dân tộc thiểu số nhập ngũ, nhất là huyện Bảo Lạc xa xôi nhất nhưng giao quân vượt chỉ tiêu, cao nhất toàn tỉnh là 97/80 người, đạt 121,25%. Cả tỉnh Cao Bằng, trung bình một năm động viên trên 6.000 quân đi tham gia chiến đấu ở miền Nam và bảo vệ miền Bắc.

Bên cạnh đó, các phần tử xấu vẫn thường lợi dụng hoạt động, đặc biệt là bọn đặc vụ Quốc dân Đảng, mật thám chỉ điểm của Pháp chưa được cải tạo, một số phần tử phản động trong Thiên Chúa giáo. Bọn chúng thường tung tin xấu gây hoang mang trong nhân dân, nhất là bà con người dân tộc thiểu số, làm cho nhân dân mất lòng tin vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Để đối phó với tình hình đó, tỉnh đã chỉ đạo cho lực lượng quân đội, nhất là bộ đội biên phòng tăng cường tuần tra, canh gác ngăn không cho bọn xấu tràn vào biên giới; tăng cường các buổi nói chuyện, tuyên truyền để bà con hiểu được âm mưu của bọn phá hoại, hiểu được chính sách của Đảng, Nhà nước; thực hiện tốt phong trào bảo vệ trị an ở xã, khu phố, ở các cơ quan,

xí nghiệp. Công tác trấn áp bọn phản cách mạng, phòng chống gián điệp, biệt kích, tập trung cải tạo và cải tạo tại chỗ những phần tử cần cải tạo được tăng cường. Phong trào bảo vệ trị an, bảo mật phòng gian, cảnh giác cách mạng, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp an toàn không ngừng phát triển. Lực lượng trị an nhân dân ngày càng được tăng cường và đã có nhiều cố gắng trong việc bảo vệ sản xuất, bảo vệ nhân dân. Những năm 1966-1968, tuy tình hình có nhiều phức tạp mới nhưng trật tự trị an vẫn được đảm bảo, giữ vững ổn định chính trị và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của hậu phương đối với tiền tuyến, góp phần tích cực cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược

Giai đoạn 1965-1968 là thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở vào giai đoạn quyết liệt nhất và cũng là thời gian mà các chủ trương, đường lối của Đảng được thực hiện triệt để nhất. Toàn Đảng, toàn dân cả nước nói chung, Cao Bằng nói riêng đã vượt qua muôn vàn gian nan, thử thách: vừa đánh Mỹ, vừa chống chọi và khắc phục hậu quả thiên tai, vừa khắc phục hậu quả chiến tranh để chiến đấu và xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm chỗ dựa vững chắc cho tiền tuyến miền Nam.

Trước những thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên cả hai miền Nam, Bắc, ngày 01/11/1968, Chính phủ Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và bắn phá miền Bắc. Từ đó, trên bầu trời Cao Bằng cũng thưa dần máy bay trinh thám. Đề phòng mọi âm mưu, thủ đoạn của địch, nhân dân Cao Bằng vẫn thường xuyên nâng cao cảnh giác, vừa tích cực tận dụng điều kiện thuận lợi để củng cố xây dựng kinh tế, vừa sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu tốt khi Tổ quốc cần.

Ngày 03/11/1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi

đồng bào và chiến sĩ cả nước: "... nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao *tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc*"¹. Người khẳng định: "Trước mắt chúng ta còn nhiều gian khổ hy sinh, nhưng sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân ta đang tiến mạnh đến ngày thắng lợi"².

Thất bại trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ", bước sang năm 1969, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"³ ở miền Nam Việt Nam, ráo riết chuẩn bị mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn Bán đảo Đông Dương. Ở miền Bắc, Mỹ vẫn duy trì các hoạt động trinh sát đường không, tiếp tục đánh phá miền Bắc, đồng thời xúc tiến các hoạt động ngoại giao nhằm bao vây, cô lập cách mạng Việt Nam. Những hoạt động của đế quốc Mỹ làm cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta càng thẳng và phức tạp hơn trước.

Trong tình hình mới, miền Bắc vừa phải ra sức khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển văn hóa, giáo dục, vừa chuẩn bị đối phó với âm mưu mở rộng chiến tranh của Mỹ, vừa tiếp tục chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.512, 513.

3. Đây là chiến lược toàn diện về quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao nhằm tiếp tục thực hiện âm mưu cơ bản của Mỹ là bám giữ miền Nam Việt Nam, giảm bớt sự dính líu của quân chiến đấu Mỹ trên bộ, nhưng phải giành thế mạnh trên chiến trường để kết thúc chiến tranh theo điều kiện của Mỹ. Về thực chất, đây là chủ trương "dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam" với dõla, vũ khí và trang bị của Mỹ, do Mỹ trực tiếp chỉ huy.

Ngay sau khi đế quốc Mỹ ngừng ném bom phá hoại miền Bắc lần thứ nhất, nhân dân Cao Bằng đã khẩn trương hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống. Trong bối cảnh ấy, từ ngày 31/01/1969 đến ngày 09/02/1969, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII được tiến hành tại thị xã Cao Bằng. Tham dự Đại hội có 186 đại biểu, đại diện cho khoảng 13.400 đảng viên toàn tỉnh. Đại hội đã nhận định và đánh giá hoạt động của Đảng bộ trong 5 năm 1964-1968, nhất là trong 3 năm chống Mỹ, cứu nước. Đại hội đặc biệt biểu dương tinh thần quyết tâm vượt khó khăn để sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu của cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc Cao Bằng. Đại hội thảo luận và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng bộ thời kỳ này là: “Quán triệt sâu sắc đường lối chính trị và quyết tâm chiến lược của Đảng, nắm vững đặc điểm vị trí của tỉnh mình, tăng cường mạnh mẽ tính chiến đấu cách mạng, ra sức phát huy cao độ mọi khả năng tiềm tàng của mình để xây dựng kinh tế địa phương, nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc, làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng đối với đồng bào miền Nam, đồng bào Gia Lai ruột thịt và chuẩn bị điều kiện xây dựng với quy mô lớn khi chiến tranh kết thúc”¹. Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể trước mắt là: “Phát huy ưu thế to lớn của núi rừng, ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, đặc biệt là cây công nghiệp, cây có dầu, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, nghề rừng phải trở thành ngành sản xuất chủ yếu: lấy lương thực, thực phẩm làm trọng tâm, tích cực tăng nhanh khối lượng thực phẩm lên ngang và cao hơn sản lượng lương thực, làm cơ sở cho việc phát triển mạnh mẽ công nghiệp địa phương nhằm nâng cao

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VII, tr.7. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng,

mọi mặt đời sống nhân dân các dân tộc một cách chủ động, vững chắc và phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội... Đẩy mạnh xây dựng và phát triển mạnh công nghiệp địa phương, từng bước tích cực theo nhịp độ phát triển của nông - lâm nghiệp, lấy công nghiệp chế biến nông lâm sản thực phẩm và hàng tiêu dùng là chủ yếu... Đảm bảo nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc, đi đôi với đẩy mạnh sản xuất thực hành tiết kiệm; động viên cao độ sức người, sức của, làm nghĩa vụ với Nhà nước và xây dựng kinh tế vững mạnh... Thực hiện quy hoạch phân vùng sản xuất nông nghiệp, từng bước tích cực nâng cao trình độ chuyên canh, chuyên môn hóa sản xuất, tạo thành khu vực sản xuất tập trung quy mô lớn có nhiều sản phẩm hàng hóa cho việc xây dựng kinh tế địa phương mạnh mẽ, vững chắc”¹.

Trước những yêu cầu cấp bách của tình hình, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ chung của toàn Đảng bộ trong hai năm 1969-1970 là: “Quán triệt hơn nữa đường lối chính trị và quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng, phát huy cao độ tự hào về khả năng tiềm tàng kinh tế và truyền thống cách mạng vẻ vang của mình, tích cực thực hiện quy hoạch bốn vùng, từng bước có trọng điểm, tiếp tục đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, lấy cách mạng kỹ thuật là then chốt. Ra sức đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp tiến lên một bước mới mạnh mẽ, toàn diện, lấy sản xuất lương thực và thực phẩm làm trọng tâm, phấn đấu đạt một số tiến bộ nổi bật trong việc sản xuất thuốc lá, đỗ tương, cây có dầu, cây ăn quả; trong việc chăn nuôi trâu bò, bò sữa, đàn lợn, cá và trong việc trồng rừng, tu bổ, bảo vệ rừng, cũng như trong việc xây dựng đời sống kinh tế -

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VII, *Tlđđ*, tr.8-10.

văn hóa vùng cao. Tăng cường củng cố và phát triển công nghiệp địa phương, nhất là thủ công nghiệp; đồng thời, tranh thủ sự giúp đỡ của công nghiệp Trung ương để nâng cao năng lực phục vụ nông nghiệp, nhất là điện, nước, nông cụ, phương tiện vận chuyển, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng thông thường. Tích cực phát triển mạng lưới giao thông vận tải, mở thêm đường mới vào các vùng kinh tế tập trung, đẩy mạnh giao thông nông thôn, từng bước khai thông đường thủy, đảm bảo tốt nhu cầu vận chuyển, phục vụ kịp thời sản xuất, xây dựng và đời sống nhân dân.

Nắm chắc khâu lưu thông phân phối, tài chính, ngân hàng, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, thông tin, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao. Không ngừng đề cao cảnh giác, tăng cường lực lượng chiến đấu, đảm bảo trật tự an ninh vững vàng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại mới của kẻ địch; phát huy dân chủ, đẩy mạnh khí thế cách mạng tiến công trong các phong trào quần chúng, tiến lên giành thắng lợi to lớn, nhất là trong sự nghiệp phát triển kinh tế địa phương, chi viện cho tiền tuyến và nâng cao đời sống nhân dân; đồng thời tiến hành mạnh mẽ các công tác cần thiết chuẩn bị cho bước phát triển mới trong những năm sau”¹.

Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Đại hội đã thảo luận đề ra các chủ trương, biện pháp sát hợp với địa phương, hết sức tranh thủ thời gian để quốc Mỹ tạm ngừng ném bom để phát triển kinh tế - xã hội, kiện toàn một bước bộ máy tổ chức quản lý kinh tế, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, cố gắng giải quyết đến mức tốt nhất trong điều kiện cho phép về đời sống nhân dân, đời sống cán bộ, công nhân, viên

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VII, *Tlđđ*, tr.10-11.

chức. Đồng thời, Đảng bộ cũng tự mình tăng cường sự lãnh đạo, kiện toàn tổ chức chính quyền, củng cố các đoàn thể quần chúng, trên cơ sở đó, tạo niềm tin phấn khởi trong nhân dân.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII gồm 25 ủy viên chính thức, 04 ủy viên dự khuyết; bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 09 đồng chí. Đồng chí Vũ Ngọc Linh tiếp tục được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Hoàng Tuấn Sơn tiếp tục được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Phan Mạnh Cư được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh.

Trong khí thế tung bừng, phấn khởi trước thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, thành công của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VII như tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng ra sức thi đua hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã dấy lên phong trào thi đua sôi nổi trong lao động sản xuất, học tập và công tác, quyết thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước.

Giữa lúc Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đang hăng hái khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước thì được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu qua đời (ngày 02/9/1969¹). Cùng với cả nước và bạn bè khắp năm châu, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng tỏ rõ niềm thương tiếc vô hạn đối với vị Lãnh tụ kính yêu của dân tộc. Chỉ sau nửa ngày, các xã, hợp tác xã, cơ quan, xí nghiệp, nông - lâm trường, trường học, các đơn vị bộ đội, các gia đình đã lập bàn thờ viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp phiên đặc biệt

1. Lúc bấy giờ công bố là ngày 03/9/1969.

quyết định “toàn Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng để tang Bác bảy ngày”, thành lập Ủy ban lễ tang của tỉnh, tổ chức trọng thể lễ tang của Người vào ngày 09/9/1969 tại “đầu nguồn” Pác Bó (xã Trường Hà, huyện Hà Quảng) - nơi Người đã sống và làm việc những ngày đầu về nước. Nhân dân Pác Bó mặc quần áo đại tang, đau đớn thực hiện nghi thức tiễn đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh bên bờ suối Lênin như tiễn đưa người ruột thịt của mình, rồi để tang Người ba năm theo đúng tục lệ địa phương. Đồng thời, tỉnh cũng có kế hoạch cụ thể chỉ đạo, hướng dẫn các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh tổ chức lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tỉnh ủy kêu gọi toàn Đảng bộ, toàn dân trong tỉnh đoàn kết chặt chẽ, ra sức phấn đấu thực hiện lý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm rạng rỡ sự nghiệp cách mạng của Người, trước mắt là quyết tâm thi đua thực hiện những công việc trọng tâm của tỉnh đã đề ra. Từ Đảng bộ tỉnh tới cơ sở đều tổ chức lễ tang và truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các hoạt động tang lễ đã diễn ra ở khắp các xóm, bản, cơ quan, xí nghiệp, bệnh viện, trường học... trong suốt nửa đầu tháng 9/1969. Cũng trong những ngày ấy, trên toàn tỉnh Cao Bằng, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân đã tổ chức những cuộc thi đua đền ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, dâng chiến công lên Người¹. Vĩnh biệt Chủ tịch

1. Buổi lễ mít tinh kỷ niệm 29 năm Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10/1969), thay mặt cho toàn thể phụ nữ các dân tộc, các ngành nghề trong tỉnh, chị em dự mít tinh đã gửi thư quyết tâm lên Trung ương Đảng, Trung ương Hội, Khu Hội và Tỉnh ủy nguyện thực hiện nghiêm chỉnh Lời di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đoàn Thanh niên toàn tỉnh đã nêu cao quyết tâm thực hiện thật tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Mỗi người làm việc bằng hai”. Nhiều tập thể, cá nhân đã có những hành động cách mạng cao, lập được nhiều kỷ lục trong công tác. Riêng trong tuần lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong toàn Đoàn đã làm tăng hơn 5.600 giờ công thủy lợi; nhiều đơn vị, cá nhân đã vượt từ 50 đến 100% kế hoạch công tác.

Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng quyết tâm biến đau thương thành hành động cách mạng, quyết đem hết sức mình xây dựng tỉnh Cao Bằng giàu mạnh để cùng với miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc chi viện cho tiền tuyến miền Nam đấu tranh chống Mỹ, cứu nước, hoàn thành sự nghiệp thống nhất nước nhà như lúc sinh thời Người hằng mong ước.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đẩy lên phong trào thi đua trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, công tác, xây dựng kinh tế - xã hội và sẵn sàng chiến đấu. Cuối năm 1969, đầu năm 1970, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân tích cực hưởng ứng đợt sinh hoạt chính trị học tập và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 173-CT/TW ngày 29/9/1969 của Bộ Chính trị về đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo *Di chúc* của Hồ Chủ tịch”. Đồng thời, thực hiện phong trào lao động sản xuất nhằm động viên mọi lực lượng lao động của toàn xã hội để khôi phục và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố miền Bắc về mọi mặt, tăng thêm tiềm lực kinh tế và quốc phòng, động viên toàn dân ra sức làm tròn nghĩa vụ đối với miền Nam ruột thịt. Thực hiện Cuộc vận động phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn do Bộ Chính trị phát động, đồng bào các dân tộc đã tích cực lao động sản xuất, học tập cũng như trong công tác và đạt thêm nhiều thành tích mới.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp: Mặc dù hạn hán kéo dài gây nhiều thiệt hại, Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo huy động lực lượng ra sức khắc phục thiên tai, chăm bón tốt những ruộng đã cấy được, còn những ruộng không cấy được thì tích cực trồng hoa màu và cây thực phẩm để bù cho diện

tích lúa đã mất. Đồng thời, đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi, phát huy hết công suất của các trạm bơm nhằm tập trung đến mức cao nhất nước tưới cho đồng ruộng. Nhờ đó, nông nghiệp đã vượt qua được nạn hạn hán, sản lượng lương thực vẫn được bảo đảm, mặc dù có giảm hơn so với năm trước. Năm 1969, giá trị tổng sản lượng nông nghiệp đạt 43.024 nghìn đồng, giảm khoảng 7,2%¹ so với năm 1968 (trong đó, trồng trọt đạt 21.247 nghìn đồng, chăn nuôi đạt 8.756 nghìn đồng, lâm nghiệp đạt 466 nghìn đồng và sản xuất vật chất đạt 12.555 nghìn đồng).

Bước sang năm 1970, Cao Bằng được mùa cả hai vụ, sản lượng lương thực (kể cả màu) quy thóc đạt 108.408 tấn, tăng hơn năm 1969 là 29.390 tấn, đạt 135% kế hoạch. Năm 1971, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch ba năm phát triển kinh tế - xã hội 1971-1973, trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, Đảng bộ đã chỉ đạo phát động những chiến dịch lớn tập trung đẩy mạnh thực hiện các biện pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo diện tích và năng suất. Nhờ vậy, sản lượng một số loại cây trồng vẫn được bảo đảm, thậm chí có một vài cây trồng còn tăng cao, như đỗ tương tăng 40%; nhưng ngô lại bị thất bát nặng, năng suất giảm nhiều so với năm trước.

Năm 1972, đế quốc Mỹ trắng trợn quay trở lại bắn phá bằng không quân trên miền Bắc một lần nữa. Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ chung của cả nước, ngày 15/6/1972, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng họp Hội nghị lần thứ chín và ra Nghị quyết khẳng định: Trong bất kỳ tình huống nào, mọi mặt công tác phải được đẩy mạnh, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Do hạn hán kéo dài nhiều nơi, phải cấy đi cấy lại đến 2, 3 lần, Đảng bộ đã chỉ đạo tạo mọi điều kiện cho

1. Xem Hồ sơ số 7291, *Tlđđ*.

nông dân sản xuất, quyết tâm khắc phục khó khăn và cấp không phân hóa học cho nông dân. Mặt khác, tập trung giải quyết tốt phòng trừ sâu bệnh, làm thủy lợi nên kết quả thu hoạch vẫn đảm bảo. Tổng sản lượng quy thóc cả năm 1972 đạt 92.120 tấn, tăng 3% so với năm 1971. Cũng năm 1972, tỉnh đã quy hoạch xong tổng thể vùng lúa, vùng thuốc lá tập trung ở 18 xã thuộc hai huyện Hòa An và Hà Quảng.

Ở vùng cao, công tác định canh, định cư vẫn được tiến hành thường xuyên. Thực hiện Nghị quyết số 4A-NQ/CB ngày 23/5/1969 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cuộc vận động định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa nông nghiệp hai năm 1969-1970, năm 1969, Tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành cuộc vận động ở 12 xã của các huyện Nguyên Bình (5 xã), Thạch An (4 xã miền Tây) và Thông Nông, Bảo Lạc, Hòa An (mỗi huyện thí điểm 1 xã) với phương châm vừa định canh, định cư, vừa xây dựng, củng cố hợp tác xã và chỉ đạo tập trung giải quyết gọn cho từng xã, từng cụm, không mở diện củng cố ồ ạt. Đối với những nơi hợp tác xã đã ổn định thì Nhà nước tập trung bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý kinh tế, điều chỉnh định mức lao động... kết hợp với việc cử cán bộ xuống giúp các hợp tác xã, củng cố tổ chức, quản lý kinh tế, đưa sản xuất của các hợp tác xã giữ mức ổn định và phát triển cao hơn. Năm 1970, toàn tỉnh đã có 8 hợp tác xã quy mô toàn xã và 125 hợp tác xã quy mô toàn xóm. Bình quân có 42 hộ/hợp tác xã; trong đó, vùng thấp có 56 hộ/hợp tác xã, vùng cao có 28 hộ/hợp tác xã. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (tháng 6/1971) của Tỉnh ủy Cao Bằng, năm 1972, toàn tỉnh tiếp tục tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã và điều chỉnh quy mô hợp lý. Tỉnh đã xây dựng thêm 25 hợp tác xã vùng thấp và vận động xây dựng thêm 2 hợp tác xã ở vùng định canh, định cư. Đến cuối năm 1972, toàn tỉnh đã củng cố được

953 hợp tác xã, với 46.140 hộ, chiếm 80,8% số hộ. Lúc này một khó khăn mới lại nổi lên: một số vùng thấp và vùng cao có xu hướng muốn tách nhỏ hợp tác xã, thậm chí đã có 169 hợp tác xã với 4.400 hộ, chiếm 17% số hộ toàn tỉnh bị tan vỡ chưa củng cố được (trong đó có 141 hợp tác xã với 3.193 hộ thuộc vùng cao). Trước tình hình đó, ngày 22/8/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 24-NQ/CB về một số chủ trương biện pháp để củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp hiện nay, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết của toàn Đảng bộ.

Một điểm mới trong sản xuất nông nghiệp là xuất hiện các mô hình trạm, trại nông nghiệp quốc doanh và hợp tác xã nông nghiệp “kiểu mới”, với mục đích để phát triển kinh tế nhà nước, định hướng và giúp đỡ kinh tế hợp tác xã ngày càng phát triển. Tỉnh đã thành lập 3 nông trường: Hòa An, Phục Hòa và Lũng Lầu (huyện Trùng Khánh); với tổng diện tích quy hoạch 3.712 ha, giá trị tài sản cố định 1.250.600 đồng.

Ngành chăn nuôi vẫn được duy trì, có chuyển biến khá. Năm 1969, đàn trâu có 65.339 con, trong đó trâu cày kéo là 41.482 con; đàn bò có 54.225 con, trong đó bò cày kéo là 39.306 con; ngựa có 7.892 con; và 121.738 con lợn thịt. Ngoài ra, còn tổ chức một số cơ sở nuôi dê, các hồ ao thả cá được mở rộng thêm một bước¹... Năm 1971, đàn gia súc tăng khá so với năm 1970 và là năm đạt tỷ lệ cao, toàn diện hơn: đàn trâu tăng 4,1%, đàn bò tăng 5%, đàn lợn tăng 5,77%, đàn dê tăng 3,8%, cá và gà vịt cũng tăng hơn năm 1970. Cơ sở chăn nuôi quốc doanh và tập thể bước đầu được củng cố, mở rộng hơn. Song sự tiến bộ của ngành chăn nuôi còn chậm do công tác quy hoạch, xây dựng chuồng trại, nguồn thức ăn và giống chưa đáp ứng yêu cầu.

1. Xem Hồ sơ số 7291, *Tlđđ*.

Ngành lâm nghiệp có tiến bộ về mặt tu bổ, thiết kế trồng rừng và quy hoạch lâm trường. Phong trào tu bổ, bảo vệ và trồng rừng năm 1972 đã tăng hơn năm 1971 từ 20% đến 37%. Song chuyển biến còn chậm do việc khảo sát quy hoạch chưa tốt và việc tổ chức thực hiện còn lúng túng, khó khăn; rừng bị cháy và bị phá làm nương rẫy còn cao (năm 1972 tăng 23% so với năm 1971).

Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có nhiều chuyển biến. Từ sau khi thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/CB ngày 02/10/1969 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương hai năm 1969-1970, nhờ tích cực cải tiến và đẩy mạnh sản xuất đúng hướng, nhất là phong trào thi đua tăng năng suất lao động, sản phẩm đạt chất lượng tốt trong các xí nghiệp, nên sản xuất luôn ổn định. Năm 1970, tổng giá trị sản lượng tăng 5,7% so với năm 1969; trong đó: công nghiệp quốc doanh tăng 9,1%; thủ công nghiệp tăng 1,9%; điện tăng 40%; cơ khí tăng 87,9%; sản xuất vật liệu xây dựng tăng 50%. Năm 1971, giá trị tổng sản lượng đạt 10.383.000 đồng, tăng 9,3% so với năm 1970. Năm 1972, tổng sản lượng công nghiệp vượt 1,08% so với kế hoạch; có 8/15 xí nghiệp đạt và vượt mức kế hoạch. Nhìn chung, trong 3 năm 1970-1972, tổng giá trị sản lượng công nghiệp đều tăng, trung bình hằng năm tăng từ 5% đến 10% so với năm trước.

Công tác xây dựng cơ bản tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng cũng đã có hướng đi lên, với việc giao khoán khối lượng, giao định mức, trả lương theo sản phẩm và động viên lao động xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng suất lao động, tăng tốc độ sản xuất, tập trung dứt điểm một số công trình trọng điểm, nên công trình hoàn thành nhanh gấp ba đến bốn lần. Việc quản lý lao động, vật tư, tiền vốn trong các ngành công

nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng cơ bản có chuyển biến tốt, một số cơ sở của các ngành công nghiệp, kiến trúc, nông nghiệp... đã bắt đầu đi vào hạch toán kinh tế nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng tích lũy cho Nhà nước... Nổi bật như ngành xây dựng cơ bản năm 1969 và năm 1970 đạt 70% công bình quân tháng, ngành công nghiệp đạt từ 85% đến 90%. Năm 1971, tổng số vốn đầu tư được thực hiện 56 triệu đồng và là năm đạt tỷ lệ kế hoạch cao nhất; riêng xây lắp vượt 15% kế hoạch. Năng suất và ngày công ngành giao thông được nâng lên: làm đường vượt 25%, rải đá vượt 7%... Năm 1972, khối lượng hoàn thành tăng gấp 2 lần so với năm 1971, nhất là về xây dựng cơ bản do nguyên liệu sử dụng có nhiều thuận lợi hơn lại biết kết hợp với lực lượng xây dựng của tỉnh bạn.

Công tác giao thông vận tải đã có nhiều tiến bộ mới. Trong 2 năm 1969 - 1970, nhân dân Cao Bằng đã tích cực vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc men cho chiến trường miền Nam. Khi cảng Hải Phòng và ga Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) bị đế quốc Mỹ phong tỏa, Cao Bằng là một trong những tỉnh chủ yếu tiếp nhận hàng viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa giúp nhân dân ta qua đường Trung Quốc. Kế hoạch vận chuyển hàng chia làm nhiều đợt, trong đó có 2 đợt trở thành chiến dịch lớn mang tên “Chiến dịch V72” trong 2 năm 1970-1971. Nhiều hàng hóa đã vượt cửa khẩu Tà Lùng chi viện cho tiền tuyến lớn đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Song song với việc phục vụ vận chuyển cho chiến trường, công tác giao thông vận tải tiếp tục phục vụ mọi hoạt động của đời sống nhân dân, phục vụ sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Phong trào làm đường giao thông nông thôn được duy trì và ngày càng hoàn thiện. Đến năm 1970, ngành giao

thông vận tải đã làm mới, mở rộng đường loại A 546 km, làm mới và mở rộng đường loại B 530 km, làm đường xương cá 513 km, sửa chữa 450 km đường, cải tạo 263 km mặt đường¹. Mạng lưới giao thông nông thôn được mở rộng và phát triển; gần 300 km đường tiểu ngạch và nhiều cầu, cống loại vừa và nhỏ đã được nhân dân tự lực cánh sinh xây dựng.

Hai năm 1971-1972, giao thông vận tải vẫn luôn đảm bảo thường xuyên thông suốt. Riêng tuyến đường Cao Bằng - Bảo Lạc do đường hẹp khó đi, nhiều khi trời mưa to thường bị sạt lở ảnh hưởng lớn đến vận tải, song mỗi lần bị sạt lở, tỉnh đều tìm mọi biện pháp để thông đường. Còn các tuyến đường khác nhìn chung luôn được chú ý nâng cấp, đồng thời khai thông thêm một số tuyến đường mới, giao thông nông thôn cũng được mở rộng. Năm 1971, toàn tỉnh đã làm được 121 km đường loại A, 254 km đường loại B, 91 km đường loại C; nổi bật là huyện Quảng Hoà làm thêm được 20 km đường liên thôn, sửa chữa được 275 km; cải thiện được 280 km mặt đường, lèn lu được 27 km và xây dựng, sửa chữa được 117 cầu, cống các loại. Năm 1972, huyện Hoà An làm được 21 km đường các loại; sửa chữa được 18 km và làm được 4 cây cầu treo. Điểm đặc biệt là bước đầu xuất hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” như cầu treo của xã Hoàng Tung (huyện Hoà An), nhân dân tự góp vốn 78 nghìn đồng, Nhà nước giúp đỡ về kỹ thuật. Đối với những huyện thuộc diện vận động định canh, định cư (Nguyên Bình, Bảo Lạc, Thạch An...), Đảng bộ và chính quyền tỉnh đặc biệt ưu tiên việc làm đường, cầu treo. Chính vì vậy, ngày càng có nhiều

1. Xem Hồ sơ số 9268: Báo cáo tổng kết công tác giao thông vận tải nông thôn (1971-1973) của Ty Giao thông Cao Bằng, Phòng Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

tuyến đường ô tô liên xã, thậm chí đã có những tuyến đường đi tới những bản làng vùng cao được khánh thành. Chỉ tính riêng huyện Nguyên Bình, năm 1971, có trên 170 km đường liên xã phục vụ việc đi lại, vận chuyển hàng hóa cho bà con các vùng định canh, định cư. Cũng trong năm 1971, nhờ biết kết hợp cuộc vận động định canh, định cư với việc làm đường, huyện Bảo Lạc - một huyện xa nhất, nơi chủ yếu là núi rừng hiểm trở, ô tô đi lại rất khó khăn, cũng đã tổ chức làm được 6 km trên tổng số 13 km đường Bảo Lạc - Cốc Pàng; sửa được trên 50 km đường để nhân dân đi lại dễ dàng, thuận tiện.

Năm 1972, trước nguy cơ địch có thể mở cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ra miền Bắc, để đảm bảo tốt hơn nữa công tác giao thông vận tải thời chiến, phục vụ sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống, ngày 20/6/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng đã ra Nghị quyết số 22-NQ/CB về tập trung sức bảo vệ và đảm bảo giao thông vận tải là nhiệm vụ trung tâm đột xuất trong tình hình mới. Để đáp ứng kịp thời trong mọi tình huống do địch bắn phá, thiên tai, lũ lụt hủy hoại, Nghị quyết đề ra nhiệm vụ và mục tiêu chính là: “Cho dù địch bắn phá ác liệt, liên tục và mưa lũ phá hoại như thế nào, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tỉnh ta quyết tâm bảo vệ và giữ vững mạch máu giao thông thông suốt, đảm bảo vận chuyển hàng hóa tới đích nhanh, nhiều và an toàn, ưu tiên đảm bảo yêu cầu cho tiền tuyến, đồng thời cố gắng phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống nhân dân trong tỉnh với mức cao nhất”¹. Nhiệm vụ và

1. Nghị quyết số 22-NQ/CB ngày 20/6/1972 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về tập trung sức bảo vệ và đảm bảo giao thông vận tải là nhiệm vụ trung tâm đột xuất trong tình hình mới, tr.2. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng,

mục tiêu cụ thể là tập trung sức bảo vệ và giữ vững các tuyến đường liên tỉnh, liên huyện được thông suốt, an toàn; quy hoạch và tiến hành gấp việc tu sửa, mở rộng hoặc làm mới các tuyến đường nông thôn; tăng cường mở rộng tổ chức và quản lý chặt chẽ hoạt động của các lực lượng vận tải; đảm bảo đủ kho tàng và tổ chức tốt việc bảo vệ, bảo quản và quản lý chặt chẽ hàng hóa; đồng thời chỉ đạo chính quyền các cấp thành lập lại các ban bảo đảm giao thông ở các cấp, trước nhất là ở tỉnh, huyện, thị xã và các xã dọc các tuyến đường giao thông chính¹.

Qua một năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/CB của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngành giao thông vận tải Cao Bằng đã có những bước phát triển mới; nhất là ngành vận tải mở rộng các tuyến chở mới, tích cực tìm nguồn hàng, đảm bảo cho đầu xe hoạt động với tỷ lệ cao. Đến năm 1972, về phương tiện vận tải, tỉnh có 6.394 xe cải tiến các loại với 168 tổ vận tải, hầu hết các hợp tác xã đều có xe cải tiến, thậm chí có hợp tác xã bình quân mỗi hộ có một xe cải tiến. Số xe thô sơ, xe súc vật kéo cũng tăng lên 937 chiếc với 58 tổ vận tải. Ở vùng cao, tỉnh chú trọng phát triển các đoàn ngựa thồ; trong đó huyện Bảo Lạc có số ngựa thồ cao nhất, có 720 con với 80 tổ ngựa thồ, có xã bình quân một hộ có một con ngựa thồ, thậm

1. Trong đó, Ban Bảo đảm giao thông và điều hòa vận tải tỉnh được thành lập theo Quyết định số 272 UB/QĐ ngày 02/6/1972 của Ủy ban hành chính tỉnh; gồm 5 đồng chí do đồng chí Nguyễn Trương (Ủy viên thư ký Ủy ban hành chính tỉnh) làm Trưởng ban. Các thành viên gồm đại diện lãnh đạo các ngành Giao thông vận tải, Lương thực, Công an, Quân sự. (Xem Hồ sơ số 9261: Quyết định của Ủy ban hành chính tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Ban Bảo đảm giao thông và Điều vận năm 1972, Phòng Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III).

chỉ có gia đình có từ 2 đến 3 con ngựa thồ¹. So với 3 năm 1968-1970, số phương tiện vận tải đều tăng lên: xe súc vật kéo tăng 162%; xe người đẩy tăng 125% và xe ngựa thồ tăng 144%. Tất cả lực lượng vận tải kể cả xe cơ giới và thô sơ trong toàn tỉnh đã hoàn thành việc vận chuyển hàng hóa và hành khách theo đúng chỉ tiêu kế hoạch. Toàn ngành chở được 305.134 người và 163.509 tấn hàng hoá; trong đó, Công ty vận tải ô tô chở được 66.465 tấn, các đội chủ lực vận chuyển 55.416 tấn, hợp tác xã chở được 41.628 tấn²; riêng vận tải thô sơ vượt kế hoạch vận chuyển hàng hóa 34%. Khối lượng vận chuyển bằng phương tiện cơ giới tăng lên, góp phần giải phóng sức lao động cho bà con đến 80,62%³.

Kết hợp chặt chẽ với ngành giao thông vận tải, ngành thương nghiệp, lưu thông phân phối cũng có nhiều tiến bộ, hàng hóa cơ bản đảm bảo phục vụ đủ nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân. Nhiều mặt hàng quan trọng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu... đã được đưa về các hợp tác xã mua bán để cho nhân dân mua thuận tiện. Những hiện tượng tồn hàng tại các kho, bến bãi trong hai năm 1969-1970 cơ bản đã được khắc phục.

Công tác thu mua và phân phối hàng hóa có tiến bộ rõ rệt, nhất là từ sau khi thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/CB ngày 07/11/1969 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đảm bảo sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng trong công tác thu hoạch và phân phối vụ mùa, thu mua lương thực, thực phẩm vụ đông và nhiệm vụ ổn định nghĩa vụ lương thực 3 năm 1970-1972. Năm 1970,

1, 3. Xem Hồ sơ số 9268, *Tlđđ*.

2. Xem Hồ sơ số 9269: Báo cáo tổng kết công tác giao thông vận tải (1972-1974) của Ty Giao thông Cao Bằng, Bắc Thái, Phòng Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

ngành đã thu mua được 8.171 tấn lương thực quy thóc, tổng giá trị thu mua đạt 4.708.000 đồng, trong đó giá trị hàng xuất khẩu đạt 600.000 đồng, tăng gấp hơn 3 lần so với năm 1966¹. Năm 1971, mua hàng xuất khẩu vượt 7,2% kế hoạch, tăng 55%; mua nông sản, thực phẩm tăng 27,2% so với năm 1970; thực hiện nghĩa vụ lương thực đạt 7.500 tấn. Năm 1972, tổng giá trị thu mua hàng nông sản, thực phẩm tăng 65% so với năm 1971; thực hiện nghĩa vụ lương thực đạt xấp xỉ 9.000 tấn, tăng gấp đôi so với năm 1969. Thu mua các loại trâu, bò, lợn, hạt có dầu, thuốc lá nhìn chung đều tăng từ 12% đến 43%, góp phần làm cho giá cả thị trường giảm đáng kể. Đời sống nhân dân, cán bộ, công nhân viên được ổn định hơn.

Công tác quản lý tiền tệ, tín dụng cũng được tăng cường. Năm 1971, thu ngân sách địa phương vượt 4,6% kế hoạch, đặc biệt là thu từ các xí nghiệp kinh tế địa phương tăng 12,1%, thu từ hành chính sự nghiệp, kinh tế, văn hóa tăng 51%. Năm 1972, thu ngân sách đạt 9,9 triệu đồng, vượt 6,3% kế hoạch, tăng 32,6% so với năm 1970, đây là một cố gắng lớn của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng trong việc ổn định thị trường và nâng cao đời sống nhân dân. Về tài chính ngân sách cũng có nhiều tiến bộ, thu chi tiền mặt được cân bằng; việc cho vay vốn bắt đầu phát huy tác dụng thiết thực và nói chung đều vượt kế hoạch năm; riêng về vốn kiến thiết kinh tế, xây dựng cơ bản được Trung ương trợ cấp vượt 22% kế hoạch. Việc bù lỗ cho các xí nghiệp quốc doanh giảm 20% so với năm 1971.

Hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế có những bước phát triển mới. Trước thực tế các mặt văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, xây dựng nếp sống văn hóa mới còn chuyển biến chậm so với

1. Xem Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, *Sđd*, tr.393.

yêu cầu, ngày 07/11/1969, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 07-NQ/CB về xây dựng nếp sống mới nhằm thực hiện huấn thị và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ra sức cải tiến bộ mặt tinh thần của toàn tỉnh Cao Bằng, quyết tâm xây dựng con người mới, cơ quan, làng bản mới, có nếp sống mới, thi đua công tác, học tập, sản xuất, thực hành tiết kiệm. Theo đó, Đảng bộ tỉnh đã kịp thời chỉ đạo từng bước ổn định, sắp xếp lại tổ chức, nâng cao chất lượng phục vụ các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của tỉnh, góp phần đáng kể vào việc động viên quần chúng nhân dân lao động sản xuất, làm nghĩa vụ với tiền tuyến, với Nhà nước và xây dựng con người mới. Công tác văn hóa, thông tin, báo chí, thể dục - thể thao được tăng cường để phục vụ cho các công tác trung tâm thường xuyên và đột xuất, phục vụ cho việc xây dựng nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan. Ngành văn hóa đã ban hành quy định và hướng dẫn các cơ sở xây dựng quy ước nếp sống mới với nhiều hình thức mới, văn minh, tiến bộ hơn để thay thế cho những tập tục cũ trước đây. Công tác thông tin tuyên truyền đã tăng thêm các hình thức mới, cuộc vận động sáng tác văn học ở địa phương đã được quần chúng tham gia hưởng ứng. Việc xuất bản và ấn loát cũng tăng lên. Ngày 25/11/1970, Đoàn văn công tỉnh Cao Bằng đã xung phong vào miền Nam đem lời ca tiếng hát phục vụ các chiến sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận và được các chiến sĩ nhiệt liệt hoan nghênh¹.

1. Đoàn văn công Cao Bằng đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất và được bình chọn đạt giải Nhất trong số các đoàn văn công vào miền Nam phục vụ năm đó vì những thành tích sau đây: Được tặng thưởng huân chương cao nhất và có nhiều bằng khen nhất; có tinh thần đoàn kết, chịu đựng gian khổ, không sợ hy sinh gian khổ, không ai lùi bước; vào miền Nam phục vụ lâu dài nhất, đi sâu, đi xa nhất; vừa đi vừa sáng tác, có nhiều tiết mục hay được các chiến sĩ cổ vũ nhiệt liệt; làm công tác giúp đỡ bộ đội, chăm sóc thương binh nhiệt tình nhất.

Ngành giáo dục đã cố gắng trong việc ổn định trường lớp và nâng cao chất lượng dạy và học; đẩy mạnh phong trào thi đua “hai tốt” thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho ngành ngày 16/10/1968: “Dù khó khăn đến đâu cũng phải *tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt*”¹; chú trọng giáo dục đạo đức, chính trị và tinh thần lao động. Hệ thống trường lớp được xây dựng mới và ngày càng khang trang hơn. Năm học 1970-1971, ngành giáo dục Cao Bằng được tiếp nhận số sinh viên đầu tiên người Cao Bằng đã tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc về công tác tại tỉnh. Số lượng học sinh đến trường tăng lên theo từng năm học. Năm 1972, số học sinh đi học là 60.275 em, tăng gấp 2 lần so với năm 1965 (năm đầu của chiến tranh phá hoại). Tuy nhiên, chất lượng dạy và học chưa cao, tỷ lệ tốt nghiệp cuối cấp vẫn còn thấp, mới đạt 2,3%; thậm chí có một số trường không có học sinh nào tốt nghiệp thặng ở cấp II, học sinh lớp 10 thi vào đại học kể cả vớt mới đạt 2,1%. Riêng cấp I, tỷ lệ tốt nghiệp có phần tăng hơn. Nổi bật là năm 1971, xã Chí Thảo, huyện Quảng Hòa được ngành giáo dục Cao Bằng tuyên dương là đơn vị xuất sắc tại Hội nghị tổng kết phong trào thi đua 4 năm chống Mỹ; xã Nam Tuấn, huyện Hòa An được Bộ Giáo dục công nhận là xã dẫn đầu phong trào mẫu giáo các tỉnh miền núi toàn miền Bắc.

Phong trào bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì và phát triển. Những năm 1970-1971, do tình hình sơ tán, các cơ quan tỉnh và các huyện không còn ở tập trung nên chủ yếu phát triển các lớp học tại chức do giáo viên các trường cấp II, cấp III, sư phạm... ở gần đảm nhiệm. Phong trào bổ túc văn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.507.

hóa ở các hợp tác xã, các xã cũng phát triển khá. Tỉnh đã cho phép tăng biên chế cho mỗi xã được cử một cán bộ chuyên trách để duy trì và phát triển phong trào bỏ túc văn hóa ở xã.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn được chú trọng và có nhiều tiến bộ. Công tác vệ sinh phòng bệnh được tăng cường, đã dập tắt kịp thời các ổ bệnh truyền nhiễm. Mạng lưới y tế xã tiếp tục được mở rộng đến các vùng sâu, vùng cao, vùng hẻo lánh. Đến năm 1972, toàn tỉnh có 170 trạm y tế xã, tăng 9%; số y cụ trang bị cho các trạm xá tăng 27% so với năm 1971. Do đó, việc khám, chữa bệnh cho nhân dân cũng tăng lên 20%, số người điều trị khỏi bệnh tăng 10%. Cùng với hoạt động của các cơ sở y tế, mạng lưới các cơ sở khám, chữa bệnh đông y cũng phát triển mạnh. Qua đó, chứng tỏ ngành y tế đã có những cố gắng nhằm đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân và cán bộ, chiến sĩ. Đồng thời, thực hiện chủ trương của Bộ Y tế, ngành y tế Cao Bằng đã cử 14 cán bộ y tế (chủ yếu là y sĩ, dược sĩ) vào miền Nam để tăng cường cho mặt trận Tây Nguyên¹.

Công tác xây dựng Đảng được chú ý thường xuyên. Thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 06/3/1970 của Bộ Chính trị về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã tổ chức Hội nghị lần thứ tư và lần thứ năm để xem xét, kiểm điểm các mặt xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua; kiểm điểm, đánh giá tình hình chất lượng đảng viên cũng như chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở. Từ đó, ban hành Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 07/01/1971

1. Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, các cán bộ y tế trên lại trở về Cao Bằng công tác.

về cuộc vận động tăng cường tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng đội ngũ cốt cán vững vàng, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng ở nông thôn vùng thấp nhằm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp vụ đông xuân 1970-1971 và cả năm 1971. Đồng thời, chỉ đạo tổ chức triển khai học tập Nghị quyết số 195-NQ/TW ở 169/178 xã, với trên 90% đảng viên trong toàn Đảng bộ. Việc học tập, quán triệt Nghị quyết được tiến hành đồng thời với việc đưa điều lệ mới vào hợp tác xã trong nông thôn vùng thấp¹ hoặc thực hiện Chỉ thị số 89-TTg ngày 07/9/1968 của Thủ tướng Chính phủ về mở đợt vận động nhằm chống ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu vật tư hàng hóa của Nhà nước và tăng cường một bước việc quản lý thị trường trong các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy gắn với kiểm điểm sâu sắc các mặt về tổ chức quản lý lao động, vật tư, tiền vốn, hiệu quả kinh tế và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Qua đó, nhận thức của các ngành, các cấp, mọi cán bộ, đảng viên về đường lối, nhiệm vụ của Đảng có chuyển biến rõ rệt; nâng cao quan điểm, lập trường giai cấp; củng cố tổ chức, cải tiến chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong tình hình mới đạt kết quả; đồng thời, thúc đẩy phong trào lao động sản xuất, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Tổ chức bộ máy kinh tế, bộ máy nhà nước cũng bước đầu được nghiên cứu, sắp xếp lại hợp lý hơn, giảm bớt một phần bộ phận trung gian chông chéo. Trong năm, tỉnh đã cho sáp nhập 40 cơ sở kinh tế, phòng, ban thành 15 bộ phận; giải thể 13 đơn vị không cần thiết; thành lập 14 bộ phận mới cho phù hợp với

1. Thực hiện Nghị quyết số 149-CP ngày 17/8/1970 của Hội đồng Chính phủ về việc chỉ đạo cuộc vận động phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn, đẩy mạnh thực hiện Điều lệ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

yêu cầu nhiệm vụ mới; chuyển 500 lao động gián tiếp sang trực tiếp sản xuất; huy động từng đợt hàng nghìn cán bộ, bộ đội tham gia lao động sản xuất, góp phần xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Năm 1971, có 8/10 huyện, thị xã trong tỉnh và 172/178 xã, thị trấn tổ chức đại hội đảng bộ và tiến hành thẩm tra, xét duyệt, loại trừ một số đảng viên không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng theo tinh thần Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh. Qua Đại hội, nhiều huyện ủy, thị ủy, đảng ủy cơ sở đã có những chuyển biến rõ rệt; có một số đơn vị chuyển từ yếu kém lên khá và tốt như: Hòa An, Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Quảng Hòa, Đảng ủy các xã Đề Thám (huyện Hòa An), Ngọc Khê (huyện Trùng Khánh) và nhiều xã khác có triển vọng là đảng ủy phấn đấu tốt. Một số chi bộ thuộc các ngành thương nghiệp, giao thông vận tải có chuyển biến tích cực. Đảng ủy ngành kiến trúc phấn đấu 100% chi bộ và 81% đảng viên đạt tiêu chuẩn phấn đấu tốt.

Năm 1972, Đảng bộ tỉnh và các tổ chức đoàn thể đã tập trung sơ kết Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 06/3/1970 của Bộ Chính trị về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh và Chỉ thị số 192-CT/TW. Kết quả, Đảng bộ tỉnh đã phân loại được 177 đảng bộ xã, thị trấn và 94 chi bộ cơ quan xung quanh tỉnh, đạt 100% kế hoạch. Các chi bộ, đảng bộ đã tự đánh giá, tự nhận thấy được việc chuyển biến ở cơ sở không theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng, nhất là về nhận thức nhiệm vụ cụ thể của cơ sở. Các biện pháp thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW chưa đến nơi đến chốn, ý chí phấn đấu chưa mạnh

nên nhiệm vụ hoàn thành còn thấp. Chỉ thị số 192-CT/TW mới được thực hiện thí điểm ở bốn xã và một đảng ủy trực thuộc cơ quan xung quanh tỉnh, song cũng đã đưa được một số đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Công tác phát triển đảng cũng được chú ý đúng mức. Chỉ tính riêng trong hai đợt kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh 19/5 và 2/9 năm 1970, toàn Đảng bộ đã kết nạp được 306 đảng viên mới. Hai năm 1971-1972, kết nạp được 272 đảng viên mới; song năm 1972 mới kết nạp được 72 đảng viên mới, chuyển chính thức được 182 đồng chí, còn 540 đảng viên dự bị đã quá thời hạn vẫn chưa chuyển chính thức. Hơn thế, vẫn còn 10 huyện, thị và đảng ủy trực thuộc không phát triển được đảng viên nào; cả Đảng bộ huyện Quảng Hòa mới kết nạp được 03 đảng viên trên 73.000 dân.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp có nhiều tiến bộ, riêng năm 1972, đã có 288 cán bộ cơ sở được đào tạo ở Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Trung ương. Công tác kiểm tra Đảng đã được tăng cường, phát huy tác dụng, phục vụ nhiệm vụ chính trị xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Riêng năm 1970, các cấp đã xử lý 123 vụ kỷ luật, tăng 14,4% so với năm trước.

Phong trào quần chúng và hoạt động của các tổ chức đoàn thể cũng có nhiều bước tiến mới, góp phần tích cực vào việc thực hiện những chủ trương, chính sách và các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết số 181-NQ/TW ngày 25/9/1968 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa III về công tác vận động thanh niên, Tỉnh Đoàn đã mở nhiều lớp học tập lý tưởng đạo đức chủ nghĩa cộng sản, phát động phong trào “Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại” và đã có trên 80% đoàn viên được học tập chính trị “Tuổi trẻ anh hùng

lập công thắng Mỹ”. Phát động phong trào học tập gương chiến đấu của Lê Mã Lương, Lê Thị Hồng Gấm và được lực lượng đoàn viên, thanh niên hưởng ứng sôi nổi. Bên cạnh đó, họ luôn tích cực xung phong nhập ngũ, tham gia dân quân tự vệ, đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước, đội thanh niên trực chiến... Cả ba đợt tuyển quân, thanh niên xung phong nhập ngũ vượt kế hoạch 4%. Có thể nói, trong mọi lĩnh vực văn hoá, xã hội, học tập, giao thông vận tải, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, làm phân bón, chế biến phân, làm thủy lợi..., đoàn viên, thanh niên luôn là lực lượng đi đầu.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với phong trào “Ba sẵn sàng” của thanh niên, phong trào “Ba đảm đang” của phụ nữ cũng phát triển sôi nổi, thu hút các tầng lớp phụ nữ tham gia. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 152-NQ/TW ngày 10/01/1967 của Ban Bí thư về một số vấn đề tổ chức lãnh đạo công tác phụ vận và Nghị quyết số 153-NQ/TW ngày 10/01/1967 của Ban Bí thư về công tác cán bộ nữ, Đảng bộ tỉnh đã có những biện pháp chỉ đạo cụ thể, đưa phong trào phát triển rộng khắp với nội dung phong phú, ngày càng đi vào chiều sâu và có nền nếp. Ở các huyện, thị, Hội Phụ nữ đã tập trung chỉ đạo phong trào “Giáo dục đạo đức người phụ nữ mới”. Các cấp hội liên tục mở các lớp học tập về tiêu chuẩn người phụ nữ mới, học tập các gương chiến đấu dũng cảm của phụ nữ miền Nam, các gương phấn đấu tốt trong lao động sản xuất, trong công tác và nâng cao phương thức hoạt động của các cấp... Nhờ đó, nhiều cơ sở hội đã phát huy tác dụng tích cực trên mọi lĩnh vực hoạt động, nhất là trong lao động sản xuất, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình quân nhân neo đơn và trong việc động viên chồng, con lên đường đánh Mỹ.

Hoạt động của Công đoàn có nhiều tiến triển. Trong những năm 1969-1972, tổ chức Công đoàn đã tập trung vào

việc tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức làm chủ tập thể và thái độ trong lao động cho đoàn viên công đoàn. Tổ chức, hướng dẫn phong trào thi đua theo ba nội dung của Nghị quyết số 23 của Tổng Công đoàn Việt Nam. Phong trào thi đua lao động sản xuất, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm của công nhân, viên chức có những tiến bộ rõ rệt; ngày công, giờ công được đảm bảo, hiệu suất công tác cũng khá hơn, chất lượng sản phẩm làm ra tốt hơn. Một số ngành như giao thông vận tải, thủy lợi, kiến trúc còn tổ chức những ngày thi “Công nhân giỏi”, “Thao diễn kỹ thuật giỏi”. Ngoài ra, Công đoàn còn tổ chức các đợt thi đua “Đầu xuân lập công dâng Đảng”, ngày công “Dũng sĩ thắng Mỹ”, ngày “Lao động bù lỗ” có tác dụng thiết thực...

Mặt trận Tổ quốc đã có nhiều hoạt động sôi nổi, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt mọi đường lối, chủ trương của Đảng, Chính phủ cũng như của địa phương; đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, thi đua lao động sản xuất, giữ vững bản làng, vận động chồng con hăng hái lên đường nhập ngũ làm nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước.

Về công tác an ninh - quốc phòng và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam: Với đặc điểm là tỉnh miền núi biên giới, các phần tử xấu thường lợi dụng hoạt động, đáng chú ý nhất là đặc vụ Quốc dân Đảng, mật thám chỉ điểm của Pháp chưa được cải tạo, bọn có quan hệ với nước ngoài, một số đào lặc binh và một số phần tử phản động trong Thiên Chúa giáo đã gặp gỡ nhau, bàn bạc tung tin xấu, gây hoang mang trong nhân dân, làm cho dân hoài nghi vào đường lối chống Mỹ, cứu nước. Một số nơi trong tỉnh, do ta chưa giáo dục kịp thời, một số kẻ xấu đã vi phạm việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, nhất là ảnh hưởng đến các đợt tuyển quân và việc củng cố hợp tác xã. Dọc biên giới, những

phân tử xấu của Trung Quốc cố tình xâm nhập nội địa của ta để tránh sự cải tạo và thăm dò đường lối cách mạng của ta, tranh thủ cơ hội nắm bắt cán bộ ta. Một số cán bộ, nhân dân ta do mất cảnh giác đã bị chúng lợi dụng. Song, ta đã chủ động phát hiện, đặt kế hoạch theo dõi chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời, thực hiện tốt công tác bảo vệ, có cách xử lý đúng đắn với bọn này. Do đó, cán bộ và quần chúng càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nâng cao cảnh giác nên vẫn đảm bảo an ninh trong phạm vi toàn tỉnh. Phong trào bảo vệ trị an, xây dựng xã, khu phố vững mạnh được thực hiện tốt, toàn tỉnh có 127/178 xã có kế hoạch bảo vệ các mục tiêu trọng yếu, trong đó 25 xã được xếp loại tốt. Phong trào bảo mật phòng gian, xây dựng đơn vị an toàn ở các cơ quan xí nghiệp, công, nông, lâm trường được củng cố, phát triển có chất lượng. Qua phân loại 65 đơn vị, có 75% được xếp loại khá và trung bình. Việc xử lý đào lạt binh được kịp thời và có hiệu quả tốt.

Bước sang năm 1971, thực hiện Nghị quyết số 214-NQ/TW ngày 01/3/1971 Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 07/6/1971, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng họp Hội nghị lần thứ sáu và ra Nghị quyết số 16-NQ/CB về việc vận dụng thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 19 - kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ra sức khôi phục và phát triển nền kinh tế quốc dân. Nghị quyết đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1971 và trong thời gian 3 năm (1971-1973) về việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng các đoàn thể quần chúng... Sau đó, ngày 10/01/1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 19-NQ/CB về tăng cường sẵn sàng chiến đấu đảm bảo giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội năm 1972.

Bị thua đau trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ quay trở lại ném bom đánh phá miền Bắc lần thứ hai với quy mô và cường độ ác liệt hơn nhằm nhanh chóng hủy diệt tiềm lực kinh tế và quốc phòng miền Bắc nước ta, chặn đứng chi viện của hậu phương cho tiền tuyến. Đặc biệt, 12 ngày đêm cuối năm 1972 (từ ngày 18 đến ngày 29/12/1972), đế quốc Mỹ dùng cả máy bay chiến lược B.52 ném bom rải thảm vào Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố, khu vực đông dân cư trên miền Bắc. Riêng ở Cao Bằng, có tới 49 lần chiếc máy bay Mỹ tới trinh sát, thăm dò các khu vực đông dân cư, những nơi nghi có kho tàng, nhà máy, trục đường giao thông quan trọng.

Trước hành động đánh phá ác liệt của đế quốc Mỹ, cùng với quân và dân miền Bắc, Đảng bộ, quân và nhân dân các dân tộc Cao Bằng không ngừng nâng cao cảnh giác, sẵn sàng giáng trả những hành động phá hoại của đế quốc Mỹ. Quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết số 220-NQ/TW ngày 01/6/1972 của Bộ Chính trị về chuyển hướng và đẩy mạnh mọi mặt công tác ở miền Bắc để tiếp tục đánh thắng giặc Mỹ xâm lược: “Chiến tranh đang trực tiếp diễn ra quyết liệt trên cả nước ta, mọi mặt hoạt động ở miền Bắc phải thật sự khẩn trương chuyển hướng nhằm đẩy mạnh sản xuất và chiến đấu cho phù hợp với thời chiến”, ngày 15/6/1972, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp Hội nghị lần thứ chín, quyết tâm đẩy mạnh mọi mặt công tác trước tình hình khẩn cấp mới. Hội nghị đã khẳng định: Phải chuyển mạnh sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, tăng cường các biện pháp có hiệu lực cao nhất để thực hiện tốt những chủ trương và công tác cấp bách, đó là đảm bảo đầy đủ các yêu cầu tuyển quân với mức độ cao, chất

lượng tốt; đảm bảo giao thông vận chuyển thông suốt trong mọi tình huống, tổ chức tốt công tác phòng không sơ tán; nỗ lực và quyết tâm giữ vững và phát triển mạnh sản xuất và đảm bảo đời sống nhân dân; tăng cường bảo quản và quản lý chặt chẽ mọi mặt, triệt để tiết kiệm lao động, vật tư, tiền vốn tiêu dùng thời chiến; tận dụng và huy động mọi lực lượng lao động vào sản xuất, phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Các đơn vị bộ đội, dân quân tự vệ được củng cố và tăng cường về chính trị, tư tưởng cũng như không ngừng nâng cao khả năng chiến đấu trong tình hình mới, góp phần cùng quân và dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Trên địa bàn tỉnh, hai đại đội phòng không súng máy cao xạ 14,5 ly (Đại đội 8 và Đại đội 9); 3 đại đội và 2 trung đội tự vệ cơ động ở Mỏ thiếc Tĩnh Túc, Mỏ mangan Trà Lĩnh, Nông trường mía, Nhà máy đường Phục Hoà và trung tâm thị xã Cao Bằng được thành lập để làm nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan tỉnh, các công trình trọng điểm và các khu vực quan trọng. Các huyện tiếp tục xây dựng, củng cố lại hoặc thành lập mới các trung đội, tiểu đội cơ động làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ mục tiêu, đảm bảo giao thông và chiến đấu tại chỗ ở địa phương mình.

Công tác phòng không nhân dân được đẩy mạnh, rộng khắp, một số kho tàng, tài liệu được sơ tán; hầm hào trú ẩn, trận địa... ở các khu vực trọng điểm được tu sửa, nạo vét hoặc đào thêm. Thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/CB ngày 20/6/1972 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị số 162-UB-NC ngày 20/4/1972 của Ủy ban hành chính tỉnh về tăng cường sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân trong tình hình mới, ngay đầu năm 1972, nhiều cơ quan, xí nghiệp đã vận chuyển máy móc, trang thiết bị đến các nơi sơ tán an toàn,

thậm chí một số công trình xây dựng cơ bản còn buộc phải dừng lại để phù hợp với tình hình mới. Được sự phối hợp của tỉnh, ngành công nghiệp đã di chuyển được gần 5.000 tấn máy móc, trang thiết bị đến các nơi sơ tán, tiếp tục sản xuất. Cả tỉnh Cao Bằng đã dàn thế trận sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng. Chỉ sau một thời gian ngắn, quân và dân toàn tỉnh đã xây dựng được 30 trận địa loại 1 và 8 trận địa loại 2 (của súng 14,5 ly và 12,7 ly); đào thêm 11.955 m hào, tu sửa, làm mới 3.300 hầm có nắp và không nắp, 4.990 hố cá nhân và 733 hầm kè; bổ sung 229 phương án chiến đấu từ tỉnh đến các xã, cơ sở tự vệ. Đồng thời, tổ chức báo động tập luyện 255 lần đạt kết quả tốt. Có 5 huyện (Hoà An, Hà Quảng, Quảng Hoà, Trà Lĩnh và Thạch An), 10 xã trọng điểm đã tổ chức diễn tập, được cấp uỷ, chính quyền và nhân dân nhiệt tình ủng hộ.

Đặc biệt, trong năm 1972, Cao Bằng tuyển một số lượng lớn thanh niên nhập ngũ so với các năm trước, gồm 4 đợt tuyển quân thường xuyên và một số lần đợt xuất. Các đợt tuyển quân đều hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu được giao: 3 đợt tuyển quân đi B đạt 104%, 1 đợt tuyển vào Công an nhân dân vũ trang đạt 100%. Đặc biệt, việc tuyển quân nữ của các huyện cũng đạt 100% chỉ tiêu. Công tác hậu phương quân đội cũng được tiến hành thường xuyên nên đã có tác dụng động viên rất lớn đối với nhân dân và thanh niên. Phong trào thi đua tòng quân được tổ chức sâu rộng, rầm rộ và đã thực sự trở thành ngày hội của nhân dân, được toàn dân hăng hái ủng hộ, thanh niên được nhập ngũ là vinh dự của bản thân và gia đình. Trong toàn tỉnh, đã có hơn 500 gia đình có từ 3 đến 6 con đi bộ đội, có những bà mẹ đã lần lượt tiễn 5 người con lên đường đánh Mỹ như mẹ Lương Thị Hiền ở xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa. Lực lượng thanh niên vào quân đội

chiếm tới 6,28% dân số, nhiều xã tuyển quân vượt 7% (cao nhất là xã Lê Lợi, huyện Thạch An vượt 9,77%, được Chính phủ tặng Huân chương Chiến công hạng Ba). Trải qua 4 năm 1969-1972, có hàng nghìn người con các dân tộc Cao Bằng lên đường đánh Mỹ, góp phần bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đế quốc Mỹ điên cuồng ném bom đánh phá miền Bắc lần thứ hai. Song, bom đạn Mỹ không lay chuyển được tinh thần của nhân dân ta. Quân và dân miền Bắc, với tinh thần cảnh giác cao, chiến đấu kiên cường, đã đập tan trận tập kích chiến lược lớn nhất của Mỹ, làm nên kỳ tích “Điện Biên Phủ trên không”, buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari (ngày 27/01/1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Trải qua 8 năm vừa sản xuất, vừa tích cực chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, vừa chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965-1972), dưới ánh sáng của các Nghị quyết Trung ương Đảng và sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Cao Bằng, quân và dân Cao Bằng đã có những cố gắng lớn trong xây dựng kinh tế, xã hội, văn hóa, củng cố quốc phòng - an ninh. Có được những sự chuyển biến ấy là do có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ, sự đoàn kết nhất trí cao trong cấp ủy, biết đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu cơ bản của mình và tự xác định cho mình thái độ, trách nhiệm trước tình hình mới; đề cao ý thức tự lực cánh sinh và quyết tâm phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Qua đó, không ngừng củng cố hậu phương về mọi mặt, xây dựng tỉnh Cao Bằng thành một tỉnh hậu phương vững mạnh, làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng đối với đồng bào miền Nam và đồng bào Gia Lai kết nghĩa, góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Song, so với yêu cầu của tình hình nhiệm vụ cách mạng, so với khả năng và điều kiện của một tỉnh mà chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ chưa xảy ra thật ác liệt như nhiều địa phương khác, thì thành tích đã đạt được của tỉnh rõ ràng vẫn còn rất hạn chế. Các mặt công tác chưa tiến bộ đồng đều, vẫn còn những mặt, những ngành chuyển biến chậm, hiệu quả hoạt động chưa cao. Việc chuyển hướng xây dựng kinh tế nhiều mặt còn chậm, còn non yếu trong công tác quản lý kinh tế, tài chính, lao động, vật tư trong khu vực nhà nước. Đời sống nhân dân tuy có được cải thiện đáng kể nhưng chưa đồng đều. Công tác vận động quần chúng và củng cố, xây dựng chính quyền chưa được coi trọng đúng mức. Công tác xây dựng Đảng còn mang tính chất sự vụ, chưa thật gắn chặt với sản xuất, xây dựng con người, tổ chức một cách cơ bản và có hệ thống...

Từ những thành tích đã đạt được và những khuyết điểm chủ yếu của phong trào cách mạng tỉnh Cao Bằng trong 6 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội (1966-1972), có thể khẳng định rằng: Thắng lợi mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã giành được là mặt cơ bản và to lớn. Những thắng lợi đó không những đảm bảo cho Đảng bộ tỉnh làm tròn trách nhiệm trước nhân dân trong tỉnh mà còn tạo cơ sở và điều kiện quan trọng cho những bước phát triển mới mạnh mẽ hơn vào những giai đoạn sau.

II. LÃNH ĐẠO Củng cố hậu phương vững mạnh, RA SỨC CHI VIÊN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM GIÀNH THẮNG LỢI (1973-1975)

Cuối năm 1972, đế quốc Mỹ không những bị thua đau trên chiến trường miền Nam mà còn bị thất bại nặng nề trong cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 vào miền

Bắc Việt Nam. Tình hình đó buộc Chính phủ Mỹ trở lại cuộc đàm phán tại Pari, chấp nhận ký kết Hiệp định Pari (ngày 27/01/1973), chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Theo Hiệp định, Chính phủ Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút hết quân đội Mỹ và quân đội các nước chư hầu khỏi miền Nam.

Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: miền Bắc tiến hành hàn gắn vết thương chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, củng cố hậu phương vững chắc, chi viện đắc lực cho chiến trường miền Nam, đánh đổ ngụy quyền Sài Gòn, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và thống nhất đất nước. Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, ngày 28/01/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra lời kêu gọi nhân dân cả nước: "... Tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hòa bình lâu dài, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc"¹.

Thắng lợi của Hiệp định Pari đầu năm 1973 đã tạo nên bước ngoặt lớn trong tiến trình cách mạng. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là, đấu tranh thực hiện Hiệp định Pari, giữ vững hòa bình, củng cố miền Bắc xã hội chủ nghĩa thành hậu phương vững chắc, đẩy mạnh công cuộc giải phóng miền Nam.

Cuối tháng 4/1973, Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã xác định, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 214-NQ/TW ngày 01/3/1971 của Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, với tinh thần: Kiên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, 2004, t.34, tr.13.

trì đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ra sức khôi phục, phát triển kinh tế quốc dân và Nghị quyết số 219-NQ/TW ngày 04/4/1972 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 20 khóa III, tập trung toàn lực đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Xuất phát từ đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng trong thời kỳ hòa bình, Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống chính trị cùng toàn dân tận dụng những yếu tố thuận lợi, khắc phục khó khăn, khôi phục và phát triển kinh tế, đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng khoa học, kỹ thuật, cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã chỉ rõ phương hướng phát triển kinh tế - xã hội trong các năm 1973-1975 là: “Phát huy mọi khả năng lao động của nhân dân các dân tộc và đặc điểm tài nguyên của từng vùng trong tỉnh, quyết tạo cho được sự biến đổi rõ rệt về ba thế mạnh trong nông nghiệp là: cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng. Phấn đấu hoàn thành công tác định canh, định cư ở vùng cao, đưa phần lớn các hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh tiến lên trình độ khá và tiên tiến. Đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật trong nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, một số ngành kinh tế và văn hóa khác. Tích cực cải thiện một bước rõ rệt đời sống vật chất và văn hóa của cán bộ và nhân dân các dân tộc, nhất là về ăn, mặc, ở, sức khỏe và học tập. Hết sức đề cao cảnh giác tăng cường lực lượng vũ trang, đảm bảo trật tự an ninh biên giới và nội địa... Đảm bảo đầy đủ mọi yêu cầu chi viện cho miền Nam ruột thịt và nghĩa vụ đối với công cuộc hòa bình xây dựng đất nước”¹.

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, tháng 4/1973, tr.13, 14.

Tháng 5/1973, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trưng tập 117 cán bộ thuộc các ngành kinh tế đi xây dựng cấp huyện, lấy Hòa An làm thí điểm để nhân diện, bước đầu đạt được kết quả khả quan. Nghị quyết về sản xuất đông xuân 1972-1973 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về sức sản xuất, quan hệ sản xuất, tập trung giải quyết tốt vấn đề lương thực và thực phẩm, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời, phát triển nông nghiệp toàn diện, thúc đẩy chăn nuôi lên một bước mới. Thực hiện thâm canh, chuyên canh, khoanh vùng sản xuất, tăng thêm nông sản hàng hóa đáp ứng nhu cầu đời sống trong tỉnh và phục vụ xuất khẩu.

Vụ đông xuân 1972-1973, Cao Bằng đã đạt được kết quả khá toàn diện về cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi và cả nghề rừng. Tổng sản lượng vụ đông xuân quy thóc trên diện tích thâm canh ổn định đạt 39.714 tấn (chưa kể sản xuất riêng lẻ ở đồi núi và nương rẫy), tăng hơn vụ đông xuân năm trước 4,9%; đặc biệt, sản lượng hoa màu tăng 45,8% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích lúa hai vụ cấy của năm 1973 vượt chỉ tiêu kế hoạch 6,7%, ngô đạt 97,4% kế hoạch. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 92.300 tấn, nếu tính cả sản xuất cá thể đạt tới 130.000 tấn.

Về chăn nuôi, năm 1973 so với năm 1972, đàn trâu tăng 1,8%, đàn bò tăng 9,1%, đàn lợn tăng 5,4% (cả hai khu vực chăn nuôi tập thể và chăn nuôi quốc doanh), đã giao nộp sản phẩm cho Nhà nước. củng cố được 19 trại chăn nuôi tập thể của hợp tác xã với 1.976 con lợn, tăng hơn năm 1972 là 400 con, làm nghĩa vụ thu mua cho Nhà nước 16 tấn thịt lợn. Khu vực chăn nuôi quốc doanh đã có 400 con bò, 2.098 con lợn, tăng gấp 2 lần so với năm 1972.

Đối với cây công nghiệp ngắn ngày, năm 1973, trồng được 1.224 ha cây thuốc lá, sản lượng đạt 575 tấn, tăng 6,6% so

với năm 1972; các loại cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây có dầu đã được phát triển trên diện tích khá lớn, trong đó, trồng được 1.251 ha cây trầu, 1.480 ha cây ăn quả. Đầu năm 1973, trồng rừng đạt 2.053 ha, vượt kế hoạch đề ra trên 67%.

Nhờ có sự đổi mới về công tác tổ chức chỉ đạo sản xuất, cả năm 1973 đã trồng được 2.060 ha rừng (bao gồm cả diện tích của hợp tác xã, của lâm trường và nông trường quốc doanh). Cây trầu đã được nhân lên ở vùng kinh tế mới gồm 60 hợp tác xã nông nghiệp và tổ đổi công thuộc 5 xã của huyện Nguyên Bình: Thành Công, Hưng Đạo, Quang Thành, Tam Kim, Hoa Thám và 4 xã thuộc huyện Thạch An: Canh Tân, Minh Khai, Quang Trọng, Đức Thông.

Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự điều hành của Ủy ban hành chính tỉnh, ngành nông nghiệp đã chỉ đạo các nông trường chuyển hướng hoạt động sản xuất kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, bước đầu tiến hành thí điểm tại 5 nông trường quốc doanh. Giá trị sản lượng năm 1973 của các nông trường quốc doanh đều tăng: quốc doanh nuôi ong tăng 126,16%, quốc doanh thủy sản tăng 155,7%. Song, do giá cả thị trường thấp nên đa phần các nông trường bị thua lỗ. Qua thực tế hoạt động, các nông trường quốc doanh đã rút ra bài học, vì không chủ động được giá cả, phải theo giá quy định của cơ chế bao cấp, sản xuất không gắn với thị trường tiêu thụ, đó là một trong những nguyên nhân gây nên nhiều khó khăn làm giảm hiệu quả kinh doanh.

Trong quan hệ sản xuất nông nghiệp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 61-CT/CB ngày 27/9/1973 về củng cố phong trào hợp tác hóa trước tình hình số hộ xã viên xin ra khỏi hợp tác xã có chiều hướng gia tăng. 6 tháng đầu

năm 1973, toàn tỉnh chỉ còn 67% số hộ nông dân trong hợp tác xã. Chỉ thị đã xác định: Phải thấy đó là một tình hình nghiêm trọng cần khắc phục. Toàn Đảng bộ từ tỉnh đến huyện và các chi bộ cơ sở, cán bộ, đảng viên, công nhân viên nhà nước tiến hành tự kiểm điểm trách nhiệm và xác định nhiệm vụ góp phần củng cố hợp tác xã nông nghiệp. Với những giải pháp đồng bộ, kiên quyết của các cấp ủy, phong trào hợp tác hóa dần dần được củng cố, khôi phục. Từ tháng 9/1973 đến tháng 11/1973, đã nâng tỷ lệ hợp tác xã từ 67% lên 85,5% toàn tỉnh. Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Hội nghị lần thứ 11 đã đánh giá: Đây là một thắng lợi lớn về củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, song chưa thật đảm bảo vững chắc vì những nguyên nhân tồn tại chủ yếu của hợp tác xã vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Lĩnh vực công nghiệp, năm 1973, bước đầu đã có những chuyển biến hợp lý theo phương thức hạch toán kinh doanh phù hợp với thị trường và năng lực sản xuất. Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính tỉnh, ngành đã tiến hành hợp nhất một số xí nghiệp nhằm tăng cường lực lượng sản xuất và giải thể một số xí nghiệp quốc doanh làm ăn kém hiệu quả, không còn khả năng trụ vững. Kết quả, đã hợp nhất xí nghiệp cơ khí với sửa chữa, tạo thuận lợi cho sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Đồng thời, giải thể xí nghiệp miến, nước chấm, phốt phát, giảm bớt gánh nặng cho ngành công nghiệp. Phát huy các ngành nghề thủ công cổ truyền, phù hợp với từng địa phương. Trên cơ sở quy hoạch, cơ cấu công nghiệp địa phương hợp lý, công tác chỉ đạo đầu tư tập trung sản xuất đối với các lĩnh vực mũi nhọn then chốt được xác định rõ ràng. Năm 1973, đã xây dựng và hoàn thành một số nhà máy mới, bao gồm: Nhà máy điện điêzen 1.080 KW tại thị xã Cao Bằng, Nhà máy giấy Kim Đồng công suất 300 tấn/năm, Nhà máy xi

măng Nguyên Bình công suất 3.000 tấn/năm, Nhà máy đường Phục Hòa công suất tăng gấp 2 lần so với năm 1972. Xuất khẩu nguyên liệu chủ yếu là cây trúc tăng 40%. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương năm 1973 đạt 12.739.000 đồng, tăng so với năm 1972 là 18%.

Về xây dựng cơ bản, năm 1973, tập trung đầu tư vào các khu sản xuất, đã xây dựng được 107 công trình lớn, nhỏ; trong đó, có 33 công trình mới, 74 công trình chuyển tiếp với tổng số vốn đầu tư 10.979.700 đồng.

Giao thông vận tải đã có nhiều cố gắng tiếp tục hoàn thành kế hoạch V72; vận chuyển hàng hóa, hành khách vượt kế hoạch 15%; khôi phục lại được hai cầu sông Hiến, sông Bằng, nối liền hệ thống giao thông trên phạm vi toàn tỉnh.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, ngành giáo dục đã coi trọng thực hiện mục tiêu giáo dục con người mới xã hội chủ nghĩa vừa hồng vừa chuyên, đảm bảo sức khỏe, phẩm chất đạo đức, năng lực, nhằm đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh khó khăn về kinh tế - xã hội, năm học 1972-1973, giáo dục phổ thông vẫn duy trì được số lượng học sinh khá lớn từ cấp I đến cấp III. Tổng số học sinh cấp I là 47.423 em, cấp II có 16.624 em, cấp III là 3.316 em. Kết quả các lớp cuối cấp thi tốt nghiệp cấp I đạt 89%, cấp II đạt 85%, cấp III đạt 58,9%.

Ngành y tế đã xây dựng được mạng lưới từ tỉnh đến cơ sở với 1.446 giường bệnh phục vụ bệnh nhân, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Trong đó, có 870 giường thuộc Bệnh viện tỉnh; còn lại (576 giường) thuộc phòng y tế các huyện và bệnh xá cơ sở, khu điều dưỡng. Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, nhiều cán bộ y tế khá về chuyên môn, vững về chính trị lần lượt được cử vào phục vụ tại các vùng giải phóng ở miền Nam.

Công tác văn hóa thông tin luôn bám sát tình hình diễn biến cách mạng trong nước và quốc tế, kịp thời tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú. Đặc biệt là tuyên truyền về thắng lợi của Hiệp định Pari, tạo niềm tin phấn khởi, tự hào cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi trên các mặt trận sản xuất, chiến đấu, học tập vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cùng với những hoạt động văn hóa thông tin, thể thao có bước phát triển mới, các cơ quan được chuyển từ nơi sơ tán về trung tâm thị xã, thị trấn, các đội bóng đá, bóng chuyền... được khởi động luyện tập và tổ chức các trận thi đấu giao hữu, thiết thực kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc và phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Về công tác quốc phòng - an ninh, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng thường xuyên quán triệt lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã chỉ rõ: “Hết sức đề cao cảnh giác, tăng cường lực lượng vũ trang, đảm bảo trật tự an ninh biên giới và nội địa..., đảm bảo đầy đủ mọi yêu cầu chi viện cho miền Nam ruột thịt”. Quán triệt tinh thần các nghị quyết của Đảng về quốc phòng - an ninh, Đảng bộ Cao Bằng đã cụ thể hóa thành nhiệm vụ thực hiện, tập trung lãnh đạo công tác quân sự địa phương, củng cố lực lượng vũ trang, đoàn kết quân với dân một ý chí, luôn nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chi viện cho miền Nam. Thực hiện tinh gọn, đảm bảo chất lượng bộ đội địa phương đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ và làm nòng cốt phát triển dân quân tự vệ địa phương. Cả 2 đợt tuyển quân trong năm 1973 đều có kết quả cao, đợt 1 đạt 105%, đợt 2 đạt 100,7% bổ sung cho bộ đội

thường trực. Thực hiện khẩu hiệu: “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tổ chức thành đơn vị huấn luyện, giao quân đầy đủ, lần lượt lên đường hành quân vào chiến trường miền Nam tham gia chiến đấu.

Đồng thời, được Quân khu 1 tăng cường cán bộ quân đội, Đảng bộ đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện chính sách hậu phương quân đội trên phạm vi toàn tỉnh. Tổ chức Hội nghị tổng kết 8 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và Hội nghị đại biểu gia đình quân nhân tiên tiến các cấp để biểu dương, động viên kịp thời, khích lệ những gương điển hình tiên tiến của quân và dân các dân tộc Cao Bằng. Trên cơ sở đó, tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống quê hương, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trên tuyến biên giới, tình hình có phần phức tạp hơn. Một số cột mốc biên giới (Cao Bằng, Việt Nam và Quảng Tây, Trung Quốc) bị phía Trung Quốc di dời sang đất Việt Nam; người Trung Quốc sang cư trú trái phép đã ảnh hưởng tới trật tự an toàn xã hội vùng biên giới. Năm 1973, đã xảy ra 30 điểm tranh chấp, với tổng diện tích đất của ta bị lấn chiếm là 952.500 m². Tỉnh ủy đã chỉ đạo lực lượng Công an nhân dân vũ trang tỉnh vận động nhân dân đấu tranh khôn khéo, giữ vững đường biên, mốc giới, bảo đảm chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Tháng 12/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị toàn thể lần thứ 22 bàn về khôi phục kinh tế miền Bắc. Hội nghị xác định nhiệm vụ miền Bắc trong giai đoạn mới là: “Đoàn kết toàn dân, đấu tranh giữ vững hòa bình, ra sức tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng. Xây dựng miền Bắc tiến nhanh, tiến

manh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai. Ra sức làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng của mình trong cuộc đấu tranh nhằm hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc; làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia”.

Quán triệt thực hiện Nghị quyết số 22 của Trung ương Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã triệu tập Hội nghị lần thứ 11 nhằm đánh giá lại tình hình của tỉnh sau một năm hòa bình, khôi phục và phát triển.

Hội nghị đã kiểm điểm đánh giá toàn diện, sâu sắc những thành tích đã đạt được trong thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 1973 và xác định rõ những tồn tại, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, các ban, ngành từ tỉnh đến cơ sở. Hội nghị nhận định: Hòa chung khí thế cách mạng sục sôi của cả nước, cùng với những điều kiện thuận lợi, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiều mặt công tác trong thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1973 và đạt được nhiều tiến bộ mới toàn diện. Các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội ổn định và phát triển. Nông nghiệp tiếp tục được mùa khá. Nhiều cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản bước đầu thực hiện hạch toán trong sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh những ưu điểm, còn bộc lộ nhiều yếu kém cần khắc phục, đó là: Tốc độ tăng năng suất lao động chưa theo kịp tốc độ tăng dân số, dẫn tới thu nhập bình quân đầu người thấp. Hằng năm, tỉnh phải dựa vào sự trợ giúp của Trung ương tới 50% ngân sách tiêu dùng; 50% nhu cầu lương thực để cung ứng cho khu vực phi nông nghiệp. Trên cơ sở

kiểm điểm sâu sắc về những thuận lợi, khó khăn, rút ra những kết luận, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã định ra mục tiêu kế hoạch hai năm 1974-1975 là: “Phát huy khả năng lao động và ưu thế đặc điểm của từng vùng trong tỉnh, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa theo hướng kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với lâm nghiệp. Kết hợp thâm canh tăng năng suất trên đất lâm nghiệp với mở rộng kinh doanh tổng hợp nghề rừng, kết hợp nông - lâm nghiệp với phong trào định canh, định cư, với tăng cường củng cố hợp tác xã nông nghiệp. Quyết tâm tạo một sự chuyển biến rõ nét về phát huy ba thế mạnh của kinh tế miền núi, coi đó là nhiệm vụ kinh tế quan trọng hàng đầu mà tất cả các cấp, các ngành, các cơ sở quốc doanh và các hợp tác xã nông nghiệp đều phải thực hiện. Tích cực đẩy mạnh cơ sở vật chất và kỹ thuật. Phát triển giao thông vận tải ở địa phương, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương và tăng cường cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý xuống cơ sở phục vụ ba thế mạnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của sự nghiệp phát triển văn hóa của cán bộ và nhân dân; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao cảnh giác cách mạng, tỉnh táo, ngăn ngừa và đánh bại mọi âm mưu hoạt động chiến tranh tâm lý gián điệp biệt kích và mọi phá hoại khác của địch”. Kế hoạch hai năm 1974-1975 nhằm khôi phục kinh tế, tăng nhanh sản phẩm cho xã hội và thu nhập quốc dân, vươn tới đủ ăn, đủ tiêu dùng và từ năm 1976 bước đầu có tích lũy.

Năm 1974, diện tích lúa cấy vượt chỉ tiêu 2,6%, năng suất tăng 5%, sản lượng thóc đạt 55.200 tấn, tăng 2,5% so với năm 1973. Ba vụ ngô đông xuân, ngô mùa, ngô thu, tổng diện tích trồng so với kế hoạch tăng 4,2%, năng suất tăng 4,13%; sản lượng đạt 54.000 tấn, tăng 4,16%. Các cây hoa màu khác sau

khi thu hoạch quy ra thóc đạt trên 11.750 tấn. Tổng sản lượng lương thực cả năm 1974 kể cả cá thể là 125.000 tấn, vượt năm 1964 - năm có sản lượng cao nhất trước đó. Đối với cây công nghiệp ngắn ngày, diện tích thuốc lá cả năm trồng được 1.527 ha, sản lượng đạt 750 tấn, tăng 24,3% so với năm 1973; đỗ tương diện tích đạt 2.388 ha, sản lượng 2.020 tấn, tăng hơn năm 1973 18%. Cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và nghề rừng đã có những tiến bộ mới từ vụ đông xuân năm 1974. Các hợp tác xã trồng trầu đã biết trồng xen hoa màu để tận dụng đất đai, có 170 hợp tác xã trồng được 3.200 ha trầu, vùng trồng trầu toàn tỉnh đã lên tới 5.000 ha và 1.000 ha dẻ quả.

Đàn gia súc cơ bản vẫn được duy trì, trong năm 1974: đàn trâu có 69.900 con, tăng 3,2% so với năm 1973; đàn bò 53.300 con, giảm 0,9%; lợn thịt 130.000 con, tăng 6,4%. Đặc biệt, người nông dân đã có ý thức bảo vệ, chăm sóc trâu, bò, coi “con trâu là đầu cơ nghiệp”. Mặc dù thời tiết khắc nghiệt khô hạn, rét buốt kéo dài, bà con vẫn tìm cách có đủ nước ăn, cỏ tươi hoặc thức ăn dự trữ cho gia súc, đảm bảo sức kéo vụ đông xuân, mở đầu cho một năm sản xuất trên đồng ruộng, nương rẫy giành thắng lợi.

Một bước tiến mới trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp là vùng định canh định cư đã có 45 hợp tác xã gồm 1.700 hộ với 8.700 nhân khẩu đi vào thế ổn định làm ăn, lấy nghề rừng làm phương hướng sản xuất chính. Chú trọng phát triển cây công nghiệp và trồng xen cây lương thực, tích cực chăn nuôi gia súc, gia cầm, ổn định đời sống.

Công tác thí điểm tổ chức lại sản xuất hợp tác xã theo mô hình mới được cấp ủy, chính quyền các cấp coi trọng. Tỉnh chọn huyện Hòa An làm thí điểm. Ủy ban hành chính tỉnh đã trung tập 113 cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế tăng cường đến cơ sở hợp tác xã nông nghiệp giúp cải tiến

công tác quản lý, chuyển đổi cơ chế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Từ tháng 5/1973 đến tháng 4/1974, sau hai mùa vụ, các hợp tác xã điểm thực hiện phương án kinh tế mới đã đem lại những kết quả, mở ra hướng đi lên của phong trào hợp tác hóa toàn tỉnh. Thực tế đã làm tăng năng suất lao động, đời sống xã viên được cải thiện hơn trước.

Về công nghiệp, Ủy ban hành chính tỉnh đã chỉ đạo ngành tiến hành sắp xếp, sáp nhập một số cơ sở sản xuất nhằm tăng cường sức sản xuất và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Đó là, chuyển giao Công ty cơ giới I thuộc Ủy ban nông nghiệp và Nhà máy cơ khí về Ty Giao thông; hợp nhất Xí nghiệp vôi đá với Xí nghiệp gạch ngói thành Công ty xây dựng; hợp nhất Xưởng chế biến gỗ và chế biến trúc... Năm đầu chuyển đổi cơ cấu sản xuất, với các mô hình mới đã tác động tốt tới sản xuất và kinh doanh. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1974 đạt 9.444 nghìn đồng, so với năm 1973 tăng 0,5%.

Xây dựng cơ bản đạt trên 60% kế hoạch, nguyên nhân chính là do giao chỉ tiêu kế hoạch chậm.

Giao thông vận tải, vận chuyển hàng hóa năm 1974 đạt 41% kế hoạch; vận chuyển hành khách được 314.988 lượt người và 15.014.469 người.km, đạt 78,7% kế hoạch, so với năm 1973 tăng 17%.

Về các lĩnh vực văn hóa - xã hội, trong công tác giáo dục phổ thông, năm học 1973-1974 số học sinh cấp I tăng 57%, cấp II tăng 16%, cấp III tăng 33,87%. Kết quả thi tốt nghiệp, cấp I đạt 89%, cấp II đạt 85%, cấp III đạt 50,4% so với số dự thi. Tỷ lệ đỗ thẳng cấp I đạt 53,7%, cấp II đạt 74,3%, cấp III đạt 29,6%. Tổng số học sinh thi vào đại học niên khóa 1974-1975, toàn tỉnh có 587 em, trúng tuyển 17 em, đạt 2,8%; 585 học sinh thi vào các trường trung cấp

chuyên nghiệp, trúng tuyển 72 em, đạt 12,3%. Chất lượng giáo dục thấp đã trở thành vấn đề cấp bách, đòi hỏi Đảng bộ tập trung chỉ đạo nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới.

Về y tế, tổng số giường bệnh năm 1974 là 1.680 giường, năm 1975 có 1.900 giường. Công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh đã được quan tâm, toàn tỉnh có 95% dân số được tiêm phòng, một số bệnh cúm, tả, lỵ ở nông thôn đã được dập tắt khi mới phát sinh. Tổ chức khám chữa bệnh cho 12 vạn lượt người, tăng hơn năm trước 13,5%. Các hợp tác xã đã thành lập được 324 nhà trẻ, với 4.219 cháu được chăm sóc sức khỏe tốt.

Công tác thể thao đã trở thành phong trào sâu rộng trong nhân dân với các hoạt động thể dục, thể thao phong phú, đáp ứng yêu cầu rèn luyện sức khỏe để phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiều đơn vị, cơ quan, xí nghiệp hình thành đội bóng chuyên, bóng đá và tổ chức thi đấu trong những ngày lễ kỷ niệm lớn của dân tộc.

Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, quán triệt Nghị quyết số 227-NQ/TW ngày 13/10/1973 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong thời kỳ mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 32-NQ/CB ngày 13/5/1974 về công tác quân sự địa phương năm 1974. Nghị quyết nêu rõ: “Các ngành cần quán triệt tinh thần trong mọi trường hợp đều đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân với biện pháp là thực hiện chặt chẽ chế độ nghĩa vụ quân sự một cách công bằng, hợp lý”. Công tác tuyển quân tiến hành làm hai đợt, đợt 1 đạt 105%, đợt 2 đạt 102%, đảm bảo tiêu chuẩn, chỉ tiêu, đúng chính sách, nhanh, gọn, quân nhân đảm bảo đủ sức khỏe, phẩm chất chính trị tốt.

Huấn luyện dân quân tự vệ đạt 95%, giáo dục quân nhân đào lạc bằng cải tạo lao động và xóa án cho 88 người, tiếp tục giáo dục lao động cải tạo 228 người.

Tình hình biên giới Việt - Trung vẫn diễn biến phức tạp, số vụ tranh chấp đất đai tăng lên, phía ta kiên trì đấu tranh giải thích có lý, có tình nên vẫn đảm bảo tình đoàn kết hữu nghị giữa hai dân tộc. Trong nội địa, an ninh luôn ổn định, các vụ phạm pháp đã giảm 25%, tệ nạn xã hội giảm 40%.

Các năm 1973-1974, công tác xây dựng Đảng luôn được Đảng bộ tỉnh quan tâm lãnh đạo sâu sát trong việc triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trưng tập 136 cán bộ các ngành, tổ chức hội nghị bồi dưỡng nội dung Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 06/3/1970 của Bộ Chính trị về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh và Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, giải quyết tốt các chế độ chính sách đối với cán bộ, nhằm ổn định tư tưởng, tạo sự đồng thuận tham gia cuộc vận động xây dựng Đảng. Công tác thí điểm nội dung xây dựng Đảng theo Chỉ thị số 192-CT/TW được tiến hành trong hai đợt. Đợt thứ nhất, triển khai tại Đảng ủy Ty Kiến trúc, Đảng ủy xã Vĩnh Quang, huyện Hòa An. Đợt thứ hai, triển khai tại Đảng ủy xã Đề Thám (huyện Hòa An), Đảng ủy xã Đúc Hồng (huyện Trùng Khánh). Sau khi rút kinh nghiệm hai đợt thí điểm, quý I năm 1973, Tỉnh ủy đã mở rộng diện thực hiện tại một số xã thuộc huyện Trùng Khánh và huyện Quảng Hòa. Cuộc vận động được chia thành bốn bước: bước một, thông báo rộng rãi cuộc vận động; bước hai, bồi dưỡng nâng cao giác ngộ chính trị cho

đảng viên và phát động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, nắm chắc số lượng đảng viên cần xem xét; bước ba, phân loại đảng viên, xác minh, công bố xử lý; bước bốn, sắp xếp củng cố tổ chức, thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Cuộc vận động xây dựng Đảng đã làm cho các chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Bên cạnh những thành quả đạt được, cũng còn bộc lộ một số non kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Trong cuộc vận động thí điểm tại hai huyện Trùng Khánh, Quảng Hòa, đã khai trừ ra khỏi Đảng 37 đảng viên, lưu đảng 19 đảng viên, cảnh cáo 5 đảng viên, khiển trách 5 đảng viên. Để khắc phục những tồn tại, yếu kém, phát huy ưu điểm, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhấn mạnh: Các cấp bộ đảng, cán bộ, đảng viên cần ra sức phát huy ưu điểm, tích cực sửa chữa khuyết điểm; ra sức cải tiến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, không ngừng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới.

Đồng thời, chăm lo củng cố, xây dựng các tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở. Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Trong việc phân loại tổ chức cơ sở đảng thuộc khu vực huyện, thị, có 8/11 huyện, thị tham gia (trừ Hòa An, Bảo Lạc, Mỏ thiếc Tĩnh Túc), với 130/176 chi bộ cơ sở; kết quả: loại tốt 41 đơn vị, loại chưa tốt 62 đơn vị, loại kém 27 đơn vị. Các cơ quan xung quanh huyện, thị có 141/182 chi bộ được phân loại; kết quả: loại tốt 47 chi bộ, loại chưa tốt 73 chi bộ, loại kém 21 chi bộ, còn 41 chi bộ không phân loại. Các cơ quan xung quanh tỉnh có 256 chi bộ tham gia phân loại; kết quả: loại tốt 109 chi bộ, loại chưa tốt 128 chi bộ, loại kém 15 chi bộ, không phân loại 4 chi bộ. Công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy quan tâm thực hiện; đã

kết nạp được 110 đảng viên mới, tăng cường cho đội ngũ của Đảng và nâng cao năng lực, sức chiến đấu trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong công tác kiểm tra, năm 1974, Đảng bộ đã chỉ đạo chính quyền tiến hành kiểm tra khu vực kinh tế tập thể và thanh quyết toán khóa sổ cho 113 hợp tác xã, chiếm tỷ lệ 11,4% số hợp tác xã toàn tỉnh. Qua kiểm tra, phát hiện số tiền vi phạm do tham ô, nợ nần gây thiệt hại cho hợp tác xã 676.110 đồng; có 4.207 người vi phạm, trong đó xã viên chiếm 78%, quản lý hợp tác xã chiếm 7,86%, đảng viên chiếm 10,6%, cán bộ nhà nước chiếm 0,76%, cán bộ hưu trí chiếm 0,25%. Khu vực nhà nước tiến hành kiểm tra 5 xí nghiệp (Xí nghiệp ăn uống thị xã Cao Bằng, Xí nghiệp bán lẻ công nghệ phẩm, Cửa hàng lương thực thị xã, Xí nghiệp thực phẩm thị xã, Công ty vận tải ô tô Cao Bằng), đã có 498 cán bộ, nhân viên vi phạm, trong đó có 24 đảng viên và 4 cấp ủy cơ sở, gây thiệt hại cho Nhà nước 1.846.178 đồng. Kết quả kiểm tra bước đầu đã có tác dụng củng cố phong trào hợp tác hóa, chấn chỉnh bộ máy quản lý kinh tế nhà nước, củng cố trật tự trị an xã hội, đại bộ phận quần chúng nhân dân phấn khởi, ủng hộ chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Năm 1973, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp (cấp huyện và cấp xã). Kết quả, có 98,7% tổng số cử tri toàn tỉnh đi bỏ phiếu, trong đó có 55/176 xã đạt 100% cử tri đi bỏ phiếu. Đó là thắng lợi có ý nghĩa chính trị quan trọng đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh luôn thể hiện được vai trò trung tâm đoàn kết, động viên các tầng lớp nhân dân, các tổ chức đoàn thể, phát huy truyền thống yêu nước của quê hương cách mạng, thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đẩy

mạnh phong trào thi đua yêu nước, tập trung khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, dốc sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam giành thắng lợi.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Cao Bằng đã phát động phong trào “Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”, liên tục đẩy lên tinh thần nhiệt huyết tuổi trẻ, khí thế “Ba sẵn sàng” trong thế hệ trẻ; xung kích trong lao động sản xuất tại các nông, lâm trường, xí nghiệp và nông thôn. Hơn 80% đoàn viên thanh niên tham gia đợt sinh hoạt chính trị “Tuổi trẻ anh hùng lập công thắng Mỹ”. Đoàn viên thanh niên hăng hái tòng quân, lên đường tham gia chiến đấu, các đợt tuyển quân đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã đẩy lên phong trào “Ba đảm đang” thu hút chị em tham gia sôi nổi rộng khắp trên phạm vi toàn tỉnh, tích cực lao động sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn và các nông, lâm trường; đảm đang việc nhà, giỏi việc nước. Phụ nữ các huyện, thị trong tỉnh quan tâm thực hiện phong trào “Giáo dục đạo đức người phụ nữ mới”. Đoàn viên chồng, con lên đường nhập ngũ và tận tình giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Trong công trường, nhà máy, chị em sôi nổi thi đua thực hiện khẩu hiệu “Giỏi tay nghề, biết nhiều việc, sẵn sàng thay thế nam giới đi chiến đấu”. Qua các phong trào, đã có 12.425 phụ nữ đạt danh hiệu “Ba đảm đang”, 12 đơn vị nữ đạt danh hiệu “Quyết thắng” trong các đơn vị lực lượng vũ trang, 21 tổ lao động xã hội chủ nghĩa.

Hội Nông dân tỉnh đã động viên nhân dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, củng cố xây dựng nông thôn, tập trung giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm phục vụ đời sống và làm nghĩa vụ cho Nhà nước. Chủ động phối hợp với ngành

nông nghiệp phổ biến khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thực hiện thâm canh, chuyên canh, phổ biến các loại cây, con có năng suất cao trong nông dân; tạo nên phong trào thi đua lao động, sản xuất sôi nổi hướng về miền Nam ruột thịt.

Công đoàn tỉnh chỉ đạo công đoàn các ngành, bộ phận, quan tâm động viên cán bộ, công nhân viên chức cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động trong các công trường, nhà máy, xí nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, thiết thực ủng hộ đồng bào miền Nam, tiên tuyến lớn anh hùng.

Đợt vận động sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 06/3/1970 của Bộ Chính trị về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh và Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh; tiến hành phân loại đảng viên 6 tháng đầu năm 1974 có ý nghĩa thiết thực nhằm nâng cao chất lượng tổ chức và cán bộ, đảng viên. Từ đó, tạo động lực vươn lên thực hiện thắng lợi kế hoạch hai năm 1974-1975 và thi đua lập thành tích hướng tới Đại hội Đảng bộ các cấp trong thời gian tới.

Từ cuối tháng 9/1974 đến tháng 10/1974, 11 huyện, thị và các đảng bộ trực thuộc đã tiến hành xong đại hội và cử đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VIII được tiến hành trọng thể tại thị xã Cao Bằng từ ngày 17 đến 21/12/1974 với 249 đại biểu được triệu tập. Đại hội thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII (1969-1973) trình Đại hội VIII và xây dựng Nghị quyết Đại hội của nhiệm kỳ mới, tập trung hoàn thành các mục tiêu,

nhiệm vụ đã đề ra trong hai năm 1974-1975; đảm bảo yêu cầu chi viện cho miền Nam và thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; đồng thời, chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm tiếp theo.

Nghị quyết Đại hội nhận định: “Tình hình 4 năm qua có rất nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã có những cố gắng to lớn, giành được những thắng lợi quan trọng. Mặc dù chiến tranh và thiên tai gây ra nhiều khó khăn lớn, dân số trong tỉnh tăng nhanh, nhưng các mặt kinh tế trong tỉnh vẫn được giữ vững và phát triển, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa xã hội tiếp tục được mở rộng, đời sống nhân dân các dân tộc ngày một đảm bảo”. Trong công tác xây dựng Đảng, Báo cáo chính trị đánh giá: “Đảng bộ ta được rèn luyện và trưởng thành hơn; nhiều đảng bộ cơ sở đã phát huy được ngày càng tốt vai trò lãnh đạo của mình, xứng đáng là hạt nhân và chỗ dựa cho nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách, giành thắng lợi trên nhiều mặt công tác”.

Nghị quyết Đại hội xác định mục tiêu phấn đấu của Đảng bộ là: “Đảm bảo đủ ăn, đủ chi cần thiết trong tỉnh, đóng góp lớn hơn với nghĩa vụ nhà nước và làm đầy đủ mọi yêu cầu chi viện đối với miền Nam ruột thịt. Phấn đấu đạt và vượt những chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

- 140.000 tấn lương thực, bình quân đầu người 300 kg/năm, trồng 2.000 ha thuốc lá, 5.000 ha đỗ tương. Thu ngân sách địa phương từ 12,5 triệu đồng đến 13 triệu đồng. Đưa giá trị xuất khẩu đạt và vượt mức cao nhất từ trước đến nay.

- Huy động nghĩa vụ cho Nhà nước 10.000 tấn lương thực, 1.000 tấn đỗ tương, 1.000 tấn thuốc lá, 1.000 tấn thịt lợn và cá”.

Trên cơ sở mục tiêu chung và các chỉ tiêu cụ thể, Nghị quyết Đại hội đã xác định rõ nhiệm vụ trong thời gian tới là: “Phát huy mọi khả năng lao động và ưu thế đặc điểm của

các vùng trong tỉnh, tiếp tục đẩy mạnh ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt theo hướng mở rộng tổ chức lại sản xuất, bố trí cơ cấu cây con, mùa vụ thích hợp với từng vùng. Kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp; kết hợp nông, lâm nghiệp với thủ công nghiệp chế biến ở nông thôn; kết hợp tập trung chuyên canh, thâm canh từng vùng, từng khu vực với mở rộng sản xuất toàn diện, kinh doanh tổng hợp trong một đơn vị sản xuất, kể cả hợp tác xã và quốc doanh. Kết hợp nông, lâm nghiệp với phong trào định canh định cư, với tăng cường một bước quản lý hợp tác xã, nhằm phấn đấu đẩy nhanh khả năng tiềm tàng về lương thực với mức cao và tạo ra một sự biến đổi rõ rệt về phát huy ba thế mạnh của kinh tế miền núi, coi đó là nhiệm vụ kinh tế quan trọng hàng đầu của tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất, phát triển giao thông vận tải có trọng điểm, mở rộng sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương, tăng cường công tác lưu thông, phân phối; nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục, bảo vệ sức khỏe, cố gắng cải thiện một bước đời sống cán bộ và nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với củng cố quốc phòng, tăng cường công tác quân sự địa phương, quốc phòng toàn dân, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội”.

Trong công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: “Đẩy mạnh xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch, thực hiện tốt các nghị quyết về xây dựng Đảng, nghị quyết về công tác cán bộ của Trung ương Đảng, nâng cao kiến thức và năng lực trong Đảng đủ sức lãnh đạo ba cuộc cách mạng. Phát huy sức mạnh tổng hợp các hệ thống chức năng của

Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng vào hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế hai năm 1974-1975”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 35 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 09 đồng chí; đồng chí Vũ Ngọc Linh tiếp tục được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng; đồng chí Phan Mạnh Cư được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh; đồng chí Nông Minh Lý được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy¹.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VIII đã thành công tốt đẹp. Sau Đại hội, Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo xây dựng kế hoạch tuyên truyền về thành công của Đại hội và kịp thời triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đến các tổ chức đảng từ tỉnh tới cơ sở và sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, nhân dân.

Nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hai năm 1974-1975, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa VIII đã đề ra 4 mục tiêu nhiệm vụ như sau:

“1. Động viên, tổ chức và chỉ đạo chặt chẽ phong trào lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách liên tục sâu rộng trong cả năm, ở tất cả mọi ngành, mọi đơn vị, mọi lĩnh vực công tác, ra sức khai thác mọi tiềm năng sẵn có ở tất cả các ngành, các cấp, ở các khâu vật tư, nguyên liệu, lao động, tiền vốn, đất đai, đồi núi,... Đặc biệt tập trung sức vào mặt trận nông nghiệp, lâm nghiệp, trước tiên là giành cho được những thắng lợi lớn đối với vụ xuân, vụ mùa và vụ thu năm 1975.

2. Đảm bảo đầy đủ yêu cầu chi viện cho cuộc đấu tranh

1. Xem Quyết định số 661-NQ ngày 28/02/1975 của Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc về chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

cách mạng và xây dựng vùng giải phóng miền Nam, đảm bảo đạt và vượt nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước. Nhiệm vụ nặng nề và to lớn hơn trước, nhưng dù bất cứ tình hình nào cũng phải phấn đấu để làm tốt các nhiệm vụ đó.

3. Thực hiện tốt những vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng như Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 23 đề ra, gắn liền với việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 228-NQ/TW và Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/11/1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng nhằm nâng cao chất lượng đảng viên và làm cho tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh, tăng cường sức chiến đấu của Đảng.

4. Xây dựng tốt kế hoạch năm 1976 và kế hoạch 5 năm 1976-1980”.

Hòa chung khí thế cả nước thi đua với quân và dân miền Nam, quân và dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng hăng hái trong lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đã đề ra và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cụ thể hóa thực hiện trong 2 năm 1974-1975.

Trong sản xuất nông nghiệp, nhiều huyện đưa giống mới vào gieo cấy trên 50% diện tích; riêng huyện Hòa An áp dụng giống lúa mới trên 65,8% diện tích gieo cấy, năng suất đạt 32 tạ/ha, tăng 1,5 lần so với giống lúa địa phương; huyện Thạch An có diện tích giống lúa mới chiếm 50%, năng suất đạt 35 tạ/ha, sản lượng đạt 70.300 tấn. Hoa màu quy thóc đạt trên 12.500 tấn. Tổng sản lượng lương thực cả năm 1975 là 135.350 tấn, đạt 98% kế hoạch. Chăn nuôi có nét khởi sắc mới, đàn trâu có 69.160 con, đàn bò có 54.600 con, tăng 3,5%; đàn lợn có 158.400 con, tăng 5,5%, đàn ong tăng 29%,

phong trào đào đắp ao, hồ kết hợp thủy lợi với thả cá đạt 1 triệu mét khối.

Về công nghiệp và xây dựng cơ bản, đã phấn đấu thực hiện chỉ tiêu công nghiệp năm 1975 đạt 10,498 triệu đồng; các đơn vị quốc doanh đạt 10,872 triệu đồng, tăng 10% so với năm 1974; thủ công nghiệp đạt 7,616 triệu đồng, tăng 24% so với năm 1974. Sản xuất điện đạt 6.900.000 KW. Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong năm là 8,34 triệu đồng, đạt 108%, vượt chỉ tiêu kế hoạch, chủ yếu tập trung cho phát triển nông nghiệp và xây dựng trạm điện tại các xã: Đình Phong (huyện Trùng Khánh), Quang Thành (huyện Nguyên Bình).

Giao thông vận tải, vận chuyển hàng hóa đạt 200.080 tấn, vận chuyển hành khách được 468.0000 lượt người, đạt 96% kế hoạch, góp phần ổn định sản xuất và đời sống.

Năm 1975, công tác thương nghiệp, thu mua lương thực và nghĩa vụ giao nộp sản phẩm đạt 970 tấn, là năm đạt cao nhất từ trước tới nay, thời gian hoàn thành kế hoạch Trung ương giao vượt trước 3 tháng. Giá cả thị trường được ổn định và có chiều hướng giảm, đời sống cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân được cải thiện.

Sự nghiệp văn hóa - xã hội tiếp tục được củng cố và phát triển. Giáo dục phổ thông, từ mẫu giáo trở lên đã thu hút con em các dân tộc tới trường với số lượng khá; học sinh mẫu giáo có 18.000 em, cấp I là 59.000 em, cấp II là 23.556 em, cấp III là 5.200 em. Hệ thống y tế tại các xã biên giới và vùng cao được đầu tư thêm cơ sở vật chất, y cụ, phương tiện khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Công tác quốc phòng - an ninh luôn được Đảng bộ tỉnh quan tâm sâu sát, trực tiếp chỉ đạo các ban Đảng, chính

quyền, lực lượng vũ trang triển khai thực hiện Chỉ thị số 210-CT/TW ngày 05/10/1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác quân sự địa phương ở miền Bắc trong giai đoạn mới. Đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 40-NQ/CB ngày 23/11/1974 về công tác quân sự địa phương trong giai đoạn mới, theo đó đã: Coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức quốc phòng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; Xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, tăng cường lực lượng dự bị, nâng cao chất lượng bộ đội địa phương; Chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội, giải quyết hiệu quả những vấn đề do chiến tranh để lại; Xây dựng, củng cố quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội; Động viên lực lượng vũ trang tham gia lao động, sản xuất; Tổ chức tuyển quân, huấn luyện tốt, sẵn sàng chi viện cho miền Nam; Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác quân sự địa phương, coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ. Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, giữ vững đường biên, mốc giới, chủ quyền lãnh thổ quốc gia; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Kết thúc hai năm thực hiện cuộc vận động xây dựng Đảng (1974-1975) và Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 12 khóa VIII và qua thực tế thử thách phong trào ở địa phương, đã làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, vững bước vào thời kỳ mới của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Quán triệt, thực hiện xuyên suốt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa VII và khóa VIII, Tỉnh ủy Cao Bằng đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong tỉnh vượt qua khó khăn, thử thách, nỗ lực phấn đấu

không ngừng, khắc phục hậu quả chiến tranh. Tập trung các nguồn lực khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Tuy nhiên, những năm 1973-1975, phong trào xây dựng các loại hình hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gặp không ít khó khăn, nhiều hộ gia đình xin ra khỏi hợp tác xã. Trình độ, năng lực quản lý kinh tế tập thể đối với các xí nghiệp, doanh nghiệp còn nhiều mặt hạn chế, năng suất lao động và thu nhập bình quân đầu người thấp. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, thu ngân sách địa phương đạt thấp. Chất lượng giáo dục phổ thông còn nhiều mặt hạn chế. Trong công tác xây dựng Đảng, tỷ lệ các chi bộ, đảng bộ yếu kém còn tồn tại khá nhiều. Song, với tinh thần quyết tâm xây dựng hậu phương vững mạnh, đặc lực chi viện cho miền Nam, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Suốt 21 năm, với tinh thần “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”, “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”; Cao Bằng luôn hướng về miền Nam thân yêu cùng cả nước đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến lớn anh hùng. Chỉ tính riêng 10 năm (1965-1975), đã có 26.862 thanh niên Cao Bằng nhập ngũ, xung phong vào Nam chiến đấu, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh; trong đó có 1.494 thương binh và 5.548 liệt sĩ, có 9 đồng chí đã chiến đấu dũng cảm kiên cường và anh dũng hy sinh, được Nhà nước phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, lực lượng vũ trang Cao Bằng đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng Nhất, 1 Huân chương Hồ Chí Minh. Mỗi thắng lợi trên chiến

trường miền Nam đều thấm đẫm mồ hôi và xương máu của nhân dân cả nước, trong đó có đồng bào các dân tộc Cao Bằng.

Ước nguyện giải phóng miền Nam của cả dân tộc đã trở thành hiện thực, đúng 11h30' ngày 30/4/1975, tại Dinh Độc lập, Tổng thống Dương Văn Minh và toàn bộ nội các ngụy quyền Sài Gòn đã tuyên bố đầu hàng quân giải phóng, kết thúc Chiến dịch Hồ Chí Minh, làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975. Cả nước hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, Tổ quốc thống nhất cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hòa chung không khí rạo rức, hân hoan của ngày hội toàn thắng, non sông Tổ quốc thống nhất, thu về một mối, Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng vô cùng phấn khởi, tự hào đã góp phần xứng đáng vào thành quả cách mạng vĩ đại của cả nước, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Chương VI
ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO
NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1985)

I. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1976-1980)

Đại thắng mùa Xuân năm 1975, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc oanh liệt cuộc trường kỳ kháng chiến anh dũng của dân tộc. Sự kiện trọng đại đó đã tạo nên bước ngoặt chói lọi, mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam; cả nước thống nhất, cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ trước mắt đặt ra trước toàn Đảng, toàn quân và toàn dân là, khẩn trương khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 27/12/1975, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa V, kỳ họp thứ hai quyết định bỏ cấp khu trong hệ thống các đơn vị hành chính của nước ta và tiến hành hợp nhất một số tỉnh. Thực hiện Quyết định của Quốc hội, Cao Bằng hợp nhất với Lạng Sơn thành tỉnh Cao Lạng với diện tích 13.781 km², dân số 871.000 người. Ngày 21/01/1976, Ban

Bí thư ban hành Quyết định số 2536-NQ-NS/TW về việc chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng gồm 37 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng đã tiến hành kỳ họp đầu tiên từ ngày 10 đến ngày 12/02/1976 tại thị xã Lạng Sơn với nội dung chủ yếu là: Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong năm 1976. Tận dụng tiềm năng, thế mạnh đất đai, tài nguyên rừng, nguồn lao động dồi dào của tỉnh để tập trung phát triển kinh tế, văn hóa trong những năm tiếp theo. Xây dựng các nghị quyết chuyên đề trong tổ chức thực hiện. Trước mắt, nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 1976 là: Đẩy mạnh vụ sản xuất đông - xuân, tập trung củng cố, khôi phục hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng cơ bản, công tác xây dựng Đảng, chỉ đạo tập kết các cơ quan ban, ngành về tỉnh lỵ mới, sớm ổn định đi vào nên nếp hoạt động. Đặc biệt, chú trọng làm tốt công tác tư tưởng, tăng cường đoàn kết, nhất trí về quan điểm, thống nhất phương pháp chỉ đạo công tác. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Tại kỳ họp, đã tiến hành phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Cao Lạng: đồng chí Hoàng Trường Minh giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Bế Chấn Hưng giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Phan Mạnh Cư giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nông Minh Lý giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Cao Lạng.

Đảng bộ tỉnh Cao Lạng đã chỉ đạo khẩn trương sáp nhập, kiện toàn các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Thống nhất sự lãnh đạo, Trụ sở Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh Cao Lạng đặt tại thị xã Cao Bằng. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiến hành sáp

xếp, bố trí công việc, nhanh chóng ổn định để hoạt động trong hệ thống tổ chức mới. Đồng thời, chỉ đạo công tác bầu cử Quốc hội và bầu cử bổ sung Hội đồng nhân dân tỉnh.

Xuất phát từ nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước giao trong năm 1976 và tình hình thực tế của địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng đã lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính tỉnh và các ban, ngành, đoàn thể tập trung thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 6-NQ/CL ngày 03/8/1976 về tích cực khẩn trương chăm sóc vụ mùa và đẩy mạnh sản xuất vụ thu - đông năm 1976. Trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt, hạn hán kéo dài, tỉnh đã đầu tư 380.000 đồng cho các huyện nhằm hỗ trợ cho các hợp tác xã nông nghiệp về giống lúa năng suất cao, phân bón. Chỉ đạo các địa phương tích cực chăm sóc lúa mùa; chủ động chuyển hướng trồng cây ngô, mạch hoa, khoai lang cho vụ thu trên những diện tích khô hạn không cấy được lúa. Trong sản xuất, luôn coi trọng kinh nghiệm dân gian: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”, ngay từ đầu năm 1976, ngành nông nghiệp đã phát động phong trào làm phân bón hữu cơ kết hợp phân chuồng. Ngoài ra, Xí nghiệp phốt phát Lam Sơn sản xuất 2.500 tấn/năm, cung cấp phân bón cho các địa phương. Khâu chọn giống tốt, giống mới cho năng suất cao đã được nông dân quan tâm đưa vào sản xuất. Các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng được áp dụng rộng rãi trên diện tích đại trà gieo trồng. Kết quả, năm 1976, diện tích trồng lúa đạt 61.209 ha, diện tích trồng ngô đạt 40.535 ha, diện tích trồng màu đạt 882 ha. Mặc dù sản lượng lúa đạt thấp hơn năm 1975, nhưng sản lượng các loại cây trồng khác đều tăng so với năm trước: sản lượng ngô

đạt 46.775 tấn, tăng 24,1%; thuốc lá đạt 1.517 tấn, tăng 103%; đỗ tương đạt 2.027 tấn, tăng 125%. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1976 là 102.824 tấn.

Chăn nuôi phát triển theo hướng khuyến khích gia đình, coi trọng chăn nuôi tập thể. Năm 1976, đàn trâu có 206.151 con, tăng 1,4%; đàn bò có 73.326 con, tăng 2,7%; đàn lợn có 225.751 con, tăng 0,4% so với năm 1975.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được củng cố và phát triển, giá trị sản lượng thực hiện 39.417.900 đồng, tăng 1,5% so với năm 1975. Từ năm 1976, các xí nghiệp đã tiến hành cải tiến quản lý sản xuất, kinh doanh. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp được củng cố nhằm thu hút lực lượng lao động sẵn có, góp phần phát triển kinh tế địa phương. Năm 1976, khu vực thị xã và các thị trấn trong tỉnh có 61 cơ sở hợp tác xã và tổ sản xuất với 1.266 lao động. Khu vực kinh doanh trong hợp tác xã nông nghiệp có 61 cơ sở với 3.020 lao động.

Công tác xây dựng cơ bản đã có nhiều cố gắng trong xây dựng kết cấu hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Năm 1976, tổng số vốn xây dựng cơ bản được thực hiện là 12.660.000 đồng, đạt 107,5% kế hoạch. Khu vực sản xuất vật chất thực hiện được 17.677.000 đồng; trong đó, chủ yếu đầu tư vào ngành nông, lâm nghiệp, riêng thủy lợi là 10.304.000 đồng, chiếm 47% tổng số vốn, đạt 106,7% kế hoạch. Vốn đầu tư phát triển giao thông vận tải là 2.848.000 đồng. Vốn đầu tư vào công nghiệp địa phương là 2.840.000 đồng. Khu vực hành chính sự nghiệp thực hiện được 4.585.000 đồng, bằng 142,6%. Trong đó, các công trình phục vụ công cộng thực hiện được 2.081.000 đồng, đạt 296% kế hoạch năm. Đầu tư xây dựng cho sự nghiệp văn hóa thực hiện được 1.411.000 đồng; y tế, thể thao là 571.000 đồng.

Công tác xây dựng cơ bản được đẩy mạnh, thực hiện được 21.662.000 đồng, đạt 107% kế hoạch và bằng 116% năm 1975.

Giao thông vận tải có nhiều chuyển biến tích cực, mạng lưới giao thông mở rộng về đến nông thôn. Tổng khối lượng vận chuyển hàng hóa và hành khách đều tăng so với năm trước. Năm 1976, Ty Giao thông đã phối hợp với Trung đoàn 567 làm đường chiến lược, rải đá 14 km đường từ thị trấn Trùng Khánh đến Pò Tấu; huy động dân công thi công tuyến đường từ Bằng Ca qua hang Ngườm Bang đi Hạ Lang. Khối lượng hàng hóa vận chuyển năm 1976 là 489.600 tấn, đạt 76% kế hoạch, khối lượng luân chuyển hàng hóa đạt 21.140.400 tấn.km.

Ngành thương nghiệp, tài chính đã có nhiều cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ. Ngay từ năm 1976, hoạt động trong điều kiện tình hình hợp nhất, địa bàn hoạt động rộng, sản xuất gặp nhiều khó khăn, nhưng việc thu mua lương thực vụ hè đã được 5.600 tấn, đạt 112% kế hoạch. Tuy vậy, việc nhập kho vụ đông mới được 11.000 tấn, đạt 55% mức Trung ương giao. Thu mua thực phẩm lợn hơi 1.485 tấn, thịt trâu hơi 1.364 tấn, bò 488 tấn, đỗ tương 490 tấn, thuốc lá 1.181 tấn... chưa đủ cung cấp cho tỉnh. Trong lưu thông phân phối đã có nhiều cải tiến, giảm bớt phiền hà cho nhân dân; phân phối hàng hóa đảm bảo số lượng, đúng đối tượng. Việc thu mua giao hàng xuất khẩu đã chủ động, tích cực trong khai thác và phân phối nguồn hàng, xử lý linh hoạt thay thế mặt hàng thiếu.

Tổng thu ngân sách đạt 103,4%, tăng 10% với năm 1975, trong đó thu thường xuyên đạt 106,1%, thu từ Trung ương trợ cấp 100%. Về chi ngân sách đạt 108,4% kế hoạch, tăng 17% so với năm trước, trong đó chi thường xuyên tăng 13,4%, chi xây dựng cơ bản tăng 25%.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội được cấp ủy, chính quyền thường xuyên quan tâm chỉ đạo, nâng cao chất lượng hoạt

động, thiết thực phục vụ đời sống nhân dân. Sự nghiệp giáo dục tiếp tục được phát triển. Về tổ chức, các đơn vị giáo dục vẫn giữ nguyên như cũ, riêng Trường Sư phạm cấp II Cao Bằng và Sư phạm cấp II Lạng Sơn được hợp nhất thành Trường Sư phạm cấp II Cao Lạng, địa điểm tại thị xã Lạng Sơn. Trường Bồi dưỡng Lạng Sơn và Trường Bồi dưỡng Cao Bằng cũng hợp nhất thành Trường Bồi dưỡng giáo viên Cao Lạng, địa điểm tại thị xã Cao Bằng. Phân hiệu Sư phạm Cao Bằng có nhiệm vụ hoàn thành các lớp đã được tuyển từ năm học 1975-1976. Các khóa mới từ năm học 1976-1977 được đưa về học tại Lạng Sơn. Trường Sư phạm cấp II Cao Lạng tuyển học sinh vào học theo hệ 10+3 bắt đầu từ năm học 1976-1977.

Công tác y tế có nhiều cố gắng trong khám chữa bệnh cho nhân dân và phòng chống dịch bệnh, chăm lo bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện. Các hoạt động văn hóa, thông tin đã thiết thực phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương và kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc.

Công tác quốc phòng - an ninh luôn được Đảng bộ tỉnh coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát. Ngay từ năm 1976, trước tình hình mới của đất nước, tỉnh đã quan tâm xây dựng lực lượng bộ đội và dân quân tự vệ phù hợp với nhiệm vụ, thực tiễn của địa phương. Thực hiện phương châm kết hợp kinh tế với quốc phòng, đã có 3 đơn vị bộ đội tham gia phát triển kinh tế, với những việc cụ thể: làm thủy lợi, trồng cây gây rừng, làm đường vào vùng kinh tế mới, tham gia khai thác tài nguyên. Công tác tuyển quân bổ sung cho bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương đạt chỉ tiêu Quân khu giao, đảm bảo chất lượng tốt. Các đơn vị dân quân tự vệ được chú ý củng cố, tổ chức huấn luyện thường xuyên.

Công tác xây dựng Đảng đã được cấp ủy các cấp coi trọng thực hiện trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đã tuyên truyền giáo dục, vận động quần chúng nhân dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tập trung xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, chăm lo kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong học tập, tu dưỡng rèn luyện và lao động sản xuất.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã động viên đoàn viên, hội viên khắc phục khó khăn, tích cực hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, nêu cao tinh thần đoàn kết, phối hợp chặt chẽ, tạo nên sức mạnh đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

Tháng 6/1976, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đoàn (khóa III) đã quyết định thống nhất sự chỉ đạo của Đoàn trong cả nước. Tháng 9/1976, đoàn đại biểu Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và đoàn đại biểu Hội Liên hiệp Thanh niên giải phóng miền Nam Việt Nam đã tổ chức Hội nghị thống nhất mặt trận đoàn kết thanh niên trong cả nước, lấy tên là Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976) đã quyết định đổi tên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đại hội Đoàn toàn tỉnh Cao Lạng lần thứ nhất đã phát động phong trào Lao động tình nguyện xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa giàu mạnh với khẩu hiệu: “Thanh niên hăng hái tiến lên hàng đầu, cống hiến nhiều nhất, học tập và rèn luyện tốt nhất để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”. Sau thời gian ngắn, đã có gần 1.000 chi đoàn với gần 16.000 đoàn viên, thanh niên tình nguyện đăng ký tham gia. Các cơ sở Đoàn trong nông nghiệp đã vận dụng nhiều hình thức, phương thức hoạt động hiệu quả, như: cánh đồng tăng sản, cánh đồng 5-7 tấn, nương ngô 3-4 tấn.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng, công tác hợp nhất đã hoàn thành tốt, tổ chức, cán bộ ổn định, tập trung thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong năm 1976. Thành quả quan trọng bước đầu của sự hợp nhất đã làm củng cố thêm niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày 20/12/1976, tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được tiến hành trọng thể. Đại hội đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đề ra đường lối cho thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đại hội đề ra Kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980) với hai mục tiêu cơ bản cấp bách là: Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, hình thành bước đầu cơ cấu kinh tế mới trong cả nước; cải thiện một bước đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đại hội đã quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là sự kiện chính trị trọng đại sau 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược toàn thắng.

Từ ngày 31/3 đến ngày 08/4/1977, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Lạng khóa I được tiến hành tại thị xã Cao Bằng. Đại hội nhận định: Tuy còn nhiều khó khăn, song Đảng bộ và nhân dân Cao Lạng đã đạt được những thắng lợi rất quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Đảng. Thấm nhuần vai trò quan trọng hàng đầu của công tác chính trị tư tưởng, Nghị quyết Đại hội nêu rõ: “Tăng cường mạnh mẽ công tác tư tưởng chính trị, giáo dục sâu sắc tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa; làm thấu suốt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối kinh tế của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới; ra sức rèn luyện nâng cao lập trường quan điểm và phẩm chất cách mạng công nhân; xây dựng tư tưởng cách mạng tiến công của toàn Đảng bộ”.

Đồng thời, nhấn mạnh: “Tập trung chỉ đạo việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, làm cho các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đóng vai trò chủ đạo, điều chỉnh quy mô hợp tác xã phù hợp với điều kiện miền núi, biên giới, phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ; trước hết là phải xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ sản xuất”. Đại hội quán triệt sâu sắc quan điểm: “nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa, trong đó, cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt”.

Trong lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp phải gắn với định canh, định cư, khai hoang mở rộng diện tích gieo trồng, bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích hợp mùa vụ; thực hiện chuyên canh, thâm canh theo vùng sản xuất. Kết hợp các ngành nông - lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thành cơ cấu kinh tế thống nhất, gắn kinh tế với quốc phòng, kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể và kinh tế phụ gia đình; kết hợp đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước với đề cao tinh thần tự lực giải quyết lương thực, thực phẩm cho địa phương. Đồng thời, đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát triển công nghiệp đến nông thôn, mở mang đường giao thông, cải tiến lưu thông phân phối.

Đại hội đã đề ra kế hoạch 5 năm 1976-1980, hoạch định rõ các vùng kinh tế, định ra phương hướng, nhiệm vụ sản xuất và cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho từng vùng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 35 ủy viên chính thức và 03 ủy viên dự khuyết; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Hoàng Trường Minh được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Bé Chấn Hưng được bầu giữ

chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy¹, đồng chí Lương Ích Lập được bầu bổ sung giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Lạng. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Lạng lần thứ I, đối với Cao Bằng được coi là Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX².

Sau Đại hội, Tỉnh ủy Cao Lạng đã tiếp tục tổ chức quán triệt sâu rộng và triển khai, thực hiện trong toàn Đảng, toàn dân Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Lạng lần thứ I.

Thực hiện kế hoạch 5 năm (1976-1980) do Đại hội đề ra, trên lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp năm 1977, đã gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến phức tạp, rét buốt kéo dài và hạn hán gay gắt làm thiệt hại nặng đến cây trồng. Song, nhiều hợp tác xã ở các địa phương trong tỉnh đã đề cao ý thức tự lực, tự cường, tích cực chủ động khắc phục khó khăn, thực hiện các biện pháp thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, mở rộng diện tích trồng màu. Nhằm khắc phục tình trạng khô hạn kéo dài, Đảng bộ đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, các ngành chức năng tập trung vào công tác thủy lợi, khơi thông nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt đời sống và sản xuất nông - lâm nghiệp; đồng thời, khẩn trương hoàn thành các công trình thủy nông: hồ Nà Tấu, Bản Viết, Cốc Hón, Nà Khá, mương Keng Mạ, trạm bơm Chi Choi. Tại các vùng cao xa xôi

1. Xem Quyết định số 183.NQ-NS/TW ngày 03/6/1977 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng và Thông báo Quyết định số 189.NQ-NS/TW ngày 03/6/1977 của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Lạng.

2. Theo Kết luận Hội thảo bản thảo lần thứ nhất *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2020)* ngày 26/11/2019 do Tỉnh ủy Cao Bằng tổ chức.

héo lánh thì xây bể nước ăn và làm thủy lợi nhỏ. Tỉnh đã tập trung vốn đầu tư cho thủy lợi là 12 triệu đồng, 115 máy kéo trang bị cho nông nghiệp.

Đầu năm 1977, lượng mưa ít, rét kéo dài, có nơi phải gieo mạ 3 đến 4 lần, thậm chí phải mua mạ từ tỉnh bạn về cấy. Với tinh thần khắc phục khó khăn, ý chí quyết tâm cao, bà con nông dân đã cấy được 60.749 ha lúa (xấp xỉ 90% diện tích), trồng được 41.010 ha ngô, 5.252 ha khoai lang, 2.420 ha sắn... Do chăm bón tốt, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 161.189 tấn, so với năm 1976 tăng 58.365 tấn.

Cuối năm 1977, dự báo trước tình hình thời tiết còn có thể hạn kéo dài sang năm 1978, Đảng bộ đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp hướng dẫn nhân dân sau gặt xong thì tiến hành cày ải sớm như các huyện Hòa An, Trùng Khánh, Quảng Hòa và tập trung làm thủy lợi cung cấp nước cho ruộng đồng, chủ động chuyển đổi sang hoa màu đối với những nơi thiếu nước. Đúng như dự kiến đề phòng, bước vào năm 1978, tình trạng mưa ít, hạn kéo dài nhất là tháng 5 và tháng 6, ảnh hưởng đến sản xuất. Song, nhờ các giải pháp đề ra hữu hiệu, nên đã giảm bớt khó khăn, cải thiện cơ bản được tình hình. Toàn tỉnh tập trung đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, coi đây là nhiệm vụ thiết thực và cấp bách nhất. Tập trung củng cố, khôi phục hợp tác xã, khẩn trương tiến hành thủy lợi, tăng cường phân bón, áp dụng khoa học - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp. Năm 1978, toàn tỉnh cấy được 51.764 ha, đạt 99,58% kế hoạch, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 120.134 tấn, giảm 41.064 tấn so với năm 1977.

Thực hiện chủ trương của Ban Bí thư từ cuối năm 1975 về mở rộng quy mô các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp lên

khoảng 300-500 ha đất canh tác, tỉnh Cao Lạng đã chủ động triển khai, củng cố và mở rộng các nông trường, trạm trại và hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1978, tổng số nông dân vào hợp tác xã là 58.550 hộ, trong đó vùng cao là 13.243 hộ, nâng tổng số hợp tác xã toàn tỉnh lên 1.617 hợp tác xã. Tuy được củng cố về số lượng, nhưng chất lượng về tổ chức quản lý sản xuất còn thấp; số hợp tác xã không quyết toán khoá sổ hoặc không làm kịp thời còn chiếm tỷ lệ cao. Các hợp tác xã có quy mô toàn xã và liên xã là quá lớn, không thích hợp với điều kiện và khả năng quản lý, dẫn đến sản xuất kém hiệu quả.

Là tỉnh miền núi nên Cao Lạng luôn coi trọng sản xuất lâm nghiệp. Việc trồng rừng được tiến hành thường xuyên ở hai khu vực quốc doanh và hợp tác xã. Năm 1977, tỉnh trồng được 6.312 ha rừng, trong đó quốc doanh đạt 76,9%, hợp tác xã đạt 51% kế hoạch. Năm 1980, diện tích đất có rừng là 187.890 ha, độ che phủ đạt 28%. Tỉnh đưa vào khoanh nuôi 5.680 ha rừng đầu nguồn, 2.425 ha rừng trọng điểm, phát quang được 34 km đường ngăn lửa. Công tác bảo vệ và khai thác rừng luôn được coi trọng. Năm 1977, ngành lâm nghiệp khai thác được 18.700 m³ gỗ tròn, 18.000 m³ củi. Năm 1980, diện tích đất có rừng là 187.890 ha, tổng trữ lượng gỗ là 2.046.800 m³, độ che phủ xuống dưới 28%. Mặc dù cấp ủy, chính quyền thường xuyên chỉ đạo công tác trồng và bảo vệ rừng; song, rừng vẫn bị tàn phá, ý thức bảo vệ rừng của người dân còn nhiều hạn chế.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 1977, công nghiệp địa phương đã có sự phân công sản xuất giữa quốc doanh với hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp. Các xí nghiệp may mặc, giấy, ép dầu, phốt phát, xi măng, gạch ngói và cơ khí bước đầu đổi mới cách thức quản lý, phát huy sáng kiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. Do đó, công suất thiết bị ở các xí nghiệp được phát

huy từ 60 - 70%, tiêu biểu là Xí nghiệp gạch ngói, cơ khí Cao Bằng và Lạng Sơn. Công nghiệp quốc doanh phát triển, toàn tỉnh có 49 cơ sở sản xuất quốc doanh thuộc các lĩnh vực: năng lượng, điện, cơ khí, vật liệu xây dựng.

Ngày 01/5/1977, khánh thành Nhà máy thủy điện Thoong Gót, xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh có công suất 1.200 KW, bổ sung tăng cường thêm nguồn điện. Lực lượng xây lắp điện có nhiều cố gắng, nhất là trong thi công đường dây 35 KV Trùng Khánh - Quảng Hòa - thị xã Cao Bằng hòa vào lưới điện chung của tỉnh. Tháng 7/1978, Nhà máy thủy điện Nà Tấu (huyện Quảng Hòa) được khánh thành có công suất 500 KW. Hai nhà máy thủy điện Thoong Gót và Nà Tấu hoạt động đã đưa sản lượng điện của tỉnh năm 1977 tăng 4,6% so với năm 1976 và tăng 31,6% so với năm 1975, phục vụ cho 40 trạm bơm, 60 xí nghiệp và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp. Ngành vật liệu xây dựng trong năm 1977 đã được mở rộng từ tỉnh đến cơ sở, các xí nghiệp gạch ngói, xi măng đều phát huy được tối đa công suất thiết bị. Mở thiếc Tỉnh Túc tiến hành khởi công, cải tạo, mở rộng quy mô; vừa sản xuất vừa lắp đặt thiết bị do Liên Xô giúp đỡ và trang bị máy móc hiện đại hơn. Do đó, sản lượng thiếc thô của mỏ đã tăng đáng kể.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1978 đạt 141% kế hoạch, cao nhất so với trước; trong đó, giá trị sản lượng công nghiệp quốc doanh tăng lên theo từng năm: năm 1977 là 4.550.000 đồng, năm 1978 đạt 5.450.000 đồng (*tính theo giá cố định năm 1959*).

Cùng với công nghiệp quốc doanh, tiểu thủ công nghiệp cũng phát triển ổn định, sản xuất hiệu quả. Nhiều hợp tác xã quy hoạch thêm mặt bằng mới, xây dựng nhà xưởng, trang bị máy móc, thiết bị, công cụ tập trung đầu tư vào sản xuất. Các mặt hàng thủ công truyền thống được duy trì và cải tiến

mẫu mã, nâng cao chất lượng cả về kỹ thuật và mỹ thuật. Một số nghề thủ công trong hợp tác xã nông nghiệp được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, kỹ thuật. Hợp tác xã Phúc Sen (huyện Quảng Hoà) đã xây dựng được xưởng rèn đúc và được hỗ trợ thiết bị rèn phôi, cung cấp công cụ cho các gia đình xã viên hoàn thiện sản phẩm. Hợp tác xã Hồng Ngọc đầu tư chưng cất tinh dầu, làm màn trúc, sấy gừng, nghề xuất khẩu... Tiểu thủ công nghiệp phát triển ở cả ba khu vực thị trấn, thị xã và nông thôn. Năm 1978, có 75 cơ sở tiểu thủ công nghiệp với 1.727 lao động, trong đó có 9 hợp tác xã bậc cao với 416 xã viên. Quy mô các hợp tác xã được mở rộng hơn trước, một số hợp tác xã có trên 100 lao động. Trong sản xuất kinh doanh đã đảm bảo được ba lợi ích, thu nhập tiền lương cao hơn trước; tiêu biểu là Hợp tác xã mộc nề Hợp Tiến lương bình quân 153 đồng/người/tháng, Hợp tác xã 1-5 lương bình quân 144 đồng/người/tháng, Hợp tác xã Ngôi Sao Sáng là 103 đồng/người/tháng. Hầu hết các hợp tác xã đã chuyển phương thức kinh doanh từ gia công sang chế độ mua nguyên liệu, bán sản phẩm bằng hợp đồng kinh tế và theo kế hoạch Nhà nước giao.

Trong 3 năm 1976-1978, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp đã đạt được khối lượng lớn: 251.500 chiếc nông cụ và công cụ lao động, 13,8 triệu viên gạch, 16,2 triệu viên ngói, 71.700 sản phẩm gốm và hàng nghìn tấn sản phẩm khác, đưa giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp tăng vọt từ 6.402.000 đồng vào năm 1976, lên 7.378.000 đồng năm 1978.

Ngành xây dựng tiếp tục đẩy mạnh tốc độ thi công, thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 1977 đạt 24.411.000 đồng. Một số công trình thủy lợi, giao thông, trạm, trại nông nghiệp, công nghiệp địa phương, kho tàng, bệnh viện, trường học... đã hoàn thành. Năm 1978, tình hình

biên giới diễn ra căng thẳng, nhiệm vụ xây dựng cơ bản được đặt ra rất lớn, phải tiến hành khẩn trương các công trình đang thi công và đảm nhận thêm một loạt công trình mới phục vụ cho sẵn sàng chiến đấu. Tổng mức đầu tư 9 tháng đầu năm 1978 thực hiện được 17.540.000 đồng, trong đó, khu vực sản xuất vật chất thực hiện được 2.126.000 đồng.

Giao thông vận tải được củng cố và mở rộng, từng bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Dưới sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, sự điều hành của chính quyền, ngành giao thông vận tải đã tiến hành sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường liên tỉnh (Quốc lộ số 3, số 4) và đường liên huyện, phát triển giao thông nông thôn, xây dựng đường ô tô đến trung tâm xã, hình thành mạng lưới giao thông đồng bộ. Năm 1977, ngành giao thông vận tải đã mở được một số tuyến đường mới: Canh Tân - Minh Khai, Thông Nông - Bó Gai, Trùng Khánh - Bằng Ca, Trùng Khánh - Trà Lĩnh, Bình Độ - Bình Nghi (Lạng Sơn). Trong vận tải, ngành đã có nhiều cố gắng vận chuyển hàng hóa và hành khách. Năm 1977, khối lượng vận tải hàng hóa vượt kế hoạch 15%, tăng 39% so với năm 1976; vận chuyển và luân chuyển hành khách tăng 6,8%. Tuy nhiên, công tác vận tải vẫn còn nhiều khó khăn, thiếu sót: các tuyến đường đi lại còn khó khăn chưa được nâng cấp, xe hỏng nhiều, tiêu hao nhiên liệu vượt quá mức quy định, chưa đảm bảo thời gian hợp đồng vận chuyển hàng hóa, chưa đáp ứng được yêu cầu vận chuyển hành khách, phải dùng cả xe tải để chuyên chở.

Ngành giao thông vận tải Cao Lạng còn nhận được sự hỗ trợ rất lớn của các tỉnh bạn, tiêu biểu là tỉnh Hà Bắc (cũ). Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Bắc đã tuyển 500 công nhân quốc phòng giúp thi công xây dựng tuyến đường từ Thông Nông đến Bó Gai. Năm 1978, phong trào làm đường giao thông và giao thông nông thôn phát triển mạnh. Ngành giao thông vận tải Cao

Lạng tiến hành làm cầu treo Pò Thoong phục vụ giao thông đi lại của nhân dân và bảo vệ an ninh biên giới; chỉ đạo phối hợp với hai huyện Trùng Khánh và Thạch An huy động dân công làm các tuyến đường biên giới tại hai huyện. Để bổ sung lực lượng, khẩn trương thi công các tuyến đường trong tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương thành lập Ban Chỉ huy công trường Tỉnh Túc, Bảo Lạc, phối hợp với 2.000 dân công của tỉnh Hải Hưng (cũ) và mở thêm tuyến đường Canh Tân - Minh Khai nối liền qua Phiêng Lừa, Bản Sảng, quốc lộ 3. Tình hình biên giới ngày càng căng thẳng, tỉnh đã thành lập khu sơ tán tại Minh Tâm (huyện Nguyên Bình). Ty Giao thông vận tải phối hợp cùng các ngành chức năng tiến hành sửa chữa tuyến đường từ thị xã đến Nà Bao và từ Nà Bao đi Tam Kim; vận chuyển phương tiện làm việc, tài liệu về nơi sơ tán tại Nà Nuông. Đồng thời, tiến hành hai nhiệm vụ, vừa sửa chữa, làm mới các tuyến đường, vừa phải chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra chiến sự ở biên giới. Năm 1978, vận chuyển hàng hóa đạt 412.000 tấn, với 16.818 nghìn tấn.km, vận chuyển hành khách đạt 633.000 người, với 36.720.000 người.km.

Trong điều kiện hàng hóa khan hiếm, công tác thương nghiệp, lưu thông phân phối đã cố gắng thực hiện đúng định mức, đúng đối tượng và nhu cầu thiết yếu; song chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng, nhất là lương thực, thực phẩm. Năm 1977, việc thu mua đạt thấp: giá trị thu mua nông sản, thực phẩm mới đạt 44,5% kế hoạch. Tổng thu ngân sách cả năm đạt 97,7%, tổng chi đạt 88,43%; tổng thu tiền mặt đạt 101,3%, tổng chi tiền mặt đạt 100,3%.

Đến cuối năm 1978, ngành bưu điện đã hoàn thành 8 công trình đường dây điện thoại biên giới với 112 km, thiết lập 53 đôi dây phục vụ các đơn vị bộ đội, cấp cho các huyện biên giới 6 tổng đài 20 số và 10 km dây bọc dự phòng.

Về văn hóa - xã hội, nhiệm vụ giáo dục vẫn luôn được Đảng bộ tỉnh coi là vấn đề trọng tâm, hàng đầu, ưu tiên cho sự phát triển. Trong hoàn cảnh hợp nhất thành tỉnh Cao Bằng, địa bàn giáo dục rộng lớn, quy mô, số lượng trường, lớp, giáo viên đông, nảy sinh nhiều vấn đề về tổ chức, nền nếp, phương thức quản lý... Song, ngành đã chủ động khắc phục khó khăn, tháo gỡ vướng mắc, quy tụ lực lượng, đoàn kết, cùng ra sức phấn đấu vì mục tiêu chung. Do đó, sự nghiệp giáo dục của tỉnh vẫn phát triển đúng hướng, đảm bảo được chất lượng giáo dục. Tháng 7/1977, phân hiệu Sư phạm II Cao Bằng chấm dứt hoạt động, đưa toàn bộ 50 giáo sinh và một số giáo viên về hợp nhất với phân hiệu Lạng Sơn.

Công tác y tế có nhiều tiến bộ trong việc phòng bệnh và chữa bệnh, nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường củng cố các trạm y tế tuyến xã. Nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được ngành y tế quan tâm đúng mức. Cơ sở vật chất, thiết bị được đầu tư, số giường bệnh năm 1977 tăng hơn năm 1976 là 700 giường. Năm 1978, các trạm y tế xã vùng cao và các xã biên giới được củng cố, bổ sung cán bộ và thuốc chữa bệnh cho nhân dân.

Công tác văn hóa luôn được Đảng bộ tỉnh coi trọng chỉ đạo, ngành văn hóa thông tin đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị, động viên nhân dân các dân tộc thi đua lao động, sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng nếp sống văn hóa mới. Các hoạt động văn hóa đã tới tận vùng sâu, vùng xa, các bản làng, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển mạnh với 207 đội văn nghệ, trong đó có 65 đội của hợp tác xã nông nghiệp. Các đội văn nghệ đã đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật tại chỗ trong cộng

đồng dân cư; những vở kịch, các bài hát, điệu múa phản ánh thực tế sản xuất, đời sống, gần gũi với nhân dân, cải thiện đời sống tinh thần.

Chấp hành Chỉ thị số 214-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thực hiện nếp sống văn hóa mới, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Lạng chỉ đạo nhân dân, yêu cầu các hợp tác xã xây dựng quy ước nếp sống mới; bài trừ tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, cải tạo những người làm nghề mo then, bụt tào; cải tiến nghi thức trong việc cưới, việc tang và lễ hội lành mạnh, văn minh. Một số gia đình ở các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Hoà An, Thạch An đã không dùng mo tào; huyện Quảng Hòa đã ngăn ngừa được 116 vụ tảo hôn; huyện Thạch An có 9 đám cưới thực hiện theo nếp sống mới.

Phong trào thể dục - thể thao có bước phát triển mới, việc luyện tập, thi đấu được tổ chức thường xuyên ở các huyện trong toàn tỉnh, nhất là các trường trung học. Năm 1977, phong trào thể thao nhân dân phát triển rộng khắp, đã tổ chức thi đấu đạt 105% kế hoạch, tạo được không khí phấn khởi lành mạnh, rèn luyện sức khỏe trong nhân dân.

Công tác phát thanh có bước tiến triển ở nhiều địa phương. Từ năm 1977-1978, bên cạnh hệ thống truyền thanh quốc lập còn có 405 hệ thống truyền thanh dân lập với 550 km đường dây, 7.546 loa. Đài phát thanh tỉnh hoạt động thường xuyên, phát thanh bằng các thứ tiếng: Tày, Nùng, Kinh, Mông, Dao. Hệ thống truyền thanh dân lập và quốc lập trong tỉnh có 14.971 loa phóng thanh, tăng so với năm 1976.

Công tác quân sự thường xuyên được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo sâu sát. Năm 1977, toàn tỉnh đã hoàn thành việc củng cố các cơ sở dân quân tự vệ. Huấn luyện dân quân tự vệ đạt 94%, các xã trọng điểm đạt 100%. Việc tuyển quân, giao quân thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc đạt 100,26%

chỉ tiêu kế hoạch. Các đơn vị tham gia xây dựng kinh tế đã có nhiều cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trung đoàn 567 làm kinh tế giỏi đã được Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng khen tặng lẵng hoa.

Công tác xây dựng Đảng và hoạt động của các đoàn thể luôn được Đảng bộ coi trọng. Trong 2 năm 1976-1977, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tham mưu cho cấp ủy mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị về bài nói chuyện của Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhân dịp lên thăm Cao Lạng và quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 23 và 24. Năm 1977, Đảng bộ tỉnh Cao Lạng tiến hành đợt sinh hoạt chính trị lớn về tổ chức quán triệt Đề cương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương và nội dung Điều lệ Đảng sửa đổi, bổ sung. Đồng thời, tiến hành kiểm điểm phê bình và tự phê bình theo Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 228-NQ/TW ngày 12/01/1974 của Bộ Chính trị về cuộc đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an, phục vụ tốt phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, phục vụ tốt đời sống nhân dân; xác định rõ mặt mạnh và những khuyết điểm, thiếu sót để phát huy và khắc phục. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng giúp cho cán bộ, đảng viên nâng cao một bước về nhận thức, giữ vững bản lĩnh, lập trường, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trong năm 1977, các tổ chức cơ sở đảng đã tiến hành xong đại hội. Toàn tỉnh Cao Lạng có 2.690 chi bộ đảng cơ sở,

trong đó có 1.951 chi bộ, đảng bộ nông thôn; 93 chi bộ, đảng bộ xí nghiệp địa phương và Trung ương; 646 chi bộ, đảng bộ thuộc khu vực cơ quan nhà nước, với 35.038 đảng viên.

Công tác Mặt trận và các đoàn thể có nhiều chuyển biến tích cực. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Lạng lần thứ I đã chỉ rõ: củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh Cao Lạng nhằm tăng cường sự nhất trí về chính trị, tinh thần trong nhân dân. Trên cơ sở đó, động viên toàn dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng nếp sống văn minh trong toàn xã hội. Những năm 1976-1978, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bầu cử Quốc hội khóa V và Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Lạng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội của Tỉnh Đoàn Cao Lạng, thanh niên hăng hái đi khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi. Phong trào lao động tình nguyện vượt kế hoạch, công trình thanh niên, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phong trào lao động cộng sản đã phát triển sâu rộng trong thế hệ trẻ, nhất là phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể”.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, tháng 8/1977, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Cao Lạng. Trước tình hình mới, Tỉnh Hội đã vận động hội viên thực hiện phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, tích cực làm hàng rào dọc biên giới, động viên, thăm hỏi, ủng hộ các đơn vị bộ đội xây dựng doanh trại và hăng hái tham gia dân quân tự vệ, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Liên hiệp Công đoàn tỉnh Cao Lạng luôn động viên cán bộ, công nhân, viên chức thi đua lao động sáng tạo, hoàn thành kế hoạch Nhà nước giao. Đồng thời, củng cố xây dựng

các đơn vị tự vệ, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc. Cổ vũ cán bộ, công nhân viên chức xung phong tình nguyện vào các đơn vị chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Ngày 29/12/1978, Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ tư đã ra quyết định tách tỉnh Cao Lạng thành hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn, tỉnh Cao Bằng được tiếp nhận thêm hai huyện của tỉnh Bắc Thái là Ngân Sơn và Chợ Rã. Ngày 01/02/1979, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 673/NQ-NS-TW về việc chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng gồm 23 đồng chí. Thi hành Quyết định của Trung ương, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã họp ngày 11/3/1979 và ban hành Nghị quyết số 01-NQ/CB ngày 12/3/1979 về việc phân công cấp ủy viên. Đồng chí Dương Tường, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Kiểm tra Đảng tỉnh Cao Lạng giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, đồng chí Lương Ích Lập giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng chí Trần Mạnh Hiệp là Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách Thường trực Tỉnh ủy.

Từ cuối năm 1978, tình hình biên giới phía Bắc diễn ra phức tạp hơn, bọn địch gây ra nhiều vụ khiêu khích vũ trang, căng thẳng ngày càng tăng. Tỉnh đã đẩy mạnh công tác phòng thủ biên giới và nội địa, xây dựng lực lượng vũ trang chủ lực và lực lượng địa phương, tăng cường lực lượng dân quân. Dọc biên giới mỗi xã thành lập từ 1 trung đội đến 1 đại đội cơ động được trang bị vũ khí và huấn luyện kỹ thuật; thường xuyên phối hợp với bộ đội biên phòng tuần tra, canh gác. Các cơ quan, xí nghiệp đều xây dựng lực lượng tự vệ bảo vệ cơ quan. Công tác tuyển quân đạt và vượt chỉ tiêu. Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Trên các địa bàn xung yếu, tỉnh đã phát động toàn dân rào

biên giới. Nhiều huyện, thị nội địa đã gửi tới các huyện biên giới hàng vạn mũm chông tre, chông sắt, huy động hàng vạn người, đóng góp hàng chục vạn ngày công rào biên giới bằng gai, xếp đá chắn. Tỉnh đã đưa 800 cán bộ, lập thành 140 đội công tác xuống tăng cường đến cấp xã, trong đó có 400 cán bộ cho 55 xã biên giới. Nhân dân giúp đỡ bộ đội 56.889 gấp gianh, 114.131 cây tre vầu làm lán trại, ủng hộ 1.467 kg thịt lợn hơi, 8.472 con vịt, 10 con bò, 134 kg thuốc lá sợi... Tất cả sẵn sàng chuẩn bị cho cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 17/02/1979, hơn 60 vạn quân Trung Quốc vô cớ tấn công trên toàn tuyến biên giới 6 tỉnh phía Bắc nước ta. Ở Cao Bằng, chúng huy động các quân đoàn 41, 42, 50, 02 sư đoàn địa phương Quảng Tây, 04 trung đoàn độc lập, 200 xe tăng, 500 khẩu pháo các loại, nhiều đơn vị sơn cước chuyên chiến đấu địa hình rừng núi, hàng chục tiểu đoàn của các công xã giáp biên cùng hàng vạn dân binh ồ ạt kéo sang đánh chiếm. Chúng tiến đánh theo bốn hướng: Thông Nông, Trà Lĩnh, Quảng Hòa, Thạch An; sau đó, đánh chiếm Nguyên Bình, Hà Quảng rồi tiến vào thị xã Cao Bằng. Mặt khác, chúng dùng quân địa phương đánh nghi binh một số huyện biên giới khác như Bảo Lạc, Trùng Khánh, Hạ Lang hòng thu hút, kiểm chế lực lượng của ta, để cánh quân chiếm xong thị xã Cao Bằng nhanh chóng đánh tập hậu vào các thị trấn Quảng Uyên (huyện Quảng Hòa) và các huyện Trùng Khánh, Trà Lĩnh. Âm mưu của chúng là bao vây, chia cắt, bắt sống cơ quan đầu não của ta và tiêu diệt các đơn vị bộ đội, gây bạo loạn, dựng nên con bài chính trị, mị dân kết hợp với đe dọa vũ lực, tàn phá các cơ sở kinh tế, văn hóa, hòng khuất phục chính quyền và nhân dân ta. Quân Trung Quốc đến đâu, đều ra sức tàn phá, thẳng tay giết chóc, cướp bóc tài sản, mua chuộc và phân hóa nhân dân, đánh chiếm các đồn biên phòng thuộc

các huyện Trà Lĩnh, Hà Quảng, Trùng Khánh, Hạ Lang. Chúng phá hoại nhà cửa, cơ quan, trường học, bệnh viện, công trường, xí nghiệp, kho tàng, bến bãi ở Hòa An, thị xã Cao Bằng và địa bàn các huyện, gây nên tổn thất nặng nề về của cải vật chất, tinh thần trong nhân dân.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tập trung lực lượng, huy động mọi khả năng để kịp thời đối phó với địch. Ngày 17/02/1979, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp phiên bất thường quyết định những vấn đề cấp bách, chỉ thị cho tất cả các địa phương tổ chức chiến đấu, tăng cường lực lượng trên các tuyến phòng thủ chủ yếu, tổ chức sơ tán nhân dân và các cơ quan hành chính vào nơi an toàn; kiên quyết đẩy lùi các mũi tiến đánh của địch, giữ vững địa bàn khu vực. Bộ Tư lệnh Mặt trận Cao Bằng đã chỉ đạo các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân tự vệ phối hợp chặt chẽ, bám trụ kiên cường bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

Các đơn vị lực lượng vũ trang của tỉnh, tiêu biểu là Trung đoàn 567 đã nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu. Từ ngày 17 đến ngày 21/02/1979, quân và dân các huyện Quảng Hòa, Trùng Khánh, Thạch An, Thông Nông, Hà Quảng, Hòa An đã liên tiếp giáng trả, bắn cháy nhiều xe tăng, xe bọc thép, tiêu hao nhiều bộ binh địch. Ngay từ những ngày đầu, cánh quân Tây Bắc của địch đã bị chặn đánh dữ dội tại Hòa An. Cánh quân Đông Bắc cũng bị đánh trả quyết liệt tại Thạch An và Quy Thuận (huyện Quảng Hòa) và bị chặn đứng trên đường số 4. Mũi tiến vào Trùng Khánh cũng bị quân và dân địa phương chặn đánh ngay từ cột mốc 62. Mũi đánh vào Phục Hòa với hai sư đoàn cũng bị phản kích, phải rút chạy. Các đơn vị bộ đội chủ lực, Tiểu đoàn đặc công, bộ đội địa phương, công an vũ trang, biên phòng với sự giúp đỡ

của nhân dân đã hăng hái quyết tâm chiến đấu, không quản hy sinh gian khổ, thực hiện thế trận cài răng lược mà đánh địch, mặc dù chúng đã chiếm được thị xã Cao Bằng. Ta nhanh chóng hình thành tuyến phòng thủ tại đèo Tài Hồ Sìn nhằm chặn đứng chúng trên quốc lộ số 3. Được sự hỗ trợ, chi viện từ tuyến sau như các đơn vị chiến đấu tỉnh Hải Hưng, Hà Bắc, huyện Võ Nhai (Bắc Thái), Tiểu đoàn tự vệ gang thép Thái Nguyên, cùng với tinh thần bền bỉ, ý chí kiên cường của quân và dân Cao Bằng, sau một tháng giằng co quyết liệt, cuộc chiến đấu chính nghĩa bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giành được thắng lợi. Trước sức mạnh của quân và dân ta, cùng với sự lên án của dư luận tiến bộ thế giới, quân Trung Quốc buộc phải rút lui về bên kia biên giới vào ngày 16/3/1979. Trên mặt trận Cao Bằng, quân và dân ta đã đánh thiệt hại nặng 7 tiểu đoàn địch, bắn cháy và phá hủy 134 xe tăng, xe bọc thép và 23 xe quân sự, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng, bắt sống nhiều tù binh. Sau chiến sự, quân và dân ta vẫn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi âm mưu thủ đoạn của địch.

Sau khi sáp nhập vào Cao Bằng theo Nghị quyết của Quốc hội (ngày 19/12/1978), Đảng bộ và nhân dân hai huyện Ngân Sơn và Chợ Rã đã hòa nhập vào tuyến đầu của Cao Bằng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hai huyện trở thành hậu cứ đón nhận, cứu mang các cơ quan và nhân dân từ thị xã và các huyện biên giới sơ tán về đây. Huyện Ngân Sơn thành lập được tiểu đoàn quân địa phương, huyện Chợ Rã thành lập hai đại đội dân quân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Ngày 03/3/1979, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái ban hành Chỉ thị số 08-CT/BT về việc đón tiếp, giúp đỡ đồng bào các vùng chiến sự sơ tán. Với truyền thống đoàn kết, gắn bó

keo sơn, nhân dân Bắc Thái đã nhiệt tình quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ cho bà con.

Trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, đã xuất hiện nhiều gương tập thể, đơn vị và cá nhân xuất sắc đã không quản khó khăn, gian khổ, hy sinh, dũng cảm, ngoan cường, mưu trí đánh trả quân thù, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, đó là: Dân quân xã Đức Thông, huyện Thạch An; Tự vệ khu Tân An, Đội tự vệ của thị xã Cao Bằng; Dân quân xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình; Dân quân dân tộc Mông xóm Cao Thượng, xã Đa Thông, huyện Thông Nông. Điển hình trong các đơn vị lực lượng vũ trang có Đồn biên phòng 179 Tà Lùng, huyện Quảng Hòa; Tiểu đoàn tự vệ 126 Bắc Thái; Đồn biên phòng 167 Sóc Giang, huyện Hà Quảng; Trạm kiểm soát cửa khẩu thuộc Đồn biên phòng 171 Trà Lĩnh... Các đơn vị lập công trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương và danh hiệu cao quý.

Chiến sự tháng 02/1979 đã để lại cho tỉnh Cao Bằng những tổn thất rất lớn: 80% số xã, 70% nhà cửa bị hủy hoại; 1.500 người bị chết, trong đó có 70 cán bộ, công nhân viên; 450 người bị bắt. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội bị tàn phá nặng nề.

Về nông nghiệp, hầu hết các cơ sở sản xuất bị tàn phá, 118/132 máy kéo bị phá hoại; trâu, bò bị mất 10%, lợn bị thiệt hại 40% so với tổng số đầu gia súc. Hệ thống kho tàng vật tư nông nghiệp các huyện, thị đều bị phá hoại. Giá trị nông nghiệp quốc doanh bị thiệt hại tới 94,46 triệu đồng, bằng 75,6% tổng giá trị; 21.080 tấn lương thực trong kho bị địch tàn phá, chiếm 80%. Khu vực hợp tác xã có tới 12.600 ngôi nhà, tài sản bị đốt cháy, thiệt hại 100,6 triệu đồng.

Số lương thực thóc, ngô bị mất khá lớn; chỉ riêng ba huyện Hòa An, Hà Quảng, Trà Lĩnh thóc của hợp tác xã và xã viên bị mất gần 3.200 tấn. Ước tính thiệt hại của khu vực này giá trị lên tới 160-200 triệu đồng. Toàn tỉnh có 22/26 trạm bơm bị phá hủy, 3.325 ha không được tưới tiêu; tổng giá trị thiệt hại ngành thủy lợi lên tới 40 triệu đồng, chiếm 71,4%. Quân Trung Quốc còn gây ra vụ thảm sát ở Tổng Chúp, xã Hưng Đạo, huyện Hòa An; nơi đây còn tấm bia ghi rõ tội ác: *Quân Trung Quốc xâm lược dùng cọc tre, búa bổ củi đập chết 43 phụ nữ và trẻ em và quăng xác xuống giếng nước.*

Chiến sự biên giới nổ ra, ngành giao thông vận tải Cao Bằng đã gấp rút vận chuyển phương tiện, tài liệu đến nơi sơ tán an toàn ở hậu cứ tỉnh Bắc Thái. Công ty vận tải ô tô đã phục vụ đắc lực, kịp thời vận chuyển đạn dược, thuốc men, lương thực cho bộ đội chiến đấu tại biên giới, trên các mặt trận đèo Khau Chua (huyện Quảng Hòa), Nà Bao, Minh Tâm (huyện Nguyên Bình)... Tuy nhiên, ngành giao thông vận tải cũng bị thiệt hại nặng nề và gặp rất nhiều khó khăn. Các cầu cống trên tuyến đường quân địch đi qua gần như bị phá hủy hoàn toàn; các tuyến đường 3A, 3B và 4A có tất cả 43 chiếc cầu, trong đó có bốn cầu lớn: Tài Hồ Sìn, Gia Cung, Bằng Giang, Sông Hiến với tổng chiều dài 765 m đều đã bị đánh sập. 12 cầu bê tông trong thị xã Cao Bằng đều bị phá hủy hoàn toàn. Toàn tỉnh mất 100 xe tải và xe con, 22 xe ca; các thiết bị, máy móc trên công trường bị phá hủy, gồm: 5 máy ủi, 4 máy ép khí, 10 máy lu, 3 máy san gạt. Tổng giá trị thiệt hại ngành giao thông lên tới 200 triệu đồng.

Đối với thương nghiệp, toàn bộ vật tư Trung ương ưu tiên cấp để sử dụng và dự trữ đều bị thiệt hại lớn. Giá trị hàng hóa của Ty Thương nghiệp, các công ty cấp II và một số xí nghiệp cấp III bị phá, thiệt hại 11,715 triệu đồng. Giá trị tài

sản cố định bị tàn phá 9,18 triệu đồng, chiếm 90%; giá trị thiệt hại về tài sản trong lĩnh vực quốc doanh bị phá hủy lên tới 341 triệu đồng. Giá trị tài sản khu vực phi sản xuất vật chất thiệt hại 55 triệu đồng.

Cơ sở vật chất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề khác đều bị tàn phá nghiêm trọng. Toàn bộ thiết bị, công trình và đường dây bưu điện đều bị phá hủy hoàn toàn; giá trị tài sản cố định toàn ngành bị thiệt hại lên tới 1,98 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 90%. Tổng giá trị thiệt hại toàn tỉnh là 500-600 triệu đồng. Hầu hết các công trình văn hóa, giáo dục, y tế, đài phát thanh bị tổn thất nặng nề. Khu Bảo tàng Pác Bó - nơi lưu giữ những kỷ vật vô giá về Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng bị phá hủy, cửa hang Cốc Bó bị đánh sập. Quân Trung Quốc rút về nước, nhưng đã để lại những tổn thất rất nặng nề cho Cao Bằng và các tỉnh biên giới phía Bắc. Các hoạt động giao lưu kinh tế, văn hóa, ngoại giao giữa hai nước bị đình trệ, vùng biên giới lâm vào tình trạng khó khăn, tiếp tục căng thẳng, bất ổn trong thời gian dài.

Ngay sau khi quân Trung Quốc rút về nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, quân và dân các dân tộc Cao Bằng đã khẩn trương khắc phục hậu quả chiến tranh, tập trung mọi nguồn lực để khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, nhất là vùng biên giới.

Khi cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xảy ra trên toàn tuyến biên giới phía Bắc, nhân dân phải đi sơ tán, cày cấy không kịp thời vụ, Chính phủ và đồng bào cả nước đã kịp thời hỗ trợ cho Cao Bằng 1.000 tấn giống lúa, 1.000 con lợn giống, 1.000 con trâu, bò và hàng nghìn con gia súc, gia cầm. Nhờ đó, sản lượng lương thực năm 1979 vẫn đạt được 99.273 tấn. Năm 1980, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 110.672 tấn, tăng 11,5% so với năm trước. Nhiều huyện vượt so với năm 1979

như: huyện Trà Lĩnh vượt 63%, Hà Quảng vượt 54%, Trùng Khánh vượt 30%, Quảng Hoà vượt 10%, Hoà An vượt 30%.

Năm 1980, do đàn gia súc bị chết trong chiến sự biên giới, đàn trâu chỉ còn 89.350 con, đàn bò còn 57.529 con, đàn lợn còn 174.006 con. Tình trạng gia súc giảm nhiều đã làm ảnh hưởng lớn đến nguồn thực phẩm trong đời sống và sức kéo cho sản xuất. Trước tình hình đó, một mặt, tỉnh tập trung chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm; mặt khác, phát động phong trào đào ao thả cá, noi theo “Ao cá Bác Hồ”. Nhờ đó, đã mang lại nguồn thủy sản khá lớn cung cấp cho nhân dân và bộ đội. Gánh nặng thiếu về lương thực, thực phẩm sau chiến sự biên giới đã được giảm bớt.

Năm 1980 có 1.603 ha rừng bị phá hoại. Việc mất nhiều diện tích rừng đã gây nên nhiều thiệt hại về tài nguyên, môi trường cho tỉnh, khó khăn trong việc phòng, chống thiên tai, lũ lụt.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, năm 1979, tổng giá trị sản lượng ngành cơ khí vẫn đạt 800.000 đồng. Nhưng do ảnh hưởng của chiến tranh, 47/55 cơ sở tiểu thủ công nghiệp bị phá hoại, một số cơ sở không có điều kiện củng cố lại, một số giải thể chuyển sang hình thức kinh doanh cá thể như: Gốm Việt Trung, Xưởng cơ khí Phúc Sen (huyện Quảng Hoà). Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong hai năm 1979-1980 chưa kịp phục hồi, sản lượng hàng hóa ít, chất lượng sản phẩm chưa đạt tiêu chuẩn, hiệu quả đồng vốn thấp. Do đó, kinh doanh bị thua lỗ, năm 1979 lỗ 108.708 đồng, năm 1980 lỗ 200.325 đồng. Một số sản phẩm sản xuất ra chưa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, đặc biệt là nông cụ: lưỡi cày đáp ứng được 82%, dao các loại 70%, liềm gặt 35%, búa chặt 7%.

Tháng 3/1980, Sở Điện lực Cao Bằng được thành lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc đảm bảo nguồn điện phục vụ chiếu sáng và sản xuất. Nhà máy cơ khí đã tận dụng hiệu quả công suất máy móc, thiết bị, từ gia công sửa chữa chuyển hướng sang chế tạo các mặt hàng cơ khí và nửa cơ khí phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp; đặc biệt, mặt hàng máy bơm nước còn cung cấp cho các tỉnh miền núi phía Bắc và miền Trung - Nam Bộ.

Cuối tháng 3/1979, ngành giao thông vận tải đã nhanh chóng ổn định tổ chức, sắp xếp lại lực lượng, tiến hành khắc phục hậu quả chiến tranh. Hơn 1.600 cán bộ, công nhân Công ty Cầu đường I đã khẩn trương sửa chữa cầu, đường trên các tuyến đường bị hỏng; xây dựng cầu tạm vượt qua sông suối, đảm bảo giao thông suốt trên 10 tuyến đường từ thị xã Cao Bằng đến các huyện lỵ. Công ty vận tải ô tô nhanh chóng vận chuyển giống lúa và phân bón của Nhà nước trợ giúp kịp thời cho các hợp tác xã nông nghiệp, góp phần ổn định đời sống nhân dân.

Trong lúc gặp khó khăn, cơ sở vật chất bị thiệt hại nặng nề, ngành giao thông vận tải Cao Bằng đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Trung ương và các tỉnh bạn: Công ty Cầu 2 - Bộ Giao thông vận tải giúp sửa chữa cầu Gia Cung; Ngành giao thông vận tải tỉnh Bắc Thái đã ủng hộ đồ dùng văn phòng, đưa lực lượng lên khôi phục cầu Km 5, cầu Đồi Mát; Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cử cán bộ, công nhân kỹ thuật giúp làm cầu treo Sông Hiến... Nhờ đó, năm 1980, ngành giao thông vận tải đã sửa chữa và làm mới được 49 km đường, 142 m cầu treo dân dụng, xây dựng 200 m³ kè đá; vận chuyển hàng hóa được 196.000 tấn, đạt 7,6 triệu tấn.km hàng luân chuyển; chuyên chở 303.000 lượt khách, với 29

triệu lượt người.km; các mặt hàng vận chuyển chủ yếu là lương thực, vật tư kỹ thuật, muối, phân bón. Vượt lên khó khăn, ngành giao thông vận tải Cao Bằng đã có nhiều cố gắng và đạt được những thành tích đáng kể, thực hiện tốt nhiệm vụ, giao thông thông suốt, an toàn, thuận lợi, phục vụ đời sống, góp phần củng cố quốc phòng - an ninh.

Về hệ thống thông tin liên lạc, toàn tỉnh có 18 đường thư với tổng chiều dài 1.472 km, trong đó chiều dài đường thư huyện, xã là 562 km; 8/10 huyện, thị có đường thư mỗi ngày một chuyến. Đường dây hữu tuyến được củng cố và phát triển thêm 737 máy điện thoại, đưa tổng chiều dài đường thuê bao lên 351 km. Sau tháng 02/1979, thông tin đã được thông suốt, đảm bảo liên lạc dưới mọi hình thức. Năm 1980, toàn ngành bưu điện phấn đấu khắc phục khó khăn, quyết tâm tạo ra bước chuyển lớn về chất lượng thông tin. Mạng đường dây biên giới tiếp tục được coi trọng, đã xây dựng được 33 km đường dây và đưa vào hoạt động 373 máy điện thoại. Thông tin liên lạc chính được tổ chức theo hai hệ: Trung ương và nội tỉnh, đảm bảo liên lạc thông suốt, hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Bưu phẩm có cước đạt 105%, điện báo đi có cước đạt 100% kế hoạch, điện thoại đường dài đạt 85%, tổng doanh thu đạt 112%.

Kết thúc chiến sự năm 1979, tỉnh tập trung khôi phục lại cơ sở vật chất bị tàn phá, trước hết, tập trung vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản tới 25.743.000 đồng, vượt kế hoạch 22%. Năm 1980, giá trị khối lượng xây dựng cơ bản thực hiện được 17.500.000 đồng, đạt 89% kế hoạch, trong đó giá trị xây lắp thực hiện được 13.200.000 đồng. Các đơn vị thi công đã khắc phục khó khăn hoàn thành khối lượng lớn theo các nguồn vốn cấp cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, xây dựng, giao thông vận tải, thương

nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa. Trong năm, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Trạm điện điêzen Ngân Sơn, Chợ Rã; thủy điện Nà Tấu - Pác Ràng, trạm bơm Pác Ràng, Xưởng ngói Tam Trung, Kho xăng dầu - điện máy, hồ Cốc Hón, hồ Bản Viết, nương Nà Ít, Văn phòng Tỉnh ủy, Khách sạn Cao Bắc, Rạp chiếu phim thị xã.

Sau khi tách tỉnh, nhiệm vụ cấp bách của ngành thương nghiệp là sơ tán, cất giấu hàng hoá, phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu của bộ đội, công an và dân quân tự vệ, đời sống nhân dân nơi sơ tán. Ngành thương nghiệp đã dùng 24 xe ô tô của trạm vận tải chuyển 1.000 tấn hàng hóa và thiết bị ra khu vực Bản Tấn, xã Bình Dương, huyện Hoà An. Các kho ở từng huyện cũng được lệnh vận chuyển về nơi an toàn. Song, việc phân phối cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu hàng, nhất là muối ăn, dầu thắp cho vùng cao, xa xôi hẻo lánh. Tình hình chung, thu mua lương thực đạt thấp, trong khi đó có một số huyện thực hiện vượt mức tỉnh giao như Quảng Hoà, Hà Quảng, Thạch An. Thu ngân sách mới đạt 67% kế hoạch.

Năm 1979, tỉnh vẫn huy động được 5.629 tấn lương thực. Tuy nhiên, tiến độ và tỷ lệ nhập kho chưa đồng đều giữa các huyện, thị xã: Trùng Khánh đạt 90%, Nguyên Bình 83%, Hoà An 78%, Bảo Lạc 77%, Chợ Rã 73%, Thạch An 67%, thị xã Cao Bằng đạt 66%, Quảng Hoà, Thông Nông đạt 58%. Tổng giá trị mua hàng nông sản của Ty Thương nghiệp đạt 1.382.000 đồng, tổng giá trị mua hàng Trung ương đạt 29.589.000 đồng; tổng giá trị mua hàng công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp đạt 2.610.000 đồng. Nhìn chung, lượng hàng hóa không đủ cung cấp cho nhu cầu của nhân dân.

Năm 1980, nhân dân các dân tộc trong tỉnh phấn khởi làm nghĩa vụ với Nhà nước. Do vậy, việc huy động lương thực, thu mua nông, lâm sản đạt kết quả khá cả về số lượng và tiến độ thời gian. Tổng giá trị mua hàng các loại ở địa phương đạt 32,7 triệu đồng, tăng gấp nhiều lần so với năm 1979; trong đó thu mua lương thực và thực phẩm nông sản tăng gấp 3 lần, hàng xuất khẩu tăng 7 lần, hàng công nghiệp gia công tăng 4 lần. Kết quả huy động lương thực nhập kho đạt 7.650 tấn, trong đó 6.884 tấn là từ nộp thuế, đạt 99,5%. Các huyện Hoà An, Quảng Hoà, Nguyên Bình và thị xã Cao Bằng hoàn thành sớm nhất. Thu mua thịt lợn đạt 565 tấn, thịt trâu bò được 319 tấn, đỗ tương 905 tấn, thuốc lá 616 tấn. Tổng giá trị hàng hóa giao nộp cho Trung ương là 8.500.000 đồng, trị giá hàng xuất khẩu 1.200.000 đồng, hàng nông sản 2.700.000 đồng, thuốc lá 2.500.000 đồng. Giá trị hàng hóa Trung ương điều tiết về tỉnh 41.000.000 đồng. Tổng giá trị hàng hóa bán lẻ trên thị trường là 49.000.000 đồng.

Về tài chính, ngân hàng, tổng thu ngân sách năm 1979 đạt 49.081.000 đồng, bằng 112% kế hoạch; trong đó, thu địa phương được 7.537.000 đồng, Trung ương trợ cấp 41.724.000 đồng. Tổng chi đạt 47.462.000 đồng, bằng 109% kế hoạch. Năm 1980, công tác thu, chi ngân sách có những nét tiến bộ mới trong quản lý nguồn thu. Toàn tỉnh thu được 41.140.000 đồng, bằng 100% kế hoạch; trong đó thu địa phương đạt 14.390.000 đồng, Trung ương trợ cấp 26.750.000 đồng. Vốn cho vay của ngân hàng tập trung vào những nơi trọng điểm, những đối tượng có mục đích phát triển sản xuất trong khu vực quốc doanh và tập thể.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội được tỉnh tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện để phát triển. Ngành giáo dục bước vào thực hiện nhiệm vụ của mình với những khó khăn, thử thách mới.

Chiến sự biên giới xảy ra, ngành giáo dục bị thiệt hại nặng nề, trường học bị đốt phá, nhất là trường mẫu giáo, phổ thông các cấp như Trường phổ thông cấp I, II ở Đê Thám (huyện Hoà An); các trường phổ thông ở Quảng Hòa, Hạ Lang, Trà Lĩnh... Trường Sư phạm 10+2 đã nỗ lực vượt bậc trong việc tổ chức cho giáo viên, giáo sinh tham gia phục vụ chiến đấu, vận chuyển vũ khí, lương thực cho bộ đội; trường được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba và được nhận lẵng hoa của Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng.

Mặc dù khó khăn chồng chất nhưng Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo ngành giáo dục cùng toàn dân quyết tâm vượt qua khó khăn, trở ngại để đưa con em đến trường. Từng viên phấn, trang giấy, căn nhà... còn sót lại sau cuộc chiến được thu gom, nhặt nhạnh, chắt chiu, sửa chữa để các em học sinh tới lớp. Đồ dùng học tập giảng dạy, trường sở thiếu thốn, giáo viên và học sinh phải dùng than để viết lên tường. Trong khó khăn mới thấy hết được phẩm chất của người giáo viên Cao Bằng, họ phải vừa giảng dạy, vừa phải lo toan vật lộn với cuộc sống thường nhật, quyết tâm đưa cái chữ về đến bản làng, tới từng học sinh thân yêu.

Trong bối cảnh đó, các tỉnh Bắc Thái, Thanh Hóa, Nghệ An, Nghĩa Bình, Đồng Nai, Kiên Giang, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... cử đại biểu lên thăm hỏi, động viên, giúp đỡ ngành giáo dục Cao Bằng về lương thực, thực phẩm, giấy, bút, bàn, ghế, sách, vở... Nhờ đó, ngành đã tiếp tục duy trì được công tác giảng dạy và học tập. Năm học 1978-1979, toàn tỉnh có 126 trường, 3.750 lớp, 115.941 học sinh và 4.412 giáo viên. Năm học 1979-1980, có 426 trường, 3.880 lớp, 111.670 học sinh và 4.852 giáo viên, tăng lên so với trước.

Năm 1979, hoạt động y tế đạt được nhiều thành tích trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là phục vụ chiến đấu. Sau chiến sự, ngành đã nhanh chóng giải quyết hậu quả chiến tranh, vệ sinh môi trường, hướng dẫn nhân dân phòng, chống các dịch bệnh xảy ra. Tháng 4/1979, nhờ sự giúp đỡ của các tỉnh bạn và sự cố gắng của ngành y tế, Bệnh viện tỉnh được xây dựng lại tại Khau Đôn, xã Hưng Đạo, huyện Hoà An. Trong lúc bệnh viện đang gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, thì được các bệnh viện ở Trung ương như: Bệnh viện Việt Đức, Viện nhi Thụy Điển, Viện Bảo vệ bà mẹ và trẻ em và Trường Đại học Y Hà Nội cử bác sĩ, kỹ thuật viên lên tăng cường, giúp đỡ.

Để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, Bệnh viện tỉnh Cao Bằng đã xây dựng thêm cơ sở thứ hai tại Nà Phặc, huyện Ngân Sơn với 40 giường bệnh. Trạm cấp cứu 05 của Ty Y tế được thành lập với một số bác sĩ ngoại khoa có kinh nghiệm, các kỹ thuật viên và được trang bị ba xe cứu thương. Tại Hội nghị tổng kết công tác y tế 5 năm 1976-1980, Cao Bằng được Bộ Y tế khen là tỉnh duy nhất tổ chức được Trạm cấp cứu 05. Các bệnh viện, trạm y tế được khôi phục với 1.000 giường bệnh, đảm bảo khám, chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân, sẵn sàng phục vụ quân đội. Năm 1980, các cơ sở y tế: bệnh viện, trạm y tế xã được duy trì số giường bệnh gần bằng trước chiến tranh (so với năm 1979 đã tăng được 4%). Đội ngũ y, bác sĩ được củng cố cả về số lượng và chất lượng, tinh thần phục vụ bệnh nhân được nâng cao. Tuy vậy, công tác y tế vẫn còn nhiều hạn chế trong phục vụ người bệnh, cơ sở vật chất của bệnh viện và các trạm y tế còn thấp; nhất là vùng sâu, vùng xa, trang thiết bị còn nghèo nàn, thiếu thuốc, chưa đáp ứng yêu cầu chữa bệnh cho nhân dân.

Trong lúc chiến sự xảy ra, ngành văn hóa đã khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ. Bước sang năm 1980, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Đảng (3/2/1930 - 3/2/1980), Ty Văn hóa đã phát động phong trào văn nghệ, mở đợt sáng tác văn học; kết quả, có 140 tác giả trong và ngoài tỉnh tham gia với 219 tác phẩm thơ, văn, nhạc, họa được đồng đảo công chúng tán thưởng. Các cấp ủy, chính quyền đã quan tâm chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác văn hóa, thể dục - thể thao, phát thanh - truyền hình. Đời sống tinh thần, dân trí từng bước được cải thiện. Đó là sự cố gắng, nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Cao Bằng, được sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân các dân tộc, sự chi viện của Trung ương và các tỉnh bạn, lực lượng vũ trang đã anh dũng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc. Các đơn vị bộ đội phối hợp với nhau, cùng lực lượng dân quân, tự vệ không quản hy sinh, gian khổ, quyết tâm chặn đánh địch, giành giật với địch để giữ từng tấc đất quê hương. Với tinh thần quyết thắng, trụ vững kiên cường, quân và dân Cao Bằng đã buộc kẻ thù phải rút quân về nước.

Cuối tháng 3/1979, các huyện, thị xã đã kịp thời củng cố các đơn vị bộ đội, thường xuyên luyện tập, nâng cao sức mạnh chiến đấu, tăng cường đoàn kết quân, dân quyết tâm bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc. Bên cạnh lực lượng chính quy, dân quân tự vệ ở các xã, khu phố, cơ quan, trường học, đơn vị sản xuất được củng cố, phát triển, nhất là lực lượng dân quân ở các xã, huyện biên giới. Dân quân tự vệ vừa tham gia đẩy mạnh sản xuất, vừa ủng hộ vật chất, giúp đỡ bộ đội đào hầm hào, công sự.

Năm 1980, tuy chiến tranh biên giới đã kết thúc, nhưng phía Trung Quốc vẫn thường xuyên gây căng thẳng ở biên giới và rêu rao “dạy cho Việt Nam bài học thứ hai”. Chúng

liên tiếp khiêu khích vũ trang, lấn chiếm đất đai, tung thám báo thăm dò tin tức, móc nối với những phần tử xấu, nhen nhóm tổ chức phản động, gây cho ta rất nhiều khó khăn. Song, những âm mưu, thủ đoạn thâm độc đó cuối cùng đều đã bị đánh bại. Lực lượng vũ trang được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Từng đơn vị hoàn thành chương trình huấn luyện, hoàn chỉnh các kế hoạch, phương án hiệp đồng tác chiến, các trận địa quân sự được củng cố vững chắc, sẵn sàng chiến đấu. Công tác tuyển quân năm 1980 đạt và vượt chỉ tiêu được giao. Lực lượng dân quân tự vệ được kiện toàn về mọi mặt, số lượng tăng 2,1% so với năm 1979. Đặc biệt, Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Quảng Hoà được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất và Trung đoàn 529 thuộc Sư đoàn 311 được Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng tặng thưởng lẵng hoa. Nhờ sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, quốc phòng - an ninh luôn được củng cố, đường biên mốc giới được giữ vững, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ tỉnh Cao Bằng hết sức coi trọng. Khi mới chia tách tỉnh Cao Lạng, Cao Bằng đã phải trải qua khó khăn, thử thách lớn, chiến tranh biên giới xảy ra. Đảng bộ kịp thời lãnh đạo nhân dân quyết tâm chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tham mưu cho cấp ủy công tác thông tin, tuyên truyền, khơi dậy truyền thống yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc, vạch trần âm mưu thủ đoạn của địch, nêu cao tinh thần cảnh giác, động viên toàn quân, toàn dân hăng hái chiến đấu bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc trên quê hương. Đồng thời, nhanh chóng khắc phục hậu quả, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, nhất là vùng biên giới.

Trong công tác tổ chức, cán bộ, Tỉnh ủy chỉ đạo: tập trung xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng vững mạnh. Toàn Đảng bộ có 652 chi bộ, đảng bộ cơ sở, 945 chi bộ dưới các đảng ủy cơ sở và 1.500 tổ đảng. Năm 1980, các cấp ủy tiếp tục công tác sắp xếp bộ máy, xây dựng cơ sở đảng; kết quả, đã có 644 chi bộ, đảng bộ cơ sở với 19.251 đảng viên.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã cùng các đoàn thể, các ban, ngành chức năng động viên đoàn viên, hội viên khẩn trương sơ tán, bảo toàn lực lượng; đồng thời, khắc phục khó khăn, cố vũ cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Kết thúc chiến tranh, cán bộ Mặt trận đã đến thăm hỏi, chia sẻ những khó khăn, mất mát trong nhân dân; động viên mọi người nhanh chóng ổn định đời sống, khôi phục và phát triển kinh tế. Mặt trận cũng thường xuyên phối hợp với các ngành, đoàn thể tuyên truyền, bồi dưỡng tinh thần yêu nước cho các tầng lớp nhân dân, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, hăng hái thi đua lao động sản xuất, xây dựng quê hương.

Chiến sự biên giới xảy ra, tuổi trẻ Cao Bằng một lần nữa đứng lên cùng cả nước nêu cao 5 lời thề chiến đấu, quyết tâm đánh bại bất cứ kẻ thù nào xâm phạm quê hương, đất nước. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc kết thúc thắng lợi, Tỉnh Đoàn đã động viên tuổi trẻ xung kích vào các lĩnh vực lao động, sản xuất, khôi phục kinh tế, xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Năm 1979, Đoàn Thanh niên đã giới thiệu 3.058 đoàn viên ưu tú cho Đảng. Năm 1980, kết nạp được 6.173 đoàn viên mới, giới thiệu 4.168 đoàn viên ưu tú, tăng 41,1% so với năm 1979. Đó là thành quả quan trọng của tổ chức Đoàn, thể hiện rõ vai trò là cánh tay phải của Đảng, sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, phụ nữ các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không quản hy sinh, gian khổ, tích cực tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chăm sóc thương binh, động viên chồng, con lên đường nhập ngũ. Kết thúc chiến tranh biên giới, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cao Bằng đã động viên hội viên khắc phục khó khăn, tích cực tăng gia sản xuất, ổn định cuộc sống, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã động viên, khích lệ công nhân, viên chức, người lao động sáng tạo trong sản xuất và cổ vũ các đơn vị tự vệ cơ quan, xí nghiệp, công - nông - lâm trường hăng hái tham gia chiến đấu, góp phần quan trọng vào chiến thắng chung trên toàn tuyến biên giới. Sau khi chiến tranh kết thúc, các công đoàn ngành đã động viên cán bộ, công nhân viên chức khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới. Tập trung khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội, thi đua sản xuất, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động.

Công tác vận động đoàn thể quần chúng đã được cấp ủy đảng quan tâm đúng mức. Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân và các tổ chức quần chúng đã chủ động, tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ, có nhiều cống hiến trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm dấy lên phong trào thi đua lao động, học tập, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp trên phạm vi toàn tỉnh.

Từ ngày 28 đến ngày 30/8/1980, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ X được tiến hành trọng thể tại thị xã Cao Bằng. Đến dự Đại hội có 16 đoàn đại biểu từ các đảng bộ trực thuộc trong tỉnh với 143 đại biểu chính thức/153 đại biểu được triệu tập. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị và xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện. Đồng thời, tập trung xây dựng Nghị quyết Đại hội

nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong thời gian tiếp theo.

Trong đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác, Báo cáo chính trị nhấn mạnh: Lĩnh vực khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa đã đạt được những kết quả bước đầu, nổi lên những cố gắng tích cực của Đảng bộ, sức mạnh to lớn của nhân dân các dân tộc và của các ngành, các cấp trong tỉnh. Dù phải vượt qua biết bao khó khăn, nhưng quan hệ sản xuất nông nghiệp vẫn được giữ vững, phát huy và đạt được những kết quả nhất định. Trong các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải, thủy lợi, xây dựng, thương nghiệp..., tuyệt đại bộ phận giai cấp công nhân và đội ngũ cán bộ, công nhân viên đã nêu cao ý chí cách mạng, tinh thần tận tụy phục vụ trong chiến đấu và trong khôi phục kinh tế; góp phần tích cực xây dựng thế trận phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu, phục hồi sản xuất nông - lâm nghiệp và ổn định đời sống nhân dân. Biểu dương thành tích đã đạt được của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh những năm qua.

Đại hội ghi nhớ công ơn các anh hùng liệt sĩ và đồng bào, đồng chí đã chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, vì chủ nghĩa xã hội, nêu cao truyền thống vẻ vang của Đảng và của dân tộc, đánh dấu thắng lợi mới trên tuyến đầu bảo vệ Tổ quốc¹.

Nghị quyết Đại hội X đã xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nổi bật các vấn đề: “Khẩn trương

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

hoàn chỉnh các mặt phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu đáp ứng chắc thắng địch trong mọi tình huống, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, khắc phục mọi biểu hiện tư tưởng chủ quan, mơ hồ, mất cảnh giác, ngăn chặn và khắc phục các mặt tiêu cực. Tập trung sức khôi phục kinh tế và đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp..., trước mắt là sản xuất lương thực, thực phẩm. Phấn đấu đảm bảo cho Nhà nước nắm được nhiều nguồn hàng, làm chủ tài chính - tiền tệ, làm chủ thị trường, ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân. Xây dựng Đảng bộ thật trong sạch và vững mạnh từ tỉnh đến cơ sở để phát huy vai trò lãnh đạo, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội”.

Trong công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: Yêu cầu công tác chính trị, tư tưởng trong những năm tiếp theo là làm cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân nắm vững tình hình, nhiệm vụ; hiểu và làm đúng chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Phải xây dựng cho được ý thức, tư tưởng của mỗi cán bộ, đảng viên luôn gương mẫu, gắn bó với tổ chức, thiết tha, sâu sát với cơ sở, có tinh thần chủ động, tích cực, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. củng cố và nâng cao lập trường giai cấp công nhân, đoàn kết các dân tộc, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác củng cố, xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Cải tiến cách chỉ đạo và lối làm việc, tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ; phân công cấp ủy chỉ đạo chuyên trách đối với những mục tiêu trọng yếu.

Nghị quyết Đại hội đã xác định, cần phát huy hiệu quả vai trò, vị trí và chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đoàn thể: “Mỗi cấp ủy và chính quyền các cấp phải thật sự đề cao việc phát huy đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của các đoàn thể

quần chúng. Mỗi đoàn thể quần chúng phải làm tròn trách nhiệm của mình trong việc tổ chức giáo dục, động viên quần chúng phát huy quyền làm chủ tập thể, thực hiện đầy đủ mọi chủ trương, chính sách, tham gia xây dựng Đảng và củng cố chính quyền. Mục tiêu chủ yếu là: Đưa đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng đến quần chúng nhân dân các dân tộc. Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của các cơ quan, cán bộ và đảng viên. Tham gia ý kiến, hiến kế củng cố tổ chức và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Các đoàn thể quần chúng phải thực sự cải tiến phương thức hoạt động của mình, nhanh nhạy nắm bắt các yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm của cấp ủy, chính quyền. Hoạt động bám sát cơ sở, tích cực xây dựng và bồi dưỡng các nhân tố mới; lựa chọn đơn vị điển hình để chỉ đạo rút kinh nghiệm”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 40 ủy viên chính thức và 04 ủy viên dự khuyết, 12 ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng chí Dương Tường được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Trương được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Lương Ích Lập được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh¹.

Trải qua 5 năm 1976-1980, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Lạng lần thứ I và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ X; Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã lãnh đạo toàn dân và toàn quân

1. Xem Quyết định số 1265.NQ-NS/TW ngày 31/10/1980 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng; Thông báo Quyết định số 1265.NQ-NS/TW ngày 31/10/1980 của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; Báo cáo số 06-BC/CB ngày 08/9/1980 của Tỉnh ủy Cao Bằng về kết quả Đại hội đại biểu lần thứ X Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

vượt qua khó khăn, thử thách, anh dũng, ngoan cường quyết tâm bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Ra sức khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tổ chức lại sản xuất, cải tiến chế độ quản lý kinh tế. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất; ổn định đời sống nhân dân, nhất là vùng biên giới, củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đạt được những thành quả quan trọng, tạo đà cho sự phát triển trong những năm tới.

Bên cạnh những thành quả đạt được trong tổ chức thực hiện, tỉnh vẫn còn bộc lộ nhiều khó khăn, yếu kém, đó là: Do sự tàn phá nặng nề của chiến tranh, nhiều cơ sở hạ tầng kinh tế chưa kịp phục hồi, củng cố; đời sống nhân dân các dân tộc gặp vô vàn khó khăn, có nơi chưa ổn định, nhất là vùng biên giới. Đã xuất hiện tình trạng di dân vào nội địa và di cư vào miền Nam. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong tổ chức thực hiện còn thiếu đồng bộ, chưa tập trung cao vào một số nhiệm vụ trọng yếu. Năng lực, trình độ của một số cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Công tác vận động quần chúng còn có mặt mang tính hình thức, kém hiệu quả.

Song, tất cả những nỗ lực, quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã góp phần cùng cả nước từng bước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

II. LÃNH ĐẠO KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA (1981-1985)

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ X, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng

bước vào giai đoạn mới (1981-1985), với nhiệm vụ chủ yếu đặt ra là: Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững đường biên mốc giới, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, với tinh thần quyết tâm cao, nhân dân các dân tộc phấn khởi đón nhận và hăng hái thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đề ra cùng với các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; khắc phục khó khăn, tranh thủ thời gian hàn gắn vết thương chiến tranh, tích cực lao động sản xuất, ổn định xây dựng cuộc sống.

Song, ngay từ đầu năm 1981, đối phương phía bên kia biên giới lại tiếp tục chống phá ta, chúng đào hầm hào công sự, tiến hành các cuộc diễn tập bộ binh, khiêu khích vũ trang, gây tổn hại, khó khăn ở các xã biên giới. Đồng thời, chúng tung tin đe dọa “Dạy cho Việt Nam bài học thứ hai” gây nên căng thẳng trên toàn tuyến biên giới, nhân dân không yên tâm sản xuất, nhiều gia đình đã phải rời làng vào nội địa hoặc di cư vào miền Nam sinh sống.

Tháng 12/1980, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IV đã họp bàn xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1981. Hội nghị nêu rõ: “Nhiệm vụ hàng đầu là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ở tất cả các vùng trong nước, nhằm giải quyết lương thực, thực phẩm, cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nhanh nông sản xuất khẩu...”¹.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ X, quán triệt Nghị quyết Trung ương 9 khóa IV, Tỉnh ủy đã

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, 2005, t.41, tr.560.

lãnh đạo chính quyền, đoàn thể và nhân dân các dân tộc tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát động phong trào thi đua 60 ngày đêm nước rút, củng cố xây dựng về mọi mặt.

Ngay từ đầu năm 1981, thời tiết mưa nhiều gây nên úng lụt, sâu bệnh hoành hành đã ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất nông nghiệp. Nhưng, nhờ quyết tâm nỗ lực khắc phục khó khăn của toàn dân, diện tích gieo trồng vẫn tăng đạt 82.000 ha, trong đó diện tích trồng lúa là 31.150 ha, đạt 101,4%, tăng 36,6% so với năm 1980. Diện tích trồng ngô được 31.900 ha, đạt 102,14% kế hoạch, tăng 7,8% diện tích so với năm 1980; các loại cây thực phẩm đạt 1.190 ha và 2.640 ha đậu đỗ; diện tích trồng cây công nghiệp đạt 8.920 ha, tăng 27,2%, trong đó cây đỗ tương chiếm 6.000 ha với sản lượng 3.000 tấn. Do diện tích gieo trồng tăng nên tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng lên 110.000 tấn.

Từ ngày 27 đến 31/3/1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương, xác định phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (1981-1985) và báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng. Đại hội nhấn mạnh: Trong nhiệm kỳ mới và những năm 80, cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa¹.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội V của Đảng, năm 1982, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, 2006, t.43, tr.190.

nông nghiệp, khuyến khích gieo trồng, đưa diện tích gieo trồng lên 85.203 ha, tăng 3.648 ha so với năm 1981. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1982 đạt 121.977 tấn, tăng 10,9% so kế hoạch đề ra. Đây là thành quả quan trọng của tỉnh trong việc đảm bảo cho đời sống nhân dân và ổn định giá cả thị trường.

Từ ngày 25 đến 29/01/1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XI được tiến hành tại thị xã Cao Bằng, với sự có mặt của 253 đại biểu. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị và khẳng định: “Tóm lại, đây là thời kỳ mà hầu như chúng ta phải lập lại trật tự từ đầu trong sự đảo lộn nhiều mặt do hậu quả chiến tranh và trước yêu cầu bức thiết mới đòi hỏi. Trong bối cảnh đó, ba năm Đảng bộ và quân, dân các dân tộc tỉnh ta đã phấn đấu vượt qua một bước khó khăn, đưa sự nghiệp cách mạng tỉnh ta tiến lên một thế mới, bước đầu ổn định và mở ra triển vọng mới dưới ánh sáng đường lối Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước”.

Đánh giá toàn diện về các lĩnh vực công tác, Báo cáo chính trị nêu rõ: Trên mặt trận kinh tế, nhân dân trong tỉnh đã có những nỗ lực quan trọng về khôi phục một bước những hậu quả của cuộc chiến tranh và thiên tai thất thường gây ra. Đến nay, hầu hết các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội đã được khôi phục lại, năng lực sản xuất từng bước được bổ sung, lao động xã hội bước đầu được sắp xếp lại. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng tuy còn có mặt yếu; song, trong thời gian tương đối ngắn, chúng ta đã triển khai được nhiều chỉ thị, nghị quyết; đã bước đầu chú trọng giáo dục đảng viên và quần chúng cả bề rộng lẫn chiều sâu từ các đợt sinh hoạt

chính trị; thực hiện phát thể đảng viên gắn với việc kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng. Công tác cán bộ đã được các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc những thành tựu và hạn chế của Đảng bộ trong nhiệm kỳ qua, Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới, với mục tiêu: “Hướng phấn đấu cao nhất của Đảng bộ tỉnh ta trong những năm tới là tạo cho được một sự chuyển biến rõ rệt về kinh tế và đời sống; chủ động về an ninh, quốc phòng; vươn tới đảm bảo được ba mặt cân đối lớn: cân đối lương thực và thực phẩm, cân đối tiền và hàng, cân đối ngân sách”.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Đại hội nhấn mạnh: “Phải coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước tiến lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là kết quả tổng hợp của quá trình tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng. Mọi ngành, mọi cấp, mọi lực lượng từ tỉnh đến cơ sở phải hiệp đồng chặt chẽ, thống nhất quan điểm, nắm chắc tư tưởng chỉ đạo của Đảng; có chương trình cụ thể, hành động kiên quyết, tạo cho được một sự chuyển biến vượt bậc về nông nghiệp, phát huy được các thế mạnh về cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng với ý thức thật sự làm chủ, năng động và sáng tạo”.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Báo cáo chính trị nhấn mạnh: Trong vài năm trước mắt phải tăng cường một bước năng lực sản xuất các ngành cơ khí, sửa chữa, điện lực, sản xuất vật liệu xây dựng, hóa chất, sành sứ, thủy tinh, khai thác chế biến nông, lâm sản; chế biến lương thực, thực phẩm. Phải phát huy tất cả khả năng của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nghề phụ nông thôn, thợ thủ công cá thể, tuyển thêm thợ lành nghề có kỹ thuật cao để đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đại hội chỉ rõ: Phải chủ động giáo dục cán bộ, đảng viên nắm chắc đường lối, quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước trên mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội. Bám sát các mục tiêu đã nêu trong Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh được cụ thể hóa trong từng cấp, từng ngành biến thành hành động cụ thể trong các lĩnh vực công tác. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, làm tốt việc xây dựng nền nếp, giữ gìn kỷ luật của Đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng mạnh cả về năng lực và phẩm chất, đủ sức đảm đương và hoàn thành nhiệm vụ to lớn và nặng nề của Đảng bộ. Hết sức coi trọng chất lượng cán bộ cả về phẩm chất chính trị và năng lực công tác, thể hiện ở kết quả hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đối với công tác vận động quần chúng của Đảng, trong phương hướng, nhiệm vụ đề ra cho 5 năm tiếp theo, Báo cáo chính trị nêu rõ: “Các tổ chức quần chúng cấp tỉnh và cấp huyện phải nắm được chủ trương của cấp ủy và nội dung yêu cầu chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, chuyển mạnh mọi hoạt động về cơ sở, tập hợp, động viên hội viên nâng cao tính tích cực của quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng và kế hoạch Nhà nước, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ cơ sở. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc và các thành viên khác trong Mặt trận, phải thường xuyên chăm lo đổi mới phương thức vận động quần chúng. Trong từng thời gian, biết lựa chọn những nhiệm vụ trọng tâm để phát động quần chúng sao cho phù hợp với hoàn cảnh của một tỉnh tuyến đầu bảo vệ Tổ quốc”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 41 ủy viên chính thức, 04 ủy viên dự khuyết, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Dương Tường tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Trương được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Vũ Ngọc Bộ được bầu giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng¹.

Tỉnh ủy đã khẩn trương quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XI tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, quyết tâm đưa các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Trong sản xuất nông nghiệp, năm 1983, thời tiết khô hạn, nắng nóng kéo dài, nên diện tích gieo cấy lúa mới đạt 84.360 ha, giảm so với năm 1982, trong đó có 63% diện tích cấy kịp thời vụ; còn lại cấy muộn và 1.736 ha không có nước phải chuyển sang trồng khoai. Mặc dù các cấp, các ngành và nhân dân đã có nhiều cố gắng, nhưng sản lượng cây trồng vẫn bị giảm so với năm 1982; tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1983 đạt 117.000 tấn; thuốc lá 672 tấn; đỗ tương 3.711 tấn, bằng 37,1% kế hoạch.

Năm 1984, thực hiện Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh sản xuất lương thực, ngành nông nghiệp đã phối hợp cùng các cấp, các ngành, đoàn thể chỉ đạo sản xuất,

1. Xem Quyết định số 388-QĐ-NS/TW ngày 07/4/1983 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 389-QĐ-NS/TW ngày 07/4/1983 của Ban Bí thư thông báo Quyết định của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; Biên bản số 02 BB/CB ngày 05/02/1983 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kết quả Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XI.

khắc phục khó khăn do lũ lớn gây ra, đầu tư phân bón cho nông nghiệp. Nhờ đó, tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm đạt 140.425 tấn, đỗ tương đạt 4.631 tấn, thuốc lá 1.608 tấn, tăng lên so với năm 1983. Đặc biệt, một số huyện đạt sản lượng lương thực quy thóc cao, như huyện Quảng Hòa vượt 3.747 tấn, huyện Hạ Lang vượt 643 tấn so với kế hoạch.

Cùng với trồng trọt, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phấn đấu đưa chăn nuôi trở thành ngành chính trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Ngay từ năm 1981, toàn tỉnh chú ý phát triển chăn nuôi trên cả ba lĩnh vực: quốc doanh, tập thể và hộ gia đình. Năm 1981, tổng đàn trâu toàn tỉnh đạt 91.650 con, tổng đàn bò là 57.540 con, tổng đàn lợn 188.238 con. Năm 1982, tổng đàn trâu đạt 94.061 con, đàn bò là 62.750 con, đàn lợn 202.399 con. Chăn nuôi gia đình phát triển mạnh, nhất là chăn nuôi lợn. Năm 1983, dịch và bệnh nhiệt thán hoành hành khắp các huyện trong tỉnh ảnh hưởng lớn đến đàn gia súc, gia cầm, nhưng do có nhiều biện pháp tích cực cứu chữa, phòng ngừa bệnh nên tổng số đàn trâu, bò, lợn đều tăng so với năm 1982: trâu tăng 3%, bò tăng 0,8%. Năm 1984, công tác thú y, phòng dịch được quan tâm nên đàn gia súc, gia cầm tiếp tục tăng so với năm trước: tổng đàn trâu 100.814 con, bò 65.218 con, lợn trên 2 tháng tuổi 212.185 con, gia cầm 1.135.000 con. Ngoài ra, việc nuôi thả cá được khuyến khích phát triển trong các huyện.

Năm 1985, toàn tỉnh phát động phong trào nuôi lợn trong cán bộ, công nhân viên chức, góp phần làm cho đàn lợn đạt 217.267 con. Đây là năm đầu tiên tỉnh tự cân đối được nhu cầu thực phẩm.

Từ giữa năm 1981, Đảng bộ đã chỉ đạo khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp theo Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán,

mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp. Các hợp tác xã từng bước tiến hành bố trí lại sản xuất, cơ cấu cây trồng theo mùa vụ... Kết thúc năm 1981, toàn tỉnh có 1.000 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó 150 hợp tác xã vùng cao, số hộ trong hợp tác xã là 52.274 hộ, bằng 68,7% tổng số hộ nông dân; có 788 hợp tác xã thực hiện khoán sản phẩm theo Chỉ thị số 100-CT/TW. Một số hợp tác xã đã tích cực đưa khoa học kỹ thuật, giống mới vào trong sản xuất, nên sản lượng 1 vụ lúa đã đạt 4 tấn/ha như các hợp tác xã Hồng Ngọc, Đức Chính (huyện Hoà An); xã Thụy Hùng (huyện Thạch An) đạt năng suất từ 3-3,2 tấn/ha; đặc biệt các hợp tác xã Lang Môn, Bắc Hợp, Phai Khắt (huyện Nguyên Bình) đạt 4-5,2 tấn/ha. Các hợp tác xã ở Trùng Khánh, Quảng Hòa, Trà Lĩnh, Hạ Lang... vẫn còn lúng túng trong việc thực hiện khoán sản phẩm theo Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư.

Nhìn chung, việc đổi mới cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư bước đầu đã làm thay đổi tình hình sản xuất theo chiều hướng phát triển, đưa sản lượng lương thực năm 1985 đạt 150.000 tấn.

Nhằm chủ động trong tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, Đảng bộ đã chỉ đạo ngành thủy lợi khẩn trương nghiên cứu, tổ chức khảo sát và thi công một số công trình: đập Nà Tổng, Phù Mát (huyện Ba Bể), hồ Bản Chang (huyện Ngân Sơn). Hồ Bản Chang là hồ lớn có dung tích 2 triệu mét khối nước phục vụ tưới tiêu cho vùng Bằng Khẩu 240 ha. Đồng thời, tiến hành khảo sát thiết kế hồ Khuổi Lái để tưới nước cho đồng ruộng của xã Đề Thám và một phần xã Hưng Đạo thuộc huyện Hoà An. Hồ Khuổi Lái được coi là công trình trọng điểm của tưới trẻ Cao Bằng, mang tên “Công trình Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh”.

Về lâm nghiệp, năm 1981, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo tiến hành tổng kết 20 năm trồng cây gây rừng, đánh giá đúng mức mặt mạnh và những yếu kém tồn tại của lâm nghiệp, rút ra bài học kinh nghiệm cho những năm tới. Năm 1981, toàn tỉnh đã trồng được 4.085 ha rừng, tăng 1,2% so với năm 1980. Phong trào trồng rừng được nhân dân tích cực hưởng ứng. Song, tình trạng đốt rừng, chặt phá rừng lén lút vẫn xảy ra. Kế hoạch Nhà nước giao khai thác mới đạt 3.530/7.000 m³, bằng 50% kế hoạch.

Năm 1982, việc trồng rừng đối với các lâm trường quốc doanh và tập thể so với kế hoạch giao đạt thấp; trong 9 tháng, khu vực quốc doanh mới đạt 71,6%. Chăm sóc rừng đạt 100% kế hoạch (5.000 ha). Diện tích rừng bị cháy lên tới 102 ha, tình trạng đốt, phá rừng vẫn chưa chấm dứt. Năm 1983, mưa, rét kéo dài ảnh hưởng lớn đến trồng rừng. Cả năm trồng rừng tập trung được 2.441 ha, chăm sóc rừng đạt 5.325 ha, riêng trồng trầu được 3.200 ha. Diện tích rừng bị cháy giảm hơn so với trước. Việc giao đất, giao rừng đã được thực hiện đạt trên 60% kế hoạch giao.

Năm 1984, khắc phục khó khăn về thời tiết, ngành lâm nghiệp đã chỉ đạo trồng rừng tập trung được 1.417 ha, đạt 92,4% kế hoạch. Riêng lực lượng quân đội đã trồng được 11.000 ha. Việc trồng cây giao cho nhân dân đạt hiệu quả thấp. Trong năm đã xảy ra 156 vụ cháy rừng, với 1.606 ha rừng bị cháy, giá trị thiệt hại lên tới 3.436.000 đồng, rừng bị phá làm nương rẫy là 136 ha.

Năm 1985, phong trào trồng cây gây rừng được đẩy mạnh, nhất là trong nhân dân. Cả tỉnh trồng được 8.386 ha, trong đó nhân dân đã trồng được 6.096 ha. Hiện tượng cháy rừng, phá rừng giảm hẳn. Đã tổ chức khai thác được 6.582 m³ gỗ cho Nhà nước. Việc giao đất, giao rừng được 50.942 ha;

nhiều nơi đã phủ xanh đất trống, đồi trọc như: xã Phúc Sen (huyện Quảng Hòa), xã Thành Công (huyện Nguyên Bình), xã Cao Thượng (huyện Ba Bể¹). Trên 200 hợp tác xã có phong trào trồng trầu, bước đầu đưa rừng vào kinh doanh bằng cách trồng thêm cây ăn quả như cam, quýt, mận, đào, lê, mít, hạt dẻ..., bên cạnh việc hình thành các vùng chuyên canh, thâm canh cây lương thực và thực phẩm trên 4 vùng kinh tế.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ đã lãnh đạo toàn dân chú trọng phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khoá IV về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã ra Nghị quyết về khôi phục phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng. Trong chỉ đạo thực hiện, các cấp ủy đảng đã nhận thức đúng vị trí, vai trò quan trọng về công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Trước mắt, từng bước ổn định đời sống công nhân trong các xí nghiệp quốc doanh và xã viên hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, tập trung tạo ra nguồn hàng hai chiều nhằm đẩy mạnh sản xuất và phục vụ nông, lâm nghiệp. Năm 1981, giá trị tổng sản lượng đạt 11.880.000 đồng, bằng 85% kế hoạch, tăng 16,9% so với năm 1980. Trong đó, công nghiệp quốc doanh tăng 9,5%, tiểu thủ công nghiệp tăng 16,8%. Đơn vị có năng suất cao nhất là Sở Điện lực đạt 142,8% kế hoạch, Nhà máy cơ khí đạt 127,3% kế hoạch, Xí nghiệp bánh kẹo đạt 116% kế hoạch, Nhà máy giấy đạt 119% kế hoạch được giao. Tiểu thủ công nghiệp có 9

1. Ngày 06/11/1984, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 144-HĐBT về việc đổi tên huyện Chợ Rã thành huyện Ba Bể, tỉnh Cao Bằng.

cơ sở hoàn thành từ 100 đến 130% kế hoạch. Các sản phẩm chủ yếu của tiểu thủ công nghiệp là: công cụ cầm tay và nông cụ lao động; chế biến lương thực, thực phẩm đạt 11,5 tấn; gạch xây 4.310.000 viên; ngói lợp 22.683.000 viên... Năm 1982, thực hiện Nghị quyết số 04 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp địa phương, tiểu thủ công nghiệp, đã có các hợp tác xã ổn định và phát triển sản xuất như: Ngôi sao sáng, Hợp Thành ở thị xã Cao Bằng, và các lò gạch, ngói, gốm sứ, rèn đúc, sửa chữa nông cụ ở các huyện Quảng Hòa, Hà Quảng, Trùng Khánh.

Cùng với sự giúp đỡ của Trung ương và các tỉnh bạn, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Cao Bằng đã khắc phục khó khăn để vươn lên. Một số sản phẩm sản xuất đạt và vượt kế hoạch như: lưỡi cày các loại đạt 47.000 chiếc; máy bơm nước 37 cái; giấy các loại 127 tấn; xi măng 1.500 tấn; dầu thảo mộc 135 tấn, giá trị sản lượng đạt 124.800.000 đồng, tăng 13,7% so với kế hoạch và tăng 18,6% so với năm 1981. Trong đó, công nghiệp quốc doanh đạt 7.538.500 đồng, tăng 2.060.500 đồng so với năm 1981. Giữa năm 1982, tiểu thủ công nghiệp tách khỏi Sở Công nghiệp, thành lập Ban Liên hiệp quản lý hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong toàn tỉnh. Năm 1983, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 25, 26, 146-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, rút ra bài học kinh nghiệm tạo điều kiện cho các xí nghiệp khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ và sắp xếp lại một số xí nghiệp để hoạt động ổn định hơn. Do đó, tổng giá trị sản lượng cả năm đạt 17.428.000 đồng, bằng 92,3%. Riêng Mỏ thiếc Tĩnh Túc đã tập trung tốt nguồn lực, thiết bị và phương tiện sản xuất cho khai thác; năm 1982, giá trị tổng sản lượng đạt 8.073.700 đồng, bằng 101,8% kế hoạch giao.

Năm 1984, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo sản xuất các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân, nhất là vùng cao biên giới, tập trung sản xuất các loại nông cụ cầm tay và các mặt hàng: nước chấm, dép nhựa, khăn mặt, gôm, xà phòng, gạch hoa... Đặc biệt, đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng, khôi phục nghề thủ công truyền thống trong nhân dân. Ngành thủy lợi Cao Bằng đã kết hợp với ngành công nghiệp và Quân đoàn 26 xây dựng hơn 20 trạm bơm thủy điện để phục vụ sản xuất. Khắp các huyện biên giới, các xã vùng sâu, vùng xa, nơi có bộ đội đóng quân đều xây dựng thủy điện nhỏ. Các trạm thủy điện lớn như trạm Khau Chả - Quảng Hòa 120 KW, trạm nhỏ như Nà Én - Thông Nông 5 KW... đã cung cấp nguồn năng lượng cho thắp sáng và sản xuất. Tổng giá trị sản lượng đạt được trong năm là 166.378.000 đồng, trong đó, tiểu thủ công nghiệp đạt 10.230.000 đồng. Các cơ sở sản xuất: Xí nghiệp nước, Nhà máy điện, Nhà máy giấy, Hợp tác xã 8-3, Hợp tác xã Ngôi sao sáng là những đơn vị sản xuất khá.

Năm 1985, lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp đã nhận được sự giúp đỡ về vốn, vật tư, kỹ thuật của Ban Liên hiệp xã các tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Thái Bình... để nâng cao hiệu suất lao động và chất lượng các mặt hàng gôm, thủy tinh, dệt vải... Với sự hỗ trợ của các địa phương bạn, ngân sách nhà nước, cùng với nguồn vốn tự có và vốn vay tín dụng, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đã tập trung đầu tư xây dựng đường điện, nhà xưởng, cửa hàng, máy móc, thiết bị để đáp ứng yêu cầu sản xuất và kinh doanh dịch vụ, tiêu biểu là các hợp tác xã: Ngôi sao sáng, 8-3, Hồng Tiến, Sao Mai, Lam Sơn, Thống Nhất, Bằng Giang (thị xã Cao Bằng), sứ Cầu Khanh (huyện Hoà An), vôi Công Minh (huyện Quảng Hoà)... Riêng Mỏ thiếc Tĩnh Túc, sản xuất

vượt kế hoạch 0,47%, tăng 22,4% so với năm 1984. Năm 1985, đội sửa chữa cơ khí tời dây của Mỏ thiếc Tĩnh Túc được tuyên dương Anh hùng Lao động.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong những năm 1981-1985 có nhiều khởi sắc, năng suất và giá trị tổng sản lượng đạt cao hơn trước, giá thành sản phẩm đã hạ từ 20 - 30%.

Lĩnh vực giao thông vận tải luôn được Đảng bộ chú trọng chỉ đạo và tạo nên nhiều chuyển biến tiến bộ. Ngày 25/3/1981, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Đồng Sĩ Nguyên lên thăm và làm việc tại Cao Bằng, quyết định giúp vốn đầu tư nâng cấp mặt đường toàn tuyến quốc lộ 3 từ Bắc Thái đến thị xã Cao Bằng. Bộ Giao thông vận tải đã cử các đơn vị đến tham gia thiết kế, thi công: Công ty Phà Rừng, Công ty cầu 14, Công ty 122 thuộc Tổng công ty xây dựng giao thông I Bộ Giao thông vận tải, Xí nghiệp thiết kế đường Bắc Thái. Công trình được khởi công xây dựng vào tháng 5/1984.

Cũng từ năm 1981, thực hiện chủ trương của Bộ Giao thông vận tải, sự chỉ đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giao thông vận tải Cao Bằng đã lập kế hoạch, phương án xây dựng và phát triển mạng lưới giao thông đường bộ, trình duyệt kế hoạch đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo tuyến đường cũ, mở rộng, làm thêm các tuyến đường nhánh nối liền quốc lộ, tỉnh lộ với các vùng kinh tế, các khu vực chiến lược quốc phòng. Do đó, hàng loạt các tuyến đường được nâng cấp và làm mới như đường 202 (nay là quốc lộ 34), mở rộng các vòng cua, đảm bảo tầm nhìn an toàn giao thông cho các phương tiện vận tải từ Cao Sơn, Cao Lù đến Lũng Pán; cải tạo lại toàn bộ tuyến đường dốc Nặm Pát, cầu Bản Bình, cầu Cao Sơn, cầu Cốc Cai bằng bê tông vĩnh cửu. Trong những năm

1981-1984, ngành giao thông vận tải tiến hành mở tuyến đường mới nối từ quốc lộ 3 (Bản Chang, xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn) đến xã Quang Trọng, huyện Thạch An dài 26 km. Trong 2 năm 1983-1985, Công ty cầu đường I thi công xây dựng mới tuyến đường từ huyện lỵ Hạ Lang qua vùng dân cư Huyền Du - Bó Mu, Bản Doa - Ngườm Bang - phố Bằng Ca dài 25 km với tiêu chuẩn đường cấp 5. Từ năm 1984-1985, Công ty cầu đường I cũng khởi công xây dựng nền đường Bản Chang - Ngọc Động - Đống Đa dài 20 km; tuyến đường này nhằm mục đích tránh đèo Mã Phục, phát triển kinh tế, phục vụ dân sinh, tạo thành mạng lưới giao thông liên xã ở các vùng dân cư hẻo lánh, xa xôi.

Vận chuyển hàng hóa và hành khách luôn được tỉnh quan tâm, nâng cấp, sửa chữa các phương tiện vận tải, đảm bảo nhu cầu sản xuất và đi lại của nhân dân trong tỉnh. Năm 1981, khối lượng vận chuyển đạt 197.400 tấn, khối lượng luân chuyển đạt 6.270.000 tấn.km. Lực lượng vận tải bằng xe thô sơ đã góp phần quan trọng, vận chuyển cả năm đạt 31.000 tấn, gấp 6 lần năm 1980.

Năm 1982, tổng khối lượng hàng hóa vận tải đạt 146.000 tấn, bằng 81,1% kế hoạch. Vận chuyển bằng cơ giới đạt 115,5%; khối lượng hàng hóa luân chuyển là 7.777.200 tấn.km, bằng 113,7% kế hoạch. Năm 1983, được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, ngành giao thông vận tải đã tổ chức sản xuất hợp lý hơn nhằm phát huy sức mạnh lực lượng vận tải. Lượng hàng hóa vận chuyển đạt 112,8% kế hoạch, tổng khối lượng hàng hóa chuyên chở đạt 146.000 tấn, riêng vận chuyển bằng cơ giới đạt 115,5%. Khối lượng chở hành khách đạt 104% kế hoạch.

Năm 1985, Sở Giao thông vận tải đã chỉ đạo lực lượng vận tải của tỉnh tập trung vận chuyển vật tư hàng hóa phục

vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giảm giá cước vận chuyển xuống 30%, tạo điều kiện cho nhân dân đi lại thuận lợi hơn.

Công tác thông tin liên lạc có nhiều biến chuyển, tiến bộ. Ngành bưu điện tỉnh đã tập trung sức củng cố và phát triển vững chắc mạng thông tin liên lạc giữa tỉnh với các huyện và Trung ương. Năm 1981, đã sửa chữa, khôi phục phát triển hơn 60 km đường dây, lắp đặt mới 15 tổng đài các loại và 176 máy lẻ phục vụ sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Đồng thời, tăng cường lực lượng giao thông viên cho các huyện biên giới. Tuyến đường dây các huyện miền đông được sửa chữa. Thị xã Hà Quảng đã tiến hành xây dựng trục đường chính, trạm vi ba đưa vào khai thác, sử dụng hiệu quả.

Trong 2 năm 1982-1983, ngành bưu điện tiếp tục bảo dưỡng đường dây nội tỉnh, nội hạt, lắp thêm một số máy ở biên giới, thay tổng đài 20 số cũ bằng loại từ thạch mới từ 5 đến 100 số.

Năm 1984, ngành đã cải tạo lại toàn bộ đường dây hữu tuyến của 4 huyện miền đông, hoàn thành đường dây từ 6 huyện đi vào các vùng xung yếu biên giới. Được sự giúp đỡ của Tổng cục Bưu điện, Bưu điện Cao Bằng đã hoàn thành việc cải tạo đường dây tải ba từ Cao Bằng về Hà Nội và các tỉnh bạn; xây dựng mới ở các huyện 11 công trình với 81 km đường dây kiên cố và 272 km dây đôi. Toàn ngành đã bảo dưỡng 80 lần máy phát, 44 lần máy “rôza”, 12 lần máy tải ba, 60 lần máy điện thoại, lắp đặt 6 tổng đài từ thạch và bộ máy thu phát 500 W, 10 bộ thu phát 15 W, 4 vô tuyến điện đơn. Năm 1985, ngành tiến hành kiên cố hóa đường dây Nguyên Bình, Tịch Túc, nâng lên song tuyến dài 20 km. Cả năm nhận được 2.300.000 tiếng điện báo, 115.000.000 đơn vị điện thoại đường dài, toàn tỉnh có 114 đường thư hoạt động, liên

lạc đến tận xã. Công tác bưu điện đã góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân trong tỉnh.

Về xây dựng cơ bản, năm 1981, ngành xây dựng gặp nhiều khó khăn vì giá cả nguyên vật liệu không ổn định, tiến độ thi công chậm. Để hoàn thành nhiệm vụ, một số đơn vị đã khắc phục khó khăn, tự tìm việc làm cho công nhân để đảm bảo đời sống. Trong năm, vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản mới đạt 13.943.000 đồng, chiếm 96% kế hoạch, trong đó xây lắp thực hiện được 11.381.000 đồng, thiết bị đạt 2.344.000 đồng.

Rút kinh nghiệm năm trước, năm 1982, công tác xây dựng cơ bản đã tránh đầu tư tràn lan mà tập trung vào dứt điểm một số công trình. Nhờ đó, 10 công trình đã hoàn thành kịp tiến độ đưa vào sản xuất và sử dụng trong 9 tháng đầu năm. Những tháng cuối năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo chặt chẽ ngành, thúc đẩy tiến độ thi công và tập trung vốn cho xây dựng cơ bản đạt 43.473.000 đồng; trong đó, xây lắp là 34.657.000 đồng, chiếm 79%; thiết bị là 7.505.000 đồng, đạt 92,1% kế hoạch. Những năm 1983-1985, việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật tiến bộ hơn trước, vốn đầu tư được bố trí tập trung vào các công trình trọng điểm. Nhiều đơn vị và địa phương thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đạt hiệu quả rõ rệt.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và sự chỉ đạo của tỉnh, ngành thương nghiệp đã cải tiến công tác lưu thông, phân phối ngay từ năm 1981, chủ động nắm nguồn hàng và đẩy mạnh công tác thu mua. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo phát động phong trào thi đua 120 ngày đêm hướng về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Việc huy động lương thực cho Nhà nước cả năm đạt 5.492 tấn, bằng 60,54% kế hoạch, thuế nông nghiệp

đạt 4.033 tấn, mua thỏa thuận 626 tấn. Tổng giá trị hàng thu mua thành phẩm nông sản được 158.277.000 đồng, đạt 180% kế hoạch, trong đó thịt lợn là 733 tấn. Hàng xuất khẩu tổng giá trị mua đạt 163,50% kế hoạch, giao nộp cho Trung ương 1.526 tấn đồ tương; thịt trâu, bò 254 tấn, hàng xuất khẩu đạt 120,50%. Các mặt hàng bán ra đạt kết quả cao như vải năm 1982 là 2.680.000 m; riêng dầu hỏa hai năm 1980-1981 bán được 462 tấn, năm 1982 bán được 894 tấn, năm 1985 là 973 tấn.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa dần dần chiếm lĩnh thị trường, khẳng định một bước vai trò chủ đạo với mục đích chính là phục vụ nhân dân, phục vụ sự nghiệp cách mạng. Tỷ trọng chiếm lĩnh thị trường khá lớn, tổng mức bán lẻ toàn tỉnh năm 1983 là 575.008.000 đồng; trong đó, thương nghiệp quốc doanh đạt 293.254.000 đồng, chiếm 51%; hợp tác xã mua bán đạt 32.000.000 đồng. Năm 1984, tổng mức bán lẻ toàn tỉnh là 1.169.745.000 đồng. Năm 1985, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chiếm tỷ trọng 72,24% trên tổng mức bán lẻ toàn tỉnh là 258.609.000 đồng, trong đó, thương nghiệp quốc doanh đạt 68%, hợp tác xã mua bán đạt 4,74%.

Thực hiện cơ chế hợp đồng hai chiều: thương nghiệp ký kết đem hàng hóa xuống nông thôn; phía hợp tác xã nông nghiệp bán thực phẩm, nông sản cho Nhà nước. Ngoài ra, còn thực hiện hàng đổi lưu bán theo giá chỉ đạo của Nhà nước. Nếu nông thôn giao hàng vượt hợp đồng thì thương nghiệp bán thưởng hàng công nghiệp tương xứng. Giá mua hàng hóa, sản phẩm theo giá đảm bảo kinh doanh. Giá thu mua hàng theo cơ chế thị trường, hợp lòng dân. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra chỉ thị về nghĩa vụ, khuyến khích nông dân bán đồ tương cho Nhà nước. Tỉnh giao kế hoạch mua đồ tương từng huyện ổn định trong 5 năm, phần vượt được hưởng giá

khuyến khích. Đồng thời, giao cho ngành thương nghiệp độc quyền kinh doanh đồ tương. Người bán 1 kg đồ tương được mua 1 kg gạo. Trong quá trình phát triển, thương nghiệp quốc doanh từng bước lớn mạnh, song thị trường tự do vẫn chưa ổn định, vẫn xảy ra tình trạng tư thương cạnh tranh mua, bán với Nhà nước.

Lĩnh vực tài chính, ngân hàng đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tổng thu ngân sách nhà nước 2 năm 1981-1982 trung bình đạt 112,7%, trong đó ngân sách địa phương đạt 115% kế hoạch. Lưu thông tiền tệ chủ yếu tập trung vào lĩnh vực phục vụ đời sống và hoạt động thu mua. Tổng thu ngân sách năm 1984 đạt 138,1% kế hoạch và năm 1985 đạt 153,2% kế hoạch, tổng chi đạt 164,82% kế hoạch.

Về ngân hàng, tổng thu tiền mặt hai năm 1981-1982 đạt 133,6%, năm 1983 đạt 156% kế hoạch. Hai năm 1984-1985, tổng thu tiền mặt tăng lên, bằng 174,1% kế hoạch và chi đạt 181,7% so với năm 1983. Mua công trái đạt 23,3% kế hoạch. Năm 1985, mục tiêu là phải chuyển biến vượt bậc, tăng nhanh các nguồn thu ngân sách và tiền mặt, tận thu thuế nông nghiệp, thuế công thương, thu nợ, đảm bảo thu, chi hợp lý. Qua phân cấp quản lý, nhiều huyện, thị như thị xã Cao Bằng, các huyện Hòa An, Thạch An, Hà Quảng, Ba Bể, Trà Lĩnh, Trùng Khánh đã đẩy mạnh các nguồn thu, đảm bảo từ 60 - 90% nhu cầu chi thường xuyên tại địa phương. Tổng thu ngân sách địa phương được 27.110.000 đồng, đạt 128% kế hoạch Trung ương và 118% kế hoạch của tỉnh, chi thường xuyên là 50.319.000 đồng. Thu tiền mặt qua ngân hàng được 172.478.000 đồng, đạt 100,83% kế hoạch, chi tiền mặt là 278.277.000 đồng, đạt 108% kế hoạch.

Năm 1985, thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khoá V về

tiến hành cuộc điều chỉnh lớn và toàn diện về giá - lương - tiền (lần thứ hai), tỉnh Cao Bằng tiến hành đổi tiền, thực hiện chế độ lương mới, khẩn trương đưa mọi hoạt động vào nền nếp. Do có sự chuẩn bị tốt, ngay khi thực hiện chính sách mới, nhìn chung giá cả vẫn ổn định, biến động không đáng kể.

Hoạt động văn hóa - xã hội những năm 1981-1985 có sự chuyển biến tốt, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trong tỉnh từng bước được cải thiện rõ rệt.

Sự nghiệp giáo dục được đẩy mạnh, từ năm 1981, hầu hết con em nhân dân các vùng trong tỉnh, đến tuổi đều được đi học. Số học sinh tăng 10% so với năm 1980, bổ túc văn hóa tăng 77,3%, mẫu giáo tăng 70,2%, học sinh sư phạm tăng 32,38%; học sinh đi học đại học là 8,2% và vào các trường trung cấp đạt 6,29%. Học sinh cơ sở và trung học là 120.000 người, chiếm 25,7% dân số.

Năm 1981, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phát động phong trào chiến dịch ánh sáng văn hóa. Ngành giáo dục tiếp nhận 444 thầy cô giáo mới tốt nghiệp sư phạm vào giảng dạy, chất lượng giáo dục có phần khá hơn, nhưng so với yêu cầu chưa đạt, tỉnh vẫn còn nhiều người mù chữ. Toàn tỉnh có 601 nhà trẻ với 9.709 cháu, trong đó nông thôn có 378 nhà trẻ, với 5.600 cháu. Năm 1982, năm thứ hai thực hiện Nghị quyết số 04 của tỉnh về công tác giáo dục phổ thông và nuôi dạy trẻ, toàn tỉnh có 400 lớp mẫu giáo với 8.430 cháu, phổ thông cơ sở là 4.324 lớp với 106.841 học sinh, phổ thông trung học có 249 lớp với 10.944 học sinh, riêng học sinh vào lớp 10 cải cách là 4.084 em. Toàn tỉnh có 10 trường dạy bổ túc văn hoá, trong đó có 2 trường cấp III và 8 trường cấp I và II; có 1.204 cô nuôi dạy trẻ, 585 nhóm nhà trẻ với 9.340 cháu. Năm 1983, số học sinh đi học tăng hơn năm 1982 là 7.616 em, chiếm 26% dân số. Học

sinh được vào đại học 319 em. Năm 1984, thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” nên việc xây dựng trường lớp và đồ dùng giảng dạy, học tập khá hơn năm trước. Học sinh đi học đạt 141.065 em, tăng 8% so với năm trước, 2.131 em được đi học các cấp học ở Trung ương và địa phương. Năm 1985, tiếp tục đẩy mạnh phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Một số trường bước đầu đã chú ý đến giáo dục hướng nghiệp, tỷ lệ học sinh phổ thông đi học so với dân số toàn tỉnh chiếm 22%. Số nhóm trẻ thuộc khu vực nhà nước tăng 18 nhà nhóm, khu vực nông thôn giảm 40 nhà nhóm, còn 156 xã có nhà nhóm trẻ. Năm 1985, trên phạm vi toàn tỉnh có 341 học sinh học đại học và hệ cao đẳng; hệ trung học 1.098 học sinh, sơ cấp 280 học sinh; công nhân kỹ thuật 611 học sinh cả Trung ương và địa phương; 75 học sinh thuộc diện đào tạo hệ đại học, cao đẳng và 150 học sinh trung học đào tạo cho cấp huyện, nhất là các huyện biên giới.

Về văn hóa - văn nghệ, năm 1981 các hoạt động văn hóa - thông tin được đẩy mạnh, nhất là phong trào sáng tác và hát ca khúc chính trị, chiếu phim, tuyên truyền cổ động. Trong tỉnh có 16 đội chiếu phim, hàng năm thu hút gần 2 triệu lượt người xem; 7/13 huyện, thị có đội thông tin lưu động; có 7 thư viện với 39.000 bản sách, 8/13 huyện, thị có đội văn nghệ nghiệp dư; 7/13 huyện, thị có điểm về nếp sống văn hóa mới. Bên cạnh đó, ngành văn hóa còn tổ chức triển lãm, cổ động tuyên truyền chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, Đội Thông tin lưu động đã phục vụ 26/42 xã biên giới, với 26.000 lượt người tham dự.

Những năm 1982-1984, các hình thức văn nghệ, chiếu phim, tổ chức thư viện, câu lạc bộ đã đến vùng biên giới, vùng cao. Kết hợp nghệ thuật nghiệp dư với chuyên nghiệp, lực lượng vũ trang với địa phương, bằng những bài ca, điệu

múa, vở kịch đạt hiệu quả. Đến cuối năm 1983, toàn tỉnh có 143 đội văn nghệ quần chúng.

Năm 1985, tỉnh lập phòng tuyến văn hóa biên giới bao gồm 85 đội thông tin tuyên truyền lưu động với nội dung phong phú được nhân dân và chiến sĩ vùng biên giới hoan nghênh. Trong năm, ngành đã cử một đội văn nghệ đi dự hội diễn văn nghệ và tham gia phục vụ Đại hội thể dục thể thao toàn quốc; hoàn thành việc xây dựng bộ phim “Non nước Cao Bằng”, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Hai năm 1981-1982, hệ thống truyền thanh phát triển tăng 4,5% so với năm 1980. Các huyện, thị đều có đài và trạm truyền thanh, công tác truyền thanh đã phát triển đến tận cơ sở nông, lâm trường, hợp tác xã, trường học, xã biên giới..., số loa truyền thanh tăng 100%, tăng âm tăng 7,6% so với năm 1980. Ba năm 1983-1985, hệ thống truyền thanh được củng cố thêm một bước.

Về y tế và thể dục - thể thao, năm 1981, cả tỉnh có 246 cơ sở y tế điều trị từ tỉnh đến cơ sở xã, với 1.730 giường bệnh; trong đó có 215 trạm y tế xã, riêng 42 xã biên giới có 670 giường bệnh. Ngoài ra, còn có 14 đội y tế lưu động, 11 đội vệ sinh phòng dịch và sốt rét, bình quân trong tỉnh có từ 10 đến 12 y, bác sĩ trên một vạn dân. Năm 1981, Cao Bằng có dịch lỵ, tiêu chảy, đau mắt đỏ, ngành đã cố gắng dập tắt đợt dịch bệnh này. Năm 1984, việc chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm đúng mức hơn. Ngành y tế đã tiến hành kiểm điểm việc thực hiện 6 chế độ trách nhiệm của người cán bộ y tế, chấn chỉnh công tác khám chữa bệnh, quản lý thuốc, duy trì công tác phòng chống dịch bệnh, xây dựng và tu sửa cơ sở khám, chữa bệnh và tiếp nhận viện trợ của Trung ương. Năm 1984, có 232 cơ sở khám, chữa bệnh, tăng 10% so với năm

1983, với 1.807 giường bệnh. Nhiều cơ sở đã kết hợp khá tốt y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc trong việc khám, chữa bệnh; tiến hành củng cố Hội Đông y tỉnh và các huyện, thị. Một số bài thuốc và phương pháp chữa bệnh đã được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Về thể thao, đã chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức Đại hội thể dục thể thao toàn tỉnh lần thứ nhất và tham dự giải bóng bàn toàn quốc. Phong trào rèn luyện sức khỏe được quan tâm trong cộng đồng dân cư.

Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của Đảng bộ. Những năm 1981-1985, bọn phản động quốc tế ráo riết chống phá ta về mọi mặt, chúng tăng cường hoạt động quân sự, đào hầm hào, dùng binh lính diễn tập nghi binh, khiêu khích vũ trang dọc tuyến biên giới. Đặc biệt, chúng tăng cường các hoạt động móc nối, nhen nhóm, lôi kéo, gây dựng cơ sở; chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Trước tình hình đó, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã nâng cao cảnh giác, kiên quyết bảo vệ biên giới, bảo vệ an ninh quốc phòng, phá tan mọi âm mưu của chúng.

Đảng bộ đã quán triệt sâu rộng các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, như: Chỉ thị số 112-CT/TW của Trung ương, Nghị quyết số 37 của Bộ Nội vụ và các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh, chỉ đạo tập trung phối hợp giữa lực lượng vũ trang với các ngành, đoàn thể quần chúng xây dựng phòng tuyến an ninh biên giới, thành lập các đội công tác cơ sở. Đã phát hiện và lập hồ sơ trên 300 tên có nghi vấn, chủ động dập tắt ba cơ sở ngầm, loại trừ mầm mống bạo loạn, gây rối ở địa phương.

Thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường quản lý hộ tịch hộ khẩu, lực lượng công an

đã thu được 1.019 khẩu súng các loại, 26.789 viên đạn, 556 quả lựu đạn, 95 quả mìn, 189 kíp mìn và 8.109 m dây điện thoại, 4 máy thu phát nhỏ... Đồng thời, triệt phá các tụ điểm tập trung, móc nối, bắt một số tên đưa ra xét xử để răn đe và công khai trước nhân dân.

Ngày 25/10/1982, Bộ Chính trị khóa V ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW về toàn Đảng, toàn dân, toàn quân kiên quyết đập tan kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy Cao Bằng ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU về quyết tâm chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt, đặc biệt là ngăn chặn buôn bán hàng thối lậu qua biên giới. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo củng cố, xây dựng vành đai biên giới; trong năm 1985 đã đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, trường học, bệnh xá, chuyển 105 hộ từ biên giới vào nội địa. Phong trào bảo vệ an ninh quốc phòng được đẩy mạnh, các vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và phạm pháp hình sự giảm. Lực lượng công an đã tiến hành kiểm tra vũ khí, thu 741 súng sử dụng trái phép và nhiều đạn dược khác, phát hiện 139 người vượt biên giới. Trong những năm 1981-1985, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã kiên cường, bền bỉ bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, giữ yên lành cuộc sống cho nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng luôn được Đảng bộ quan tâm, coi trọng. Trong những năm 1981-1985, Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức các cuộc sinh hoạt chính trị tư tưởng sâu, rộng nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên; mở cuộc vận động xây dựng nền nếp, giữ gìn kỷ luật của tổ chức cơ sở đảng; tiếp tục phát triển đảng viên. Đặc biệt là học tập quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ

tỉnh Cao Bằng khoá X, khoá XI. Đồng thời, quán triệt Chỉ thị số 02-CT/TW ngày 08/5/1982 của Ban Bí thư về việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp đợt 2 và Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 15/5/1982 của Ban Bí thư về đợt sinh hoạt chính trị nghiên cứu và bàn việc thực hiện Nghị quyết Đại hội V của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cử 40 cán bộ có năng lực trực tiếp chỉ đạo cơ sở huyện, thị. Đến năm 1982, việc phát thẻ cho đảng viên đã hoàn thành.

Về công tác tổ chức của Đảng, năm 1983, Đảng bộ tỉnh đã tiến hành sắp xếp lại đội ngũ cán bộ của Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành; tái lập Đảng bộ Chính dân đảng tỉnh và một số tổ chức cơ sở đảng trong tổ chức kinh tế và các đơn vị hành chính. Trong năm, toàn tỉnh có 665 tổ chức cơ sở đảng với 20.847 đảng viên. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V và Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 28/10/1983 của Ban Bí thư về chính sách xử lý đối với cán bộ, đảng viên sai lầm, Đảng bộ có 840 trường hợp vi phạm chính sách, pháp luật nhà nước, đã xử lý một số trường hợp. Năm 1985, trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là hướng mọi hoạt động về cơ sở, tập trung làm chuyển biến từ cơ sở, nhất là vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng trọng điểm, xung yếu. Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, học tập, tuyên truyền, để đảng viên nắm vững và thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng.

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW và Chỉ thị số 44-CT/TW của Ban Bí thư, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã chỉ đạo các cấp ủy đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: Công đoàn, Phụ nữ, Thanh niên xây dựng, cải tiến phương thức hoạt động.

Ban Dân vận Tỉnh ủy tập trung triển khai Nghị quyết của Ban Bí thư về chính sách đối với người Hoa.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã phối hợp với các tổ chức thành viên từ tỉnh đến cơ sở, cùng các ngành hữu quan tổ chức học tập chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước tới nhân dân, tăng cường đoàn kết các dân tộc, đoàn kết quân dân. Đồng thời, vận động nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể, tham gia xây dựng, củng cố chính quyền, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tham gia vận động nhân dân củng cố hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã có nhiều cố gắng trong cuộc vận động gửi tiền tiết kiệm. Từ tháng 3/1983 đến tháng 4/1984, toàn tỉnh có 3 huyện, thị xã với số tiền gửi đạt trên 14 triệu đồng, đó là: Hòa An đạt 26.100.000 đồng, thị xã 19.360.000 đồng và Thạch An 14.000.000 đồng, đưa số tiền toàn tỉnh dư trong kho bạc nhà nước lên 107.120.000 đồng. Năm 1985, tiền gửi tiết kiệm tăng hơn năm 1984 là 8.149.000 đồng, vận động quỹ chi viện biên giới năm 1984-1985 được 65.091 đồng. Trong cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã phối hợp với Sở Văn hóa - Thông tin và các ngành hữu quan tổ chức Hội nghị nếp sống mới toàn tỉnh vào tháng 11/1982.

Nhằm tăng cường khối đoàn kết quân - dân, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tổ chức thăm hỏi các đơn vị bộ đội và tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ. Trong năm 1984, toàn tỉnh đã gửi 18.670.000 đồng tiền mặt, 1.217 kg gạo và thực phẩm, quà bánh đến tận tay chiến sĩ. Năm 1985, các huyện Ba Bể, Ngân Sơn, Trùng Khánh, Hạ Lang, Hà Quảng, thị xã Cao

Bằng, Thạch An đã tham gia 2.198 ngày công giúp bộ đội đào hầm, vận chuyển cột xi măng lên đồi cao xây dựng công sự kiên cố.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Liên hiệp Công đoàn tỉnh tiến hành củng cố lại tổ chức và hoàn thành đại hội các cấp, vận động tiết kiệm trong cán bộ, công nhân viên chức theo Quyết định số 25, 26, 146 của Hội đồng Bộ trưởng. Năm 1985, Tỉnh đoàn Cao Bằng đã kết hợp với Tỉnh đoàn Bắc Thái và Hà Nội tổ chức Đại hội Festival XII và phát động cuộc “Hành quân theo chân Bác Hồ”; chỉ đạo các chi đoàn cơ sở sản xuất trên diện tích 913 ha trồng lúa, ngô cao sản; tích cực tham gia xây dựng hồ Khuổi Lái, gieo trồng 513 ha trấu.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã vận động chị em làm tốt chức năng người mẹ, người vợ đảm đang, hăng hái thi đua lao động sản xuất; đẩy mạnh phong trào chăn nuôi trong gia đình, gửi tiền tiết kiệm, nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Tích cực tham gia các phong trào: “Áo ấm mùa đông cho chiến sĩ”, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch và chính sách hậu phương quân đội...; tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày Quốc tế Phụ nữ và Đại hội chị em phụ nữ toàn năng.

Hội Nông dân tỉnh vận động hội viên tiếp tục hưởng ứng, tham gia thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư. Áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nông nghiệp, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể đã tập hợp được lực lượng quần chúng trong các giai tầng xã hội, tạo nên sức mạnh tổng hợp, củng cố khối đoàn kết toàn dân; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ xây dựng Đảng,

chính quyền và hệ thống chính trị. Những nỗ lực đó đã góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ổn định đời sống nhân dân.

Giai đoạn 1981-1985, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy đã chỉ đạo tập trung triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, XI. Công tác xây dựng Đảng trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức đạt được những thành quả quan trọng. Công tác phát triển đảng viên hoàn thành chỉ tiêu đề ra. Dưới sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, toàn quân và toàn dân trong tỉnh đã đoàn kết gắn bó khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội sau cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Chủ động tích cực thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội có bước phát triển, nhất là trên lĩnh vực nông - lâm nghiệp, đời sống nhân dân ổn định và từng bước được cải thiện. Giữ vững đường biên, mốc giới, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Tuy nhiên, tiềm năng lao động, đất đai, và ngành nghề truyền thống chưa được khai thác, phát huy hiệu quả. Chưa huy động tốt năng lực của các thành phần kinh tế tham gia đắc lực trong phát triển kinh tế - xã hội. Trình độ lãnh đạo và năng lực quản lý của một số cán bộ cốt cán còn nhiều mặt hạn chế. Sự chuyển biến tiến bộ trên các lĩnh vực đời sống xã hội chưa đồng bộ, rõ nét. Đời sống của nhân dân các dân tộc vùng cao, biên giới còn nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Nhưng, những thành quả quan trọng đạt được đã trở thành sức mạnh, động lực, củng cố niềm tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách, vững vàng tiến bước trên chặng đường tới.

Chương VII

ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986-2000)

I. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986-1990)

Những năm 1986-1990 được coi là bước ngoặt, giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Nền kinh tế tự cung, tự cấp, sản xuất nhỏ, manh mún, tồn tại nặng nề đã trở thành vật cản kìm hãm sự phát triển. Nhận thức, tư duy về quản lý kinh tế - xã hội bấy lâu nay có mặt đã lỗi thời, thậm chí sa vào tình trạng duy ý chí. Tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, sự trợ giúp của các nước xã hội chủ nghĩa giảm dần, Mỹ siết chặt bao vây, cấm vận kinh tế nước ta. Trong nước lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, hàng hóa khan hiếm, lạm phát “phi mã”; đời sống nhân dân khó khăn, thiếu thốn. Hoàn cảnh đó đã tác động sâu sắc đến Cao Bằng, trong lúc tỉnh đang gặp nhiều trở ngại, thiên tai, lũ lụt, hạn hán xảy ra thường xuyên, kinh tế còn yếu kém, dân trí thấp. Trước tình hình đó, Đảng bộ tỉnh đã triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ XII nhằm tìm ra những giải pháp để tháo gỡ khó khăn.

Từ ngày 22 đến ngày 26/10/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XII, nhiệm kỳ 1986-1990, được tiến hành trọng thể tại thị xã Cao Bằng với sự có mặt của 299 đại biểu chính thức, tiêu biểu cho trí tuệ và nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, xác định phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong 5 năm 1986-1990 là phấn đấu giành được sự ổn định toàn diện nền kinh tế - xã hội với 5 mục tiêu tổng quát:

(1) Ổn định sản xuất và đời sống, trong đó có mặt phát triển toàn diện, vững chắc, trên cơ sở tổ chức lại sản xuất và sắp xếp lại nền kinh tế; ổn định đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; phấn đấu đảm bảo an toàn về lương thực, đáp ứng nhu cầu thực phẩm.

(2) Khắc phục một bước đáng kể tình trạng quá chênh lệch về điều kiện làm ăn giữa các khu vực dân cư trong từng cụm huyện và xã; cơ bản ổn định số đồng bào còn du canh du cư; đảm bảo cho người lao động có việc làm, khắc phục cơ bản các tập tục lạc hậu, hạn chế thanh thiếu niên không sa vào tình trạng nghiện hút, cờ bạc, bói toán, vượt biên buôn bán trái phép. Xây dựng và phổ biến rộng rãi quy ước nếp sống văn minh, triệt để thực hiện quy ước bảo vệ nội bộ, làm giảm hẳn những vi phạm liên quan đến cán bộ, công nhân viên, đặc biệt là đối với lực lượng vũ trang. Tạo điều kiện giao thông thông suốt và dễ dàng hơn, khắc phục cơ bản một bộ phận các xã không được xem chiếu bóng; thanh toán nạn mù chữ, nhất là trong thanh, thiếu niên.

(3) Hoàn thành việc khôi phục và tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội dựa vào khả năng nguồn vốn tự có, sử dụng vốn đầu tư tập trung tính toán hiệu quả, nhằm đạt mục tiêu kinh tế - xã hội, đảm bảo phù hợp với hướng phát triển trong các thời kỳ sau năm 1990.

(4) Tiếp tục thực hiện chủ trương khôi phục, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong khu vực tập thể và quốc doanh, làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa thực sự đóng vai trò chủ đạo trong toàn bộ kinh tế của tỉnh. Vận dụng một cách đồng bộ cơ chế quản lý mới, thực sự lấy kế hoạch làm trọng tâm; thực hiện hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Trên cơ sở đó, phát huy hiệu lực cơ chế quản lý mới, khai thác tốt khả năng đất đai, lao động, ngành nghề và mọi năng lực sản xuất khác, chuyển biến mạnh mẽ từ cơ sở, trên địa bàn huyện, thị và trong phạm vi toàn tỉnh.

(5) Đảm bảo phần trách nhiệm của địa phương trong việc đáp ứng các yêu cầu củng cố quốc phòng - an ninh; xây dựng được các phương án kế hoạch có nội dung kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và quốc phòng với kinh tế.

Đại hội đã nêu ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là: Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển công nghiệp toàn diện, làm cho nền nông nghiệp của tỉnh có cơ cấu nông - lâm nghiệp, chăn nuôi và công nghiệp chế biến. Trong việc bố trí cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư phải dành ưu tiên cho nông nghiệp, trước hết là ưu tiên về tiền vốn, vật tư và năng lượng; các ngành công nghiệp, giao thông vận tải, phân phối lưu thông và dịch vụ khoa học - kỹ thuật... phải dồn sức phục vụ nông nghiệp. Các cấp đảng bộ, chính quyền phải nắm vững tư tưởng chỉ đạo trên để thực hiện tốt nhiệm vụ chủ yếu của mình, đảm bảo cho nông nghiệp thực hiện bằng được những chỉ tiêu 5 năm và hàng năm.

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có tỷ trọng hàng hóa ngày càng cao; kết hợp chặt chẽ giữa nông - lâm nghiệp và công nghiệp

(chủ yếu là công nghiệp chế biến); thực hiện liên kết, liên doanh giữa các mặt sản xuất nông - lâm - công nghiệp với hoạt động xuất khẩu trên từng địa bàn huyện, thị và trong phạm vi toàn tỉnh mà nhiệm vụ trọng tâm là đảm bảo sản xuất lương thực và thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Kết hợp các hoạt động khôi phục, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất với xây dựng lực lượng sản xuất. coi trọng ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật; lấy việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ là chính, có mở rộng thêm diện tích. Đó là những giải pháp nhằm đảm bảo cho nông nghiệp hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm là: Cung cấp đủ lương thực, thực phẩm trên phạm vi toàn tỉnh, thực hiện yêu cầu hậu cần tại chỗ; đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; đóng góp hàng nông sản cho Trung ương và tạo nguồn xuất khẩu ngày càng lớn.

Trong công tác xây dựng Đảng, Báo cáo chính trị nêu rõ: Trọng tâm công tác tư tưởng trong những năm tới là phải tạo được sự thống nhất cao từ nhận thức đến hành động. Quán triệt tới cán bộ, đảng viên nắm vững chuyên chính vô sản nhằm thực hiện mục tiêu chung là phục vụ “Ba cuộc cách mạng”. Đẩy mạnh tiến hành cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội. Khẩn trương tiếp tục hoàn thành công tác quy hoạch cán bộ ở các huyện và các ban, ngành; trẻ hóa đội ngũ cán bộ ở cấp cơ sở đảm bảo phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Tiếp tục thực hiện nội dung cuộc vận động xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ Đảng, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật của Đảng. Phối hợp tốt các chức năng kiểm tra đảng với thanh tra chính quyền và thanh tra các tổ chức đoàn thể quần chúng.

Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền là một trong những vấn đề trọng tâm của Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: “Mọi cấp ủy đảng phải quan tâm đầy đủ đến công tác củng cố chính quyền, làm cho hoạt động của các cấp chính quyền vừa thể hiện được ý chí của Đảng, vừa đại biểu tập trung quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Vì vậy, phải giải quyết được những bất hợp lý về tư tưởng và tổ chức để cơ quan chính quyền các cấp giữ đúng vị trí, chức năng, làm tròn trách nhiệm trước Đảng, trước dân; quản lý kinh tế - xã hội theo pháp luật”.

Trong công tác đoàn thể, Nghị quyết Đại hội định hướng: “Cấp ủy các cấp phải thường xuyên quan tâm đến công tác quần chúng, định kỳ nghe các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc, các ban của Đảng, các cơ quan chính quyền nhà nước báo cáo tình hình quần chúng và công tác quần chúng; cho chủ trương, biện pháp chỉ đạo công tác quần chúng; kiểm tra đánh giá công tác quần chúng gắn chặt với việc xây dựng và công nhận đảng bộ trong sạch, vững mạnh; ra sức bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác quần chúng. Các tổ chức đoàn thể quần chúng và Mặt trận Tổ quốc cần bám sát nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu của địa phương, năng động đề ra chương trình công tác và tổ chức phát động phong trào cách mạng của quần chúng; tập trung hướng về cơ sở, chú ý vùng biên giới, vùng cao, vùng dân tộc ít người, vùng xa xôi hẻo lánh để tổ chức giáo dục quần chúng, nắm chắc tâm tư nguyện vọng quần chúng để phản ánh cho Đảng và Nhà nước”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 44 ủy viên chính thức, 13 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Dương Tường, Ủy viên Trung ương Đảng tái đắc cử chức Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Trương giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Vũ Ngọc Bộ giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh¹. Đồng thời, Đại hội bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, bao gồm 18 đại biểu chính thức, trong đó: đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng là 14 đồng chí, 04 đại biểu của Trung ương và 02 đại biểu dự khuyết. Đến năm 1989, đồng chí Nông Hồng Thái, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy².

Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành trọng thể tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội VI của Đảng là đại hội đổi mới, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”. Đại hội đã xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát cho việc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo. Trước hết, cần thực hiện ba chương trình lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội VI của Đảng có ý nghĩa vô cùng to lớn, tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài hơn chục năm và đặt nền móng cho công cuộc đổi mới của đất nước, tạo nên bước ngoặt trọng đại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã dấy lên phong trào sản xuất sôi nổi.

1. Xem Quyết định số 1344-NQNS/TW ngày 05/12/1986 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

2. Xem Quyết định số 777-NQNS/TW ngày 18/10/1989 của Ban Bí thư về chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy và ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ xác định trọng tâm công tác chỉ đạo của tỉnh trong kế hoạch 5 năm 1986-1990, tiếp tục coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Từ vụ đông xuân 1985-1986, tỉnh đã cử 60 cán bộ kỹ thuật đến giúp các hợp tác xã gieo trồng ruộng cao sản, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất; cung cấp trên 6.000 tấn phân bón, 102 tấn thóc giống, 22 tấn ngô giống, 6 tấn đỗ tương, 30 tấn lạc... cho các vùng trọng điểm chuyên canh và vùng sản xuất hàng xuất khẩu. Song, do thời tiết diễn biến phức tạp, rét đậm, nắng hạn kéo dài, cuối vụ gây mưa úng, lụt làm mất trắng 589 ha lúa, ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất nông nghiệp. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1986 là 148.281 tấn, đạt 84,7% kế hoạch.

Năm 1987, sản xuất nông nghiệp cũng trong điều kiện rất khó khăn, nắng hạn kéo dài, sâu bệnh phá hoại ở nhiều vùng. Vì thế đã ảnh hưởng lớn đến thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp. Toàn tỉnh phải bỏ trắng 2.860 ha không gieo trồng được. Để khắc phục những khó khăn trên, Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành, các cấp đã dồn sức tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm thực hiện chương trình lương thực - thực phẩm đạt kết quả tốt. Các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở đã chủ động xây dựng kế hoạch chương trình mùa vụ sát với điều kiện cụ thể của địa phương và đơn vị mình nhằm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Đã cung ứng đến cơ sở 8.146 tấn đạm, 288 tấn thóc giống, 74 tấn ngô giống; ưu tiên phân phối 600.000 KW/h điện cho các trạm bơm; tích cực phát động phong trào chống hạn, làm thêm mương phai để cung cấp nước tưới tiêu. Đầu tư xây dựng chuồng trại ở nông thôn tạo thêm nguồn phân bón và ứng vốn cho nhân dân trồng cây xuất khẩu. Trước tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tỉnh đã có chủ trương thay đổi cơ cấu cây

trồng thích hợp với từng vùng; nhiều nơi đã chuyển đổi sang trồng ngô, màu thay thế lúa. Đồng thời, ưu tiên cho giống lúa chịu hạn; các huyện Quảng Hòa, Hòa An, Hà Quảng đã gieo thẳng 10 tấn lúa CN2 trên diện tích ruộng hạn thu được kết quả tốt. Mặt khác, tập trung đẩy mạnh sản xuất vụ hè thu để bù lại sản lượng hao hụt trong năm.

Thực hiện chủ trương thâm canh của tỉnh, ngành nông nghiệp đã bố trí 34 cán bộ phối hợp cùng các huyện thành lập tổ chỉ đạo, bồi dưỡng kỹ thuật thâm canh cho các cơ sở, hợp tác xã trọng điểm. Ủy ban nhân tỉnh chỉ đạo huyện Quảng Hòa tổ chức Hội nghị tổng kết chương trình cây đậu tương, rút ra bài học kinh nghiệm, gọi ra hướng mới phát triển mạnh cây đậu tương trong tương lai. Nét mới nổi bật trong phong trào thâm canh là việc sử dụng các giống mới, nhiều địa phương đã gieo trồng trên diện tích ruộng các giống lúa CR203, NN8, CN2, giống ngô TSB1, giống đỗ tương DT80 đạt năng suất cao.

Trong sản xuất nông nghiệp đã xuất hiện một số đơn vị điển hình về quản lý, chỉ đạo sản xuất và thâm canh cây trồng đạt kết quả tốt, mở ra khả năng triển vọng giải quyết vấn đề tự cân đối lương thực của tỉnh như: các xã Hưng Đạo, Bế Triều, Vĩnh Quang (huyện Hòa An) là những đơn vị nổi bật về thâm canh lúa trên diện rộng và đạt năng suất từ 50-60 tạ/ha. Các xã Hạ Thôn, Tổng Cột (huyện Hà Quảng) tiêu biểu về sử dụng đại trà các giống ngô mới VM1, TSB2 đạt năng suất trên 20 tạ/ha; các xã Tà Lùng, Đại Sơn, Hồng Quang (huyện Quảng Hòa) là điển hình sử dụng giống đỗ tương mới DT80 đạt năng suất cao từ 15-18 tạ/ha, tăng gấp 3 lần so với cây giống cũ.

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (còn gọi

là Khoản 10), nhiều hợp tác xã thực hiện “khoán sản phẩm” có hiệu quả, thúc đẩy sản xuất phát triển. Nghị quyết số 03-NQ/TW của Tỉnh ủy về đổi mới xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu của cơ sở; các huyện đã tiến hành củng cố lại một số hợp tác xã với quy mô, phương hướng sản xuất và cơ chế quản lý phù hợp.

Trong 2 năm 1987-1988, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện chương trình lương thực - thực phẩm, chú trọng khâu sản xuất với nhiều biện pháp hiệu quả đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, mở rộng diện tích vụ đông xuân, chú ý gieo trồng cây mì và các cây màu khác.

Nhờ đổi mới cơ chế khoán trong nông nghiệp, đã khích lệ nông dân tích cực tận dụng ruộng đất canh tác, diện tích cây lương thực năm 1988 tăng 6.000 ha so với năm 1987. Coi trọng thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đưa thêm các giống lúa mới và màu có năng suất cao vào sản xuất. Nhờ đó, tổng sản lượng lương thực năm 1988 đạt 146.000 tấn, tăng hơn 10 nghìn tấn so với năm 1987.

Năm 1989 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh, một số chính sách kinh tế mới đã đi vào cuộc sống. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 13 đã xác định chủ trương, biện pháp củng cố hợp tác xã, được nông dân đồng thuận. Các hợp tác xã có quy mô toàn xã, liên thôn đã được điều chỉnh lại theo quy mô thôn, xóm. Xác định rõ hộ gia đình nông dân được nhận ruộng đất, trâu bò để chủ động sản xuất; ban quản lý hợp tác xã mới được bầu ra ít người hơn và chỉ điều hành những công việc chung. Khu vực nông thôn đang phát triển hình thức hợp tác giữa vài hộ gia đình để giải quyết từng khâu, từng việc trong quá trình sản xuất. Nhiều hộ gia đình có ngành nghề truyền thống đã bắt đầu khôi phục lại.

Sản xuất lương thực tăng cả về diện tích và năng suất, tổng sản lượng quy thóc năm 1989 đạt 150.000 tấn, tăng 14.000 tấn so với năm 1988. Nhiều hộ gia đình nông dân đã chủ động sử dụng tư liệu sản xuất gắn với sản phẩm, do đó đã khơi dậy được động lực lao động tạo ra năng suất, chất lượng hiệu quả.

Năm 1990, thời tiết không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, mưa lũ sớm đầu vụ xuân, hạn hán kéo dài cuối vụ mùa. Các cấp ủy, chính quyền đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp tích cực để khắc phục hậu quả thiên tai. Vì thế, đã hạn chế mức giảm sút sản lượng lương thực và một số cây trồng khác; trong năm, tổng sản lượng lương thực đạt 139.000 tấn.

Về sản xuất lâm nghiệp, đã xác định được hướng phát triển mới. Với đặc điểm là một tỉnh miền núi, đất rừng chiếm ưu thế trên 80%, ngoài các loại cây gỗ quý được khoanh nuôi bảo vệ, ngành đã tận dụng các dự án do chính phủ đầu tư nhằm tăng thêm diện tích phủ xanh và trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như: trầu, trúc sào phục vụ cho công nghiệp chế biến xuất khẩu.

Năm 1986, thực hiện chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tỉnh đã trồng được 2.866 ha. Năm 1987, quy hoạch giao đất giao rừng cho các hộ gia đình được 33.750 ha; năm 1989 giao được 20.750 ha rừng, trồng được 150 ha trầu, 50 ha trúc khoanh nuôi. Trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện nhiều điển hình tốt về quản lý bảo vệ rừng như: các xã Phúc Sen, Quốc Dân, Ngọc Động (huyện Quảng Hòa), Thân Giáp, Trung Phúc, Khâm Thành (huyện Trùng Khánh), Thành Công, Thái Học, Minh Tâm, Thế Dục (huyện Nguyên Bình), Bộc Bó (huyện Ba Bể), Tri Phương, Quang Hán (huyện Trà Lĩnh). Điều đó đã khẳng định việc giao đất giao rừng, gắn bó thiết thực với lợi ích hộ gia đình là có hiệu quả. Một số hộ gia

đình ở các địa phương: Thạch An, Hòa An, Trà Lĩnh đã xây dựng vườn rừng, bước đầu có hiệu quả kinh tế.

Trong chăn nuôi, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành một số chính sách khuyến khích và chủ trương chuyển hướng phát triển chăn nuôi về hộ gia đình; thành lập Hội bảo vệ vật nuôi, thực hiện phương thức hợp đồng gia công ký gửi. Tập trung đầu tư cho chăn nuôi quốc doanh và tập thể, củng cố và xây dựng thêm các trạm trại chăn nuôi thú y. Do đó, tổng đàn gia súc phát triển năm sau cao hơn năm trước: Đàn trâu năm 1986 là 108.821 con, đến năm 1990 đạt 161.860 con; đàn bò năm 1986 là 75.260 con, đến năm 1990 đạt 98.711 con; đàn lợn năm 1986 là 208.915 con, đến năm 1990 đạt 575.545 con.

Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra, Đảng bộ và chính quyền các cấp đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi hợp lý, phù hợp với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Tăng cường đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất chăn nuôi hộ gia đình, đã kích thích nền kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện.

Công tác kinh tế mới - định canh, định cư đã tập trung vào việc ổn định sản xuất và đời sống cho đồng bào vùng cao; những gia đình trở lại quê cũ làm ăn được đầu tư 478 triệu đồng, định canh định cư đạt 5.360 hộ, với 39.970 nhân khẩu.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã có những chuyển biến mới, từ cơ chế bao cấp từng bước chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bước đầu thực hiện quyền chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở; các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đã phát huy tính năng động, sáng tạo hơn. Một số đơn vị công nghiệp hoạt động tốt như Nhà máy cơ khí, Nhà máy giấy, Xí nghiệp 212-01.

Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, kỷ luật lao động đã tác động mạnh đến ý thức tự giác lao động của công nhân xí nghiệp. Kết quả, sản xuất công nghiệp cả năm 1986 là 201.671.000 đồng, đạt 94,58% kế hoạch, bằng 120% so với năm 1985. Năm 1987, trước tình hình khó khăn về vật tư và kỹ thuật, một số đơn vị đã năng động, mạnh dạn mở rộng liên kết với các đơn vị sản xuất của Trung ương và tỉnh bạn để tạo thêm nguồn vật tư và tiếp nhận kỹ thuật sản xuất mới. Nhờ vậy, đã duy trì được tốc độ sản xuất và tạo ra một số sản phẩm mới, chất lượng hàng hóa được nâng lên; giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện đạt 90,8% kế hoạch, tăng 1% so với năm 1986. Nhà máy giấy Kim Đồng, Nhà máy cơ khí Cao Bằng và hai xí nghiệp thủ công nghiệp hoàn thành kế hoạch năm 1987; có 6/11 sản phẩm chế biến lâm sản và 3/4 sản phẩm về vật liệu xây dựng đạt và vượt kế hoạch. Các chỉ tiêu kế hoạch trích nộp ngân sách đều tăng hơn năm 1986. Xí nghiệp quốc doanh, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp hướng vào phục vụ ba chương trình kinh tế: sản xuất lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Sản phẩm tại địa phương đã đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất như các mặt hàng: lưỡi cày, máy xay xát, máy tuốt lúa, bơm nước, ống áp lực Nhà máy thủy điện Thông Gót đạt tiêu chuẩn quốc gia, riêng máy bơm nước không chỉ phục vụ trong tỉnh mà còn được xuất bán tại các tỉnh bạn.

Bước đầu, ngành công nghiệp đã có các mặt hàng xuất khẩu như dầu thực vật, sản phẩm tre, trúc xuất khẩu, thiếc thỏi. Những năm 1986-1990, bình quân hàng xuất khẩu đạt 830.000 USD. Tổng giá trị sản phẩm hàng công nghiệp địa phương năm 1986 đạt 201.671.000 đồng; năm 1987 đạt 203.687.000 đồng. Từ năm 1988 đến năm 1990, một số xí nghiệp, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp do thiết bị lạc hậu,

hàng hóa sản xuất ra ứ đọng, thu nhập của công nhân giảm sút, dẫn đến năng lực sản xuất giảm rõ rệt. Trước tình hình đó, tỉnh đã có chủ trương sắp xếp lại các xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã làm ăn thua lỗ, đơn vị nào sản xuất kém hiệu quả thì tiến hành giải thể. Từ năm 1988 đến năm 1990, đã giải thể 5 xí nghiệp (Xí nghiệp giấy Kim Đồng, Xí nghiệp may mặc Đồi Mát, Xí nghiệp gốm Nước Hai, Xí nghiệp 212-01, Xí nghiệp gỗ đá mỹ nghệ), 5 hợp tác xã (Bằng Giang, Công Nông, vôi Công Minh, gốm Quảng Hoà, sứ Cầu Khanh). Tổng giá trị sản lượng bị suy giảm theo các năm: năm 1988 là 187.120.000 đồng, năm 1989 là 164.000.000 đồng, năm 1990 là 75.000.000 đồng.

Trong công tác giao thông vận tải, ngành đã có nhiều cố gắng đáp ứng nhu cầu vận chuyển vật tư hàng hóa và đi lại của nhân dân. Năm 1987, đã phối hợp với đơn vị bạn tích cực thi công xây dựng công trình cầu Bằng Giang đạt tiến độ và thực hiện khối lượng xây dựng lớn. Hoàn thành giá trị sản lượng xây dựng cơ bản đạt 130% kế hoạch, làm xong 7 cầu bê tông, nâng cấp hàng chục kilômét đường và duy tu bảo dưỡng. Một số địa phương đã tích cực huy động nhân lực làm đường giao thông nông thôn, sửa chữa đường cũ và khai thông thêm đường mới đến trung tâm các xã, hoàn thành trên 70 km đường dân sinh. Năm 1988, một số công trình trọng điểm đã được hoàn thành như: nâng cấp đường nội thị, đảm bảo an toàn giao thông. Giao thông vận tải đã tập trung phục vụ ba chương trình kinh tế; coi trọng xúc tiến và hoàn thành các công trình trọng điểm phục vụ lưu thông, góp phần giữ vững an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Về xây dựng cơ bản, năm 1986, tỉnh đã tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, khôi phục lại kết cấu hạ tầng bị

tàn phá trong chiến tranh biên giới, đặc biệt được sự hỗ trợ của Trung ương và các tỉnh bạn với số vốn là 97.000.000 đồng. Một số địa phương thực hiện xã hội hóa với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đã huy động được nguồn vốn và hàng chục triệu ngày công lao động làm các công trình thủy lợi, giao thông và các công trình phúc lợi nhà ở, các cơ sở y tế. Năm 1987, việc đầu tư xây dựng cơ bản đã tập trung vào các công trình trọng điểm: thủy điện Hoàng Ràng, cầu Bằng Giang, Bệnh viện tỉnh, với tổng số vốn 121.923.000 đồng. Tiến hành xây dựng thêm 9 công trình ngoài kế hoạch trị giá 1.302.000 đồng và các trạm trại phục vụ nông nghiệp, các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng. Năm 1989, thực hiện vốn xây dựng cơ bản 6,5 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch, vượt năm 1988 là 3 tỷ đồng. Một số công trình xây dựng cơ bản được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Năm 1990, đầu tư xây dựng cơ bản đạt 9 tỷ đồng, tập trung vào kết cấu hạ tầng cơ sở.

Công tác thương nghiệp đã có nhiều cố gắng tiến bộ. Ngành đã chủ động phân phối lưu thông, nắm nguồn hàng địa phương, tích cực thu mua và bán ra thị trường có hiệu quả. Các cơ sở mua bán tiếp tục được mở rộng từ tỉnh đến các địa phương với 600 điểm bán lẻ và dịch vụ. Năm 1986, thu mua nông sản thực phẩm và công nghệ phẩm địa phương sản xuất đạt trên 160 triệu đồng.

Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/NHTW ngày 09/4/1987 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông, năm 1987, ngành đã có nhiều biện pháp khai thác các nguồn hàng, tiền của địa phương, mở rộng liên kết kinh tế với các tỉnh bạn, cải tiến công tác phân phối lưu thông, củng cố hợp tác xã mua bán, tăng cường quản

lý thị trường, góp phần cải thiện lưu thông, phân phối, hạn chế giá cả đột biến. Năm 1989, thị trường được mở rộng hơn, lưu thông thông suốt, hàng hóa phong phú đến tận cơ sở. Hệ thống thương nghiệp quốc doanh bước đầu đổi mới phương thức mua bán phù hợp với thị trường.

Quan hệ sản xuất luôn được cấp ủy và chính quyền các cấp quan tâm thường xuyên và bằng mọi cách để giữ vững ổn định phong trào hợp tác hóa toàn tỉnh. Hàng năm tỉnh vẫn coi trọng và đầu tư cho hợp tác xã đủ sức thực hiện các mục tiêu kinh tế, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, góp phần xây dựng phòng tuyến quốc phòng - an ninh.

Sự nghiệp giáo dục có bước tiến bộ mới, nhất là việc thực hiện cải cách giáo dục, củng cố chất lượng giáo dục cấp I. Hệ thống giáo dục đã được sắp xếp lại và bước đầu thực hiện đa dạng hóa các hình thức giáo dục. Tuy nhiên, ngành giáo dục phải đương đầu với không ít khó khăn do học sinh cấp I, cấp II các xã vùng cao, biên giới bỏ học nhiều vì đi lại khó khăn, không có tiền đóng góp xây dựng trường sở. Năm học 1986-1987 có 111.343 học sinh; năm học 1990-1991 giảm xuống còn 83.822 học sinh. Trước thực trạng đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã dành ngân sách giải quyết chế độ cho giáo viên vùng cao, các huyện trích kinh phí và huy động nhân dân đóng góp xây dựng trường sở, hạn chế khó khăn cho các trường học. Ngành giáo dục đã có nhiều cố gắng tổ chức tốt các kỳ thi kết thúc năm học, tích cực triển khai nhiệm vụ năm học mới, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, giáo viên về công tác quản lý và chuyên môn; tích cực chuẩn bị chu đáo đề án xoá nạn mù chữ.

Công tác y tế, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của nhân dân được duy trì thường xuyên, phong trào vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh. Ngành y tế đã tăng cường cán bộ đến cơ sở

kiểm tra thường xuyên; các trạm xá, bệnh viện được chú ý xây dựng. Năm 1986, toàn tỉnh đã có 1.848 giường bệnh, các thiết bị, phương tiện tương đối tốt phục vụ phòng, chữa bệnh cho nhân dân. Mạng lưới y tế cơ sở đã quan tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và nâng cao chất lượng phục vụ ở các tuyến điều trị. Do vậy, công tác phòng bệnh, chữa bệnh có chuyển biến tốt, kịp thời ngăn chặn các dịch bệnh xảy ra. Năm 1987, ngành đã tích cực tiêm chủng mở rộng ở 10 huyện, 101 xã, hơn 22 nghìn người được tiêm phòng; phong trào vệ sinh phòng bệnh được nhiều địa phương, đơn vị coi trọng.

Hội Y học dân tộc đã hướng dẫn sử dụng các bài thuốc đông y bằng nguồn dược liệu địa phương, việc điều trị đông - tây y kết hợp được quan tâm. Hội Chũ thập đở đã góp phần vào việc phòng bệnh, phòng dịch và cứu trợ đồng bào gặp khó khăn. Năm 1989, toàn tỉnh có 205 trạm y tế xã, phường, 117 y sĩ, 278 hộ sinh dân lập; song, hoạt động chưa đủ mạnh, một phần do lương thấp, đời sống không đảm bảo. Công tác tiêm chủng mở rộng được triển khai ở 13 huyện, thị, phần lớn số trẻ em trong độ tuổi quy định được tiêm chủng, năm 1990 có 71% số trẻ em được tiêm chủng. Bệnh sốt rét phát sinh ở các huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình, Ngân Sơn, Ba Bể đã được ngành y tế tổ chức điều trị, xử lý, ngăn chặn dịch bệnh. Việc thu viện phí trong khám, chữa bệnh bước đầu có hiệu quả

Công tác văn hóa - thông tin đã tập trung vào thực hiện tốt việc tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia đấu tranh chống tiêu cực, biểu dương người tốt việc tốt. Ngành văn hóa - thông tin đã quan tâm tổ chức các hoạt động thiết thực phục vụ kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm. Các đội văn nghệ quần chúng được hình thành và xây dựng các chương trình, tiết mục biểu diễn phục vụ sản xuất, chiến

đấu và chào mừng Đại hội Đảng. Đoàn Nghệ thuật tỉnh đã tích cực hoạt động, cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng biểu diễn, đáp ứng nhiệm vụ được giao. Nhà trưng bày “Bác Hồ với Cao Bằng” và Nhà Bảo tàng Pác Bó đón hàng vạn du khách tham quan du lịch, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Hoạt động chiếu phim được tăng cường, các huyện đều thành lập được đội chiếu bóng lưu động phục vụ nhân dân. Các trạm truyền thanh ở cơ sở, nhất là ở các xã biên giới được quan tâm xây dựng.

Quốc phòng - an ninh được giữ vững, tạo nên sức mạnh tổng hợp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và các cấp ủy địa phương, lực lượng vũ trang luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động phối hợp hiệp đồng ngăn chặn có hiệu quả mọi âm mưu và thủ đoạn phá hoại của kẻ thù.

Thực hiện chủ trương tăng cường công tác quân sự địa phương trong tình hình mới, dưới sự chỉ đạo của Quân khu, Tỉnh ủy và chỉ huy các đơn vị bộ đội đã thống nhất triển khai phương án phòng thủ và tác chiến mới. Từ năm 1987, các đơn vị trên tuyến 1 cơ bản được sắp xếp ổn định xong, hệ thống các đồn biên phòng được củng cố, tăng cường, đảm bảo yêu cầu mới trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Lực lượng công an không ngừng được củng cố, ngành đã phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, bảo vệ Tổ quốc và tiến hành nhiều đợt tấn công truy quét tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Công tác xây dựng Đảng được các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Tỉnh ủy đã yêu cầu các ban, ngành chức năng triển khai tuyên truyền, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nhất là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XII với tinh thần đổi

mới vươn lên. Coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng để cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn về công cuộc đổi mới của đất nước. Các hình thức tuyên truyền, giáo dục đã được cải tiến về phương pháp, tổ chức thông tin nhanh, tập trung vào những vấn đề nhận thức lý luận và thực tiễn, dư luận xã hội quan tâm. Các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở, cán bộ, đảng viên đã liên hệ kiểm điểm tự phê bình và phê bình với thái độ “nhìn thẳng vào sự thật”, “nói rõ sự thật”, với tinh thần “đổi mới tư duy” trong sinh hoạt tư tưởng; tạo nên tinh thần phấn khởi tin tưởng vào công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng về đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố tổ chức và bố trí, sắp xếp cán bộ. Đã điều chỉnh, sắp xếp, đề bạt 187 cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp, các ngành; mạnh dạn thay thế cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực. Hệ thống tổ chức các cấp được củng cố, kiện toàn một bước; năng lực quản lý, điều hành của một số cơ quan, đơn vị bước đầu có chuyển biến tiến bộ. Bộ máy các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp được sắp xếp lại cho phù hợp với tình hình đổi mới, tinh giản gọn nhẹ hơn trước, giảm được 25% đầu mỗi cấp tỉnh, 50% đầu mỗi khối chính quyền cấp huyện.

Năm 1990, trước sự đòi hỏi bức xúc của công cuộc đổi mới, Đảng bộ tỉnh đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác xây dựng Đảng, tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị, nghiên cứu quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, tiến hành kiểm điểm hoạt động của cấp ủy, đảng bộ các cấp và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhờ đó, đã tạo sự thống nhất về nhận thức quan điểm, làm trong sạch các tổ chức đảng, nâng cao

năng lực, sức chiến đấu của Đảng. Niềm tin của nhân dân với Đảng được củng cố. Đảng bộ luôn giữ vững vai trò lãnh đạo. Trong 5 năm 1986-1990, công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm sát, xét xử đã tập trung vào những vụ việc vi phạm chính sách, làm ăn phi pháp xảy ra tại các cơ quan kinh tế, kiên quyết chống tham nhũng, tiêu cực, được nhân dân đồng tình, hoan nghênh. Qua kiểm tra, đã xử lý 1.730 trường hợp đảng viên yếu kém, 1.080 người đã bị khai trừ ra khỏi Đảng. Đến cuối năm 1990, số cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đạt 15,7%, cơ sở khá 51,7%, cơ sở yếu kém còn 32,6%. Công tác phát triển Đảng được Đảng bộ quan tâm thường xuyên, việc bồi dưỡng và kết nạp đảng viên mới được tiến hành chặt chẽ hơn trước; chú trọng tăng cường đảng viên lãnh đạo các xóm, xã; đã tổ chức kết nạp được 2.654 đảng viên mới.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác vận động quần chúng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã chú trọng tuyên truyền công cuộc đổi mới của Đảng, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với thực tế, mang lại hiệu quả thiết thực. Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức thông qua đại hội cấp cơ sở và cấp huyện, thị; vận động quần chúng tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời, tăng cường cán bộ đến cơ sở, nắm tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, tổ chức các cuộc đối thoại của quần chúng với cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện.

Mặt trận Tổ quốc đã xác định: Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp đông đảo lực lượng quần chúng nhân dân để tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Những 1988-1990, công tác củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh có những khởi sắc mới. Căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của

Đảng và nhiệm vụ do Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề ra, Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cao Bằng tập trung chỉ đạo công tác tham gia xây dựng chính quyền, tạo điều kiện cho đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc với 5.981 cử tri, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc đã tổng hợp 1.260 ý kiến của cử tri để phản ánh trong kỳ họp tiếp theo và báo cáo cấp ủy, chính quyền tỉnh. Nhiều đơn vị thực hiện tốt, điển hình nhất là: thị xã Cao Bằng, huyện Hòa An, huyện Bảo Lạc... Đồng thời, tích cực vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia trồng cây gây rừng, hăng hái lao động sản xuất, quyên góp ủng hộ các chiến sĩ đảo Trường Sa, mua công trái xây dựng đất nước. Các thành viên của Mặt trận Tổ quốc: Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... luôn quan tâm kiện toàn tổ chức, cán bộ. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã kết hợp với Sở Văn hóa - Thông tin vận động nhân dân các dân tộc thực hiện quy ước nếp sống văn hóa mới trong việc tang, việc cưới và lễ hội.

Tỉnh Đoàn Thanh niên đã tập trung chỉ đạo phong trào thanh niên sản xuất nông nghiệp giỏi. Phát động thanh niên công nhân viên chức đảm nhận các công trình mang tên thanh niên, đăng ký thực hiện nhiệm vụ công tác vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, làm lợi cho Nhà nước hàng trăm triệu đồng. Thanh niên tích cực hưởng ứng tham gia phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong các trường học và lực lượng vũ trang, nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phối hợp với các trường học hướng dẫn các em học sinh tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp của Người và động viên các em làm kế hoạch nhỏ thu được 2.600.000 đồng ủng hộ các gia đình khó khăn. Tổ chức giáo dục, rèn luyện các em thiếu niên, nhi đồng làm theo 5 điều

Bác Hồ dạy. Qua các phong trào đã kết nạp được 2.438 em vào Đội thiếu niên tiền phong, nâng tổng số đội viên toàn tỉnh lên 20.711 em, trong đó có 111 em đạt danh hiệu “Cháu ngoan Bác Hồ”.

Liên đoàn Lao động tỉnh đã phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, tìm việc làm, tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa. Tích cực tham gia giải quyết các chính sách của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, công nhân, viên chức, lao động.

Hội Liên hiệp Phụ nữ đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ, hội viên phòng chống trẻ em suy dinh dưỡng, thực hiện công tác kế hoạch hóa gia đình. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách của Đảng và Nhà nước tới toàn thể hội viên. Động viên chị em chủ động tích cực phát triển kinh tế hộ gia đình, hăng hái lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc.

Hội Nông dân tỉnh Cao Bằng đã chỉ đạo các hội huyện, thị tiến hành đại hội, phát động thi đua đẩy mạnh lao động sản xuất. Thường xuyên sâu sát, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nông dân trong thực hiện Khoán 10, kịp thời kiến nghị với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương giải quyết các vụ việc tranh chấp đất đai. Động viên nông dân tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật nông - lâm nghiệp, đưa giống mới, có năng suất cao vào sản xuất đạt hiệu quả. Hưởng ứng cuộc vận động trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc.

Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã góp phần thiết thực hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên phạm vi toàn tỉnh.

5 năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986-1990), trong điều kiện một nền kinh tế tự cung, tự cấp, cơ chế quan

liều bao cấp nặng nề và tình hình biến động của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống xã hội của nhân dân trong tỉnh, một số ít cán bộ, đảng viên và nhân dân trần trở, hoài nghi, lo lắng.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã lãnh đạo nhân dân tạo nên những kết quả bước đầu quan trọng trên lĩnh vực kinh tế, nhất là nông nghiệp, làm xuất hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, đổi mới cơ cấu đầu tư. Cơ cấu kinh tế mới: nông - lâm - công nghiệp kết hợp đã thay thế cho cơ cấu nông nghiệp thuần túy; đặc biệt, đã làm nên bước chuyển từ cơ chế quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Những thành quả đó đã khơi dậy sức sản xuất, tạo điều kiện thúc đẩy công cuộc đổi mới về kinh tế. Đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân được cải thiện, ổn định và phát triển; niềm tin của nhân dân các dân tộc vào Đảng và chính quyền được củng cố, phát huy.

Tuy nhiên, việc hình thành cơ cấu kinh tế mới chậm được triển khai từ cơ sở. Tiềm lực kinh tế chưa mạnh, kết cấu hạ tầng còn nhiều yếu kém. Kinh tế quốc doanh chưa thể hiện được vai trò chủ đạo trong các thành phần kinh tế. Bước đầu nhận thức về công cuộc đổi mới, tư duy quản lý kinh tế của cán bộ, đảng viên chưa được đầy đủ. Quá trình điều hành tổ chức thực hiện còn có sự lúng túng trong việc vận dụng sáng tạo nội dung đổi mới vào thực tiễn của tỉnh.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, song, những thành quả quan trọng đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục tiến bước vững vàng trên con đường đổi mới.

II. LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN (1991-1995)

Phát huy thành quả bước đầu của công cuộc đổi mới, bước vào giai đoạn 1991-1995, cùng với cả nước, Cao Bằng đẩy mạnh thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện theo hướng công nghiệp hóa. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ lệnh cấm vận đối với nước ta, các thế lực thù địch tiếp tục hoạt động phá hoại gây nên sự hoài nghi, hoang mang trong một bộ phận nhân dân; một số ít cán bộ, đảng viên có biểu hiện chùn bước, giảm sút ý chí chiến đấu. Trong tỉnh, kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, giá cả luôn biến động, đồng lương chậm, người lao động thiếu công ăn việc làm. Dù vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã đồng lòng khắc phục khó khăn, thử thách, tiếp tục thúc đẩy thực hiện công cuộc đổi mới.

Từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991, tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được tiến hành trọng thể với tinh thần: trí tuệ, đổi mới, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết. Đại hội đánh giá 5 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra và thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, vạch ra Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Đại hội định hướng: tiếp tục đưa đất nước tiến lên theo con đường đổi mới và khẳng định: “phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội” và đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Trung ương, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIII, nhiệm kỳ 1991-1995 được tổ chức từ ngày 22 đến ngày 25/11/1991 tại thị xã Cao Bằng với sự tham dự của 285 đại biểu chính thức. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị và những mục tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 1991-1995, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII theo tinh thần đổi mới. Quán triệt và vận dụng Nghị quyết Đại hội VII của Đảng vào tình hình cụ thể của tỉnh để đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cho 5 năm 1991-1995, nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt trong đời sống xã hội.

Đại hội lần này là mốc “đánh dấu sự phát triển của tỉnh, từ một nền kinh tế tự cung, tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần dưới sự quản lý của Nhà nước, nhằm đưa tỉnh ta ra khỏi tình trạng nghèo và kém phát triển. Điều cơ bản là Đại hội chúng ta đề ra được những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đúng đắn và thực sự nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ để tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội”¹.

Đánh giá tổng quát tình hình sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Báo cáo chính trị khẳng định: “Nền kinh tế của tỉnh bước đầu có định hướng về sản xuất hàng hóa, khơi dậy các thành phần kinh tế phát triển khá mạnh và thực hiện một bước cơ chế quản lý mới. Nhận thức và tư duy kinh tế có chuyển biến mới là đòi hỏi tính hiệu quả và đi lên từ các tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIII*, tr.7. Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

Thực hiện 3 chương trình kinh tế, kết hợp đẩy mạnh sản xuất tại chỗ với mở rộng lưu thông hàng hóa, lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng cơ bản đáp ứng nhu cầu của xã hội. Đời sống của phần lớn nhân dân có chiều hướng ổn định hơn 5 năm trước... Tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội tuy chưa thật đảm bảo, nhưng không xảy ra những vấn đề phức tạp lớn. Các hoạt động văn hóa, xã hội đã cố gắng duy trì phục vụ nhân dân. Bộ máy tổ chức được sắp xếp, chấn chỉnh lại, không khí dân chủ được mở rộng hơn trước”.

Với tinh thần kỷ cương, đoàn kết, đánh giá đúng sự thật về ưu điểm, khuyết điểm, rút ra những bài học kinh nghiệm, Đại hội đã thống nhất mục tiêu phấn đấu trong 5 năm 1991-1995 là: “Tích cực, chủ động vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển có trọng điểm về kinh tế - xã hội, cải thiện một bước đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội. Ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại sản xuất, thực hiện triệt để cơ chế hạch toán kinh doanh để tăng nhanh và vững chắc tổng sản phẩm xã hội 8%. Tăng cường xây dựng ngân sách, phấn đấu đến năm 1995 tự cân đối 50% nhu cầu chi thường xuyên từ nguồn thu trên địa bàn tỉnh”.

Trong công tác xây dựng Đảng, Báo cáo chính trị nhấn mạnh: Đảng bộ phải đặc biệt chú trọng xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt, phải tự đổi mới và chỉnh đốn, nâng cao kiến thức, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; khắc phục rõ rệt các tiêu cực và yếu kém, khôi phục và nâng cao uy tín của Đảng trong nhân dân. Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng bộ các cấp, giữ gìn uy tín của Đảng trong nhân dân. “Công tác xây dựng Đảng phải đạt được những yêu cầu

cụ thể, tăng cường sự thống nhất nhận thức, khả năng quán triệt, vận dụng các quan điểm, chủ trương của Đảng và đề ra những quyết định sát đúng; đảm bảo nâng cao chất lượng lãnh đạo chính trị của Đảng bộ... Tổ chức quán triệt sâu sắc cương lĩnh chính trị, chiến lược kinh tế và Nghị quyết Đại hội VII của Đảng. Trên cơ sở đó, tổng kết thực tiễn địa phương và đưa ra các nghị quyết sát hợp để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ 5 năm tới”.

Trong lĩnh vực tư tưởng, Báo cáo chính trị nêu rõ: “Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng. Chú trọng làm thông suốt các quan điểm của Đảng và giải quyết những vướng mắc về tư tưởng trước những diễn biến phức tạp của tình hình... Tăng cường giáo dục tư tưởng, giữ gìn bản chất truyền thống cách mạng, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên; xây dựng ý chí tự lực, tự cường và tinh thần đoàn kết dân tộc. Công tác tư tưởng phải đảm bảo cho sự thống nhất về nhận thức và hành động cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân”.

Về công tác tổ chức, cán bộ, Báo cáo chính trị định hướng: “Chấn chỉnh tổ chức và kiện toàn bộ máy các cấp ủy đảng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ. Tiếp tục sắp xếp lại bộ máy và biên chế các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể; đảm bảo tinh gọn, nâng cao chất lượng hoạt động. Thực hiện tốt việc bố trí sử dụng cán bộ, đổi mới đội ngũ cán bộ, có cơ cấu hợp lý về trình độ chuyên môn, độ tuổi và đảm bảo tiêu chuẩn chính trị. Chú trọng công tác quy hoạch cán bộ theo hướng trọng dụng nhân tài, bồi dưỡng nhân tài, nhất là đội ngũ cán bộ kế cận chủ chốt. Xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh”.

Đối với chính quyền và đoàn thể, Báo cáo chính trị chỉ rõ: “Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực

quản lý của chính quyền và vai trò của các đoàn thể nhân dân. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa trong mọi hoạt động của đời sống xã hội, thực sự phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân; nghiêm túc thực hiện các quy định về mở rộng dân chủ. Đồng thời, phải nâng cao hơn nữa hiệu lực quản lý bằng pháp luật của các cơ quan chính quyền... Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, đảm bảo có thực quyền quyết định về kinh tế - xã hội ở địa phương; phát huy hơn nữa chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động chính quyền các cấp”. Các đoàn thể nhân dân “cần được đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động; sắp xếp bộ máy, biên chế gọn nhẹ; hướng chỉ đạo tập trung xuống cơ sở, sát đoàn viên, hội viên và gắn bó với phong trào”. Tăng cường khả năng linh hoạt đoàn kết, tập hợp quần chúng. Chủ động đề xuất, kiến nghị những vấn đề cần thiết liên quan đến công tác quần chúng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 47 ủy viên chính thức, bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng chí Nông Hồng Thái - Ủy viên Trung ương Đảng tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Vũ Ngọc Ly được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Văn Thường được bầu giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh¹.

1. Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIII, ngày 25/11/1991; Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng khóa XIII, nhiệm kỳ 1991-1995, kỳ họp thứ nhất ngày 25/11/1991; Biên bản bầu Phó Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XIII, kỳ họp thứ nhất, ngày 25/11/1991.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã quán triệt, triển khai sâu rộng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đến nhân dân, quan tâm xây dựng chương trình hành động trong tổ chức thực hiện nhằm đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống.

Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu được Đảng bộ đặc biệt quan tâm chỉ đạo sâu sát, xác định rõ các loại cây, con chủ yếu để tập trung đầu tư trong sản xuất như: lúa, ngô, đỗ tương, thuốc lá; trâu, bò, lợn. Đồng thời, khuyến khích trồng cây ăn quả, rau, màu, tận dụng đất đai từng vùng để phát triển phù hợp, hiệu quả; coi trọng việc áp dụng các biện pháp khoa học - kỹ thuật vào trong sản xuất để tạo ra năng suất cao.

Năm 1991, Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy, chính quyền tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, tăng diện tích gieo trồng những cây trồng chủ lực đã xác định; tiếp tục thực hiện chính sách hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ được quyền sử dụng ruộng đất lâu dài; thu hút lao động xã hội vào sản xuất nông nghiệp. Dịch vụ sản xuất nông nghiệp được quan tâm và có sự phát triển rõ nét ở một số vùng trọng điểm về lúa và ngô. Hầu hết các trạm bơm điện được đầu tư khôi phục lại trong năm 1992, đã phát huy tác dụng chống hạn hiệu quả. Tiến hành liên kết, liên doanh hợp tác với các đơn vị trong nước và nước ngoài để có nguồn giống cây trồng, vật nuôi mới, năng suất cao. Ngành nông nghiệp luôn quan tâm tới cơ sở thực nghiệm ở Hòa An với giống lúa lai vụ xuân đạt năng suất từ 8 đến 10 tấn/ha; trên cơ sở đó, nghiên cứu áp dụng đại trà trong tỉnh.

Trong 2 năm 1993-1994, ngành nông nghiệp đã thí điểm thành công việc tạo ra giống ngô lai cung ứng tại chỗ cho địa

phương. Công tác phổ biến ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào trong sản xuất được coi trọng hơn trước. Diện tích gieo trồng các loại giống mới có năng suất cao đã được nhân rộng ra từ những vùng trọng điểm. Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy và Quyết định 300 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã phát huy hiệu quả thiết thực trong việc ổn định đất đai nông - lâm nghiệp. Công tác khuyến nông được quan tâm thực hiện với việc trợ giá giống lúa và ngô lai cho nông dân, tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho hơn 5.000 lượt người đã thực sự kích thích phát triển sản xuất trong tỉnh. Nhờ vậy, sản lượng lương thực có sự tăng trưởng từng năm, tổng sản lượng lương thực năm 1991 là 147.210 tấn, tăng lên 178.000 tấn vào năm 1995.

Cơ cấu kinh tế nông thôn, nông nghiệp tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực. Các vùng đồng bằng, vùng có mặt bằng dân trí cao đã từng bước phá bỏ thế độc canh lúa, chuyển sang đầu tư các ngành, nghề, cây, con có giá trị kinh tế cao. Mô hình kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng phát triển mạnh. Trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện nhiều điển hình về hợp tác làm ăn, kinh doanh có hiệu quả trên những điều kiện và thế mạnh cụ thể của từng địa phương như ở Hòa An, thị xã, Ngân Sơn, Ba Bể... Tuy nhiên, nhìn chung việc hỗ trợ vốn, đầu tư công nghệ, chuyển giao kỹ thuật trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp còn nhiều hạn chế, đặc biệt là các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng xa. Sản phẩm của một số loại cây ăn quả như mơ, mận chưa có thị trường tiêu thụ ổn định đã làm hạn chế sản xuất và phát triển.

Gia tăng sản lượng lương thực đã tạo ra tiền đề cho phát triển chăn nuôi và đổi mới cơ cấu ngành nghề, nâng cao đời sống xã hội. Tỉnh đã coi trọng chính sách khuyến khích chăn nuôi hộ gia đình, làm tăng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong nội địa và xuất khẩu. Dịch vụ cung ứng giống mới, thức ăn,

thú y được mở rộng đến các thị trấn, bản, làng nên đã hạn chế được bệnh dịch và phát triển đàn gia súc, gia cầm. Tổng đàn gia súc tăng lên trong các năm từ 1991 đến 1995: đàn trâu từ 125.879 con lên 140.000 con; đàn bò từ 95.925 con lên 106.681 con; đàn lợn từ 232.811 con lên 272.630 con.

Về lâm nghiệp, việc giao đất, giao rừng, quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh rừng, phủ xanh đồi núi trọc làm tăng vốn rừng bước đầu có hiệu quả. Năm 1991, ngành lâm nghiệp xây dựng xong 11 dự án đầu tư. Công tác giao đất, giao rừng tập trung vào những hộ gia đình có nhu cầu và điều kiện quản lý; toàn tỉnh đã giao được 1.775 ha cho 585 hộ gia đình và tập thể.

Chủ trương, chính sách phát triển vườn đồi, vườn rừng đã khuyến khích nhân dân trồng thêm hàng trăm hécta cây ăn quả, cây lấy gỗ. Trong tỉnh, xuất hiện ngày càng nhiều mô hình vườn cây ăn quả có sản lượng và thu nhập cao. Công tác xây dựng dự án phủ xanh đất trống đồi núi trọc được Trung ương duyệt cấp vốn đầu tư cho rừng di tích Pác Bó, Vườn quốc gia Ba Bể. Phương thức giao đất, giao rừng đã có sự cải tiến và đạt kết quả nhất định. Năm 1993, giao đất, giao rừng được 10.852 ha. Năm 1994, thực hiện kế hoạch vốn của Chương trình 327-CT, Trung ương hỗ trợ vốn 9,8 tỷ đồng, ngân sách địa phương 900 triệu đồng, ngành lâm nghiệp đã xây dựng nhiều vườn ươm cung cấp đủ giống cây cho trồng rừng, vận động nhân dân trồng trúc sào có hiệu quả. Năm 1994, tiến hành giao đất, giao rừng trong và ngoài dự án là 40.269 ha, năm 1995 là 42.509 ha. Phong trào bảo vệ, phát triển và kinh doanh rừng đã có nhiều chuyển biến tốt, nhiều khu vực đồi rừng được hồi sinh. Trong 5 năm 1991-1995, toàn tỉnh đã trồng được 27.562 ha rừng, rừng khoanh nuôi, bảo vệ được 27.562 ha; giao rừng được 123.886 ha, nâng độ che phủ rừng từ 14% lên 18%.

Trong công tác định canh, định cư, tỉnh tập trung thực hiện Chương trình 327-CT và Chương trình 06-CP. Riêng năm 1995, Chương trình 06-CP được Trung ương phân bổ 2,5 tỷ đồng và 1 tỷ đồng hỗ trợ cho đồng bào vùng khó khăn. Trong 5 năm 1991-1995, định canh, định cư theo chương trình dự án đã thực hiện được 21.458 triệu đồng, ổn định được 3.284 hộ. Công tác dân tộc đã gắn kết với công tác định canh, định cư, thực hiện các dự án kinh tế mới trong tỉnh, góp phần làm cho đời sống của nhân dân vùng cao, vùng sâu, vùng xa từng bước được cải thiện.

Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã tiến hành chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển chế biến khoáng sản và nông lâm sản, công nghiệp vật liệu xây dựng và tạo ra một số sản phẩm mới thuộc lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Một số đơn vị quốc doanh công nghiệp địa phương đã cải tiến công nghệ, nên đã duy trì được sản xuất, tăng giá trị, khối lượng hàng hóa như: Xí nghiệp vật liệu xây dựng, Nhà máy xi măng Nguyên Bình, Xí nghiệp liên doanh khai thác chế biến xuất khẩu thiếc, Công ty khoáng sản, Nhà máy cơ khí. Việc xuất khẩu quặng có kết quả cao: mangan các năm 1991-1992 đạt 36.430 tấn; quặng sắt các năm 1993-1994 đạt 30.807 tấn. Giá trị sản lượng công nghiệp tăng lên theo từng năm: năm 1991 đạt 5,171 tỷ đồng, năm 1995 đạt 6,6 tỷ đồng.

Một số đơn vị quốc doanh trong tiểu thủ công nghiệp sản xuất các loại hàng hóa như giấy, đá xẻ, in tipô... do thiết bị công nghệ lạc hậu, không cạnh tranh được trên thị trường, nên cuối năm 1991 đã tổ chức giải thể 7 xí nghiệp.

Trong năm 1994, lĩnh vực công nghiệp đã được tỉnh quan tâm, sắp xếp lại các đơn vị sản xuất và tập trung đầu tư vào các mũi nhọn công nghiệp như Nhà máy gạch công suất 20 triệu viên/năm đã đi vào hoạt động có hiệu quả. Các đơn vị, xí

nghiệp: gang thép, xi măng, khai khoáng, vật liệu xây dựng được củng cố nên đã tạo ra khối lượng hàng hóa lớn. Tuy nhiên, một số xí nghiệp quốc doanh đạt giá trị sản lượng thấp do thiết bị quá cũ, lúng túng trong khâu tiếp thị, công tác quản lý chưa theo kịp với sự thay đổi của cơ chế thị trường.

Đến năm 1995, tỉnh đã xác định công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là một trong những lĩnh vực kinh doanh chủ yếu, chi phối các mặt hoạt động khác của nền kinh tế nên đã quan tâm, đầu tư mạnh hơn. Ngành xây dựng đã tiến hành đôn đốc để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ bản đối với lò luyện gang, nhà máy xi măng nhằm sớm hoàn thành và bước vào hoạt động. Đồng thời, đã thành lập Hội đồng liên minh các hợp tác xã, hướng dẫn tổ chức lại các đơn vị doanh nghiệp ngoài quốc doanh hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nhờ đó, một số sản phẩm như: nước khoáng, rượu vang Hương Lan, hàng dệt thổ cẩm, sữa chữa cơ khí đã có chỗ đứng trên thị trường.

Mạng lưới điện quốc gia được củng cố và mở rộng, hòa vào lưới điện địa phương, đưa điện thấp sáng đến trung tâm 7/13 huyện, thị (Nguyên Bình, Hà Quảng, Quảng Hòa, Trà Lĩnh, thị xã Cao Bằng, Trùng Khánh, Hòa An). Đồng thời, giai đoạn này còn khôi phục lại các trạm thủy điện, đổi mới trang thiết bị máy móc. Nhờ vậy, sản lượng điện không ngừng được tăng lên hàng năm: năm 1995 tăng 62% so với năm 1990.

Công tác xây dựng cơ bản có nhiều chuyển biến tiến bộ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo tập trung vốn đầu tư vào các công trình trọng điểm: mương Hồng Đại, vùng kinh tế mới Tà Lùng (huyện Quảng Hòa). Trong năm 1991, nhiều công trình được hoàn thành như: đường điện 110 kV Bắc Thái - Cao Bằng; Trạm vi ba số Cao Bằng - Hà Nội; Trạm thu phát truyền hình ở thị xã, Quảng Hòa, Trùng Khánh, Mỏ thiếc

Tỉnh Túc; cầu Nà Cạn (thị xã Cao Bằng), cầu Nam Quang (huyện Bảo Lạc); 1.023 bể nước ăn vùng cao Hà Quảng, tạo ra năng lực mới để phát triển sản xuất và phục vụ đời sống. Năm 1993, ngành xây dựng cơ bản đã đẩy mạnh tốc độ thi công các công trình trọng điểm với việc được tỉnh tạo điều kiện, ưu tiên về vốn đầu tư, giải quyết được 29 mặt bằng xây dựng. Vốn xây dựng cơ bản và sửa chữa đường giao thông được tích cực thực hiện và đạt hiệu quả khá, đã thi công hoàn thành đường điện 35 kV Thang Hen - Mã Phục; cải tạo mạng lưới điện thị xã, huyện Hòa An, tổng đài điện tử hiện đại. Các nguồn vốn xây dựng cơ bản tăng lên đáng kể theo từng năm: năm 1991 đạt 16,3 tỷ đồng, năm 1995 đạt 71,250 tỷ đồng. Do đó, đã hoàn thành một khối lượng lớn các công trình xây dựng cơ bản và đưa vào sử dụng hiệu quả. Bên cạnh đó, tỉnh bước đầu đã đăng ký được các dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài.

Trong lĩnh vực giao thông vận tải, nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, tỉnh đã xây dựng và thực hiện nhiều dự án tổng hợp, tăng thêm nguồn vốn đầu tư cho ngành. Tỷ trọng vốn dành cho giao thông hằng năm chiếm từ 13 đến 15% tổng mức đầu tư. Các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường ra cửa khẩu, đường nội thị và các tuyến đến khu di tích lịch sử văn hóa được nâng cấp và xây dựng; đã khai thông tuyến đường Hạ Lang - Thị Hoa và đường đến các cửa khẩu chính. Bên cạnh đó, xúc tiến việc mở đường, làm cầu ở Tà Lùng (huyện Quảng Hòa) nối liền biên giới Việt - Trung đảm bảo đúng nguyên tắc quản lý lãnh thổ quốc gia, đáp ứng bước đầu cho việc trao đổi hàng hóa. Năm 1994, ngành đã huy động lực lượng khẩn trương thi công tuyến đường từ thị trấn Nguyên Bình vào khu rừng Trần Hưng Đạo với chiều dài 17,8 km trong điều kiện thời gian gấp, vốn cấp chậm. Đồng thời, tu tạo tuyến đường chính từ thị xã đến Nguyên Bình phục vụ lễ kỷ niệm 50 năm Ngày

thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/1994). Giao thông nông thôn cũng được quan tâm hơn trước. Năng lực, phương tiện vận tải của các thành phần kinh tế tăng nhanh, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách trên địa bàn tỉnh. Năm 1993, số lượng xe các loại tăng lên, đáp ứng yêu cầu vận tải. Năm 1994, vận tải về hàng hóa tăng 33%, vận tải hành khách tăng 8% so với năm 1993, trong đó lực lượng vận tải ngoài quốc doanh chiếm ưu thế hơn lực lượng quốc doanh. Trong giai đoạn này, ngành giao thông vận tải đã có nhiều cố gắng trong việc khai thác các nguồn vốn, tập trung đầu tư, nâng cấp các tuyến đường ra cửa khẩu như: Quảng Uyên - Tà Lùng, Đôn Chương - Sóc Giang, Quảng Uyên - Trùng Khánh, Nặm Thoong - Thông Nông và tuyến đường 203 (thị xã Cao Bằng - Pác Bó)... đáp ứng nhu cầu vận chuyển phục vụ sản xuất và đời sống.

Hệ thống thông tin liên lạc đã được tăng cường thêm một số cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại. Năm 1994, toàn tỉnh có 2.250 máy đàm thoại, tạo điều kiện thuận lợi cho thông tin trong và ngoài tỉnh thông suốt; 8/13 huyện, thị có tổng đài điện tử và 20 máy được lắp đặt tới cơ sở xã. Hệ thống thông tin phát triển nhanh về số lượng, chất lượng; mở rộng tuyến truyền dẫn vi ba; số tổng đài điện tử và máy đàm thoại mỗi năm một tăng. Giao dịch điện thoại ngoài tỉnh và các huyện trong tỉnh có bước tiến nhanh, tự động hóa đường dài đến năm 1995 đạt 40%. Ngành đã từng bước ổn định và nâng cao chất lượng phục vụ của ba hạng mục bưu chính với nhiều hình thức kết hợp. Trong giai đoạn này, mạng viễn thông tự động hóa phát triển khá nhanh đến 11 huyện, thị và các địa bàn trọng yếu. Công tác phát hành báo chí được cải tiến, đến năm 1995, đã đảm bảo được 30% số huyện và 10% số xã trong tỉnh có báo đọc hàng ngày.

Trên lĩnh vực thương nghiệp, thương nghiệp quốc doanh đã tiến hành đổi mới phương thức kinh doanh, gia tăng giá trị mua, bán đối với một số ngành hàng cần thiết phục vụ sản xuất và đời sống xã hội. Bước đầu có 11/13 công ty thuộc Sở Thương nghiệp kinh doanh có lãi, khắc phục cơ bản tình trạng thiếu dầu, muối ở vùng cao biên giới. Nhiều mặt hàng do thương nghiệp quốc doanh kinh doanh chiếm lĩnh được vị trí trên thị trường, vẫn làm chủ trên thị trường với các mặt hàng thiết yếu. Thị trường hàng hóa mở rộng và phát triển, đã xóa bỏ các trạm “kiểm soát hàng hóa”, đầu tư mở rộng chợ và các điểm buôn bán, tạo môi trường giao lưu hàng hóa rộng mở thông suốt giữa các vùng trong và ngoài tỉnh. Vì vậy, hàng hóa trên thị trường phong phú, đa dạng, giá cả các mặt hàng ổn định đáp ứng nhu cầu đời sống và sản xuất. Kinh doanh khách sạn, du lịch bước đầu có chuyển biến tích cực và hiệu quả. Xuất nhập khẩu tăng nhanh, năm 1991, đạt 1,307 triệu USD, năm 1995 đạt 2,46 triệu USD. Dịch vụ tổng hợp phát triển đa dạng trong mọi thành phần kinh tế, chủ yếu là ở các thị xã, thị trấn và vùng đông dân cư với các hình thức bán buôn, chuyển giao hàng hóa, môi giới sản xuất kinh doanh, giải khát, ăn uống, chữa bệnh, phục vụ thiết thực đời sống của nhân dân.

Về tài chính, thu ngân sách trên địa bàn mỗi năm đều tăng: năm 1991 đạt 9,4 tỷ đồng, năm 1992 là 18 tỷ đồng, năm 1993 là 29,4 tỷ đồng, năm 1994 là 32,58 tỷ đồng, năm 1995 đạt 70,6 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người tăng 9,3%; năm 1990 đạt 95,8 USD, năm 1995 đạt 150 USD.

Văn hóa - xã hội được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm thường xuyên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tổ chức bộ máy văn hóa thông tin và thể thao được sắp xếp lại, hoạt động có hiệu quả. Nhà văn hóa 13 huyện, thị được cấp

trang thiết bị mới. Vùng cao hẻo lánh được tăng cường nhiều hoạt động chiếu phim, văn hóa, văn nghệ kết hợp tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Năm 1993, ngành văn hóa - thông tin đã bổ sung thêm một số cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị cho các cơ quan thông tin đại chúng. Việc quản lý di tích lịch sử, văn hóa và tổ chức các lễ hội trong giai đoạn này từng bước đi vào nền nếp, phát huy truyền thống văn hóa cổ truyền tốt đẹp của dân tộc. Bước đầu tỉnh đã thực hiện tôn tạo di tích Pác Bó và các điểm di tích lịch sử về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Việc tổ chức các lớp tập huấn ca múa nhạc và võ dân tộc, sáng tác hội họa, điêu khắc dự thi toàn quốc đạt kết quả tốt. Đồng thời, đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn hóa, quan tâm tới các điển hình trong tỉnh để nhân rộng; phối hợp các ban, ngành chức năng ngăn ngừa, đẩy lùi các tập quán lạc hậu và các tiêu cực phát sinh trong xã hội. Tỉnh đã tổ chức tốt các ngày lễ lớn trong năm và các lễ hội, đồng thời việc bảo tồn và phát huy giá trị các khu di tích lịch sử Pác Bó (huyện Hà Quảng) và khu rừng Trần Hưng Đạo (huyện Nguyên Bình) hiệu quả. Đặc biệt là lễ kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/1994) đã tạo sự tin tưởng, phấn khởi của nhân dân các dân tộc vào sự nghiệp cách mạng và công cuộc đổi mới đất nước.

Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình, sáng tác văn học - nghệ thuật đã bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, hướng vào việc phản ánh thành quả công cuộc đổi mới, đấu tranh chống tiêu cực xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống. Các loại hình thông tin ngày càng đa dạng phong phú, hướng tới phục vụ đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, lĩnh vực giáo dục - đào tạo đã có những chuyển biến tích cực. Ngành giáo dục đã tách các trường phổ thông cơ sở thành cấp I, cấp II, hình thành và phát triển lớp ghép phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của tình hình thực tế. Tỉnh đã đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục - đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kinh phí hợp lý, hiệu quả. Ngành coi trọng thực hiện cuộc vận động “Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm” trong nhà trường. Sau chuyển đổi lương mới, lương giáo viên được đảm bảo theo kỳ hạn, các thầy, cô giáo yên tâm gắn bó với nghề nghiệp, chất lượng giáo dục được nâng lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, dạy nghề được mở rộng phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Năm 1991, thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh, ngành đã tổ chức sắp xếp, quy hoạch lại các trường học và hoàn thành công tác năm học trong điều kiện khó khăn, nhất là việc giải quyết tiền lương cho giáo viên. Năm 1992, công tác giáo dục đã được tỉnh thường xuyên quan tâm, chăm lo đến đời sống giáo viên, để các thầy, cô yên tâm công tác; đồng thời, bảo vệ, củng cố, xây dựng các cơ sở trường lớp, phấn đấu thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của năm học. Sau một số năm có sự suy giảm, sự nghiệp giáo dục đã được củng cố và ngày càng phát triển, số lượng học sinh các cấp năm 1993 là 94.597 học sinh, tăng so với năm 1992 là 6.033 học sinh; đã xóa hết các xã trắng về giáo dục phổ thông cấp I. Số học sinh cấp III thi và cử tuyển vào các trường đại học, trung học chuyên nghiệp đạt 100/388 em; trường chuyên, lớp chọn được củng cố. Từ năm 1994, sự nghiệp giáo dục - đào tạo ngày càng được củng cố và phát triển. Số học sinh các cấp tăng 12.354 em so với năm 1993. Năm 1995, mạng lưới

trường lớp ngày càng được mở rộng và bố trí hợp lý hơn, với tổng số 356 trường phổ thông, 30 trường mẫu giáo, số lượng học sinh lên tới 133.147 em. Thành tích nổi bật nhất của ngành giáo dục - đào tạo tỉnh giai đoạn này là 50 xã, phường và thị xã Cao Bằng đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Các loại hình trường lớp phát triển khá đa dạng như: lớp chuyên, lớp ghép, lớp chọn, chú ý đầu tư cho việc phát hiện và đào tạo nhân tài cho tương lai đất nước. Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt cùng với các hội thi truyền thống đã thu hút sự quan tâm của xã hội và tạo môi trường lành mạnh trong các trường học. Việc đa dạng hóa các loại hình trường lớp và đào tạo giáo viên, dạy nghề đã tạo thêm nguồn lực, góp phần giải quyết những khó khăn trong ngành.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân đã có sự chuyển biến tích cực. 7 chương trình y tế quốc gia được Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo và phối hợp thực hiện giữa ngành y tế với các ban, ngành và địa phương, cơ sở, vận động nhân dân thực hiện đạt được nhiều kết quả.

Trong giai đoạn này, mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, mở rộng ở tất cả 224 xã, phường trong tỉnh, trong đó 180 xã có trạm y tế (năm 1991). Dịch vụ khám chữa bệnh được mở rộng với 31 cơ sở quốc lập và 31 cơ sở tư nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phòng và khám, chữa bệnh. Năm 1993, toàn ngành đã tích cực thực hiện nhờ đó đã xóa 16/19 xã trắng về y tế, củng cố, xây dựng 7/13 trung tâm y tế huyện, trong đó có sự giúp đỡ của UNICEF. Tỉnh đã triển khai nhanh và có hiệu quả chương trình chống bệnh sốt rét; thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng, chống uốn ván cho trẻ sơ sinh. Trong bảo hiểm y tế, các quỹ bảo trợ nhân đạo, chăm sóc trẻ em được hình thành và có kết quả bước

đầu. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình có nhiều chuyển biến tích cực, 200/224 xã, phường, thị trấn trong tỉnh có ban dân số - kế hoạch hóa gia đình, xây dựng được 36 điểm điển hình; giảm tỷ suất sinh tự nhiên từ 36‰ năm 1993 xuống 35,4‰ năm 1994. Hội Y học dân tộc, Hội Chữ thập đỏ có nhiều đóng góp quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân và giúp đỡ bệnh nhân nghèo chữa trị bệnh tật. Thực hiện chương trình y tế quốc gia đạt kết quả khá; công tác chỉ đạo, quản lý, lập lại trật tự và xây dựng cơ sở vật chất trong lĩnh vực khám chữa bệnh được chú trọng. Tình trạng thiếu cán bộ y tế từng bước được khắc phục, các dịch bệnh như sốt rét, bấu cổ có chiều hướng giảm.

Thực hiện chính sách “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”, tỉnh đã tiến hành quy tập mộ liệt sỹ và xây dựng đài tưởng niệm cùng với tổ chức nhiều hoạt động thiết thực như xây dựng nhà tình nghĩa và tặng sổ vàng tiết kiệm cho các gia đình thương binh, liệt sỹ.

Ngành lao động, thương binh - xã hội đã quan tâm tới việc sắp xếp, giải quyết lương mới cho cán bộ đương chức và điều chỉnh lương mới cho cán bộ hưu trí; giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc. Ngành đã tổ chức cứu đói đúng đối tượng cho nhân dân với số tiền 900 triệu đồng; tạo điều kiện cho người lao động có công ăn việc làm. Toàn tỉnh đã xây dựng các dự án với số vốn đầu tư 3 tỷ đồng để thu hút 2.332 lao động. Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề mới thành lập cũng đã tiến hành mở các lớp học nghề thu hút khá nhiều thanh niên trong tỉnh đến học. Ngành còn luôn quan tâm tới việc giải quyết chính sách với thương binh, gia đình liệt sỹ và công tác phong tặng, truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Tỉnh đẩy mạnh việc phòng, chống ma túy đã góp phần đem lại hiệu quả tốt cho xã hội.

Lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường đã có nhiều cố gắng tiến bộ, nhất là việc áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống đem lại hiệu quả thiết thực. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường đã hướng vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc của tỉnh trước mắt và lâu dài. Nổi bật là ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học vào sản xuất nông - lâm nghiệp phù hợp với một tỉnh miền núi như Cao Bằng, làm cho nông dân thêm phấn khởi, tin tưởng vào khoa học công nghệ. Nhiều đề tài nghiên cứu được triển khai và có kết quả. Dù vậy, công tác phổ biến, ứng dụng các thành tựu khoa học trên từng lĩnh vực còn có mặt hạn chế, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, đội ngũ cán bộ chuyên môn chưa đủ sức nghiên cứu, thẩm định các đề án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát lực lượng vũ trang hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đã ngăn chặn có hiệu quả mọi âm mưu, thủ đoạn của địch, tạo sự ổn định về chính trị, tư tưởng trên địa bàn toàn tỉnh.

Công tác quân sự địa phương trong những năm 1991-1995 có nhiều chuyển biến. Từ năm 1991, lực lượng vũ trang địa phương đã tiến hành giảm biên chế quân thường trực, tăng cường xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, xây dựng bổ sung các phương án sẵn sàng chiến đấu. Đồng thời, đã phối hợp các lực lượng diễn tập theo kế hoạch, nâng cao chất lượng huấn luyện, thực hiện phương án xây dựng địa phương tỉnh và huyện, thị phòng thủ theo yêu cầu nội dung mới. Tỉnh đã tạo được mối quan hệ hợp tác giữa lực lượng quân sự, chính quyền địa phương và các đoàn thể quần chúng. Việc tổ chức hội thao trong tỉnh và tham gia Hội thao cấp Quân khu đạt kết quả

tốt. Công tác hậu cần, tăng gia sản xuất bước đầu thực hiện có kết quả trong lực lượng vũ trang địa phương.

Chế độ huấn luyện, công tác sẵn sàng chiến đấu được duy trì và nâng cao chất lượng. Nhiều phương án được cải tiến, bổ sung và triển khai trên phạm vi toàn tỉnh, chú trọng các địa bàn trọng yếu. Công tác tuyển quân đảm bảo số lượng và chất lượng, các đơn vị dân quân tự vệ địa phương và khối cơ quan đều hoàn thành chương trình huấn luyện. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh luôn chú trọng công tác xây dựng lực lượng theo hướng chính quy, hiện đại, giữ gìn và bảo quản vũ khí tốt, củng cố hậu cần, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Kết quả là năm 1995 đã được Quân khu 1 tặng thưởng Cờ luân lưu.

Lực lượng công an nhân dân các cấp luôn được củng cố, đã thành lập các tổ an ninh nhân dân ở các địa bàn. Việc tổ chức tấn công, truy quét các loại tội phạm hình sự có hiệu quả. Nhờ sự cố gắng nỗ lực của toàn Đảng bộ mà nòng cốt là lực lượng công an nhân dân mà an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Năm 1995, bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến đổi, Mỹ tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Việt Nam; nước ta gia nhập khối ASEAN; quan hệ Việt - Trung có bước cải thiện, song trên từng khu vực, từng thời điểm dọc tuyến biên giới vẫn còn diễn biến phức tạp, có lúc căng thẳng. Lực lượng biên phòng đã phối hợp với chính quyền địa phương, cơ sở kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ quốc gia, trên cơ sở tôn trọng Hiệp định tạm thời, giữ gìn tình hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước.

Công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt của Đảng bộ trong nhiệm kỳ. Từ cuối tháng 8 đến tháng 11/1991, hầu hết

đảng viên trong toàn Đảng bộ đã được quán triệt Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Điều lệ Đảng sửa đổi. Trong năm 1991, Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIII và Đại hội của 18 đảng bộ trực thuộc đã được tổ chức thành công. Đảng bộ các cấp đã xác định rõ phương hướng nhiệm vụ 5 năm 1991-1995. Cấp ủy mới được bầu ở 18 đảng bộ trực thuộc gồm 500 đồng chí, cấp ủy Đảng bộ tỉnh gồm 47 đồng chí đảm bảo tiêu chuẩn phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. So với nhiệm kỳ trước, tuổi bình quân cấp ủy viên trẻ hơn; hầu hết qua rèn luyện thực tiễn, đa số có trình độ học vấn trung cấp, kỹ sư chuyên môn và cử nhân, trung, cao cấp lý luận chính trị.

Trong công tác chính trị tư tưởng, cấp ủy đã chỉ đạo ngành tuyên giáo tập trung triển khai 6 chuyên đề văn kiện Đại hội VII của Đảng, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa VII và Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh, nhờ đó đã có nhiều chuyển biến tích cực về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong mỗi đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng, Đảng bộ đã chú trọng quán triệt trong đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh và các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, từ đó mở rộng đến đảng viên và quần chúng. Nét đổi mới trong chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chương trình hành động là phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, quán triệt quan điểm lấy kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm, công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, chọn việc củng cố tổ chức cơ sở đảng làm khâu đột phá, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm.

Các đợt sinh hoạt chính trị đã giúp nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin trong nhân dân vào đường lối đổi mới của Đảng, phấn đấu kiên trì theo con đường xã hội chủ nghĩa. Vì thế, đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, làm chuyển biến theo hướng tiến bộ nhiều mặt kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/11/1992 của Ban Bí thư về việc tổ chức tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VII và Chỉ thị 15-CT/TW ngày 20/11/1992 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục ngăn chặn và bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu, Đảng bộ tiến hành phân loại tổ chức tổ chức đảng và đảng viên một cách tích cực, khẩn trương. Năm 1993, có 544/633 tổ chức đảng với 15.524/21.770 đảng viên được phân loại. Trong đó, có 18,75% tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, 57% các tổ chức khá từng mặt và 18,5% tổ chức yếu kém. Năm 1994, kiểm tra tư cách được 7.371 đảng viên, phát hiện 100 đồng chí vi phạm kỷ luật và đã xử lý 74 người. Đồng thời kiểm tra 49 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 5 tổ chức vi phạm khuyết điểm. Đến cuối năm 1995, trong số 572 cơ sở đảng với 1.485 chi bộ, sau khi phân loại có 34,95% cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh, 58,37% cơ sở đảng xếp loại khá, 6,6% thuộc diện yếu kém.

Về công tác cán bộ, trong 5 năm 1991-1995, tỉnh kiện toàn bộ máy và quy hoạch cán bộ, đề bạt 180 cán bộ lãnh đạo các ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thị. Các cấp ủy chọn cử 388 cán bộ đi bồi dưỡng quản lý nhà nước do các trường Trung ương và địa phương tổ chức, 319 cán bộ học hệ trung cấp lý luận, 36 cán bộ được đào tạo bồi dưỡng lý luận tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Công tác chỉnh đốn Đảng được quan tâm đẩy mạnh, góp phần nâng cao một bước chất lượng đảng viên. Công tác phát triển đảng được các cấp ủy quan tâm, trong 5 năm 1991-1995 đã kết nạp được 2.744 đảng viên.

Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng đã được tiến hành nhiều đợt, có tác dụng ngăn ngừa vi phạm kỷ luật. Năm 1991, kiểm tra 4.465 đảng viên, trong đó chấp hành tốt chiếm 70%, chưa tốt 20%, có vi phạm 406 đảng viên. Qua đó, đã xử lý kỷ luật 238 đảng viên, trong đó khai trừ ra

khỏi Đảng 58 người, đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 98 người. Năm 1992, kiểm tra 4.608 đảng viên, phát hiện 44 đảng viên vi phạm, kỷ luật 93 đảng viên, trong đó khai trừ 44 người, xóa tên trong danh sách 210 người.

Những thành tích đạt được của công tác kiểm tra, chỉnh đốn, phát triển Đảng đã làm cho tổ chức cơ sở đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, chất lượng đảng viên được nâng cao, hệ thống chính trị thường xuyên được củng cố, đổi mới và phát triển, phát huy được sức mạnh khối đoàn kết toàn dân tộc.

Những năm 1991-1995, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã bám sát chức năng, nhiệm vụ, phối hợp thống nhất trong hành động, tạo nên các phong trào yêu nước sâu rộng trong toàn dân. Phương thức hoạt động luôn được cải tiến, sáng tạo, đổi mới. Nhờ đó, khối đại đoàn kết dân tộc không ngừng được củng cố, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Niềm tin của nhân dân với Đảng, chính quyền được giữ vững.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIII, nhiệm kỳ 1991-1995, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã động viên nhân dân tăng cường khối đoàn kết toàn dân phấn đấu làm tròn nghĩa vụ và trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận đã chủ động tham gia xây dựng chính quyền cũng như công tác bảo vệ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Mặt trận còn tổ chức họp lấy ý kiến của nhân dân đóng góp vào dự thảo văn kiện Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam; phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức thành viên tổ chức hiệp thương, vận động nhân dân đi bầu cử đạt kết quả cao, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa IX. Bên cạnh đó, đã tổ chức tốt Đại hội lần thứ VII của Mặt trận Tổ quốc tỉnh; tiếp tục củng cố, kiện toàn Mặt trận Tổ quốc các cấp. Năm 1995,

thực hiện cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã chỉ đạo, phối hợp cùng các tổ chức thành viên đẩy mạnh phong trào xây dựng nếp sống văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội; phối hợp với ngành văn hóa thông tin xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa theo các tiêu chí đã đề ra. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp giai đoạn này đã hướng về cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Mối quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc tỉnh với chính quyền cùng cấp được đổi mới và cải thiện, gắn bó và hiệu quả hơn trước.

Các chương trình hành động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Cao Bằng được coi trọng, triển khai rộng rãi đến toàn thể đoàn viên, thanh niên. Công tác xây dựng Đoàn, Đội thường xuyên được củng cố, phát triển. Tỉnh Đoàn đã phát động phong trào thanh niên lập nghiệp, phát triển kinh tế, văn hóa xã hội; quan tâm tới thiếu niên, nhi đồng. Tổng Đội thanh niên xung phong xây dựng kinh tế thành lập năm 1992 bước đầu đã thu hút và giải quyết việc làm cho đoàn viên, thanh niên. Các tổ chức đoàn cơ sở phường, xã được chăm lo củng cố. Năm 1995, Tỉnh Đoàn đã tổ chức được nhiều lớp bồi dưỡng cho cán bộ đoàn và phát triển thêm 2.976 đoàn viên, giới thiệu 996 đoàn viên ưu tú cho Đảng, trong đó có 215 đoàn viên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tập trung thực hiện các chương trình của Hội, đã tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ công tác cho 800 lượt cán bộ, hội viên; tạo điều kiện cho chị em vay vốn tăng gia sản xuất. Hội đã xây dựng được 320 tổ, nhóm phụ nữ tiết kiệm có số vốn hơn 1 tỷ đồng; phối hợp với các ngành chức năng chuyển giao khoa học kỹ thuật cho hội viên, đặc biệt là hướng các hoạt động về cơ sở, vận động chị em giúp nhau làm kinh tế gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

Phong trào công nhân viên chức, người lao động và hoạt động công đoàn đã có nhiều chuyển biến tiến bộ. Các cấp công đoàn thường xuyên đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, động viên công nhân, người lao động hăng hái tham gia các phong trào thi đua yêu nước, nhất là trong lĩnh vực sản xuất, tạo ra cơ sở vật chất, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh. Các tổ chức công đoàn trong tỉnh được củng cố, kiện toàn và quan tâm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động phù hợp với thực tế của tỉnh. Đội ngũ cán bộ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới.

Hội Nông dân tỉnh trong giai đoạn này đã xây dựng chương trình hành động, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm: kiện toàn tổ chức, xây dựng xã điểm, tập huấn công tác nghiệp vụ chuyên môn cho hội viên, triển khai Nghị quyết Đại hội theo nhiệm kỳ. Hội chăm lo việc củng cố phát triển hội viên mới, đã kết nạp 6.000 hội viên, nâng tổng số hội viên toàn tỉnh lên 49.800 người. Đồng thời, Hội đã cử cán bộ tham dự lớp tập huấn ở Trung ương; xây dựng các mô hình điểm với các hình thức hoạt động mang lại thu nhập cao; hướng dẫn hội viên vay vốn sản xuất được hơn 700 triệu đồng, tạo công ăn, việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho hội viên.

Hội Cựu chiến binh đã phát huy bản chất và truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, gương mẫu trong đời thường, tích cực tham gia các hoạt động trên nhiều lĩnh vực đóng góp cho xã hội. Hội phối hợp với các tổ chức đoàn thể chăm lo tốt công tác hậu phương quân đội, tham gia gìn giữ trật tự trị an, phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa bàn; quan tâm giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng, truyền thống Quân đội

nhân dân Việt Nam anh hùng cho thế hệ trẻ. Hội cũng tham gia vào việc phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, góp phần vào thành quả chung của tỉnh.

Các tổ chức khác như Hội Chữ thập đỏ, Hội Y học cổ truyền, Hội Nhà báo, Hội Văn học - Nghệ thuật đã tích cực hoạt động và có nhiều đóng góp cho công tác Mặt trận Tổ quốc trong giai đoạn lịch sử này.

Nhiệm kỳ 5 năm 1991-1995, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã lãnh đạo các cấp ủy, chính quyền các cấp, các đoàn thể tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới theo hướng công nghiệp hóa. Ngay trong tư duy nhận thức đã có sự chuyển biến tiến bộ, Đảng bộ xác định rõ: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ có tác dụng thúc đẩy toàn bộ hệ thống kinh tế - xã hội phát triển. Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được chú trọng đầu tư phát triển đều dựa trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Quá trình tổ chức sản xuất đã từng bước đổi mới, hiện đại hóa trang thiết bị máy móc, tạo nên năng suất cao hơn trước. Tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã tăng lên rõ rệt trong tổng giá trị kinh tế của tỉnh. Sản xuất nông - lâm nghiệp được coi trọng nhằm tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Các lĩnh vực giao thông vận tải, xây dựng, thương nghiệp đều có sự tăng trưởng khá; văn hóa - xã hội được quan tâm, góp phần làm cho xã hội ngày càng lành mạnh; công tác quốc phòng - an ninh luôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác xây dựng Đảng trên cả ba lĩnh vực: chính trị, tư tưởng và tổ chức có nhiều chuyển biến tiến bộ.

Tuy nhiên, kinh tế hàng hóa trong tỉnh còn chậm phát triển. Các tiềm năng thế mạnh của tỉnh chưa được phát huy. Cơ sở hạ tầng kinh tế và cơ sở vật chất phục vụ xã hội còn nhiều bất cập. Ngân sách thu không đủ chi. Năng lực lãnh

đạo và sức chiến đấu của cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền, sự đổi mới hoạt động của các đoàn thể nhân dân còn nhiều mặt hạn chế, nhất là cấp cơ sở. Đời sống đồng bào vùng cao, dân tộc thiểu số rất khó khăn, thiếu thốn. Một số tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi.

Song, thành quả đạt được trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh là rất đáng ghi nhận, khả quan. Tình hình xã hội ổn định, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền được củng cố, tạo nên cơ sở, điều kiện thuận lợi, từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới.

III. LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2000)

10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là những năm 1991-1995, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã giành được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội. Những thành quả đó đã tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ lãnh đạo toàn dân và toàn quân vững bước trên chặng đường 5 năm 1996-2000, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và giành những thắng lợi mới.

Từ ngày 24 đến ngày 27/4/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIV, nhiệm kỳ 1996-2000 được tiến hành tại thị xã Cao Bằng. Tham dự Đại hội có 345 đại biểu ưu tú đại diện cho 2,2 vạn đảng viên toàn Đảng bộ.

Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 1991-1995 và khẳng định: “Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII

của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, 5 năm qua, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tỉnh ta đã vượt qua khó khăn, thử thách, đoàn kết một lòng, kiên trì phấn đấu làm chuyển biến đáng kể nền kinh tế - xã hội của tỉnh. Tình hình chính trị ổn định, nền kinh tế phát triển với tốc độ khá, cơ sở vật chất được tăng cường; sự nghiệp văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ, quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; công tác xây dựng Đảng được củng cố và phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân được cải thiện, vai trò và uy tín của Đảng bộ không ngừng được củng cố và nâng lên”.

Đồng thời, Báo cáo chính trị cũng nêu rõ những khó khăn, yếu kém của tỉnh: “Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh ta đã có bước tăng trưởng đáng kể trong những năm gần đây, nhưng mức xuất phát kinh tế của tỉnh ta thấp so với cả nước, tiềm lực kinh tế còn yếu, sản xuất hàng hóa nhỏ, bấp bênh, chưa ổn định; trong khi đó yêu cầu đòi hỏi phải đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế theo xu thế chung của cả nước trở thành vấn đề cấp bách. Đây là khó khăn thách thức lớn đối với tỉnh ta”.

Trên cơ sở đánh giá khách quan tình hình, Đại hội đã xác định mục tiêu tổng quát của phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 1996-2000 là: “Chủ động tích cực khai thác các điều kiện thuận lợi, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; cải thiện đời sống nhân dân, hạ thấp tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao một bước trình độ dân trí, chăm lo sức khỏe của nhân dân, làm lành mạnh hóa đời sống xã hội. Tăng cường ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo kỷ cương luật pháp và công bằng xã hội, đẩy lùi

tiêu cực, bất công. Tập trung các nguồn lực để phát triển kinh tế”.

Nhằm hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong nhiệm kỳ tiếp theo, đòi hỏi phải xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức. Trong công tác chính trị tư tưởng, Báo cáo chính trị nhấn mạnh: “Các cấp ủy đảng phải chủ động giáo dục chính trị tư tưởng cho mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức rõ đường lối, quan điểm đổi mới của Đảng, gương mẫu thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị đề ra. Tích cực chống diễn biến hòa bình và các mặt tiêu cực của xã hội, giữ vững niềm tin xây dựng đất nước... Tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIV của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng”.

Trong công tác tổ chức, cán bộ, Báo cáo chính trị đã xác định: “Thường xuyên củng cố, kiện toàn bộ máy cấp ủy, chính quyền, đoàn thể gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa VII, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả từ tỉnh đến cơ sở. Xác định rõ nhiệm vụ, chức năng và trách nhiệm đối với từng cơ quan và vị trí công tác. Chăm lo xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kế cận chủ chốt. Đảm bảo thực hiện đúng quy trình, quy chế tuyển chọn, đánh giá, sử dụng, đề bạt cán bộ... Bổ sung kịp thời những cán bộ có năng lực phẩm chất tốt, kiên quyết thay thế những cán bộ kém năng lực, thoái hóa, biến chất; quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ, đảng viên”.

Về công tác chính quyền, đoàn thể, Báo cáo chính trị nhấn mạnh: “Phối hợp đồng bộ chặt chẽ giữa Thường trực cấp ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, nâng cao chất lượng các kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

Cải tiến nội dung, phương pháp điều hành các kỳ họp, tăng cường kiểm tra, giám sát sự điều hành của Ủy ban nhân dân. Nắm vững tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và thực trạng tình hình các địa bàn cơ sở để phát huy mặt tích cực, đồng thời uốn nắn những lệch lạc sai trái. Tăng cường sự quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh bằng pháp luật, củng cố tổ chức các ngành, nhất là các cơ quan pháp luật”.

Đối với các đoàn thể, phải “Phát huy vai trò tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các hội quần chúng trong hệ thống chính trị. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8b của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết khác trong lĩnh vực đời sống xã hội. Coi trọng mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân thành một khối thống nhất để bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập quốc gia. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân... Hướng dẫn nhân dân sản xuất, thực hành tiết kiệm, từng bước cải thiện đời sống, xóa đói, giảm nghèo”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 ủy viên, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nông Hồng Thái tái đắc cử Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Dương Mạc Thăng giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Vũ Ngọc Ly giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh¹. Đại hội bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, bao gồm 14 đại biểu chính thức và 02 đại biểu dự khuyết.

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIV nhiệm kỳ 1996-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng đã

1. Quyết định số 1060-NS/TW ngày 24/5/1996 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy khẩn trương phối hợp cùng các ngành trong khối tư tưởng - văn hóa tổ chức tuyên truyền nhanh về kết quả Đại hội tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đồng thời, phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng sắp diễn ra.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tiến hành từ ngày 28/6/1996 đến ngày 01/7/1996 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000, Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. Đại hội đã nhất trí đánh giá tổng quát: Công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng; nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã hoàn thành về cơ bản; nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tuy một số mặt còn chưa vững chắc. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra nhiệm vụ: tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình cách mạng nước ta.

Ngay sau Đại hội, Tỉnh ủy Cao Bằng đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng bộ tỉnh. Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã tạo sự tin tưởng, đồng thuận trong nhân dân, khuyến khích người dân hăng hái, phấn khởi bước vào thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mới.

Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 10 phê chuẩn việc tách và thành lập lại các tỉnh, trong đó, tỉnh Bắc Thái tách thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, và

hai huyện Ngân Sơn và Ba Bể từ Cao Bằng chuyển về tỉnh Bắc Kạn. Tỉnh Cao Bằng còn 11 đơn vị cấp huyện, là các huyện: Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Thông Nông, Bảo Lạc, Thạch An, Trùng Khánh, Quảng Hòa, Trà Lĩnh, Hạ Lang và thị xã Cao Bằng.

Trong giai đoạn 1996-2000, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á tác động tới kinh tế toàn khu vực, trong đó có nước ta. Sau nhiều năm phát triển, kinh tế cả nước nói chung và các tỉnh, thành phố nói riêng có phần chững lại. Bên cạnh đó, Cao Bằng còn phải chịu sự tác động trực tiếp của thiên tai, nạn hạn hán kéo dài làm thiếu nước sản xuất, sinh hoạt, nhất là vùng cao. Hơn thế, phía bên kia biên giới còn gây ra các vụ lấn chiếm khiến đời sống nhân dân biên giới gặp nhiều khó khăn. Trong bối cảnh ấy, cấp ủy, chính quyền các cấp đã sát cánh cùng nhân dân quyết tâm khắc phục khó khăn để vươn lên.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tỉnh đã tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, xác định mục tiêu cụ thể có trọng tâm, trọng điểm, tăng cường đầu tư cho thủy lợi và giống mới, đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất nông nghiệp, bước đầu tạo ra các vùng chuyên canh, thâm canh lúa, ngô.

Trung tâm khuyến nông, khuyến lâm đã quan tâm xây dựng các mô hình sản xuất theo hướng chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, tập huấn chuyển giao khoa học, kỹ thuật, hướng dẫn nông dân bón phân cân đối NPK để nâng cao năng suất cây trồng.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực. Phong trào sản xuất theo mô hình kinh tế VACR phát triển mạnh ở vùng có địa hình thấp. Trên địa bàn đã xuất hiện mô hình kinh doanh trong nông nghiệp với các loại cây, con có hiệu quả đối với hộ gia đình và liên

kết nhiều hộ ở một số địa phương của huyện Hòa An, Trà Lĩnh, thị xã Cao Bằng.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo Hội Nông dân tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào nông dân sản xuất giỏi nhằm xác định rõ các mô hình sản xuất hiệu quả để nhân ra diện rộng.

Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1996 đạt 147.000 tấn, sản lượng đỗ tương 3.639 tấn, sản lượng thuốc lá 434 tấn. Nhìn chung, do ảnh hưởng của thời tiết nên năng suất cây trồng không cao, sản lượng thấp hơn so với kế hoạch đề ra. Năm 1997, nhờ có chính sách, biện pháp chủ động, tích cực của tỉnh và thời tiết cơ bản thuận lợi hơn nên sản xuất nông nghiệp có nhiều tiến bộ. Hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi rõ nét, diện tích gieo trồng các loại giống mới như: lúa, ngô, thuốc lá, đỗ tương, mía được mở rộng; năng suất và sản lượng đều tăng so với những năm trước. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 165.018 tấn. Năm 1998, ngành nông nghiệp đã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, tích cực làm tốt công tác thủy lợi, cung ứng vật tư, kỹ thuật đề phòng thiên tai. Vì thế, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 159.673 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 305 kg/người/năm. Năm 1999, thời tiết hạn hán kéo dài làm cho sản xuất gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo ngành và các địa phương quan tâm tới công tác thủy lợi bằng nhiều biện pháp để cung cấp đủ nước cho sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Do vậy, tổng sản lượng lương thực trong năm vẫn đạt 169.638 tấn, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Tỉnh bước đầu đã hình thành một số vùng sản xuất cây trồng hàng hóa như: vùng đỗ tương Quảng Hòa, thuốc lá Hòa An, cây hạt dẻ Trùng Khánh, cây trúc ở Nguyên Bình,

Bảo Lạc. Đặc biệt là vùng nguyên liệu mía không chỉ phát triển ở Quảng Hòa mà còn mở rộng ra các huyện Hạ Lang, Trà Lĩnh, Hòa An. Vùng mía sản xuất hiệu quả đã tạo ra công ăn việc làm cho nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, hình thành khu công nghiệp mía đường Tà Lùng.

Ngành chăn nuôi cơ bản giữ được nhịp độ phát triển, chủ yếu ở khu vực nông thôn. Nhiều hộ gia đình đã chú trọng phát triển, tăng đàn gia súc, gia cầm hàng hóa. Năm 1996, tổng đàn trâu đạt 145.000 con, đàn bò 110.000 con, đàn lợn 275.000 con, gia cầm 1.891.500 con. Năm 1997, chăn nuôi gia súc, gia cầm vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng so với năm 1996, đàn trâu tăng 1%, đàn bò tăng 4% và gia cầm tăng 2,2%; chăn nuôi khu vực quốc doanh được duy trì. Chương trình Sind hóa đàn bò tiếp tục được nhân rộng ở 7 huyện, thị; đến năm 1997, số bê, nghé lai có gần 600 con. Năm 1998, nhằm đưa chăn nuôi trở thành ngành chính trong sản xuất nông nghiệp, phong trào phát triển chăn nuôi đã được mở rộng từ gia đình đến tập thể nhưng do hạn chế về kỹ thuật chăn nuôi, thời tiết hạn hán kéo dài nên sự tăng trưởng không như mong đợi. Trong năm, đàn trâu đạt 115.253 con; đàn bò 102.540 con; đàn lợn 230.462 con; đàn gia cầm, nhất là gà, vịt đều tăng. Ngoài ra, ở một số địa phương như Bảo Lạc, Trùng Khánh, Hạ Lang, Thông Nông còn đẩy mạnh chăn nuôi ngựa, dê. Cá biệt đã xuất hiện nuôi hươu sao ở Hòa An, Thạch An, thị xã Cao Bằng. Nghề nuôi ong được phát triển ở hầu khắp các địa phương, đặc biệt ở Hòa An, thị xã, Nguyên Bình; có hộ gia đình nuôi hàng trăm đàn ong, mỗi năm thu nhập 50-60 triệu đồng. Chăn nuôi phát triển đã giúp kinh tế hộ gia đình ổn định, thêm thu nhập, xóa đói giảm nghèo, góp phần quan trọng làm tăng sản phẩm hàng hóa cho xã hội.

Thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng về phát triển nông thôn, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; các địa phương đã tập trung chỉ đạo việc đổi mới quan hệ sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao năng suất hàng hóa. Nhiều mô hình kinh tế VACR đã xuất hiện, cùng với việc hình thành các trang trại. Năm 1999, cả tỉnh có trên 1.000 mô hình kinh tế gia đình, trang trại và đã có 60 mô hình mỗi năm cho thu lợi từ 15 triệu đồng trở lên. Một số địa phương đã đưa cơ giới vào sản xuất và chú trọng xây dựng hợp tác xã, liên kết, liên doanh trong sản xuất như các huyện Hòa An, Trùng Khánh, Thạch An, Quảng Hòa. Toàn tỉnh đã có 200 máy cày bừa loại từ 15 mã lực trở lên, một số máy gặt tuốt cơ giới và nửa cơ giới. Nhìn chung tỉnh rất coi trọng việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, đưa giống mới, năng suất cao vào sản xuất và chăm lo công tác bảo vệ thực vật, thú y, công tác khuyến nông - lâm - ngư cho người dân.

Về lâm nghiệp, việc giao đất giao rừng, trồng rừng, quản lý và bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng theo các chương trình, Dự án 327-CP, PAM, 5322, Chương trình 5 triệu ha rừng đạt kết quả khá. Ngay từ đầu năm 1996, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo ngành lâm nghiệp và các ngành chức năng hữu quan rà soát các dự án, tiến hành củng cố bộ máy quản lý dự án ở cấp huyện. Đồng thời, trong năm đã thông qua hai dự án về phát triển vùng trúc sào và phát triển cây thông giai đoạn 1996-2000; đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến trong toàn dân về Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Kết quả năm 1996 giao đất, giao rừng thực hiện được 44.182 ha; chỉ tiêu khoanh nuôi rừng đạt 100% kế hoạch. Năm 1997, toàn tỉnh trồng rừng mới được 1.565 ha, bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh rừng 55.060 ha, giao đất lâm nghiệp 49.103 ha, xây dựng được 20 mô hình trình diễn theo Chương trình PAM, 5322; công tác quản lý,

bảo vệ và phát triển rừng đã có bước chuyển biến mới. Năm 1998, toàn tỉnh giao được 53.277,4 ha đất lâm nghiệp cho 7.345 hộ nông dân để quản lý, bảo vệ và sản xuất lâm nghiệp, bên cạnh đó trồng mới 5.000 ha rừng. Năm 1999, trồng rừng của tỉnh đạt 104,35% kế hoạch, khoanh nuôi, bảo vệ đạt 101,6%, giao đất giao rừng được 23.916 ha. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 35,1%, đất trống, đồi trọc đã dần được phủ xanh.

Công tác định canh, định cư, xây dựng vùng kinh tế mới thường xuyên được quan tâm. Năm 1996, toàn tỉnh đã hoàn thành một số công trình hạng mục phục vụ nông thôn gồm: 638 bể nước ăn vùng cao, 7 giếng khoan, 157 giếng đào, 18,5 km đường dân sinh, đưa vào sử dụng 892 m² trường học, trụ sở, trạm y tế xã và một cầu treo dài 70 m. Năm 1999, đã triển khai thực hiện 34 chương trình, dự án định canh, định cư và kinh tế mới với tổng số vốn là 9,3 tỷ đồng. Các dự án đã góp phần ổn định dân cư biên giới, vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

Về công tác xóa đói giảm nghèo, thực hiện Chương trình 133 của Chính phủ, các ngành chức năng đã tăng cường 212 cán bộ về 106 xã đặc biệt khó khăn, mở nhiều lớp tập huấn xóa đói giảm nghèo cho cán bộ thôn, xã; hướng dẫn các địa phương xây dựng các dự án phát triển kinh tế - xã hội, các công trình kết cấu hạ tầng. Đến năm 1999, nhiều công trình về giao thông, thủy lợi, trường học đã được xây dựng và đưa vào phục vụ sản xuất, đời sống.

Trên lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khoá VII về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới; Nghị quyết Đại hội VIII; Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển

khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú của tỉnh. Đồng thời, tiếp tục củng cố, sắp xếp các đơn vị doanh nghiệp sản xuất có hiệu quả như: Nhà máy xi măng 2,5 vạn tấn/năm; sáp nhập Liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng với Xí nghiệp liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng thành Công ty sản xuất vật liệu xây dựng; khắc phục những yếu kém, tồn tại của các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong quản lý, vận hành và đầu tư. Bên cạnh đó, đã khởi công xây dựng Nhà máy đường Phục Hòa; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thi công, xây dựng đề án quản lý khai thác tài nguyên.

Năm 1996, toàn tỉnh có 13 doanh nghiệp công nghiệp địa phương và 4 doanh nghiệp công nghiệp Trung ương; các huyện, thị đều có các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Một số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả khá như: Công ty khai thác và chế biến mangan đạt giá trị sản xuất 4.216 triệu đồng, tăng 16,3% so với năm 1995; Công ty bia và chế biến hoa quả sản xuất bia hơi đạt 34.087 lít, tăng 4,3%, giá trị sản xuất đạt 1.307 triệu đồng, tăng 14,6%. Ngoài ra, Công ty 392, Nhà máy cơ khí, Nhà máy xi măng, Xí nghiệp chế biến trúc tre xuất khẩu, Xí nghiệp in, Xí nghiệp dược đều kinh doanh có lãi. Vì vậy, đã nâng tổng giá trị sản xuất công nghiệp năm 1996 lên 65,549 tỷ đồng, tăng 32,5% so với năm 1995; giá trị xuất khẩu đạt 3.745.908 USD. Một số sản phẩm công nghiệp quốc doanh đạt giá trị sản lượng cao như điện thương phẩm 2.976 nghìn kWh, ngói các loại 40 triệu viên, gỗ xẻ thành khối 256 m³, xi măng 1.342 tấn, quặng sắt 54 nghìn tấn, quặng mangan nguyên khai 6.291 tấn...

Năm 1997, do có sự thay đổi về địa giới hành chính, tách hai huyện Ngân Sơn, Ba Bể về Bắc Kạn nên Liên doanh khai thác vàng 392 tại huyện Ngân Sơn giao cho tỉnh Bắc Kạn quản lý. Trong năm, ngành công nghiệp Cao Bằng chấm dứt khai thác mỏ sắt Nà Lũng, tập trung khai thác hai loại khoáng sản chủ yếu là sắt và mangan, đồng thời chuyển xí nghiệp luyện gang về Tổng công ty Khoáng sản quản lý.

Tháng 7/1997, Công ty sắt Cao Bằng được thành lập. Cũng trong năm 1997, tỉnh đã khởi công xây dựng Nhà máy nước tại km4 (Quốc lộ 3) với công suất 5.000 m³/ngày và một số đơn vị sản xuất quy mô lớn như: Nhà máy xi măng 3,5 vạn tấn/năm, lò luyện gang 22 m³, dây chuyền gạch tuynen 20 triệu viên/năm, Nhà máy đường Phục Hòa công suất ép 700 tấn mía/ngày. Do được quan tâm đầu tư và sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công nhân viên nên một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, đạt mức tăng trưởng khá như Công ty sản xuất vật liệu xây dựng, giá trị sản lượng tăng 46,2%; Nhà máy cơ khí tăng 136,2%, Xí nghiệp chế biến trúc tre xuất khẩu tăng 83% so với năm 1996. Tuy vậy, vẫn còn một số doanh nghiệp sản phẩm tiêu thụ chậm, hoạt động cầm chừng, hiệu quả thấp... Tổng giá trị sản lượng công nghiệp thực hiện toàn tỉnh năm 1997 là 70.257 triệu đồng, tăng 2,6% so với năm 1996, trong đó công nghiệp Trung ương đạt 38.383 triệu đồng, chiếm 54,6%, công nghiệp địa phương đạt 31,874 triệu đồng, chiếm 45,4%.

Năm 1998, một số doanh nghiệp tiến hành đổi mới thiết bị, thay thế những thiết bị lạc hậu như Nhà máy cơ khí Cao Bằng, Công ty cấp nước, Xí nghiệp in. Các doanh nghiệp có quy mô lớn đã ổn định sản xuất như Nhà máy đường, Nhà máy xi măng, lò cao luyện gang, lò gạch tuynen... Tháng 8/1998, hai mỏ mangan Tốc Tát và Roóng Tháy được nhập

lại thành Công ty mangan Cao Bằng trực thuộc Sở Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp. Tỉnh đã xuất khẩu được 4 mặt hàng là thiếc thỏi, quặng sắt, quặng mangan và mảnh trúc, đưa giá trị kim ngạch xuất khẩu trong năm lên 2.151.710 USD.

Đến năm 1999, trên địa bàn tỉnh đã hình thành 3 cụm công nghiệp phân bố ở 3 khu vực là: trung tâm thị xã Cao Bằng, huyện Hòa An, cụm công nghiệp miền tây (Nguyên Bình, Bảo Lạc). Thời kỳ này, Công ty khai thác và chế biến mangan đã sáp nhập vào Công ty mangan Cao Bằng. Kết thúc năm 1999, toàn tỉnh có 13 doanh nghiệp nhà nước sản xuất công nghiệp. Giá trị tổng sản lượng năm 1999 đạt 147,5 tỷ đồng, tăng 44% so với năm 1998. Cùng với công nghiệp quốc doanh, trên địa bàn đã xuất hiện công nghiệp ngoài quốc doanh, bước đầu làm ăn có hiệu quả, tạo đà cho kinh tế của tỉnh phát triển.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng có sự phát triển vượt bậc. Năm 1996, một số hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp mới được thành lập là: Hợp tác xã Tân Lang sản xuất thức ăn gia súc và chế biến hoa quả, Hợp tác xã gạch ngói Vân Trình, Hợp tác xã rèn Phúc Sen, Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Đạo. Năm 1997, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp bắt đầu hoạt động theo Luật Hợp tác xã. Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức những hoạt động hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho hợp tác xã, vận động người sản xuất kinh doanh nhỏ làm ăn theo con đường hợp tác hóa. Trong năm, có 15 hợp tác xã và tổ hợp tác hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, đưa tổng số xã viên và lao động của hợp tác xã lên 425 người, với tổng số vốn là 8.903 triệu đồng, tổng doanh thu đạt 5,992 tỷ đồng, nộp thuế cho Nhà nước 118,5 triệu đồng.

Những năm 1998-1999, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chỉ đạo chuyển đổi đăng ký lại hợp tác xã và toàn tỉnh có 10 hợp tác xã được chuyển đổi và đăng ký lại. Năm 1998, các hợp tác xã đã huy động được 13,057 tỷ đồng cho sản xuất kinh doanh, thu hút 561 lao động, tổng doanh thu đạt 6,855 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 219 triệu đồng, giá trị tổng sản lượng đạt 1,06 tỷ đồng. Nhìn chung, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển khá mạnh, đem lại nguồn lực mới cho kinh tế của tỉnh.

Công tác xây dựng cơ bản đã đi vào nền nếp, theo đúng quy định điều lệ quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước. Các ngành chức năng cũng đã tăng cường quản lý, hướng dẫn thực hiện điều lệ quản lý đầu tư xây dựng. Năm 1996, Sở Xây dựng phát động phong trào thi đua xây dựng, trong đó 15 công trình đăng ký chất lượng và thực hiện được 90 tỷ đồng, đạt 125% kế hoạch. Năm 1997, đã thực hiện 115,455 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 1996; năm 1998, thực hiện vốn đầu tư được 110 tỷ đồng, đạt 108%; năm 1999, thực hiện vốn đầu tư đạt 170 tỷ đồng, giá trị sản lượng đạt 350 tỷ đồng, tăng 72,51% so với năm 1998.

Trong xây dựng cơ bản, tỉnh chú trọng hơn công tác quy hoạch phát triển đô thị và kiến trúc. Nhiều công trình được xây dựng với những mẫu kiến trúc đẹp, chất lượng tốt. Nhờ đó, đã tạo ra diện mạo đô thị mới của một tỉnh miền núi khá sinh động, phố phường theo đúng quy hoạch, đường phố thị xã khang trang và được đặt tên. Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo các ngành hữu quan tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ dân sinh hiệu quả.

Về giao thông vận tải, ngay từ năm 1996, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngành giao thông vận tải đã quan

tâm thực hiện việc sửa chữa, nâng cấp và mở mang các tuyến đường. Tỉnh đã hoàn thành cơ bản khối lượng các tuyến chính là quốc lộ 3, đường 203 và xây dựng một số tuyến đường khác như Nậm Thoong - Thông Nông, đường 206 (Quảng Uyên - Trùng Khánh - Bằng Ca) tạo điều kiện cho việc đầu tư xây dựng Khu du lịch thác Bản Giốc - động Ngườm Ngao.

Năm 1997, các tuyến đường từ tỉnh đến huyện tiếp tục được nâng cấp, mở rộng như Quảng Hòa - Trùng Khánh, Hòa An - Thông Nông. Năm 1999, các tuyến đường 204, 205, 207 được đầu tư xây dựng; một số công trình được hoàn thành và đưa vào sử dụng như cầu Mỏ Sắt, cầu Hoàng Ngà, bãi đỗ xe cửa khẩu Tà Lùng. Việc vận tải hành khách và hàng hóa đã có nhiều thuận lợi, cả tỉnh có 700 xe ô tô đăng ký kinh doanh phục vụ mọi đối tượng trong xã hội.

Thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, tỉnh đã đầu tư 1,69 tỷ đồng để xây dựng giao thông nông thôn, phát triển đến các huyện, thị. Riêng năm 1998, toàn tỉnh đã huy động được 100 nghìn ngày công để sửa chữa, mở đường liên thôn, liên xã, tiêu biểu như ở các huyện: Hòa An, Hạ Lang, Thạch An, Quảng Hòa, Bảo Lạc. Toàn tỉnh có thêm 12 xã có đường giao thông đến trung tâm.

Lĩnh vực bưu chính viễn thông luôn giữ được tốc độ phát triển, thông tin liên lạc thông suốt kịp thời, cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin của xã hội. Năm 1997, mạng lưới thông tin đã đến tất cả các huyện, thị và một số khu vực được số hóa, tự động hóa. Tổng số điện thoại trong năm đạt 3.600 máy. Năm 1998 tiếp tục thực hiện kế hoạch tăng tốc giai đoạn hai của ngành nên mạng lưới viễn thông đạt số hóa 100% đến các huyện, thị; lắp đặt thêm 5 đài vệ tinh HOSI 512 số ở các huyện Nguyên Bình, Hòa An, Quảng Hòa, Trùng Khánh,

Trà Lĩnh. Riêng vùng Pác Miâu (huyện Bảo Lạc) được đầu tư lắp đặt tổng đài 128 số; Phục Hòa lắp đặt hai tổng đài RAX 256 số. Tổng dung lượng trên mạng là 8.068 số, tăng 33,58%. Đến năm 1999, toàn tỉnh đã có 5.500 thuê bao, mật độ đạt 1,26 máy/100 người dân; 90 xã được lắp đặt điện thoại đạt tỷ lệ trên 47%; có 9/11 huyện, thị xã và 76 xã, phường, thị trấn có báo đọc trong ngày. Đã xây dựng được 9 điểm bưu điện văn hóa xã, đáp ứng cơ bản nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Trong công tác khoa học - công nghệ và môi trường, Tỉnh ủy đã triển khai Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Một số đề tài nghiên cứu và ứng dụng thực nghiệm khoa học ở một số đơn vị sản xuất và địa phương đem lại hiệu quả thiết thực như: bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao chất lượng đào tạo - giáo dục; ứng dụng mạng tin học phục vụ sản xuất kinh doanh. Công tác thông tin tri thức và phổ biến khoa học có nhiều tiến bộ. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật được chú trọng bồi dưỡng và đào tạo lại, nhất là cán bộ đầu ngành. Ngoài ra, tỉnh còn quan tâm đến công tác đối ngoại, mở rộng hợp tác, tham quan học tập ở nước ngoài, cử nhiều đoàn cán bộ sang nghiên cứu ở các nước Nga, Trung Quốc, Nhật Bản và trong khối ASEAN. Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường tỉnh được thành lập. Một số ngành, đơn vị, doanh nghiệp đã bước đầu coi trọng công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất, phục vụ đời sống.

Công tác văn hóa - xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo sát sao, coi văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển.

Ngành giáo dục - đào tạo đã quán triệt sâu rộng và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000; chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp, sắp xếp lại một số trường lớp trong hệ phổ thông và cả dân tộc nội trú.

Năm học 1996-1997, đã xây dựng mới 50 phòng học, đưa tổng số phòng học lên 3.028 phòng, số học sinh đạt 143.746 em, tăng so với năm 1996 là 12.447 em. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý được quan tâm bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác và đầu tư mới trang thiết bị dạy học. Việc đa dạng hóa các hình thức tổ chức lớp học được duy trì; các lớp chuyên, lớp chọn ngày càng được mở rộng, có 12/13 huyện, thị tổ chức được lớp chuyên hoặc lớp chọn từ cấp tiểu học đến phổ thông trung học. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ được quan tâm thực hiện. Đề án xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và chủ trương xóa mù chữ cho đối tượng cán bộ chủ chốt xã, thôn đã đem lại kết quả khả quan. Năm 1996, ngành giáo dục đã thực hiện xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học được 55 xã; toàn tỉnh có 105 xã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học. Năm 1997, công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ được thêm 36 xã, nâng tổng số xã hoàn thành phổ cập lên 124/187 xã. Trong tỉnh, có 6/11 huyện, thị đạt chỉ tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, đó là thị xã Cao Bằng, huyện Hòa An, Thạch An, Trùng Khánh, Quảng Hòa và Trà Lĩnh; cơ bản xóa xong mù chữ cho cán bộ thôn bản.

Năm học 1997-1998, số học sinh toàn tỉnh có gần 14 vạn em, tăng gần 1,8 vạn em so với năm học 1996-1997. Mạng lưới trường lớp không ngừng mở rộng, thu hút ngày càng nhiều đối tượng đến học, chất lượng giáo dục từng bước được

nâng lên, số học sinh khá, giỏi và học sinh thi đỗ vào các trường cao đẳng, đại học tăng hơn những năm trước, tỷ lệ học sinh bỏ học giảm rõ rệt. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường được quan tâm, đời sống của đội ngũ giáo viên được cải thiện hơn trước. Đến năm 1998, toàn tỉnh đã có thêm 31 xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, nâng tổng số lên 155 xã đạt chuẩn quốc gia. Sang năm 1999, sự nghiệp giáo dục - đào tạo đạt được nhiều thành tích đáng kể, số lượng các nhóm trẻ, nhà trẻ, lớp mẫu giáo đều tăng lên cùng với nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dạy trẻ; đã xóa được xã trắng, bản trắng về giáo dục; số trẻ em trong độ tuổi được huy động đến trường đạt 98%, tỷ lệ lên lớp đạt 90%, tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt 96,6%. Năm học 1998-1999, học sinh cấp II tăng 4.837 em, học sinh cấp III tăng 1.345 em so với năm học trước. Cả tỉnh có 5 trường phổ thông dân tộc nội trú. Nhiều trường ngoài việc chú trọng nâng cao chất lượng dạy và học còn chăm lo giáo dục đức, trí, thể, mỹ cho học sinh.

Năm học 1999-2000, toàn tỉnh có 368 trường, 5.628 lớp và 149.825 học sinh, so với năm học trước tăng thêm 4 trường, 243 lớp và 8.581 học sinh. Nhờ thực hiện xã hội hóa các nguồn vốn và sự đóng góp của nhân dân, một số trường được xây dựng mới kiên cố, khang trang. Đến cuối năm 1999, toàn tỉnh có 165/189 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Giáo dục chuyên nghiệp cũng có sự tiến bộ rõ rệt, các trường sư phạm, y tế, dạy nghề, tại chức đã có nhiều cố gắng trong việc tạo nguồn cán bộ cho địa phương.

Triển khai, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân và về chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, Chỉ thị số 55-CT/TW

ngày 28/6/2000 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng ở cơ sở đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ, công tác y tế những năm 1996-2000 có nhiều chuyển biến tiến bộ.

Mạng lưới y tế cơ sở đã được kiện toàn lại; 100% xã, phường có cơ sở và cán bộ y tế, trong đó có 148 xã, phường có nhà trạm (77 trạm được trang bị dụng cụ y tế đồng bộ); một số thôn, bản có túi thuốc y tế dự phòng chống các bệnh: sốt rét, bấu cổ. Tỉnh thanh toán bệnh phong và thực hiện tiêm chủng mở rộng; 100% dân số trong tỉnh được dùng muối iốt; hàng năm không có các dịch bệnh lớn xảy ra. Đội ngũ cán bộ y tế được kiện toàn lại. Công tác dự phòng và đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng. Các chương trình y tế được thực hiện hiệu quả ở hầu khắp các huyện, thị. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được các cấp, các ngành quan tâm hơn trước.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình luôn coi trọng các hình thức thông tin truyền thông dân số kết hợp với việc thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và các biện pháp tránh thai nhằm hạ thấp tỷ lệ sinh đẻ. Năm 1997, số lượng người thực hiện các biện pháp tránh thai vượt chỉ tiêu kế hoạch, giảm tỷ suất sinh được 0,8%; năm 1998, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,94%. Song, ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao, hiệu quả công tác này còn nhiều hạn chế, khó khăn trong việc vận động bà con các dân tộc thiểu số ít người thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Lĩnh vực văn hóa, thông tin đã có nhiều cố gắng trong công tác phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, chào mừng Đại hội Đảng các cấp, kỷ niệm các ngày lễ lớn. Ngành văn hóa - thông tin đã tích cực tổ chức thực hiện Nghị định số 87-CP ngày 12/12/1995 của Chính phủ về tăng cường

quản lý các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng nên bước đầu lập lại trật tự trong việc quản lý các hoạt động văn hóa. Đồng thời, tỉnh đã coi trọng đưa văn hóa, văn nghệ đến với nhân dân các dân tộc vùng cao, vùng xa; tổ chức các đội chiếu phim lưu động, xây dựng tủ sách xã và thư viện tuyến huyện; đưa văn hóa, thông tin về cơ sở, mở rộng tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến nhân dân. Phong trào văn hóa văn nghệ được khơi dậy trong cộng đồng dân cư. Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa tiếp tục triển khai ở cơ sở có hiệu quả; phong trào xây dựng “làng văn hóa”, “gia đình văn hóa” được nhân dân hưởng ứng thực hiện. Giai đoạn này, ngành văn hóa - thông tin đã kết hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

Cùng với việc quan tâm trùng tu tôn tạo Di tích lịch sử Pác Bó và các di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh, để tỏ lòng tôn kính và ghi nhớ công ơn to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể theo nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, năm 1994, tỉnh Cao Bằng đã đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng cho phép xây dựng Tượng đài Người tại trung tâm thị xã Cao Bằng để đồng bào cả nước và khách thập phương chiêm ngưỡng, tưởng nhớ công ơn của Người mỗi khi có dịp về thăm Cao Bằng. Ngày 07/4/1995, Ban Bí thư Trung ương Đảng chính thức cho ý kiến chỉ đạo “đồng ý về nguyên tắc xây dựng Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Cao Bằng”. Được sự nhất trí của Trung ương Đảng và Chính phủ, công trình Tượng đài Bác Hồ chính thức khởi công ngày 2/9/1998. Ngày 28/01/2000, nhân dịp kỷ niệm 59 năm Ngày Bác về nước (28/01/1941 - 28/01/2000), tỉnh Cao Bằng đã long

trọng tổ chức lễ khánh thành Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự tham dự của đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị cùng các ban, bộ, ngành Trung ương và đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Đây là công trình có ý nghĩa lớn, đáp ứng nguyện vọng, tình cảm và lòng mong mỏi của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng, khẳng định tấm lòng son sắt, thủy chung và lòng tôn kính của đồng bào đối với Bác Hồ. Đồng thời đây cũng là công trình văn hóa có ý nghĩa chính trị, lịch sử và nhân văn sâu sắc: vừa là nơi giáo dục truyền thống cho các thế hệ người Việt Nam nói chung và người Cao Bằng nói riêng cả hôm nay và mãi mai sau; vừa là nơi hội tụ, quây quần của các tầng lớp nhân dân trong nước và khách quốc tế đến thăm Cao Bằng. Cao Bằng càng thêm tự hào là cội nguồn cách mạng của cả nước, quê hương thứ hai của Bác Hồ.

Mạng lưới phát thanh - truyền hình có nhiều chuyển biến tích cực. Được Nhà nước hỗ trợ đầu tư và tỉnh quan tâm, năm 1999, các xã vùng cao, biên giới có 1.700 hộ dân được cấp đài bán dẫn, 2.580 hộ được hỗ trợ mua đài và cấp cho các xã đặc biệt khó khăn 186 chiếc ti vi. Tỷ lệ dân số được nghe đài đạt 60%, được xem truyền hình đạt 30% tổng dân số toàn tỉnh.

Phong trào thể dục, thể thao trong tỉnh đã có nhiều tiến bộ trong việc nâng cao thể chất, sức khỏe của cộng đồng. Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” đã được nhân dân đồng tình hưởng ứng tham gia. Ngành thể dục - thể thao đã quan tâm tổ chức các cuộc thi, mở các lớp huấn luyện, phát hiện tài năng thể thao. Một số bộ môn đạt được thành tích khá cao trong dự giải toàn quốc và khu vực.

Công tác thương binh - xã hội luôn được cấp ủy, chính quyền các địa phương quan tâm, nhất là khâu giải quyết việc

làm, chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, đảm nhận nuôi dưỡng và chăm sóc “Mẹ Việt Nam anh hùng” luôn được các ngành, đơn vị, địa phương coi trọng thực hiện. Năm 1997, nhân kỷ niệm 50 năm Ngày thương binh liệt sỹ, toàn tỉnh quyên góp được 464 triệu đồng, tặng 900 sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách. Năm 1998, tỉnh đã hỗ trợ trên 1 tỷ đồng cho các đối tượng có công sửa chữa nhà. Năm 1999, hỗ trợ cho 391 đối tượng có công với số tiền là 1,264 tỷ đồng để làm nhà. Công tác xóa đói, giảm nghèo từng bước được đẩy mạnh và đem lại hiệu quả thiết thực.

Đối với công tác dân tộc, nhiều chương trình, dự án được ưu tiên xây dựng và tổ chức thực hiện nhằm ổn định dân cư, hỗ trợ đời sống, phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ban Dân tộc tỉnh thường xuyên nắm vững tình hình tư tưởng, lắng nghe nguyện vọng của nhân dân, đề xuất với tỉnh thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho đồng bào các dân tộc. Tiến hành khảo sát tình hình đời sống đồng bào Mông, Dao, trên cơ sở đó đề xuất với tỉnh phương án hỗ trợ sản xuất và đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh.

Về công tác tôn giáo, thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng là tôn trọng, đảm bảo tự do tín ngưỡng cho nhân dân, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp tuyên truyền, giáo dục đồng bào các dân tộc cảnh giác không để kẻ xấu lợi dụng trong việc truyền đạo trái pháp luật ở Nguyên Bình, Bảo Lạc. Năm 1998, tỉnh đồng ý cho một số linh mục lên hành lễ, giảng đạo ở nhà thờ thị xã, cho phép xứ đạo Cao Bình sửa chữa nhà thờ; đồng thời tuyên truyền giáo dân kính Chúa yêu nước, góp phần xây dựng quê hương Cao Bằng ngày thêm đổi mới, giàu đẹp.

Công tác quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường. Phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc” có nhiều chuyển biến tốt. Các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa kết hợp với giáo dục tuyên truyền có hiệu quả. Công tác bảo vệ an ninh nội bộ được coi trọng, tạo sự ổn định nội bộ, làm trong sạch địa bàn, giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Năm 1996, Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các huyện, thị đội đã hoàn thành nhiệm vụ tham mưu cho tỉnh và Ban Chỉ đạo thực hiện cuộc diễn tập phòng thủ khu vực toàn tỉnh ZB96 đạt được nhiều kết quả quan trọng về quốc phòng - an ninh, kinh tế - xã hội. Qua đó, nâng cao một bước về nhận thức ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác quốc phòng toàn dân trong tình hình mới, thúc đẩy thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh, kỷ cương phép nước được nâng lên so với trước, dư luận quần chúng nhân dân đồng tình, hưởng ứng.

Trong giai đoạn này, lực lượng vũ trang luôn phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, giành thế chủ động trong mọi tình huống; luôn nêu cao ý thức trách nhiệm, có bản lĩnh chính trị vững vàng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các đơn vị bộ đội và dân quân được tăng cường luyện tập thường xuyên, tham gia tích cực cùng địa phương nơi địa bàn đóng quân phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia. Các đợt diễn tập năm 1998 tại Bảo Lạc, Quảng Hòa đều hoàn thành tốt. Ngoài ra, các đơn vị bộ đội còn tiến hành rà phá mìn dọc biên giới để mở rộng diện tích trồng trọt, ổn định đời sống nhân dân vùng biên.

Lực lượng công an có nhiều cố gắng trong việc bảo vệ an ninh chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội. Mạng lưới công an viên được xây dựng về tận thôn, xóm là nòng cốt trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn, tiêu cực của xã hội. Đội ngũ công an thường xuyên được

kiện toàn, thực hiện hiệu quả chế độ thi đua khen thưởng, kịp thời động viên cán bộ, chiến sĩ lập chiến công. Lực lượng vũ trang của tỉnh nhìn chung đã chủ động, tích cực xây dựng phương án tác chiến và phòng thủ, đề cao tinh thần cảnh giác. Lực lượng biên phòng cùng với bộ đội, công an và nhân dân địa phương tiếp tục củng cố, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

Mặc dù tình hình biên giới không còn diễn biến phức tạp như giai đoạn trước nhưng một số điểm tranh chấp vẫn có những hành vi gây mất ổn định tình hình như: chuyển dịch mốc giới, xâm canh, nhập cảnh trái phép, đẩy người Việt Nam về nước, cản trở nhân dân ta sản xuất. Tại một số cửa khẩu, họ gây khó khăn cho ta trong việc xây dựng các trạm bảo vệ biên giới. Trước tình hình đó, các đơn vị lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới đã tích cực tuần tra canh gác, phát hiện và xử lý kịp thời những tình huống xảy ra, góp phần quan trọng trong việc ổn định chính trị, hoàn thành tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Về công tác xây dựng Đảng, với quan điểm xây dựng Đảng là then chốt, làm cho Đảng bộ vững về chính trị, tư tưởng, mạnh về tổ chức, đáp ứng tình hình, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, cấp ủy thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao trình độ lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Năm 1996, Đảng bộ đã tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV cho toàn thể cán bộ, đảng viên. Năm 1997, đảng viên trong tỉnh tiếp tục học tập Nghị quyết Trung ương 2 khóa VII về phát triển giáo dục - đào tạo, các nghị quyết của tỉnh và các chuyên đề của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

Năm 1998-1999, tỉnh tổ chức quán triệt Nghị quyết Trung ương 3, 4, 5 và nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1, lần 2) khóa VIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết và các văn bản của Đảng, nhiệm kỳ 1996-2000, Tỉnh ủy Cao Bằng đã cụ thể hóa, ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thực sự đã đi vào cuộc sống, đem lại nhiều hiệu quả thiết thực.

Công tác tuyên truyền, giáo dục được đổi mới với nhiều hình thức, biện pháp sinh động, hiệu quả. Trong từng quý, các cấp, các ngành, các địa phương đều tổ chức báo cáo tình hình thời sự trong tỉnh, trong nước và quốc tế. Tỉnh coi trọng tập huấn bồi dưỡng báo cáo viên đáp ứng yêu cầu truyền tải các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện được thành lập và đi vào hoạt động góp phần bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Trường Chính trị Hoàng Đình Giông mở các khóa học cho các đối tượng cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến địa phương, cơ sở về lý luận chính trị và quản lý nhà nước, nghiên cứu học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Ngày 04/11/1995, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU về biên soạn và xuất bản cuốn sách “Địa chí Cao Bằng”. Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm đề tài đã phân công cụ thể các nhánh đề tài trong phạm vi toàn tỉnh. Sau gần 5 năm thực hiện, ngày 11/10/2000, Hội đồng nghiệm thu đề tài của tỉnh họp, xếp loại khá. Ngày 13/10/2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp đánh giá, nhất trí nghiệm thu cuốn “Địa chí Cao Bằng”. Đây là công trình lớn, có giá trị khoa học, ý nghĩa thực tiễn sâu sắc và là công trình có đóng góp lớn đối với kho tàng tài liệu địa chí quốc gia.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã có nhiều chủ trương, biện pháp chỉ đạo các đảng bộ tăng cường công tác củng cố,

kiện toàn các chi bộ, đảng bộ cơ sở và củng cố hệ thống chính trị, qua đó số chi bộ, đảng bộ được củng cố, kiện toàn ngày một tăng. Năm 1996, qua phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng tại 16 đảng bộ cho thấy: số chi bộ trong sạch là 283 đơn vị, bằng 52%; số chi bộ khá trở lên là 248 đơn vị, bằng 45,1%; số chi bộ yếu, kém là 18 đơn vị, bằng 3,28%. Kết thúc năm 1997, toàn Đảng bộ tỉnh có 522 chi bộ, đảng bộ cơ sở; trong 347/404 tổ chức cơ sở đảng được phân loại thì số cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tăng gần 9%, số cơ sở đảng yếu kém là 1,64%, chất lượng đảng viên hàng năm được nâng lên. Công tác phát triển Đảng có nhiều cố gắng, được các cơ sở đảng quan tâm. Đến cuối năm 1997, toàn Đảng bộ kết nạp được 1.284 đảng viên, tăng 28,8% so với năm 1996; năm 1998, kết nạp được 1.216 đảng viên.

Trong công tác tổ chức cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp trên cơ sở quy hoạch cán bộ. Năm 1996, đã có 43 đồng chí được bồi dưỡng lý luận cao cấp; 50 đồng chí được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước tại Trường Chính trị Hoàng Đình Giông. Năm 1997, Trường Chính trị Hoàng Đình Giông đã mở được 16 lớp về công tác đảng và quản lý nhà nước với 856 học viên. Năm 1998, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã chỉ đạo cử 200 cán bộ dự các lớp cử nhân chính trị, cao cấp lý luận chính trị và 100 cán bộ xã, phường, thị trấn được đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị Hoàng Đình Giông. Công tác tổ chức cán bộ luôn đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ trong việc bố trí, sử dụng, luân chuyển và đề bạt cán bộ. Bộ máy đảng và hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn, hoạt động hiệu quả.

Tỉnh ủy luôn coi trọng chỉ đạo công tác kiểm tra. Năm 1996, Ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm tra được 116 tổ chức cơ sở đảng, trong đó, có 106 tổ chức cơ sở đảng trong

sạch, vững mạnh, xử lý kỷ luật 116 đảng viên. Ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã đình chỉ sinh hoạt đảng 6 người, xóa tên 120 người và bằng các hình thức khác 59 người. Năm 1998, các cấp kiểm tra tiến hành kiểm tra được 27 tổ chức cơ sở đảng. Qua kiểm tra, đã phát hiện một số đảng viên có dấu hiệu vi phạm và đã đề nghị thi hành kỷ luật đúng mức. Năm 1999, tiến hành kiểm tra 28 tổ chức cơ sở đảng với tổng số đảng viên là 287 người, trong đó phát hiện 139 trường hợp vi phạm, đã thi hành kỷ luật 84 trường hợp. Công tác kiểm tra đã góp phần củng cố lại các tổ chức cơ sở đảng yếu kém, giáo dục cán bộ, đảng viên, làm cho tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Công tác quần chúng của Đảng được đổi mới, tăng cường mối quan hệ mật thiết, gắn bó giữa Đảng và nhân dân. Phối hợp với các ban Đảng, Ban Dân vận Tỉnh ủy đã chỉ đạo tập trung kiện toàn, củng cố tổ chức Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng; chọn cử các đồng chí cấp ủy viên có năng lực trực tiếp làm công tác vận động quần chúng, phụ trách đoàn thể. Tỉnh coi trọng việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể theo hướng gắn với lợi ích thiết thực của đoàn viên, hội viên, hướng dẫn giúp nhau làm kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo. Tăng cường thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện để các tổ chức đoàn thể tham gia vào các công tác quản lý, điều hành của chính quyền, bảo vệ nghĩa vụ, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động. Thực hiện chính sách đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh đã tạo nên sức mạnh để hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác chính quyền đã được các cấp ủy coi trọng, quan tâm thường xuyên về tổ chức và hoạt động trong hệ thống chính trị. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh luôn bám sát chương trình công tác toàn khóa của Tỉnh ủy, tập

trung thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; thể hiện rõ vai trò điều hành toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm và hiệu lực trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; hoạch định nội dung và đề ra các giải pháp hữu hiệu thúc đẩy tiến độ thực hiện kế hoạch 5 năm 1996-2000; chỉ đạo sâu sát các sở, ngành, huyện, thị và cơ sở tập trung phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, xóa đói, giảm nghèo, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, xây dựng hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được chú trọng đổi mới cả nội dung và hình thức hoạt động. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quan tâm tới công tác xóa đói, giảm nghèo, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới nhân dân, vận động quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt ở miền Trung đạt kết quả tốt. Mặt trận đã tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri, làm tốt công tác chuẩn bị hiệp thương cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp ở địa phương.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh đã chỉ đạo các cấp bộ đoàn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ: giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên, động viên tuổi trẻ góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tích cực học tập, sáng tạo, làm chủ khoa học kỹ thuật - công nghệ; tình nguyện thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm; giúp nhau lập nghiệp, tham gia phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Đoàn tiếp tục đẩy mạnh hai phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”; phối hợp với các ngành, các cấp làm tốt

nhiều mặt công tác, nhất là gắn kết với ngành giáo dục - đào tạo thực hiện công tác Đoàn, Đội trong các trường học.

Liên đoàn Lao động tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh phong trào thi đua trong cán bộ viên chức, chăm lo bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người lao động, hỗ trợ giải quyết việc làm và phát triển kinh tế gia đình, tổ chức các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao rèn luyện sức khỏe. Đồng thời, tiến hành củng cố các cơ sở yếu kém, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ công đoàn. Nhờ vậy, phong trào công nhân viên chức những năm 1996-2000 có nhiều chuyển biến tiến bộ.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp có sự đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng thiết thực nhằm thực hiện năm nội dung chương trình công tác trọng tâm và thúc đẩy các phong trào: “Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình”, “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan”, “Bảo vệ sức khỏe - dân số - kế hoạch hóa gia đình”, quyên góp quỹ tình thương, chăm lo công tác hậu phương quân đội. Hội đã động viên hội viên tích cực tham gia công tác xóa đói, giảm nghèo, phòng chống các tệ nạn xã hội, nâng cao hiểu biết các kiến thức cuộc sống, bình đẳng giới; tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong hội viên và nhân dân.

Hội Nông dân luôn quan tâm tới công tác xóa đói, giảm nghèo, động viên nông dân áp dụng khoa học kỹ thuật, hăng hái sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa nông - lâm nghiệp, khuyến khích cơ giới hóa trong sản xuất, chế biến nông, lâm sản; vận động nông dân tham gia phòng, chống các tệ nạn xã hội; chấp hành tốt các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hội Cựu chiến binh luôn tích cực phát triển tổ chức, gây dựng nhiều chi hội mới. Hội thường xuyên động viên hội viên thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Nhiều hội viên Hội Cựu chiến binh nêu tấm gương vượt khó, gương mẫu trong đời thường để quần chúng noi theo.

Các tổ chức hội như: Hội Văn học - Nghệ thuật, Hội Nhà báo, Hội Y học cổ truyền, Hội Chữ thập đỏ, Hội Luật gia đã có nhiều hoạt động thiết thực góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngày 25/9/2000, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2000/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bảo Lạc để thành lập huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng¹. Tỉnh ủy đã chỉ đạo Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc chia tách, thành lập huyện Bảo Lâm thuận lợi, sớm ổn định đời sống xã hội, được nhân dân đồng tình hưởng ứng.

Trong năm 2000, phong trào thi đua yêu nước liên tục đẩy lên sôi nổi nhằm lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XV, nhiệm kỳ 2001-2005.

1. Theo đó, thành lập huyện Bảo Lâm trên cơ sở 90.249 ha diện tích tự nhiên và 44.333 nhân khẩu của huyện Bảo Lạc, bao gồm 10 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Đức Hạnh, Lý Bôn, Vĩnh Quang, Vĩnh Phong, Nam Quang, Tân Việt, Quảng Lâm, Mông Ân, Thái Học, Yên Thổ. Địa giới hành chính của huyện Bảo Lâm: phía đông giáp huyện Bảo Lạc; phía tây giáp tỉnh Hà Giang; phía nam giáp tỉnh Tuyên Quang; phía bắc giáp Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và tỉnh Hà Giang.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập huyện Bảo Lâm, huyện Bảo Lạc có diện tích 91.926 ha với 45.796 nhân khẩu, bao gồm 14 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Xuân Trường, Khánh Xuân, Cô Ba, Thượng Hà, Cốc Pàng, Bảo Toàn, Hồng Trị, Phan Thanh, Hưng Đạo, Huy Giáp, Đình Phùng, Sơn Lộ, Hồng An và thị trấn Bảo Lạc.

Nhiệm kỳ 5 năm 1996-2000, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo đẩy mạnh thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên phạm vi toàn tỉnh. Trước tiên là đổi mới tư duy, nhận thức về quản lý kinh tế. Coi trọng chuyển đổi cơ cấu kinh tế, hình thành cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp, dịch vụ; tỷ trọng công nghiệp ngày càng tăng trong cơ cấu kinh tế. Tiến hành công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Phát huy nội lực của các thành phần kinh tế để củng cố, hình thành và phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đa ngành nghề; bước đầu tạo ra hàng hóa phục vụ sản xuất và xuất khẩu. Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mỗi năm một tăng, năm sau cao hơn năm trước, góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển. Cùng với các công ty, xí nghiệp quốc doanh, đã xuất hiện các đơn vị ngoài quốc doanh giúp tăng cường thêm lực lượng sản xuất, tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

Đến cuối nhiệm kỳ, kết quả thực hiện các mục tiêu đã đề ra là: tốc độ tăng trưởng kinh tế là 10,6%, tăng 0,6% so với kế hoạch; thu nhập bình quân đầu người là 200 USD, đạt 100% kế hoạch; tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 171.880 tấn; độ che phủ rừng đạt 40%, bằng 100% kế hoạch. Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 186,561 tỷ đồng, bằng 115,2% kế hoạch. Hệ thống đường giao thông đến trung tâm 13 xã, đưa điện lưới đến trung tâm 23 xã. Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh bằng 149% so với kế hoạch Trung ương giao. Lĩnh vực văn hóa, giáo dục có bước phát triển khá: phủ sóng truyền hình được 40%, tổng số hộ được xem truyền hình là 35%; 9/11 huyện, thị và thêm 11 xã đạt tiêu chuẩn về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Số làng, xóm, khu phố đủ tiêu chuẩn “làng văn hóa” đạt 19%; gia

đình đạt “gia đình văn hóa” là 25%; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng 3%, đạt mục tiêu đề ra. Tỷ lệ đói nghèo được hạ thấp, từ 62,4% (năm 1991) xuống còn 10,6% (năm 2000). Kinh tế - xã hội từng bước phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc không ngừng được cải thiện. Tỉnh đã xóa được các xã trắng về y tế, giáo dục, giảm bớt được nhiều khó khăn cho đồng bào vùng cao, biên giới. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Đảng bộ và hệ thống chính trị được củng cố vững mạnh. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân với Đảng, chính quyền được nâng cao.

Mặc dù đã có những chuyển biến tiến bộ, song, kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh so với khu vực và cả nước còn chậm, tiềm lực chưa đủ mạnh để bứt phá, vươn lên. Kinh tế phát triển chưa ổn định vững chắc. Trình độ sản xuất hàng hóa còn ở mức thấp, chưa tạo ra được các vùng nguyên liệu thành nguồn hàng hóa lớn. Việc xác định cơ cấu kinh tế, các mũi nhọn kinh tế đúng đắn, nhưng chậm được khẳng định. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa rõ nét, tiến độ chậm. Chưa khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Mức tự cân đối ngân sách bằng nguồn thu trên địa bàn còn thấp. Cơ sở vật chất của các ngành văn hóa - xã hội còn nghèo nàn, thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu; xóa đói, giảm nghèo còn nhiều hạn chế. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là vùng biên giới, vùng cao vẫn còn nhiều khó khăn.

Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, trải qua 5 năm nỗ lực phấn đấu, những thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng đã tạo thế và lực mới để Cao Bằng bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiếp tục vươn lên trên con đường đổi mới.

Chương VIII

ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (2001-2010)

I. LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (2001-2005)

Sau 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới (1986-2000), đất nước ta giành được nhiều thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội. Nền kinh tế giữ vững nhịp độ tăng trưởng khá, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hàng năm 7%. Tình hình chính trị, xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng - an ninh được tăng cường. Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng. Những thành tựu đó đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế. Tuy nhiên, đất nước ta còn gặp không ít khó khăn và yếu kém trên nhiều mặt: Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Một số vấn đề văn hóa, xã hội còn bức xúc và gay gắt, chậm được giải quyết. Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận cán bộ, đảng

viên là rất nghiêm trọng. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch vẫn chưa từ bỏ âm mưu “diễn biến hòa bình”, gây áp lực về “dân chủ”, “nhân quyền”, can thiệp vào công việc nội bộ, chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Qua 5 năm (1996-2000) thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, tỉnh Cao Bằng đạt được nhiều kết quả quan trọng: Tình hình chính trị ổn định; kinh tế có bước phát triển; an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; văn hóa - xã hội có chuyển biến tiến bộ; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng được chú trọng; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện; vai trò và uy tín của các cấp ủy đảng được củng cố và nâng cao một bước. Cùng với những kết quả đạt được, Cao Bằng cũng còn có nhiều khuyết điểm, tồn tại: Kinh tế phát triển chưa vững chắc, chưa đồng bộ, phụ thuộc nhiều vào yếu tố khách quan; hiệu quả đầu tư sản xuất kinh doanh chưa cao; tỉnh Cao Bằng vẫn là một trong những tỉnh nghèo. Trình độ dân trí còn thấp, không đồng đều giữa các vùng, miền, lao động thiếu việc làm. Hiện tượng buôn lậu, gian lận thương mại chậm được ngăn chặn, có nơi, có lúc còn gia tăng. Trong khi đó, yêu cầu đổi mới đòi hỏi đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, phát huy nội lực; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực sự trở thành một thách thức lớn đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 22/5/2000 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XV, nhiệm kỳ 2001-2005 được tiến hành trọng thể từ ngày 25 đến 28/12/2000 tại thị xã Cao Bằng.

Dự Đại hội có 348 đại biểu ưu tú, đại diện cho hơn 23.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 1996-2000 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 2001-2005.

Báo cáo chính trị của Đại hội đánh giá tổng quát kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 1996-2000: “Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - thương mại, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp. Tổng sản phẩm xã hội tăng hàng năm bình quân trên 10%. Cơ sở vật chất được tăng cường, văn hóa - xã hội có bước phát triển, đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện và nâng lên. Vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và vai trò quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được củng cố, tăng cường. Hệ thống chính trị được kiện toàn, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Mặc dù vẫn còn một số khuyết điểm, tồn tại nhất định, song xét trên tổng thể thì những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đạt được rất quan trọng, có ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc, tạo tiền đề để tỉnh ta tiếp tục phát triển”.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của nhiệm kỳ 2001-2005 là: “Trong những năm tới, cần chủ động khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh đặc thù của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Đẩy mạnh kinh tế đối ngoại, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp. Coi trọng việc đầu tư cho khoa học - công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Tập trung thực hiện tốt các chương trình mục tiêu đề ra, nhất là chương trình xóa đói, giảm nghèo. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc để giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh - quốc phòng, kỷ cương pháp luật. Xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”.

Đại hội xác định mục tiêu chủ yếu phấn đấu đến năm 2005: Duy trì tốc độ tăng GDP mỗi năm 10% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người đạt 350 USD. Cơ cấu kinh tế: nông, lâm nghiệp 47%; công nghiệp, xây dựng 18%; dịch vụ 35%. Tổng sản lượng lương thực đạt 185-190 nghìn tấn. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 15 triệu đồng/ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 45-47%. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh mỗi năm tăng 10% trở lên. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt từ 15-20 triệu USD. Tập trung vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng các loại hình phục vụ sản xuất. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông, lâm sản. Phát triển kinh tế hợp tác xã và từng bước cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát; nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sử dụng vốn.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2001-2005 gồm 47 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Dương Mạc Thăng được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Đàm Thơm được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng chí Nông Thế Cừ được bầu giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực. Đại hội bầu Đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, do đồng chí Dương Mạc Thăng, Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, đồng chí Dương Mạc Thăng, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngay sau Đại hội, Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tuyên truyền kết quả Đại hội tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; đồng thời phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng diễn ra từ ngày 19 đến ngày 22/4/2001 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội tổng kết, đánh giá, kiểm điểm 15 năm thực hiện đường lối đổi mới được đề ra tại Đại hội VI và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đề ra chủ trương, nhiệm vụ nhằm kế thừa, phát huy những thành tựu, ưu điểm đã đạt được; điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới của đất nước tiến lên. Đại hội khẳng định tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đại hội đề ra kế hoạch 5 năm 2001-2005 là: *“Đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*¹.

Ngày 10/7/2001, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 10-KH/TU về triển khai phổ biến, quán triệt, xây dựng chương trình hành động và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, 2016, t.60, tr.317.

Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức các hội nghị nghiên cứu, học tập Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV cho 597 đồng chí là Tỉnh ủy viên; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ban Thường vụ các huyện, thị ủy; Trưởng Ban Tuyên giáo, Tuyên huấn các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc; trưởng, phó các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; báo cáo viên các ngành thuộc khối tư tưởng - văn hóa; giảng viên Trường Chính trị Hoàng Đình Giông; cán bộ lão thành, cán bộ trung, cao cấp đang nghỉ hưu trên địa bàn thị xã; phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí, văn nghệ sỹ và giáo viên chính trị các trường chuyên nghiệp. Đến ngày 19/11/2001, đã có 22/22 huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy hoàn thành việc học tập Nghị quyết của Đảng, với gần 100% đảng viên được học tập. Các xã, phường, thị trấn đã hoàn thành triển khai học tập với trên 90% đảng viên và quần chúng nhân dân được học tập. Việc học tập các nghị quyết của Đảng có sự đổi mới, bảo đảm chất lượng, nội dung và thời gian học tập; 100% tổ chức đảng cho đảng viên viết thu hoạch. Các tổ chức đảng đều xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Đảng.

Ngày 13/12/2001, Chính phủ ban hành Nghị định số 96/2001/NĐ-CP chia tách huyện Quảng Hòa thành hai huyện Phục Hòa và Quảng Uyên¹. Đến lúc này, Cao Bằng có

1. Theo đó, huyện Phục Hòa có 9 đơn vị hành chính gồm các xã: Hòa Thuận, Mỹ Hưng, Hồng Đại, Cách Linh, Triệu Ấu, Đại Sơn, Tiên Thành, Lương Thiện và thị trấn Tà Lùng. Huyện Quảng Uyên có 17 đơn vị hành chính gồm các xã: Bình Lăng, Cai Bộ, Chí Thảo, Đoài Khôn, Độc Lập, Hồng Định, Hạnh Phúc, Hồng Quang, Hoàng Hải, Phúc Sen, Phi Hải, Quốc Phong, Quảng Hưng, Quốc Dân, Tự Do, Ngọc Động và thị trấn Quảng Uyên.

13 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 12 huyện và 1 thị xã. Tỉnh ủy đã khẩn trương chỉ đạo kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự cấp ủy, chính quyền, đoàn thể của hai huyện, đưa hai huyện đi vào hoạt động từ đầu tháng 02/2002.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các cấp, các địa phương thi đua phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2005.

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, Cao Bằng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Từ sản xuất nhỏ, phân tán mang tính chất tự cấp, tự túc đã dần hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Cơ cấu cây trồng có những chuyển biến tích cực, nhiều giống mới được đưa vào sản xuất phù hợp với đất đai, khí hậu từng vùng nên tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 6% và cơ bản đã tự túc được lương thực. Rừng được phục hồi nhanh chóng, độ che phủ rừng từ 21,4% (năm 1996) nâng lên 43% (năm 2000). Chăn nuôi được chú trọng phát triển. Kết cấu hạ tầng nông thôn từng bước được đầu tư, hình thành các vùng kinh tế mới; đời sống nông dân được cải thiện rõ rệt, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Để thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn tiếp tục phát triển, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010. Trong đó, xác định quan điểm chỉ đạo đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng. Phát triển công

nghiệp, dịch vụ phải gắn chặt chẽ, hỗ trợ đắc lực và phục vụ có hiệu quả cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, chú trọng phát triển nguồn lực con người, ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học, công nghệ; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế từng vùng, sản xuất chế biến sản phẩm gắn với thị trường. Phát huy nội lực và tranh thủ tối đa nguồn lực từ bên ngoài để phát triển. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của người dân nông thôn, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa và thuần phong mỹ tục của địa phương. Kết hợp chặt chẽ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đảm bảo an ninh trật tự, ổn định dân cư vùng biên giới, phù hợp với chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia.

Tỉnh ủy đề ra mục tiêu chung về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Cao Bằng là: Xây dựng và hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng và phát triển các trang trại nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn có năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại chỗ, từng bước tham gia thị trường trong nước và xuất khẩu. Xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng đồng bộ và phát triển; đời sống nhân dân được cải thiện hơn; dân chủ ở cơ sở được phát huy, thực hiện công bằng xã hội; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Mục tiêu cụ thể là: Phấn đấu đảm bảo an ninh lương thực, ổn định lương thực tại chỗ; đến năm 2005, sản lượng lương thực đạt 190 nghìn tấn và năm 2010, đạt 210 nghìn tấn. Giá trị sản

xuất nông nghiệp trên 1 ha đạt 15-20 triệu đồng, nhịp độ tăng trưởng trên 5%/năm. Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2005 đạt 46% và năm 2010, đạt 50%. Phấn đấu đến năm 2003, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Đến năm 2005, 90% số xã có điện, 50% số hộ nông dân được dùng nước sạch, 70% số xã được phủ sóng truyền hình. Đến năm 2010, 100% số xã có điện, 70% số hộ nông dân được dùng nước sạch, 80% số xã được phủ sóng truyền hình, 75% số làng xóm đạt tiêu chuẩn “Làng văn hóa”. Tập trung đẩy mạnh thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tỉnh đã phê duyệt. củng cố, phát triển, tiến tới ổn định các vùng sản xuất chuyên canh: mía, thuốc lá, chè đấng, trúc sào, chăn nuôi bò thịt.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngành nông nghiệp phối hợp với các huyện, thị duy trì 4.000 ha lúa vụ xuân, trên 118.770 ha lúa vụ mùa; vận động nông dân mở rộng vùng thuốc lá ở các huyện Hòa An, Hà Quảng, Trà Lĩnh, Trùng Khánh; vùng trúc sào ở các huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc, Thông Nông; vùng mía nguyên liệu ở các huyện Phục Hòa, Thạch An, Quảng Uyên, Trùng Khánh; vùng đỗ tương ở các huyện Hà Quảng, Thông Nông, Trà Lĩnh, Thạch An, Quảng Uyên, Phục Hòa; vùng hồi ở các huyện Trà Lĩnh, Thạch An, Bảo Lạc; vùng chè đấng ở các huyện Thạch An, Hạ Lang; vùng hạt dẻ ở các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang... Tăng cường công tác khuyến nông, tập huấn kỹ thuật, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, công nghệ, mở rộng hệ thống dịch vụ cung ứng giống, vật tư nông nghiệp cho nông dân; đầu tư cải tạo, nâng cấp, kiên cố hóa các công trình thủy lợi đã có và xây dựng mới nhiều công trình thủy lợi ở các huyện Trùng Khánh, Hòa An, Thạch An, Phục Hòa, Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc, Thông Nông, đảm bảo chủ động nước tưới cho

sản xuất nông nghiệp, nước phục vụ sinh hoạt. Hướng dẫn nông dân đưa giống lúa, ngô mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, tạo sản phẩm hàng hóa. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công cấp huyện và cơ sở.

Các ngành chức năng tăng cường công tác bảo dưỡng, duy tu, nâng cấp hệ thống giao thông nhằm đảm bảo giao thông thuận lợi, thông suốt trên các tuyến tỉnh lộ, đường liên huyện và đường đến trung tâm xã. Đẩy nhanh xây dựng lưới điện đến trung tâm các xã; đầu tư hoàn thiện đường trục 0,4 KV theo tiêu chuẩn sau các trạm biến áp, đưa điện hạ áp đến các thôn, xóm; phát triển các trạm thủy điện nhỏ, thủy điện mini. Từng bước hiện đại hóa mạng lưới bưu chính, viễn thông nông thôn và ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp, nông thôn. Lập quy hoạch các thị trấn, thị tứ, cụm xã, khu dân cư nông thôn gắn với quy hoạch sử dụng đất đai, chương trình định canh định cư, chương trình xóa đói, giảm nghèo. Hoàn chỉnh xây dựng và thực hiện dự án 42 xã biên giới, sắp xếp ổn định dân cư, ngăn chặn di cư tự do. Xây dựng và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động các trung tâm, cụm văn hóa ở nông thôn.

Trong tỉnh dần hình thành mối liên kết giữa công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp như liên kết giữa Nhà máy đường Phục Hòa với nông dân các xã trồng mía nguyên liệu để mở rộng diện tích thu mua mía nguyên liệu. Công ty cổ phần chế biến trúc - tre xuất khẩu Cao Bằng chủ động hợp đồng với nông dân các huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc, Thông Nông trồng, thu mua cây trúc sào. Công ty cổ phần giống và thức ăn gia súc Cao Bằng thu mua thóc, ngô, đỗ tương, khoai, sắn. Công ty cổ phần sản xuất bột sắn Chu Trinh (huyện Hòa An) thu mua sắn làm nguyên liệu...

Tỉnh cũng ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển nhiều loại hình dịch vụ nông nghiệp ở nông thôn, nhất là các công ty cổ phần, các hợp tác xã dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng, vật tư nông nghiệp, dịch vụ làm đất bằng cơ giới, dịch vụ thú y phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm, dịch vụ thu mua, chế biến, tiêu thụ hàng hóa nông - lâm sản; xây dựng cơ sở sản xuất, sửa chữa cơ khí nhỏ, cơ sở chế biến, sơ chế, bảo quản nông sản, thực phẩm ở nông thôn. Nổi bật là: Công ty cổ phần giống cây trồng hỗ trợ phân bón, kỹ thuật, vận động nông dân ở các huyện Hà Quảng, Trà Lĩnh mở rộng diện tích trồng lạc; Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp đưa dịch vụ phân bón đến tận cơ sở, cho nông dân vay phân bón để phục vụ sản xuất; các ngân hàng tạo điều kiện cho nông dân vay vốn đầu tư phát triển sản xuất. Các huyện, thị động viên, khuyến khích nông dân thực hiện cơ giới hóa các khâu sản xuất, chế biến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm... đã góp phần kích thích sản xuất nông nghiệp phát triển.

Ngày 27/9/2002, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 09-NQ/TU về phát triển kinh tế trang trại giai đoạn 2002-2010 với định hướng: “Phát triển kinh tế trang trại nhằm mở rộng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và nông thôn, thu hút lao động xã hội”. Nghị quyết cũng đề ra nhiệm vụ là: “Phát triển kinh tế trang trại gắn liền với việc củng cố và xây dựng hợp tác xã trong nông nghiệp, tạo ra các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung quy mô lớn phục vụ cho công nghiệp chế biến”. Trên tinh thần của Nghị quyết, các ngành, các cấp quan tâm tạo điều kiện thành lập và hoạt động của các hợp tác xã, khuyến khích thành phần kinh tế này phát triển. Do vậy, số lượng hợp tác

xã từng bước tăng lên, đến cuối năm 2005, toàn tỉnh có 95 hợp tác xã, tạo việc làm ổn định cho trên 1.000 lao động và có trên 50 trang trại nuôi ong, chăn nuôi lợn, bò, dê, trồng cây ăn quả. Kinh tế trang trại đã góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thêm sản phẩm nông nghiệp phục vụ xã hội.

Sau chiến tranh biên giới tháng 02/1979, nhiều hộ dân ở các xóm sát biên giới di chuyển vào ở sâu trong nội địa, để lại nhiều xóm không có dân sinh sống, đất canh tác bị bỏ hoang hóa. Thực hiện chương trình đưa dân trở lại các xóm biên giới, bảo vệ biên giới, từ năm 2001 đến năm 2005, Cao Bằng đã hỗ trợ, tạo điều kiện đưa được 448 hộ, với 1.900 nhân khẩu trở lại sinh sống tại các xóm sát biên.

Ngành trồng trọt phát triển đã tạo điều kiện để chăn nuôi phát triển. Các cấp ủy đảng, chính quyền thường xuyên vận động nhân dân đẩy mạnh chăn nuôi, trong đó chú trọng phát triển đàn bò, đàn trâu, đàn gia cầm và nạc hóa đàn lợn. Năm 2002, tổng đàn trâu có 107.493 con, đàn bò có 111.410 con, đàn lợn có 269.589 con, đàn gia cầm có 1.610.400 con. Đến cuối năm 2005, tổng đàn trâu tăng lên 112.596 con, đàn bò tăng lên 124.416 con, đàn lợn tăng lên 308.796 con và đàn gia cầm tăng lên 1.967.000 con.

Trước năm 2001, công tác quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng còn nhiều hạn chế, nhất là sau cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tháng 02/1979, nhu cầu gỗ phục vụ công tác quốc phòng, xây dựng các công trình dân dụng, công sở, nhà ở của nhân dân tăng nên rừng bị khai thác thiếu kế hoạch, dẫn tới tình trạng diện tích rừng suy giảm. Để khắc phục tình trạng này, Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Chương trình 5 triệu ha rừng, vận động nhân dân tích cực tham gia trồng rừng, nhận giao đất giao rừng, khoanh nuôi, bảo vệ, phát triển rừng theo hướng đa tác dụng, vừa có giá trị phòng hộ,

vừa có giá trị kinh tế; đồng thời, lực lượng kiểm lâm tăng cường công tác kiểm soát, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật, ngăn chặn tình trạng khai thác rừng bừa bãi. Do vậy, diện tích rừng từng bước được phục hồi, phát triển. Từ năm 2001 đến năm 2005, toàn tỉnh trồng rừng tập trung được 8.330 ha, giao bảo vệ được 76.336 ha, giao khoanh nuôi tái sinh được 46.433 ha, giao chăm sóc rừng trồng được 2.781 ha. Cao Bằng cơ bản hoàn thành việc giao đất, giao rừng với diện tích 329.590 ha cho 59.064 hộ và 332 tập thể. Nhằm bảo vệ động vật quý hiếm, Cao Bằng phối hợp với Tổ chức bảo tồn động thực vật quốc tế (FFI) lập dự án bảo tồn loài vượn đen cao vút tại xã Ngọc Khê và xã Phong Nậm, huyện Trùng Khánh.

Từ việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010 và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, sản lượng lương thực của Cao Bằng năm sau tăng hơn năm trước. Năm 2000, bình quân lương thực đầu người là 350 kg/năm, đến năm 2005, bình quân lương thực đầu người của tỉnh đạt 401 kg/năm, cơ bản đáp ứng nhu cầu lương thực trên địa bàn tỉnh. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đã từng bước đưa nông nghiệp Cao Bằng theo hướng sản xuất hàng hóa, hiệu quả và bền vững, có năng suất, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến; xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng phát triển.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục được chú trọng. Tỉnh ủy đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo, động viên các doanh

ngành tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, xử lý ô nhiễm môi trường. Do đó, một số sản phẩm như quặng sắt, mangan, gang đúc, thiếc thỏi, xi măng, gạch xây dựng không ngừng tăng cả giá trị, sản lượng và đứng vững trên thị trường. Một số cơ sở sản xuất công nghiệp được khởi công xây dựng như Nhà máy thủy điện Nà Lò, lò cao luyện gang 50 m³ Bản Gùn, xưởng luyện Feromangan Trưng Vương. Tháng 12/2005, lò cao luyện gang 50 m³ của Công ty cổ phần xây dựng - khoáng sản 30-4 hoàn thành và đi vào hoạt động; lò luyện Feromangan Phong Châu (huyện Trưng Khánh) xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật, chuẩn bị lắp đặt thiết bị. Với sự nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn do địa hình chia cắt bởi nhiều sông suối, đồi núi, trong giai đoạn này, điện lực Cao Bằng đã đưa điện lưới quốc gia đến trung tâm 17 xã, nâng tổng số xã có điện lưới quốc gia lên 167 xã, phường, thị trấn. Sản xuất công nghiệp từng bước phát triển đã góp phần tích cực thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển, tiềm năng của tỉnh dần được khai thác đúng hướng, tạo cơ hội có việc làm cho người lao động.

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống như đan lát, dệt vải, dệt thổ cẩm, làm hương, làm giấy bản... được khuyến khích phát triển, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, nhất là lao động khu vực nông thôn.

Đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội được Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Năm 2000, tổng vốn đầu tư xây dựng của tỉnh là 344 tỷ đồng, đến năm 2005, vốn đầu tư thực hiện đạt 1.003 tỷ đồng, tăng gần 3 lần so với năm 2000. Từ nguồn vốn này, hàng năm có hơn 100 công trình phúc lợi xã hội như trường học, thủy lợi, nước sạch, giao

thông... được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Các tuyến đường tỉnh thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng, bảo đảm giao thông thông suốt, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã, có 44,6% số xã có đường ô tô đến thôn, bản. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch từ 41,3% năm 2000 tăng lên 65,2% năm 2005, tình trạng thiếu nước sinh hoạt ở vùng cao dần được khắc phục, nhất là các xã vùng cao của các huyện Hà Quảng, Trà Lĩnh. Trong nhiệm kỳ, Cao Bằng đã xây dựng tuyến đường đôi đầu tiên tại Trung tâm hành chính tỉnh với chiều dài 3 km và mở đường tránh Quốc lộ 3 từ Thị xã đi cửa khẩu Tà Lùng. Với cơ chế “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, Nhà nước đầu tư 60% bằng xi măng, vật tư xây dựng, nhân dân đóng góp 40% bằng vật liệu, công lao động, toàn tỉnh đã bê tông hóa được 768 km đường giao thông nông thôn. Đi đầu phong trào này là các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Hòa An và Thị xã. Việc phát triển mạng giao thông nông thôn đã tạo điều kiện thuận lợi cho đi lại, vận chuyển vật tư phục vụ sản xuất, vận chuyển sản phẩm nông nghiệp của nông dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội khu vực nông thôn phát triển ngày một nhanh hơn.

Đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc ngày càng cao của các cơ quan đảng, chính quyền và của nhân dân, ngành bưu chính - viễn thông đã tích cực đầu tư phát triển mạng lưới ra khắp các địa bàn trong tỉnh. Trong 5 năm 2001-2005, toàn tỉnh đã tăng thêm 44 xã có điện thoại, đạt 100% số xã có điện thoại, mật độ sử dụng điện thoại đạt 6,5 máy/100 dân; 6 trung tâm huyện lỵ và Khu di tích lịch sử Pác Bó, khu vực đèo Cao Bắc được phủ sóng điện thoại di động; 9/13 huyện, thị có đường truyền dẫn cáp quang; xây dựng thêm 11 điểm bưu điện văn hóa xã, nâng tổng số điểm bưu điện văn hóa xã lên 156 điểm; hoàn thành chương trình đưa internet đến

100% trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các trường trung học phổ thông và 13 phòng giáo dục trong tỉnh.

Công tác tài nguyên - môi trường được tỉnh quan tâm, nhất là công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp mới và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở các huyện, thị; một số huyện và Thị xã hoàn thành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2010. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng công trình của các tổ chức và các cơ sở sản xuất, tỉnh đã giải quyết kịp thời các hồ sơ xin giao đất, thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, đặc biệt là đã giải phóng mặt bằng công trình đường Phai Khắt - Nà Ngần, khu dân cư Thanh Sơn, Quốc lộ 3, Quốc lộ 34. Công tác quản lý hoạt động khoáng sản đã có nhiều chuyển biến tích cực, đưa hoạt động dần đi vào nền nếp, đúng theo quy hoạch, quy định của pháp luật; các cơ sở chế biến khoáng sản chú ý đi vào chế biến sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ gìn và bảo vệ môi trường, nhất là môi trường hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất công nghiệp.

Hoạt động tài chính - ngân hàng có bước phát triển tiến bộ. Ngành thuế và ngành hải quan tích cực tuyên truyền, vận động những hộ kinh doanh và các doanh nghiệp thực hiện nghiêm pháp luật về thuế, hải quan và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước; đồng thời, đổi mới lề lối làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là các khâu thủ tục nộp thuế, thủ tục hải quan tại các cửa khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, thúc đẩy kinh tế cửa khẩu phát triển. Do vậy, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh năm sau cao hơn năm trước. Năm 2002, thu ngân sách nhà nước đạt 142 tỷ 530 triệu đồng, tăng 49% so với năm 2001. Đến năm 2005, thu ngân sách của tỉnh đạt 213 tỷ 964 triệu

đồng, tăng 8% so với năm 2004. Bình quân thu ngân sách hàng năm tăng 23%.

Hoạt động của các ngân hàng trên địa bàn tỉnh có nhiều đổi mới trong thủ tục, điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn đầu tư phát triển sản xuất; thực hiện các biện pháp tích cực huy động tiền nhàn rỗi trong dân, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nguồn vốn huy động trong nhân dân và vốn cho vay hàng năm tăng trưởng khá: năm 2001, nguồn vốn huy động đạt trên 770 tỷ đồng, doanh số cho vay phục vụ sản xuất và đời sống đạt trên 471 tỷ đồng; đến năm 2005, nguồn vốn huy động tăng lên 1.283 tỷ đồng, doanh số cho vay đạt 887 tỷ đồng, tăng 44% so với năm 2004.

Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện tốt công tác kiểm soát chi theo Luật Ngân sách nhà nước; sử dụng nguồn chi có hiệu quả, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên và chi cho đầu tư phát triển của tỉnh. Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 13/10/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phát hành trái phiếu Chính phủ để xây dựng một số công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước, trong đó có các công trình ở tỉnh Cao Bằng, toàn tỉnh thu được trên 5 tỷ 160 triệu đồng.

Công tác giáo dục - đào tạo được Đảng bộ tỉnh đặc biệt quan tâm. Hệ thống trường, lớp học tiếp tục phát triển; việc kiên cố hóa trường học, lớp học được tăng cường đầu tư. Ngày 03/01/2003, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 18-CTr/TU thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về giáo dục - đào tạo và phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo đến năm 2005 và 2010. Chương trình đề ra mục tiêu: “Nâng cao chất lượng toàn diện bậc tiểu học. Hoàn

thành phố cấp giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010. Phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn, giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng miền”. Từ định hướng lãnh đạo đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân của Tỉnh ủy, chỉ trong 3 năm 2003-2005, mạng lưới trường lớp học phát triển mạnh, phủ khắp các xã trong toàn tỉnh với nhiều loại hình trường lớp như: công lập, dân lập, bán công, phân trường, lớp lẻ, lớp ghép; giáo dục mầm non phát triển ở cả 189 xã, phường, thị trấn. Các trường học tích cực phối hợp với các cấp ủy đảng, chính quyền tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tạo điều kiện cho con em đến trường học. Cuối nhiệm kỳ, toàn tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở 66 xã, phường, thị trấn, xây dựng được 2.538 phòng học kiên cố; chất lượng giáo dục tăng đều ở các cấp học.

Trong công tác lao động - thương binh và xã hội, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời chế độ, chính sách cho thương binh, bệnh binh và các đối tượng chính sách. Thông qua các nguồn vốn, tỉnh đã hỗ trợ cải thiện nhà ở cho 481 thương binh, gia đình liệt sỹ. “Đền ơn đáp nghĩa” trở thành việc làm thường xuyên của các địa phương, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội. Qua phong trào, có 148/189 xã, phường, thị trấn được Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng về công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ. Do đó, đời sống của thương binh, bệnh binh và các đối tượng chính sách cơ bản ổn định.

Ngày 05/10/2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 04-NQ/TU về xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm giai đoạn 2001-2005, trong đó đề ra mục tiêu đến năm 2005 giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới từ 25% năm 2001

xuống 10%; mỗi năm giải quyết việc làm cho từ 7.000-8.000 lao động. Thực hiện Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo đầu tư trên 700 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ xã. Các ngành cũng cử cán bộ tăng cường xuống giúp các xã đặc biệt khó khăn. Từ việc thực hiện chủ trương đúng đắn này của Tỉnh ủy, tỷ lệ đói nghèo trên địa bàn tỉnh giảm mạnh, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được nâng cao, nhân dân phấn khởi học tập, lao động sản xuất. Quan tâm tới đồng bào vùng khó khăn, hằng năm tỉnh tổ chức cứu đói cho trên 44.000 nhân khẩu trong kỳ giáp hạt. Thực hiện chính sách xã hội, tỉnh đã cấp trên 65.000 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo khám, chữa bệnh. Do vậy, đến hết năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 9,43%.

Đi đôi với các công tác này, tỉnh còn mở các lớp đào tạo nghề sửa chữa điện, xe máy, mộc, nề, gò hàn... cho lao động nông thôn và thanh niên dân tộc thiểu số. Ngành lao động - thương binh và xã hội tích cực nắm bắt nhu cầu tuyển dụng lao động trong và ngoài tỉnh, ngoài nước để giới thiệu, tư vấn cho người lao động. Trong 5 năm 2001-2005, tỉnh đã giải quyết việc làm cho 37.300 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 12,5% năm 2000 tăng lên 17,5% năm 2005.

Trong lĩnh vực văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đẩy mạnh, trở thành phong trào rộng lớn trong xã hội; số gia đình, làng xóm, tổ dân phố, cơ quan đăng ký và đạt danh hiệu văn hóa hằng năm đều tăng. Năm 2002, toàn tỉnh có trên 80% số làng xóm, tổ dân phố và gia đình đăng ký xây dựng văn hóa thì có 618 làng xóm, tổ dân phố và 41.350 gia đình được công nhận đạt danh hiệu văn hóa. Đến năm 2005, 100% số làng xóm, tổ dân phố,

gia đình đăng ký và có 682 làng xóm, tổ dân phố, 47.089 hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa. Cùng với sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước (từ 15 đến 30 triệu đồng), nhân dân tự nguyện đóng góp thêm vật liệu, công sức xây dựng được 127 nhà văn hóa thôn xóm phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân các dân tộc trong tỉnh và của đồng bào cả nước, tháng 5/2004, Tỉnh ủy chỉ đạo khởi công xây dựng, tôn tạo Khu di tích lịch sử Pác Bó với vốn đầu tư 300 tỷ đồng để Khu di tích xứng với tầm vóc, ý nghĩa lịch sử cách mạng to lớn, phục vụ công tác giáo dục truyền thống cách mạng cho nhân dân và công tác nghiên cứu lịch sử.

Phong trào thể dục, thể thao có bước phát triển, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Nhiều giải thể thao quần chúng đã được tổ chức nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh. Tại các địa phương, số lượng các câu lạc bộ thể thao ngày càng tăng; việc đầu tư xây dựng sân bãi, địa điểm luyện tập được các địa phương chú trọng. Tại các khu dân cư, tùy theo độ tuổi và sở thích, mỗi người đều có thể lựa chọn cho mình những môn thể thao phù hợp. Thanh thiếu niên thường chơi bóng đá, cầu lông, aerobic; người cao tuổi chơi bóng chày, đi bộ, thể dục dưỡng sinh.

Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được mở rộng và củng cố, bổ sung trang thiết bị. 100% trạm y tế xã có nhà trạm, trong đó 140/189 trạm có nhà kiên cố, 39 trạm y tế tuyến xã có bác sĩ, đạt 7 bác sĩ/1 vạn dân. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai tới 189/189 xã, phường, thị trấn. Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, đặc biệt là tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hàng năm giảm 1,6%. Tỉnh Cao Bằng hoàn thành loại trừ bệnh phong theo tiêu chuẩn mới của Bộ Y tế.

Trung tâm Truyền thông Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và đội ngũ cộng tác viên dân số ở cơ sở tích cực truyền thông chuyển đổi hành vi dân số - sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình trong nhân dân và đã tổ chức 03 chiến dịch đưa dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản đến vùng khó khăn của 189 xã, phường; triển khai chiến dịch “Tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình cho vùng có mức sinh cao, tỷ lệ sinh con thứ 3 cao và vùng khó khăn”. Do vậy, số cặp vợ chồng áp dụng biện pháp tránh thai đạt 91,7%, tỷ suất sinh giảm bình quân 0,4%/năm.

Các cơ quan báo chí bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh, tập trung tuyên truyền hoạt động của các cấp, các ngành thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra; động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân đoàn kết, khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; tuyên truyền cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong lao động sản xuất và học tập, nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cấp chính quyền. *Báo Cao Bằng* đưa vào hoạt động thử nghiệm *Báo Cao Bằng điện tử*. Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng trạm phát lại truyền hình Mỏ thiếc Tĩnh Túc (huyện Nguyên Bình), Tân Việt (huyện Bảo Lâm), Bình Lãng (huyện Thông Nông) và lắp đặt 261 bộ DTH cho 97 xã, nâng tỷ lệ phủ sóng truyền hình lên 68%. Công ty in Việt Lập Cao Bằng nâng cấp trang thiết bị, chuyển công nghệ in đen trắng sang in ốp sét 4 màu.

Tỉnh ủy luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chính

sách của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo. Các lực lượng chức năng phối hợp đấu tranh có hiệu quả với các hành vi truyền đạo trái pháp luật, bảo đảm quyền bình đẳng, tự do tín ngưỡng của mọi công dân, từ đó nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, tỉnh hỗ trợ xây dựng 2.500 nhà ở cho đồng bào có nhà dột nát, hoàn thành và đưa vào sử dụng 35 công trình nước sinh hoạt tập trung tại các thôn, xóm khó khăn.

Thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 28/9/1997 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, công tác bảo hiểm xã hội đạt được kết quả khá, số đơn vị sử dụng lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội hàng năm đều tăng. Năm 2001, toàn tỉnh có 513 đơn vị sử dụng lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội; năm 2002, có 520 đơn vị tham gia đóng bảo hiểm xã hội (tăng thêm 7 đơn vị). Thực hiện Thông tư liên tịch số 77/2003/TTLT-BTC-BYT ngày 07/8/2003 của Bộ Tài chính - Bộ Y tế và Công văn số 675/CV-VX-UBND ngày 03/10/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh có nhiều đổi mới trong công tác tuyên truyền, vận động nên số thu bảo hiểm xã hội tăng cao. Năm 2005, thu bảo hiểm xã hội đạt gần 70 tỷ đồng, tăng hơn năm 2003 gần 24 tỷ đồng. Cùng với thực hiện tốt công tác thu, Bảo hiểm xã hội chi trả kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm xã hội.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh là nhiệm vụ xuyên suốt của Đảng trong sự nghiệp xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc. Ngày 19/11/2001, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về xây dựng nền quốc phòng toàn dân giai đoạn 2001-2005. Nghị quyết đề ra mục tiêu: Tích cực xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, thị vững chắc; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; quản lý chặt chẽ vũ khí, trang bị và các công trình quốc phòng; quản lý đảm bảo bí mật quân sự, bí mật Nhà nước. Thực hiện Nghị quyết, trong 5 năm 2001-2005, tỉnh đã chỉ đạo tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tại 10 huyện, thị đạt kết quả tốt. Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 30/7/1987 của Bộ Chính trị (khóa VI), Chỉ lệnh và Kế hoạch huấn luyện chiến dịch năm 2003 của Bộ Tư lệnh Quân khu 1, ngày 27/02/2003, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 24-CT/TU về lãnh đạo diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Cao Bằng năm 2003, với mục đích: Nâng cao hơn nữa ý thức, trách nhiệm phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ diễn tập cũng như nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, góp phần củng cố, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững mạnh, ngăn ngừa và đối phó có hiệu quả với tình huống chiến tranh, gây rối, bạo loạn lật đổ có thể xảy ra; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới quốc gia trên địa bàn. Cuộc diễn tập diễn ra đúng kế hoạch, đạt kết quả tốt. Nét nổi bật trong diễn tập là đã huy động các thành phần tham gia diễn tập với quy mô lớn gồm các ban Đảng, các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, một số địa phương. Thông qua diễn tập, đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức nắm bắt, hiểu rõ hơn việc thực hiện nhiệm vụ cấp bách thời chiến, duy trì phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội phù hợp với điều kiện thời chiến. Xây dựng các khu vực diễn tập quy mô, bài bản,

trong đó, xây dựng Sở Chỉ huy trong căn cứ với các phân khu chức năng phục vụ cho diễn tập. Việc đầu tư xây dựng khu căn cứ chiến đấu không chỉ phục vụ cho cuộc diễn tập mà còn phục vụ mục tiêu lâu dài tổ chức các cuộc diễn tập chuyển trạng thái lực lượng vũ trang tỉnh, diễn tập cấp huyện, cấp xã, diễn tập phòng, chống cháy rừng hằng năm và các hoạt động giáo dục quốc phòng.

Trong giai đoạn này, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức tốt diễn tập quân sự tại 32 cụm xã; huấn luyện thường xuyên và nâng cao cho 320/320 cơ sở dân quân, tự vệ; mở 54 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 1.482 cán bộ của tỉnh và các huyện, thị xã.

Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều ra chỉ thị về đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” và các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác bảo vệ an ninh trật tự (Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 12/3/2002; Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 27/02/2003; Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 06/02/2004; Chỉ thị số 44-CT/TU ngày 17/02/2005). Ngành Công an phối hợp với lực lượng quân sự, Bộ đội biên phòng tổ chức nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm qua biên giới; phục vụ và bảo vệ an toàn quá trình phân giới, cắm mốc trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh công tác đấu tranh chống truyền đạo trái phép trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Công an tỉnh chú trọng xây dựng lực lượng theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động; xây dựng hình ảnh người công an “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ”; đồng thời tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa. Phát động nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, xây dựng đoàn kết nội bộ, không để

xảy ra “điểm nóng” về an ninh trật tự. Thường xuyên củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình cụm an ninh, khu vực giáp ranh an toàn về an ninh; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho công an xã, bảo vệ cơ quan, đơn vị, bảo vệ dân phố nhằm phát huy hiệu quả công tác bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Từ năm 2001 đến năm 2005, lực lượng Công an phát hiện gần 2.000 vụ vi phạm pháp luật, trong đó phạm pháp hình sự 1.229 vụ; phạm pháp về kinh tế 467 vụ; tội phạm ma túy 414 vụ; vận động nhân dân giao nộp 11.404 khẩu súng các loại. Nhìn chung, các loại tội phạm có giảm so với giai đoạn trước.

Ngày 19/6/2000, Quốc hội khóa X đã công bố Nghị quyết về việc phê chuẩn “Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” được thông qua tại kỳ họp thứ 7. Sau khi Hiệp ước được ký kết, Việt Nam và Trung Quốc tiến hành công tác phân giới, cắm mốc. Tuy nhiên, trên tuyến biên giới của tỉnh Cao Bằng, phía Trung Quốc vẫn tổ chức các hoạt động lấn chiếm, vi phạm chủ quyền lãnh thổ của ta dưới nhiều hình thức. Trước các hành động vi phạm của phía Trung Quốc, Tỉnh ủy chỉ đạo các lực lượng chủ động nắm tình hình, triển khai các phương án đấu tranh, kiên quyết bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, giữ vững trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới, kiểm soát chặt chẽ xuất nhập cảnh theo quy định.

Trong công tác phân giới, cắm mốc, tỉnh Cao Bằng có đường biên giới với Trung Quốc dài trên 311 km (trước khi hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc), dài nhất trong các tỉnh có đường biên giới với Trung Quốc. Do vậy, Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo các ngành, các cấp tăng cường quản lý nhà nước về công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia theo quy

định của pháp luật; thực hiện các điều ước quốc tế về biên giới, lãnh thổ; chỉ đạo thường xuyên tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biên giới, lãnh thổ quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra và quản lý các văn bản, tài liệu, bản đồ và hồ sơ về biên giới thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Đặc biệt, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác phân giới, cắm mốc trên địa bàn tỉnh theo tiến độ kế hoạch. Các nhóm phân giới cắm mốc của tỉnh tiến hành các cuộc đàm phán song phương và đã xác định được 99 vị trí mốc (89 vị trí mốc chính và 10 vị trí mốc phụ); phân giới được 39,9 km; cắm được 47 mốc (39 mốc chính và 8 mốc phụ), trong đó phía Việt Nam cắm được 24 mốc, phía Trung Quốc cắm được 23 mốc.

Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân có sự chuyển biến tích cực, kịp thời hơn và từng bước đi vào nề nếp. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được đẩy mạnh với nhiều hình thức và có kết quả, sự hiểu biết về chính sách, pháp luật của nhân dân không ngừng được nâng lên. Cấp tỉnh và 100% huyện, thị, 50% xã, phường, thị trấn đã thành lập Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Hầu hết các vụ phạm tội đều được khám phá, điều tra làm rõ và truy tố, xét xử bảo đảm trình tự, đúng luật định, không để án tồn đọng kéo dài, không có án xử oan sai, để lọt tội phạm. Trong hoạt động tố tụng, các cơ quan tư pháp đã có sự đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, hạn chế những sai sót trong quá trình tiến hành tố tụng, góp phần giữ vững ổn định trật tự an ninh trên địa bàn tỉnh.

Đối với công tác xây dựng Đảng, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên được đặt lên hàng đầu

trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh, trong đó tập trung lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Về chính trị, tiếp tục nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, tập trung củng cố tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo tinh thần hướng về cơ sở, gần dân, sát dân; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị đối với việc thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của nhiệm kỳ 2001-2005. Trên tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết, bố trí nguồn lực phù hợp để thực hiện các nghị quyết, kết luận, đề án của Tỉnh ủy. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch cụ thể hóa chủ trương của Đảng bộ để triển khai thực hiện. Cấp ủy, chính quyền các cấp cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Bản lĩnh chính trị của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng lên, thể hiện rõ sự vững vàng, kiên định, không dao động trước những vấn đề khó khăn, phức tạp. Đặc biệt, trong quá trình xử lý, giải quyết những vấn đề bức xúc tại địa phương, các tổ chức đảng đã có cách làm mềm dẻo, linh hoạt và quan tâm đến lợi ích của nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Về tư tưởng, Tỉnh ủy chú trọng việc tổng kết thực tiễn, tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, đề án quan trọng của Trung ương, của Tỉnh ủy, qua đó cung cấp

những luận cứ khoa học phục vụ việc nghiên cứu, đề ra các chủ trương, chính sách, giải pháp để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh một cách đúng đắn, phù hợp.

Việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nghị quyết của Đảng được các cấp ủy tổ chức thực hiện nghiêm túc. Công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên có sự đổi mới cả về nội dung, phương thức. Các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng trong tỉnh chủ động cập nhật, bổ sung những vấn đề mới trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XV của Đảng bộ tỉnh vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, lấy học viên làm trung tâm; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Cấp ủy các cấp chú trọng mở các lớp bồi dưỡng công tác xây dựng Đảng; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên; thực hiện gắn công tác giáo dục lý luận chính trị với tiêu chuẩn hóa cán bộ và công tác quy hoạch, đề bạt cán bộ.

Công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo; thường xuyên nắm chắc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, đồng thời chủ động nắm bắt âm mưu, thủ đoạn, phương thức chống phá của các thế lực thù địch. Hoạt động của Ban Chỉ đạo 94 tỉnh đạt được nhiều kết quả thiết thực trong đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; kịp thời cung cấp, định hướng thông tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, khẳng định và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Công tác tuyên truyền, phổ

biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được tăng cường và gắn với việc xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh từ cơ sở, không để hình thành “điểm nóng”, nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Nhằm kiện toàn cán bộ lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 01/7/2002 đã bầu đồng chí Nông Thế Cừ, Ủy viên Thường vụ Thường trực Tỉnh ủy giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy¹.

Trong nhiệm kỳ 2001-2005, Tỉnh ủy đã chỉ đạo củng cố, kiện toàn lãnh đạo của 47 đơn vị; quyết định kết thúc nhiệm kỳ hoạt động của 22 ban cán sự đảng và đảng đoàn; chuyển 17 tổ chức cơ sở đảng thuộc đảng bộ các ngành nông nghiệp - phát triển nông thôn, giao thông vận tải, văn hóa - thông tin, y tế về trực thuộc Đảng bộ Khối cơ quan Dân Chính Đảng tỉnh và đảng bộ huyện, thị theo địa bàn công tác.

Ngày 30/7/2003, Tỉnh ủy ban hành Đề án số 02-ĐA/TU về quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2004-2010. Từ Đề án, hàng năm, Tỉnh ủy xây dựng quy hoạch cán bộ cho các vị trí, chức danh của các cơ quan Đảng, chính quyền và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để có một đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ, phẩm chất bổ sung cho vị trí lãnh đạo các cấp, các ngành của tỉnh. Trong giai đoạn 2001-2005, Tỉnh ủy đã luân chuyển 46 cán bộ từ tỉnh về huyện, thị và từ các huyện, thị về tỉnh; cử 137 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng chính trị tại Học viện Chính trị quốc gia

1. Ngày 23/8/2002, Ban Bí thư ra Quyết định số 380-QĐNS/TW chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng đối với đồng chí Nông Thế Cừ. Sau khi có Quyết định của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công đồng chí Nông Thế Cừ làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Hồ Chí Minh và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh tại Học viện Quốc phòng và Quân khu 1; phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở lớp cao cấp lý luận chính trị tại chức khóa III tại Trường Chính trị Hoàng Đình Giông cho 110 học viên.

Thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 26/11/2003 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009, Tỉnh ủy đã giới thiệu các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và chức danh chủ chốt Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của 13 huyện, thị trong tỉnh. Cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009 được tổ chức thành công vào ngày chủ nhật 25/04/2004. Sau cuộc bầu cử, Tỉnh ủy chỉ đạo kiện toàn cán bộ chủ chốt ở 44 đơn vị.

Đảng bộ tỉnh cũng luôn coi trọng công tác phát triển đảng viên để không ngừng bổ sung những người ưu tú, giàu nhiệt huyết trong phong trào quần chúng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển liên tục của Đảng, trẻ hóa đội ngũ cán bộ, tạo nguồn kế thừa cho các tổ chức cơ sở đảng. Trong 5 năm 2001-2005, Đảng bộ tỉnh kết nạp được trên 7.000 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ lên trên 29.000 đảng viên và tăng thêm 145 xóm có đảng viên, 111 xóm có chi bộ.

Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác kiểm tra được đổi mới và đi vào chuyên sâu. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc theo chương trình, kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất với những nội dung được quy định trong Điều lệ Đảng. Trong 5 năm 2001-2005, Tỉnh ủy đã xây dựng và chỉ đạo các cấp ủy đảng thực hiện 26 cuộc kiểm tra chuyên đề và thành lập 54 tổ, đoàn kiểm tra việc hoạt động của các tổ chức

đảng theo nguyên tắc sinh hoạt Đảng, về việc thi hành kỷ luật trong Đảng và việc chấp hành Điều lệ Đảng. Ủy ban Kiểm tra của các cấp ủy đã kiểm tra 63 tổ chức đảng, 719 đảng viên có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra 582 tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tài chính Đảng; giải quyết 299 đơn thư tố cáo đảng viên, 10 đơn thư khiếu nại kỷ luật Đảng... Qua kiểm tra, đã phát hiện vi phạm và xử lý kỷ luật 17 tổ chức đảng, 383 đảng viên. Công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật Đảng đã có tác dụng tích cực trong việc giáo dục đảng viên và xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác dân vận có nhiều đổi mới. Nội dung công tác dân vận gắn với nhiệm vụ chính trị của các địa phương, đơn vị; được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Qua đó, đã động viên, đoàn kết nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ở vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, công tác dân vận đã góp phần giúp đồng bào các dân tộc thay đổi nếp sống, cách nghĩ; sống định canh, định cư, xây dựng thôn, bản văn hóa; tích cực tham gia phòng, chống tội phạm; không tham gia đạo trái pháp luật; không tàng trữ vũ khí, buôn bán ma túy, tái trồng cây thuốc phiện. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” được đẩy mạnh, gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Qua phong trào đã xuất hiện nhiều cá nhân điển hình tiên tiến, có sức lan tỏa, tạo động lực, cổ vũ, động viên nhân dân hưởng ứng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã

hội, củng cố quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn. Công tác dân vận đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng cơ sở chính trị ở các địa phương, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng không ngừng được nâng lên.

Trong giai đoạn 2001-2005, Mặt trận Tổ quốc các cấp tích cực vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện thường xuyên công tác tập hợp ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để phản ánh đến các cấp ủy, chính quyền; vận động nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” phát triển sâu rộng, mang lại hiệu ứng xã hội cao, khơi dậy tinh thần đoàn kết, truyền thống tốt đẹp tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, nhất là trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo. Mặt trận Tổ quốc các cấp phối hợp, vận động nhân dân ủng hộ tiền và công lao động xây dựng được 40 nhà văn hóa, 89 “nhà đại đoàn kết”, xóa 24 nhà dột nát cho hộ nghèo.

Tổ chức Đoàn Thanh niên đã có nhiều hoạt động sôi nổi, thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia. Nổi bật là phong trào Thanh niên tình nguyện làm đường liên thôn, liên xóm, nạo vét kênh mương, tu sửa nghĩa trang liệt sỹ, giúp đỡ gia đình chính sách, vệ sinh môi trường... Các cấp bộ đoàn đã tổ chức 249 đợt ra quân với trên 48.600 lượt đoàn viên tham gia, đóng góp trên 63.000 ngày công lao động giúp đỡ đồng bào khắc phục hậu quả lũ quét, giúp đỡ các gia đình nghèo; sửa chữa và làm mới hơn 40 km đường dân sinh; nạo

vét 15.800 m nương thủy lợi. Trong phong trào “Tuổi trẻ giữ nước”, các cấp bộ đoàn tổ chức thanh niên học tập Luật Nghĩa vụ quân sự, động viên thanh niên lên đường nhập ngũ đạt chỉ tiêu 100%. Phong trào thi đua “Giành ba đỉnh cao quyết thắng”, “Xứng danh bộ đội Cụ Hồ” trong lực lượng vũ trang được triển khai mạnh, thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia tuần tra canh gác, kiểm tra kiểm soát đường biên, cột mốc, chống xâm canh xâm cư lấn chiếm biên giới được 807 lần với 3.596 lượt đoàn viên tham gia, ngăn chặn kịp thời 18 điểm xâm canh với diện tích 24.200 m².

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đại hội Phụ nữ tỉnh Cao Bằng lần thứ XII, nhiệm kỳ 2001-2006 được tổ chức trong hai ngày 21 và 22/12/2001. Đại hội đề ra sáu nhiệm vụ chủ yếu của phong trào phụ nữ tỉnh giai đoạn 2001-2006 là: Phụ nữ các dân tộc đoàn kết một lòng theo Đảng, bảo vệ quê hương, tích cực tham gia chương trình xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường; Xây dựng người phụ nữ Cao Bằng có tri thức, năng động sáng tạo, có lối sống văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, có lòng nhân hậu; Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe phụ nữ, trẻ em, xây dựng gia đình “No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”; Tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách bình đẳng giới, phát triển đội ngũ cán bộ trên các lĩnh vực; Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại của Hội; Xây dựng và phát triển tổ chức hội vững mạnh. Từ định hướng của Đại hội, các cấp hội tổ chức nhiều phong trào thi đua yêu nước như: Nữ công nhân viên chức gắn với phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”; ngành giáo dục - đào tạo gắn với phong trào “Dạy tốt - Học tốt”; ngành y tế gắn với phong trào “Lương y như từ mẫu”; ngành bưu điện gắn với phong trào “Bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt”; lực lượng vũ trang gắn với phong

trào “Dũng cảm, đảm đang, tích cực phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội”. Từ các phong trào thi đua, tỷ lệ chị em đạt danh hiệu hai giỏi ngày càng cao: năm 2002 đạt 59,2%, năm 2005 tăng lên 68,3%.

Các cấp Công đoàn đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, viên chức và người lao động với nhiều hình thức như: tổ chức tọa đàm, hội thảo, hội thi, nói chuyện thời sự; đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và các phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, “An toàn vệ sinh viên giỏi”, “Cán bộ nữ công giỏi”, “Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”. Tổ chức Công đoàn tích cực thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, chế độ ốm đau, thai sản nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao như biểu diễn văn nghệ, thi đấu cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn, bóng đá mini,... thu hút hàng trăm vận động viên tham gia, tạo không khí vui tươi, phấn khởi, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của công nhân, viên chức, người lao động.

Phong trào nông dân phát triển khá mạnh và đồng đều ở các địa phương. Hội Nông dân tỉnh xây dựng trên 100 mô hình nuôi ngan Pháp, nuôi cá ruộng, lợn nái, nuôi bò ở Thị xã và các huyện Hà Quảng, Nguyên Bình, Thông Nông; thâm canh mía tại xã Chí Thảo (huyện Quảng Uyên); chế biến miến dong tại xã Duyệt Trung (Thị xã)... Từ những mô hình này, nhiều hộ nông dân đã học tập, làm theo. Phong trào sản xuất, kinh doanh giỏi trong nông dân đã góp phần tích cực vào việc động viên nông dân vươn lên trong sản xuất. Từ năm 2001 đến năm 2005, toàn tỉnh có gần 200.000 lượt hộ nông dân đăng ký sản xuất, kinh doanh giỏi và có trên

120.000 lượt hộ đạt danh hiệu này. Riêng năm 2005, số hộ đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi là 15.616 hộ, trong đó cấp tỉnh 489 hộ, cấp huyện 3.307 hộ. Trong phong trào xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, nông dân ở các địa phương đã đóng góp trên 200.000 công lao động duy tu, bảo dưỡng hơn 2.230 km đường giao thông nông thôn; đào đắp kênh mương thủy lợi đảm bảo nước tưới cho trên 4.000 ha lúa vụ xuân, trên 18.700 ha lúa vụ mùa; xây dựng các công trình nước sạch, góp phần đưa tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch từ 41,3% năm 2000 tăng lên 65,2% năm 2005.

Hội Cựu chiến binh các cấp thường xuyên động viên hội viên giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái, phản động của các thế lực thù địch; tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới. Hội thường xuyên chăm lo, giúp đỡ cựu chiến binh nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo. Những năm đầu mới thành lập Hội, tỷ lệ đói nghèo của cựu chiến binh chiếm hơn 55% thì đến hết năm 2004 không còn hộ đói, hộ nghèo còn 5%. Hội Cựu chiến binh còn thường xuyên phối hợp với tổ chức Đoàn Thanh niên, các trường học tổ chức hành quân về nguồn, nói chuyện truyền thống, kể chuyện anh bộ đội Cụ Hồ cho hàng nghìn thanh niên, thiếu niên nghe... đã góp phần giáo dục, giúp thế hệ trẻ hiểu sâu về lịch sử truyền thống cách mạng của nhân dân, quân đội ta, từ đó nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng.

Hội Luật gia có nhiều hoạt động thiết thực tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính

đảng của công dân, tuyên truyền phổ biến, tư vấn pháp luật cho nhân dân; Hội Nhà báo tập hợp, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, định hướng tuyên truyền cho đội ngũ những người làm báo; Hội Chữ thập đỏ chăm lo, hỗ trợ vật chất và tinh thần cho người khó khăn, nạn nhân chiến tranh, thảm họa thiên tai, vận động tiến hành các hoạt động nhân đạo do Hội tổ chức; Hội Y học cổ truyền giữ gìn và phát huy giá trị những bài thuốc nam của các dân tộc trong điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân; Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tuyên truyền, phổ biến tiến bộ khoa học - kỹ thuật và thực hiện việc phản biện khoa học - kỹ thuật... đã góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong 5 năm 2001-2005, kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển ổn định và tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch đúng hướng. Cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo hướng khai thác tiềm năng của địa phương, nâng cao hiệu quả và chất lượng tăng trưởng; thu ngân sách trên địa bàn tăng nhanh, kinh tế cửa khẩu có bước phát triển. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư mở rộng về quy mô, nâng cao về chất lượng, phát triển đến vùng sâu, vùng xa, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới rõ nét. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo có bước phát triển mới. Việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tích cực; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, chất lượng hoạt động từng bước được nâng lên. Công tác quốc phòng, an ninh tiếp tục được củng cố và giữ vững, đảm bảo chủ quyền lãnh thổ quốc gia; quan hệ đối ngoại tiếp tục phát triển, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Đặc biệt, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5

khóa IX về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, Cao Bằng đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, từng bước hình thành các vùng chuyên canh, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp có chất lượng; đồng thời, kéo theo nhiều đổi thay ở các lĩnh vực khác của đời sống xã hội nông thôn; bộ mặt nông thôn không ngừng được đổi mới, đời sống nhân dân được cải thiện hơn; dân chủ ở cơ sở được phát huy, an ninh chính trị, an toàn xã hội được bảo đảm.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế là kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa vững chắc; tiềm năng trong từng ngành, địa phương chưa được khai thác và sử dụng có hiệu quả; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm. Thu nhập bình quân đầu người đạt thấp, đến năm 2005 mới đạt gần bằng 50% mức thu nhập bình quân đầu người của cả nước. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn yếu. Hệ thống kết cấu hạ tầng còn thiếu và yếu kém. Huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển còn hạn chế; chất lượng, hiệu quả một số dự án chưa cao. Chất lượng giáo dục, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, văn hóa, thể thao... nói chung còn thấp; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng so với yêu cầu; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhưng chưa bền vững. Đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận đồng bào, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

II. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (2006-2010)

Sau 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, rất quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng, tăng cường

quốc phòng - an ninh, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được đẩy mạnh. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ra sức phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tuy nhiên, đất nước ta vẫn còn trong tình trạng kém phát triển và tụt hậu về kinh tế so với các nước trong khu vực. Sự chống phá của các thế lực thù địch bằng các âm mưu “diễn biến hòa bình” và bạo loạn lật đổ tiếp diễn gay gắt; những thiên tai lớn và dịch bệnh nguy hiểm xảy ra bất thường; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở một số vùng và địa phương chưa đảm bảo vững chắc. Đối với tỉnh Cao Bằng, kinh tế - xã hội đã có bước tăng trưởng khá nhưng chưa vững chắc, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, sản xuất hàng hóa chưa phát triển, kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và khả năng của địa phương. Trong khi đó, yêu cầu phát triển đang đòi hỏi Cao Bằng phải đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; khai thác có hiệu quả tiềm năng, điều kiện của địa phương; xây dựng được ngành kinh tế động lực, vùng kinh tế động lực, tạo ra sự bứt phá trong phát triển kinh tế. Đó là những thách thức lớn đối với Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh trong những năm tiếp theo.

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 06/12/2004 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, từ ngày 19 đến ngày 21/12/2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2006-2010 được tổ chức tại thị xã Cao Bằng. Chủ đề của Đại hội là: “Phát huy truyền thống, vượt qua chính mình, khai thác nội lực, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế để đến năm 2010 đưa Cao Bằng trở thành một

tỉnh khá, năng động trong khu vực”. Tham dự Đại hội có 299 đại biểu đại diện cho hơn 29.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh. Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XV của Đảng bộ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005; quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XV, đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng 5 năm 2006-2010.

Báo cáo chính trị của Đại hội đã đánh giá tổng quát kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2001-2005: “Kinh tế tiếp tục phát triển ổn định và tăng trưởng trên 10%/năm; cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế có sự chuyển biến tích cực; từng bước khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế của địa phương. Cơ cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư mở rộng, nâng cao về chất lượng, phát triển đến vùng sâu, vùng xa, bộ mặt nông thôn đổi mới rõ rệt. Văn hóa - xã hội có bước phát triển mới. Đời sống đại bộ phận nhân dân được cải thiện. Hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được xây dựng, củng cố vững mạnh, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và chất lượng hoạt động đang dần được nâng lên. Quốc phòng - an ninh, chủ quyền lãnh thổ quốc gia tiếp tục được giữ vững, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định”.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010 là: “Tạo ra một bước phát triển mới về kinh tế - xã hội, cao hơn nhịp độ phát triển của những năm trước đây, đưa tỉnh Cao Bằng từng bước thoát khỏi tình trạng một tỉnh nghèo, chậm phát triển; cải thiện rõ rệt hạ tầng kinh tế - xã hội, ổn định dân cư, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng tăng

trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng, năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Phấn đấu đến năm 2010, Cao Bằng trở thành tỉnh khá trong khu vực”.

Đại hội xác định mục tiêu chủ yếu phấn đấu đến năm 2010: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trên 15%/năm. Thu nhập bình quân đầu người trên 200 USD. Tốc độ tăng trưởng các ngành bình quân hàng năm: nông - lâm nghiệp 5,5%; công nghiệp - xây dựng trên 26%; dịch vụ trên 17%. Cơ cấu kinh tế: công nghiệp - xây dựng 28%; dịch vụ 46%; nông - lâm nghiệp 26%. Giá trị sản xuất nông nghiệp 20 triệu đồng/ha. Tổng đàn bò đạt 177.000 con, bình quân tăng 7%/năm. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 52%. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá cố định năm 1994) đạt trên 1.5000 tỷ đồng. 100% đường đến trung tâm xã đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn, xây dựng đồng bộ các công trình thoát nước, đảm bảo thông xe bốn mùa. Điện lưới đến trung tâm 100% số xã; 85% số dân được sử dụng điện. Tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 13%/năm. Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 60 triệu USD, trong đó xuất khẩu 35-40 triệu USD, nhập khẩu 20-25 triệu USD. Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 30%. Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi: 60-70%; số xã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở: trên 90%; 100% các huyện có trung tâm giáo dục thường xuyên; 100% các xã có trung tâm học tập cộng đồng; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường: nhà trẻ 15-18%, mẫu giáo: 65-67%, tiểu học: trên 96%. Đến năm 2010, thị xã Cao Bằng cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III.

Để thực hiện các mục tiêu, Đại hội đề ra các nhiệm vụ và giải pháp lớn: (1) Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo

hướng mở rộng và nâng cao chất lượng sản xuất công nghiệp và thương mại - dịch vụ; phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển sản xuất gắn với bảo vệ và khai thác có hiệu quả tài nguyên, môi trường, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế - xã hội. (2) Làm tốt công tác quy hoạch; huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, đồng bộ và ngày càng hiện đại, xây dựng thị xã thành đô thị loại III. (3) Phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội. (4) Phát triển, nâng cao các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc; đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. (5) Chăm lo củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. (6) Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, xây dựng chính quyền vững mạnh. (7) Nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, xây dựng Đảng bộ vững mạnh toàn diện.

Đại hội đã bầu 49 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2005-2010. Ban Chấp hành đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí; bầu đồng chí Nguyễn Thị Nương giữ chức Bí thư Tỉnh ủy; bầu đồng chí Hà Ngọc Chiến giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; bầu đồng chí Lô Ích Giang giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đại hội đã bầu Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội X của Đảng, do đồng chí Nguyễn Thị Nương, Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, đồng chí Nguyễn Thị Nương, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngay sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức thông báo nhanh và tuyên truyền kết quả Đại hội tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; tuyên truyền, phản ánh các hoạt động chào mừng thành công của Đại hội và chỉ đạo các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết của Đại hội; đồng thời tuyên truyền đẩy mạnh các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Từ ngày 18 đến ngày 25/4/2006, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 1.176 đại biểu, đại diện cho khoảng 3,1 triệu đảng viên trong toàn quốc. Đại hội đề ra mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006-2010 là: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nên tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Tỉnh ủy tổ chức nhiều hoạt động chào mừng thành công của Đại hội; thông báo nhanh kết quả Đại hội; đồng thời, xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.

Nhằm thực hiện có hiệu quả, toàn diện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, tạo được bước đột

phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2006-2010, Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng 9 chương trình trọng tâm là: (1) Chương trình phát triển thủy điện và chế biến khoáng sản giai đoạn 2006-2010; (2) Chương trình xây dựng thị xã Cao Bằng đến năm 2010 cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III; (3) Chương trình phổ cập giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; (4) Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2006-2010 (trọng điểm là khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng); (5) Chương trình phát triển các khu du lịch trọng điểm tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006-2010; (6) Chương trình phát triển đàn bò giai đoạn 2006-2010; (7) Chương trình nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2006-2010; (8) Chương trình phát triển giao thông nông thôn Cao Bằng giai đoạn 2006-2010; (9) Chương trình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của Cao Bằng. Đảng bộ tỉnh đã đề ra một số lượng chương trình trọng tâm thực hiện nghị quyết của một đại hội nhiều nhất từ trước tới nay và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhằm khai thác, phát huy các tiềm năng, điều kiện, lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội.

Trong sản xuất nông nghiệp, ngành nông nghiệp và các huyện, thị đã tích cực mở rộng mạng lưới dịch vụ giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đến tận cơ sở và đẩy mạnh công tác khuyến nông - khuyến lâm, động viên nông dân đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất; hướng dẫn nông dân quản lý các công trình thủy lợi, quản lý nguồn nước và thực hiện tưới tiêu khoa học. Tỉnh đã đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, kiên cố hóa 193 km kênh mương, 12 hồ chứa nhằm đảm bảo cung cấp nước cho 5.601 ha lúa vụ xuân, 14.798 ha lúa vụ mùa. Nông dân ở các địa phương tích cực thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, đẩy mạnh sản xuất

nông nghiệp, mở rộng diện tích trồng các loại cây lương thực, cây công nghiệp. Do vậy, tổng sản lượng lương thực hằng năm đều tăng: năm 2007, tổng sản lượng đạt 230.290 tấn, tăng 16,4% so với năm 2006; đến năm 2010, tổng sản lượng đạt 241.375 tấn, tăng 5,6% so với năm 2009, đạt mức cao nhất từ trước đến lúc này, đảm bảo phục vụ nhu cầu lương thực tại địa phương và có thêm thức ăn phục vụ phát triển chăn nuôi.

Các cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh mở rộng sản xuất nên mối liên kết giữa công nghiệp và nông nghiệp ngày càng tăng. Nhà máy đường Phục Hòa nâng công suất thiết bị, sản xuất thêm sản phẩm phụ như phân bón, cồn. Một số doanh nghiệp thành lập cơ sở sản xuất chiếu trúc ở xã Thẻ Dục, huyện Nguyên Bình; sản xuất ván dăm và phân vi sinh ở Nam Phong, huyện Hòa An; thu mua sắn, dong riêng, nghệ với nông dân; Tổng công ty thuốc lá Thăng Long tăng hỗ trợ phân bón, giống, vốn làm đường giao thông nội vùng và tăng lượng thu mua thuốc lá ở các xã phía bắc huyện Hòa An, phía nam huyện Hà Quảng; Công ty cổ phần giống và thức ăn gia súc mở thêm cơ sở sấy ngô ở xã Thượng Thôn, tăng lượng thu mua ngô ở vùng Lục Khu, huyện Hà Quảng; Công ty cổ phần giống cây trồng Cao Bằng tăng đầu tư phân bón, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân và tăng thu mua lạc giống, lạc thương phẩm ở các huyện Hà Quảng, Trà Lĩnh, Hòa An, Thông Nông... đã kích thích nông dân đẩy mạnh phát triển sản xuất.

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, tỉnh đã xây dựng và thực hiện 41 dự án cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân vùng nông thôn, nâng tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước sạch từ 62,1% năm 2005 lên 83,2% năm 2010, đặc biệt là đồng bào

ở vùng cao Lục Khu, huyện Hà Quảng và vùng cao huyện Trà Lĩnh, vùng cao huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm đã cơ bản khắc phục được tình trạng thiếu nước trầm trọng vào mùa khô.

Trong chăn nuôi, các địa phương đã thường xuyên quan tâm thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, hỗ trợ nông dân làm chuồng trại khi gia súc, gia cầm bị dịch bệnh. Nông dân ở các địa phương tích cực tăng diện tích trồng cỏ để tăng thêm nguồn thức ăn cho trâu, bò. Do vậy, tổng đàn trâu, lợn, gia cầm hàng năm đều tăng. Đến năm 2010, tổng đàn trâu có 109.760 con, tăng 2.267 con so với năm 2006; tổng đàn lợn có 348.668 con, tăng 79.079 con so với năm 2006; tổng đàn gia cầm có 2.167.775 con, tăng 10.775 con so với năm 2006. Riêng đàn bò, thực hiện Chương trình phát triển đàn bò giai đoạn 2006-2010 của Tỉnh ủy, tổng đàn từ 124.263 con tăng lên 176.102 con, tốc độ tăng trưởng đạt 5,95%/năm (đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra). Chương trình đã góp phần làm thay đổi dần phương thức chăn nuôi của nhân dân từ chăn thả tự nhiên sang kết hợp nuôi nhốt, nhân dân trồng cỏ và chế biến thức ăn chăn nuôi từ sản phẩm phụ của nông nghiệp để phát triển chăn nuôi.

Tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế khuyến khích phát triển rừng nên một số doanh nghiệp và nhiều nông dân ở các địa phương phấn khởi nhận giao đất giao rừng, trồng rừng, do đó diện tích rừng tăng mạnh. Từ năm 2005 đến năm 2010, toàn tỉnh trồng rừng tập trung được 3.489 ha; giao bảo vệ rừng được 70.300 ha; giao khoán nuôi tái sinh rừng được 261.000 ha; giao chăm sóc, bảo vệ rừng được 2.726 ha.

Ngày 30/12/2009, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 11-NQ/TU về phát triển rừng và chế biến lâm sản giai đoạn 2010-2020. Sau một năm thực hiện Nghị quyết,

trên địa bàn tỉnh có 17 doanh nghiệp, 14 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp; có 8 doanh nghiệp đầu tư phát triển rừng với tổng vốn 2.626,5 triệu đồng. Công tác phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ rừng đạt kết quả tích cực, đã đưa kinh tế lâm nghiệp phát triển nhanh, chiếm tỷ trọng 18,3% trong giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản và năm 2010 tỷ lệ che phủ rừng đạt 52%.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI xác định nhiệm vụ hàng đầu trong thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng mở rộng và nâng cao chất lượng sản xuất công nghiệp; đẩy nhanh nhịp độ phát triển công nghiệp, đưa công nghiệp trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư chế biến sâu các loại khoáng sản, xây dựng các nhà máy thủy điện. Từ định hướng này, Tỉnh ủy đã tổ chức nhiều đoàn cán bộ đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm tại Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng và các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Thái Nguyên; phối hợp với một số bộ, ban, ngành Trung ương tổ chức các hội nghị giới thiệu, quảng bá tiềm năng của Cao Bằng; đồng thời, kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư vào lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, xây dựng nhà máy thủy điện. Từ đó, nhiều doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến sâu các loại khoáng sản, luyện kim màu, xây dựng thủy điện ở Cao Bằng. Tỉnh đã quy hoạch các cụm công nghiệp tại xã Chu Trinh (huyện Hòa An), thị trấn Tà Lùng (huyện Phục Hòa).

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, trên địa bàn tỉnh đã hình thành một hệ

thống nhà máy chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất ván dăm, sản xuất phân vi sinh, chế biến trúc tre. Số cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp từ 1.404 cơ sở năm 2006 tăng lên 1.675 cơ sở năm 2010, với tổng số vốn đầu tư đã thực hiện 3.078 tỷ đồng, đạt trên 22% so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội, góp phần tạo thêm nhiều việc làm và thu hút nhiều lao động của địa phương, đưa giá trị sản xuất công nghiệp đạt 475 tỷ đồng năm 2010, tốc độ tăng trưởng đạt 17%, tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế đạt 21%. Sản xuất công nghiệp đã phát triển theo hướng chuyển từ khai thác, tiêu thụ nguyên liệu thô sang chế biến sâu, nâng cao giá trị sản phẩm.

Thực hiện Chương trình phát triển thủy điện và chế biến khoáng sản giai đoạn 2006-2010, đến cuối năm 2010, ngoài các cơ sở công nghiệp truyền thống duy trì tốt hoạt động sản xuất như Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng, Công ty cổ phần xi măng, Công ty cổ phần chế biến trúc - tre xuất khẩu, Công ty chế biến thức ăn gia súc..., tỉnh đã xây dựng mới được 14 nhà máy chế biến khoáng sản vừa và nhỏ, trong đó, một số nhà máy đã đi vào hoạt động¹. Về thủy điện, tỉnh đã cấp giấy phép đầu tư cho 24 dự án phát triển thủy điện, trong đó đã hoàn thành và đưa vào sản xuất Nhà máy thủy điện Bản Hoàng (huyện Hà Quảng); Nhà máy thủy điện

1. Nổi bật như: Nhà máy sản xuất feromangan Phong Châu; Nhà máy sản xuất feromangan Trưng Vương; Nhà máy sản xuất feromangan và dioxide mangan điện giải Tây Giang; Nhà máy sản xuất feromangan của Công ty cổ phần khoáng sản Miền Núi; Nhà máy sản xuất feromangan của Công ty cổ phần khoáng sản NIKKO Việt Nam; Nhà máy sản xuất sắt xộp và phôi thép của Công ty cổ phần khoáng sản và luyện kim Việt Nam; Nhà máy sản xuất chì - kẽm Bảo Lâm; Nhà máy sản xuất than cốc Thạch An...

Bản Rạ (huyện Trùng Khánh). Về sản xuất vật liệu xây dựng, có thêm cơ sở sản xuất gạch của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nam Phong. Sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp của Cao Bằng tăng cao trên thị trường, nhất là sản phẩm gang đúc, feromangan, dioxide mangan, than cốc, thiếc thỏi.

Về công tác xây dựng cơ bản, trong giai đoạn 2006-2010, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành tích cực khai thác các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Do vậy, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 14.000 tỷ đồng, gấp 3,5 lần giai đoạn 2001-2005. Các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án theo Nghị quyết số 37 và các Quyết định số 120, 159, 134, 661, 135, Nghị quyết số 30a của Chính phủ được triển khai thực hiện đã nâng cao một bước kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện Chương trình xây dựng thị xã Cao Bằng đến năm 2010 cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển mạnh hệ thống dịch vụ, phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Thị xã, tăng cường các biện pháp thu ngân sách, thu hút lao động, tăng dân số... Nhân dân Thị xã đã tích cực hưởng ứng và thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy. Đến cuối năm 2010, Thị xã đã thực hiện đạt 46/48 tiêu chí. Theo Nghị định số 42/CP của Chính phủ và Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng, thị xã Cao Bằng được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại III (đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra).

Lĩnh vực giao thông đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống giao thông được đầu tư tương đối toàn diện với

nhiều dự án hoàn thành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội như: đường tránh Quốc lộ 3 từ km 2 đến km 6, Quốc lộ 34, Quốc lộ 4c, cầu Thông Huệ, cầu Lũng Đính, đường 206, đường 212, đường 209, đường 205, đường 208... Các tuyến đường thường xuyên được kiểm tra, duy tu sửa chữa, đảm bảo giao thông thông suốt, không xảy ra hiện tượng ách tắc giao thông nhiều ngày như những năm trước; nhiều vị trí điểm đen, mất an toàn giao thông được khắc phục. Công tác kiểm định các phương tiện tham gia giao thông được cơ giới hóa đồng bộ.

Thực hiện Chương trình phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2006-2010, Cao Bằng đã hoàn thành đưa vào khai thác các tuyến quốc lộ quan trọng với chiều dài trên 350 km; 7 tuyến đường tỉnh với chiều dài trên 185 km và triển khai các dự án đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 34, đường tỉnh 206. 100% đường đến trung tâm xã được xây dựng đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn (đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra). Toàn tỉnh mở mới, cải tạo, nâng cấp nền đường được 168 km; láng nhựa được 203 km; làm mặt đường cấp phối được 205 km. Đối với đường xã, thôn xóm, đã cải tạo, mở mới nền đường được 340 km; làm mặt đường bê tông, mặt đường nhựa được 73 km; làm mặt đường cấp phối được 118,7 km, với tổng giá trị khối lượng thực hiện 229 tỷ đồng. Về xây dựng cầu dân sinh, toàn tỉnh đã xây dựng được 34 cầu treo có tổng chiều dài 1.727m, với tổng kinh phí đầu tư 28 tỷ đồng; xây dựng 55 cầu bê tông cốt thép có tổng chiều dài 635m, với kinh phí đầu tư 19 tỷ đồng. Với sự hỗ trợ của Nhà nước về xi măng, dầm thép, các địa phương đã huy động 31.152 công lao động và 5,676 tỷ đồng làm đường dân sinh được 122,7 km (mặt đường rộng từ 1 m đến 1,5 m).

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin và dịch vụ viễn thông ngày càng cao của nhân dân, bưu chính - viễn thông đã được tỉnh quan tâm đầu tư phát triển. 100% trung tâm huyện, thị và một số vùng trọng điểm đã được phủ sóng điện thoại di động và có đường truyền dẫn cáp quang. Toàn tỉnh xây dựng được 564 trạm BTS; 192 xã có điểm phục vụ bưu chính, 31 bưu cục, 165 xã có điểm bưu điện văn hóa; tỷ lệ dùng máy điện thoại đạt mật độ 85 máy/100 dân. Số xã có báo đọc trong ngày đạt 129 xã; có 420 đảng bộ và 2.390 chi bộ có báo Đảng đọc trong ngày.

Công tác quản lý tài nguyên, môi trường tiếp tục được Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo. Từ năm 2006 đến năm 2010, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất đai xây dựng các công trình phúc lợi, các cơ sở sản xuất, chế biến khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất 238 dự án; cấp 17 giấy phép khai thác khoáng sản, 16 giấy phép khai thác vật liệu xây dựng, 7 giấy phép sử dụng tài nguyên nước; ngoài ra, đã cấp 168 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, đơn vị, 12.763 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình. Công tác đền bù, hỗ trợ tái định canh, định cư sau phân giới, cắm mốc theo Quyết định số 143/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được triển khai thực hiện kịp thời. Tỉnh hoàn chỉnh điều chỉnh hồ sơ địa chính 02 xã mới được chia tách theo Nghị định số 183/2007/NĐ-CP ngày 13/12/2007 của Chính phủ là xã Ngọc Khê và xã Ngọc Côn của huyện Trùng Khánh. Ngành tài nguyên - môi trường thực hiện đo đạc bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 được 9 xã của huyện Hà Quảng với tổng diện tích 4.652 ha; cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu vực nông thôn được 4 huyện (Trùng Khánh, Trà Lĩnh, Quảng Uyên, Hạ Lang) và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu vực đô thị tại huyện Hòa An và Hà Quảng được 2.459 hộ.

Thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 07/6/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường quản lý khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản và Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 12/4/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xử lý các hoạt động khoáng sản vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường trên sông Hiến, khu vực rừng đặc dụng Phja Oắc và các địa bàn khác trên phạm vi toàn tỉnh, công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản được tăng cường; việc kiểm tra hoạt động khoáng sản định kỳ và đột xuất được thực hiện thường xuyên. Công tác bảo vệ môi trường có tiến bộ đáng kể, đặc biệt là môi trường khai thác khoáng sản. Những tồn tại về ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản trái phép làm ô nhiễm sông Hiến, sông Bằng, sông Thề Dục và khu vực rừng đặc dụng Phja Oắc đã dần được khắc phục, không để xảy ra hiện tượng ô nhiễm kéo dài, gây bức xúc trong nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 26/04/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của ngành thuế đến năm 2010, công tác thu ngân sách có nhiều tiến bộ hơn những năm trước. Năm 2005, thu ngân sách được 220,9 tỷ đồng, đến năm 2010, thu ngân sách đạt 500 tỷ đồng, tăng bình quân 20%/năm. Chi ngân sách địa phương đảm bảo đúng chế độ, kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Hoạt động ngân hàng có nhiều đổi mới, huy động vốn nhàn rỗi trong dân cư và doanh số cho vay tăng nhanh. Năm 2006, tổng nguồn vốn quản lý và huy động đạt 1.470 tỷ đồng; doanh số cho vay đạt 928 tỷ đồng; đến năm 2010, tổng nguồn vốn quản lý và huy động đạt 4.250 tỷ đồng, doanh số cho vay đạt 3.620 tỷ đồng, đạt mức tăng bình quân trên 35%/năm. Thực hiện chủ trương của Chính phủ về khắc

phục tình trạng suy giảm kinh tế và kích cầu đầu tư trong nước, hệ thống ngân hàng triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các tổ chức kinh tế và cá nhân đạt hiệu quả cao, góp phần đưa kinh tế của tỉnh vượt qua khó khăn.

Trong công tác giáo dục - đào tạo, hệ thống trường, lớp tiếp tục được củng cố, phát triển, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Toàn tỉnh thành lập mới được 81 trường học; 100% xã, phường, thị trấn có trường tiểu học, lớp hoặc trường mầm non, trung tâm học tập cộng đồng; 86% xã, phường, thị trấn có trường trung học cơ sở; 100% huyện, thị có trung tâm giáo dục thường xuyên. Các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề tiếp tục được mở rộng và tham gia tích cực vào việc bồi dưỡng kiến thức văn hóa, khoa học - kỹ thuật, đào tạo nghề, chuyển giao công nghệ cho các đối tượng lao động. Trong giáo dục phổ thông, hệ thống trường lớp học, trang thiết bị dạy học không ngừng được đầu tư nâng cấp. Toàn tỉnh có 6.212 phòng học, trong đó phòng học được xây dựng kiên cố chiếm 59,94%, phòng học bán kiên cố chiếm 30,3%. Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi đạt khá: mẫu giáo đạt trên 74%; tiểu học đạt trên 97%; trung học cơ sở đạt trên 79%. Tháng 12/2008, Cao Bằng được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (trước hai năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra).

Thực hiện Chương trình phổ cập giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo giai đoạn 2006-2020 và Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 10/6/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công

tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2008-2010, công tác giáo dục - đào tạo đã đạt nhiều kết quả. Đến hết năm 2010, toàn tỉnh có 140/199 xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đạt 70,4%. Các trường học đảm bảo đủ phòng học, chỗ ngồi cho học sinh; các thiết bị, đồ dùng phục vụ giảng dạy của giáo viên, học tập của học sinh được tăng cường. Số lượng giáo viên ở các bậc học cơ bản đủ theo quy định. Tỷ lệ đạt chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên các cấp học: mầm non 95%; tiểu học 98,9%; trung học cơ sở 98%; trung học phổ thông 99%. Năm 2006, toàn tỉnh có 4 trường đạt chuẩn quốc gia; đến năm 2010, có 20 trường đạt chuẩn quốc gia. 100% huyện, thị đạt và duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 95%; 85% thanh, thiếu niên độ tuổi từ 15-18 có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

Về công tác y tế, đội ngũ cán bộ y tế tăng cả về số lượng và chất lượng, đạt tỷ lệ 7 bác sỹ/1 vạn dân, 60% số xã có bác sỹ. Các chương trình, mục tiêu quốc gia về y tế được thực hiện có hiệu quả. Năm 2005, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 28‰, đến năm 2010 giảm xuống dưới 24‰; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng từ 28,5% giảm xuống còn dưới 23%.

Thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 16/04/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, đến năm 2010, toàn tỉnh có 199/199 xã, phường, thị trấn có trạm y tế, trong đó có 47 trạm y tế xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

Ngày 01/04/2009, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 50-CT/TU về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình. Thực hiện Chỉ thị, ngành y tế tích cực tuyên truyền, vận động

nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, giữ mức ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản; đồng thời tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình ở cả khu vực thành thị và nông thôn. Do vậy, tỷ suất sinh từ 18,62‰ (năm 2005), đến năm 2010, giảm xuống 17,6‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,05%, đến năm 2010 giảm xuống 1,03%.

Hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch có bước phát triển mới. Ngành văn hóa - thể thao và du lịch đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước và chào mừng thành công Đại hội đảng bộ các cấp; tổ chức đoàn tham gia Ngày hội văn hóa các dân tộc vùng Đông Bắc lần thứ V tại tỉnh Hà Giang, Lễ hội văn hóa dân tộc Mông lần thứ nhất tại tỉnh Sơn La và đạt nhiều giải cao trong lễ hội; tỉnh đã đăng cai và tổ chức thành công Liên hoan hát then - đàn tính toàn quốc lần thứ II.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” thường xuyên được đẩy mạnh. Các thiết chế văn hóa tiếp tục được đầu tư xây dựng, tạo điều kiện cho nhân dân sinh hoạt văn hóa, hoạt động thể dục - thể thao. Năm 2006, toàn tỉnh có 152 nhà văn hóa thôn bản, đến năm 2010 có 375 nhà văn hóa thôn bản, tăng 223 nhà văn hóa. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được đẩy mạnh với việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động văn hóa, đưa hoạt động văn hóa đúng định hướng; xây dựng và thực hiện nhiều biện pháp bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 07/11/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển thể dục, thể thao đến năm 2010, hoạt động thể dục, thể thao được các cấp ủy đảng,

chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang quan tâm đẩy mạnh. Thể dục, thể thao quần chúng phát triển cả về quy mô và chất lượng; số người tập luyện thể dục, thể thao, số câu lạc bộ thể dục, thể thao đều tăng như các câu lạc bộ cờ tướng, cầu lông, tennis, bóng bàn... Cơ sở vật chất phục vụ thể dục, thể thao từng bước được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp bằng cả nguồn vốn từ ngân sách và kinh phí xã hội hóa như cải tạo, nâng cấp sân vận động Thị xã, một số sân vận động của các huyện, sân chơi cầu lông, tennis của các cơ quan, khu dân cư, gia đình...

Sau nhiều năm sưu tầm tài liệu, nghiên cứu, Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức hội thảo với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, sử học của tỉnh và Trung ương, đã xác định được năm thành lập tỉnh Cao Bằng là năm 1499. Ngày 03/10/2009, tỉnh Cao Bằng tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 510 năm thành lập tỉnh Cao Bằng (1499-2009).

Thực hiện Chương trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc giai đoạn 2006-2010 và Chương trình phát triển các khu du lịch trọng điểm tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006-2010, ngành văn hóa - thể thao và du lịch đã sưu tầm được 6.000 hiện vật, tài liệu gốc có giá trị; điều tra, khảo sát, thống kê được 226 điểm di tích, danh lam thắng cảnh; trùng tu, tôn tạo 16 di tích lịch sử, văn hóa. Công tác quản lý các lễ hội trên địa bàn tỉnh dần đi vào nền nếp, đã phục dựng và nâng cao nội dung một số lễ hội truyền thống của các dân tộc. Trường Năng khiếu Nghệ thuật và Thể thao được thành lập và đi vào hoạt động.

Khu di tích lịch sử Pác Bó hoàn thành các dự án xây dựng công trình vệ sinh công cộng, tu bổ, tôn tạo hang Cốc Bó, Nhà trưng bày và bãi đỗ xe. Đáp ứng nguyện vọng của nhân dân các dân tộc trong tỉnh và đồng bào cả nước, ngày

19/5/2010, tỉnh Cao Bằng tổ chức khởi công xây dựng Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khu di tích lịch sử Pác Bó. Quy hoạch tổng thể Khu du lịch thác Bản Giốc cũng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 134/TTg ngày 17/8/2007. Dự án Khu du lịch Ngườm Ngao đã thực hiện xong và đưa vào phục vụ. Tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Phja Oắc - Phja Đén theo tiêu chí đô thị loại 5. Các hoạt động phát triển du lịch được đẩy mạnh, nhất là các hoạt động quảng bá tiềm năng, năng lực phục vụ du lịch, sản phẩm du lịch địa phương; số lượng cơ sở lưu trú của Nhà nước và tư nhân ngày càng phát triển. Năm 2010, lượng khách du lịch đến Cao Bằng đạt gần 300.000 lượt người, doanh thu đạt trên 50 tỷ đồng.

Hoạt động của các cơ quan báo chí đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin của nhân dân, góp phần tích cực vào việc nâng cao dân trí. *Báo Cao Bằng* tăng kỳ xuất bản lên 3 kỳ/tuần với lượng phát hành trên 9.000 bản/số; duy trì xuất bản *Báo ảnh Cao Bằng* mỗi tháng 01 kỳ. Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng duy trì phát thanh bằng 4 thứ tiếng: Tày - Nùng, Mông, Dao và tiếng Việt. Đến năm 2010, có 90% số hộ dân được xem truyền hình, 95% số hộ dân được nghe đài. Tạp chí *Non nước Cao Bằng* (Hội Văn học - Nghệ thuật Cao Bằng) duy trì phát hành 700 cuốn/kỳ xuất bản. Công ty cổ phần in Việt Lập đầu tư thêm thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu in của tỉnh.

Công tác xóa đói, giảm nghèo được Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên. Thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TU ngày 10/6/2008 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng thực hiện mục tiêu xóa nhà dột nát cho các hộ nghèo, tỉnh đã xây dựng 670 công trình hạ tầng kinh tế - xã hội; hỗ

trợ 79.364 lượt hộ nghèo giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ phục vụ lao động sản xuất; hỗ trợ hộ nghèo làm 14.433 nhà ở, 433 công trình nước sạch. Sau một năm thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ và Chỉ thị số 60-CT/TU ngày 27/5/2010 của Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tại 5 huyện Hà Quảng, Thông Nông, Hạ Lang, Bảo Lạc và Bảo Lâm thuộc diện 62 huyện nghèo nhất cả nước, tỉnh đã tập trung chỉ đạo hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí; bổ sung nguồn lực con người ở các cấp quản lý và các tổ công tác; đầu tư xây dựng 207 công trình kết cấu hạ tầng ở cả cấp thôn/bản, xã, huyện cho các huyện nghèo. Ngoài ra, tỉnh đề nghị các tập đoàn kinh tế nhà nước “đỡ đầu” các huyện nghèo; vận động thanh niên tình nguyện về giúp đỡ các huyện nghèo. Đến hết năm 2010, toàn tỉnh giảm được 22.807 hộ nghèo, đưa tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 23,96%.

Trong 5 năm 2006-2010, tỉnh đã giải quyết việc làm cho 46.000 lao động, trong đó xuất khẩu lao động được 5.100 người; đào tạo nghề trình độ trung cấp được 3.400 người, trình độ sơ cấp được 18.806 người. Các chế độ chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công được thực hiện tốt. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn được đẩy mạnh và trở thành phong trào sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân; công tác bảo trợ xã hội được duy trì thường xuyên.

Thực hiện chính sách của Nhà nước về bảo hiểm y tế, hầu hết trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số được cấp thẻ Bảo hiểm y tế và hưởng các quyền lợi trong khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế. Ngày 15/03/2010,

Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 143-KH/TU triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 07/9/2009 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế trong tình hình mới. Kế hoạch đề ra mục đích là tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc phát triển bảo hiểm y tế, để bảo hiểm y tế thực sự là một hoạt động nhân đạo, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an sinh xã hội và sự phát triển bền vững của địa phương, đất nước. Do vậy, từ năm 2006 đến năm 2010, số đơn vị, người lao động tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội ngày càng tăng. Bảo hiểm xã hội thực hiện giải quyết, chi trả các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội kịp thời, đúng đối tượng, an toàn và đến tận tay người thụ hưởng, góp phần ổn định an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện Thông báo số 160-TB/TW ngày 15/11/2004 của Ban Bí thư về chủ trương công tác đối với đạo Tin lành và Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 24/5/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác đối với đạo Tin lành, các cấp ủy đảng, chính quyền tích cực vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và các địa phương có hoạt động tôn giáo. Do vậy, tình hình tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được tăng cường; các điểm, nhóm đồng bào theo đạo Tin lành chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đẩy mạnh sản xuất, đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Nhiều cơ sở thờ tự cũng được tu bổ như chùa Đà Quận, chùa Đông Lân, đền thờ Nùng Trí Cao... Song, vẫn

còn một bộ phận đông bào dân tộc Mông ở các huyện Hòa An, Trà Lĩnh, Hà Quảng, Bảo Lâm nhẹ dạ, cả tin theo tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh, có những hoạt động gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Cao Bằng là một tỉnh biên giới có vị trí chiến lược quân sự quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do vậy, Đảng bộ tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về công tác quân sự và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương. Ngày 11/04/2007, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 21-CT/TU về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 62-CT/TW ngày 12/02/2001 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trong tình hình mới và ngày 14/02/2008, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 35-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh giai đoạn 2007-2012. Trong 5 năm 2006-2010, Tỉnh ủy đã ban hành các chỉ thị chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ các huyện: Trùng Khánh, Bảo Lạc, Thông Nông, Hạ Lang, Quảng Uyên, Phục Hòa và chỉ đạo diễn tập trong khu vực phòng thủ tỉnh Cao Bằng năm 2009 đảm bảo an toàn, đạt kết quả cao. Tỉnh đã mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ thuộc đối tượng 2 tại Trường Chính trị Hoàng Đình Giông được 77 người; mở lớp bồi dưỡng cho đối tượng 3 tại Trường Quân sự tỉnh được 1.078 người. Các huyện, thị tổ chức bồi dưỡng cho các đối tượng 4, 5 tại địa phương được 8.585 người.

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31/5/2007 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân giai đoạn 2006-2010, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được

xây dựng, củng cố. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tập trung xây dựng lực lượng thường trực vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có khả năng sẵn sàng chiến đấu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, có năng lực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương được nâng lên. Các công trình quốc phòng, nhất là công trình phòng thủ trọng điểm tiếp tục được đầu tư mở rộng, nâng cấp, tạo thế liên hoàn trong khu vực phòng thủ. Lực lượng quân sự địa phương xây dựng và bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch A, A2, A3, A4, phòng, chống cháy nổ, thiên tai, cháy rừng.

Về công tác an ninh - trật tự, ngày 24/04/2006, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 02-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự giai đoạn 2006-2008. Các cấp ủy, chính quyền đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân tham gia, phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng công an trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên, học sinh và người dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đảm bảo an ninh, trật tự. Đồng thời, tăng cường giáo dục trách nhiệm trong thực thi công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kịp thời phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm pháp luật,

gây dư luận không tốt trong xã hội. Các địa phương có tình trạng truyền đạo trái pháp luật tích cực tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đạo Tin lành, về tín ngưỡng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc.

Lực lượng công an thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phối hợp hành động về phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và trật tự an toàn giao thông; vận động toàn dân tự giác giao nộp vũ khí, không dùng các loại súng săn, không sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản. Phối hợp các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường...

Trước tình hình xóm Lũng Phấc (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh) xảy ra tình trạng phức tạp về khai thác khoáng sản trái phép, an ninh chính trị không đảm bảo, tệ nạn nghiện hút, trộm cắp nổi cộm gây mất trật tự an toàn xã hội, Tỉnh ủy đã kiên quyết chỉ đạo củng cố an ninh, quốc phòng, củng cố cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể, đầu tư tăng cường cơ sở hạ tầng tại đây, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, ổn định xã hội.

Sau hơn 5 năm thực hiện Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, công tác phân giới, cắm mốc trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Cao Bằng đã đạt được những kết quả quan trọng. Dù vậy, công tác phân giới, cắm mốc tiến triển còn chậm, chưa đảm bảo tiến độ, kế hoạch đề ra, đến hết năm 2006 mới đạt khoảng 58%. Nguyên nhân chủ yếu là do phía Trung Quốc sử dụng lực lượng vũ trang

tuần tra, quan sát, hỗ trợ dân xâm lấn đất đai, xâm phạm lãnh thổ ta, phá hoại hoa màu, các công trình dân sinh, cản trở dân ta sản xuất ở khu vực các huyện biên giới như Trùng Khánh, Hà Quảng, Bảo Lạc, Hạ Lang.

Ngày 23/5/2007, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 25-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong công tác phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Cao Bằng. Các cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là lực lượng Bộ đội biên phòng và các huyện biên giới đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc phân giới, cắm mốc; tăng cường hoạt động đối ngoại, đặc biệt là quan hệ đối ngoại giữa Ban chỉ đạo phân giới, cắm mốc và nhóm phân giới, cắm mốc, giữa các huyện giáp biên giới, các đồn biên phòng và nhân dân sát biên của tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) để tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau nhằm đẩy nhanh tiến độ phân giới, cắm mốc. Ban chỉ đạo phân giới, cắm mốc của tỉnh phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn các ngành, các huyện tuyên truyền nội dung Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, các biên bản phiên họp vòng 13 cấp Chính phủ, biên bản họp vòng 19 cấp Chủ tịch Ủy ban liên hợp phân giới, cắm mốc, những khu vực quy thuộc sau khi phân giới, cắm mốc đến cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là nhân dân các huyện biên giới, để mọi người nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng; đồng thời, thấy rõ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với công tác phân định biên giới lãnh thổ giữa Việt Nam - Trung Quốc và nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới. Ngày 31/12/2008, Việt Nam và Trung Quốc hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Tại tỉnh Cao Bằng, đến 10h ngày 14/01/2009, nhóm phân giới,

cắm mốc đã tiến hành xây dựng mốc 836 (2) tại khu vực hạ lưu thác Bản Giốc, mốc cuối cùng trên tuyến biên giới Cao Bằng (Việt Nam) - Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), hoàn thành toàn bộ công tác phân giới, cắm mốc ở ngoài thực địa. Kết quả công tác phân giới, cắm mốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thể hiện sự tập trung nhiều thời gian, công sức, trí tuệ, nỗ lực vượt bậc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, chính quyền và của các cấp, các ngành, sự cố gắng của lực lượng phân giới, cắm mốc và sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã vượt qua bao khó khăn, gian khổ để bảo đảm tiến độ phân giới, cắm mốc.

Ngày 02/02/2009, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 49-CT/TU về đẩy mạnh công tác tuyên truyền kết quả phân giới, cắm mốc và xây dựng biên giới hữu nghị, ổn định lâu dài, hợp tác phát triển giữa Việt Nam - Trung Quốc. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể tích cực tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên, hội viên và nhân dân về tầm quan trọng, ý nghĩa to lớn của việc hoàn thành phân giới, cắm mốc trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; về tình hữu nghị truyền thống lâu đời giữa nhân dân hai nước; về chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước ta coi trọng việc xây dựng, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với Trung Quốc và chủ động, tích cực triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư phát triển vùng biên giới nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nhất là du lịch, thương mại, đầu tư, kinh tế cửa khẩu, giao lưu, hợp tác phát triển giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Sau khi hoàn thành phân giới, cắm mốc trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, trong hai năm 2009-2010, tỉnh đã phối hợp với các bộ, ngành Trung ương hoàn thiện các công việc liên quan đến phân giới, cắm mốc; tổ chức kiểm tra chất

lượng mốc giới và các công trình xây dựng cơ bản phân giới, cắm mốc khác.

Trong công tác nội chính, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn tỉnh đã phối hợp chặt chẽ trong quá trình tiến hành tố tụng; công tác kiểm sát, xét xử được tiến hành chặt chẽ, bảo đảm trình tự, đúng luật định, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác cải cách tư pháp, trợ giúp pháp lý được thực hiện có hiệu quả. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm, nhiều vụ việc tồn đọng kéo dài cơ bản được giải quyết, đơn thư vượt cấp giảm, không có điểm nóng, khiếu kiện đông người. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở các cấp, các ngành được đẩy mạnh, ý thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng được nâng lên.

Thực hiện Quyết định số 286/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chương trình quốc gia xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2006-2010, tỉnh Cao Bằng đã thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho 21 tổ chức phi chính phủ với 27 dự án có tổng giá trị 2,158 triệu USD đầu tư vào Cao Bằng.

Trong công tác chính trị, tư tưởng, Đảng bộ tỉnh chú trọng chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng, giáo dục lý tưởng, phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Chỉ đạo tuyên truyền kịp thời, sâu rộng các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của Đảng bộ tỉnh, nhất là việc học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân

dân về tinh thần cảnh giác, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa; tuyên truyền ý nghĩa của kết quả công tác phân giới, cắm mốc trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc và chủ trương của Đảng về xây dựng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài, hợp tác phát triển.

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị về tổ chức Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, ngày 28/01/2007, tại Lễ mít tinh kỷ niệm 66 năm Ngày Bác Hồ về nước (28/01/1941 - 28/01/2007), 77 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2007), Tỉnh ủy đã phát động triển khai thực hiện Cuộc vận động trong toàn tỉnh. Sau lễ phát động, cấp ủy các cấp đã thành lập Ban chỉ đạo Cuộc vận động do đồng chí Bí thư cấp ủy làm Trưởng Ban, Ban Tuyên giáo làm cơ quan thường trực, trực tiếp giúp việc Ban chỉ đạo triển khai Cuộc vận động; đồng thời phân công các thành viên trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Cuộc vận động. Việc tổ chức học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo các chủ đề được triển khai sâu rộng, nghiêm túc trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị¹. Tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia đạt trên 90%; sau học tập đều tiến hành viết thu hoạch cá nhân, đồng thời liên hệ và đề ra các chỉ tiêu phấn đấu thực hiện theo tấm gương đạo đức của Bác.

1. Kết quả, toàn tỉnh đã tổ chức được 1.051 lớp, với trên 117.990 lượt cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tham gia học tập các chuyên đề của Cuộc vận động.

Công tác tuyên truyền về Cuộc vận động được thực hiện thường xuyên, duy trì và nâng cao chất lượng chuyên mục “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh. Cuộc thi sáng tác, quảng bá các tác phẩm báo chí, văn học - nghệ thuật về chủ đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được Ban chỉ đạo tỉnh phát động từ ngày 21/06/2008 và tổ chức sơ kết năm 2009 (Đợt I), triển khai nhiệm vụ năm 2010 (Đợt II) vào ngày 03/2/2010. Kết quả có 404 tác phẩm đã được các cơ quan báo chí trong tỉnh đăng tải. Ban chỉ đạo tỉnh đã tổ chức chấm thi, trong đó có 12 tác phẩm đạt giải, gồm 01 giải A, 03 giải B, 03 giải C và 5 giải khuyến khích.

Hội thi “Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được chỉ đạo triển khai đồng bộ và có hiệu quả từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh. Ban chỉ đạo Trung ương đã chọn tỉnh Cao Bằng làm điểm chỉ đạo Hội thi “Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Hội thi đã trở thành một đợt sinh hoạt tư tưởng rộng rãi trong toàn Đảng bộ; các thí sinh tham gia nhiệt tình với tinh thần trách nhiệm cao, đã mang đến Hội thi những câu chuyện kể xúc động, giúp người nghe hiểu thêm về tư tưởng, tấm gương đạo đức của Bác, từ đó mỗi người tự nhìn nhận, đánh giá lại mình để ra sức phấn đấu, rèn luyện, học tập và làm theo Bác. Sau Hội thi cấp tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh đã chọn cử đội thí sinh của tỉnh tham gia Hội thi “Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” khu vực tổ chức tại tỉnh Thái Nguyên và đạt giải cao trong Hội thi.

Hơn 4 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị về tổ chức Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đã tạo sự

chuyển biến tích cực trong rèn luyện đạo đức, lối sống, phong cách làm việc, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Các địa phương, đơn vị và mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân đã có nhiều biện pháp, cách làm sáng tạo để lồng ghép việc thực hiện Cuộc vận động với thực hiện nhiệm vụ chính trị chuyên môn, các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và chức trách nhiệm vụ của từng tập thể, cá nhân, coi việc thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động là động lực để thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các cơ quan, đơn vị đã chú trọng đổi mới lề lối làm việc theo hướng khoa học, hiệu quả, gắn nội dung Cuộc vận động với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai, mở rộng dân chủ trong cơ quan, đơn vị, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; phát huy trí tuệ tập thể, điều hành và chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân. Cấp ủy các cấp đã tập trung lãnh đạo, đẩy mạnh việc thực hiện “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, giáo dục cán bộ, đảng viên tích cực học tập, lao động, đảm bảo công khai, dân chủ trên các lĩnh vực. Cán bộ, đảng viên nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tích cực tu dưỡng, rèn luyện để có lương tâm, đạo đức nghề nghiệp trong sáng; nâng cao tính kỷ luật, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua thực hiện Cuộc vận động, xuất hiện ngày càng nhiều điển hình tiên tiến làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Ban chỉ đạo Cuộc vận động các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các ngành chỉ đạo điểm đã tổ chức được 22 cuộc

gặp mặt, giao lưu, tọa đàm và biểu dương, khen thưởng gần 100 tập thể và hơn 300 cá nhân điển hình xuất sắc làm theo tấm gương đạo đức của Bác; cấp tỉnh tổ chức gặp mặt, giao lưu, biểu dương 27 tập thể và 48 cá nhân điển hình xuất sắc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Trong những năm 2005-2010, Đảng bộ tỉnh luôn chăm lo xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ; tạo sự chuyển biến rõ rệt trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được duy trì thường xuyên, gắn với thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” nhằm xây dựng, củng cố tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa X. Đảng bộ chỉ đạo thực hiện có nền nếp công tác tự phê bình và phê bình, thực hiện công tác đánh giá chất lượng các tổ chức đảng và đảng viên gắn với kiểm điểm tập thể và cá nhân. Những tập thể cấp ủy và cá nhân đảng viên có vấn đề được nhân dân quan tâm góp ý, kiến nghị được làm rõ. Do đó đã khắc phục cơ bản tình trạng buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện làm thay; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ; đoàn kết nhất trí trong Đảng được nâng lên.

Đảng bộ tỉnh đã có nhiều đổi mới về nội dung, phương pháp thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ, cụ thể như việc đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ; tạo sự chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Công tác quy hoạch cán bộ các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương được rà soát, bổ sung kịp thời, tạo sự chủ động hơn cho đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ. Nguồn cán bộ có

nhiều đổi mới với việc chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, cán bộ có trình độ chuyên môn cao và cán bộ dự nguồn các chức danh lãnh đạo, quản lý từ tỉnh đến cơ sở.

Việc luân chuyển, đề bạt, điều động, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy định. Quy trình đề bạt, bổ nhiệm cán bộ được đổi mới theo hướng mở rộng dân chủ, công khai. Nhiều địa phương, đơn vị có cán bộ được luân chuyển, điều động, bổ nhiệm mới hoạt động có chuyển biến tích cực. Trong 5 năm 2006-2010, Đảng bộ đã đánh giá, bổ nhiệm 375 cán bộ; giới thiệu 96 cán bộ ứng cử, bổ sung các chức vụ chủ chốt hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân của 13 huyện, thị; luân chuyển 255 cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có năng lực được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn. Đã đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, lý luận chính trị cho 7.048 cán bộ, trong đó có 1.638 cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm gắn với quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ, tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số ít người tăng lên.

Lề lối làm việc, công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng có bước đổi mới, chú trọng lựa chọn những khâu còn yếu, những vấn đề trọng tâm để tập trung chỉ đạo. Công tác quản lý đảng viên tại cơ quan và nơi cư trú được tăng cường; chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ được nâng cao. Công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh được gắn với xây dựng, củng cố chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và tổ chức các phong trào thi đua. Công tác phát triển đảng viên mới được chú trọng cả ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số ít người, vùng có đạo, giúp chất lượng đảng viên được nâng lên rõ rệt. Hầu hết các tổ chức cơ sở đảng giữ vững và phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, dân chủ trong Đảng, trong xã hội được mở rộng hơn.

Thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2006-2010, các cấp ủy đảng thường xuyên được củng cố, kiện toàn, chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Đảng bộ tỉnh đã sắp xếp, kiện toàn 288 tổ chức cơ sở đảng, thành lập mới 49 tổ chức cơ sở đảng; kết nạp được 10.120 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh lên 36.705 đồng chí; tăng thêm 606 xóm có chi bộ, 100% xóm có đảng viên (hoàn thành mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra trước một năm).

Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp được tăng cường và có nhiều đổi mới. Tỉnh ủy chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát; ban hành nghị quyết về công tác kiểm tra, quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra; quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng giữa Ủy ban Kiểm tra với các tổ chức đảng và các cơ quan liên quan, với Thanh tra cùng cấp. Quan tâm củng cố, kiện toàn bộ máy Ủy ban Kiểm tra và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra các cấp. Các cấp ủy đảng đã kiểm tra 1.614 tổ chức đảng và 3.542 đảng viên; giám sát 295 tổ chức đảng cấp dưới và 1.440 đảng viên. Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tích cực thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, tiến hành kiểm tra được 2.359 lượt tổ chức cơ sở đảng, 41.386 lượt đảng viên; giải quyết 18/18 đơn thư tố cáo đối với tổ chức đảng và 204/227 đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với đảng viên thuộc thẩm quyền giải quyết. Qua kiểm tra, cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã xử lý kỷ luật 22 tổ chức đảng, 470 đảng viên. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng đã có tác dụng tích cực trong việc giáo dục đảng viên, góp phần

nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng, hạn chế sai phạm, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Hệ thống tổ chức bộ máy công tác dân vận các cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn, phương thức hoạt động công tác dân vận được đổi mới, hướng mạnh về cơ sở. Nội dung, phương thức hoạt động và các chương trình hành động cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nên công tác vận động quần chúng đã góp phần tích cực đưa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng vào cuộc sống; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và mở rộng. Phong trào quần chúng tham gia các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ngày càng phát triển và mang lại hiệu quả thiết thực. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện. Mô hình “Dân vận khéo” ở khu dân cư, “Năm dân vận chính quyền” được chỉ đạo triển khai thực hiện có kết quả. Mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân ngày càng được củng cố, nâng cao, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Các chủ trương, giải pháp phòng ngừa tham nhũng được thực hiện khá toàn diện. Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Đồng thời, tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về

phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đề cao vai trò, trách nhiệm gương mẫu của đảng viên; hoàn thiện cơ chế, chính sách về công tác tổ chức, cán bộ để phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Công tác phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng được đặc biệt quan tâm. Các cơ quan chức năng đã tiến hành 878 cuộc thanh tra, kiểm tra về kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách, phát hiện sai phạm trị giá trên 25 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi, khắc phục hậu quả trên 19 tỷ đồng, khởi tố, điều tra xét xử 11 vụ liên quan tham nhũng. Việc xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lãng phí đã góp phần tích cực vào việc giáo dục, phòng ngừa, hạn chế các hành vi tham nhũng.

Với sự lãnh đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thường xuyên thăm hỏi, động viên, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, tổ chức Ngày hội đại đoàn kết các dân tộc với không khí đầm ấm, vui tươi. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” trở thành phong trào sôi nổi trong nhân dân với nhiều mô hình, sáng kiến hay, cách làm hiệu quả. Hằng năm, số gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa và phong trào ủng hộ xây dựng nhà văn hóa, ủng hộ “Quỹ vì người nghèo” đều tăng. Năm 2006, có 59.243/99.835 gia đình đạt gia đình văn hóa, có 1.897/2.466 khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa; nhân dân ủng hộ xây dựng được 132 nhà văn hóa. Đến năm 2010, toàn tỉnh có 73% gia đình, trên 50% khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa; xây dựng được 223 nhà văn hóa và hỗ trợ trên 2.000 hộ nghèo xóa nhà dột nát. Công tác giám sát và phản biện xã hội được triển khai đồng bộ. Mặt trận Tổ quốc các cấp đã cử đại diện tham gia các đoàn giám sát của các cơ quan nhà nước ở địa phương, trong đó đã thực hiện tốt giám sát việc

giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các vụ việc gây bức xúc trong nhân dân.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiều hoạt động sôi nổi thu hút đoàn viên, thanh niên tham gia. Trong phong trào “Thanh niên thi đua học tập, tiến quân vào khoa học”, khối trường học đẩy mạnh thi đua dạy tốt - học tốt, xây dựng “Quỹ học bổng” với tổng số tiền trên 230 triệu đồng để tặng thưởng học sinh đạt thành tích xuất sắc; khối cơ quan, doanh nghiệp có 87 đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục, nâng cao năng suất lao động. Trong phong trào “Thanh niên thi đua lập nghiệp”, đoàn viên, thanh niên đã mạnh dạn vay vốn trên 130 tỷ đồng đầu tư phát triển kinh tế. Trong phong trào “Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng”, các cấp bộ đoàn tổ chức 918 đợt ra quân tình nguyện với 173.956 lượt đoàn viên tham gia; quyên góp xây dựng 178 nhà đoàn kết, 423 công trình thanh niên; ủng hộ trên 308 triệu đồng, 22.375 ngày công giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sỹ. Công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng được các cấp bộ đoàn tổ chức nhiều phong trào như: “Nói lời hay, làm việc tốt”, “Thiếu nhi Việt Nam thi đua thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy”, “Thiếu nhi vui khỏe, tiến bước lên Đoàn” và biểu dương, khen thưởng kịp thời thiếu niên, nhi đồng trong học tập, rèn luyện.

Công tác Công đoàn có nhiều hoạt động thiết thực. Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với Công đoàn ngành công nghiệp Việt Nam tặng 13 máy cày cho nông dân các huyện Hòa An, Hà Quảng và Thị xã; phối hợp với Công đoàn Tổng Công ty thép Việt Nam tặng “Nhà đại đoàn kết” cho 9 gia đình chính sách, lao động nghèo thuộc huyện Hòa An; xây dựng ký túc xá cho học sinh xã Đại Tiến (huyện Hòa An); phối hợp với Công đoàn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng Trường mầm non xã Tam Kim (huyện Nguyên Bình);

phối hợp với Công đoàn Dầu khí Việt Nam xây dựng Trường mầm non xã Đoài Khôn (huyện Quảng Uyên); hỗ trợ xã Thụy Hùng (huyện Thạch An) xây 1 nhà mẫu giáo. Thực hiện “Chương trình phát triển 1 triệu đoàn viên, thành lập công đoàn xã, phường và phát triển công đoàn ngoài quốc doanh”, các cấp công đoàn phát triển được 5.081 đoàn viên; thành lập 11 công đoàn cơ sở với 635 đoàn viên. Ở 194 xã, phường đã thành lập công đoàn cơ sở với 3.456 đoàn viên. Các cấp Công đoàn cụ thể hóa việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” phong trào thi đua của các đơn vị như: Công đoàn ngành giáo dục - đào tạo với phong trào “Dạy tốt - Học tốt”; Công đoàn ngành y tế với phong trào “Thực hiện 12 điều y đức”; Công đoàn viên chức với phong trào “Trung thành - Sáng tạo - Tận tụy - Gương mẫu”.

Sau Đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2006-2011 (tổ chức trong hai ngày 14 và 15/11/2006), các cấp hội đã tổ chức nhiều phong trào thi đua yêu nước. Nổi bật là phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, các cấp hội đã gắn phong trào với Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và lựa chọn nội dung thi đua phù hợp với từng đối tượng như: Phụ nữ nông thôn tích cực học tập tiếp thu kiến thức khoa học - kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; chị em doanh nhân học tập nâng cao kiến thức, kỹ năng kinh doanh, văn minh thương mại; chị em công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Phong trào “Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình” đã khơi dậy truyền thống tương thân tương ái trong chị em. Chị em đã giúp nhau cấy giống, con giống, công lao động, đất canh tác, vay vốn không lãi. Trong 5 năm 2006-2010, có 62.734 lượt chị em tự nguyện giúp 28.382 phụ nữ nghèo.

Công tác Hội Nông dân và phong trào nông dân tiếp tục có bước phát triển mới với nhiều chương trình thu hút đông đảo hội viên tham gia. Thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng đời sống nông dân, các chi hội nông dân nhận giúp đỡ các hộ nghèo vay vốn không lãi, vay giống cây trồng, cho mượn đất canh tác, giúp công lao động sản xuất; ủng hộ tiền, công lao động xóa được 174 nhà tạm cho hộ nghèo và hàng năm có gần 2.000 hộ vươn lên thoát nghèo. Riêng trong giai đoạn 2003-2008, Hội Nông dân các cấp đã biểu dương 20.702 hộ sản xuất, kinh doanh giỏi, trong đó có 47 hộ đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi cấp Trung ương; 607 hộ đạt cấp tỉnh; 3.007 hộ đạt cấp huyện, thị và 17.041 hộ đạt cấp cơ sở. Cùng với phong trào này, Hội Nông dân tỉnh xây dựng 5 câu lạc bộ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại 5 xã vùng cao (xã Ngũ Lão, huyện Hòa An; xã Quốc Toản, huyện Trà Lĩnh; xã Thái Học, huyện Nguyên Bình; xã Đức Thông, huyện Thạch An; xã Trường Hà, huyện Hà Quảng). Hội Nông dân các xã còn thành lập câu lạc bộ “Bạn giúp bạn” nhằm giúp đỡ các đối tượng nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng.

Hội Cựu chiến binh có nhiều hoạt động tích cực như: động viên hội viên tích cực tham gia đấu tranh chống âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; phòng, chống các tệ nạn xã hội; tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Ở các địa phương, hội viên tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào trồng cây thuốc lá, trồng mía nguyên liệu, trồng trúc sào và tham gia thực hiện Chương trình phát triển đàn bò của tỉnh, hội viên đã chăn nuôi 45.000 con trâu, bò, bình quân đạt 2,4 con/1 hội viên. Do vậy, hàng năm tỷ lệ hộ nghèo trong Hội Cựu chiến binh giảm 2,2%. Cùng với các hoạt động này, các cấp hội thường xuyên tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự, vận động thanh niên nhập ngũ; phối hợp

với các đồn biên phòng, các xã biên giới vận động thanh niên tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp tích cực hoạt động, có nhiều đóng góp vào việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hội Nhà báo tham gia định hướng tuyên truyền, bồi dưỡng nghiệp vụ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đội ngũ những người làm báo. Hội Luật gia tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật. Hội Y học cổ truyền giữ gìn và phát huy những bài thuốc giá trị cổ truyền của các dân tộc trong điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hội Chữ thập đỏ tích cực tham gia cứu trợ khó khăn, giúp đỡ nhân dân bị thiệt hại do thiên tai. Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật phổ biến tiến bộ khoa học - kỹ thuật; tổ chức các cuộc thi hội thi sáng tạo khoa học - kỹ thuật; thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện... đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong 5 năm 2006-2010, với sự quyết tâm phấn đấu cao của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Cao Bằng đạt được thành tựu quan trọng. Kinh tế phát triển với nhịp độ tăng trưởng 11,5%/năm; cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp (công nghiệp - xây dựng chiếm 20%; thương mại - dịch vụ chiếm 47,7%; nông - lâm nghiệp chiếm 32,3%); tạo ra sự khởi sắc trong phát triển công nghiệp, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; tốc độ tăng thu ngân sách đạt khá cao (20,2%/năm). Thu hút đầu tư đạt kết quả, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đã đầu tư xây dựng, phát triển sản xuất kinh doanh như: khai thác, chế biến khoáng sản; thủy điện; trồng rừng, chế biến lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Hệ thống đường giao thông nông thôn, kênh, mương thủy lợi, trường học được mở rộng,

phát triển đến vùng sâu, vùng xa; kết cấu hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, xã hội tiếp tục có bước chuyển biến tiến bộ. Công tác quốc phòng, an ninh tiếp tục được củng cố và giữ vững, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc đúng tiến độ; quan hệ đối ngoại được tăng cường và mở rộng, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các tổ chức trong hệ thống chính trị từng bước được nâng lên. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được triển khai sâu rộng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, việc xây dựng và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện 9 chương trình trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI thể hiện quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010, Cao Bằng vẫn còn một số hạn chế: Kinh tế phát triển còn chậm; đời sống của một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, kết cấu hạ tầng còn thiếu và yếu; chất lượng các hoạt động văn hóa, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, một số vấn đề nổi cộm, bức xúc chưa được giải quyết kịp thời. Cao Bằng vẫn còn là một trong những tỉnh nghèo, còn nhiều khó khăn.

Chương IX
ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG
LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC
ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN, TẠO THỂ VÀ LỰC MỚI
TRÊN CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN
(2011-2020)

I. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI,
MỞ RỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ (2011-2015)

Sau 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế đất nước có bước phát triển mạnh mẽ, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đối với tỉnh Cao Bằng, những thành tựu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đã đạt được trong 5 năm 2006-2010 là điều kiện quan trọng tạo đà cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, mở rộng hội nhập quốc tế, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 04/8/2009 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, từ ngày 20 đến ngày 22/10/2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2010-2015 được tổ chức tại thị xã Cao Bằng. Tham dự Đại hội có 350 đại biểu ưu tú, đại diện cho hơn 36.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội kiểm

điêm sâu sắc quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã đề ra. Trên cơ sở tổng kết những kết quả đạt được, cũng như thẳng thắn nhìn nhận mặt hạn chế, tồn tại. Đại hội đã đề ra phương hướng phát triển kinh tế - xã hội là: “Tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh; kết hợp khai thác nội lực với thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài; chú trọng chất lượng tăng trưởng; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giảm nghèo nhanh và bền vững; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại; hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; bảo vệ và cải thiện tốt môi trường sinh thái; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh”¹.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát: “Phát huy truyền thống cách mạng; đoàn kết, dân chủ, đổi mới; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, hiệu lực quản lý và điều hành của chính quyền; huy động mọi nguồn lực sớm đưa Cao Bằng ra khỏi tình trạng kém phát triển”.

Để đạt được mục tiêu trên Đại hội đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: Tập trung nguồn lực tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững; tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp; phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; đầu tư đúng mức cho thương mại - dịch vụ; ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội,

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XVII (2010-2015)*, Cao Bằng, 2010, tr. 55.

tập trung phát triển vùng động lực; tạo bước chuyển biến mới về chất lượng trên các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo; giảm nghèo nhanh và bền vững, giải quyết tốt các chính sách xã hội, chính sách dân tộc; tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh; đẩy mạnh công tác đối ngoại, cải cách tư pháp, cải cách hành chính; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 55 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí. Đồng chí Hà Ngọc Chiến được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Hoàng Trung Phong được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Đinh Quế Hải được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Hoàng Anh được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đại hội đã bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, gồm 15 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết, do đồng chí Hà Ngọc Chiến, Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn.

Phát huy những thành tựu đã đạt được, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đoàn kết một lòng, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra.

Từ ngày 12 đến ngày 19/01/2011, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã xác định mục tiêu tổng quát trong 5 năm 2011-2015: “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới;

xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”¹.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng là định hướng quan trọng cho Đảng bộ tỉnh Cao Bằng cụ thể hóa triển khai thực hiện, tiếp tục vượt qua khó khăn, thách thức; đẩy mạnh công cuộc đổi mới, vững bước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và mở rộng hội nhập quốc tế.

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 24, ngày 24/3/2015, đồng chí Nguyễn Hoàng Anh được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2010-2015, thay đồng chí Hà Ngọc Chiến được điều động làm Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã xây dựng quy chế, xác định chương trình công tác toàn khoá.

Đặc biệt, Tỉnh ủy đã xây dựng và chỉ đạo thực hiện 06 chương trình trọng tâm gồm: (1) Chương trình phát triển sản xuất hàng hóa nông, lâm nghiệp; (2) Chương trình phát triển hạ tầng giao thông; (3) Chương trình xây dựng, phát triển thị xã Cao Bằng; (4) Chương trình phát triển

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.32-33.

kinh tế cửa khẩu; (5) Chương nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở; (6) Chương trình phát triển du lịch. Trên cơ sở đó, các cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng kế hoạch thực hiện. Dưới sự giám sát của Hội đồng nhân dân, sự điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, các chủ trương, đường lối của Đảng được triển khai tích cực, tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững phù hợp với thực tế và tiềm năng của tỉnh.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiếp tục xác định, vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Nhằm tạo bước đột phá trong nông nghiệp, Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 07-CT/TU ngày 29/4/2011 về phát triển sản xuất hàng hóa nông, lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015. Trong đó, quan tâm đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ xây dựng nông thôn, cải thiện và nâng cao đời sống nông dân.

Trong những năm 2011-2015, thời tiết diễn biến bất thường, rét đậm, rét hại, hạn hán kéo dài, thiếu nước ảnh hưởng đến sản xuất nông, lâm nghiệp. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các địa phương đã chủ động khắc phục khó khăn trong công tác thủy lợi, ngành nông nghiệp thực hiện chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các biện pháp thâm canh, kết hợp tăng năng suất, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh trên thị trường, do đó, tổng sản lượng lương thực có hạt hàng năm vẫn tăng: năm 2011 đạt 240 nghìn tấn; năm 2015 đạt 262,6 nghìn tấn. Bình quân lương thực đạt 488 kg/người. Bước đầu hình thành các

vùng sản xuất hàng hóa có chất lượng như: thuốc lá, mía, trúc sào, nguyên liệu sắn¹...

Nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông - lâm nghiệp đã tạo ra các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao, tốc độ tăng trưởng nhanh, khả năng kháng bệnh và chống chịu được môi trường khí hậu khắc nghiệt. Tỷ lệ giống mới: lúa 35%, ngô 80%, thuốc lá 100%, mía 45%, lợn lai 47%; đồng thời, phục tráng, bảo tồn, cải tạo các loại giống cây lương thực, cây ăn quả đặc sản có thể mạnh của địa phương như: cam Trưng Vương, quýt Hà Trì, quýt Trà Lĩnh, bưởi Phục Hoà...

Ngành chăn nuôi phát triển khá, giá trị sản lượng tăng trên 7%/năm, chiếm trên 32% trong cơ cấu ngành nông nghiệp; kinh tế trang trại, gia trại đã được hình thành và phát triển; một số sản phẩm như thịt bò, lợn đen... bước đầu xây dựng được thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ. Do làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, phòng tránh đói

1. Tổng diện tích trồng thuốc lá toàn tỉnh tăng từ 541,8 ha (năm 2011) lên 3.689,5 ha (năm 2015). Vùng sản xuất mía đạt 2.732,53/3.000 ha; năng suất mía bình quân đạt 62,9/70 tấn/ha; sản lượng mía đạt 172.135/210.000 tấn/năm. Vùng trồng trúc sào năm 2015 đạt tổng diện tích 3.268,7/3.000 ha, diện tích đã cho khai thác là 1.600 ha, sản lượng khai thác đạt trên 10 triệu cây/năm, tăng 33% so với năm 2010. Dự án nhà máy chế biến tinh bột sắn Cao Bằng được khởi công từ năm 2011, đến tháng 11/2014 bắt đầu đi vào sản xuất. Tổng diện tích trồng sắn nguyên liệu là 2.725 ha; năng suất bình quân hằng năm đạt từ 15-17 tấn/ha.

rét nên đàn gia súc, gia cầm cơ bản phát triển ổn định. Từ năm 2011 đến năm 2015, tổng đàn gia súc có tăng nhưng chậm: đàn trâu từ 102.668 con lên 104.000 con; đàn bò từ 125.599 con lên 128.000 con; đàn lợn từ 367.599 con lên 389.000 con. Tuy nhiên, Dự án phát triển đàn bò thuộc Chương trình số 07-CT/TU ngày 29/4/2011 của Tỉnh ủy về phát triển sản xuất hàng hóa nông, lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015 không đạt được mục tiêu đề ra¹.

Về lâm nghiệp, công tác quy hoạch, quản lý và bảo vệ rừng thực hiện tốt, tài nguyên rừng từng bước được phục hồi. Những năm đầu, do khó khăn trong việc giao mặt bằng, giao đất lâm nghiệp; một số chủ đầu tư chưa chủ động triển khai kế hoạch trồng rừng... nên kết quả đạt thấp. Năm 2011, trồng rừng tập trung đạt 484 ha; năm 2013, đạt 1.334,3 ha. Những năm sau, công tác trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng có chuyển biến tích cực, kết quả đạt cao hơn các năm trước, năm 2015 đạt 2.057,9 ha, độ che phủ rừng đạt 51%. Tỉnh đã thu hút được một số doanh nghiệp đầu tư vào trồng rừng sản xuất gắn với chế biến các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ như: vầu, trúc, giang, nứa, song mây, nhựa thông, lá dong, măng tươi, mộc nhĩ²... Tổng kết cả giai đoạn 2011-2015, trồng rừng của tỉnh được 7.179 ha.

1. Tổng các nguồn vốn đã đầu tư cho dự án phát triển đàn bò từ năm 2011-2014 là 52,5 tỷ đồng. Tính đến ngày 01/4/2015, tổng đàn bò là 126.433 con, giảm 3.567 con so với năm 2010, nguyên nhân do bò bị chết vì rét đậm, rét hại trong năm 2011 (hơn 11.000 con).

2. Sản lượng năm 2015: gỗ 19.803,4 m³, vầu 883,5 nghìn cây; tre 657,1 nghìn cây; trúc 6.412,3 nghìn cây; giang, nứa 1.100 nghìn cây; nhựa thông 66,1 tấn; quế 45,4 tấn; lá dong 6.499,9 nghìn lá; măng tươi 337,8 tấn; mộc nhĩ 4,2 tấn.

Công tác định canh, định cư được quan tâm, tình trạng du canh, du cư, phá rừng làm rẫy và di dân tự do cơ bản đã được ngăn chặn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống ở vùng đồng bào dân tộc. Thực hiện hiệu quả chính sách tạo việc làm và dạy nghề cho lao động nông thôn, từ năm 2011 đến năm 2015 đã đào tạo, dạy nghề cho 2.646 lao động thuộc hộ nghèo, giúp 47.313 lao động có việc làm. Đồng thời, đã hỗ trợ chi phí học tập cho 336.208 học sinh, sinh viên nghèo với tổng kinh phí 156.939 triệu đồng. Ngành lao động, thương binh và xã hội đã mua 1.754.720 lượt thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người dân tộc thiểu số với kinh phí 899.296 triệu đồng; hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho 3.448 lượt người thuộc hộ cận nghèo, kinh phí 1.849 triệu đồng. Thực hiện khám, chữa bệnh cho 1.842.616 lượt người nghèo, người dân tộc thiểu số, tổng kinh phí 321.663 triệu đồng.

Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 18/10/2011 về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/7/2012 về Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2012-2020; Nghị quyết số 31/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 về huy động nguồn lực và quy định mức hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2015-2020. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 08/7/2015 về thực hiện Nghị quyết số 31/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tỉnh Cao Bằng có 177/199 xã, phường, thị trấn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Giai đoạn 2011-2015, tổng vốn thực hiện trên 517 tỷ đồng.

Bình quân toàn tỉnh đạt 6,46 tiêu chí/xã. Đến tháng 12/2015 có 02 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình và xã Trường Hà, huyện Hà Quảng. Toàn tỉnh có 41 xã đạt từ 2-4 tiêu chí; 117 xã đạt từ 5-9 tiêu chí; 14 xã đạt 10-14 tiêu chí; 03 xã đạt từ 15-18 tiêu chí. Chương trình đã được đông đảo người dân đồng tình hưởng ứng, nhiều hộ dân đã hiến đất, vật liệu, tiền và hàng vạn ngày công lao động để xây dựng đường làng, ngõ xóm, nhà văn hóa thôn, xóm, công trình thủy lợi, nước sạch, nhà vệ sinh, cơ sở vật chất y tế, văn hoá, giáo dục... góp phần xây dựng thôn, xóm khang trang, sạch đẹp; thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên. Trong 5 năm đã mở mới được 435 km đường huyện, 285,7 km đường xã, 702 km đường thôn, xóm; nhựa hóa 60% đường huyện, cứng hóa 34,7% mặt đường tuyến xã, 41,7% đường thôn, xóm; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã, đảm bảo thông suốt, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Có 910/3.560 công trình thủy lợi do xã quản lý đã được cải tạo, nâng cấp; 1.548/3.964 km kênh mương nội đồng do xã quản lý được kiên cố hóa; 23.043 ha diện tích đất trồng trọt được các công trình thủy lợi do xã quản lý tưới tiêu chủ động.

Giao thông và thủy lợi được đầu tư, nâng cấp nên sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn có những chuyển biến tích cực. Sản xuất nông nghiệp đã dần chuyển sang sản xuất hàng hóa, hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp như: thuốc lá trên địa bàn huyện Hà Quảng, Hòa An, Thông Nông...; mía ở các huyện Phục Hòa, Thạch An, Hạ Lang; trúc sào ở các huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thông Nông; hồi ở các huyện Trà Lĩnh, Thạch An, Bảo Lạc, Bảo Lâm; sản nguyên liệu tại các huyện; chè chất lượng cao ở

Phja Đén, huyện Nguyên Bình. Các vùng sản xuất đã góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân, bộ mặt nông thôn từng bước được thay đổi.

Trên lĩnh vực công nghiệp, trong điều kiện khó khăn chung, tỉnh đã thu hút được các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp, tạo bước chuyển biến mới và xác định phương hướng: tập trung vào công nghiệp chế biến khoáng sản, nông, lâm sản và thủy điện. Các doanh nghiệp quan tâm đầu tư thiết bị, mở rộng sản xuất, hoạt động tương đối ổn định và hiệu quả như: Nhà máy feromangan Tây Giang, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng, Công ty điện lực Cao Bằng, Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Chu Trinh, Công ty cổ phần chế biến trúc tre xuất khẩu Cao Bằng... Tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân đạt 4,4%/năm. Năm 2011, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 484,435 tỷ đồng; năm 2014, đạt 1.993,6 tỷ đồng; năm 2015, đạt 1.320 tỷ đồng, giảm 40,3% so với năm 2014 do hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, một số dự án tiến độ thực hiện còn chậm hoặc tạm dừng triển khai do các nhà đầu tư khó khăn về năng lực tài chính hoặc đầu tư không còn hiệu quả, như: thủy điện Hòa Thuận, Tiên Thành (huyện Phục Hòa), Hoa Thám (huyện Nguyên Bình), các dự án khai thác chế biến khoáng sản Bảo Lâm...

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tư nhân, hộ cá thể, hợp tác xã có sản phẩm chủ yếu là chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, khai thác đá, cát, sỏi... Ngoài ra, các làng nghề truyền thống cũng được Nhà nước hỗ trợ phát triển như: làng nghề dệt thổ cẩm Hòa An, Hà Quảng; nghề đúc, rèn Phúc Sen (huyện Quảng Uyên). Bên cạnh đó, tỉnh quan tâm hỗ trợ truyền nghề, đào tạo nghề, khôi phục và phát triển nghề truyền thống: chạm khắc bạc, dệt, đan lát, làm giấy dó..., tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tuy đã có bước phát triển nhưng quy mô sản xuất nhỏ, trang thiết bị, công nghệ lạc hậu, chưa có nhiều sản phẩm có giá trị cao. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu; kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp chưa được đầu tư đồng bộ. Một số cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề hoạt động kém hiệu quả. Các cơ sở sản xuất giảm, năm 2010 là 1.675 cơ sở, đến năm 2015 chỉ còn trên 1.500 cơ sở hoạt động.

Hệ thống thương mại và dịch vụ được mở rộng, mạng lưới chợ được quan tâm đầu tư. Toàn tỉnh có 83 chợ, 05 siêu thị, ngoài ra, các đại lý bán buôn, bán lẻ được hình thành rộng khắp ở thị trấn, thị tứ nên việc mua bán, luân chuyển hàng hóa ngày càng thuận lợi. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2015 đạt 6.643 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân của giai đoạn 2011-2015 là 15,6%.

Phát triển kinh tế cửa khẩu là một trong 06 chương trình trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII¹. Trên địa bàn tỉnh có 01 cửa khẩu quốc tế là Tà Lùng (huyện Phục Hòa), 02 cửa khẩu chính là Hùng Quốc (huyện Trà Lĩnh), Sóc Giang (huyện Hà Quảng) và nhiều cửa khẩu phụ và lối mở như: Pò Peo (huyện Trùng Khánh), Lý Vạn và Bí Hà (huyện Hạ Lang), Nà Lạn (huyện Thạch An). Kinh phí thực hiện Chương trình số 10-CT/TU ngày 29/4/2011 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2011-2015 là 530,3 tỷ đồng. Nhờ đó, hoạt động xuất, nhập khẩu có chuyển biến tích

1. Chương trình số 10-CT/TU ngày 29/4/2011 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2011-2015 (trọng tâm là Khu kinh tế cửa khẩu Trà Lĩnh).

cực, giai đoạn 2011-2015, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua các cửa khẩu của tỉnh đạt 1.900,24 triệu USD, trong đó, xuất khẩu 828,53 triệu USD; nhập khẩu 1.071,71 triệu USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng tạm nhập tái xuất, lợn, cao su, hạt điều, chì thỏi; hàng nhập khẩu chủ yếu là thiết bị, than cốc, thuốc lá, vải, fero các loại, hóa chất. Tổng thu thuế xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu giai đoạn 2011-2015 là 834,412 tỷ đồng. Nhiều dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu bước đầu có hiệu quả, góp phần tạo việc làm cho người lao động, tăng thu ngân sách địa phương.

Hệ thống doanh nghiệp và hợp tác xã ngày càng phát triển. Năm 2011, toàn tỉnh có 853 doanh nghiệp, 350 hợp tác xã; năm 2015 có 1.107 doanh nghiệp, 390 hợp tác xã. Các doanh nghiệp tập trung chủ yếu ở thành phố Cao Bằng, thị trấn, khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu, hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng cơ bản, khai thác, chế biến khoáng sản và nông nghiệp. Các hợp tác xã, tổ hợp tác dần được đổi mới, hoạt động, phát triển theo hướng trị trường. Nhiều dự án viện trợ phát triển chính thức (ODA) được triển khai quy mô lớn (24 dự án) tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống của người dân, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo.

Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản có nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới đô thị được mở rộng. Nhiều quy hoạch trọng điểm được tiến hành: Quy hoạch vùng tỉnh Cao Bằng đến năm 2030; điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; chương trình phát triển đô thị tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2015-2030.

Trước đòi hỏi của thực tiễn, trên cơ sở kết quả khảo sát, nghiên cứu tình hình phát triển đô thị của tỉnh, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 09-CT/TU ngày 29/4/2011 về xây

dựng, phát triển thị xã Cao Bằng giai đoạn 2011-2015. Thực hiện Chương trình số 09-CT/TU, Ban Thường vụ Thị ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng thành phố Cao Bằng, chỉ đạo tập trung triển khai kế hoạch thực hiện hoàn thành các tiêu chí thành lập thành phố Cao Bằng thuộc tỉnh Cao Bằng. Ngày 24/8/2011, thị xã tổ chức Lễ phát động phong trào thi đua yêu nước “400 ngày đêm xây dựng thị xã Cao Bằng trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Cao Bằng”, phong trào thi đua được các tầng lớp nhân dân thị xã nhiệt tình hưởng ứng. Nguồn vốn đầu tư các dự án nâng cấp hạ tầng đô thị để thành lập thành phố Cao Bằng là 116,5 tỷ đồng. Trên tinh thần tập trung mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, xây dựng thị xã trở thành thành phố trực thuộc tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, đặc biệt là sự cố gắng, nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc thị xã, đến ngày 31/12/2011, toàn bộ 10 tiêu chuẩn thành lập thành phố đều cơ bản đạt theo yêu cầu. Cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp; các dự án hạ tầng đô thị được đẩy nhanh tiến độ; hoàn thành và đưa vào sử dụng một số công trình trọng điểm: Trung tâm Hội nghị tỉnh, Quảng trường trung tâm hành chính tỉnh, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật tại khu đô thị mới, san gạt tổng thể khu trung tâm chính trị Đề Thám... Ngày 25/9/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 60/NQ-CP về thành lập thành phố Cao Bằng thuộc tỉnh Cao Bằng. Thị xã Cao Bằng trở thành thành phố thuộc tỉnh là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng đối với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng; đánh dấu kết quả quá trình nỗ lực phấn đấu liên tục

của nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng, trong đó những đóng góp của nhân dân thị xã giữ vai trò quan trọng, quyết định trong xây dựng, phát triển thành phố.

Đồng thời, để từng bước thực hiện hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, góp phần hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 08-CT/TU ngày 29/4/2011 về phát triển hạ tầng giao thông giai đoạn 2011-2015. Sau 05 năm thực hiện, các tuyến Quốc lộ 3, Quốc lộ 4a được nâng cấp, mở rộng, đáp ứng nhu cầu giao thông, vận tải hàng hóa, hành khách từ Cao Bằng đến Hà Nội. Bộ Giao thông vận tải đã bổ sung tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh vào Quy hoạch phát triển mạng lưới cao tốc Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nhiều tuyến giao thông quan trọng được hoàn thành và đưa vào sử dụng như: đường nối Quốc lộ 4a với Quốc lộ 3, đường Hồ Chí Minh, tỉnh lộ 206, 212, các tuyến đường ra các cửa khẩu¹, đường giao thông nông thôn².

1. Tuyến đường tỉnh 206 (đoạn thị trấn Quảng Uyên - thác Bản Giốc) và tuyến đường tỉnh 212 (đoạn ngã ba Quang Thành - Phja Đén). Đường ra cửa khẩu: tuyến ra lối mở Nà Lạn, Đúc Long, huyện Thạch An và đường vào lối mở Nà Đổng, cửa khẩu Trà Lĩnh, huyện Trà Lĩnh. Một số tuyến đường đến các cửa khẩu chính: đường Hồ Chí Minh ra cửa khẩu Sóc Giang, Quốc lộ 3 - cửa khẩu Tà Lùng, đoạn thị trấn Thanh Nhật - cửa khẩu Lý Vạn, cửa khẩu Thị Hoa...

2. Tổng vốn đầu tư 1.872,8 tỷ đồng, xây dựng mới 435 km, cải tạo, nâng cấp 414 km đường huyện; xây dựng mới 285,7 km, cải tạo, nâng cấp 40,5 km đường xã; xây dựng 702 km đường xóm. Đến hết năm 2013, toàn tỉnh có 199/199 xã, phường, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm đi lại được 4 mùa. Xây dựng mới 8 cầu treo, cải tạo sửa chữa 5 cầu; xây dựng mới và sửa chữa 61 cầu bê tông cốt thép...

Dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. Toàn tỉnh có 01 bến xe khách tại thành phố; 08 đơn vị vận tải hành khách hoạt động trên 40 tuyến, 249 xe chạy tuyến cố định; 05 đơn vị kinh doanh xe taxi. Đặc biệt, cuối năm 2011, loại hình vận tải khách bằng xe buýt của Công ty cổ phần vận tải Hòa Bình được đưa vào hoạt động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, với nhiều ưu điểm như giá rẻ, tần suất hoạt động hàng ngày cao, góp phần giảm áp lực vận tải hành khách đi một số huyện trong tỉnh.

Kết quả thu ngân sách có sự tăng trưởng mạnh, tổng số thu năm sau cao hơn năm trước. Năm 2010 đạt 601,053 tỷ đồng, đến năm 2015 tăng lên 1.405,345 tỷ đồng. Tổng thu giai đoạn 2011-2015 vượt 847,261 tỷ đồng, đạt 119% so với chỉ tiêu Hội đồng nhân dân tỉnh giao (vượt 19%). Chi ngân sách đảm bảo đúng chế độ, đúng mục đích, góp phần thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Các hoạt động tín dụng, ngân hàng bám sát chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tích cực tuyên truyền, triển khai hiệu quả chính sách cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn, phát triển kinh doanh. Đặc biệt là cho các hộ nghèo vay, tích cực chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho các lĩnh vực ưu tiên. Hàng năm, tổng nguồn vốn quản lý và huy động tăng, năm 2011 đạt 5.682 tỷ đồng, tổng doanh số cho vay đạt 4.143 tỷ đồng; năm 2015 tổng nguồn vốn quản lý và huy động đạt 13.086 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay đạt 9.655 tỷ đồng. Đầu tư vốn của ngân hàng đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, thiết thực đóng góp vào công tác xóa đói, giảm nghèo.

Lĩnh vực khoa học - công nghệ đạt kết quả tích cực. Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 06/3/2013; Chỉ thị số 47-CT/TU ngày 11/7/2013 về tăng cường công tác ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Qua đó, đã khai thác hiệu quả các cây trồng có lợi thế của địa phương như: cam Trưng Vương, quýt Hà Trì (huyện Hoà An); quýt Trà Lĩnh; lúa nếp hương Bảo Lạc và Pì Pát (huyện Hoà An); chè Phja Đén (huyện Nguyên Bình); miến dong Thành Công (huyện Nguyên Bình)... Trong hai năm 2013-2014, đã xây dựng 14 mô hình áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; sản xuất được trên 30 nghìn giống cây sạch bệnh để cung cấp cho nông dân và các dự án... Việc đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân.

Về công tác quản lý tài nguyên và môi trường, Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; ban hành Chương trình hành động số 39-CTr/TU ngày 26/8/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tỉnh đã chú trọng công tác phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đến môi trường, khắc phục kịp thời những nơi môi trường bị ô nhiễm; triển khai xây dựng nhà vệ sinh, di dời gia súc ra khỏi gầm nhà sàn;

thực hiện Chương trình cấp nước sinh hoạt khu vực nông thôn bằng nhiều nguồn vốn khác nhau. Tỷ lệ dân cư được dùng nước hợp vệ sinh tăng¹.

Để bảo vệ, khai thác hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 về quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020. Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 09/4/2012 về ngăn chặn, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép gây ô nhiễm nguồn nước sông Hiến, sông Bằng trên địa bàn tỉnh. Qua đó, công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến rõ nét; tình trạng cấp phép tràn lan cơ bản được khắc phục; khuyến khích việc khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, khai thác được thực hiện có hiệu quả. Ủy ban nhân dân tỉnh đã thẩm định và phê duyệt cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 115 mỏ, với tổng số tiền hơn 229,5 tỷ đồng. Nhờ vậy, thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản năm 2012 đạt 151,527 tỷ đồng; năm 2015 đạt 160,456 tỷ đồng.

Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản được triển khai thực hiện thường xuyên theo kế hoạch và thực

1. Năm 2011, tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 82,1%, năm 2015 đạt 85%; năm 2011, tỷ lệ dân cư ở thành thị được dùng nước sạch đạt 70%, năm 2015 đạt 80%.

hiện đột xuất. Trong những năm 2011-2015, đã triển khai 13 cuộc thanh tra và trên 80 cuộc kiểm tra; xử phạt vi phạm hành chính hơn 800 triệu đồng. Tỉnh đã tiến hành khảo sát thực địa, lập 06 đề án điều tra, đánh giá khoáng sản sắt, mangan và vàng với tổng diện tích khu vực dự kiến điều tra, đánh giá trên 20,5 km². Chi phí để lập các đề án trên 2,8 tỷ đồng; chi phí thi công các đề án trên 33 tỷ đồng; 1 đề án được phê duyệt (sắt Bó Lếch - Hào Lịch).

Cùng với việc tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo lĩnh vực văn hóa - xã hội, chú trọng phát triển nguồn nhân lực gắn với giáo dục - đào tạo. Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 12/5/2011 về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 09/02/2012 về tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo giai đoạn 2012-2015; Chương trình hành động số 52-CT/TU ngày 19/12/2014 thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đẩy mạnh thực hiện đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Mạng lưới trường, lớp tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp và mở rộng, đặc biệt là các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào các dân tộc. Năm 2015, toàn tỉnh có 669 trường học và trung tâm, tăng 164 trường so với năm 2010. Tỉnh tiếp tục quan tâm phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục. Năm 2014, 100% giáo viên mầm non, 99,96% giáo viên tiểu học, 99,69% giáo viên trung học cơ sở, 99,9% giáo

viên trung học phổ thông có trình độ đạt chuẩn trở lên¹, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đổi mới giáo dục. Chất lượng giáo dục - đào tạo từng bước được nâng lên. Năm học 2014-2015, tỷ lệ học sinh thi đỗ các trường đại học, cao đẳng là 35,58%, tăng 10,58% so với năm học 2010-2011; có 06 học sinh giỏi cấp quốc gia, 205 học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 12... Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2013-2014 đạt 96,4%; năm học 2014-2015 đạt 90,34%² (giảm 6,06% so với năm học 2013-2014).

Tháng 10/2012, tỉnh Cao Bằng được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ I. Tháng 12/2015, được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi với 196/199 xã (đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra) và hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia luôn được quan tâm chỉ đạo sát sao gắn với chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Năm 2015, toàn tỉnh có 70 trường đạt chuẩn quốc gia (tăng 13 trường so với năm 2014), trong đó, có 19 trường mầm non, 32 trường tiểu học, 16 trường trung học cơ sở, 03 trường trung học phổ thông; 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng.

1. Trong đó 48,1% giáo viên mầm non, 53,8% giáo viên tiểu học, 44,2% giáo viên trung học cơ sở, 4,1% giáo viên trung học phổ thông có trình độ đào tạo trên chuẩn. Tỷ lệ giáo viên trên lớp: mầm non 1,5 giáo viên/lớp; tiểu học 1,3 giáo viên/lớp; trung học cơ sở 2,1 giáo viên/lớp; trung học phổ thông 2,19 giáo viên/lớp.

2. Năm 2015 là năm đầu tiên Bộ Giáo dục và Đào tạo bắt đầu thực hiện cải cách thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi đại học (kỳ thi hai trong một, thi trung học phổ thông nhưng căn cứ kết quả xét tuyển đại học, cao đẳng theo nguyện vọng).

Bên cạnh nhiệm vụ đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, các hoạt động văn hoá, thông tin cũng rất được quan tâm. Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/5/1998 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; ban hành Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 07/10/2015 thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp với các hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn, mừng Đảng, mừng Xuân và phục vụ các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh tạo không khí phấn khởi thi đua trong học tập, lao động và sản xuất.

Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy di sản văn hóa dân tộc đạt được kết quả tích cực. Năm 2015, tổng số di tích và danh lam thắng cảnh trên địa bàn toàn tỉnh là 215 di tích, có 97 di tích đã được xếp hạng (02 di tích xếp hạng Quốc gia đặc biệt¹, 29 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 66 di tích xếp hạng cấp tỉnh). Ngày 28/6/2011, Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng được thành lập, đã khôi phục, dàn dựng được một số làn điệu Then cổ, đặt lời bài hát mới theo làn điệu Then và các làn điệu dân ca dân tộc. Từ năm 2013 đến năm 2015 hoàn thành đề tài nghiên cứu “Bảo tồn và phát huy giá trị dân ca Tày, Nùng, Mông, Dao”, được Hội đồng khoa học cấp tỉnh xếp loại hoàn thành xuất sắc.

1. Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó (huyện Hà Quảng), Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo (huyện Nguyên Bình).

Trong nhiệm kỳ, tỉnh đã triển khai thực hiện hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Các công trình văn hóa cũng tiếp tục được quan tâm đầu tư, nhất là nhà văn hóa phục vụ sinh hoạt cộng đồng của người dân. Giai đoạn 2011-2015, toàn tỉnh xây dựng mới được 450 nhà văn hóa, nâng tổng số nhà văn hóa trong toàn tỉnh là 1.705. Các chỉ tiêu về văn hóa hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Năm 2011, toàn tỉnh có 88% cơ quan, đơn vị, 77% gia đình và 47% xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá; 56,1% số đơn vị cơ sở có nhà văn hoá. Năm 2015, toàn tỉnh có 80,8% gia đình, 50,7% xóm, tổ dân phố và 90,6% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa; 68,5% đơn vị cơ sở có nhà văn hóa.

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020, phong trào thể dục, thể thao tiếp tục phát triển rộng khắp. Hoạt động thể dục, thể thao trường học, trong thanh thiếu nhi được chú trọng, 100% các trường đều có giáo viên dạy thể dục; nhiều môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian đã được khôi phục như: kéo co, đẩy gậy, tung còn, cờ người, bắn nỏ và các môn võ cổ truyền. Thành tích một số môn thể thao được nâng lên và đạt thứ hạng cao tại các giải vô địch khu vực, toàn quốc. Giai đoạn 2011-2015, thể thao thành tích cao của tỉnh đạt 67 huy chương các loại. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục, thể thao được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới, thành lập 02 Trung tâm văn hóa và thể thao cấp huyện (thành phố Cao Bằng và huyện Hoà An); 730 công trình luyện tập và thi đấu.

Nhằm đẩy mạnh giao lưu thể dục, thể thao và ngoại giao nhân dân, tỉnh đã cử 06 đội tuyển tham gia thi đấu giao hữu

với các địa phương biên giới Trung Quốc nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, tạo không khí vui tươi, phấn khởi; góp phần tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân hai nước¹.

Để khai thác tiềm năng, lợi thế du lịch của tỉnh, Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 12-CTr/TU ngày 29/4/2011 về phát triển du lịch giai đoạn 2011-2015. Nhờ vậy, hoạt động du lịch có nhiều chuyển biến tích cực, thực hiện hiệu quả công tác xúc tiến quảng bá du lịch đến du khách trong và ngoài nước; hạ tầng các khu, điểm du lịch được quan tâm đầu tư. Lượng khách trong nước và quốc tế đến Cao Bằng tham quan, du lịch ngày càng tăng: năm 2011 có 358.800 lượt người, doanh thu từ du lịch đạt 58 tỷ đồng; năm 2014 có 570.000 lượt người, doanh thu du lịch đạt 90 tỷ đồng; năm 2015 có 653.340 lượt, tăng 15,2% so với năm 2014, doanh thu du lịch đạt 115,51 tỷ đồng, tăng 19,2% so với năm 2014; tăng trưởng du lịch đạt 18%. Du lịch phát triển góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống nhân dân.

Các hoạt động báo chí - xuất bản, truyền thanh - truyền hình hoạt động đúng chủ trương, định hướng thông tin, tuyên truyền, góp phần phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Sóng Truyền hình Cao Bằng được đưa lên vệ tinh Vinasat 1 với thời lượng kênh chương trình truyền hình Cao Bằng

1. Điển hình như: Tham gia giao lưu, thi đấu giải bóng đá nghiệp dư Quốc tế Nam Ninh - ASEAN lần thứ nhất tranh “Cúp Uy Tráng” năm 2012; giao lưu, thi đấu bóng chuyền hơi đạt giải nhất tại thành phố Nam Ninh, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc; giao lưu bóng đá trong dịp “Lễ hội văn hóa dân gian ngày 13/4/2014” tại huyện Long Châu, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc; tham gia Giải bóng bàn mở rộng Tịnh Tây, Bách Sắc, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc năm 2016.

15h/ngày. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước được tăng cường; 100% cơ quan chuyên môn của tỉnh và huyện đều được trang bị hệ thống quản lý văn bản điều hành điện tử và đã đẩy mạnh sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành tại các đơn vị. Dịch vụ bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển đảm bảo thông suốt, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng. Hạ tầng cơ sở dịch vụ bưu chính, viễn thông từng bước được đầu tư. Đến năm 2015 đã xây dựng được 687 trạm phát sóng di động BTS, 100% số xã trong tỉnh đã được phủ sóng điện thoại di động, tổng số thuê bao điện thoại toàn mạng đạt 509.968 thuê bao, tỷ lệ điện thoại cố định và di động đạt 97 máy/100 dân. 25 bưu cục, 152 điểm bưu điện văn hóa xã; 85% xã, phường, thị trấn được trang bị thiết bị truyền thanh.

Về công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 29/6/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác bảo hiểm y tế, công tác khám, chữa bệnh ngày càng được chú trọng, chất lượng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế được nâng lên; thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trong khám, chữa bệnh và bảo hiểm y tế. Đối tượng tham gia, diện bao phủ về bảo hiểm y tế được mở rộng, tăng dần qua các năm, từ 479.259 người năm 2011 lên 498.235 người năm 2015; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế là 96,2%; quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm y tế được đảm bảo, qua đó góp phần đảm bảo an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai tích cực, kịp thời; dịch bệnh được kiểm soát, không có dịch lớn xảy ra. Công tác thanh tra, kiểm tra thuốc, cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng.

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 11/5/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020, cơ sở vật chất, trang thiết bị được quan tâm đầu tư, đáp ứng cơ bản cho công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Chất lượng cán bộ và công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe ban đầu tuyến cơ sở được nâng cao, người dân sinh sống ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa được tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng ngay tại cơ sở, đảm bảo công bằng trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu. Đến hết năm 2015, có thêm 15 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, nâng tổng số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã lên 75/199 xã. Công tác đào tạo bác sỹ cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao cho ngành y được chú trọng, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân. Năm 2015, đã tổ chức khám bệnh được 1.051.904 lượt người, công suất sử dụng giường bệnh đạt trên 101,6%. Tỷ lệ bác sỹ đạt 10,2 bác sỹ/vạn dân; 85% trạm y tế xã có bác sỹ.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được duy trì thường xuyên, cung ứng đầy đủ vật tư thiết yếu, vật tư tiêu hao cho các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Tỷ lệ tăng dân số được kiểm soát, năm 2011, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,03%, năm 2015, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,9%.

Công tác giảm nghèo, các chính sách đền ơn đáp nghĩa, bảo trợ xã hội được đầu tư kịp thời, phù hợp với điều kiện kinh tế ở địa phương. Tỉnh đã thực hiện đồng bộ các đề án giảm nghèo, đặc biệt đối với địa bàn còn nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhờ vậy công tác giảm nghèo đạt được những kết quả nhất định, đời sống người nghèo được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ hộ nghèo liên tục giảm qua các năm: năm 2011 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 30,06%, năm 2015

giảm xuống còn 15,86%. Bình quân giai đoạn 2012-2015, giảm trên 4%/năm. Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” được các cấp, các ngành tích cực tham gia. Năm 2011, “Quỹ vì người nghèo” đã vận động được 8.051.034.721 đồng, đến năm 2015 đã vận động được 35.775.737.738 đồng. Từ nguồn quỹ đã hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà đại đoàn kết, hỗ trợ sản xuất, khám chữa bệnh, tặng quà Tết... cho các hộ nghèo.

Công tác đào tạo nghề ngày càng được chú trọng về chất lượng, gắn với giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo. Trong giai đoạn này, tỉnh tập trung thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009), nhờ vậy hệ thống cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh từng bước được đầu tư hoàn thiện, chất lượng đào tạo nghề được nâng lên. Năm 2015, toàn tỉnh có 24 cơ sở dạy nghề. Giai đoạn 2011-2015, có 13.200 lao động được đào tạo nghề, tăng 120% so với giai đoạn 2006-2010; tạo việc làm cho 49.232 lao động; 1.400 lao động đi xuất khẩu lao động.

Công tác thương binh, liệt sỹ và chăm sóc gia đình có công với cách mạng đã được các cơ quan, đoàn thể và đông đảo nhân dân tham gia như phong trào uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, quyên góp, tặng quà. Năm 2011, quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa” đã vận động được 1.361.000.000 đồng, năm 2015 vận động được 1.486.522.000 đồng; từ nguồn quỹ đã xây nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm, quà dịp tết, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng...

Xác định vai trò quan trọng của công tác quốc phòng, an ninh trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm chủ quyền lãnh thổ quốc gia, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày

25/10/2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 20/8/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới trong tình hình mới. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng ban hành các văn bản, đề án thực hiện.

Tiềm lực quốc phòng được quan tâm đầu tư, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn trọng điểm; thực hiện xuyên suốt yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh. Tình hình chính trị tư tưởng của lực lượng vũ trang ổn định, nội bộ đoàn kết thống nhất; hằng năm có 95% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hóa, trên 89% đơn vị đạt an toàn tuyệt đối. Các ngành chức năng của tỉnh và các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bổ nhiệm và thực hiện tốt chế độ chính sách đối với cán bộ dân quân tự vệ ở cơ sở; có 90,2% xã, phường, thị trấn có cán bộ được đào tạo chỉ huy trưởng quân sự theo chương trình quy định của Bộ Quốc phòng.

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ là một nội dung quan trọng trong đường lối quân sự của Đảng. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án số 2962/ĐA-UBND ngày 19/11/2014 về xây dựng lực lượng dân quân thường trực các xã, thị trấn biên giới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2015-2025, phấn đấu đến năm 2025 các xã, thị trấn biên giới đều có tiểu đội dân quân thường trực. Năm 2015, toàn tỉnh đã thành lập được 04 tiểu đội dân quân thường trực biên giới/46 xã, thị trấn biên giới (xã Đàm Thủy/huyện Trùng Khánh, thị trấn Hùng Quốc/huyện Trà Lĩnh, xã Sóc Hà/huyện Hà Quảng, thị trấn Tà Lùng/huyện Phục Hòa). Lực lượng dân quân thường trực biên giới luôn

thực hiện tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; trực tiếp tham gia đấu tranh trên 50 vụ việc với trên 870 lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia.

Tình hình an ninh biên giới, nội địa cơ bản ổn định. Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới, tỉnh đã thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Quần chúng tham gia tự quản đường biên, mốc quốc giới và an ninh trật tự xóm, bản khu vực biên giới”, góp phần quan trọng vào việc phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Lực lượng chức năng chủ động nắm tình hình, tổ chức triển khai các biện pháp ngăn chặn, đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và đảm bảo an toàn giao thông.

Về tội phạm hình sự, năm 2011, phát hiện 329 vụ; năm 2015, phát hiện 325 vụ. Tội phạm về ma túy diễn biến phức tạp với nhiều thủ đoạn ngày càng tinh vi. Năm 2015, lực lượng an ninh phát hiện, bắt giữ 163 vụ với 207 đối tượng (giảm 12 vụ, 16 đối tượng so với năm 2014), thu giữ 199 bánh, 2.315,68 g heroin; 54.017,31 g ma túy tổng hợp. Năm 2015, tỉnh phát hiện trên 9.000 lượt người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê, tăng trên 2.000 lượt người so với năm 2014, trong đó có 173 trường hợp bị Công an Trung Quốc bắt giữ, phạt cải tạo và đẩy trở lại Việt Nam... Những kết quả đạt được trong việc ngăn chặn, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội góp phần bảo đảm an ninh trật tự, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, hiện tượng công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, công dân Việt Nam vượt biên trái

phép sang Trung Quốc làm thuê, tình hình truyền đạo trái pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, ảnh hưởng đến trật tự, an ninh xã hội. Trật tự an toàn giao thông vẫn còn nhiều phức tạp, gây bức xúc trong xã hội.

Các hoạt động đối ngoại tiếp tục được tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, nhất là với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc. Tỉnh đã tổ chức thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 1326/CT-TTg ngày 27/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện các văn kiện biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc và Biên bản các phiên họp của Ủy ban liên hợp biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; xây dựng Quy chế tuyển chọn, cử và quản lý cán bộ, học sinh đi học tại Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các cơ quan, các đại sứ quán, tổ chức nước ngoài và các cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam; tiếp nhận và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức phi chính phủ nước ngoài triển khai các dự án tài trợ trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt việc hướng dẫn, quản lý đoàn vào, đoàn ra theo quy định. Trong giai đoạn 2011- 2015, tỉnh đã đón tiếp và làm việc trên 190 đoàn với 1.500 lượt người nước ngoài; có trên 400 đoàn với hơn 2.300 lượt cán bộ, công chức các tỉnh ra nước ngoài học tập, khảo sát, dự hội nghị, đàm phán.

Các ngành trong khối nội chính thực hiện tốt việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được Hội đồng nhân dân,

Ủy ban nhân dân các cấp quan tâm thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Qua đó đã phát hiện một số văn bản quy phạm pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn với hệ thống pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đã tiến hành sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, huỷ bỏ, hoặc ban hành mới.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai đồng bộ đến cơ sở; chất lượng hoạt động của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, hỗ trợ tư pháp, thi hành án được nâng lên. Hoạt động khởi tố, điều tra, thanh tra, truy tố, xét xử có chuyển biến tích cực. Giai đoạn 2011-2015, đã tiến hành 1.143 cuộc thanh tra, phát hiện sai phạm 40 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi, khắc phục hậu quả trên 29 tỷ đồng; khởi tố 10 vụ án với 18 bị can có liên quan đến hành vi tham nhũng, truy tố và đưa ra xét xử 08 vụ với 13 bị cáo.

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, coi đó là nhiệm vụ then chốt, tập trung xây dựng toàn diện trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức.

Trong những năm 2011-2015, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được coi trọng. Tỉnh ủy Cao Bằng đã lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở quán triệt, triển khai sâu rộng Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội XVII của Đảng bộ tỉnh đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; quan tâm xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nhằm đưa Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đi vào cuộc sống. Để triển khai kịp thời, có hiệu quả, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 10/6/2011 về học tập, quán triệt và

triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; tổ chức biên soạn và phát hành “Tài liệu học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2010-2015”¹. Đặc biệt, từ năm 2011, hằng quý, Tỉnh ủy tổ chức triển khai học tập các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh mới ban hành; tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập luôn đạt trên 90%. Hầu hết đảng viên trong Đảng bộ vững vàng về chính trị, có phẩm chất đạo đức, đoàn kết, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình.

Để tiếp tục xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong thời kỳ mới, Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 61-CT/TU ngày 26/3/2015 về bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác đảng đối với đội ngũ bí thư chi bộ xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Các Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện mở lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác đảng cho bí thư chi bộ cấp ủy cơ sở, qua đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ bí thư chi bộ xóm, tổ dân phố.

Xác định việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng, sau khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 49-KH/TU ngày 21/9/2011 và

1. Toàn Đảng bộ tỉnh đã tổ chức được 481 hội nghị học tập, quán triệt thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII với 43.096 lượt cán bộ, đảng viên tham dự. Riêng cấp tỉnh tổ chức 03 hội nghị.

nhiều văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy đảng triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW và các chuyên đề hằng năm; ban hành hướng dẫn đưa việc đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành công việc thường xuyên của tổ chức đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW được gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay và Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, coi đây là giải pháp quan trọng hàng đầu trong công tác chính trị, tư tưởng nói riêng và công tác xây dựng Đảng nói chung, mà trọng tâm là việc khắc phục những khuyết điểm, hạn chế đã được chỉ ra sau kiểm điểm đã được hầu hết cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình hưởng ứng. Đồng thời, căn cứ vào điều kiện thực tế của tỉnh, triển khai thực hiện chuyên đề riêng “Học tập bài nói chuyện của Bác với đồng bào và cán bộ tỉnh Cao Bằng ngày 21/02/1961”, đây thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, qua đó làm chuyển biến từ nhận thức đến hành động, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong phát huy truyền thống, vượt khó vươn lên xây dựng gia đình no ấm, quê hương đổi mới và phát triển.

Việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị có sức lan tỏa mạnh mẽ, tạo chuyển biến tích cực trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ “học tập” đã chuyển vào trọng tâm “làm theo” Bác. Việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh

đạo chủ chốt, người đứng đầu các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị đã có những chuyển biến tích cực. Một số vấn đề bức xúc, nổi cộm tại địa phương, đơn vị được quan tâm chỉ đạo giải quyết kịp thời, góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; trên địa bàn tỉnh xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo Bác được biểu dương và nhân rộng.

Ngày 29/4/2011, Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 11-CTr/TU về nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở giai đoạn 2011-2015. Sau 5 năm thực hiện, số cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh hằng năm đạt 77,9%, bằng 102,9% mục tiêu chương trình. Đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng năm đạt 85%, đạt 100% mục tiêu chương trình; đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 13,08%, bằng 87,2% mục tiêu chương trình. Năm 2013, đã hoàn thành mục tiêu 100% xóm có chi bộ. Hằng năm, kết nạp trên 2.000 đảng viên mới, đạt 111% mục tiêu chương trình. Tính đến ngày 21/9/2015, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng có 19 đảng bộ trực thuộc, 744 tổ chức cơ sở đảng, với tổng số 47.813 đảng viên, chiếm khoảng 9,2% so với tổng dân số của tỉnh. Việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức, cá nhân được các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện nghiêm túc.

Nghị quyết Đại hội XI của Đảng xác định phát triển nguồn nhân lực là một trong ba khâu đột phá trong quá trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần

thứ XVII xác định: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó tập trung cho công tác đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý đầu ngành, đào tạo nghề và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ ở cơ sở.

Thực hiện yêu cầu trên và cụ thể hóa Chương trình số 11-CTr/TU, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Đề án số 03-ĐA/TU ngày 20/7/2012 về chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cơ sở giai đoạn 2012-2015. Nhờ vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo Đề án được thực hiện có hiệu quả¹. Đến năm 2015, tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn chiếm 91,05%; đạt chuẩn về trình độ lý luận chính trị chiếm 34,09%; tuyển chọn được 44 trí thức trẻ bố trí về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã²..., góp phần nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp xã, hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ ở địa phương.

Công tác kiểm tra, giám sát được tiến hành thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm. Trên cơ sở các quy định, quyết định, kết luận, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của Trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 23/5/2011 về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng bộ giai đoạn 2011-2015. Công tác kiểm tra, giám sát

1. Đến ngày 30/6/2015, đã đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho 148 cán bộ, công chức và đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị cho 167 cán bộ, công chức cấp xã. Trong giai đoạn 2013-2015, đã tiến hành đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị - hành chính cho 846 người; bồi dưỡng về tin học cho 1.765 lượt người.

2. Theo Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 26/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thuộc 62 huyện nghèo.

bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay. Trong giai đoạn 2011-2015, các cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra, giám sát với 4.636 lượt tổ chức đảng và 6.822 đảng viên¹. Qua kiểm tra kết luận có 06 tổ chức đảng có khuyết điểm vi phạm, phải thi hành kỷ luật 03 tổ chức đảng; 74 đảng viên có khuyết điểm vi phạm, phải thi hành kỷ luật 54 đảng viên. Đảng bộ thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát thường xuyên và tiến hành giám sát theo chuyên đề đối với 1.437 lượt tổ chức đảng và 3.244 đảng viên²; phát hiện 01 tổ chức đảng và 02 đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 01 tổ chức đảng và 02 đảng viên; ra quyết định thi hành kỷ luật 10 tổ chức đảng và 324 đảng viên. Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật: khiển trách 08 tổ chức đảng và 213 đảng viên; cảnh cáo 02 tổ chức đảng và 78 đảng viên; cách chức 08 đảng viên; khai trừ 25 đảng viên.

Bên cạnh kết quả đạt được, một số tổ chức đảng còn vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng; chưa đề cao trách

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra 172 lượt tổ chức đảng và 33 đảng viên; huyện ủy và tương đương kiểm tra 1.254 lượt tổ chức đảng và 1.316 đảng viên; các cơ quan tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương kiểm tra 29 lượt tổ chức đảng và 19 đảng viên; đảng ủy cơ sở kiểm tra 3.098 lượt tổ chức đảng và 5.083 đảng viên; đảng ủy bộ phận kiểm tra 83 lượt tổ chức đảng; chi bộ kiểm tra 371 đảng viên.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giám sát 65 lượt tổ chức đảng và 23 đảng viên; huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy và tương đương giám sát 358 lượt tổ chức đảng và 329 đảng viên; các ban trực thuộc huyện ủy giám sát 04 tổ chức đảng; đảng ủy cơ sở giám sát 1.010 lượt tổ chức đảng và 2.577 đảng viên; chi bộ giám sát 315 đảng viên.

nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ; một số đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, vi phạm những điều đảng viên không được làm. Sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát giữa Ủy ban Kiểm tra với các cơ quan, đơn vị liên quan đôi lúc chưa chặt chẽ, chưa kịp thời và thống nhất dẫn đến nội dung kiểm tra chồng chéo, trùng lặp.

Công tác dân vận có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, đề cao dân chủ, tạo sự đồng thuận trong xã hội; phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 11/02/2011 về tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước gắn với thực hiện “Dân vận khéo” trên tất cả các lĩnh vực, thu hút đông đảo cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên và quần chúng nhân dân hưởng ứng tham gia. Nhờ đó, đã góp phần củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng được cấp ủy quan tâm¹. Việc tiếp công dân, tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thực hiện tốt nên đã giải quyết dứt điểm nhiều vụ việc phức tạp trên địa bàn tỉnh. Năm 2012, các cấp,

1. Tháng 5/2013, Ban Nội chính Tỉnh ủy được thành lập, có chức năng tham mưu cho Tỉnh ủy về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng.

các ngành đã tiếp 598 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị (tăng 46% so với năm 2011). Năm 2014, tiếp nhận 1.535 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị; đã xem xét, giải quyết 299 đơn khiếu nại; 32 đơn tố cáo. Công tác kiểm tra, giám sát, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp đạt được kết quả tốt. Trong giai đoạn 2011-2013, ngành công an đã tiến hành khởi tố, điều tra 05 vụ với 07 bị can. Thanh tra các cấp, ngành đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra, qua đó phát hiện các sai phạm, kiến nghị thu hồi cho ngân sách nhà nước. Năm 2013, thanh tra, kiểm tra được 236 cuộc, số tiền sai phạm là 11,962 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 10,325 tỷ đồng. Năm 2014, triển khai 508 cuộc thanh tra, kiểm tra, tổng số tiền sai phạm là 4,4 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 3,7 tỷ đồng. Năm 2015, triển khai 54 cuộc thanh tra, tổng số tiền sai phạm gần 05 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 4,8 tỷ đồng, đã thu hồi được 3,7 tỷ đồng.

Nhằm tăng cường sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo xây dựng hệ thống chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân các cấp được kiện toàn về tổ chức, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, luôn tuân thủ nguyên tắc và chấp hành sự lãnh đạo của Đảng, cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng; hoạt động của Hội đồng nhân dân thể hiện được vai trò của cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, phát huy tốt vai trò là cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của cử tri và nhân dân trong tỉnh. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2011-2016, có 50 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; 395 đại biểu

Hội đồng nhân dân cấp huyện, thị; 4.405 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Các đại biểu Hội đồng nhân dân luôn phát huy được vai trò, trách nhiệm của người đại biểu đối với cử tri và nhân dân địa phương. Các kỳ họp thường kỳ và kỳ họp bất thường của Hội đồng nhân dân các cấp được tổ chức thực hiện đảm bảo đúng luật định, các ý kiến thảo luận có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm dân chủ, đồng thuận cao. Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn được đổi mới và nâng cao chất lượng, đi vào thực chất, tập trung vào các vấn đề nổi cộm, đảm bảo tính xây dựng. Việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bảo đảm đúng thẩm quyền. Từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2014, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành được 119 nghị quyết, trong đó 71 nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật. Nhiều nghị quyết chuyên đề có tính khả thi cao, đi vào đời sống và phát huy được hiệu quả, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho của nhân dân. Công tác tiếp dân, tiếp xúc cử tri; giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân được duy trì thường xuyên và đạt kết quả tích cực. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tích cực tiến hành công tác giám sát, khảo sát. Nội dung giám sát tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; khảo sát những vấn đề mới phát sinh, những nội dung có nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Ủy ban nhân dân các cấp hoạt động bảo đảm tuân thủ theo chế độ tập thể kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch đề ra trong năm, ủy ban nhân dân các cấp đã ban hành các chỉ thị, nghị

quyết, quyết định, kế hoạch, chương trình để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trong nhiệm kỳ 2011-2016, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành được 27.212 văn bản. Các văn bản chỉ đạo, điều hành đảm bảo đúng quy trình, thủ tục quy định, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Ủy ban nhân dân các cấp từ tỉnh đến cơ sở tổ chức thực hiện tốt các chủ trương của Tỉnh ủy trong lĩnh vực kinh tế - xã hội như xây dựng các đề án tăng thu ngân sách; ban hành các quy định về quản lý các hoạt động khoáng sản; huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; công tác phòng, chống thiên tai; phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch và quản lý quy hoạch; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện tốt các lĩnh vực văn hóa, xã hội; các chính sách dân tộc; đảm bảo an sinh xã hội; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội, mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại. Công tác cải cách hành chính được quan tâm thực hiện nhưng chuyển biến chưa thật sự mạnh mẽ, đồng bộ, kết quả đạt được chưa cao: năm 2012, tỉnh Cao Bằng xếp thứ 63/63 tỉnh, thành; năm 2015 xếp thứ 62/63. Việc áp dụng cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính chưa được triển khai đồng bộ, còn mang tính hình thức.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng gần dân, sát cơ sở, triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và

các đoàn thể chính trị - xã hội, và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Để thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã có nhiều đổi mới trong công tác tập hợp, đoàn kết; bám sát cơ sở, phát huy tốt vai trò của cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân tộc; tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm trong hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; triển khai việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với phát động các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn của tỉnh; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc được tổ chức sâu rộng, thu hút được toàn dân tham gia: năm 2011, toàn tỉnh có 2.474/2.474 khu dân cư tổ chức; năm 2015, có 2.483/2.483 khu dân cư tổ chức Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng thời, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tích cực triển khai thực hiện hiệu quả cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”; năm 2011 Quỹ vì người nghèo tỉnh đã vận động được hơn 8 tỷ đồng. Năm 2015, các chương trình an sinh xã hội đã vận động được gần 36 tỷ đồng. Năm 2011, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia ủng hộ Quỹ

“Đền ơn đáp nghĩa” được 1.361.000.000 đồng, năm 2015 được 1.486.522.000 đồng. Năm 2015, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã phát động ủng hộ Quỹ “Xây dựng nông thôn mới” ba cấp được 4.194.989.245 đồng.

Đoàn Thanh niên tỉnh tích cực tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, thanh niên chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nghị quyết, chỉ thị của Đoàn các cấp. Đoàn đã tổ chức nhiều hoạt động như: Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè, Chương trình tình nguyện mùa Đông..., triển khai được nhiều công trình, phần việc thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới, nhiều hoạt động tình nguyện phát huy được tinh thần xung kích, tình nguyện, đoàn kết và sáng tạo của tuổi trẻ; công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng được quan tâm thực hiện. Các phong trào, các chương trình hoạt động của Đội được tổ chức sâu rộng như: Chương trình “rèn luyện đội viên”; các phong trào: “Thiếu nhi Việt Nam thi đua thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy”, “Nghìn việc tốt”... Từ năm 2012 đến năm 2015, đã có 51.658 em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn được giúp đỡ; 40.000 lượt đội viên được công nhận danh hiệu “Cháu ngoan Bác Hồ”. Các hoạt động do Đoàn tổ chức, phát động đã bám sát yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của đông đảo đoàn viên, thanh niên và yêu cầu của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị góp phần tích cực bảo đảm an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị ở địa phương. Các phong trào đồng hành với thanh niên lập thân lập nghiệp đã khẳng định được vai trò, vị trí của tổ chức Đoàn trong việc chăm lo, bồi dưỡng và giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của thanh niên. Trong những năm 2012-2015, đã có 7.381 lượt đoàn viên, thanh niên được

tư vấn, giới thiệu việc làm. Các cấp bộ đoàn đã giới thiệu cho Đảng 5.366 đoàn viên ưu tú, có 4.125 người được Đảng xem xét kết nạp, khẳng định niềm tin của thế hệ trẻ đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Công đoàn các cấp thực hiện tốt chức năng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho công nhân, viên chức và người lao động. Công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Công đoàn được tiến hành đồng bộ, sâu rộng, thiết thực gắn với triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Năm 2015, Công đoàn các cấp chủ động phối hợp với chuyên môn cùng cấp tổ chức được 1.061 hội nghị cho 33.473 lượt người tham gia. Các phong trào thi đua diễn ra sôi nổi, tạo sự lan tỏa đối với mỗi đoàn viên, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Giai đoạn 2010-2015, Công đoàn tổ chức và thực hiện tốt các phong trào: Thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống các biểu hiện tiêu cực, phòng chống các tệ nạn xã hội”, “Xanh - sạch - đẹp, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ”, “Xây dựng nông thôn mới”... Tổng kết phong trào thi đua hằng năm, có từ 90-95% cán bộ, công nhân, viên chức, lao động đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 68-70% tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, 25% tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc. Trong 5 năm 2010-2015, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc cho 24 tập thể trong tỉnh. Năm 2015, các cấp công đoàn trên địa bàn tỉnh đã phối hợp chăm lo cho hơn 1.000 đối tượng là gia đình chính sách, đoàn viên, người lao động có

hoàn cảnh khó khăn với số tiền hơn 700 triệu đồng, góp phần bảo đảm quyền lợi của người lao động.

Hội Phụ nữ tỉnh vận động hội viên tham gia phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” và phong trào “Cao Bằng chung sức xây dựng nông thôn mới”... lồng ghép linh hoạt gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Ngoài ra, hằng năm Hội phát động nhiều đợt thi đua hướng về phụ nữ và trẻ em nghèo. Năm 2011, các cấp hội đã giúp đỡ được hơn 30.000 lượt chị em nghèo với 28.532 công lao động. Năm 2012, đã giúp đỡ chị em nghèo được 13.125 kg lương thực, thực phẩm, cho vay không tính lãi 687.503.000 đồng. Thực hiện tốt 06 nhiệm vụ trọng tâm công tác của Hội, đặc biệt chú trọng thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao trình độ nhận thức, năng lực của phụ nữ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các hoạt động phòng, chống buôn bán người, bạo lực gia đình được đẩy mạnh, tạo ra phong trào thi đua sôi nổi trong toàn thể cán bộ, hội viên, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Hội Nông dân tỉnh tích cực tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, kịp thời chuyển tải các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới đông đảo cán bộ, hội viên, nông dân. Trong những năm 2011-2015, các cấp hội tổ chức tuyên truyền pháp luật được hơn 4.000 cuộc với gần 200.000 lượt người tham gia; xây dựng được gần 400 câu lạc bộ nông dân với pháp luật cơ sở; vận động, động viên nông dân tích cực thực hiện phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu. Hội còn hướng dẫn, động viên hội viên, nông dân

tích cực ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, phối hợp tổ chức được 2.552 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho 145.825 lượt người. Vận động hội viên nông dân tích cực hưởng ứng phong trào nông dân xây dựng nông thôn mới, tham gia đảm bảo quốc phòng và an ninh; tổ chức các hoạt động dịch vụ, dạy nghề, tư vấn, hỗ trợ nông dân... Hội đã phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015. Hội Nông dân tỉnh đã triển khai 04 dự án Mô hình giảm nghèo bền vững tại 04 huyện, với 270 hộ nghèo tham gia.

Hội Cựu chiến binh tỉnh phát huy bản chất tốt đẹp, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trong tình hình mới, luôn đoàn kết, gương mẫu, đổi mới, xây dựng tổ chức hội trong sạch, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của Hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Hội đã tích cực tham gia hiệu quả vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân; thường xuyên giáo dục cán bộ, hội viên kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực tham gia giám sát, phản biện xã hội và phổ biến, giáo dục pháp luật; làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, hoạt động từ thiện, giúp đỡ đồng bào, đồng chí khó khăn, hoạn nạn; thực hiện tốt các chương trình, các phong trào, các cuộc vận động do Trung ương và địa phương phát động; thực hiện tốt công tác chăm lo, giúp đỡ cựu chiến binh nâng cao đời sống tinh thần, phát triển kinh tế, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo. Năm 2011, toàn hội đã vay 13,998 tỷ đồng để phát triển sản xuất, kết quả trong năm đã giảm được 801 hộ nghèo. Các cấp hội tích cực ủng hộ các quỹ: hỗ

trợ trẻ em nghèo, hỗ trợ nông dân nghèo, khuyến học... với số tiền gần 200.000.000 đồng; tham gia tu sửa đường giao thông, công trình thủy lợi trên 15.000 ngày công. Năm 2015, tổng số vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội là hơn 271 tỷ đồng, cho vay không lãi từ quỹ nội bộ giúp nhau phát triển kinh tế được 1.316 triệu đồng. Năm 2011, tham gia hòa giải thành công 47 vụ, năm 2015, tham gia hòa giải thành công 128 vụ. Năm 2015, hội viên cựu chiến binh các cấp đã tổ chức được 16 cuộc vận động giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh Dân quân tự vệ và nói chuyện truyền thống yêu nước, thu hút được hơn 3.000 lượt học sinh, sinh viên, thanh thiếu nhi; tham gia bồi dưỡng và giới thiệu 150 thanh niên ưu tú được kết nạp vào Đảng; vận động được 85 con hội viên tự nguyện viết đơn nhập ngũ.

Giai đoạn 2011-2015, trong điều kiện chung đất nước có nhiều diễn biến phức tạp, thách thức, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nêu cao tinh thần đoàn kết, quyết tâm lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân vượt qua khó khăn, đạt được các mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra: Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; hạ tầng kỹ thuật được cải thiện, nhất là về giao thông, giáo dục và y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện; thu nhập bình quân đầu người tăng. Quốc phòng - an ninh được củng cố vững chắc. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị các cấp đạt được nhiều kết quả có ý nghĩa. Các chương trình trọng tâm của Tỉnh ủy đã đạt nhiều kết quả tích cực; một số tiềm năng, thế mạnh của tỉnh từng bước được phát huy. Một số vùng sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tiếp tục được mở rộng quy mô sản xuất; diện tích, sản lượng các cây trồng hàng hóa mũi nhọn tăng dần qua các năm.

Nhiều công trình, dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng về phát triển giao thông, kinh tế cửa khẩu, du lịch... hoàn thành và đi vào khai thác, vận hành, đảm bảo đồng bộ, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận tải, thông thương hàng hóa của nhân dân, thúc đẩy các hoạt động giao lưu kinh tế đối ngoại dọc tuyến biên giới. Hoạt động quảng bá, xúc tiến, hợp tác phát triển du lịch được quan tâm chỉ đạo; lượng khách, doanh thu, thu nhập xã hội từ du lịch hàng năm đều tăng. Hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở được củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Đội ngũ cán bộ cơ sở được chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả thực hiện 06 chương trình trọng tâm đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra.

Tuy nhiên, trong những năm 2011-2015, sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Cao Bằng còn một số hạn chế: Quản lý tài nguyên khoáng sản hiệu quả chưa cao; hệ thống giao thông xuống cấp. Công nghiệp quy mô nhỏ bé, máy móc lạc hậu. Các hoạt động dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Hệ thống doanh nghiệp vừa ít, vừa yếu kém, sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật còn thấp, sức cạnh tranh yếu. Công tác giáo dục, đào tạo còn nhiều bất cập, chất lượng giáo dục còn có sự chênh lệch giữa các vùng; xây dựng trường chuẩn đạt quốc gia đạt tỷ lệ thấp. Một số chương trình trọng tâm của Tỉnh ủy chưa đạt được mục tiêu đề ra.

Song, những kết quả đạt được trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII là động lực, tiếp tục tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ tỉnh lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh toàn diện, sâu rộng phát triển kinh tế - xã hội theo

hướng nhanh và bền vững, sớm đưa Cao Bằng trở thành tỉnh phát triển toàn diện và năng động.

II. LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TẠO THẾ VÀ LỰC TRÊN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN (2016-2020)

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, kinh tế của tỉnh và bộ mặt nông thôn, đô thị từng bước được đổi mới. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước. An ninh, quốc phòng được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực. Những kết quả đó tạo tiền đề để Đảng bộ và nhân dân tỉnh Cao Bằng vững bước trên con đường hội nhập và phát triển.

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, từ ngày 14 đến ngày 16/10/2015, tỉnh Cao Bằng long trọng tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 tại Trung tâm Hội nghị tỉnh. Tham dự Đại hội có 350 đại biểu đại diện cho 47.813 đảng viên từ 19 đảng bộ trực thuộc Đảng bộ Tỉnh ủy.

Kế thừa những thành tựu đạt được sau 30 năm đổi mới của đất nước; trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của tỉnh, Đại hội đã đề ra mục tiêu tổng quát: *“Phát huy tinh thần đoàn kết, dân chủ, sáng tạo; tiếp tục xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, quyết tâm đưa Cao Bằng trở*

thành tỉnh năng động, phát triển”; đồng thời, đề ra các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã nhận diện rõ hơn những lợi thế, bất lợi thế đối với sự phát triển của tỉnh cùng với những đột phá chiến lược. Về lợi thế, Cao Bằng có 5 lợi thế chính là: (1) Cao Bằng là quê hương giàu truyền thống cách mạng, nhân dân Cao Bằng giàu lòng yêu nước, tuyệt đối trung thành với Đảng, đoàn kết, thông minh, sáng tạo; đội ngũ cán bộ có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, thống nhất, đó là động lực to lớn cho sự phát triển bền vững của tỉnh; (2) Cao Bằng được thiên nhiên ưu ái ban tặng với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng của cả nước, nhiều di tích lịch sử quốc gia đặc biệt; có nền văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, Công viên địa chất Non nước Cao Bằng được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu; (3) Cao Bằng là tỉnh có diện tích tự nhiên lớn (hơn 6.700 km²), khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi, tài nguyên phong phú, độ che phủ rừng trên 55%; mật độ dân số thấp, do vậy dư địa cho phát triển kinh tế còn rất lớn; (4) Có đường biên giới trên bộ dài trên 333 km tiếp giáp với thị trường lớn là Trung Quốc, là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại quốc tế; (5) Lợi thế đi sau, có điều kiện học tập kinh nghiệm của các tỉnh, thành phố trong cả nước để phát huy những thành công cũng như tránh được sai lầm, thất bại để đi tắt, đón đầu, tăng tốc phát triển. Về bất lợi thế, Cao Bằng đang tồn tại 03 điểm nghẽn, nút thắt: (1) Kết cấu hạ tầng như: giao thông, du lịch - dịch vụ, cửa khẩu, đô thị còn yếu và thiếu đồng bộ; (2) Chất lượng nguồn nhân lực thấp dẫn đến năng suất lao động rất thấp sử dụng nguồn vốn chưa hiệu quả; (3) Cơ chế, chính sách của tỉnh chưa thông thoáng, hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư chiến lược; sự phối

hợp giữa các ban, sở, ngành với các địa phương trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chưa thực sự đồng bộ, nhịp nhàng, cản trở tới sự phát triển của tỉnh. *03 đột phá chiến lược* của tỉnh là: (1) Khai thác, phát triển mạnh lợi thế du lịch, dịch vụ theo hướng bền vững; (2) Phát triển nông nghiệp thông minh và nông nghiệp theo hướng hàng hóa đặc sản gắn với chế biến; (3) Phát triển kinh tế cửa khẩu.

Với tinh thần “đoàn kết, dân chủ, phát triển”, Đại hội nghiêm túc đánh giá những thành tựu, đồng thời chỉ ra những hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2010-2015. Đại hội khẳng định: Với sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, kinh tế - xã hội có sự chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tương đối cao và ổn định, bình quân 9,2%/năm. Sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 3,3%/năm. Các hoạt động văn hóa - xã hội có sự chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất và tinh thần của các dân tộc trong tỉnh từng bước được cải thiện. Tình hình chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng có những chuyển biến mới.

Bên cạnh đó, Đại hội cũng chỉ rõ: xuất phát điểm nền kinh tế của tỉnh còn thấp, trình độ nhận thức của nhân dân không đồng đều. Đời sống của một bộ phận nhân dân các dân tộc vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, nhất là đời sống tinh thần. Cải cách hành chính ở một số khâu còn chậm, hiệu quả chưa cao; công tác quản lý nhà nước của chính quyền địa phương ở một số lĩnh vực còn thấp. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng có mặt còn hạn chế. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội có nơi chưa thực sự đổi mới; một số phong trào thi đua, cuộc vận động chưa tạo được sức lan tỏa rộng khắp.

Đại hội đã xác định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu 5 năm 2015-2020; chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 là: Tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn đạt tốc độ tăng bình quân 7,0%/năm, đưa thu nhập bình quân đầu người đạt 1.650 USD, tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân tăng 10%/năm, tổng sản lượng lương thực đạt 265 ngàn tấn/năm, nâng độ che phủ rừng lên 53%, số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới đạt trên 20 xã trở lên, thu ngân sách trên địa bàn bình quân mỗi năm tăng trên 10%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,88%; duy trì, nâng cao chất lượng các bậc học, cấp học, đến năm 2020 có 35% số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ II; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 2%; có 90% số cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hoá; 55% số làng, xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa và 85% số gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá. Phấn đấu đưa tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh hàng năm đạt 50%; bình quân hàng năm kết nạp mới 2.000 đảng viên.

Để đạt được mục tiêu cụ thể đó, Đại hội đề ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chú trọng phát triển thương mại dịch vụ, phát huy có hiệu quả tiềm năng về nông nghiệp - công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao giá trị và hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, tiếp tục phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, quan tâm phát triển kinh tế rừng gắn với bảo vệ môi trường; chú trọng phát triển chăn nuôi đại gia súc, khuyến khích phát triển dịch vụ cung ứng

vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất. Khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Tiếp tục phát huy năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp hiện có, thực hiện cơ cấu lại các cơ sở sản xuất công nghiệp phù hợp với thực tế của tỉnh. Ưu tiên đầu tư cho các hoạt động ứng dụng chuyển giao khoa học - kỹ thuật. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ, làm tốt công tác tư vấn, phản biện, nâng cao tính khả thi, hiệu quả của các chính sách, chương trình, dự án. Xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; quản lý và khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, chủ động, tích cực phòng, chống thiên tai. Đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển kinh tế - xã hội; khai thác thị trường trong nước và quốc tế gắn với phát triển mạnh thị trường trong tỉnh. Phát triển khu kinh tế cửa khẩu, trong đó lấy thương mại là động lực chính để phát triển. Tăng cường các hoạt động xuất nhập khẩu với Trung Quốc. Quản lý tốt nguồn thu, nuôi dưỡng và tạo nguồn thu mới, chống thất thu ngân sách; khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn thu để tập trung cho đầu tư phát triển. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo bước đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tăng cường xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân; chăm lo phát triển văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối

ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân và đối ngoại quốc phòng; tăng cường mở rộng hợp tác và hội nhập quốc tế.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 55 đồng chí và bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Hoàng Anh tiếp tục được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Triệu Đình Lê được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Đàm Văn Eng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Hoàng Xuân Ánh được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đại hội cũng đã bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng gồm 17 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết do đồng chí Nguyễn Hoàng Anh, Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, đồng chí Nguyễn Hoàng Anh, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Từ ngày 20 đến ngày 28/01/2016 tại Thủ đô Hà Nội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã long trọng tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Đại hội đã xác định mục tiêu tổng quát trong 5 năm 2016-2020 là: “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công

cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, *phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới¹. Với tinh thần “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới”, Đại hội khẳng định quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy thành tựu của đổi mới, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vững bước tiến lên vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thành công của Đại hội XII của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XVIII và Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015-2020 là nguồn sức mạnh to lớn, góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tạo thế và lực mới trên con đường hội nhập và phát triển, từng bước tạo ra sự chuyển biến mới trong những năm tiếp theo.

Tháng 12/2017, đồng chí Nguyễn Hoàng Anh được điều về Trung ương nhận nhiệm vụ mới, Bộ Chính trị đã điều động và chỉ định đồng chí Lại Xuân Môn, Ủy viên Ban Chấp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.76.

hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam đến nhận công tác tại Tỉnh ủy Cao Bằng, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp, ngay sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã xây dựng quy chế, xây dựng chương trình công tác toàn khóa, xây dựng và chỉ đạo thực hiện 06 chương trình trọng tâm gồm: (1) Chương trình tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; (2) Chương trình định hướng và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và hợp tác xã; (3) Chương trình phát triển hạ tầng giao thông; (4) Chương trình phát triển du lịch; (5) Chương trình phát triển kinh tế đối ngoại; (6) Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ lãnh đạo quản lý trẻ.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, giám sát của Hội đồng nhân dân, sự điều hành tích cực của Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng sự nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, kết quả phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và công tác xây dựng đảng của tỉnh tiếp tục phát triển và đạt nhiều kết quả.

Căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, Đảng bộ tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp nhằm đảm bảo an ninh lương thực, tạo tiền đề phát triển các ngành kinh tế khác. Tỉnh tập trung chỉ đạo các địa phương chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng; đồng thời tích cực thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng; đưa giống chất lượng cao vào sản xuất, hỗ trợ xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao, vùng lúa nếp đặc sản (nếp Pì Pát, nếp ong...), vùng thuốc lá, vùng mía... Toàn tỉnh đã thu hút được 43 dự án đăng ký đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp,

nông thôn với tổng số vốn đăng ký đầu tư 6.259 tỷ đồng, trong đó dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại huyện Quảng Hòa có tổng vốn đầu tư trên 4.300 tỷ đồng. Sản lượng lương thực có hạt năm 2016 đạt 262,4 nghìn tấn, năm 2017 đạt 276,5 nghìn tấn; đến năm 2019 tổng sản lượng lương thực đạt 278 nghìn tấn, vượt 4,9% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội; bình quân lương thực đầu người đạt 518 kg/người, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 40 triệu đồng/ha, đạt 100% mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Một số vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung như: thuốc lá, hồi, miến dong, chanh leo, quýt... tiếp tục được mở rộng quy mô, diện tích, đem lại thu nhập ổn định cho người nông dân. Tổng đàn gia súc được duy trì, nhưng do ảnh hưởng bất lợi của thời tiết, rét đậm, rét hại kéo dài, dịch bệnh diễn biến phức tạp, tốc độ tăng trưởng đàn không đạt kế hoạch đề ra. Đến hết năm 2019, đàn bò có 114.596 con, tăng 2,93% so với cùng kỳ năm 2018; đàn trâu có 102.888 con, bằng 99,24% so với năm 2018; đàn lợn có 350.501 con, bằng 96,93% so với năm 2018; đàn gia cầm 2,705 triệu con, tăng 6,47% so với cùng kỳ năm 2018.

Về lâm nghiệp, công tác trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng được thực hiện tốt trong giai đoạn 2016-2018, trồng mới được 3.840,5 ha; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân phát triển một số cây đặc hữu như quế, hồi, trúc sào; đồng thời, rà soát chuyển đổi quy hoạch rừng phòng hộ xung yếu sang quy hoạch rừng sản xuất nhằm phát triển kinh tế từ rừng. Công tác quy hoạch, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường, tài nguyên rừng từng bước được phục hồi và phát triển. Đến năm 2019, độ che phủ rừng đạt 55%, vượt 2% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 được triển khai đồng bộ, đời sống người

dân khu vực nông thôn được cải thiện, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới. Đến năm 2020, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã và đi lại được bốn mùa; 100% xã có điện lưới đến trung tâm; các xóm vùng sâu, vùng xa có điểm trường cho học sinh tiểu học; 100% trạm y tế có bác sỹ; 80,7% số xóm có nhà văn hóa. Tỉnh đã huy động được nhiều nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới, 26 xã đã đạt tiêu chí nông thôn mới, vượt 13% mục tiêu Nghị quyết Đại hội; xét trong toàn tỉnh, bình quân đạt 12 tiêu chí/xã, tăng 5,5 tiêu chí/xã so với năm 2015. Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 90%, bằng 100% mục tiêu Nghị quyết Đại hội; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 21,6 triệu đồng/người/năm, tăng 8,7 triệu đồng/người so với năm 2015. Công tác di dời gia súc ra khỏi gầm nhà sàn được quan tâm chỉ đạo quyết liệt; toàn tỉnh có 14.870 hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm nhà sàn, vượt 15,3% mục tiêu Nghị quyết Đại hội.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp từng bước được phục hồi và tăng trưởng khá. Trong nhiệm kỳ, tỉnh đã thực hiện rà soát hoạt động, quản lý chặt chẽ việc cấp chủ trương đầu tư các dự án phát triển năng lượng, thủy điện, thu hồi giấy phép đầu tư các dự án không khả thi hoặc tiến độ triển khai thực hiện chậm. Trên địa bàn tỉnh có 25 dự án thủy điện vừa và nhỏ, với tổng công suất trên 300 MW. Nhiều dự án thủy điện đã hoàn thành và đi vào hoạt động như: Nhà máy thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, các Nhà máy thủy điện Hòa Thuận, Tiên Thành, Mông Ân. Đến năm 2020, 100% xã và 89,19% hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia. Hoạt động của một số nhà máy chế biến khoáng sản tiếp tục được duy trì; trong đó Nhà máy liên hợp gang thép Cao Bằng được đầu tư hoàn thiện và hoạt động ổn định, công suất 180.000 tấn/năm. Toàn tỉnh có trên 2.300 cơ sở sản xuất công

ng nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 (giá so sánh năm 2010) đạt 4.194 tỷ đồng.

Thương mại - dịch vụ và kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển, tạo động lực tăng trưởng cho kinh tế - xã hội. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh năm 2015 đạt 5.278,1 tỷ đồng; năm 2017 đạt 5.705 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2017 đạt 3,5%/năm. Hàng hóa trên thị trường dồi dào, phong phú, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân, đặc biệt là nhân dân vùng sâu, vùng xa. Mạng lưới chợ được mở rộng, các chợ trung tâm cụm xã vùng sâu, vùng xa được quan tâm đầu tư xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi giao lưu hàng hoá, tiêu thụ sản phẩm; các loại hình dịch vụ vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn, khách sạn, nhà hàng, siêu thị phát triển nhanh, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển. Các hoạt động quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại được quan tâm chỉ đạo thực hiện, công tác phòng, chống buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại được duy trì. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 7,49%/năm. Hệ thống phân phối bán lẻ cơ bản cung ứng đầy đủ, kịp thời, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Quan hệ kinh tế đối ngoại, giao lưu, hợp tác giữa tỉnh Cao Bằng và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) được tăng cường, mở rộng. Hàng năm, hai bên đã tổ chức nhiều hoạt động giao lưu, hợp tác như hội đàm, ký kết thỏa thuận phát triển và hợp tác kinh tế, tổ chức các hội chợ thương mại, tạo cơ hội cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài giao lưu, hợp tác, liên doanh, liên kết, tìm kiếm mở rộng thị trường. Đề án tổng thể phát triển khu kinh tế cửa khẩu Cao Bằng được triển khai hiệu quả;

đã xây dựng Đồ án quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế cửa khẩu và cơ chế phối hợp quản lý nhà nước giữa các địa phương, đơn vị trong khu kinh tế cửa khẩu. Kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu được quan tâm đầu tư, nâng cấp; đã triển khai 17 dự án với tổng vốn đầu tư 1.090 tỷ đồng, trong đó có 12 dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, 05 dự án đang thực hiện. Việc triển khai thực hiện 08 dự án bố trí dân cư biên giới cho 68 hộ với tổng số vốn đầu tư trên 150 tỷ đồng góp phần hạn chế di cư tự do, tạo việc làm, ổn định cuộc sống, giữ vững an ninh trật tự khu vực biên giới.

Ngoài ra, tỉnh chủ động phối hợp với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) triển khai xây dựng cầu đường bộ Tà Lùng - Thủy Khẩu 2; nâng cấp cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc) lên cửa khẩu quốc tế; mở lối mở Nà Đổng - Nà Ráy thuộc phạm vi cửa khẩu Trà Lĩnh - Long Bang; mở lối mở mốc 834 khu vực Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc); nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ hai nước Việt Nam, Trung Quốc nâng cấp cửa khẩu Lý Vạn (Việt Nam) - Thạch Long (Trung Quốc) lên cửa khẩu quốc tế và mở rộng phạm vi đến lối mở Bản Khoòng - Nham Ứng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế biên mậu, du lịch.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa qua địa bàn hàng năm tăng cao: năm 2020 ước đạt 3 tỷ USD, tăng 96,5% so với năm 2015, bình quân tăng 13%/năm, vượt 3% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Kim ngạch hàng tạm nhập tái xuất được tái xuất qua các cửa khẩu tỉnh Cao Bằng tăng nhanh: năm 2015 đạt 970 triệu USD, năm 2017 đạt trên 2,1 tỷ USD và năm 2018 đạt trên 1 tỷ USD. Hoạt động kinh tế

cửa khẩu đã thu hút được 74 dự án đầu tư trong và ngoài nước, trong đó, có 9 dự án đầu tư nước ngoài, với số vốn đăng ký là 36,7 triệu USD và 65 dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước, với tổng số vốn đăng ký đầu tư trên 12.373 tỷ đồng; đã có 33 dự án đi vào hoạt động, tạo nhiều công ăn việc làm và góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế của khẩu. Thu ngân sách từ thuế xuất nhập khẩu và phí sử dụng hạ tầng của khẩu trong giai đoạn 2016-2020 ước đạt trên 2.400 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khá trong tổng thu ngân sách của tỉnh.

Kết cấu hạ tầng dịch vụ, du lịch được quan tâm đầu tư, nâng cấp, lượng khách du lịch, doanh thu du lịch tăng cao. Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến, hợp tác phát triển du lịch được tăng cường; liên kết tổ chức tốt Chương trình du lịch “Qua những miền di sản Việt Bắc”, các hội thảo, khảo sát tuyến, điểm du lịch, gian hàng quảng bá sản phẩm du lịch. Ngành du lịch đã hình thành các tour du lịch với một số địa phương lân cận và một số tỉnh của Trung Quốc. Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2016-2020 được triển khai thực hiện có hiệu quả. Địa danh di tích lịch sử Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 tại huyện Thạch An được xếp hạng là Di tích Quốc gia đặc biệt; Công viên địa chất Non nước Cao Bằng được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu. Toàn tỉnh hiện có 03 di tích được xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt, 23 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 66 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Các loại hình: du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng, du lịch lịch sử, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng... phát triển đa dạng, phong phú; hệ thống dịch vụ nhà hàng, khách sạn được mở rộng, đáp ứng nhu cầu phục vụ du khách. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được tăng cường, lượng khách du lịch đến Cao Bằng tăng từ 20-30%/năm. Năm 2020 ước đạt 1,725 triệu

lượng khách tăng 164%, trong đó, lượng khách quốc tế chiếm 15%; doanh thu du lịch ước đạt 600 tỷ đồng, tăng 419,4% với năm 2015; tăng trưởng du lịch bình quân năm ước đạt 26,5%. Ngành du lịch đã thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược đến nghiên cứu và đầu tư tại các khu, điểm du lịch: Khu du lịch Thác Bản Giốc, Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén, động Ngườm Pục... Tỉnh cũng tích cực triển khai Hiệp định hợp tác, khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc), hoàn thành công trình trong Khu du lịch Thác Bản Giốc và tổ chức thí điểm đưa khách du lịch qua lại Khu hợp tác du lịch qua biên giới Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc).

Công tác quy hoạch được triển khai đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với quy hoạch chung của cả nước và nguồn lực đầu tư của địa phương. Tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội 09 huyện và thành phố Cao Bằng; quy hoạch thủy lợi, quy hoạch phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và huyện; quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch vật liệu xây dựng, quy hoạch chung xây dựng vùng; quy hoạch thăm dò khai thác khoáng sản, quy hoạch phát triển công nghiệp... và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020. Tỉnh cũng chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các chủ đầu tư để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố; tiến hành triển khai lập quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các dự án phát triển đô thị được triển khai tích cực với nhiều hình thức đầu tư như: đối tác

công - tư (PPP), hình thức dự án có sử dụng đất, hình thức đấu giá tài sản trên đất và quyền sử dụng đất tập trung. Các đơn vị trong tỉnh tích cực huy động các nguồn lực cho xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị. Việc bố trí kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo công khai, đúng quy định, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, nợ đọng xây dựng cơ bản; tập trung đầu tư các công trình, dự án trọng điểm để tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Tỉnh đã triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020, nhờ đó các tuyến quốc lộ được đầu tư và đảm bảo giao thông thông suốt; các tuyến đường tỉnh cơ bản được cải tạo, duy tu, nâng cấp, bảo dưỡng thường xuyên, tạo thuận lợi trong việc vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân đến trung tâm các huyện và các cửa khẩu trong tỉnh; các tuyến đường đô thị và tại các khu kinh tế cửa khẩu đang được triển khai như: đường phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng, các tuyến đường thuộc cửa khẩu Trà Lĩnh... Hệ thống đường huyện cơ bản đã đến tất cả trung tâm các xã, xóm và đi lại được bốn mùa. Hệ thống đường giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư theo các chương trình như: chương trình 135, 30a, nông thôn mới... góp phần tạo sự đồng bộ của hệ thống đường giao thông nông thôn tại các xã vùng sâu, vùng xa. Tỉnh đã hoàn thành cải tạo, nâng cấp và triển khai xây dựng một số đoạn của đường tỉnh 206, 207, 208, 210, 211, 213, 216; đường giao thông liên xã Chí Thảo - Tự Do - Ngọc Động - Hoàng Hải - Hạnh Phúc, huyện Quảng Hòa; cầu và đường dẫn Tà Lùng - Nà Thấm, xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa và đoạn nối Đức Long, huyện Thạch An - Tà Lùng, huyện Quảng Hòa; cải tạo, nâng cấp đường thị trấn Trà Lĩnh - Đôn Chương (thuộc Quốc

lộ 4A); đường giao thông từ Quốc lộ 34, xã Phan Thanh - Khu du lịch Phja Oắc, Phja Đén, xã Thành Công - xã Hưng Đạo (huyện Nguyên Bình); đường từ thị trấn Thanh Nhật (huyện Hạ Lang) đến cửa khẩu Bí Hà (xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang). Trong nhiệm kỳ, đã xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 166 km đường tỉnh, 478 km đường huyện, 2.077 km đường xã, đường xóm; xây dựng mới 36 cầu treo dân sinh; có 300,24 km đường tỉnh được nâng thành quốc lộ.

Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) với tổng vốn đầu tư trên 21.000 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương 20%, vốn ngân sách địa phương 20%, nhà đầu tư 60%) được tập trung chỉ đạo quyết tâm, quyết liệt; chưa đầy 2 năm từ khi đề xuất đã được Thủ tướng Chính phủ nhất trí chủ trương đầu tư và điều chỉnh tiến độ đầu tư. Dự án từ quy hoạch thực hiện sau năm 2030 chuyển sang đầu tư trong giai đoạn 2019-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng là cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chủ đầu tư giai đoạn chuẩn bị Dự án và đến năm 2020 đã hoàn thiện xong các thủ tục hồ sơ, chuẩn bị triển khai thi công Dự án.

Tỉnh cũng tích cực huy động các nguồn lực xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị, nhất là triển khai Đề án đầu tư hạ tầng, khai thác hiệu quả quỹ đất khu đô thị mới (trọng tâm là hai bên đường phía Nam) thành phố Cao Bằng giai đoạn 2016-2020, phát triển hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp thoát nước, thu gom và xử lý rác thải, nước thải... Một số công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp được khởi công xây dựng; một số dự án trọng điểm của tỉnh có hạ tầng đồng bộ đang được tích cực đầu tư (Trụ sở làm việc các cơ quan đoàn thể tỉnh, Trụ sở làm việc các cơ quan Đảng tỉnh, Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh, khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, cửa khẩu Trà Lĩnh).

Hoạt động tài chính, ngân hàng có bước phát triển đáng kể. Là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội nên thu ngân sách địa phương từ công nghiệp, dịch vụ - du lịch còn thấp. Nhằm khắc phục những hạn chế đó, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, thu đủ các nguồn phát sinh trên địa bàn tỉnh vào ngân sách. Các cấp ủy đảng, chính quyền cũng chỉ đạo củng cố, chấn chỉnh và quản lý chặt chẽ các nguồn thu. Nhờ vậy, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh không ngừng tăng. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch: năm 2015 đạt 1.390 tỷ đồng; năm 2016 đạt 1.370 tỷ đồng; năm 2017 đạt 1.543 tỷ đồng; năm 2018 đạt trên 1.869 tỷ đồng, bằng 166% so với dự toán Trung ương giao, bằng 137% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 21,1% so với cùng kỳ năm 2017. Năm 2019, thu ngân sách đạt 2.208 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2018. Năm 2020, ước đạt trên 2.000 tỷ đồng, tăng 43% so với năm 2015. Tổng thu ngân sách hàng năm tăng bình quân 11%, vượt 1% mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra, trong đó, thu nội địa chiếm 86,4%. Chi ngân sách nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo chi kịp thời, đúng mục đích, đúng chế độ, quản lý sử dụng các nguồn chi có hiệu quả, đúng quy định. Chi ngân sách tăng bình quân 9,17%/năm, trong đó chi đầu tư phát triển chiếm 25%.

Hệ thống ngân hàng được mở rộng, bám sát các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội để kinh doanh và phục vụ. Nguồn vốn và các dịch vụ ngân hàng cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Hoạt động của các tổ chức tín dụng được duy trì ổn định và phát triển, các dịch vụ ngân hàng ngày càng đa dạng, chất lượng được nâng cao. Tỷ lệ

tăng trưởng tín dụng bình quân đạt trên 19%/năm. Dự kiến tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2020 đạt trên 9.500 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2015.

Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường. Công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; công tác thu hồi đất, cho thuê đất tiếp tục được đẩy mạnh. Tỉnh đã hoàn thiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối giai đoạn 2016-2020; thực hiện dự án lập quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020, có xét đến 2030. Bên cạnh đó, tỉnh cũng ban hành các quy định về bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế; xây dựng phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm tra, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép gây ô nhiễm môi trường; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định. Hệ thống cấp nước sạch cho các trung tâm thị trấn của các huyện trong tỉnh và các công trình cấp nước sinh hoạt cho khu vực nông thôn được quan tâm đầu tư, tình trạng thiếu nước sinh hoạt ở vùng cao, núi đá được cải thiện đáng kể. Đến hết năm 2020, dự kiến 95% dân cư thành thị được dùng nước sạch, 90% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh, đạt 100% mục tiêu Nghị quyết Đại hội.

Các thành phần kinh tế tiếp tục được quan tâm, tạo điều kiện phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tỉnh đã có nhiều chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động hiệu quả, đóng góp cho nguồn thu ngân sách, tạo nhiều việc làm cho lao động địa

phương. Đến năm 2020 toàn tỉnh có 1.650 doanh nghiệp với số vốn đăng ký trên 20.000 tỷ đồng và 356 hợp tác xã với số vốn đăng ký trên 500 tỷ đồng. Giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp, hợp tác xã đóng góp cho ngân sách nhà nước trên 3.300 tỷ đồng, tăng 136% so với giai đoạn 2011-2015, tăng bình quân gần 10%/năm. Các hoạt động xúc tiến, mời gọi đầu tư được đẩy mạnh; đã tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Cao Bằng năm 2018, qua đó thu hút nhiều nhà đầu tư chiến lược đăng ký đầu tư nhiều dự án lớn với tổng mức đầu tư trên 33.000 tỷ đồng.

Tỉnh cũng đã thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp để nắm bắt tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Nhờ vậy, môi trường kinh doanh và đầu tư có bước cải thiện. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017 xếp thứ hạng 58/63 tỉnh/thành phố, đến năm 2018 xếp thứ hạng 57/63, tăng 6 bậc (từ bậc 63/63 tăng lên bậc 57/63) so với năm 2016.

Cùng với việc tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng thường xuyên quan tâm đến các vấn đề văn hóa - xã hội. Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và ngành giáo dục tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục; củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; tiến hành rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tỉnh đã duy trì, giữ vững kết quả phổ cập giáo dục các bậc học; đồng thời, cơ sở vật chất trường, lớp học được tăng cường đầu tư, xây dựng theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa; trang thiết bị dạy học được bổ sung thường xuyên. Toàn tỉnh có 169 trường đạt chuẩn quốc gia, vượt 35% mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra.

Đội ngũ nhà giáo đảm bảo đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định. Chất lượng giáo dục được duy trì ổn định, cơ bản đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ đổi mới giáo dục. 100% giáo viên mầm non và phổ thông có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, trong đó: 51,2% giáo viên mầm non, 66,4% giáo viên tiểu học, 49,7% giáo viên trung học cơ sở, 6,5% giáo viên trung học phổ thông có trình độ đào tạo trên chuẩn. Tỷ lệ tốt nghiệp bậc trung học phổ thông hàng năm đạt từ 90% trở lên. Trong 5 năm 2015-2020, số lượng học sinh đỗ vào đại học, cao đẳng đều tăng: năm 2015, có 550 em đỗ cao đẳng, 900 em đỗ đại học; năm 2019, có 417 em đỗ cao đẳng, 1.201 em đỗ đại học...

Hoạt động văn hoá, thông tin được đẩy mạnh. Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và chủ trương của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao với các hình thức đa dạng, phong phú. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới được thực hiện có hiệu quả. Công tác bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trọng điểm được chú trọng. Lễ hội Nàng Hai (xã Tiên Thành, huyện Phục Hòa); Nghề rèn truyền thống của người Nùng An (xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên) được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; đôi chuông chùa Viên Minh và đèn Quan Triều (xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng), bia Ma nhai Ngự chế của vua Lê Thái Tổ (xã Bình Long, nay thuộc xã Hồng Việt, huyện Hòa An) được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia.

Tỉnh đã tổ chức thành công nhiều sự kiện chính trị, xã hội quan trọng, nổi bật là: Lễ đón nhận danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; Lễ công bố Di tích lịch sử Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An là Di tích Quốc gia đặc biệt gắn với Chương trình du lịch “Qua những miền di sản Việt Bắc”; Liên hoan ca múa nhạc toàn quốc năm 2018 tại tỉnh Cao Bằng. Đặc biệt, đầu tháng 10/2019, chuỗi các hoạt động kỷ niệm 520 năm thành lập tỉnh Cao Bằng (1499-2019), 50 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969-2019) được tổ chức thành công tốt đẹp đã góp phần cổ vũ, động viên cán bộ, nhân dân trong tỉnh phấn khởi, tự hào, nỗ lực vươn lên thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, xây dựng Cao Bằng ngày càng phát triển. Các hoạt động đã diễn ra thành công và tạo nên tiếng vang trong và ngoài tỉnh như: Lễ kỷ niệm 520 năm thành lập tỉnh, 50 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền hình trực tiếp trên kênh VTV1 Đài Truyền hình Việt Nam ngày 03/10/2019; Chương trình “50 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chung tay xây dựng Cao Bằng”; Tuần văn hóa, thể thao, du lịch “Non nước Cao Bằng” từ ngày 02 đến ngày 06/10/2019 với cuộc thi “Người đẹp du lịch Non nước Cao Bằng” năm 2019; khai trương tuyến phố đi bộ Kim Đồng; Lễ hội ánh sáng Thác Bản Giốc. Công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, góp phần cung cấp đầy đủ thông tin về các sự kiện. Từ đó, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, góp phần tăng cường quảng bá tiềm năng, thế mạnh, thành tựu nổi bật về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và hình ảnh về quê hương, con người Cao Bằng đến đông đảo nhân dân trong tỉnh, trong nước và nước ngoài.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển rộng khắp; công tác đào tạo vận động viên năng khiếu, tuyển chọn, tập huấn đội tuyển tham dự các giải khu vực và toàn quốc được quan tâm.

Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả, hướng vào các lĩnh vực trọng tâm (nông nghiệp, công nghiệp, y dược, văn hóa - xã hội) và bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các đề tài, dự án và nghiên cứu thử nghiệm đã huy động đa dạng các nguồn lực để triển khai thực hiện, bước đầu mang lại hiệu quả. Nổi bật là nghiên cứu ứng dụng nhiều công nghệ mới trong việc phục tráng và phát triển các giống cây trồng đặc sản của địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa¹. Các đơn vị đã nghiên cứu, xây dựng quy trình bảo quản, chế biến nông sản phục vụ sản xuất nông nghiệp, bước đầu đem lại hiệu quả tích cực; các sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp². Cơ sở vật chất, tiềm lực khoa học và công nghệ được đầu tư đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động

1. Như: cam Trưng Vương; quýt Hà Trì, Trà Lĩnh; lê Thạch An, Bảo Lạc, Nguyên Bình; lúa nếp hương Bảo Lạc và Pì Pát Cao Bằng, đậu xanh, dạ hiến... Xây dựng mô hình sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến nấm hương đặc sản theo hướng công nghiệp tại tỉnh Cao Bằng; dự án Ứng dụng khoa học và công nghệ trồng một số giống cây ăn quả năng suất, chất lượng cao trên địa bàn xã Trường Hà, huyện Hà Quảng; dự án Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển chăn nuôi gia cầm phù hợp với điều kiện của xã Trường Hà, huyện Hà Quảng...

2. Như các nhãn hiệu tập thể: khẩu sli Nà Giàng, miến dong hương rừng Phja Oắc, rượu Tà Lùng, thịt bò Mông Cao Bằng, miến dong Nguyên Bình, quýt Trà Lĩnh, lê Đông Khê, nếp hương Bảo Lạc, chỉ dẫn địa lý “Trùng Khánh” cho sản phẩm hạt dẻ...

quản lý nhà nước và nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ cũng được duy trì, đặc biệt là với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc).

Hoạt động báo chí, phát thanh - truyền hình chất lượng ngày càng được nâng lên, góp phần phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Công tác thông tin đối ngoại được chú trọng. Hoạt động bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông, báo chí, phát thanh, truyền hình tiếp tục phát triển mạnh, kênh truyền hình Cao Bằng (CRTV) được phủ sóng toàn quốc qua sóng vệ tinh Vinasat-1. Toàn tỉnh có 800 trạm thu phát sóng thông tin di động, 151 điểm bưu điện văn hóa xã, 177 bưu cục và điểm phục vụ bưu điện; mật độ điện thoại đạt 98 thuê bao/100 dân. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước được quan tâm triển khai từ cấp tỉnh đến cấp xã; thực hiện đồng bộ hệ thống một cửa điện tử liên thông VNPT-iGate ở các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các huyện, thành phố. Hệ thống hội nghị truyền hình được đầu tư, trang bị, đáp ứng nhu cầu chỉ đạo, điều hành trực tuyến từ tỉnh đến huyện. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền điện tử có nhiều bước cải thiện đã góp phần từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được các cấp, các ngành quan tâm. Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố và mở rộng. Đội ngũ cán bộ y tế được bổ sung về số lượng, tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và đào tạo nghề nên chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được nâng lên. Việc khám, chữa bệnh cho người nghèo và

các đối tượng chính sách được ngành y tế quan tâm thực hiện. Các chương trình y tế quốc gia thực hiện có hiệu quả; thường xuyên giám sát dịch tễ, phát hiện sớm và ngăn chặn kịp thời dịch bệnh nguy hiểm và bệnh dịch mới nổi. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được duy trì và thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đạt mục tiêu và kế hoạch đề ra. Các bệnh viện tuyến tỉnh và huyện được cải tạo, nâng cấp, đầu tư trang thiết bị theo hướng hiện đại; hình thành thêm nhiều cơ sở y tế tư nhân, đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Ngành y tế đã tiếp nhận chuyển giao thành công nhiều tiến bộ y học mới, các kỹ thuật cao thuộc lĩnh vực chuyên khoa sâu; tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành y tế. Toàn tỉnh đạt tỷ lệ 15 bác sỹ/vạn dân, hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội; 100/161 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, vượt 3,5% mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Chương trình mục tiêu về y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình được triển khai có hiệu quả; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,17%, vượt 2,17% mục tiêu Nghị quyết Đại hội; 100% trạm y tế cấp xã thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ y tế tại cơ sở; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 19,9% năm 2015 xuống còn 16,6% năm 2020; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 0,91% năm 2015 xuống còn 0,88% năm 2020, đạt 100% mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Tỉnh đã chủ động kiểm soát, triển khai quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Nhận thức rõ xóa đói, giảm nghèo là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo từ việc xây dựng chương trình, kế hoạch xóa đói, giảm nghèo đến việc chỉ đạo thực hiện các dự án, huy động các

nguồn lực hỗ trợ các hộ nghèo phát triển sản xuất. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở thực hiện nhiều biện pháp và huy động nhiều nguồn lực, nhiều nguồn vốn tham gia nên công tác xóa đói, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội được triển khai đồng bộ; các chương trình mục tiêu, dự án, chính sách hỗ trợ vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện có hiệu quả. Đã đào tạo nghề cho 29.500 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 34% (năm 2015) lên 45% (năm 2020), đạt 100% mục tiêu Nghị quyết Đại hội, trong đó: đào tạo nghề cho lao động nông thôn được 7.770 người, nâng tỷ lệ qua đào tạo nghề từ 25,5% (năm 2015) lên 33% (năm 2020); tạo việc làm cho 55.600 lao động, đạt 100% kế hoạch, tăng cao so với giai đoạn trước. Các chính sách, dự án, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững như: Chương trình 135, 30a, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt, định canh định cư, vay vốn hỗ trợ phát triển sản xuất... được triển khai thực hiện có hiệu quả. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm 4,12%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội, với 30.360 hộ thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo còn 22,08%.

Công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được quan tâm đẩy mạnh; có 43.900 người tham gia bảo hiểm xã hội, chiếm 16% và 28.900 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 10% lực lượng lao động trong độ tuổi. Công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và phòng chống tệ nạn xã hội được quan tâm thực hiện có hiệu quả; công tác cứu trợ xã hội, khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai gây ra đảm bảo kịp thời.

Công tác thương binh, liệt sỹ và chăm sóc gia đình có công với cách mạng đã được các cơ quan, đoàn thể và đông đảo nhân dân tham gia và quan tâm thực hiện với các phong trào như uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, quyên góp, tặng quà cho các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình chính sách và người có công. Trong 5 năm, Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” của tỉnh đã vận động được gần 8 tỷ đồng. Từ nguồn tiền vận động, đã tặng 453 sổ tiết kiệm, xây dựng và sửa chữa 88 ngôi nhà tình nghĩa, tặng trên 35.000 suất quà... thể hiện sự tri ân của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đối với các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với đất nước.

Công tác quốc phòng, an ninh được Đảng bộ tỉnh đặc biệt quan tâm lãnh đạo. Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo tăng cường các biện pháp quản lý biên giới quốc gia. Công tác đối ngoại biên phòng, đối ngoại nhân dân hai bên biên giới tiếp tục được duy trì; triển khai quản lý, bảo vệ biên giới theo các văn kiện và các biên bản thỏa thuận của Ủy ban liên hợp biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề mới phát sinh một cách chủ động, kiên quyết để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia song vẫn gìn giữ được tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Bên cạnh việc quan tâm lãnh đạo bảo vệ biên giới quốc gia, Tỉnh ủy đã chú trọng chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương đảm bảo ứng phó với mọi tình huống xảy ra. Trong giai đoạn 2016-2020, Tỉnh ủy đã ban hành các nghị quyết về xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, chỉ đạo nâng cao chất lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên... Đồng thời, đẩy mạnh việc bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

Tỉnh đã triển khai xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, nòng cốt là xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Chú trọng kết hợp phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; chỉ đạo tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, diễn tập khu vực phòng thủ và diễn tập phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo kế hoạch: Năm 2016, tỉnh tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Cao Bằng. Năm 2018, phối hợp với Bộ Quốc phòng tổ chức thành công Giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 5 tại tỉnh Cao Bằng; tổ chức thành công diễn tập phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tại huyện Bảo Lâm, chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện Thạch An và huyện Hạ Lang; năm 2019, chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện Hà Quảng. Ở những nơi xung yếu, đã hình thành thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp tại chỗ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, thường xuyên bổ sung, hoàn thiện các phương án, kế hoạch tác chiến phòng thủ khu vực; tiến hành diễn tập theo phương án từ tỉnh đến cơ sở. Các lực lượng thường trực, lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ luôn được củng cố, tổ chức huấn luyện đạt thành tích cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Công tác tuyển quân hàng năm luôn đạt chỉ tiêu trên giao, đảm bảo chất lượng và đúng luật định. Tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Quần chúng tham gia tự quản đường biên, mốc quốc giới và an ninh, trật tự xóm bản khu vực biên giới”; chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời hoạt động chống phá của các thế lực thù địch

trên các lĩnh vực, không ngừng nâng cao tinh thần cảnh giác cho cán bộ và nhân dân, góp phần quan trọng vào việc phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo lực lượng công an tích cực, chủ động thực hiện các phương án đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; xây dựng và triển khai các phương án bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, các sự kiện chính trị quan trọng trên địa bàn tỉnh. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được đẩy mạnh; hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự được tăng cường; công tác đảm bảo an toàn giao thông đạt mục tiêu ba giảm. Về tổ chức, đã xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, bước đầu đã bố trí Công an chính quy tại một số xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự.

Trong nhiệm kỳ, lực lượng công an đã tập trung giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp xảy ra trên địa bàn tỉnh, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả hoạt động của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh. Cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương và ngành công an đã phát động phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; đồng thời triển khai, phối hợp tiến hành các đợt tấn công trấn áp các loại tội phạm, nhiều vụ việc được phát hiện, điều tra và đưa ra truy tố trước pháp luật, từng bước làm giảm hoạt động của các loại tội phạm, góp phần giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tỉnh. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, kiểm chế các loại tội phạm, tệ

nạn xã hội và tai nạn giao thông; thường xuyên tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đấu tranh triệt phá các ổ nhóm tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội, nhất là các loại tội phạm gây án nghiêm trọng được dư luận đặc biệt quan tâm. Năm 2016, toàn tỉnh xảy ra 317 vụ phạm pháp hình sự (giảm 08 vụ so với năm 2015); năm 2017, toàn tỉnh xảy ra 466 vụ phạm pháp hình sự; năm 2018, xảy ra 469 vụ phạm pháp hình sự; năm 2019, xảy ra 402 vụ phạm pháp hình sự (giảm 67 vụ so với năm 2018).

Trong những năm 2016-2020, các cơ quan chức năng trong khối nội chính đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật, tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật có nhiều chuyển biến tích cực, xây dựng các tủ sách pháp luật, đồng thời đẩy mạnh công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng pháp luật. Trách nhiệm, chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cấp, các ngành được nâng lên, nhiều vụ việc phức tạp được chỉ đạo giải quyết dứt điểm. Công tác thanh tra kinh tế - xã hội, thanh tra chuyên đề được tăng cường, góp phần tích cực vào công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Các cơ quan bảo vệ pháp luật đã tích cực điều tra, truy tố và xét xử các vụ án đúng người, đúng tội, đúng luật định, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa có nhiều chuyển biến tích cực theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, góp phần quan trọng vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Công tác thi hành án đạt kết quả khá với nhiều vụ việc được giải quyết.

Công tác đối ngoại được triển khai có hiệu quả, quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Cao Bằng với các tổ chức, địa

phương trong và ngoài nước tiếp tục được mở rộng, thu hút được nhiều nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) được củng cố, tăng cường theo hướng toàn diện, hiệu quả, thiết thực; tiếp tục mở rộng hợp tác với các tỉnh, thành khác của Trung Quốc; tổ chức gặp gỡ, giao lưu, hội đàm, hội thảo cấp tỉnh, cấp huyện và triển khai các thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên về phát triển kinh tế, du lịch, văn hóa và đào tạo cán bộ. Tích cực triển khai Chương trình phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 2016-2020, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), viện trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ phi chính phủ nước ngoài được quan tâm thực hiện. Toàn tỉnh đã thu hút 15 dự án FDI, 09 dự án ODA với tổng số vốn đầu tư 1.455,2 tỷ đồng; 37 dự án của 21 tổ chức phi chính phủ nước ngoài với tổng giá trị viện trợ 2,86 triệu USD.

Xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng toàn diện cả tư tưởng, chính trị, tổ chức và đạo đức, công tác cán bộ và đảng viên. Đảng bộ tỉnh thường xuyên tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; tổ chức triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Nhờ vậy, cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ nắm được đường lối, chủ trương của Đảng và các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động sát với tình hình thực tế của địa phương. Công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng có nhiều đổi mới thông qua việc triển khai 03 đề án trên lĩnh

vực tuyên truyền, giáo dục: (1) Đề án Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác học tập, quán triệt, tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng giai đoạn 2017-2020; (2) Đề án Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, điều tra, nắm bắt, định hướng dư luận xã hội phục vụ cho công tác lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp giai đoạn 2017-2020; (3) Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng trên quê hương Cao Bằng giai đoạn 2019-2025. Qua đó, tạo sự thống nhất nhận thức, sự đồng thuận trong việc cụ thể hóa, đưa các nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Đặc biệt, Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng trên quê hương Cao Bằng giai đoạn 2019-2025 đã góp phần làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy được những tiềm năng, lợi thế; tự hào về quê hương cách mạng, vững tin theo Đảng, có trách nhiệm hơn đối với quê hương, đất nước, với tỉnh và với nhân dân; từng bước thay đổi tư duy, quyết tâm, quyết liệt, sáng tạo, đoàn kết, thống nhất, chung tay, góp sức đưa Cao Bằng phát triển.

Công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được quan tâm; nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục được đổi mới, cán bộ, đảng viên được cung cấp kiến thức, phương pháp tư duy khoa học, có hệ thống, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Bên cạnh đó, đã chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; làm tốt công tác định hướng các hoạt động thông tin báo chí, xuất bản, tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa nổi bật của đất nước và của tỉnh; tổ chức thành công Hội thảo khoa học và Lễ kỷ niệm 115 năm Ngày sinh đồng chí Hoàng Đình Giọng -

lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam (1904-2019); các hoạt động kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên tỉnh Cao Bằng (01/4/1930 - 01/4/2020). Hoàn thiện cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2020)*.

Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII được quan tâm thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Đảng bộ tỉnh đã chủ động chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung đột phá thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về “Chủ động, trách nhiệm; nói đi đôi với làm; chống tư tưởng trông chờ, ỷ lại” trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020; Xây dựng Bộ tiêu chí chấm điểm thi đua để đánh giá kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nhiều mô hình, cách làm sáng tạo đã được thực hiện ở cơ sở. Các nội dung học tập được cụ thể hóa thành khẩu hiệu ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thực hiện, đóng khung treo tại công sở, khu dân cư. Việc tích cực tuyên truyền, nêu gương “người tốt, việc tốt”, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng điển hình tiên tiến¹ đã tạo sự lan tỏa trong toàn Đảng bộ và xã hội. Qua đó, đã tạo được chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các địa phương, đơn vị, cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh.

1. Kết quả khen thưởng từ năm 2016 đến năm 2019: Trung ương khen 01 tập thể và 02 cá nhân; cấp tỉnh khen 41 tập thể và 43 cá nhân; cấp huyện khen 228 tập thể và 417 cá nhân.

Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo tổ chức thành công Hội thi Giảng viên lý luận chính trị giỏi và Hội thi Báo cáo viên giỏi. Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục của các ngành tư tưởng - văn hóa, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng được tiến hành đồng bộ, kết hợp với việc mở các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ công tác cho cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện 06 chương trình trọng tâm của tỉnh; chủ động, kịp thời đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Công tác định hướng các hoạt động tuyên truyền, báo chí - xuất bản, khoa giáo, văn hóa - văn nghệ, lý luận chính trị và lịch sử Đảng luôn được chú trọng. Công tác thông tin đối ngoại; nghiên cứu, điều tra, nắm bắt, định hướng dư luận xã hội được quan tâm đổi mới, nâng cao chất lượng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng đã góp phần quan trọng trong việc thống nhất nhận thức, tư tưởng và hành động trong Đảng bộ; thay đổi nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân có trách nhiệm chung tay, góp sức xây dựng Cao Bằng trở thành tỉnh năng động, phát triển. Qua đó, giữ vững ổn định chính trị, củng cố niềm tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, góp phần tạo động lực để cán bộ, đảng viên phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

Công tác tổ chức, cán bộ và đảng viên đã từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo và thực hiện tốt công tác rà soát, điều chỉnh, xây dựng và bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp; triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống

chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tỉnh đã chú trọng công tác luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số ít người; đồng thời chỉ đạo xây dựng các đề án, kế hoạch thực hiện Chương trình Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ và Đề án “Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020”. Chỉ đạo và tổ chức thi tuyển công chức, viên chức hàng năm đúng quy định, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

Công tác quy hoạch cán bộ thực hiện dân chủ, công khai, thường xuyên rà soát, bổ sung vào quy hoạch những cán bộ trẻ, có năng lực, có triển vọng. Công tác điều động, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ thực hiện đảm bảo quy trình, từng bước thực hiện chủ trương người đứng đầu không phải là người địa phương. Trong nhiệm kỳ, đã luân chuyển, bổ nhiệm 89 đồng chí, giới thiệu ứng cử 412 đồng chí cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Công tác đánh giá cán bộ được thực hiện nghiêm túc, kết quả đánh giá hàng năm cơ bản phản ánh đúng năng lực, hiệu quả, mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. Cấp ủy đảng các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã căn cứ vào tiêu chuẩn từng chức danh cán bộ để xây dựng và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, năng lực thực tiễn¹. Chương

1. Đến năm 2019, số cán bộ được cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị là 1.427 đồng chí (trong đó: 329 đồng chí học hệ tập trung tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Chính trị khu vực I; 1.098 đồng chí học hệ không tập trung do Học viện Chính trị khu vực I mở tại Trường Chính trị Hoàng Đình Giông).

trình Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ giai đoạn 2016-2020 được quan tâm thực hiện hiệu quả. Trong nhiệm kỳ, đã đào tạo sau đại học 363 đồng chí, cao cấp lý luận chính trị 527 đồng chí, trung cấp lý luận chính trị 3.339 đồng chí; cử 27.823 lượt cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, quốc phòng - an ninh...; phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức thành công 02 lớp bồi dưỡng cán bộ dự nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Cao Bằng năm 2019.

Chất lượng đảng viên có nhiều chuyển biến tích cực. Đa số đảng viên tự giác rèn luyện, có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác và lao động. Vì thế, số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tương đối cao. Số đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt trên 80%. Công tác phát triển đảng viên mới được các cấp ủy quan tâm. Trong nhiệm kỳ 2015-2020, toàn Đảng bộ đã kết nạp 10.000 đảng viên mới, đạt 100% mục tiêu Nghị quyết Đại hội, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh lên trên 57.000 đảng viên. Do làm tốt công tác phát triển đảng viên mới nên trên địa bàn tỉnh đã không còn xóm trắng đảng viên và hạn chế số chi bộ ghép.

Trong nhiệm kỳ, tỉnh đã thực hiện tốt các chính sách đối với cán bộ, công chức; chủ động nắm và giải quyết vấn đề về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay đảm bảo đúng quy định; thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện và có biện pháp chấn chỉnh, xử lý, sử dụng phù hợp đối với những trường hợp có vấn đề về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay.

Quán triệt các Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, Đảng bộ tỉnh tập trung sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng 12 đề án thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, và về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Qua đó, đã sắp xếp 335 đầu mối bên trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện mô hình Văn phòng cấp ủy tỉnh phục vụ chung, đổi mới cơ chế hoạt động của Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; hợp nhất Đảng bộ Khối các Cơ quan tỉnh và Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh; thí điểm hợp nhất một số cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ tương đồng; thực hiện Trưởng ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, huyện; Trưởng ban Tuyên giáo đồng thời là Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, các xóm, tổ dân phố chặt chẽ, đúng quy trình, quy định và nhận được sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14 ngày 09/01/2020 và Nghị quyết số 897/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và đổi tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng, tỉnh đã chỉ đạo hoàn thành việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện (sáp nhập huyện Thông Nông vào huyện Hà Quảng thành huyện

Hà Quảng; sáp nhập huyện Quảng Uyên, huyện Phục Hòa và xã Quốc Toản, huyện Trà Lĩnh thành lập huyện Quảng Hòa; sáp nhập huyện Trà Lĩnh vào huyện Trùng Khánh thành huyện Trùng Khánh), cấp xã, các xóm, tổ dân phố và giảm số người hoạt động không chuyên trách. Sau khi sắp xếp, kể từ ngày 01/3/2020, tỉnh Cao Bằng có 10 đơn vị hành chính cấp huyện (giảm 03 huyện, tỷ lệ giảm 23,07%)¹; 161 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 139 xã, 08 phường và 14 thị trấn; giảm 38 xã, tỷ lệ giảm 19,1%); 1.462 xóm, tổ dân phố (giảm 1.025 xóm, tổ dân phố, tỷ lệ giảm 41,2%); giảm 21.874 người hoạt động không chuyên trách (xã giảm 2.374 người, xóm giảm 19.500 người). Sau sắp xếp, cán bộ, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; bộ máy mới đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả.

Công tác sắp xếp tổ chức đảng; kiện toàn ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy các cấp, đảng đoàn, ban cán sự đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên được thực hiện đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ của hệ thống chính trị. Chất lượng đảng viên, cấp ủy viên các cấp tiếp tục được nâng lên; duy trì 100% xóm có đảng viên, xóm có chi bộ. Trong nhiệm kỳ, đã kiện toàn cấp ủy đối với 867 tổ chức cơ sở đảng; giải thể, chia tách, sáp nhập, thành lập mới 122 chi bộ, đảng bộ cơ sở. Đến năm 2020, toàn Đảng bộ tỉnh có 15 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

1. Gồm các huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình, Hòa An, Hà Quảng, Hạ Lang, Quảng Hòa, Trùng Khánh, Thạch An, và thành phố Cao Bằng.

Công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; đồng thời, thực hiện tốt các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp. Thực hiện Quy định số 2150-QĐ/TU ngày 03/5/2019 của Tỉnh ủy Cao Bằng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, huyện, xã; Quy định số 2149-QĐ/TU ngày 03/5/2019 của Tỉnh ủy Cao Bằng về trách nhiệm của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh dự sinh hoạt với chi bộ khu dân cư thuộc đảng bộ được phân công phụ trách, 100% đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đã ban hành quy định, kế hoạch cụ thể về trách nhiệm dự sinh hoạt với chi bộ khu dân cư thuộc đảng bộ được phân công phụ trách của các đồng chí cấp ủy viên cùng cấp. Qua đó, kịp thời nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân và phản ánh các ý kiến của nhân dân tới các cơ quan chức năng xem xét giải quyết; kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh những lệch lạc, thiếu sót ở các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nắm tình hình các tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và các quy định về nêu gương được Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm chú trọng,

thông qua kế hoạch, chương trình hành động cụ thể¹. Trên cơ sở đó, các tổ chức cơ sở đảng tổ chức hội nghị quán triệt, đồng thời cụ thể hóa và ban hành chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên sát với chức năng, nhiệm vụ; từng cá nhân cán bộ, đảng viên xây dựng bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện với chi bộ vào dịp kiểm điểm cuối năm². Việc gợi ý kiểm điểm đối với cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc và cá nhân cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII được thực hiện nghiêm túc³; thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết và trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Các cấp ủy đã chỉ đạo khắc phục những khuyết điểm, hạn chế đã được

1. Kế hoạch số 93-KH/TU ngày 14/12/2016, Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 25/01/2017 thực hiện Nghị quyết trong toàn Đảng bộ tỉnh; chỉ đạo bổ sung nội dung thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII vào chương trình công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ nhiệm kỳ 2015-2020 và kế hoạch công tác hằng năm; ban hành Kế hoạch số 160-KH/TU ngày 18/8/2017 về kiểm tra việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện; Kế hoạch số 229-KH/TU ngày 14/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016.

2. 100% đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và các tổ chức cơ sở đảng tổ chức hội nghị quán triệt; các chi bộ, đảng bộ cơ sở tổ chức được 2.133 hội nghị, với tổng số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và quần chúng tham gia học tập là 83.998 lượt người.

3. Trong 3 năm 2017-2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã gợi ý kiểm điểm, kiểm điểm sâu đối với 18 tập thể; 33 đồng chí là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành và tương đương; yêu cầu 04 đơn vị báo cáo kết quả khắc phục những hạn chế đã được chỉ ra trong kỳ kiểm điểm trước.

chỉ ra sau kiểm điểm như trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc thực hiện quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý cán bộ; mất đoàn kết nội bộ; tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; các vấn đề được dư luận quan tâm và các vụ việc tồn đọng kéo dài, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thường xuyên được quan tâm lãnh đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Hàng năm, Ban Chấp hành Đảng bộ chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, trong đó tập trung vào việc kiểm tra các tổ chức đảng, đảng viên, việc chấp hành Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và những đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Thực hiện Hướng dẫn số 20-HĐ/UBKTTW ngày 12/01/2016 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021; Quy định số 86-QĐ/TW ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị về giám sát trong Đảng và Hướng dẫn số 02-HĐ/UBKTTW ngày 12/9/2017 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện quy định giám sát trong Đảng, Tỉnh ủy đã ban hành và tổ chức thực hiện các Quy định: về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; về tổ chức, hoạt động của đoàn kiểm tra, đoàn giám sát của Tỉnh ủy. Tỉnh ủy đã phân công Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; chỉ đạo các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tự kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

các Chương trình: Phát triển Du lịch giai đoạn 2016-2020, Chương trình Phát triển hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020, Chương trình phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 2016-2020; việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương.

Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tập trung kiểm tra, giám sát những lĩnh vực, địa bàn nổi cộm, dễ phát sinh tiêu cực; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; nhiều vụ việc phức tạp, dư luận quan tâm được xem xét, giải quyết; xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm đảm bảo nguyên tắc, quy định của Đảng; sự phối hợp giữa cơ quan kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra nhà nước và cơ quan điều tra, truy tố, xét xử của cơ quan tư pháp ngày càng chặt chẽ. Trong nhiệm kỳ, cấp ủy các cấp đã kiểm tra 5.336 lượt đảng viên, 4.192 lượt tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 1.237 tổ chức đảng và 2.637 đảng viên; thi hành kỷ luật 05 tổ chức đảng và 216 đảng viên; thành lập các đoàn kiểm tra khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của các tổ chức, cá nhân đã được chỉ ra, trách nhiệm nêu gương của một số cán bộ lãnh đạo diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ủy ban Kiểm tra các cấp đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 10 tổ chức đảng và 97 đảng viên; tiến hành giải quyết đơn thư tố cáo đối với 54 trường hợp; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 02 trường hợp; giám sát 702 đảng viên và 507 tổ chức đảng; kiểm tra 100 tổ chức đảng về thu chi ngân sách; kiểm tra 972 tổ chức đảng và

5.007 đảng viên về thu, nộp, quản lý, sử dụng đảng phí; thi hành kỷ luật 123 đảng viên.

Công tác dân vận không ngừng được củng cố, chú trọng đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở; bám sát vào các nội dung, chương trình công tác của cấp ủy. Đồng thời, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tổ chức tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Thường xuyên quan tâm kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo các cấp. Do vậy, công tác dân tộc, tôn giáo đã có nhiều chuyển biến tích cực, kết cấu hạ tầng cơ sở vùng dân tộc thiểu số được quan tâm, đầu tư xây dựng, đời sống đồng bào dân tộc được cải thiện, đoàn kết các dân tộc được giữ vững. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được tăng cường; chủ động nắm tình hình, hướng dẫn, tạo điều kiện để các tôn giáo hoạt động theo đúng quy định. Toàn tỉnh hiện có 3 tôn giáo hoạt động tại 78 xã, phường, thị trấn, với hơn 27.000 tín đồ, phật tử. Các tôn giáo cơ bản hoạt động đúng tôn chỉ mục đích, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tuyên truyền, vận động người dân nêu cao cảnh giác trước âm mưu của các thế lực thù địch, không tin và làm theo luận điệu của kẻ xấu; chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ vững an ninh trật tự và an ninh chính trị trên địa bàn. Đồng thời, tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản của Trung ương, của tỉnh về công tác dân tộc, tôn giáo; thực hiện tốt các chỉ đạo của Trung ương về thực hiện chính sách dân tộc, tôn

giáo, chăm lo nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số, đặc biệt là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn của tỉnh. Tỉnh cũng đã xây dựng Đề án “Tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, biên giới, có đạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020”, Đề án “Công tác cán bộ dân tộc Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô và các dân tộc thiểu số ít người khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025”. Thường xuyên nắm tình hình cơ sở, đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số, vùng có đạo. Việc đấu tranh với tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh tiếp tục được quan tâm chỉ đạo kịp thời.

Hoạt động dân vận từng bước đi vào nền nếp. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng mô hình “Dân vận khéo” ở khu dân cư tiếp tục được chỉ đạo triển khai hiệu quả; đã có 2.471/2.487 (99,35%) xóm, tổ dân phố thành lập tổ dân vận; tích cực tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, góp phần củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính quyền các cấp tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các cấp, các ngành đã chủ động phối hợp, tích cực nắm tình hình cơ sở, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ và công tác hòa giải trong nội bộ nhân dân, góp phần giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh từ cơ sở. Việc xây dựng, duy trì và thực

hiện quy chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác dân vận được đẩy mạnh. Các phong trào thi đua yêu nước gắn với việc học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã huy động được cả hệ thống chính trị tham gia, nhiều mô hình, điển hình có sức lan tỏa được nhân rộng. Toàn tỉnh duy trì và xây dựng được 5.290 mô hình “*Dân vận khéo*” trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Vai trò của quần chúng trong công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương được phát huy.

Công tác nội chính và phòng chống tham nhũng được triển khai thực hiện có hiệu quả. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 3 khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt việc kê khai minh bạch tài sản, thu nhập và kiểm soát việc kê khai tài sản theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật được đẩy mạnh, định hướng tư tưởng và dư luận xã hội trước những vụ việc, vụ án tham nhũng phức tạp, nhạy cảm. Công tác thanh tra kinh tế - xã hội, thanh tra chuyên đề được tăng cường, góp phần tích cực vào công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Trong nhiệm kỳ, thanh tra các cấp, ngành đã tiến hành 651 cuộc thanh tra, kiểm tra về kinh tế - xã hội, kịp thời phát hiện sai phạm và kiến nghị thu hồi, khắc phục hậu quả.

Cùng với việc quan tâm lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng xây dựng hệ thống chính quyền vững mạnh theo chương trình cải cách

hành chính của Chính phủ. Hội đồng nhân dân tỉnh được củng cố một bước về tổ chức, bộ máy. Thông qua bầu cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021, Hội đồng nhân dân các cấp đã được kiện toàn về tổ chức và nhân sự, với 50 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 397 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và 4.484 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Trong giai đoạn 2016-2020, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 138 nghị quyết; trong đó: lĩnh vực kinh tế - xã hội 56 Nghị quyết; lĩnh vực nông nghiệp 11 nghị quyết; lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục 15 nghị quyết; lĩnh vực quốc phòng - an ninh 04 nghị quyết và các nghị quyết khác về lĩnh vực tư pháp, xây dựng chính quyền địa phương. Đó chính là cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai và thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân đảm bảo đúng luật định. Tại các kỳ họp, các đại biểu tham gia thảo luận, xem xét các báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết, thực hiện chất vấn và quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương như: kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, công tác điều hành của Ủy ban nhân dân, cải cách thủ tục hành chính, giải ngân trong xây dựng cơ bản, bảo vệ môi trường, giải phóng mặt bằng, đền bù đất đai..., là những vấn đề trọng tâm được cử tri và nhân dân quan tâm, cần có vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân các cấp đã đổi mới mạnh mẽ về phương thức và nội dung hoạt động. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu

Hội đồng nhân dân tích cực tiến hành công tác giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, đặc biệt là các vấn đề kinh tế - xã hội, những vấn đề liên quan đến đời sống của nhân dân. Qua hoạt động tiếp xúc cử tri, các đại biểu Hội đồng nhân dân đã kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để phản ánh lại với cấp ủy, chính quyền, đề ra những chủ trương, giải pháp đúng đắn giải quyết những yêu cầu chính đáng của nhân dân. Những năm gần đây, Hội đồng nhân dân đã và đang khẳng định là cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp đảm bảo tuân thủ đúng quy chế làm việc và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, Ủy ban nhân dân các cấp đã đi sâu, đi sát cơ sở, từng bước nâng cao vai trò quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương. Công tác cải cách hành chính được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ và đạt được nhiều kết quả tích cực; đã thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; triển khai thực hiện phần mềm hệ thống một cửa liên thông hiện đại ở 100% các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện; tổ chức đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, huyện, thành phố (DDCI) và chỉ số cải cách hành chính (PAR-INDEX). Ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính cũng được tăng cường. Việc thực hiện cơ chế một cửa và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc ở các

cơ quan, đơn vị đã đem lại kết quả thiết thực, rút ngắn thời gian xử lý công việc, tạo thuận lợi cho hoạt động giao dịch của người dân và doanh nghiệp.

Ủy ban nhân dân các cấp đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Quy chế làm việc, Chương trình công tác để điều hành phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề trọng tâm với tinh thần trách nhiệm cao; quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, sâu sát thực tiễn để thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 gắn với xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ và đẩy mạnh sản xuất, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư, chỉ đạo tăng cường các giải pháp thu ngân sách. Đồng thời, chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương chú trọng quảng bá, xúc tiến đầu tư đối với các dự án trọng điểm về giao thông, thương mại và du lịch... Qua đó, sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp được tăng cường, kinh tế - xã hội của tỉnh có sự phát triển, môi trường đầu tư, kinh doanh được quan tâm và cải thiện, lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; công tác cải cách hành chính, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính các cấp từng bước được cải thiện; quốc phòng - an ninh được giữ vững và tăng cường.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong những năm 2016-2020 có những chuyển biến tích cực. Qua đó, đã tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên vượt qua khó khăn, giúp đỡ nhau phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở địa

phương, cơ sở, phối hợp đẩy mạnh thực hiện công tác quốc phòng - an ninh, phòng chống tệ nạn xã hội.

Cùng với sự phát triển chung của tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng đã có sự tiến bộ về nhiều mặt, ngày càng khẳng định vị trí của mình trong hệ thống chính trị, được đông đảo các tầng lớp nhân dân tin cậy. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, tập trung tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào thi đua, góp phần đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống. Công tác giám sát và phản biện xã hội từng bước được triển khai thực hiện có hiệu quả, dân chủ ở cơ sở được tăng cường, quyền làm chủ của nhân dân ngày càng được phát huy, góp phần tạo mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Phương thức hoạt động của hệ thống Mặt trận Tổ quốc các cấp có nhiều đổi mới, công tác phối hợp hoạt động với các cơ quan nhà nước, tổ chức thành viên ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được củng cố, tăng cường, mở rộng, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng. Trong giai đoạn này Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên đã vận động ủng hộ Quỹ “Xây dựng nông thôn mới” được gần 30 tỷ đồng; vận động nhân dân hiến trên 293.258 m² đất, huy động 149.489 lượt ngày công lao động, 135 tấn xi măng để làm đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương nội đồng, làm nhà văn hóa và các công trình phúc lợi. Quỹ “Vì người nghèo” các cấp đã vận động được trên 40 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 980 ngôi nhà Đại đoàn kết; tặng

gần 33 nghìn suất quà Tết cho người nghèo trị giá trên 17 tỷ đồng; hỗ trợ 287 hộ nghèo trên 1,6 tỷ đồng phát triển sản xuất; hỗ trợ hàng nghìn bệnh nhân nghèo, học sinh nghèo với số tiền gần 500 triệu đồng... Với những kết quả đạt được, công tác Mặt trận đã góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh và các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XVIII đã đề ra.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Cao Bằng đã triển khai sâu rộng các phong trào hành động cách mạng, tạo sức lan tỏa trong đoàn viên, hội viên thanh niên với những công trình, phần việc cụ thể. Phong trào thanh niên tình nguyện được các cấp bộ đoàn toàn tỉnh triển khai thiết thực, hiệu quả gắn với các chương trình “Xuân tình nguyện”, “Tháng Ba biên giới”, Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè; đẩy mạnh các hoạt động thực hiện “Ngày công lao động xã hội chủ nghĩa”, “Ngày thứ bảy tình nguyện”, “Ngày chủ nhật xanh”, “Tình nguyện mùa đông”, tình nguyện chung tay xây dựng nông thôn mới; tham gia xây dựng đô thị văn minh và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu... Riêng trong năm 2019, đã huy động được 139.951 ngày công lao động xã hội chủ nghĩa tham gia làm đường giao thông nông thôn, xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa; sửa chữa và xây dựng 07 nhà nhân ái; tham gia giúp đỡ 194 gia đình nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình neo đơn tu sửa nhà ở, di chuyển gia súc ra khỏi gầm nhà sàn; tổ chức 261 cuộc tư vấn, tuyên truyền về các dịch bệnh thường xảy ra, tổ chức các hoạt động tư vấn sức khỏe, khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho 5.718 người; vận động hơn 1.500 cán

bộ, hội viên thanh niên tham gia hiến máu tình nguyện, thu được 988 đơn vị máu; tổ chức được hơn 220 hoạt động “Ngày thứ bảy tình nguyện” và “Ngày chủ nhật xanh” với các hoạt động vệ sinh môi trường khu vực trung tâm các huyện, thành phố với 8.000 đoàn viên, thanh niên tham gia; hỗ trợ 1.425 người dân thực hiện thủ tục hành chính; duy trì hoạt động của 146 tuyến đường thanh niên - phụ nữ tự quản “Xanh - sạch - đẹp - an toàn”. Toàn tỉnh tổ chức tuyên truyền vận động thanh, thiếu nhi và người dân hưởng ứng “Giờ trái đất năm 2019” thu hút trên 1.500 lượt đoàn viên, trồng được 98.741 cây xanh các loại...; thông qua các hoạt động đoàn, chất lượng tổ chức cơ sở đoàn được nâng lên.

Công đoàn các cấp từ tỉnh đến cơ sở đã có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, thực hiện tốt chức năng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho công nhân, viên chức và người lao động; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tạo sự đồng thuận trong xã hội. Phong trào công nhân, viên chức, người lao động và hoạt động công đoàn của tỉnh đã được triển khai rộng khắp, thu hút sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của đội ngũ công nhân, viên chức và người lao động trên địa bàn. Các phong trào thi đua do Công đoàn và địa phương phát động được các cấp công đoàn triển khai thực hiện có hiệu quả; xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua phù hợp với từng đơn vị, địa phương, trọng tâm là: Phong trào thi đua “Lao động giỏi”, “Lao động sáng tạo”, “Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp”, “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”, “Thi đua phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

nông nghiệp và phát triển nông thôn”, “Xanh - sạch - đẹp, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động”; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của đoàn viên, người lao động. Các công đoàn cơ sở đã tổ chức tuyên truyền được 1.144 cuộc cho trên 25.000 người; có 709/932 công đoàn cơ sở tổ chức hoạt động văn nghệ, thể thao thu hút trên 13 nghìn lượt công nhân, viên chức, người lao động tham gia; 100% công đoàn cơ sở tổ chức triển khai cho đoàn viên, công nhân, viên chức, người lao động học tập và đăng ký phân việc làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chủ đề hàng năm, gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị và chức trách, nhiệm vụ của từng cá nhân. Hoạt động của Công đoàn các cấp đã bám sát nhiệm vụ chính trị, tạo sự lan tỏa mạnh trong các cấp công đoàn, trở thành mục tiêu và động lực vượt khó, sáng tạo đối với mỗi đoàn viên, góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mỗi đơn vị, địa phương.

Hội Phụ nữ tỉnh tích cực vận động chị em tham gia các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá. Các cấp hội phối hợp với trung tâm khuyến nông mở các lớp chuyển giao khoa học - kỹ thuật, bồi dưỡng kinh nghiệm làm kinh tế gia đình cho các tầng lớp phụ nữ. Đồng thời, phát động phong trào xây dựng gia đình văn hóa theo các tiêu chí: no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh tiếp tục được các cấp hội tích cực triển khai thực hiện; đã tuyên truyền, vận động hội viên phụ nữ và người

dân về mục đích, ý nghĩa, các tiêu chí của Cuộc vận động, tập trung hướng dẫn thực hiện tiêu chí “ba sạch” trong năm 2019. Nhờ đó 41.846 lượt hội viên phụ nữ được hướng dẫn, cung cấp thông tin, kiến thức; tham gia tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, nạo vét kênh, mương, tu sửa đường liên thôn, xóm được 76.788 công lao động; xây dựng mới 60 mô hình. Toàn tỉnh có 2.521/2.521 chi hội xây dựng được lực lượng hội viên nòng cốt. Với tinh thần chủ động, đổi mới, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp tỉnh Cao Bằng đã triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua và các nhiệm vụ trọng tâm của Hội. Công tác tập hợp, thu hút và phát triển hội viên, nâng cao năng lực cán bộ hội, xây dựng tổ chức hội vững mạnh, hoạt động đối ngoại nhân dân được quan tâm chỉ đạo góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhận được sự ủng hộ của các cấp ủy, chính quyền, sự hưởng ứng nhiệt tình của các hội viên...

Hội Nông dân tỉnh đã tích cực vận động hội viên tham gia phong trào làm kinh tế gia đình, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, làm thủy lợi, giao thông nông thôn. Hội đã đẩy mạnh thực hiện phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, tăng cường tổ chức các hội nghị tập huấn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng nông thôn mới. Các cấp hội đã đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân tích cực tham gia các hoạt động trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh như tu sửa, phát quang và vệ sinh đường làng, ngõ xóm, làm mới đường giao thông nội đồng, bê tông hóa đường giao thông nông

thôn... Đến năm 2019 đã xây dựng được 72,9 km đường nông thôn với 41.675 công lao động; tu sửa, nạo vét kênh mương thủy lợi được 9.997 công lao động với chiều dài 122,8 km; làm mới mương thủy lợi được 1.830 m, cải tạo, kiên cố được 03 cầu, cống; tham gia xây dựng công trình nước sạch, tu sửa nhà văn hóa, trường học...; đóng góp tiền mặt được trên 1.225 triệu đồng; hiến 112.548 m² đất làm đường nội đồng; vận động hội viên, nông dân đăng ký di dời chuồng trại ra khỏi gầm nhà sàn, xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh được 3.608 cái; tổ chức vận động được 80.923 hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình nông dân văn hóa...

Hội Cựu chiến binh tỉnh Cao Bằng luôn giữ vững và phát huy bản chất “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; có uy tín trong cộng đồng dân cư, làm nòng cốt trong các phong trào, các cuộc vận động ở khu dân cư; sống nghĩa tình với đồng đội, với nhân dân; tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Là một trong những tổ chức đoàn thể quần chúng thu hút được đông đảo hội viên tham gia, với nhiều hình thức đa dạng, cách làm hay, năm 2018, các cấp hội đã tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên tham gia làm đường giao thông nông thôn, nạo vét, sửa chữa công trình thủy lợi chuẩn bị cho sản xuất nông nghiệp được 42.572 công lao động và ủng hộ 1.349.680.000 đồng để mua vật liệu làm đường giao thông; đóng góp 44.000.000 đồng để xây dựng nhà văn hóa; hiến 120.970 m² đất để xây dựng các công trình dân sinh; 188 hộ gia đình cựu chiến binh đã di dời chuồng trại ra khỏi gầm nhà sàn; ủng hộ Diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, xã 84.687.000 đồng, 496 cây các loại, 176 kg lương thực, thực phẩm và 2.693 công

lao động phục vụ diễn tập. Năm 2019, tổ chức vận động, động viên hội viên được 28.689 công lao động, hiến 42.438 m² đất, ủng hộ 544.910.000 đồng; phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương được 143 buổi với 13.204 đoàn viên thanh niên tham gia... Đồng thời, Hội Cựu chiến binh luôn quan tâm đấu tranh bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của cựu chiến binh; tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền; góp phần củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị cơ sở...

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Cao Bằng luôn phát huy truyền thống què hương cội nguồn cách mạng và sức mạnh đoàn kết các dân tộc, quyết tâm, quyết liệt, đổi mới, sáng tạo, trách nhiệm, kỷ cương, nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách; lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đảng bộ tỉnh đã định hướng đúng chiến lược để huy động mọi nguồn lực của tỉnh tháo gỡ 03 điểm nghẽn, nút thắt, tập trung vào 03 đột phá chiến lược nhằm phát huy 05 lợi thế của tỉnh, làm đến đâu dứt điểm đến đó, khắc phục tình trạng dàn trải, dỏ dang, dàn hàng ngang cùng tiến, nợ đọng vốn... Kinh tế của tỉnh liên tục phát triển năm sau cao hơn năm trước; 17/17 chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đạt và vượt kế hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư và từng bước hoàn thiện theo hướng hiện đại; bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều đổi mới. Đời sống vật chất,

tin thần của đồng bào các dân tộc không ngừng được cải thiện. Quốc phòng - an ninh được củng cố, tăng cường, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được còn có những hạn chế: quy mô nền kinh tế nhỏ, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh thấp so với bình quân chung cả nước. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế còn chậm. Khu vực kinh tế tập thể chưa phát triển; các doanh nghiệp địa phương chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, cơ cấu ngành nghề chưa hợp lý. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế - xã hội chưa đồng bộ. Cải cách hành chính chuyển biến chậm; các loại hình dịch vụ du lịch còn nghèo nàn, tính liên kết vùng trong phát triển du lịch còn yếu. Chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn thấp. Chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững. Nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ còn ít. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội và hoạt động của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh còn diễn biến phức tạp. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng trong đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ít người còn gặp nhiều khó khăn. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu. Năng lực, ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, đảng viên chưa cao. Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có mặt còn hạn chế nhất là cấp cơ sở. Công tác dân vận ở các cơ quan nhà nước chưa được quan tâm đúng mức; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ở một số nơi còn hình thức. Hoạt

động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa thực sự toàn diện, sâu rộng.

Những kết quả đạt được trong 5 năm 2016-2020 đã tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lãnh đạo nhân dân địa phương đẩy mạnh toàn diện và sâu rộng công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trên hành trình cùng cả nước đẩy mạnh thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng tiếp tục phát huy truyền thống và thành tựu đã đạt được; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, vận dụng sáng tạo những bài học kinh nghiệm được đúc kết từ thực tiễn hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ, đưa tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, phấn đấu xây dựng Cao Bằng trở thành tỉnh năng động, giàu về kinh tế, phát triển về văn hóa - xã hội, vững mạnh về chính trị, quốc phòng - an ninh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

KẾT LUẬN

Chín mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam mà trực tiếp là Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã trải qua những chặng đường đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh, nhưng vô cùng oanh liệt, vẻ vang và giành được những thành tựu to lớn, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc. Là tỉnh có đường biên giới dài trên 333 km, Cao Bằng luôn có một vị trí hết sức quan trọng trong công cuộc dựng nước và giữ nước.

Cuối thế kỷ XIX, từ khi thực dân Pháp đánh chiếm Cao Bằng, không cam chịu các chính sách nô dịch hà khắc, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nổi dậy đấu tranh mạnh mẽ chống lại ách thống trị tàn bạo của chúng. Song, do thiếu một chính đảng của giai cấp tiên tiến lãnh đạo và đường lối cách mạng đúng đắn nên đã thất bại.

Trong hoàn cảnh lịch sử đó, tổ chức đảng ở Cao Bằng đã được thành lập sớm. Tháng 12/1929, đồng chí Hoàng Đình Giông, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Văn Nọn được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng và tuyên bố thành lập chi bộ Hải ngoại (Long Châu, Trung Quốc). Đồng chí Hoàng Đình Giông được bầu làm Bí thư Chi bộ. Chi bộ Long Châu có nhiệm vụ gây dựng và phát triển phong trào quần chúng

cách mạng ở vùng biên giới Cao Bằng - Lạng Sơn. Sau sự kiện Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 3/2/1930), gần 2 tháng sau, ngày 01/4/1930, Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Cao Bằng được thành lập tại Nặm Lìn, xã Hoàng Tung, châu Hòa An. Với 3 đảng viên, Chi bộ làm nhiệm vụ “Tỉnh ủy lâm thời”, lãnh đạo phong trào cách mạng của tỉnh. Đến tháng 7/1933, Ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đã công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

Sự ra đời sớm của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng hợp với quy luật, hợp với xu thế phát triển của thời đại và của dân tộc, đã tỏ rõ vai trò và trách nhiệm lớn lao của những người cộng sản Cao Bằng mà không có tổ chức chính trị nào có thể thay thế được. Việc Đảng bộ tỉnh Cao Bằng được thành lập sớm đã có tác động tích cực đến quá trình hình thành và phát triển của các tổ chức cộng sản trên toàn quốc cũng như thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa sự phát triển của phong trào cách mạng trong cả nước.

Đến năm 1935, trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã có 10 chi bộ với trên 70 đảng viên, một Tỉnh ủy và 2 Châu ủy. Sự ra đời sớm của tổ chức đảng ở Cao Bằng đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc Cao Bằng; từ đây, sức mạnh tiềm tàng, ngọn lửa đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Cao Bằng được quy tụ và nhân lên dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng. Phong trào đấu tranh của nhân dân Cao Bằng bước vào giai đoạn mới hòa nhịp với phong trào cách mạng trong cả nước.

Tại Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất tổ chức tại Ma Cao (Trung Quốc) năm 1935, đồng chí Hoàng Đình Giông được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng, phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ; đồng chí Bùi Bảo Vân được bầu làm Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng. Cũng trong năm 1935, đồng chí Hoàng Văn Nọn, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng được chọn làm đại biểu chính thức của Đảng Cộng sản Đông Dương đi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản họp tại Liên Xô. Trở về nước, đồng chí được Đảng giao nhiệm vụ Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ.

Thời kỳ vận động cách mạng 1936-1939, dưới ánh sáng Nghị quyết của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã vận dụng nhạy bén, sáng tạo đường lối chiến lược của Đảng, tập hợp quần chúng nhân dân dưới ngọn cờ Mặt trận dân chủ Đông Dương đấu tranh đòi quyền lợi dân chủ và cải thiện đời sống. Phong trào “Đại hội Đông Dương”, phong trào “Dân nguyện” đã thu hút đông đảo quần chúng các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao... tham gia. Đặc biệt là cuộc biểu dương lực lượng do các châu cử lên tập trung tại km 5 đường Cao Bằng - Hà Nội trên quốc lộ 3 với khoảng 2.000 người để đưa bản “Dân nguyện” cho Phái đoàn đại diện Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp. Cuộc biểu dương lực lượng này là cuộc tổng diễn tập quần chúng đấu tranh trực diện với kẻ thù, đã tác động sâu sắc tới phong trào cách mạng trong tỉnh từ vùng thấp đến vùng cao.

Những năm 1931-1935, 1936-1939, thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc khủng bố ác liệt, dã man nhằm tiêu diệt các tổ chức cộng sản và đàn áp phong trào cách mạng của quần

chúng. Ở nhiều tỉnh, thành trong cả nước, phong trào quần chúng tạm thời ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng. Tại Cao Bằng, dù bị tổn thất, thiệt hại lớn nhưng các tổ chức đảng ở đây vượt lên trên sự khủng bố của kẻ thù, ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã có hơn 100 đảng viên, có nhiều cơ sở đảng ở Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Quảng Uyên, Thạch An... Đây là những nhân tố quan trọng đầu tiên lãnh đạo phong trào cách mạng Cao Bằng giành được những thắng lợi to lớn hơn trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Ngày 28/01/1941, Cao Bằng vinh dự được đón lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Tại Pác Bó, nơi cội nguồn cách mạng, Người đã chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941), Hội nghị đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam; nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu là tập trung đánh đổ phát xít, đế quốc, giải phóng dân tộc; quyết định thành lập Mặt trận thống nhất rộng rãi, lấy tên là Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt Minh); chỉ đạo thành lập các tổ chức hội quần chúng lấy tên là các Hội Cứu quốc; đồng thời quyết định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Sự chuyển hướng đó đã tạo ra bước nhảy vọt của phong trào cách mạng cả nước cũng như ở Cao Bằng. Sau khi hoàn thành việc thí điểm tổ chức Việt Minh ở ba châu: Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, phong trào Việt Minh đã phát triển khắp các châu trong tỉnh; các đội vũ trang được thành lập.

Ở Pác Bó, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bàn với các đồng chí ở Cao Bằng ra một tờ báo để tuyên truyền chủ trương, chính sách, đường lối của Mặt trận Việt Minh nhằm thúc đẩy các tổ chức cứu quốc phát triển. Tháng 8/1941, báo *Việt Nam độc lập* được thành lập do Người trực tiếp phụ trách. Đây là tờ báo có tuổi thọ cao nhất trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và là tờ báo cách mạng duy nhất xuất bản được 126 số trong điều kiện bí mật, bảo đảm an toàn ở một tỉnh. Tuy danh nghĩa địa phương, báo *Việt Nam độc lập* đã có ý nghĩa và tác dụng vượt xa cả không gian và thời gian. Báo *Việt Nam độc lập* đã thực sự trở thành một vũ khí sắc bén của Mặt trận Việt Minh trong cuộc vận động giải phóng dân tộc.

Ở Cao Bằng, phong trào Việt Minh trở thành cao trào, nhiều xã, tổng, châu Việt Minh hoàn toàn ra đời. Đây là cơ sở để Đảng lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Được Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp giáo dục, đào tạo, rèn luyện, Cao Bằng có một đội ngũ cán bộ chính trị, quân sự đủ đức, đủ tài để xây dựng căn cứ địa cách mạng vững chắc; mở rộng phong trào cách mạng theo các tuyến đường Nam tiến, góp phần hình thành căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng rộng lớn, sau đó mở rộng xây dựng thành khu giải phóng Việt Bắc.

Ngày 22/12/1944, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập tại Khu rừng Trần Hưng Đạo (xã Tam Kim, châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng) do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Trong số 34 chiến sỹ đầu tiên của Đội, có 25 người là con em các dân tộc tỉnh Cao Bằng, trong đó có đồng chí Dương Mạc Thạch (tức Xích Thắng) làm Chính trị

viên. Sau 2 ngày thành lập, Đội đã lập những chiến công vang dội, tiêu diệt hai đồn địch: Phai Khắt và Nà Ngần. Việc thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với chiến thắng ở Phai Khắt và Nà Ngần có tác dụng mạnh mẽ, gây hoang mang lo sợ trong hàng ngũ địch; đồng thời cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng của quần chúng, chuẩn bị đón thời cơ vùng lên đập mọi xiềng xích thực dân, phát xít, giành chính quyền cách mạng.

Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1941 đến khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, có trên 25 cuốn sách được in và phát hành ở Cao Bằng, chiếm hơn 60% trong tổng số (khoảng 40 cuốn) sách cách mạng in trên cả nước, bao gồm sách của Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh, của Tỉnh ủy và Tỉnh bộ Việt Minh. Như vậy, Cao Bằng là trung tâm xuất bản sách cách mạng, góp phần rất quan trọng vào việc tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng tham gia xây dựng và phát triển phong trào Việt Minh sôi nổi, mạnh mẽ, rộng khắp.

Thời gian hoạt động tại Cao Bằng, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã xây dựng được những nhân tố để bảo đảm thắng lợi cho cách mạng. Đó là, sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất, sáng lập lực lượng vũ trang, sáng lập chính quyền nhân dân, xây dựng thành công căn cứ địa cách mạng. Chính vì vậy mà Cao Bằng trở thành “đại bản doanh”, “chiếc nôi”, “trung tâm” của cách mạng Việt Bắc và toàn quốc. Ngay sau khi trở về Tổ quốc, trên mảnh đất Cao Bằng, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã bắt tay ngay vào tổ chức và hành động để thực hiện những điều mà suốt 30 năm nay Người ấp ủ và

mong đợi. Trên thực tế, từ địa danh lịch sử Cao Bằng, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã thực hiện trọn vẹn đến mức tuyệt vời quá trình vận động mang tính quy luật đó của cách mạng Việt Nam.

“Phải có Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941) ở Khuổi Nặm, Pác Bó, Cao Bằng mới đi đến được quyết định của Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (tháng 8/1945). Phải có sự ra đời của Mặt trận Việt Minh năm 1941 ở Cao Bằng mới có được sự tập hợp và phát triển lực lượng cách mạng chưa từng có, lực lượng của toàn dân tộc để đi đến biểu thị sức mạnh, ý chí của toàn dân trong Quốc dân Đại hội ở Tân Trào lập nên Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời, mà Khu giải phóng lúc đó là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau này. Từ đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân thành lập ở Cao Bằng đi đến thống nhất các lực lượng vũ trang thành Quân giải phóng Việt Nam và đơn vị Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào về Thái Nguyên (16/8/1945) và rồi tiến về Hà Nội”¹. Cũng từ Cao Bằng, nhiều cán bộ chính trị, quân sự được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đào tạo, rèn luyện đã được Đảng điều đi hoạt động gây cơ sở cách mạng, góp phần vào việc thành lập tổ chức đảng tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước.

1. Tỉnh ủy Cao Bằng - Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Cao Bằng: *Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Cao Bằng (1941 - 1945), Kỷ yếu Hội thảo khoa học - thực tiễn*, 1995, tr.139-140.

Ngày 22/8/1945, Cao Bằng giành được chính quyền về tay nhân dân, góp phần vào thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong cả nước. Nhân dân Cao Bằng cùng với nhân dân cả nước bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc: Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Những năm 1941-1945 là thời kỳ lịch sử đặc biệt của Cao Bằng trong quá trình đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Khi thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta một lần nữa, cùng với nhân dân cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng nhất tề đứng lên đánh giặc, bảo vệ nền độc lập, tự do mới giành được. Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng đã có đóng góp quan trọng trong chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Cao Bằng đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ về lương thực, thực phẩm, phương tiện sinh hoạt cho các đơn vị của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc tạm đóng tại Trùng Khánh, Hạ Lang và Hòa An; chi viện Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc giải phóng một phần lãnh thổ phía nam Trung Quốc.

Khi Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lên Cao Bằng cùng Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ đạo mọi công tác. Khi quân ta nổ súng đánh đồn Đông Khê, Người đã ra Sở chỉ huy tiền phương và lên đài quan sát của mặt trận trên đỉnh núi Báo Đông, trực tiếp quan sát, theo dõi, chỉ đạo mặt trận Đông Khê. Tại đây, Người đã làm bài thơ “Lên núi” nổi tiếng:

Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây
Quân ta thế mạnh nuốt Ngưu Đầu
Thề diệt xâm lăng lũ sói cây.

Tin Chủ tịch Hồ Chí Minh ra trận đã gây xúc động mạnh mẽ trong lòng cán bộ, chiến sỹ, là nguồn động viên lớn đối với quân đội và nhân dân ta, đặc biệt là đối với nhân dân các dân tộc Cao Bằng. Cả mặt trận nô nức thi đua lập công, phấn khởi tin tưởng vào thắng lợi.

Đảng bộ, quân và dân Cao Bằng đã góp phần rất quan trọng trong thắng lợi của Chiến dịch Biên giới năm 1950, giải phóng vùng biên giới rộng lớn phía Bắc. Từ ngày 20/7 đến ngày 30/10/1950, Cao Bằng đã có 78.244 người đi dân công chiến dịch (nếu tính từ đầu năm 1950 đã huy động tới 5 triệu 70 vạn ngày công). Ngoài sức người, Cao Bằng còn huy động được 2.346 tấn gạo, trên 120 tấn thực phẩm phục vụ chiến dịch. Chị em phụ nữ trong tỉnh quyên góp được 5 vạn đồng cho quỹ kháng chiến. Đặc biệt là phong trào “Bán gạo cho Hồ Chủ tịch khao quân” đã có 27.134 gia đình trong tổng số 30.730 hộ gia đình toàn tỉnh bán 823.267 kg thóc, gạo, ngô. Riêng ba đợt vận động mua thóc quân lương đạt 713.614 kg và 10.960.800 đồng. Tất cả đều tập trung bảo đảm chiến dịch thắng lợi. Ngày 03/10/1950, Cao Bằng được hoàn toàn giải phóng, quân và dân các dân tộc Cao Bằng được sống trong độc lập, tự do, xây dựng chế độ mới. Từ giữa năm 1951, Tỉnh ủy chỉ đạo việc tiếp nhận, vận chuyển mọi viện trợ, tiếp tế từ Liên Xô (trước đây), Trung Quốc và các nước bạn từ lương thực, vũ khí... qua Cao Bằng kịp thời phục vụ các chiến dịch Trung du, Tây Bắc và Điện Biên Phủ. Trải qua cuộc kháng chiến 9 năm trường kỳ, gian khổ, oanh liệt, Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng đã quét sạch bóng quân thù trên vùng đất quê hương, cùng với quân và dân cả nước làm nên những chiến

công vĩ đại của dân tộc mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. Như vậy, phải có chiến thắng Chiến dịch Biên giới năm 1950 mà đỉnh cao là chiến thắng Đông Khê (Cao Bằng) mới đi tới chiến thắng Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Năm 1954, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững chắc, làm hậu thuẫn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành leo thang bắn phá miền Bắc hòng ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam, phá hoại thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đã nhanh chóng chuyển từ thời bình sang thời chiến. Sau khi cảng Hải Phòng và cửa khẩu Đồng Đăng (Lạng Sơn) bị phong tỏa, được Trung ương giao nhiệm vụ, năm 1970-1971, Tỉnh ủy Cao Bằng chỉ đạo tiến hành chiến dịch mang tên “Chiến dịch V72” tiếp nhận, vận chuyển bí mật, bảo đảm an toàn vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc men của các nước xã hội chủ nghĩa giúp nhân dân ta qua cửa khẩu Tà Lùng (huyện Phục Hòa), kịp thời chi viện cho tiền tuyến miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh vừa lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, vừa chống chiến tranh phá hoại của địch; tất cả cho tiền tuyến,

tất cả vì miền Nam ruột thịt, không tiếc sức người, sức của, dốc lực chi viện kịp thời cho đồng bào miền Nam đánh giặc.

Cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân Cao Bằng đã góp phần làm nên Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng ngày 30/4/1975, đập tan ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, Bắc - Nam thống nhất, non sông thu về một mối, cả nước cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống mới ấm no, tự do, hạnh phúc.

Vừa kết thúc cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm chống thực dân, đế quốc và cùng cả nước xây dựng cuộc sống mới thì tháng 02/1979, chiến tranh biên giới xảy ra. Đảng bộ, quân và dân tỉnh Cao Bằng lại cầm súng dũng cảm chiến đấu ngoan cường, kiên quyết bảo vệ mọi thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã giành được, cùng quân và dân cả nước đánh trả quyết liệt buộc đối phương phải rút quân về nước, khôi phục chủ quyền an ninh biên giới của Tổ quốc.

Từ năm 1986, đất nước bước vào thời kỳ đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng đồng lòng cùng cả nước xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự quản lý của Nhà nước; coi trọng và phát huy các thành phần kinh tế, tăng cường nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với sự phát triển của kinh tế hàng hóa, từ những năm 90 của thế kỷ XX, Cao Bằng đã đảm bảo an ninh về lương thực. Ngân sách địa phương tăng vượt bậc từng năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, từ cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông - lâm nghiệp thành cơ cấu công - nông - lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Giá trị công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch

vụ, du lịch tăng trưởng nhanh, chiếm tỷ trọng ngày càng cao, tỷ trọng nông - lâm nghiệp giảm dần. Kinh tế ổn định và phát triển, kết cấu hạ tầng: điện, đường, trường, trạm được quan tâm đầu tư. Một số tiềm năng, lợi thế bước đầu đã được phát huy, khai thác có hiệu quả. Sự nghiệp văn hóa - xã hội, giáo dục, đào tạo, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, xây dựng đời sống văn hóa, xóa đói, giảm nghèo đạt được những kết quả khả quan. Đời sống vật chất và tinh thần không ngừng được cải thiện và nâng lên. Bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều đổi mới. Hoàn thành xây dựng Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại trung tâm thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng). Công viên địa chất Non nước Cao Bằng được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu. Khu Di tích lịch sử Pác Bó, Khu Di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo, Di tích lịch sử Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 huyện Thạch An được công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt. Thị xã Cao Bằng được nâng cấp lên thành Thành phố và được Chính phủ ra quyết định công nhận là đô thị loại III. Công tác đối ngoại được mở rộng, tăng cường. Quốc phòng - an ninh được củng cố, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được nhiều thành quả quan trọng. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được củng cố vững chắc. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân với Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể được nâng cao.

Tuy nhiên, Cao Bằng là một tỉnh miền núi vùng cao, biên giới, điểm xuất phát thấp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và yếu, đầu tư hạn chế. Đời sống của một bộ phận nhân

dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới còn nhiều khó khăn. Cao Bằng vẫn là tỉnh nghèo, chậm phát triển so với cả nước. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, khả năng nhận thức, cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của cấp trên vào thực tiễn ở một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có nơi còn biểu hiện hình thức. Song, những thành tựu đạt được đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng vươn lên mạnh mẽ hơn nữa trên con đường đổi mới, xây dựng Cao Bằng trở thành một tỉnh năng động, phát triển.

Qua thực tiễn phong phú của 90 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, với những ưu, khuyết điểm của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng Cao Bằng, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quý báu sau đây:

Một là, đường lối chính trị đúng đắn của Đảng là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi của cách mạng

Tin tưởng, nắm chắc đường lối, chủ trương của Đảng, những nhiệm vụ, yêu cầu của cách mạng, vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể trong từng thời kỳ cách mạng của tỉnh là một trong những yếu tố rất quan trọng để phát triển phong trào và giành thắng lợi. Trong từng thời kỳ cách mạng, Đảng bộ đã năng động, vận dụng phù hợp với tình hình, đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể, kịp thời đề ra các chủ trương, giải pháp đúng đắn, tổ chức thực hiện có hiệu quả, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Đảng bộ rất coi trọng việc tổ chức, quán triệt, thông tin, tuyên truyền tới cán bộ, đảng viên và nhân dân các

dân tộc, tạo nhận thức đúng đắn, vượt qua những khó khăn, thử thách nhằm thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, đưa cách mạng đến thành công. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng bộ đã xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, những nhiệm vụ trước mắt và lâu dài mang tầm chiến lược của địa phương, chú trọng và chủ động xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài tỉnh để thúc đẩy nhanh kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, Đảng bộ luôn coi trọng công tác tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm để từng bước nâng cao chất lượng lãnh đạo, điều hành toàn diện các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng...

Hai là, thường xuyên chăm lo củng cố, xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên; tự mình vươn lên, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ cách mạng

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng luôn coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa then chốt của các tổ chức đảng, của tất cả cán bộ, đảng viên, là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho mọi thắng lợi của chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng tại địa phương. Thường xuyên nâng cao trình độ lý luận, phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng

viên. Coi trọng giáo dục cho đảng viên về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm nâng cao lập trường tư tưởng, đạo đức cách mạng, vững vàng, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Coi trọng xây dựng tính đảng, tính giai cấp cho đảng viên; vừa nêu cao tính tiên phong gương mẫu, vừa là người lãnh đạo, vừa là người dày tớ trung thành của nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực; tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu của Đảng là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn tới thành công.

Với đa số đảng viên xuất thân từ nông dân, gồm nhiều dân tộc, Đảng bộ rất quan tâm giáo dục tinh thần đoàn kết, ý thức tổ chức kỷ luật, luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng; giữ vững mối quan hệ chặt chẽ giữa đảng viên và quần chúng; coi trọng công tác củng cố và phát triển đảng viên; quan tâm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng; một mặt, kết nạp những người ưu tú trong phong trào quần chúng, mặt khác kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, xây dựng nội bộ Đảng trong sạch, vững mạnh. Nhờ đó, Đảng bộ luôn giữ được sức mạnh, phát huy tốt vai trò lãnh đạo, đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng bộ luôn tự mình đổi mới, vươn lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp trong từng thời kỳ cách mạng, xem đó như một yêu cầu tất yếu sống còn của Đảng.

Ba là, không ngừng quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vững mạnh, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn

Không ngừng chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nền tảng là liên minh công nông, tập hợp lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng là vấn đề mấu chốt nhằm đưa cách mạng tới thành công. Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”, ngay từ khi mới thành lập cho đến nay, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân về con đường cách mạng giải phóng dân tộc, đánh đổ thực dân, phong kiến, và ngày nay là sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng bộ đã cử những cán bộ, đảng viên có đầy đủ phẩm chất và năng lực, có lòng nhiệt tình cách mạng, có tín nhiệm vào hoạt động trong Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Đồng thời, Đảng bộ thường xuyên vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, góp ý cho tổ chức đảng và đảng viên, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên nêu cao tính tiên phong, gương mẫu.

Đảng bộ kiên trì giáo dục, giác ngộ nhân dân các dân tộc, động viên, tổ chức nhân dân tự lực, tự cường vươn lên, vượt qua khó khăn, thách thức. Cán bộ, đảng viên bám sát dân, gần gũi dân hàng ngày, hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của dân; không ngừng chăm lo xây dựng các tổ chức cách mạng của quần chúng với những hình thức thích hợp như: Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu

quốc... trong Mặt trận Việt Minh, rồi Mặt trận Liên Việt và ngày nay là các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đồng thời tranh thủ các tầng lớp nhân sỹ yêu nước, các tôn giáo, các dân tộc để không ngừng mở rộng và củng cố mặt trận.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ luôn nghiêm chỉnh chấp hành chính sách dân tộc của Đảng; thấm nhuần nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc; quan tâm lãnh đạo tạo sự đoàn kết nhất trí giữa nhân dân các dân tộc từ vùng thấp đến vùng cao; đa dạng các hình thức vận động, tập hợp nhân dân. Nhờ đó đã xây dựng thành một lực lượng hùng hậu, có sức mạnh tổng hợp to lớn trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trước đây, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Bốn là, thường xuyên coi trọng bảo vệ, củng cố, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh

V.I. Lênin đã khẳng định: giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn. Phải trải qua bao hy sinh, gian khổ, đổi bằng xương máu của nhiều thế hệ mới giành được chính quyền. Do đó, việc bảo vệ, xây dựng chính quyền là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cách mạng. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã lật đổ chế độ thực dân, phong kiến, thiết lập nên nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Sau khi ra đời, chính quyền cách mạng còn non trẻ phải đương đầu với muôn vàn khó khăn thử thách, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã xác định: phải ra sức bảo vệ, xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu. Đồng

thời, vừa chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp từ tỉnh đến xã; vừa phải thường xuyên củng cố, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, thực sự liêm chính, của dân, do dân, vì dân, đủ sức chỉ đạo điều hành trong mọi lĩnh vực công tác. Thường xuyên quan tâm việc nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bất kỳ trong giai đoạn lịch sử nào, chính quyền trong sạch, vững mạnh mới đảm bảo việc quản lý, điều hành có hiệu lực, hiệu quả, dẫn tới thắng lợi của cách mạng. Trong công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, việc củng cố, xây dựng chính quyền cách mạng nhằm đảm bảo cho sự thành công là nhiệm vụ thường xuyên của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Năm là, phát huy nội lực và tiềm năng, lợi thế của địa phương; tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương. Không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết để thu hút đầu tư và phát triển

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng luôn xác định rõ, trước hết phải phát huy nội lực với quan điểm: tự lực, tự cường dựa trên tiềm năng, thế mạnh của địa phương về các điều kiện tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, vị trí địa lý của một tỉnh miền núi biên giới. Tận dụng khai thác các lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội. Khắc phục khó khăn, thách thức, tạo nên cơ hội để phát triển. Đồng thời, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng

luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi, có hiệu quả của Đảng, Nhà nước, của các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương và các tỉnh bạn. Từ chủ trương, chính sách hỗ trợ, sự ủng hộ vật chất và tinh thần để Cao Bằng ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Ngày nay, trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới đồng bộ, mạnh mẽ và hội nhập quốc tế, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng cần tích cực, năng động tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh bạn; thu hút nhiều dự án với nhiều nhà đầu tư chiến lược; không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết trong nước và nước ngoài để thu hút vốn đầu tư nhằm tạo thêm nguồn ngoại lực lớn kết hợp với nội lực để xây dựng và phát triển.

Suốt chặng đường lịch sử 90 năm dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, Đảng bộ tỉnh Cao Bằng đã không ngừng lớn mạnh và trưởng thành, đã hun đúc nên truyền thống vẻ vang và những bài học kinh nghiệm quý báu. Với những thành tích rất đáng trân trọng, tự hào, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng vinh dự được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập... Đặc biệt, năm 2018, đồng chí Hoàng Đình Giọng, người con ưu tú của quê hương Cao Bằng đã vinh dự được Đảng, Nhà nước công nhận là lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam. Những thành tích vẻ vang đó đã khẳng định sự đúng đắn của định hướng chiến

lược phát triển tỉnh Cao Bằng. Phát huy truyền thống quê hương cách mạng, với ý chí, nghị lực, quyết tâm cao, với hơn 57.000 đảng viên, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng nhất định vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước tiến lên trên con đường đổi mới, xây dựng Cao Bằng trở thành tỉnh vững mạnh về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng - an ninh và đẹp về văn hóa trong khu vực miền núi phía Bắc, thực sự là “phên giậu” vững chắc phía Đông Bắc của Tổ quốc; góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, xứng đáng với truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUA CÁC THỜI KỲ

Chi bộ đầu tiên năm 1930

1. Hoàng Văn Nọn (Hoàng Tú Hưu, Tú Hưu, Hoàng Ngọc Như, Hoàng Như, Văn Tân, Hoàng Lương Hữu, Thiết, Hoàng Vĩnh Tuy) - Bí thư
2. Lê Đoàn Chu (Nam Cao, Lê Mới)
3. Nông Văn Đô (Bích Giang, Cát Lợi)

Thời kỳ 1931-1934

1. Hoàng Văn Nọn (Hoàng Tú Hưu, Tú Hưu, Hoàng Ngọc Như, Hoàng Như, Văn Tân, Hoàng Lương Hữu, Thiết, Hoàng Vĩnh Tuy) - Bí thư
2. Hoàng Đức Thạc (Lã, Nam Bang, Lã Minh Giang) - Phó Bí thư.

Thời kỳ 1934-1940

1. Lê Đoàn Chu (Nam Cao, Lê Mới) - Bí thư
2. Hoàng Đức Thạc (Lã, Nam Bang, Lã Minh Giang) - Phó Bí thư
3. Dương Công Hoạt (Cao Cường)
4. Hoàng Văn Chài (Hoàng Tô)

Ban Tỉnh ủy lâm thời năm 1941

1. Lê Tông - Bí thư
2. Lê Quảng Ba
3. Bằng Giang

4. Lê Khương
5. Dương Mạc Hiếu
6. Hoàng Đức Thạc (Lã, Nam Bang, Lã Minh Giang)
7. Hoàng Sâm

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I năm 1942

- | | |
|-------------------------------|--------|
| 1. Hoàng Đức Thạc | Bí thư |
| (Lã, Nam Bang, Lã Minh Giang) | |
| 2. Lê Tông | |
| 3. Bằng Giang | |
| 4. Lê Quảng Ba | |
| 5. Bình Dương (Khoa) | |
| 6. Dương Mạc Thạch | |
| 7. Hoàng Văn Chài (Hoàng Tô) | |
| 8. Hoàng Sâm | |
| 9. Lê Khương | |

Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng (1943-1945)

- | | |
|--------------------------------|-------------------------|
| 1. Hoàng Đức Thạc ¹ | Bí thư, Chủ tịch Ủy ban |
| (Lã, Nam Bang, Lã Minh Giang) | nhân dân lâm thời tỉnh |
| 2. Lê Quảng Ba | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 3. Hoàng Sâm | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 4. Lê Tông | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5. Bằng Giang | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6. Bình Dương | |
| 7. Dương Mạc Thạch | |
| 8. Hoàng Văn Chài (Hoàng Tô) | |

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh 6/1945 - 3/1946.

Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 1946¹

- | | |
|--|---|
| 1. Bùi Bảo Vân ² | Bí thư |
| 2. Hoàng Đức Thạc
(Lã, Nam Bang, Lã Minh Giang) | Chủ tịch Ủy ban nhân dân
lâm thời tỉnh |
| 3. Đoàn Nguyên Nhật (Hồng Kỳ) | Chủ tịch Ủy ban kháng
chiến tỉnh |

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 1947³

- | | |
|---|-------------------------------------|
| 1. Lê Thành | Bí thư |
| 2. Lê Khắc | Phó Bí thư |
| 3. Đoàn Nguyên Nhật (Hồng Kỳ) ⁴ | Chủ tịch Ủy ban kháng
chiến tỉnh |
| 4. Dương Công Hoạt (Cao Cường) ⁵ | Chủ tịch Ủy ban kháng
chiến tỉnh |

1. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 1946, hiện nay mới chỉ khai thác được danh sách Bí thư, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh; chưa có tư liệu về các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành còn lại (Nguồn: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng 1930-2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, phần Danh sách các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng các khóa và Danh sách các đồng chí Chủ tịch tỉnh Cao Bằng các khóa).

2. Bí thư Tỉnh ủy 1946, 1948, 1949.

3. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 1947, hiện nay mới chỉ khai thác được danh sách Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh; chưa có tư liệu về các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành còn lại (Nguồn: *Địa chí tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.883; *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng 1930-2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, phần Danh sách các đồng chí Bí thư tỉnh ủy Cao Bằng các khóa và Danh sách các đồng chí Chủ tịch tỉnh Cao Bằng các khóa).

4. Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh 1946-1947, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh 1948-1950, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh 1964-1965.

5. Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh 1947-1948.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá II (1948¹-1951)

- | | |
|--|---|
| 1. Bùi Bảo Vân | Bí thư |
| 2. Dương Công Hoạt
(Cao Cường) ² | - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban
kháng chiến tỉnh
- Bí thư |
| 3. Đoàn Nguyên Nhật
(Hong Kỳ) | Chủ tịch Ủy ban kháng chiến
hành chính tỉnh |
| 4. Lê Tông | |
| 5. Hoàng Đức Thịnh
(Hoàng Nghiệp) | |
| 6. Bình Trung | |
| 7. Ngọc Văn Thù | |
| 8. Nguyễn Khánh Kim (Bách) | |
| 9. Dương Đại Lâm | |
| 10. Đàm Bình Ry (Ứng) | |

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá III (1951³-1959)

- | | |
|--|--|
| 1. Dương Công Hoạt
(Cao Cường) ⁴ | Bí thư, Chủ tịch Ủy ban kháng
chiến hành chính tỉnh |
|--|--|

1. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng thời kỳ 1930-1935; thời kỳ 1935-1940; Ban Tỉnh ủy lâm thời 1941; Đại hội lần thứ I năm 1942; Đại hội lần thứ II năm 1948 được lấy từ các tư liệu: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng tập I*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cao Bằng, 1982; Báo *Cao Bằng* số 1316 ngày 05/4/1966; Cuốn sổ lịch 1999, Tỉnh ủy Cao Bằng phát hành; Tư liệu Chi bộ Phja Nọi, Sóc Hà, Hà Quảng. Tư liệu của Ban Di tích và Bảo tàng Hồ Chí Minh, Cao Bằng; *Lịch sử cách mạng Quảng Hòa, Huyện ủy Quảng Hòa*, 1992.

2. Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh 1947-1948; Bí thư Tỉnh ủy 1950-1957.

3. Một số đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá III, IV, V hiện nay chúng tôi đưa vào theo văn bản tại Đại hội, chưa có đủ họ tên, dấu thanh.

4. Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh 1951-1953.

- | | |
|--|---|
| 2. Hoàng Đức Thạc (Lã, Nam Bang, Lã Minh Giang) ¹ | Bí thư |
| 3. Đào Duy Tùng | Phó Bí thư |
| 4. Lê Tông ² | Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh |
| 5. Hoàng Đức Thịnh (Hoàng Nghiệp) | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 6. Đàm Bình Ry (Ứng) | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 7. Hoàng Văn Chài (Hoàng Tô) | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 8. Ngọc Thù | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 9. Bế Ngọc Bảo | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 10. Nguyễn Khánh Kim (Bách) | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 11. Lợi | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 12. Thu Sơn | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 13. Nguyễn Bình Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 14. Nông Hiền Hữu (Quát) | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 15. Lưu Minh | Ủy viên dự khuyết |
| 16. Đàm Việt Long | Ủy viên dự khuyết |

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV (1959-1961)

1. Đoàn Nguyên Nhật (Hong Kỳ)³ Bí thư

1. Bí thư Tỉnh ủy 1957-1958.

2. Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh 1954-1955; Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh 1956-1958.

3. Theo Nghị quyết số 610/NQ-NS-TW ngày 11/9/1959 của Ban Bí thư về việc điều động cán bộ.

2. Bế Nhật Thường (Hoàng Đức Tôn) ¹	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
3. Hoàng Đạo Tú	Phó Bí thư
4. Hoàng Đức Thịnh (Hoàng Nghiệp)	Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đàm Văn Sửu (Mỹ Sơn)	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Hoàng Hồng Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Nguyễn Thế Kiêm (Mạc)	Ủy viên Ban Chấp hành
8. Hoàng Bắc	Ủy viên Ban Chấp hành
9. Nguyễn Văn Vy	Ủy viên Ban Chấp hành
10. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long)	Ủy viên Ban Chấp hành
11. Lê Quy Quyền	Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đặng Văn Cáp	Ủy viên Ban Chấp hành
13. Dương Đại Long	Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đỗ Viết Định	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Hoàng Văn Lộc (Hoàng Tuấn Sơn)	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đàm Bình Ry (Ứng)	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Nguyễn Đình Toại	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Lê Công Khanh	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Nông Văn Xuyên (Đức Thịnh)	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Hoàng Vĩnh Tuy	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Nông Thị Bày	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Vũ Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Nông Hiền Hữu (Quát)	Ủy viên dự khuyết
24. Bùi Đình Năng (Trung Lương)	Ủy viên dự khuyết
25. Nguyễn Chu Lịch	Ủy viên dự khuyết
26. Đàm Như Lai	Ủy viên dự khuyết

1. Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh 1959-1963.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V (1961-1963)

1. Đoàn Nguyên Nhật (Hong Kỳ)	Bí thư
2. Bế Nhật Thuởng (Hoàng Đức Tôn)	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
3. Hoàng Đức Thịnh (Hoàng Nghiệp)	Phó Bí thư
4. Hoàng Văn Lộc (Hoàng Tuấn Sơn) ¹	Phó Bí thư
5. Nguyễn Thế Kiêm (Mạc)	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Nguyễn Văn Vy	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long)	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Lê Văn Phở (Lê Sáu) ²	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Dương Đại Long ³	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Hà Thế Vũ	Ủy viên Ban Chấp hành
11. Hoàng Bắc	Ủy viên Ban Chấp hành
12. Bùi Đình Năng (Trung Lương)	Ủy viên Ban Chấp hành
13. Vũ Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đàm Như Lai	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đàm Bình Ry (Ứng)	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Nông Văn Xuyên (Đức Thịnh)	Ủy viên Ban Chấp hành

1. Được bổ sung làm Phó Bí thư theo Nghị quyết số 31-NQ/KU ngày 26/4/1962 của Ban Chấp hành Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc về công nhận việc bổ sung Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng.

2. Theo Nghị quyết số 31-NQ/KU ngày 26/4/1962 của Ban Chấp hành Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc về công nhận việc bổ sung Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng: “Đồng chí Lê Sáu hiện là Tỉnh ủy viên, làm Ủy viên Ban Thường vụ”. Tuy nhiên, Tổ khai thác tư liệu chưa tìm thấy quyết định bổ sung đồng chí Lê Sáu tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V.

3. Theo Nghị quyết số 31-NQ/KU ngày 26/4/1962 của Ban Chấp hành Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc về công nhận việc bổ sung Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng.

17. Nguyễn Chu Lịch	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đàm Văn Sửu (Mỹ Sơn)	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đoàn Thị Lanh (Minh Khai)	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Nông Văn Bạng	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Phương Văn Cảnh	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Lê Quy Quyên	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Ma Thịnh Chấm	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Bế Công Nghĩa	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Hoàng Văn Báo (Hong Cao)	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Nguyễn Ích Kim (Quý Hữu)	Ủy viên dự khuyết
27. Dương Văn Kính (Cao Lý)	Ủy viên dự khuyết
28. Phương Thị Dịp (Vân Anh)	Ủy viên dự khuyết
29. Lê Kim Hải	Ủy viên dự khuyết
30. Nông Quốc Cường (Phi Phong)	Ủy viên dự khuyết
31. Triệu Văn Hưởng	Ủy viên dự khuyết

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI (1963-1969)

1. Vũ Ngọc Linh	Bí thư
2. Hoàng Văn Lộc (Hoàng Tuấn Sơn) ¹	Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
3. Đoàn Nguyên Nhật (Hong Kỳ)	Phó Bí thư
4. Hoàng Hồng Tiến ²	Phó Bí thư
5. Hoàng Đức Thịnh (Hoàng Nghiệp)	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Nông Văn Bạng	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Dương Đại Long	Ủy viên Ban Thường vụ

1. Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh 1965-1968.

2. Theo Biên bản số 2-BB/CB ngày 08/3/1966 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bổ sung Tỉnh ủy và cử Ban Thường vụ.

8. Nông Minh Lý ¹	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Bé Công Nghĩa ²	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Nguyễn Văn Vy	Ủy viên Ban Chấp hành
11. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long)	Ủy viên Ban Chấp hành
12. Nguyễn Thế Kiên (Mạc)	Ủy viên Ban Chấp hành
13. Bé Nhật Thương (Hoàng Đức Tôn)	Ủy viên Ban Chấp hành
14. Nông Quốc Cường (Phi Phong)	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Phương Thị Dịp (Vân Anh)	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Nguyễn Văn Bảo	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Trương Liên Quân	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Triệu Văn Hưởng	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Lê Văn Phổ (Lê Sáu)	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Phương Văn Cảnh	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Hoàng Văn Báo (Hong Cao)	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Lương Ích Lập ³	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Lê Bình Thanh ⁴	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Lê Đoàn ⁵	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Bùi Đình Năng (Trung Lương) ⁶	Ủy viên Ban Chấp hành

1, 2. Các đồng chí số thứ tự 8, 9 được chuyển từ Ủy viên Ban Chấp hành lên Ủy viên Ban Thường vụ theo Biên bản số 2-BB/CB ngày 08/3/1966 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bổ sung Tỉnh ủy và cử Ban Thường vụ.

3, 4. Các đồng chí số thứ tự 22, 23 được chuyển từ Ủy viên dự khuyết lên Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI theo Biên bản số 2-BB/CB ngày 08/3/1966 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bổ sung Tỉnh ủy và cử Ban Thường vụ.

5, 6. Các đồng chí số thứ tự 24, 25 được bổ sung làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI theo Biên bản số 2-BB/CB ngày 08/3/1966 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bổ sung Tỉnh ủy và cử Ban Thường vụ.

26. Lê Trường ¹	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Nguyễn Trương ²	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Đặng San ³	Ủy viên dự khuyết
29. Lâm Ngọc Thụ ⁴	Ủy viên dự khuyết

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII (1969-1974)

1. Vũ Ngọc Linh	Bí thư
2. Hoàng Văn Lộc (Hoàng Tuấn Sơn)	Phó Bí thư Thường trực
3. Phan Mạnh Cư ⁵	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
4. Hoàng Đức Thịnh (Hoàng Nghiệp)	Ủy viên Ban Thường vụ
5. Nông Minh Lý	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Nông Quốc Cường (Phi Phong)	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Lương Ích Lập	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Nguyễn Trương	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Đông Hưng	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Nguyễn Văn Bảo	Ủy viên Ban Chấp hành
11. Phương Thị Dịp (Vân Anh)	Ủy viên Ban Chấp hành
12. Hoàng Bình Kim	Ủy viên Ban Chấp hành

1, 2. Các đồng chí số thứ tự 26, 27 được bổ sung làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI theo Biên bản số 2-BB/CB ngày 08/3/1966 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bổ sung Tỉnh ủy và cử Ban Thường vụ.

3, 4. Các đồng chí số thứ tự 28, 29 được bổ sung làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI theo Biên bản số 2-BB/CB ngày 08/3/1966 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bổ sung Tỉnh ủy và cử Ban Thường vụ.

5. Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh 1968-1976.

13. Lê Bình Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đàm Thị Cương	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Bùi Đình Năng (Trung Lương)	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đặng San	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Lê Trường	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Bé Công Nghĩa	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Nguyễn Khánh Trục	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Phương Văn Cảnh	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Trương Liên Quân	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Lâm Ngọc Thụ	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Hoàng Hồng Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Nông Nguyễn Đanh	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long)	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Lý Hữu Thanh	Ủy viên dự khuyết
27. Chu Điển	Ủy viên dự khuyết
28. Nguyễn Thế Kiên (Mạc)	Ủy viên dự khuyết
29. Hoàng Văn Báo (Hong Cao)	Ủy viên dự khuyết

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII (1974-1976)

1. Vũ Ngọc Linh	Bí thư
2. Phan Mạnh Cư	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
3. Nông Minh Lý	Phó Bí thư
4. Nông Quốc Long	Ủy viên Ban Thường vụ
5. Nguyễn Văn Bảo	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Nguyễn Trương	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đàm Ngọc Côn	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Vương Văn Quýnh (Dương Tường)	Ủy viên Ban Thường vụ

9. Lương Ích Lập	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Nông Quốc Cường (Phi Phong)	Ủy viên Ban Chấp hành
11. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long)	Ủy viên Ban Chấp hành
12. Hoàng Văn Báo (Hong Cao)	Ủy viên Ban Chấp hành
13. Phương Thị Dịp (Vân Anh)	Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đàm Thị Cương	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Bùi Đình Năng (Trung Lương)	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Lê Bình Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Hoàng Hồng Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Chu Diển	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Lý Hữu Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Nguyễn Khánh Trục	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Nông Đặng Long	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đặng Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Nguyễn Sĩ Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Lê Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Nguyễn Văn Thuởng	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Triệu Văn Hưởng	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Nguyễn Ích Riện	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Lưu Nguyễn Trác	Ủy viên Ban Chấp hành
29. La Văn Tài	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Nguyễn Đức Ái	Ủy viên dự khuyết
31. Đào Trọng Dén	Ủy viên dự khuyết
32. Đoàn Trọng Luân	Ủy viên dự khuyết
33. Mạc Văn Mến	Ủy viên dự khuyết
34. Hoàng Văn Phối	Ủy viên dự khuyết
35. Đinh Thị Tiên	Ủy viên dự khuyết

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng năm 1976¹

1. Hoàng Trường Minh	Bí thư
2. Bé Chấn Hưng (Bé Hữu Khiên)	Phó Bí thư Thường trực
3. Nông Minh Lý ²	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
4. Phan Mạnh Cư	Phó Bí thư
5. Nông Quốc Long	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đàm Ngọc Côn	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Nông Trọng Bình	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Vương Văn Quýnh (Dương Tường)	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Hoàng Thạch	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Nguyễn Trương	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đào Đình Bảng	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long)	Ủy viên Ban Chấp hành
13. Hoàng Lâm	Ủy viên Ban Chấp hành
14. Vi Gia Lễ	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Phương Thị Dịp (Vân Anh)	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Nguyễn Văn Bảo	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Hoàng Hồng Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Nông Quốc Cường (Phi Phong)	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đường Thị Kim	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Lê Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Bé Ích Cự	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Mạc Văn Mến	Ủy viên Ban Chấp hành

1. Theo Quyết định số 2536-NQ-NS/TW ngày 21/01/1976 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng (Cao Bằng và Lạng Sơn hợp nhất).

2. Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Cao Lạng 1976-1977.

23. Nguyễn Sĩ Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Nguyễn Văn Thuởng	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Hoàng Việt Hoa	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Nguyễn Khánh Trục	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đinh Thị Tiên	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Hướng Tân Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
29. La Văn Tài	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Chu Điển	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Lê Bình Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Lương Đình Đốc	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Phùng Lê Chương	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Hoàng Văn Báo (Hồng Cao)	Ủy viên Ban Chấp hành
35. Chu Việt Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành
36. Nông Đặng Long	Ủy viên Ban Chấp hành
37. Hoàng Văn Phối	Ủy viên Ban Chấp hành

**Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng khoá I
(Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa IX)
(1977-1979)**

1. Hoàng Trường Minh	Bí thư
2. Bé Chấn Hưng (Bé Hữu Khiên)	Phó Bí thư Thường trực
3. Lương Ích Lập ¹	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Nông Trọng Bình	Ủy viên Ban Thường vụ
5. Vương Văn Quýnh (Dương Tường)	Ủy viên Ban Thường vụ

1. Theo Biên bản số 02/BB/CL ngày 07/6/1977 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Lạng về bầu cử bổ sung Phó Bí thư Tỉnh ủy. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Lạng 1977-1978; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng 1978-1984.

6. Nông Quốc Long	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đàm Ngọc Côn	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đào Đình Bằng	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Hoàng Văn Thạch	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Hoàng Lâm	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Nguyễn Trương	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Vi Gia Lễ	Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đường Thị Kim	Ủy viên Ban Chấp hành
14. Nông Quốc Cường (Phi Phong)	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Lê Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Mạc Văn Mến	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Phương Thị Dị (Vân Anh)	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Bé Cự	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Nguyễn Sĩ Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Nguyễn Khánh Trực	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Chu Việt Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Nông Đăng Long	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Hướng Tân Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Lê Bình Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long)	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Chu Diễm	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Hoàng Văn Báo (Hong Cao)	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Hoàng Văn Phối	Ủy viên Ban Chấp hành
29. Bé Chu Lang	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Chu Thông	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Hoàng Đình Nam	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Bé Thanh Long	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Mã Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Dương Việt Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành

35. Vi Hồng Nhân	Ủy viên Ban Chấp hành
36. Bàn Thượng Đức	Ủy viên dự khuyết
37. Hoàng Văn Ấp	Ủy viên dự khuyết
38. Đàm Du	Ủy viên dự khuyết

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1979-1980)¹

1. Vương Văn Quýnh (Dương Tường)	Bí thư
2. Lương Ích Lập	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3. Trần Mạnh Hiệp	Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách Thường trực Tỉnh ủy
4. Nguyễn Trương	Ủy viên Ban Thường vụ
5. Nông Quốc Long	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đàm Côn	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Hoàng Cao Ngôn	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Lê Bình Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long)	Ủy viên Ban Chấp hành
10. Nông Quốc Cường (Phi Phong)	Ủy viên Ban Chấp hành
11. Lê Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
12. Vi Văn Nam	Ủy viên Ban Chấp hành
13. Nguyễn Như Thuyết	Ủy viên Ban Chấp hành
14. Nguyễn Khánh Trực	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Nguyễn Văn Bảo	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Bé Cự	Ủy viên Ban Chấp hành

1. Theo Nghị quyết số 01-NQ/CB ngày 12/3/1979 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng về việc phân công cấp ủy viên (sau khi chia tách tỉnh Cao Lạng thành hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn).

17. Phương Thị Dịp (Vân Anh)	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Hà Văn Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Nguyễn Thuởng	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đặng Long	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Chu Điền	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Hoàng Văn Báo (Hong Cao)	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Bàn Thượng Đức	Ủy viên Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X (1980-1983)

1. Vương Văn Quýnh (Dương Tường)	Bí thư
2. Nguyễn Trương	Phó Bí thư Thường trực
3. Lương Ích Lập	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long)	Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đàm Côn	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Nông Quốc Long	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Nguyễn Chí	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Lê Bình Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Nguyễn Thuởng	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Chu Điền	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Lâm Ngọc Thụ	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Vy Nam	Ủy viên Ban Thường vụ
13. Đàm Hữu Vấn ¹	Ủy viên Ban Thường vụ
14. Phương Thị Dịp (Vân Anh)	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Hoàng Văn Báo (Hong Cao)	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Triệu Quang Cảnh	Ủy viên Ban Chấp hành

1. Bổ sung theo Quyết định số 1271 NQ-NS/TW ngày 22/11/1980 của Ban Bí thư về bổ sung Tỉnh ủy.

17. Bế Xuân Cao	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Trương Thị Chi	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đàm Thị Cương	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Bế Ích Cự	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đào Trọng Dén	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Bàn Thượng Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đào Văn Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Nguyễn Ngọc Hoanh	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Chu Thắng Ích	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Hoàng Kim	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Lương Ích Kiểm	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Lê Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
29. Nguyễn Sĩ Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Mạc Văn Mến	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Sầm Hồng Nam	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Hà Ngân	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Nông Văn Nhung	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Nông Quốc Cường (Phi Phong)	Ủy viên Ban Chấp hành
35. Nguyễn Ích Riện	Ủy viên Ban Chấp hành
36. Nguyễn Khánh Trực	Ủy viên Ban Chấp hành
37. Hà Văn Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
38. Nông Ích Ta	Ủy viên Ban Chấp hành
39. Mã Tinh	Ủy viên Ban Chấp hành
40. Nông Dương Từ	Ủy viên Ban Chấp hành
41. Hoàng Truyền	Ủy viên Ban Chấp hành
42. Nguyễn Đăng Khoa	Ủy viên dự khuyết
43. Đàm Văn Minh	Ủy viên dự khuyết
44. Lương Văn Quảng	Ủy viên dự khuyết
45. Đinh Thị Tiên	Ủy viên dự khuyết

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI (1983-1986)

1. Vương Văn Quýnh (Dương Tường)	Bí thư
2. Nguyễn Trương	Phó Bí thư Thường trực
3. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long)	Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Nguyễn Văn Thuởng	Ủy viên Ban Thường vụ
5. Hà Văn Tân	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Nguyễn Chí	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đàm Hữu Vấn	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Lâm Ngọc Thụ	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Vỵ Nam	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Lê Bình Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Nguyễn Khánh Trực	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Nông Hồng Thái	Ủy viên Ban Thường vụ
13. Nguyễn Sĩ Minh	Ủy viên Ban Thường vụ
14. Phương Thị Dịp (Vân Anh)	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Mã Quốc Biên	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Hoàng Văn Báo (Hồng Cao)	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Triệu Quang Cánh	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đào Trọng Dén	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Bàn Thượng Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Chu Điền	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đàm Đế	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Nguyễn Ngọc Hoanh	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đàm Đình Ích	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Lương Vĩnh Kiểm	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Nguyễn Đăng Khoa	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Thân Thị Kim Liên	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Lê Minh	Ủy viên Ban Chấp hành

28. Mạc Văn Mến	Ủy viên Ban Chấp hành
29. Dương Toàn Nhân	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Hà Văn Ngân	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Nông Quốc Cường (Phi Phong)	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Đàm Đình Phùng	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Lý Danh Phương	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Lương Văn Quảng	Ủy viên Ban Chấp hành
35. Nguyễn Ích Riện	Ủy viên Ban Chấp hành
36. Nông Ích Ta	Ủy viên Ban Chấp hành
37. Hoàng Truyền	Ủy viên Ban Chấp hành
38. Nông Dương Từ	Ủy viên Ban Chấp hành
39. Đinh Thị Tiên	Ủy viên Ban Chấp hành
40. Mã Tinh	Ủy viên Ban Chấp hành
41. La Hữu Vinh	Ủy viên Ban Chấp hành
42. Nguyễn Thái Hùng	Ủy viên dự khuyết
43. Nông Hồng Hương	Ủy viên dự khuyết
44. Mã Ngọc Thuyên	Ủy viên dự khuyết
45. Nguyễn Thị Thảo	Ủy viên dự khuyết

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII (1986-1991)

1. Vương Văn Quýnh (Dương Tường)	Bí thư
2. Nguyễn Trương	Phó Bí thư Thường trực
3. Vũ Ngọc Bộ (Bảo Long) ¹	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 1984-1989.

4. Nông Hồng Thái ¹	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5. Nguyễn Đăng Khoa ²	Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
6. Lâm Ngọc Thụ	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Vy Nam	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Nguyễn Sĩ Minh	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Hà Văn Tân	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đinh Thị Tiên	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Nông Ích Ta	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Dương Toàn Nhân	Ủy viên Ban Thường vụ
13. Đặng Hồng Tư	Ủy viên Ban Thường vụ
14. Vũ Xuân Bào	Ủy viên Ban Thường vụ
15. Phạm Quang Bào ³	Ủy viên Ban Thường vụ
16. Ma Toàn ⁴	Ủy viên Ban Thường vụ
17. Ma Thế Đặng	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Bàn Thượng Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đàm Đình Phùng	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Lý Danh Phương	Ủy viên Ban Chấp hành

1. Theo Quyết định số 777-NQNS/TW ngày 18/10/1989 của Ban Bí thư về chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy và ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 1989-1991.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 12/1989 - 12/1994.

3. Theo Quyết định số 350-NQNS/TW ngày 17/3/1988 của Ban Bí thư về bổ sung Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

4. Theo Quyết định số 624-NQNS/TW ngày 04/4/1989 của Ban Bí thư về bổ sung Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

21. Nguyễn Hoàn Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Lý Văn Cáng	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đào Trọng Dén	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Nguyễn Thái Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Mã Quốc Biên	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Đàm Đình Châu	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Vũ Ngọc Ly	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Tô Vũ Hồng	Ủy viên Ban Chấp hành
29. Nguyễn Thị Thảo	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Hoàng Đức Hiền	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Lý Phác	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Đàm Đình Ích	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Mạc Văn Mến	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Mã Ngọc Thuyên	Ủy viên Ban Chấp hành
35. Thân Thị Kim Liên	Ủy viên Ban Chấp hành
36. Nông Hồng Hương	Ủy viên Ban Chấp hành
37. Hoàng Truyền	Ủy viên Ban Chấp hành
38. Nguyễn Trọng Phổ	Ủy viên Ban Chấp hành
39. Nông Dương Từ	Ủy viên Ban Chấp hành
40. La Hữu Vinh	Ủy viên Ban Chấp hành
41. Hoàng Văn Thượng	Ủy viên Ban Chấp hành
42. Dương Mạc Sậy	Ủy viên Ban Chấp hành
43. Triệu Đình Vượng	Ủy viên Ban Chấp hành
44. Nguyễn Ích Riện	Ủy viên Ban Chấp hành
45. Lãnh Kiên	Ủy viên Ban Chấp hành
46. Nguyễn Văn Tạch	Ủy viên Ban Chấp hành

47. Nông Văn Mèn ¹	Ủy viên Ban Chấp hành
48. Đoàn Hồng Nam ²	Ủy viên Ban Chấp hành
49. Đàm Đại ³	Ủy viên Ban Chấp hành
50. Hoàng Tranh ⁴	Ủy viên Ban Chấp hành
51. Đàm Thị Thiết ⁵	Ủy viên Ban Chấp hành
52. Nông Thế Cừ	Ủy viên dự khuyết
53. Dương Kim Quý	Ủy viên dự khuyết
54. Phương Đình Hả	Ủy viên dự khuyết
55. Bé Ích Mậu	Ủy viên dự khuyết
56. Nguyễn Thị An	Ủy viên dự khuyết
57. Triệu Khi Hin	Ủy viên dự khuyết
58. Lê Nón	Ủy viên dự khuyết
59. Ma Thị Nhung	Ủy viên dự khuyết

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII (1991-1995)

1. Nông Hồng Thái ⁶	Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2. Vũ Ngọc Ly ⁷	Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1, 2, 3, 4, 5. Các đồng chí từ số thứ tự: 47, 48, 49, 50, 51 là từ ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức theo Quyết định số 777-NQNS/TW ngày 18/10/1989 của Ban Bí thư về chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy và ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

6. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 01/1995 - 01/1999.

7. Theo Quyết định số 1068/NQ-NS-TU ngày 18/02/1995 của Tỉnh ủy Cao Bằng về chỉ định cán bộ tham gia Ban Cán sự Đảng. Trích: “Điều 1. Nay chỉ định các đồng chí có tên sau đây tham gia Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng và giữ chức vụ: (1) Đồng chí Vũ Ngọc Ly, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Bí thư Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh”. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 1994-1999.

3. Nguyễn Văn Thuởng ¹	Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Nguyễn Đăng Khoa ²	Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
5. Ma Thanh Toàn	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đàm Đại	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đinh Thị Tiên	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đặng Hồng Tư	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Nông Hải Pín	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Dương Mạc Thăng	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Triệu Đình Vượng	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Ma Thế Đặng	Ủy viên Ban Thường vụ
13. Mã Quốc Biên	Ủy viên Ban Thường vụ
14. Sầm Bằng ³	Ủy viên Ban Thường vụ
15. Nguyễn Thị An	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Nông Huy Bằng	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Nông Thế Cừ	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Lý Văn Cáng	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Nguyễn Đình Cương	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng Văn Chè	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Hà Lê Du	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đào Trọng Dén	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đàm Dương	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Lê Thị Hạnh Duyên	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Bế Ích Điều	Ủy viên Ban Chấp hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 1992-1994.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 12/1989 - 12/1994.

3. Theo Quyết định số 511-NS/TW ngày 30/9/1993 của Ban Bí thư về chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

26. Mai Anh Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Triệu Khi Hin	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Hoàng Ích Hồng	Ủy viên Ban Chấp hành
29. Hoàng Đức Hiền	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Dương Văn Lầu	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Cà Xuân Ly	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Nông Văn Mèn	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Mã Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Hoàng Văn Nội	Ủy viên Ban Chấp hành
35. Ngôn Nghiệp	Ủy viên Ban Chấp hành
36. Lý Phác	Ủy viên Ban Chấp hành
37. Nguyễn Trọng Phổ	Ủy viên Ban Chấp hành
38. Bé Ngọc Quỳnh	Ủy viên Ban Chấp hành
39. Nội Viết Sính	Ủy viên Ban Chấp hành
40. Vũ Ngọc Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
41. Đàm Thơm	Ủy viên Ban Chấp hành
42. Bé Quốc Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
43. Hoàng Thượng	Ủy viên Ban Chấp hành
44. Đàm Thị Thiết	Ủy viên Ban Chấp hành
45. Hoàng Tranh	Ủy viên Ban Chấp hành
46. Hà Minh Trần	Ủy viên Ban Chấp hành
47. Hoàng Truyền	Ủy viên Ban Chấp hành
48. Lê Bá Vũ	Ủy viên Ban Chấp hành
49. Hà Việt Ái ¹	Ủy viên Ban Chấp hành
50. Nguyễn Hữu Bào	Ủy viên Ban Chấp hành

1. Các đồng chí số: 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 được bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XIII theo Quyết định số 693-NS/TW ngày 11/6/1994 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

51. Bế Văn Biễn	Ủy viên Ban Chấp hành
52. Đàm Văn Eng	Ủy viên Ban Chấp hành
53. Lý Danh Phương	Ủy viên Ban Chấp hành
54. Dương Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
55. Nông Bế Xuân	Ủy viên Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV (1996-2000)

1. Nông Hồng Thái ¹	Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2. Dương Mạc Thăng ²	Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
3. Vũ Ngọc Ly ³	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Đàm Thơm ⁴	Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
5. Đinh Thị Tiên	Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đặng Hồng Tư	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Nông Hải Pín	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Mã Quốc Biền	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Đàm Đại	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Sầm Bằng	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Hà Việt Ái	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Hoàng Truyền	Ủy viên Ban Thường vụ

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 01/1995 - 01/1999.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 12/1999-2004.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 1994-1999.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 1999-2004; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 02/1999 - 12/1999.

13. Nguyễn Thị Nương	Ủy viên Ban Thường vụ
14. Nguyễn Thị An	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Nguyễn Hữu Bào	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Nông Huy Bằng	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Nguyễn Thị Thục Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Bé Biến	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Nông Thế Cừ	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Nguyễn Đình Cương	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Lữ Văn Chài	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đồng Văn Chè	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Nông Thị Ngọc Dung	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Đàm Dương	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Lê Thị Hạnh Duyên	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Bé Ích Điều	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đàm Văn Eng	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Hà Ngọc Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
29. Triệu Khi Hin	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Nông Đức Huynh	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đàm Minh Khâm	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Lý Kim Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Nguyễn Đình Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Dương Văn Lầu	Ủy viên Ban Chấp hành
35. Cà Xuân Ly	Ủy viên Ban Chấp hành
36. Ma Thị Ngậy	Ủy viên Ban Chấp hành
37. Ngôn Nghiệp	Ủy viên Ban Chấp hành
38. Lý Phác	Ủy viên Ban Chấp hành
39. Bé Ngọc Quỳnh	Ủy viên Ban Chấp hành
40. Lê Chí Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
41. Bé Quốc Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
42. La Thị Thính	Ủy viên Ban Chấp hành

43. Đinh Quang Thuởng	Ủy viên Ban Chấp hành
44. Hoàng Tranh	Ủy viên Ban Chấp hành
45. Hà Minh Trần	Ủy viên Ban Chấp hành
46. Lê Bá Vũ	Ủy viên Ban Chấp hành
47. Dương Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV (2001-2005)

1. Dương Mạc Thăng ¹	Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2. Đàm Thơm ²	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3. Nông Thế Cừ ³	Phó Bí thư
4. Nguyễn Thị Nường ⁴	Phó Bí thư
5. Lô Ích Giang ⁵	Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6. Hà Ngọc Chiến ⁶	Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
7. Đàm Minh Khâm	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đàm Văn Eng	Ủy viên Ban Thường vụ

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 12/1999-2004.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 1999-2004.

3. Theo Quyết định số 380-NQNS/TW ngày 23/8/2002 của Ban Bí thư về chuẩn y đồng chí Nông Thế Cừ, Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Tỉnh ủy Cao Bằng, giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, nhiệm kỳ 2001-2005.

4. Theo Quyết định số 1506-NQNS/TW ngày 11/6/2005 của Ban Bí thư về chỉ định đồng chí Nguyễn Thị Nường tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, nhiệm kỳ 2001-2005.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 2004-2010.

6. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 2004 - 5/2015.

9. Bế Quốc Thịnh	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Nguyễn Thị An	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Nguyễn Đình Chương	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Hà Minh Trần	Ủy viên Ban Thường vụ
13. Hoàng Trung Phong	Ủy viên Ban Thường vụ
14. La Thông	Ủy viên Ban Chấp hành
15. Hà Ngọc Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
16. Lý Hải Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Lữ Văn Chài	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Hoàng Bách	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Triệu Khi Hin	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Nguyễn Đình Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Mạc Văn Nheo	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Nguyễn Đình Cương	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Nông Thị Thanh Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Hoàng Cao Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Dương Đức Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Hoàng Văn Khôi	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đỗ Quang Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Lý Kim Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
29. Nông Đức Sóc	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Nguyễn Thị Thục Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Bế Ngọc Quỳnh	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Tô Vũ Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Nguyễn Sỹ Chuyên	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Lê Chí Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
35. Hoàng Đức Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành
36. Nông Huy Đáo	Ủy viên Ban Chấp hành
37. Đàm Viết Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
38. Trương Thị Súng	Ủy viên Ban Chấp hành

39. Đặng Trọng Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
40. Hoàng Thị Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
41. Nông Văn Páo	Ủy viên Ban Chấp hành
42. Trần Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
43. Nông Dương Thuần	Ủy viên Ban Chấp hành
44. Tô Ngọc Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
45. Mai Anh Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
46. Nông Đình Hai	Ủy viên Ban Chấp hành
47. Đoàn Nhu	Ủy viên Ban Chấp hành
48. Hà Văn Hiến ¹	Ủy viên Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI (2006-2010)

1. Nguyễn Thị Nương	Bí thư
2. Hà Ngọc Chiến	Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
3. Lô Ích Giang ²	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4. Nguyễn Hoàng Anh ³	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5. Đinh Quế Hải ⁴	Phó Bí thư
6. Bé Ngọc Báu	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Trần Hữu Hoàn	Ủy viên Ban Thường vụ

1. Theo Quyết định số 640-NQNS/TW ngày 25/3/2003 của Ban Bí thư về chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 2004-2010.

3. Theo Quyết định số 1640-QĐNS/TW ngày 06/5/2010 của Ban Bí thư về điều động và chỉ định cán bộ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 2010 - 5/2015.

4. Theo Quyết định số 1129-QĐNS/TW ngày 12/02/2009 của Ban Bí thư về luân chuyển cán bộ.

8. Đàm Minh Khâm	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Hoàng Trung Phong	Ủy viên Ban Thường vụ
10. La Thông	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đàm Văn Eng	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Hoàng Văn Khôi	Ủy viên Ban Thường vụ
13. Bé Quốc Thịnh	Ủy viên Ban Thường vụ
14. Nguyễn Đình Chương	Ủy viên Ban Thường vụ
15. Đỗ Quang Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ
16. Trần Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
17. Tô Ngọc Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
18. Lý Hải Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành
19. Nông Văn Páo	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Nông Thị Thanh Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Bé Đình Trần	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đàm Viết Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Nguyễn Sỹ Chuyên	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Tô Vũ Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Hoàng Đức Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Hà Ngọc Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Nông Đức Sóc	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Bé Ngọc Quỳnh	Ủy viên Ban Chấp hành
29. Nông Thanh Khoa	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Nguyễn Ngọc Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Trương Minh So	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Nông Văn Kỹ	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Nông Văn Chấn	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Hà Văn Hoài	Ủy viên Ban Chấp hành
35. Nông Đình Hai	Ủy viên Ban Chấp hành

36. Bùi Đình Triệu	Ủy viên Ban Chấp hành
37. Dương Quang Văn	Ủy viên Ban Chấp hành
38. Lương Văn Hơn	Ủy viên Ban Chấp hành
39. Nguyễn Đăng	Ủy viên Ban Chấp hành
40. Mạc Văn Nheo	Ủy viên Ban Chấp hành
41. Lý Thị Túng	Ủy viên Ban Chấp hành
42. Mai Anh Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
43. Nông Dương Thuần	Ủy viên Ban Chấp hành
44. Nguyễn Thị Tố Nga	Ủy viên Ban Chấp hành
45. Lê Bá Vũ	Ủy viên Ban Chấp hành
46. Đinh Quang Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành
47. Hoàng Xuân Ánh	Ủy viên Ban Chấp hành
48. Hoàng Thị Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
49. Hoàng Thị Huyền	Ủy viên Ban Chấp hành
50. Bế Thanh Tịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
51. Hoàng Đức Hạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
52. Trịnh Hữu Khang ¹	Ủy viên Ban Chấp hành
53. Thái Hồng Thịnh ²	Ủy viên Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII (2010-2015)

1. Hà Ngọc Chiến³ Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Theo Quyết định số 1241-QĐNS/TW ngày 23/4/2009 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, nhiệm kỳ 2005-2010.

2. Theo Quyết định số 1242-QĐNS/TW ngày 23/4/2009 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, nhiệm kỳ 2005-2010.

3. Thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy theo Quyết định số 1706-QĐNS/TW ngày 27/01/2015 của Bộ Chính trị.

2. Nguyễn Hoàng Anh ¹	- Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
3. Hoàng Trung Phong	Phó Bí thư Thường trực
4. Đinh Quế Hải	Phó Bí thư
5. Hoàng Xuân Ánh ²	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6. Đàm Văn Eng ³	Phó Bí thư
7. Lý Hải Hậu	Ủy viên Ban Thường vụ
8. La Thông	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Bế Ngọc Báu	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Trần Hữu Hoàn	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đỗ Quang Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Nguyễn Sỹ Chuyên	Ủy viên Ban Thường vụ
13. Hoàng Thị Huyền	Ủy viên Ban Thường vụ
14. Bùi Đình Triệu	Ủy viên Ban Thường vụ
15. Đàm Viết Hà	Ủy viên Ban Thường vụ
16. Lê Hùng ⁴	Ủy viên Ban Thường vụ

1. Theo Quyết định số 1799-QĐNS/TW ngày 01/4/2015 của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2010-2015. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 2010 - 5/2015. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 5/2015 - 6/2016.

2. Theo Quyết định số 1858-QĐNS/TW ngày 05/6/2015 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2010-2015. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh từ tháng 5/2015 đến nay.

3. Theo Quyết định số 2037-QĐNS/TW ngày 08/10/2015 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2010-2015.

4. Theo Quyết định số 481-QĐNS/TW ngày 21/3/2012 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, nhiệm kỳ 2010-2015. Theo Quyết định số 509-NQNS/TW ngày 26/4/2012 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng, nhiệm kỳ 2010-2015.

17. Triệu Đình Lê ¹	Ủy viên Ban Thường vụ
18. Nguyễn Thắng ²	Ủy viên Ban Thường vụ
19. Nông Văn Chấn	Ủy viên Ban Chấp hành
20. Tô Vũ Lập	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Trương Minh So	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Nguyễn Văn Dừa	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Trịnh Hữu Khang	Ủy viên Ban Chấp hành
25. Nguyễn Thúy Anh	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Lê Quang Vịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Hoàng Đức Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Bế Minh Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
29. Nguyễn Đặng	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Hoàng Thị Châu	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đỗ Quang Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Hà Văn Hoài	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Lương Văn Hôn	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Mã Thanh Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
35. Hoàng Tiến Khang	Ủy viên Ban Chấp hành
36. Đinh Quang Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành
37. Trần Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
38. Nguyễn Thị Oanh	Ủy viên Ban Chấp hành

1. Theo Quyết định số 1658-QĐNS/TW ngày 10/01/2015 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2010-2015.

2. Theo Quyết định số 1533-QĐNS/TW ngày 20/11/2014 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2010-2015. Theo Quyết định số 1651-NQNS/TW ngày 10/01/2015 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2010-2015.

39. Hoàng Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
40. Nông Thanh Tùng	Ủy viên Ban Chấp hành
41. Nguyễn Bích Ngọc	Ủy viên Ban Chấp hành
42. Hoàng Đức Hạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
43. Nông Thanh Khoa	Ủy viên Ban Chấp hành
44. Dương Quang Văn	Ủy viên Ban Chấp hành
45. Hoàng Thanh Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
46. Lục Văn Đại	Ủy viên Ban Chấp hành
47. Hoàng Thị Thu	Ủy viên Ban Chấp hành
48. Hà Ngọc Giáp	Ủy viên Ban Chấp hành
49. Thái Hồng Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
50. Sầm Việt An	Ủy viên Ban Chấp hành
51. Nông Thị Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
52. Bé Thanh Tịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
53. Lê Bá Vũ	Ủy viên Ban Chấp hành
54. Tô Vũ Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
55. Vũ Quang Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành
56. Nguyễn Trung Thảo	Ủy viên Ban Chấp hành
57. Đàm Viết Nghị	Ủy viên Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII (2015-2020)

1. Nguyễn Hoàng Anh ¹	Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2. Lại Xuân Môn ²	Bí thư
3. Triệu Đình Lê	Phó Bí thư Thường trực

1. Thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy theo Quyết định số 648-QĐNS/TW ngày 25/12/2017 của Bộ Chính trị. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 5/2015 - 6/2016.

2. Theo Quyết định số 641-QĐNS/TW ngày 22/12/2017 của Bộ Chính trị về phân công giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

4. Hoàng Xuân Ánh	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5. Đàm Văn Eng ¹	Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
6. Nguyễn Bích Ngọc	Ủy viên Ban Thường vụ
7. Nguyễn Thúy Anh	Ủy viên Ban Thường vụ
8. Hà Ngọc Giáp	Ủy viên Ban Thường vụ
9. Tô Vũ Lập	Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đàm Viết Hà	Ủy viên Ban Thường vụ
11. Hoàng Đức Hậu	Ủy viên Ban Thường vụ
12. Nông Thị Hà	Ủy viên Ban Thường vụ
13. Nguyễn Văn Dừa	Ủy viên Ban Thường vụ
14. Dương Quang Văn	Ủy viên Ban Thường vụ
15. Hoàng Văn Hữu	Ủy viên Ban Thường vụ
16. Nguyễn Văn Hồng	Ủy viên Ban Thường vụ
17. Nguyễn Ngọc Toàn ²	Ủy viên Ban Thường vụ
18. Đàm Minh Diện ³	Ủy viên Ban Thường vụ
19. Vũ Hồng Quang ⁴	Ủy viên Ban Thường vụ
20. Bé Thanh Tịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
21. Hoàng Thị Thu	Ủy viên Ban Chấp hành
22. Hoàng Thanh Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
23. Hà Văn Hoài	Ủy viên Ban Chấp hành
24. Trịnh Hữu Khang	Ủy viên Ban Chấp hành

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 7/2016 - 02/2020.

2. Theo Quyết định số 932-QĐNS/TW ngày 15/11/2018 của Ban Bí thư về việc chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

3. Theo Quyết định số 1794-QĐNS/TW ngày 04/02/2020 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

4. Theo Quyết định số 2293-QĐNS/TW ngày 11/8/2020 của Ban Bí thư về chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

25. Nguyễn Trung Thảo	Ủy viên Ban Chấp hành
26. Nông Văn Chấn	Ủy viên Ban Chấp hành
27. Lục Văn Đại	Ủy viên Ban Chấp hành
28. Thái Hồng Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
29. Nguyễn Đăng	Ủy viên Ban Chấp hành
30. Nông Thanh Khoa	Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đàm Viết Nghị	Ủy viên Ban Chấp hành
32. Mã Thanh Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
33. Hoàng Tiến Khang	Ủy viên Ban Chấp hành
34. Đỗ Quang Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
35. Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
36. Vũ Quang Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành
37. Sầm Việt An	Ủy viên Ban Chấp hành
38. Bế Minh Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
39. Nông Thanh Tùng	Ủy viên Ban Chấp hành
40. Lương Văn Hôn	Ủy viên Ban Chấp hành
41. Bàn Thanh Hiền	Ủy viên Ban Chấp hành
42. Hoàng Thị Mỹ Hảo	Ủy viên Ban Chấp hành
43. Nguyễn Lâm Thị Tú Anh	Ủy viên Ban Chấp hành
44. Thẩm Văn Phán	Ủy viên Ban Chấp hành
45. Bế Đăng Khoa	Ủy viên Ban Chấp hành
46. Hà Nhật Lệ	Ủy viên Ban Chấp hành
47. Hoàng Tố Quyên	Ủy viên Ban Chấp hành
48. Đồng Thị Kiều Oanh	Ủy viên Ban Chấp hành
49. Hoàng Văn Thạch	Ủy viên Ban Chấp hành
50. Phạm Văn Cao	Ủy viên Ban Chấp hành
51. Lưu Thu Giang	Ủy viên Ban Chấp hành
52. Nguyễn Thị Hương	Ủy viên Ban Chấp hành
53. Nguyễn Thái Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
54. Nông Văn Đàm	Ủy viên Ban Chấp hành

55. Nông Văn Chiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
56. Bế Xuân Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
57. Ma Thế Tuyết	Ủy viên Ban Chấp hành
58. Công Văn Hưu	Ủy viên Ban Chấp hành
59. Lương Tuấn Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
60. Lê Minh Long ¹	Ủy viên Ban Chấp hành
61. Nguyễn Ngọc Thư ²	Ủy viên Ban Chấp hành
62. Dương Hùng Dũng ³	Ủy viên Ban Chấp hành
63. Lê Hải Hòa ⁴	Ủy viên Ban Chấp hành
64. Đoàn Trọng Hùng ⁵	Ủy viên Ban Chấp hành
65. Nông Tuấn Phong ⁶	Ủy viên Ban Chấp hành
66. Lã Hoài Nam ⁷	Ủy viên Ban Chấp hành
67. Vũ Khắc Quang ⁸	Ủy viên Ban Chấp hành

1. Theo Quyết định số 3-QĐNS/TW ngày 06/5/2019 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

2. Theo Quyết định số 4-QĐNS/TW ngày 06/5/2019 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

3. Theo Quyết định số 5-QĐNS/TW ngày 06/5/2019 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

4. Theo Quyết định số 6-QĐNS/TW ngày 06/5/2019 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

5. Theo Quyết định số 1248-QĐNS/TW ngày 21/5/2019 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

6. Theo Quyết định số 1735-QĐNS/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

7. Theo Quyết định số 1736-QĐNS/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

8. Theo Quyết định số 1737-QĐNS/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

68. Đàm Nghĩa Quân¹ Ủy viên Ban Chấp hành
 69. Vũ Đình Quang² Ủy viên Ban Chấp hành

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG,
 TIỀN KHỞI NGHĨA; BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG;
 THƯƠNG BINH, LIỆT SỸ, NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

- | | |
|---------------------------------|--------------|
| 1. Cán bộ Lão thành cách mạng: | 1.855 |
| 2. Cán bộ Tiên khởi nghĩa: | 599 |
| 3. Bà mẹ Việt Nam anh hùng: | 415 |
| 4. Thương binh: | 3.391 |
| 5. Liệt sỹ: | 6.838 |
| 6. Người có công với cách mạng: | 1.285 |

SỐ LƯỢNG CON EM CAO BẰNG THAM GIA KHÁNG CHIẾN

Thời kỳ	Thanh niên nhập ngũ	Dân quân tự vệ	Du kích	Dân công hỏa tuyến	Thanh niên xung phong
1. Kháng chiến chống thực dân Pháp	7.100	11.931	3.963	78.224	700 <i>(Giai đoạn 1950-1956)</i>
2. Thời kỳ hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc					770 <i>(Giai đoạn 1956-1960)</i>
3. Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	26.862 <i>(Giai đoạn 1965-1975)</i>	42.780		187	540 <i>(Giai đoạn 1972-1975)</i>
4. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975	37.403	81.679		17.885	

1. Theo Quyết định số 1993-QĐNS/TW ngày 07/4/2020 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

2. Theo Quyết định số 2070-QĐNS/TW ngày 24/4/2020 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2015-2020.

TẬP THỂ ANH HÙNG
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

**Tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1930-1954)**

1. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Cao Bằng
2. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Quảng Hòa
3. Nhân dân và Lực lượng vũ trang huyện nhân dân Nguyên Bình
4. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình
5. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình
6. Nhân dân và Lực lượng vũ trang xã nhân dân Tam Kim, huyện Nguyên Bình
7. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Hòa An
8. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hoàng Tung, huyện Hòa An
9. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hồng Việt, huyện Hòa An
10. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bế Triều, huyện Hòa An
11. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Long (nay là xã Hồng Việt), huyện Hòa An
12. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Dân Chủ, huyện Hòa An
13. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Đức Long, huyện Hòa An
14. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Nam Tuấn, huyện Hòa An

15. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng)
16. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Đề Thám, huyện Hòa An (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng)
17. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hưng Đạo, huyện Hòa An (nay là xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng)
18. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Hà Quảng
19. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Trường Hà, huyện Hà Quảng
20. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Nà Sác (nay là xã Trường Hà), huyện Hà Quảng
21. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng
22. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phù Ngọc (nay là xã Ngọc Đào), huyện Hà Quảng
23. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Đào Ngạn (nay là xã Ngọc Đào), huyện Hà Quảng
24. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Kéo Yên (nay là xã Lũng Nặm), huyện Hà Quảng
25. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Thạch An
26. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Canh Tân, huyện Thạch An
27. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Vân Trình, huyện Thạch An
28. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Đức Long, huyện Thạch An
29. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Minh Khai, huyện Thạch An

**Tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)**

1. Tiểu đoàn 33 (Đặc công), Trung đoàn 529, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
2. Đại đội 5, Tiểu đoàn 33 (Đặc công), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

**Tập thể Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1976-1985)**

1. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trùng Khánh
2. Đại đội 2, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Trùng Khánh
3. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình
4. Dân quân xã Hoàng Tung, huyện Hòa An
5. Trung đội 1 dân quân thuộc Đại đội 2, xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa
6. Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 567 (nguyên là Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 567), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
7. Đại đội 1, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 567 (nguyên là Đại đội 1, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 567), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
8. Đại đội 14 (cối 82), Trung đoàn 567 (nguyên là Đại đội 14, Trung đoàn 567), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
9. Đại đội 10, Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 851, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
10. Công an huyện Hòa An
11. Công an huyện Trà Lĩnh (nay là Công an huyện Trùng Khánh)
12. Công an xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh
13. Đồn Biên phòng 167 Sóc Giang, huyện Hà Quảng (nay là Đồn Biên phòng 141 Sóc Giang)
14. Đồn 179 Công an nhân dân vũ trang tỉnh Cao Bằng (nay là Đồn Biên phòng 179 Tà Lùng, huyện Quảng Hòa)
15. Trạm Kiểm soát Cửa khẩu, Đồn Biên phòng 171 Trà Lĩnh, huyện Trà Lĩnh (nay là huyện Trùng Khánh)

**Tập thể anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân
thời kỳ đổi mới (1986-2020)**

1. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang
2. Phòng Bảo vệ chính trị, Công an tỉnh
3. Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh
4. Công an huyện Thạch An
5. Công an huyện Bảo Lạc
6. Đồn Biên phòng 87 Thị Hoa, huyện Hạ Lang

TẬP THỂ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

**Tập thể Anh hùng Lao động
thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1976-1985)**

1. Tổ cơ khí sửa chữa tời dây (thuộc Phân xưởng tuyển khoáng, mỏ thiếc Tĩnh túc, Bộ Cơ khí và Luyện kim)
2. Hợp tác xã Thành Công, huyện Nguyên Bình

Tập thể Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (1986-2020)

1. Nhân dân và cán bộ xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa
2. Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh
3. Trường trung học cơ sở Hợp Giang, thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng)

**CÁ NHÂN ANH HÙNG
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN**

**Cá nhân Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1930-1954)**

Họ và tên	Năm sinh	Quê quán
1. Hoàng Đình Giông	1904	Phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng
2. Nông Văn Dền (Kim Đồng)	1929	Xã Trường Hà, huyện Hà Quảng
3. Đàm Văn Ngụy	1927	Xã Minh Khai, huyện Thạch An
4. Lộc Văn Trọng	1908	Xã Chí Thảo, huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa)
5. Bé Văn Đàn	1931	Xã Triệu Ấu, huyện Phục Hòa (nay là xã Bé Văn Đàn, huyện Quảng Hòa)
6. Lý Việt Mưu	1934	Xã Độc Lập, huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa)
7. Phùng Văn Khầu	1930	Xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh
8. La Văn Cầu	1932	Xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh
9. Triệu Văn Báo	1932	Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh
10. Hoàng Văn Nô	1932	Xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh

**Cá nhân Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)**

Họ và tên	Năm sinh	Quê quán
1. Nông Văn Việt	1938	Xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh
2. Hoàng Văn Thượng	1948	Xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh
3. Hoàng Văn Nghiên	1939	Xã Ngũ Lão, huyện Hòa An
4. Triệu Xuân Tân	1942	Xã Quốc Dân (nay là xã Phúc Sen), huyện Quảng Hòa
5. Bế Văn Thành	1946	Xã Hồng Quang, huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa)
6. Phan Thanh Quyết	1950	Xã Hồng Định (nay là xã Hạnh Phúc), huyện Quảng Hòa
7. Trịnh Trọng Thập	1951	Xã Cai Bộ, huyện Quảng Hòa
8. Hoàng Văn Cón	1944	Xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng
9. Bế Văn Cẩm	1945	Xã Trường Hà, huyện Hà Quảng

**Cá nhân Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1976-1985)**

Họ và tên	Năm sinh	Quê quán
1. Hoàng Văn Quân	1928	Xã Nam Tuấn, huyện Hòa An
2. Hoàng Đình Hợp	1930	Xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh
3. Hoàng Văn Khoáy	1945	Xã Thụy Hùng, huyện Thạch An
4. Dương Đức Thùng	1954	Xã Quốc Toản, huyện Trà Lĩnh (nay là huyện Quảng Hòa)
5. Trương Hữu Dem	1954	Xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình

CÁ NHÂN ANH HÙNG LAO ĐỘNG

**Cá nhân Anh hùng Lao động
thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1976-1985)**

Họ và tên	Năm sinh	Quê quán
1. Bàn Thượng Đức	1932	Xã Thành Công, huyện Nguyên Bình
2. Hoàng Thị Miên	1942	Xã Quang Long, huyện Hạ Lang

Cá nhân Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (1986-2020)

Họ và tên	Năm sinh	Quê quán
1. Nguyễn Khánh Quắc	1942	Xã Hoàng Tung, huyện Hòa An

**SỐ LƯỢNG ĐẢNG VIÊN
ĐƯỢC TẶNG HUY HIỆU TUỔI ĐẢNG**

Số năm tuổi Đảng	Số lượng đảng viên
30 năm	9.720
40 năm	6.879
45 năm	2.816
50 năm	4.109
55 năm	810
60 năm	665
65 năm	315
70 năm	112
75 năm	3

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t. 1, 5, 6, 7, 21, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 9, 10, 12, 13, 15, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phân II từ 20 đến 29-3-1961*, tài liệu lưu tại Kho lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIII*, in tại Nhà máy in Thống nhất, Hà Nội, 1992.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XIV (1996-2000)*, in tại Xí nghiệp Bản đồ Lâm nghiệp, Hà Nội, 1996.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XV (2001-2005)*, in tại Xí nghiệp in Việt Lập, Cao Bằng, 2001.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XVI (2006-2010)*, in tại Xí nghiệp in Việt Lập, Cao Bằng, 2006.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XVII (2010-2015)*, in tại Công ty cổ phần in Việt Lập, Cao Bằng, 2010.
9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XVIII (2015-2020)*, in tại Công ty cổ phần in Việt Lập, Cao Bằng, 2016.

10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử Đảng bộ Cao Bằng (1930-2000)*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
11. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thông Nông: *Lịch sử Đảng bộ huyện Thông Nông (1930-2000)*, 2008.
12. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Lạc: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Lạc (1930-2005)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2010.
13. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Lâm: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Lâm (1930-2005)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2010.
14. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nguyên Bình: *Lịch sử Đảng bộ huyện Nguyên Bình (1930-2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
15. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hà Quảng: *Lịch sử Đảng bộ huyện Hà Quảng (1930-2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
16. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phục Hòa: *Lịch sử Đảng bộ huyện Phục Hòa (1930-2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
17. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trùng Khánh: *Lịch sử Đảng bộ huyện Trùng Khánh (1930-2005)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
18. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Quảng Uyên: *Lịch sử Đảng bộ huyện Quảng Uyên (1930-2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.
19. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cao Bằng: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Cao Bằng (1930-2012)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.

20. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thạch An: *Lịch sử Đảng bộ huyện Thạch An (1930 -2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
21. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hòa An: *Lịch sử Đảng bộ huyện Hoà An (1930-2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
22. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hạ Lang: *Lịch sử Đảng bộ huyện Hạ Lang (1930-2015)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.
23. Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Cao Bằng: *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên tỉnh Cao Bằng (1930-2000)*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2002.
24. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng: *Hoàng Đình Giong - Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng (1904-1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
25. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng: *Lịch sử Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.
26. *Báo Cao Bằng (ra hằng tuần)*, số 150 ra ngày 03/10/1963, tài liệu lưu tại kho lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.
27. *Báo Cao Bằng*, các số ra ngày 20/9/1969 và ngày 08/10/1969, tài liệu lưu tại Thư viện tỉnh Cao Bằng.
28. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng: *Lực lượng vũ trang Cao Bằng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1976-2000)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
29. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử Quân sự Việt Nam, tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.

30. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử Quân sự Việt Nam*, tập IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
31. Chi cục Thống kê Cao Bằng: *Số liệu thống kê tình hình phát triển kinh tế và văn hoá trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961-1965*, hồ sơ số 555, phòng Khu tự trị Việt Bắc, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
32. Chi cục Thống kê Cao Bằng: *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch của ngành kinh tế - văn hoá - xã hội năm 1960-1967*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
33. Đảng uỷ - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng (1959-2009)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2009.
34. GS. Đinh Xuân Lâm, TS. Bùi Đình Phong: *Hồ Chí Minh - Văn hóa và đời mới*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1998.
35. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Tỉnh uỷ Cao Bằng: *Kỷ yếu hội thảo Chiến thắng Đường số 4 và chiến dịch Biên giới*, 2000.
36. Học viện Chính trị hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
37. Học viện Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dựng nước và giữ nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
38. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử phong trào phụ nữ tỉnh Cao Bằng (1930-2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
39. Liên đoàn Lao động tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn tỉnh Cao Bằng (1896-2008)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2008.
40. Nhiều tác giả: *Bác Hồ về nước*, Hội Văn học - Nghệ thuật Cao Bằng xuất bản, 1986.

41. Sở Giao thông vận tải Cao Bằng: *Lịch sử Giao thông vận tải Cao Bằng*, Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội, 1999.
42. Tỉnh ủy Cao Bằng: *Bác Hồ với căn cứ địa cách mạng Cao Bằng*, 1995.
43. Tỉnh ủy Cao Bằng: *Lịch sử Cách mạng Tháng Tám tỉnh Cao Bằng*, 1995.
44. Tỉnh ủy Cao Bằng - Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, 1995.
45. Tỉnh ủy Cao Bằng, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường Cao Bằng: *Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Cao Bằng (1941-1945)* (Kỷ yếu hội thảo khoa học - thực tiễn), 1995.
46. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Bộ Tư lệnh Quân khu 1 - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam miền đất khai sinh và quá trình phát triển*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.
47. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng* (quyển I), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
48. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng* (quyển II), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
49. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng* (quyển III), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
50. Tỉnh ủy Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử cổ trung đại Cao Bằng* (Kỷ yếu hội thảo khoa học), Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng xuất bản, 2000 (in tại Xí nghiệp in 15 Bộ Công nghiệp).

51. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
52. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Viện Sử học: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học xác định ngày thành lập tỉnh Cao Bằng*, 2006.
53. Tỉnh ủy Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
54. Tỉnh ủy Cao Bằng - Bảo tàng Hồ Chí Minh: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
55. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng (1930-2003)*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2004.
56. Tỉnh ủy Bắc Kạn: *Bắc Kạn với chiến khu Việt Bắc Thu - Đông 1947*, 1997.
57. Trương Hữu Quýnh (chủ biên), Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh: *Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập I, II, III*, Nxb. Giáo dục. Hà Nội, 1998.
58. *Cao Bằng lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng (1930-1954)*, in tại Nhà in Báo Hà Nội mới, Hà Nội, 1990.
59. *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.
60. *Báo cáo tổng kết 03 năm chống Mỹ cứu nước (1966-1968) và phương hướng nhiệm vụ 2 năm 1969-1970 của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng* (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ VII), tài liệu lưu tại Kho lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.
61. Dự án Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ VI về kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961-1965 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, tài liệu lưu tại Kho lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời giới thiệu</i>	7
Chương mở đầu	
KHÁI QUÁT VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI, TÌNH HÌNH CAO BẰNG	11
Chương I	
ĐẢNG BỘ CAO BẰNG ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1930-1940)	39
I. Đảng bộ Cao Bằng được thành lập và lãnh đạo nhân dân đấu tranh (1930-1935)	39
II. Đảng bộ Cao Bằng lãnh đạo đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ (1936-1940)	58
Chương II	
LÃNH TỤ NGUYỄN ÁI QUỐC VỀ NƯỚC TRỰC TIẾP LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1941-1945)	81
I. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc (1941 - 4/1945)	81
II. Lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiến hành Tổng khởi nghĩa Tháng Tám (5/1945 - 12/1945)	135

Chương III

**ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG,
CỦNG CỐ HẬU PHƯƠNG CÙNG CẢ NƯỚC
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1946-1954)**

165

I. Lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp, giải phóng Cao Bằng (1946-1950)

165

II. Lãnh đạo củng cố hậu phương cùng cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1951-1954)

240

Chương IV

**ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT
(1955-1965)**

269

I. Lãnh đạo nhân dân khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1955-1960)

269

II. Lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

296

Chương V

**ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO
NHÂN DÂN XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG,
GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC THẮNG LỢI
(1966-1975)**

335

I. Lãnh đạo xây dựng hậu phương xã hội chủ nghĩa, góp phần cùng cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện cho tiền tuyến (1966-1972)

335

II. Lãnh đạo củng cố hậu phương vững mạnh, ra sức chi viện cho cách mạng miền Nam giành thắng lợi (1973-1975)

399

Chương VI	
ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1985)	
	426
I. Lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1976-1980)	426
II. Lãnh đạo khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia (1981-1985)	467
Chương VII	
ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI 1986-2000	
	496
I. Lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc đổi mới (1986-1990)	496
II. Lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện (1991-1995)	518
III. Lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2000)	543
Chương VIII	
ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (2001-2010)	
	575
I. Lãnh đạo đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (2001-2005)	575
II. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2006-2010)	611
Chương IX	
ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN, TẠO THỂ VÀ LỰC MỚI TRÊN CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN (2011-2020)	
	652
I. Lãnh đạo xây dựng nông thôn mới, mở rộng hội nhập quốc tế (2011-2015)	652
II. Lãnh đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tạo thể và lực trên con đường phát triển (2016-2020)	697
Kết luận	753
Phụ lục	773
Tài liệu tham khảo	819

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
TRẦN THỊ THANH PHIỆT
ThS. HOÀNG NGỌC ĐIỆP
ThS. ĐÀO DUY NGHĨA
Trình bày bìa: NGÔ VŨ TUẤN ANH
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ VÂN HÀ
Sửa bản in: TRẦN THỊ THANH PHIỆT
HOÀNG NGỌC ĐIỆP
ĐÀO DUY NGHĨA
Đọc sách mẫu: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

In 1.100 cuốn, khổ 16x24 cm, tại Xí nghiệp In Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.

Địa chỉ 128C/22 Đại La, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số đăng ký xuất bản: 3177-2020/CXBIPH/19-326/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 5315-QĐ/NXBCTQG, ngày 01/10/2020.

Mã số ISBN: 978-604-57-5956-1.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2020.